

làng văn

137

Tháng 1.96



Mừng Xuân Bính Tý - 1996

Nha-sĩ **NGUYỄN VĂN CHÂU**
 Nha-sĩ **NGUYỄN LÊ HOÀNG HÙNG**
 1427 Pie-IX, Montréal H1V 2C2
 Tel: (514) 523-0858

Nha-sĩ **NGUYỄN TRẦN YÊN PHONG**
 Nha-sĩ **GERALD RUDICK**
 . Thăm-mỹ, trám, giải-phẫu,
 răng giả, rút gân, v.v.
 . ĐẶC-BIỆT:
 Trồng răng trong xương (Implant)
 . **Khẩn-cấp: 7 ngày & đêm: 5 nha-sĩ trực**
ĐT: 342-4444 (24 giờ)
 3546 Van Horne (góc Côtes des Neiges)

Nha-sĩ **NGUYỄN CHÍNH CƯỜNG**
 Nha-sĩ **VÕ THỊ LAN-ĐÀI**
 Chirurgen Dentiste
 Clinique Médicale RACHEL
 4298 Rue St-Denis, Montréal
 Iau hai, phòng 04
 (Métro Mont-Royal hoặc Bus 30)
ĐT: (514) 849-1038

Nha-sĩ **ĐÌNH THÁI NHÂN**
 Nha-sĩ **TRẦN THÙY TRANG**
 Chirurgen Dentiste
 Clinique Dentaire Đình & Trần
 6075 chemin Chambly
 St-Hubert, Qué. J3Y 3K6
ĐT: (514) 445-6466



BROSSARD
NHA-SĨ

Dr. **HOA T. NGO, D.M.D.**
 CHIRURGIENNE DENTISTE
 7505 Boul. Taschereau, Suite 111
 (đối-diện RENO DÉPÔT)
Tél: (514) 926-8000

ECOLE DE CONDUITE
V. THANH Inc.

 4781 Av. Van Horne, #207
 Tél: (514) 737-2779
 (ngoài giờ, gọi: 514-733-9624)
 . Dạy giờ, dạy bao, dạy toàn-khóa . Bảo
 đảm đến khi đậu . Thi lấy bằng chính
 thức bằng tiếng Việt . Có lớp cho người
 Hoa, Anh, Pháp,... *Vũ Tảo kính mời.*

ALCO

INFORMATIQUE INC.
 67 Ste-Catherine Ouest, Suite 200
 Montréal, Québec H2X 1Z7
(514) 843-3155
 Giá tốt - Phục vụ hữu hiệu - Uy tín

Luật-sư / Avocat
LƯƠNG VĂN TUẤN
 1114 Beaubien Est, Suite 206, Montréal
 Tél: (514) 272-0503 - Fax: (514) 270-1143

Chưởng-khế / Notaire
NGUYỄN THANH TUYỀN
 511 Place d'Armes, Suite 300, Montréal
 Tél: (514) 287-1149 - Fax: (514) 288-8697

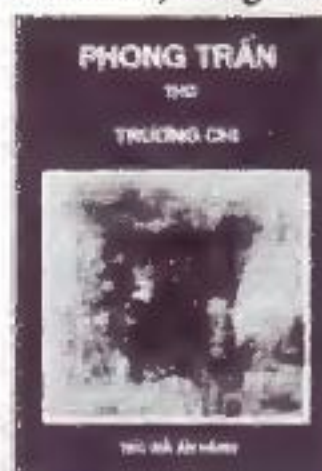
Văn-phòng Bảo-hiểm và Dịch-vụ
NGUYỄN BÁ DĨNH
 4860 Circle Rd., Montréal, H3W 1Z4
 Tel: **482-9153**

ASIEBEC
 Công-ty Địa- ốc
 Mua nhà & Bán nhà
 Cơ-sở thương mại
ĐÌNH VŨ
 (Victor)
(514) 942-9970
 REALTIES

CHUYÊN-VIÊN TÀI-CHÁNH &
 BẢO-HIỂM NHÂN-MẠNG
Châu Võ Thành Tường, B.Sc., A.A.C.
 279 Place de la Poudrière
 Verdun. Qc. H4G 3K5
 (Métro Lasalle)
 Tel: (514) 767-2874

CƠ-HỘI KIỂM TIỀN ĐỂ TỰ-CHỦ
 Bạn muốn có một cơ-hội kiểm tiền tại nhà hoặc
 apartment? Một phương-pháp thương-mại mới,
 cần rất ít vốn, phát-triển tại Mỹ và Canada. Bạn có
 thể khởi đầu part-time trong khi giữ công việc của
 bạn đang làm. Lợi-tức dự-trù \$2000 - \$5000 mỗi
 tháng. Chúng tôi có thể giúp bạn đạt được ý
 nguyện. Muốn có thêm chi-tiết, xin liên-lạc:
Anh ĐĂNG, Phone: (514) 678-2936
Fax: (514) 678-0978

*Bạn đã đọc thi-tập đầu tay của Trương Chi
 trữ tình, lãng-mạn, 3 phụ-bản màu tuyệt đẹp*



Liên-lạc:
TRƯƠNG CHI
 1750 Cr. Rousseau
 Brossard, J4X 1S7
 CANADA
 Ấn-bản 1995
 Canada: 10\$
 Nơi khác: 10\$US

Vidéo Việt-Hoa
 2170 Frontenac, Montréal - Tél: (514) 528-1473
 Cho thuê phim Việt & Hoa - Bán sách
 báo, băng nhạc, cassette, CD, v.v.

Phát-hành tháng 1.1996
 hai băng thiển đầu-tiên của **NGUYỄN PHONG**
 tạp-chí Làng Văn Canada thực-hiện và phát-hành



BÊN KIA CỬA TỬ
 và
TỬ THƯ TÂY-TẠNG

qua giọng đọc **NGUYỄN HƯƠNG & NGUYỄN HỮU NGHĨA**

giá mỗi cuốn 6 mỹ-kim (mua hai cuốn cùng lúc: 10 mỹ-kim)
 Liên-lạc: Làng Văn, P.O. Box 218 Station "U", Toronto, Ontario M8Z 5P1, Canada



*Trước thêm năm mới,
trang-trọng kính chúc
quý thân-hữu và độc-giả
vạn sự tốt lành*

Tòa-soạn và ban biên-tập Làng Văn
Xuân Bính Tý 1996

làng văn

P.O. Box 218, Station "U" Canadian Publications Mail Product Sales Agreement #461709
Toronto, Ont., M8Z 5P1, Canada Published 12 times a year
(Publications Class Mail Reg. No: 8040)
Tel: (905) 607-8010 / Fax: (905) 607-8011 ISSN: 0832-1922 - LDN: 310578

Volume 13 - No 137 - January 1996

Bộ 13 - số 137 - tháng 1, 1996

TRONG SỐ NÀY:

Tin văn.....	3
Trong làng.....	6
Vén màn bí-mật vụ in trộm tập thơ của Nguyễn Chí Thiện.....	8
Tin tị-nạn.....	9
Tin Việt-nam.....	13
Câu chuyện trời Âu, Phan Nguyễn Minh Minh.....	15
Phù-tang tạp-lục, Vi-An.....	19
Tin văn xứ người, Nguyễn Nhận Sơn.....	21
Cuối năm tổng-kết chuyện Cali, Người Cali.....	30
Vạn sắc Xuân, thơ Thúy Sơn.....	33
Ngày Xuân bàn chuyện đánh đề, Lê Văn Lân.....	34
Chuyện một người lính và mùa Xuân, thơ Cao Hoàng Nhân.....	37
Thơ: Tình tháng Chạp, Vĩnh Hoà Hiệp; Tin Xuân, Phan Long Yên.....	38
Năm chuột chuyện chuột: Kẻ yêu người ghét, Zeng Sen.....	39
Mùa chim én, thơ Nguyễn Văn Thủy.....	42
Bùa, Lê Văn Lân.....	43
Mùa Xuân dốc nghiêng, Việt Phương.....	49
Bao giờ em có mùa Xuân, thơ Trần Ngân Tiêu.....	50
Đoạn trường tân thanh, thơ Trần Văn Lệ.....	52
Thơ: Người đi, BHT; Hồn tôi xanh mãi Xuân xưa, N.V.Cường.....	55
Câu ô-thước tháng giêng, Ngô Nguyên Dũng.....	56
Gặp-gỡ cuối năm, Đông Nghi.....	62
Hoa sa-mạc, thơ Cung Vũ.....	64
Lương-tâm, Vũ Tiến Dũng.....	69
Những ngôi nhà ở Bonny Rigg, thơ Lâm Hảo Dũng.....	70
Nhớ người năm xưa, Hoàng Nga.....	73
Chữ nghĩa truyện Kiều, Hồng Huy.....	77
Xóm măng: Hậu Tám Cầm, Ngô Nguyên Dũng.....	85
Xóm cũ 1: Những phiên chợ Tết, Diên Khánh.....	86
Chờ mưa ở Antibes, thơ Phan Các Chiêu Hằng	
Vụn vặt mùa xuân, thơ Ông Thế Hùng.....	88
Tết quê người, thơ E.P.....	90
Xóm cũ 2: Nhớ về làng xưa, Huy Vũ.....	91
Tiếng kêu của máu, Hoàng Hải Thủy.....	97
Thêm mùa xuân lưu-vong, thơ Vạn Giã.....	101
Cuộc đời vô-dịnh, Tống Minh Long Quân.....	103
Hoa trôi trên sóng nước, Nguyễn Phong.....	109
Độc-giã thối mắc, Bút Chì.....	114
Chuyện lạ xứ người: đĩa bay, Nguyễn Nhận Sơn.....	115
Hồ-sơ Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại: Tường-trình.....	120
Nghị-quyết, Thông-cáo: so-sánh.....	122
Văn Bút V NHN trong cơn bệnh ngặt, Nguyễn Hữu Nghĩa.....	124
Đêm lửa cháy ở bản thổ, thơ Cao Mỹ Nhân.....	128
U-tích, Cho Los, thơ Nghiêu Minh.....	130
Tài-liệu: Hồ-sơ Nguyễn Chí-Thiện.....	131
Diễn-dàn: Tác-giả "Trò Đạo-đức" lên tiếng.....	134
Thư đi tin lại, Nguyễn Hương.....	136

Bìa: Xuân liên, thủy-thái-họa của Vi-Vi

Chủ-nhiệm: Nguyễn Hương
Chủ-bút: Nguyễn Hữu Nghĩa & Nguyễn Hương
Tổng Thư-ký: Hồ Trường An

Ban biên-tập:

Bút Chì - Cao Tiêu - Diên Khánh - Đan Quế
Đào Trường Phúc - Hoàng Chính - Hoàng Hải Thủy
Hoàng Nga - Hồng Huy - Kiên Trung - Kha Huyền
Lăng Nhân - Lâm Hảo Dũng - Lê Văn Lân
Ngô Nguyên Dũng - Nguyễn Hưng - Nguyễn Phong
Nguyễn Bá Đình - Nguyễn Huy Phước
Nguyễn Mạnh An Đan - Nguyễn Nhận Sơn
Nguyễn Văn Ngọc - Nguyễn Văn Thông
Phạm Quang Ngọc - Phan Nguyễn Minh Minh
Tự Tình - Thái Văn Kiềm - Tống Minh Long Quân
Tuyết Nga - Trần Văn Tích - Văn Nương - Vi An

Cộng-tác:

Bạch Thái Hà - Cao Hoàng Nhân - Cao Xuân Lý
Diệu Tân - Dương Kim - Đan Hà - Đặng Văn Nhân
Đặng Thị Quế Phương - Đoàn Tam
Đỗ Khánh Hoan - Đông Nghi - Hà Huyền Chi
Hoàng-Du Thủy - Hồ Công Tâm - Huỳnh Liễu Ngân
Hứa Hoàng - Lâm Thúy - Lê Hữu Mục - Lê Thủy Vi
Lê Xuân Nhị - Nam Chi Thượng Nhân
Ngô Du-Trung - Nguyễn Hương (Dallas)
Nguyễn Nghĩa - Nguyễn Duy Tâm - Nguyễn Đức Lập
Nguyễn Đức Tùng - Nguyễn Ngọc Ngạn
Nguyễn Văn Ba - Nguyễn Hải Hà
Nguyễn Hữu Nhật - Nguyễn Thị Vinh - Nguyễn Tư
Nguyễn Việt - Ông Thế Hùng - Phạm Hoàng Hồ
Phạm Thăng - Phan Các Chiêu Hằng - Phan Thịnh
Phùng Nhân - Quỳ Hương - Sơn Tùng
Thanh Hữu Huyền - Thủy Trang - Thủy Sơn
Trần Ngân Tiêu - Trần Mộng Lâm - Trần Quang Hải
Trần Thiện Hiệp - Trần Văn Lệ - Trịnh Gia Mỹ
Trương Mỹ Văn - TT Máy Trên Ngàn - Vạn Giã
Vi Vi - Việt Chì - Việt Phong - Việt Phương
Việt Thao - Vĩnh Hảo - Võ Phiến - Vũ Tiến Dũng
Xuân Tước

Minh-họa: Nguyễn Nhật Tân

Góp tranh: Babul - Hiếu Đệ - Hồ Đức Vũ
Nguyễn Khai - Nguyễn Đồng - Nguyễn Thị Hợp
Thái Tuấn - Vi Vi - Vũ Thái Hòa

Góp ảnh: Lê Quang Xuân - Cung Vũ

Đại-diện địa-phương:

Pháp: Bạch Thái Hà	Úc: Phạm Quang Ngọc
Đức: Ngô Việt Dũng	Hoa-lan: Hồ Thị Chiến
Na-uy: Dương Kim	Quêbec: Nguyễn Bá Đình
Hoa-kỳ: Trương Sĩ Lương	
Việt Phương (Texas) - Võ Thắng Tiết (Nam California)	
Linh Phương (Florida) - Nguyễn Hùng (Bắc California)	
Nguyễn Huy Phước (New Jersey & Philadelphia)	

Tri-ân các cộng-tác-viên quá-có: Thanh Nam, Trần Cao
Lĩnh, Tử-Vi Lang, Bình Nguyễn Lộc, Nguyễn Tấn Nhiên,
Kính Tân, Phạm Văn Cương, Lê Thao Chuyên, An Khê, Ngọc
Khôi, Trương Ái Minh.

GIÁ BÁO BÁN LẺ, SỐ 137 XUÂN:

Gia-nhà-đại: 6 gia-kim; Hoa-kỳ: 6 mỹ-kim;
Pháp: 60F; Úc: 12\$; Bắc Âu: 50 krone;
Nhật: 1.000 yen; các nước khác: 8 mỹ-kim
Thẻ-lệ mua báo: trang 135
Giá quảng-cáo: trang 120



Ký thoả hiệp hoà bình ở Paris Quân đội Hoa Kỳ và NATO vào Bosnia

Năm 1995 qua đi với tiếng thở ra nhẹ nhõm của Âu châu và các quốc gia tự coi là có trách nhiệm bảo vệ hoà bình thế giới. Cuộc chiến tranh chủng tộc rùng rợn nhất Âu châu tính từ đại chiến thứ hai đến nay tại Bosnia đã được tạm coi là xong. Sau nhiều dự dõ và đe nẹt, thế giới đã ép được các phe tham chiến ký thoả hiệp hoà bình ngày 14.12.95. Thoả hiệp được hình thành ở Dayton, Hoa Kỳ từ tháng trước nhưng các phe rủ nhau đem sang ký ở tận Paris. Trước sự chứng kiến của nhiều lãnh tụ siêu cường, Tổng thống Serbia Slobodan Milosevic, Tổng thống Croatia Franjo Tudjman và Tổng thống Bosnia Alija Izetbegovic đã ký tên vào văn bản ngưng bắn.

Để giúp những điều khoản được thoả hiệp trở thành hiện thực, các siêu cường sẽ đổ vào khu vực Ba nhĩ cán nhiều công và của. Sáu mươi ngàn binh sĩ của 32 quốc gia sẽ vào Bosnia để làm nhiệm vụ lập và giữ hoà bình. Trong số quân quốc tế, lực lượng của Hoa Kỳ đông nhất (20 ngàn quân), Tổng thống Clinton đã vất vả lắm mới thuyết phục được Quốc hội cho phép đưa quân sang Bosnia. Dân Mỹ sợ sa lầy, và có vẻ chuyện sẽ diễn ra như thế lắm, Clinton hứa lính Mỹ sẽ chỉ ở Bosnia trong một năm, chuyện này coi bộ không dễ. Ngân hàng Thế giới dự tính sẽ phải tốn hao khoảng 5 tỷ Mỹ kim để tái thiết vùng đất bị tàn phá và vực dậy nền kinh tế khu vực, số tiền này chưa tính khoản chi

phí tái định cư 2,7 triệu dân tị nạn. Hoa Kỳ được đề nghị chia 1/3 số tiền tái thiết, 2/3 còn lại do các nước Âu châu và một số quốc gia Hồi giáo gánh. Tuần tới, quốc tế sẽ nhóm họp ở Đức để thảo luận chế độ kiểm soát vũ khí trong vùng. Tổ chức An Ninh và Hợp tác Âu châu sẽ phụ trách công tác kiểm soát vũ khí và chuẩn bị bầu cử.

Kế hoạch của quốc tế rất quy mô. Nhưng thực hiện có xong hay không và liệu hoà bình tồn tại được bao lâu là tùy vào các sắc dân. Giữa phe Serb và Liên minh Croat-Hồi giáo những kỳ thị lâu đời cộng với những thù hận chồng chất thêm sau gần ba năm chém giết lẫn nhau không dễ tan biến. Liên minh Croat và Hồi giáo cũng không phải là một mối quan hệ bền chặt gì. Thoả hiệp hoà bình không có điều khoản nào đụng chạm đến quân đội ba phe. Chuyện họ lại đánh nhau không phải là khó xảy ra.

Pháp: Thủ tướng Juppé nhượng bộ, đình công dứt

Cuộc đình công vĩ đại nhất nước Pháp tính từ 1968 đến nay đã chấm dứt vào trung tuần tháng 12. Các công nhân hỏa xa đã đi làm lại, người dân Paris đã có buýt, xe lửa và xe điện đi lại. Thủ tướng Alain Juppé đã chấp nhận nhượng bộ, rút lại các biện pháp cải tổ hệ thống hưu bổng và cải tổ ngành đường sắt quốc gia. Phe nghiệp đoàn coi đây là thắng lợi của cuộc đấu tranh giữa giới công nhân chống lại giai cấp thống trị, phe Juppé lại xem sự nhượng bộ là một bước "di tản chiến thuật". Chính phủ

không từ bỏ kế hoạch cải tổ hệ thống an sinh xã hội Pháp (nhằm giải quyết gánh nặng thâm thủng 60 tỷ quan Pháp trong hai năm). Việc cải tổ ngành đường sắt và quỹ hưu bổng có quan trọng, nhưng để ít lâu nữa cũng chưa sao.

Cuộc đình công chấm dứt nhưng cuộc đối đầu giữa các nghiệp đoàn công chức và chính phủ chưa xong. Phe nghiệp đoàn tiếp tục tổ chức những cuộc xuống đường hàng triệu người đòi hỏi chính phủ từ bỏ chủ trương cải cách và kiềm ước. Juppé cương quyết nói chỉ có thể nhượng đến thế thôi. Tạm thời, khi Tổng thống Chirac còn ủng hộ ông, Jupé còn vững nhưng nếu các cuộc đình công còn tiếp diễn, chắc chắn chính phủ sẽ đổ. Chirac thà thay Thủ tướng hơn đổi chủ trương.

Bầu cử Quốc Hội ở Nga, Cộng sản đội mồ sống dậy

Những khó khăn của thời kỳ chuyển tiếp từ cộng sản sang kinh tế tư bản đã làm khổ dân Nga và tạo cơ hội cho phe cộng sản có cơ hội đội mồ sống dậy như ở nhiều nước Đông Âu trong thời gian gần đây. Một số không nhỏ dân Nga, sau hơn năm mươi năm sống theo kiểu làm việc quá sức để nhận tem phiếu, phân phối, ưu tiên... đã thấy quá khổ với tự do, phải làm thật, giỏi thật mới có ăn, đã ủng hộ những ứng cử viên gốc cộng sản cũ trong cuộc bầu cử viện Duma trung tuần tháng 12.95. Như những gia súc quen được nuôi ăn, họ đồng ý với chủ trương thôi cải cách kinh tế và "dựng lại Liên xô vĩ đại" của những ứng cử viên CS.

Trong cuộc bầu cử kỳ này (lần thứ hai từ sau ngày CS đổ) phe CS lại có thêm một lợi thế. Họ có cơ hội chiếm đa số trong Quốc hội vì các phe đối lập chia rẽ quá cỡ. Có tới 43 đảng giành nhau, phần lớn các đảng đều có hậu thuẫn ma, đều mua chuộc cho đủ 200 ngàn chữ ký để đủ điều kiện đăng ký tư cách và đưa người ra tranh cử. Lá phiếu bầu cử to bằng tờ báo, chi chít tên và dấu hiệu. Theo những kết

quả bước đầu, phe CS đã được đa số, phe của chính trị gia ba trợn Vladimir Zhirinovskiy (người đề nghị chế tạo những quạt máy khổng lồ để quạt bay bụi nguyên tử sang các nước láng giềng) không được bao nhiêu phiếu. Đảng của Thủ tướng Viktor Chernomyrdin cũng không được nhiều người ưa.

Nhiều người vẫn lạc quan về tình hình Nga, cho dù phe CS cũ có thắng trong cuộc bầu cử quốc hội kỳ này. Viện Duma không có nhiều quyền lực như Quốc hội Mỹ, quyền hành tại Nga hầu như tập trung trong tay Tổng thống. Yeltsin vừa tuyên bố sẽ không lùi bước trong công cuộc cải cách nước Nga.

Chechnya tiếp tục kháng chiến chống Nga

Kỷ niệm một năm ngày Mạc tư khoa can thiệp vào Chechnya, hàng ngàn dân chúng thủ đô Gorzny đã xuống đường biểu tình chống đối. Những hoạt động phá hoại bùng nổ, Thủ tướng bù nhìn Doku Zavgayev bị mưu sát. Quân kháng chiến Chechnya đe dọa sẽ tiếp tục tổ chức những vụ khủng bố phá hoại chẳng những tại Chechnya mà luôn cả trên lãnh thổ Nga như họ đã làm hồi tháng Sáu vừa qua tại thành phố Budyonnovsk. Vụ tấn công mới nhất vào quân Nga xảy ra ngày 14.12, quân du kích tấn công và chiếm đóng một phần của thành phố Gudermes, cách Grozny 32 cây số, làm 12 lính Nga thiệt mạng. Chiến sự cũng diễn ra tại các thành phố Novogroznensky và Shatoi.

Hai bên đã ký thoả hiệp ngưng bắn (sau vụ Budyonnovsk), theo đó quân Nga phải rút về và quân Chechnya phải giao nộp vũ khí. Thế nhưng cho đến nay du kích đã tấn công quân Nga hàng ngàn lần, ngược lại, quân Nga cũng liên tiếp pháo kích và càn quét các vùng tình nghi có du kích.

Lãnh tụ Dudayev nhận định về cuộc bầu cử dự định vào ngày 17.12 để bầu người lãnh đạo mới ở Chechnya là một trò rở tiền nhằm hợp

pháp hóa quyền thống trị của Nga tại Chechnya và tuyên bố "không có bầu cử gì hết cho đến khi tên xâm lược Nga cuối cùng rời khỏi Chechnya."

Ba-lan: Lech Walesa thất-cử tổng thống

Người hùng của Công đoàn Đoàn Kết, người có công lớn trong việc gỡ ách Cộng sản cho Ba Lan và có thể nói cho cả Đông Âu, đã bại trận trong cuộc bầu cử Tổng thống cuối tháng 11.95. Người đánh bại Lech Walesa là một cựu bộ trưởng trong chính phủ cộng sản cuối cùng ở Ba Lan. Chính trị gia Aleksander Kwasniewski, 41 tuổi (thuộc đảng Dân Chủ Xã Hội, một đảng xây dựng lại từ những mảnh vụn của đảng Cộng sản Ba Lan cũ) đã thắng cử. Có người nhận định rằng "không phải Kwasniewski thắng mà là Walesa đã thua". Trong cuộc vận động trước bầu cử, Lech Walesa đã quá thô lỗ và cao ngạo, trong lúc đó, Kwasniewski biết vận động theo kiểu Mỹ, xuất hiện trước công chúng rất tươi tắn, hấp dẫn, dí dỏm, khiêm nhượng nhưng tự tin.

Điều may mắn cho dân Ba Lan là Kwasniewski thắng là nhờ chủ trương nhìn về tương lai của ông ta chứ không phải dựa trên lời hứa hẹn sẽ...tái lập chủ nghĩa CS ở trong nước. Kwasniewski cam kết sẽ tiếp tục cải cách kinh tế, tăng cường quan hệ với Âu châu và thế giới, đưa dân Ba Lan khỏi những vất vả của một xã hội lạm phát, thất nghiệp trầm trọng và đầy đầy tội ác.

Do thái tiếp tục rút khỏi Palestine

Thủ tướng Shimon Peres đang nhất quyết thực hiện công trình hoà bình của cố Thủ tướng Itzak Rabin tại Trung đông. Trong tháng, Do Thái đã giao lại cho Cơ quan Quyền Lực Palestine các thị trấn thành phố ở vùng West Bank. Quân đội Do Thái đã rút khỏi thị trấn Tulkarem (sau Hebron) và cả Nablus, trước lịch rút quân. Tại vùng mới tiếp nhận, người

Palestine đang chuẩn bị tổ chức bầu cử các chức vụ chính quyền. Có nhiều thành viên của tổ chức cực đoan Hamas ghi tên ứng cử, Do Thái tuyên bố không phản đối việc này, Hamas cũng được miễn là đừng có bạo lực, khủng bố.

Tại Washington, Thủ tướng Shimon Peres nói ông mơ đến một ngày tất cả các lãnh tụ 20 xứ Trung Đông cùng đứng chung một diễn đàn để tuyên bố chấm dứt những thù hận, tranh chấp trong khu vực. Với sự trung gian của Hoa Kỳ, Do Thái cũng đã mở lại các cuộc thương thuyết với Syria về vấn đề vùng Golan Heights. Tuy thế, đây chỉ là thương thuyết, Do Thái vẫn chưa chấp nhận điều kiện tiên quyết của Syria là rút hết quân khỏi Golan.

Cuộc bầu cử tổng thống buồn thảm ở Haiti

Ngày chủ nhật 17.12, dân Haiti đi bầu Tổng thống mới. Cuộc bầu cử có sự chứng kiến của quốc tế, có lính Mỹ bảo vệ, là sinh hoạt dân chủ đầu tiên ở Haiti từ sau ngày quân Mỹ đuổi được nhóm tướng lãnh độc tài, đưa Tổng thống hợp pháp Aristide về nước. Thế nhưng dân Haiti chẳng lấy gì làm vui mừng cả.

Cả nước chỉ có khoảng từ 10 đến 30 phần trăm đi bầu. Cuộc vận động bầu cử trước đó cũng thế. Trong lúc 14 ứng cử viên ồn ào vận động, truyền đơn bích chương dán đầy đường, dân chúng vẫn đứng đưng. Dân Haiti thậm chí chẳng thèm biết đến bất cứ ứng cử viên nào. Khi hỏi họ muốn bầu cho ai, hầu như tất cả mọi người đều trả lời họ muốn Aristide tiếp tục làm Tổng thống. Chuyện này không xong vì Aristide bị cấm không cho tranh cử, chính ông cũng đã cam kết không tái cử khi về nước năm ngoái.

Kết quả sơ khởi của cuộc bầu cử ghi nhận ứng cử viên Rene Preval, cựu Thủ tướng, người được Aristide ủng hộ, đang dẫn đầu. Kết quả chính thức phải mãi đến cuối tháng 12 mới có.

Hai tổng thống Đại hàn vô tù

Có lẽ Đại hàn sẽ được ghi tên vào kỷ lục số cựu Tổng thống bị bắt nhốt. Từ cuối tháng 11 đến nay, hai cựu Tổng thống Roh Tae Woo và Chun Doo Wan đã lần lượt theo nhau vào nhà giam.

Chun Doo Wan bị truy tố về trách nhiệm trong vụ thảm sát ở Kwang Du năm 1980. Sau cuộc đảo chánh năm 79, Chun Doo Wan ra lệnh thiết quân luật, bị dân chúng phản đối, ông đã ra lệnh cho quân đội và cảnh sát đàn áp. Vụ đàn áp ở Kwang Du khá mạnh tay, con số thông báo là khoảng 200 người thiệt mạng, một số nhân chứng tại chỗ quả quyết hàng ngàn người chết. Chun Doo Wan đang tuyệt thực trong tù.

Cựu Tổng thống Roh Tae Woo bị bắt vì tội tham nhũng, nhận hối lộ. Ông đã ra trước công chúng khóc lóc nhận tội, nhận trách nhiệm. Số tiền ông thú có nhận là khoảng 650 triệu Mỹ kim, dưới hình thức "ủng hộ chính trị" không phải hối lộ. Công tố viện Đại hàn lại nghĩ khác, có nhiều nghi vấn cho thấy Roh Tae Woo nhận hối lộ và số tiền lên đến gần 900 triệu.

Vụ án Roh Tae Woo sẽ có nhiều diễn biến ngoạn mục, những kẻ bị tố cáo hối lộ cựu Tổng thống là chủ tịch, giám đốc các đại công ty, tổ hợp sản xuất - ở Đại hàn được gọi là *chaebol* - ruộng cột của nền kinh tế quốc gia.

Tây tạng lại rắc rối với hai Ban thiền Lạt ma

Hồi mùa hè năm nay, đức Đạt Lai Lạt Ma, lãnh tụ tối cao về mặt tôn giáo của Tây Tạng hiện đang lưu vong, công bố công nhận Ban Thiền Lạt Ma đời thứ 11 của Tây tạng là cậu bé sáu tuổi Gedhun Choekyi Nyima. Điều rắc rối là cậu bé này do một ủy ban đi tìm Ban Thiền Lạt Ma ở trong nước tìm ra. Ủy ban này được Trung Cộng cho phép hoạt động. Cấu kinh trước việc bị hót tay trên, Trung Cộng bèn chỉ trích đức Đạt Lai Lạt Ma là làm ăn không đúng thủ tục. Đồng thời Trung Cộng mở chiến dịch bôi bẩn

cậu bé Gedhun, ra lệnh cho các tăng ni Tây Tạng tố khổ đức Đạt Lai Lạt Ma. CS Trung hoa lại đã đưa ra một Ban Thiền Lạt ma thứ hai (quốc doanh?), cũng là một cậu bé 6 tuổi tên Gyaicain Norbu, buộc các giáo sĩ tấn phong.

Đức Đạt Lai Lạt Ma đã kêu gọi các tổ chức tôn giáo, nhân quyền, các chính phủ thế giới quan tâm đến số phận của Ban Thiền Lạt Ma Gedhun hiện đã mất tích, có thể bị Trung Cộng bắt cóc.

Sihanouk phải hạ mình trước Hun sen

Hoàng thân Norodom Sirivudh đã bị buộc phải lưu vong sau khi bị bắt và truy tố về tội mưu sát Thủ tướng Hun Sen và âm mưu lật đổ chính quyền Cam bốt.

Nhiều tổ chức nhân quyền thế giới

đã lên án vụ bắt bớ này và cho rằng các chứng cứ Hun Sen đưa ra là nguy tạo.

Tuy thế, ngày 12 tháng 12, Quốc vương Sihanouk đã phải hạ mình năn nỉ Hun Sen. Trong một thông cáo chung, ông đề nghị xin cho người anh em cùng cha khác mẹ với mình được tha phân nửa và nhận hình phạt lưu vong. Hoàng thân Sirivudh đầu tiên đã tuyên bố thà ở tù chứ không đi khỏi nước. Sihanouk đã khuyên ông ra đi nếu không sẽ bị mưu sát trong tù.

Việc Sihanouk phải hạ mình cho thấy thực quyền ở Cam-bốt hiện đang nằm trong tay Hun Sen. Hun Sen đã nhanh chóng chấp nhận lời xin vì thấy có lợi quá, giam hoàng thân Sirivudh trong nước sẽ có nhiều phiền hà cả với dân Cam bốt và quốc tế, sẽ gây ra bất bình cho quốc tế, thà tha cho được tiếng.



trái đất 30 ngày qua

Bão tuyết

Các tỉnh miền trung-đông Gia-nã-đại như Manitoba, Ontario và các tiểu-bang Đông-Bắc Hoa-kỳ chịu một đợt tuyết khổng-lồ và giá rét từ Bắc-cực quét xuống.

Tại Buffalo, tiểu-bang New York, tuyết rơi dày đến 1 mét trong 24 giờ. Tại Sault Ste. Marie, tỉnh Ontario, tuyết đóng cao đến 1,75 mét trên nóc các thương-xá. Trời lạnh đến -20 độ C (-4 độ F).

Nguy-cơ "trái đất ấm"

Lạnh đã khổ, "trái đất ấm" càng khổ hơn! Các khoa-học-gia Âu-châu xác-định, trong vòng 50 năm nữa, trái đất sẽ càng lúc càng ấm hơn. Cứ mỗi 100 năm, nhiệt-độ trái đất sẽ tăng sẽ

khoảng 2,8 độ C. Khoảng 85% băng-đảo sẽ tan hết, tuyết sẽ rơi ít, mưa nhiều và mùa hè nóng hơn. Đường băng chung quanh núi Alps đã co lại 100 mét kể từ năm 1980. Tương-tự, đường băng trên Rocky Mountains ở Gia-nã-đại mỗi năm co lại hàng thước.

Bão nhiệt-đới

Sóng thần Emma tấn-công bờ Nam đảo Java và sóng thần Frank tấn-công bờ biển Tây Bắc Úc-đại-lợi.

Động đất

Động đất nhẹ tại Trung-đông, Tây Hồi, Bắc Thái-lan, miền Trung Nhật-bản, Băng-quốc, Zaire và miền Nam Los Angeles (Mỹ).



trong làng

Văn Bút VN Hải-ngoại có Chủ-tịch mới

Sau hai ngày họp và trải qua nhiều biến-động (xin xem *Hồ-sơ Văn Bút*, trang 121 đến 130 số báo này), Đại-Hội-đồng Văn Bút Việt-nam Hải-ngoại nhóm tại Fountain Valley lúc 1 giờ trưa Chủ-nhật 26.11.1995 đã bầu ra một Ban Chấp-hành lâm-thời.

Ban Chấp-hành này nhiệm-kỳ chỉ có ba tháng, sẽ coi-sóc mọi việc trong khi chờ Đại-Hội-đồng họp khóa 2 vào ngày 24 và 25.2.1996 sắp tới tại Houston (Texas) để bầu Ban Chấp-hành chính-thức.

Ông Nguyễn Mạnh Bích, thuộc Trung-tâm Văn Bút VN tại Âu-châu được bầu vào nhiệm-vụ chủ-tịch Ban Chấp-hành lâm-thời, với các phó chủ-tịch là ông Vũ Quang Trân, Nghiêu Minh, An Phong và bà Ngọc Anh. Trưởng ban tổ-chức Đại-hội Văn Bút kỳ V khóa 2 là ông Nguyễn Nghĩa. Việc tổ-chức được giao cho Trung-tâm Ontario. Trung-tâm này đã chọn thành-phố Houston làm nơi họp và Trung-tâm Nam Hoa-kỳ (trụ-sở ở Houston) đồng ý giúp-đỡ một phần công-tác trong việc tổ-chức.

Hiện ông Viên Linh, cựu Chủ-tịch Ban Chấp-hành 1993-1995 đã mãn-nhiệm, trở về vị-thế hội-viên ở Trung-

tâm Tây Nam Hoa-kỳ nơi ông cư-ngụ. Mọi liên-lạc với Văn Bút hiện nay qua:

M. Nguyễn Mạnh Bích, Chủ-tịch
25 Vaucouleurs
75011, Paris, France
Điện-thoại: 43-38-00-13

Văn Bút Ontario bầu Ban Chấp-hành mới

Trung-tâm Văn Bút VN tại Ontario (Gia-nã-đại) đã họp Đại-Hội-đồng Trung-tâm hôm 3.12.1995 để nghe tường-trình các biến-cố ở Đại-hội Văn Bút VNHN, thảo-luận chương-trình hoạt-động và bầu Ban Chấp-hành nhiệm-kỳ 1995-1997.

Thành-phần Ban Chấp-hành mới (đắc-cử với 100% phiếu), gồm:

- Chủ-tịch: Nguyễn Nghĩa, nhà văn.
- Phó Chủ-tịch: Việt Chi (học-giã), Lê Kim Ngân (biên-khảo gia).
- Tổng Thư-ký: Nguyễn Hương (biên-tập-gia).
- Thủ-quỹ: Cung Vũ, nhà thơ.

Tân ban Chấp-hành đã mời các cựu chủ-tịch của Trung-tâm vào ban cố-vấn, gồm các ông Nguyễn Ngọc Ngạn, Phan Ni Tấn và Trà Lũ. Ngoài ra còn có hai cố-vấn khác là các ông Tự Tĩnh và Dương Tử Giang.

Trung-tâm Ontario hiện có 38 hội-viên chính-thức, có hoạt-động và đóng niên-liễm.

Văn Bút Québec bầu Ban Chấp-hành mới

Trung-tâm Québec đã họp Đại-Hội-đồng Trung-tâm hôm Chủ-nhật 17.12.1995, bầu Ban Chấp-hành nhiệm-kỳ 1995-1997, thành-phần như sau:

- Chủ-tịch: Trang Châu, nhà văn.
- Phó Chủ-tịch Nội-vụ: Hoàng Xuân Sơn, nhà thơ.
- Phó Chủ-tịch Ngoại-vụ: Trương Bảo Sơn, nhà văn.
- Tổng Thư-ký: Lưu Nguyễn, nhà thơ.
- Thủ-quỹ: Tâm Huyền, nhà thơ.
- Kiểm-soát-viên: nhà văn Nguyễn

Bá Dĩnh và nhà thơ Vi-Vi.

Văn Bút VH Hải-ngoại có thêm một Trung-tâm

Trung-tâm Văn Bút Á-châu đã được thành-lập và nộp đơn gia-nhập cho Ban Chấp-hành lâm-thời. Thành-phần Ban Chấp-hành Trung-tâm Á-châu như sau:

- Chủ-tịch: Vi An, nhà văn.
- Phó Chủ-tịch: Hồng Nhạn, nhà văn và Trúc Sơn, nhà văn.
- Tổng Thư-ký: Linh-mục Nguyễn Hữu Hiến, dịch-giã.
- Thủ-quỹ: Phạm Ngọc Thanh, nhà thơ.

Trung-tâm Á-châu xác-định gia-nhập Văn Bút để góp sức bảo-vệ tổ-chức, không đòi "quyền" bầu-cử ngay, dù được Đại-Hội-đồng cứu-xét và thừa-nhận.

Nhà văn Trần Tam Tiếp lâm trọng bệnh

Nhà văn Trần Tam Tiếp, Chủ-tịch Ủy ban Văn-nghệ-sĩ bị Cầm tù của Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại đã lâm trọng bệnh trong nhiều tháng nay, cùng lúc với nhà văn Phạm Việt Tuyền, Chủ-tịch Trung-tâm Âu-châu.

Ủy-ban Văn-nghệ-sĩ bị Cầm tù (*Writers in Prison*) của Văn Bút quốc-tế (*PEN International*) đã liên-lạc nhà văn Nguyễn Mạnh Bích, Chủ-tịch Ban Chấp-hành Lâm-thời của Văn Bút VNHN, yêu-cầu cử người tạm thay nhà văn Trần Tam Tiếp coi-sóc công việc trong thời-gian ông Tiếp nằm bệnh-viện.

Sau khi tham-khảo ý-kiến bốn phó Chủ-tịch và Trưởng ban Tổ-chức Đại-hội, Ban Chấp-hành Lâm-thời đã đề cử nhà thơ Hoàng Nguyên (tức Hoàng Bảo Việt) ở Thụy-sĩ đảm-nhiệm Ủy-ban Văn-nghệ-sĩ bị Cầm tù từ nay cho đến khi Ban Chấp-hành chính-thức được Đại-Hội-đồng bầu ra tại Houston, Texas hôm 24.2.1996 sắp tới. Nhà thơ Hoàng Nguyên hiện là Chủ-tịch Hiệp-hội Nhân-quyền Việt-nam, một khuôn mặt quốc-tế về nhân-quyền tại Âu-châu.

Ảnh-gia Lê Quang Xuân tiếp-tục đoạt giải

Lê Quang Xuân, tên tuổi nhiếp ảnh ở Montréal, Gia-nã-đại lại vừa đoạt ba giải *Best Monochrome* và *Top Monoprint* do Hiệp-hội Ảnh Màu Gia-nã-đại (CPAC) tổ-chức tại Pte Claire, Québec từ 24.10 đến 2.11.1995 vừa qua.

Ba bức ảnh trúng giải là *Kinh-khiếp*, *Hoa lan* và *Viễn trình*.

Thi-sĩ Nguyễn Chí Thiện nói chuyện tại California

Thi-sĩ Nguyễn Chí Thiện, 56 tuổi, tác-giả tập thơ *Hoa địa-ngục* đã nói chuyện nhiều buổi tại California trong khuôn-khố sinh-hoạt kỷ-niệm ngày ban-hành bản Tuyên-ngôn quốc-tế về Nhân-quyền.

Tại San Jose, ông Nguyễn Chí Thiện đã nói chuyện trước 500 người trong *Đêm hội-ngộ thi-sĩ Nguyễn Chí Thiện* vào chiều Thứ Sáu, 15.12 tại nhà hàng Phú-lâm. Buổi dạ-tiệc có nói chuyện do nhóm Phát-huy Tinh-thần Nguyễn Chí Thiện và Việt-nam Tự-do Thông-tấn tổ-chức.

Trong dịp này, trả lời các câu hỏi "*Bộ định chống cộng tới chiều hay sao? Chống cộng mút mùa hay sao?*" thi-sĩ Nguyễn Chí Thiện, đáp, đại ý:



Thi-sĩ Nguyễn Chí Thiện
(ảnh Ngọc Linh, báo Ngày Nay, Houston)

"*sẽ chống cộng đến khi nào hết cộng sản thì thôi.*"

Về thành-phần trí-thức ăn phải bả "hòa-hợp hòa giải" với CS từ xưa đến nay như Hoàng Minh Giám, Đặng Thai Mai, Nguyễn Mạnh Tường, Trần Đức Thảo, Nguyễn Khắc Viện (năm 1945) đến đám theo đuôi CS sau này như Nguyễn Hữu Thọ, Ngô Bá Thành, thi-sĩ Nguyễn Chí Thiện gọi đó là thành-phần mứa rồi, cò mồi, học rất nhiều bằng, nhiều chữ nhưng không biết *nghĩa*, hay biết rất ít!

Trả lời câu hỏi có sẵn-sàng trực diện với Lê Văn Bằng, Hà Văn Thông, Võ Văn Kiệt, Đỗ Mười trong các cuộc hội-thảo tại Hoa-kỳ không?, thi-sĩ đáp: "*Tôi không bao giờ hội-thảo với CS. Nếu CSVN muốn, họ hãy hội-thảo với những người bất đồng trong nước, với dân-chúng trong nước trước rồi hãy hội-thảo với chúng ta, người Việt hải-ngoại sau.*"

Ban tổ-chức buổi dạ-tiệc cho biết, sau khi trừ đi các chi-phí, Ban Tổ-chức sẽ trao trọn số tiền còn lại cho thi-sĩ Nguyễn Chí Thiện để bồi-bổ sức-khoẻ và chi-dụng trong công-tác đấu-tranh của ông. Số tiền này khoảng 12.685 mỹ-kim.

Tại miền Nam California, thi-sĩ Nguyễn Chí Thiện nói chuyện lúc 1 giờ trưa ngày Chủ-nhật 17.12.1995 tại Westminster Civic Center, số 8200 Westminster Blvd, thành-phố Westminster.

Sau đó là đêm thơ nhạc Nguyễn Chí Thiện, bắt đầu lúc 7 giờ tối cùng ngày tại trường Trung-học Valley, số 1801 S. Greenville St., thành-phố Santa Ana.

Ngày Thứ Ba, 19.12, thi-sĩ Nguyễn Chí Thiện họp báo Việt-Mỹ lúc 10 giờ sáng, tại Little Saigon Restaurant, số 13302 Century Blvd., thành-phố Garden Grove.

Đứng đầu danh-sách Ban Tổ-chức các chương-trình này là nhà văn Đỗ Tiến Đức, tuần báo *Thời-luận*.

Chính-phủ VN tự-do

Theo một thông-cáo phổ-biến ngày 6.12.1995 vừa qua, chính-phủ

Việt-nam tự-do đã thành-lập ngày 30.4.1995 tại quốc-nội.

Thông-cáo của chính-phủ Việt-nam tự-do chỉ-định ba nhân-vật làm việc công-khai tại hải-ngoại, gồm:

- Ông Lê Kim Khanh, Tổng Trưởng Ngoại-giao, địa-chỉ ở Toronto, Gia-nã-đại.

- Ông Hà Văn Hải, phát-ngôn-viên chính-phủ.

- Ông Nguyễn Văn Lễ, Chánh Văn-phòng phủ Thủ-tướng đặc-trách Hải-ngoại.

Bản thông-báo ký tên Nguyễn Hoàng Dân, Thủ-tướng.

Ông Lê Kim Khanh là khuôn mặt đấu-tranh cho nhân-quyền tại Việt-nam, đã diễn-thuyết nhiều nơi về vấn-đề này trong thời-gian qua.

Tối Thứ Bảy 15.12, qua điện-đàm, ông xác-nhận với tòa-soạn *Làng Văn* về việc tham-gia chính-phủ Việt-nam tự-do với mục-đích rộng đường đấu-tranh cho đồng-bào tại quốc nội.

Đây là chính-phủ VN thứ tư ra đời, kể từ năm 1989 đến nay. Các chính-phủ trước đó không thấy hoạt-động gì thêm sau khi công-bố thành-phần nội-các và phổ-biến tuyên-ngôn.

Sinh-hoạt của cơ-sở Khuyến học VN Montréal

Cơ-sở Khuyến học và Phát-huy văn-hóa Việt-nam đã tổ-chức ra mắt tập-san *Vietnamologia* và kỷ-yếu Hội-thảo Giáo-dục Thiếu-nhi trong Gia-đình Việt-nam hôm 3.12.1995 tại nhà hàng Majestic, 384 Maisonneuve Ouest, Montréal, Gia-nã-đại.

Nhân dịp này, cơ-sở Khuyến học cũng cho phát-hành tập truyện bằng tranh *Tuổi xanh II*, gồm truyện lịch-sử, cổ-tích và huyền-thoại Việt-nam.

Các truyện này giúp các em đọc được chữ Việt tìm hiểu về quê-hương Việt-nam. Quý vị phụ-huynh cũng có thể dùng hình-ảnh trong sách để kể truyện cho con em.

Giá bán mỗi cuốn truyện *Tuổi xanh I* và *II* 7 gia-kim (6,50 mỹ-kim). Liên-lạc: Cơ-sở Khuyến học và Phát-huy Văn-hóa VN, số 6420 Victoria, #4, Montréal, PQ H3W 2S7, Canada.

Vén Màn Bí-Mật Vụ In Trộm Tập Thơ của Nguyễn Chí Thiện 15 Năm Trước

. tin tổng-hợp

Trên tờ Việt báo kinh-tế số ra ngày 8.11.1995, ông Viên Linh (tên thật Nguyễn Nam) trong bài *Nửa giờ với nhà thơ Nguyễn Chí Thiện* đã tiết-lộ rằng chính ông ta và em là Nguyễn Hữu Hiệu đã in trộm tập thơ Nguyễn Chí Thiện năm 1980. Tập thơ này lúc đó thuộc tạp-chí *Văn-nghệ tiền-phong*.

Sau đây là nguyên-văn những lời ông Viên Linh nói với nhà thơ Nguyễn Chí Thiện trên điện-thoại, sau đó chính Viên Linh chép lại đăng báo:

"Khi tôi và Hiệu quyết-định in tập thơ của anh, lúc ấy là tháng 8 năm 1980, chúng tôi có 8 người tụ-hợp trong căn chung-cư của Nguyễn Hữu Hiệu ở Falls Church, Virginia... chỉ trong 8 ngày, chúng tôi đã in xong tập thơ và phát-hành gấp."

Tập thơ Nguyễn Chí Thiện được nhân-viên ngoại-giao Anh-quốc mang từ sứ-quán ở Hà-nội về giao cho ông Quý (tức Đỗ Văn) ở đài BBC. Ông Quý nhờ ông Nhơn chuyển tận tay ông Nguyễn Thanh Hoàng, chủ-nhiệm báo *Văn-nghệ tiền-phong*. Ông Nguyễn Thanh Hoàng nhờ ông Bùi Bảo Trúc, lúc đó là bình bút của báo này, đọc và viết lời giới-thiệu.

Tờ *Văn-nghệ tiền-phong* (số 479, đề ngày 1.1.1996), thuật lại lời ông

Trúc tâm-sự (in trong một cuốn sách xuất-bản ở Bắc California năm 1994) rằng, khi được ông Nguyễn Thanh Hoàng giao cho tập thơ, ông đã mang đến nhà ông Hiệu để cùng thưởng-thức. Tại nhà ông Nguyễn Hữu Hiệu lúc đó có các ông Đào Mộng Nam và Nguyễn Thương Sơn. Đọc chung với nhau được một lúc, ông Trúc từ-giã mọi người để đi làm.

Nguyễn Hữu Hiệu xin ông Trúc để lại tập thơ, cho mượn trong một đêm. Sáng sớm hôm sau mới 7 giờ, ông Hiệu đã trả lại tập thơ một cách đàng-hoàng, nhưng thực ra ông này đã photocopy lại toàn bộ và cùng ông Viên Linh (thợ in) âm-thầm tiến-hành việc ấn-loát.

Tác-giả Người Cali, trong bài báo của *Văn-nghệ tiền-phong* trên đây viết tiếp rằng:

"Oan hay ư, chỉ có ông Bùi Bảo Trúc là biết sự thật, tuy-nhiên, việc chính là ông Viên Linh, đương kim Chủ-tịch Văn Bút VNHN (lúc đó là đương kim, hiện nay là cựu) mà theo lời ông Trúc, là người đã cùng ông em Nguyễn Hữu Hiệu đánh cắp tập thơ của Nguyễn Chí Thiện đang được Văn-nghệ Tiền-phong dự-định ấn-hành."

Một ông Chủ-tịch Văn Bút mà có hành-động gian-lận như vậy đã không

thấy xấu-hổ thì thôi, lại còn công-khai kể công với nhà thơ Nguyễn Chí Thiện khi ông này mới đặt chân tới Mỹ!

Hốt tay trên của Văn-nghệ tiền-phong để in lẹ kiếm bạc cắc, chứ ông tính nói sao với nhà thơ Nguyễn Chí Thiện đây?...

Ông Viên Linh khoe với ông Thiện là đã in gấp cuốn thơ trong vòng một tuần, vậy chắc ông hốt bạc được nhiều lắm."

Tác-giả bài báo kết-luận:

"Hai trăm đô của bà Thiên-sư Thanh Hải cùng lời khen tặng ông là Chủ-tịch Hội Văn Bút Âu-lạc, ông còn sung-sướng đón-nhận, chứ ông phải tính sao đây với một nhà thơ mới từ ngục-tù cộng-sản qua Mỹ để định-cư mà ông đã manh tâm đánh cắp tác-phẩm đem bán từ 15 năm trước đây? Lẽ đâu đã là "Chủ-tịch Văn Bút Âu-lạc" giờ ông lại muốn kiêm thêm chức "Chủ-tịch Hội Lừa Thầy Phán Bạ?" hay "Chủ-tịch Hội Cầm Nhầm" nữa hay sao?"

Chuyện tới đây chưa hết. Tờ HV số 147 (tháng 12.1995) đăng tin rằng:

"Nhà thơ Viên Linh nhắc đến một cuộc điện-đàm hôm 4.11 với nhà thơ Nguyễn Chí Thiện về tập thơ Hoa Địa-Ngục II, gồm 300 bài nhà thơ Nguyễn Chí Thiện sáng-tác sau này (khoảng 1978-1988) sẽ giao cho Văn Bút VNHN xuất-bản trong thời-gian gần đây."

Vào thời-điểm 4.11.1995, ông Viên Linh hầy còn là Chủ-tịch Văn Bút VNHN (cho tới 26.11.1995 mới tròn hai năm và hết nhiệm-kỳ), nên hàm ý rằng nhà thơ Nguyễn Chí Thiện giao sách cho Văn Bút tức là giao cho Viên Linh in.

Chi-tiết này đã bị nhà thơ Nguyễn Chí Thiện phủ-nhận. Ông Thiện cho biết chưa hề quyết-định giao cho ai in và tất cả thơ hầy còn nằm nguyên trong trí nhớ, ông chưa đủ thì giờ và sức-khoẻ để chép ra giấy.

Một lần nữa, ông Viên Linh đã công-khai lừa-bịp công-chúng.

May mà hiện nay ông không còn là chủ-tịch, nếu không cả tổ-chức Văn Bút không tránh khỏi nhơ danh cùng ông!

tin tị-nạn

Kiên Trung phụ-trách



Kế-hoạch dẹp trại

Năm 1995 đã hết, kế hoạch dọn sạch thuyền nhân để đóng cửa các trại tị nạn của Cao Ủy Tị Nạn và các nước Đông Nam Á đã không thành công như dự tính. Chương trình Hành Động Toàn Diện (CPA) được ấn định sẽ chấm dứt cuối năm 95 thất bại. Toàn năm 95, chỉ có năm ngàn thuyền nhân hồi hương (so với hơn 12 ngàn người năm 94 và hơn 19 ngàn người năm 93) mặc dù các chính quyền tạm dụng đã sử dụng nhiều biện pháp từ khuyến dụ, lừa gạt đến vũ lực, kể cả việc bó bằng áo straight jacket dành cho người điên để khống chế như ở Hương Cảng.

Ở khắp Đông Nam Á vẫn còn khoảng 40 ngàn tị nạn VN trong những trại tù. Bà Catherine Bertrand, đại diện Cao ủy tại Hà Nội, thú nhận dự kiến chấm dứt vai trò của UNHCR tại Đông Nam Á là một việc khó thực hiện. Số thuyền nhân còn lại trong các trại là những người kiên quyết nhất, mặc dù họ là bốn chục ngàn con người tuyệt vọng, bị đầy đọa về mặt vật chất, bị khủng bố về tinh thần trong sự thờ ơ của thế giới. Những con người khốn khổ này vẫn tiếp tục tranh đấu và vẫn mong đợi sự hỗ trợ của đồng bào hải ngoại. Những cánh thư từ các trại Hương Cảng, Mã Lai, Phi luật tân, Thái Lan, Nam Dương vẫn liên tiếp gửi về *Làng Ván*. Nội dung của những cánh thư tị nạn dĩ nhiên phải là hầu hết là những lời kêu cứu khẩn thiết, những kể lể đau buồn.

Tuy nhiên LV vẫn tìm thấy trong những cánh thư nhiều dòng chữ của hy vọng và của khí thế đấu tranh. Bên cạnh những cánh thư tị nạn là những bản tin trình bày thảm cảnh của thuyền nhân và các thông báo kêu gọi đồng bào hải ngoại tiếp tay giúp sức trong những ngày cuối mùa tị nạn của các tổ chức tranh đấu cho thuyền nhân. Dưới đây là những mẫu tin tị nạn cuối năm, rất tiếc hầu hết là tin không vui.

Hương cảng đối thủ đoạn cưỡng bách hồi hương: tị nạn gốc miền Nam bị bắt nhốt đưa về Hà-nội

Hoảng sợ trước đòi hỏi của Trung Cộng là không muốn thấy thuyền nhân VN tại Hương cảng khi nhận lại vùng đất này vào năm 97, Hương Cảng đã sử dụng những thủ đoạn khốc liệt hơn để giải quyết vấn đề thuyền nhân. Ngày 29.11.95, cai tù và cảnh sát Hương Cảng xông vào trại High Island South bắt người. Trại là nơi tập trung các thuyền nhân gốc miền Nam VN. Có 255 người bị bắt, trong số đó có nhiều cựu quân nhân QLVNCH và nhiều phụ nữ, trẻ em. Tất cả những người bị bắt đã bị chuyển sang trại Victoria để đưa về Việt Nam và đều có quê quán tại miền Trung và Nam. Đây là lần đầu tiên nhà cầm quyền Hương Cảng cưỡng bách hồi hương người gốc miền Nam. Thủ đoạn mới này của Hương Cảng nhằm dần mất thuyền nhân, tổ

thái độ cương quyết trả về VN tất cả mọi người. Trước nay, những thuyền nhân gốc miền Nam là những người phản đối hồi hương quyết liệt nhất. Ngay sau cuộc bố ráp bắt người, tị nạn tại Hương cảng đã biểu tình phản đối (30.11.95). Cai tù Hương Cảng dùng lực lượng đông đến ba trăm người (gần một ngàn cảnh sát và nhân viên cải huấn tiếp ứng) để trấn áp cuộc biểu tình. Nhân viên cải huấn Hương Cảng đã phải dùng thang leo lên mái nhà để kéo nhiều người biểu tình xuống. Có hàng chục thuyền nhân bị thương tích. Khoảng 150 người, bị coi là thành phần chống đối tích cực, đã bị bắt đưa đi giam giữ riêng.

Các hãng thông tấn quốc tế sau đó đưa tin Hương cảng đã đưa 113 thuyền nhân (51 đàn ông, 27 phụ nữ, 25 trẻ em, bị bắt ngày 29.11) về Hà Nội ngày 6.12. Đây là con số cường bức hồi hương lớn nhất trên một chuyến bay.

Các hãng thông tấn quốc tế ghi nhận từ những trại tù, nhiều tị nạn VN đã gửi kháng thư kêu gọi thế giới can thiệp ngăn chặn các thủ đoạn cưỡng bức hồi hương của nhà cầm quyền địa phương. Những người gửi kháng thư thuộc số thuyền nhân bị bắt ngày 29 và 30 tháng 11. Lá thư kêu gọi của anh Lê Văn Tráng được ký tên và in dấu tay bằng máu gửi từ nhà tù Victoria. Anh Tráng là bác sĩ, khi bị buộc tham dự cuộc xâm lược của CSVN tại Cam bốt đã phản đối và bị bắt giam về tội chống chính phủ. Ở tù ra, anh trốn sang Hương Cảng, trở thành một trong những người chủ động trong các cuộc tranh đấu của thuyền nhân. Bản kháng thư thứ hai do anh Võ Chí, cựu quân nhân QLVNCH viết.

Tin của thông tin viên LV viết từ Hương Cảng cho biết 35 người được thuyền nhân trong trại High Island gọi là "đầu gấu" đã bị cảnh sát và nhân viên cải huấn trại bắt giam riêng. Đây là những người có nhiều tiền án tại VN, khi sang đến trại được chính quyền sử dụng trong các đội an ninh trật tự, cho hưởng nhiều đặc

quyền để phục vụ họ, đàn áp chính đồng bào của mình. Tị nạn Hương Cảng nhận định việc này cho thấy rõ "số phận của những con chó săn khi không còn ích lợi gì cho chủ."

Tin giờ chót từ Hương Cảng ghi nhận cuộc tuyệt thực diễn ra từ trước ngày chính quyền Hương Cảng thực hiện chuyển bay cưỡng bức hồi hương, vẫn còn tiếp diễn. Số thuyền nhân tham gia tuyệt thực trong trại tù Victoria là 54 người, nhiều người khác đang chuẩn bị tham gia.

Hãy lên tiếng chống cưỡng bức hồi hương ở Hương cảng

Ủy ban Cứu Người Vượt Biển đầu tháng 12.95 đã ra thông báo kêu gọi người Việt hải ngoại hãy lên tiếng chống cưỡng bức hồi hương ở Hương Cảng.

Sau khi vạch rõ thủ đoạn mới của nhà cầm quyền Hương Cảng, UBCNVB cho biết các chuyến bay cưỡng bức hồi hương đang gặp trở ngại vì hãng hàng không được thuê - Toyal Brunei - đã hủy hợp đồng. Royal Brunei thôi không nhận thầu chở người tị nạn nữa vì những phản ứng của người bị cưỡng bức trên máy bay và tại phi trường đã gây nhiều rắc rối, nguy hiểm và thiệt hại cho họ.

Hiện nay, Hương Cảng đã ký hợp đồng với Continental Micronesia (trụ sở ở Guam) để tiếp tục các chuyến bay. Công ty Continental Micronesia có quan hệ với công ty Continental Hoa kỳ (bản doanh ở Houston, Texas). UB CNVB đề nghị người Việt hãy gửi thư, fax và điện thoại cho hãng Continental để kêu gọi họ từ chối thực hiện những chuyến bay cưỡng bức hồi hương.

Địa chỉ của các hãng:

Mr. Donald Breeding
President
Continental Micronesia Airline
P.O. Box 8778 C
Tamuning, GU 96931
Tel.:011-611-647-6596
Fax:011-671-649-6588

Mr. Mark Erwin
Vice-President/Service
Continental Micronesia Airline
Los Angeles Office
Tel.: 1-800-900-7657
Fax: 1-310-322-5111

Mr. Gordon Bethune
Continental Airline
3663 San Houston Pkwy, #500
Houston, TX 77032
Tel.: 1-800-932-2732, ext #1
Fax:713-590-2150

Trường hợp cần mẫu thư kêu gọi viết bằng Anh ngữ có sẵn, có thể hỏi tại UBCBVB hay toà soạn Làng Văn.

Tị nạn ở Thái lan vẫn bị khủng bố

Thuyền nhân VN trong trại tị nạn Sikiew đang bị khủng bố nặng về cả vật chất lẫn tinh thần. Trại chia làm ba khu A, B và C. Khu A là nơi biệt giam những người không chấp nhận ghi danh hồi hương. Chính quyền trại đã sử dụng tên Lâm Joe (trưởng ban An Ninh, hung thần của thuyền nhân, xem Tin Tị Nạn, LV 136) cùng 150 người Việt thuộc thành phần bất hảo để hà hiếp, đánh đập, khủng bố họ hàng ngày. Hơn 1300 thuyền nhân khu A đã gửi thư tố giác tình trạng vi phạm nhân quyền trong trại. Bức thư tố giác, viết ngày 17.9.95 chỉ đích danh văn phòng Cao ủy trại Sikiew, Ban Quản lý trại và tên Lâm Joe là thủ phạm các vụ đánh đập thuyền nhân. Chẳng những hành hạ thuyền nhân trong trại, những tên côn đồ được Cao ủy và ban Quản lý trại dung dưỡng còn vào tận khu điều trị dã chiến, do tổ chức Y Sĩ Không Biên Giới (Médecins Sans Frontières) để tiếp tục đánh đập người đang điều trị trước mắt các y sĩ, y tá, nhân viên trạm.

Đây là bản văn tố cáo thứ năm gửi đến Cao ủy LHQ, tuy nhiên tình trạng tồi tệ vẫn tiếp diễn. Ngày 19.11, anh Lê Thiên Hoàng Dũng, thành viên ban đại diện thuyền nhân bị tên Vũ Huy Cường (trưởng an ninh khu A,

đàn em của Lâm Joe) cùng tay chân đánh trọng thương.

Cùng với việc đánh đập thuyền nhân, trại tung tin cần phải đăng ký hồi hương gấp để được xét cho đi Hoa Kỳ theo giải pháp Lộ trình 2 (Track II, một giải pháp chưa ngã ngũ). Cao ủy TN và ban Quản lý trại còn lợi dụng việc cứu trợ để làm mồi nhử thuyền nhân trở về khu B và C, khu dành cho người đồng ý hồi hương. Họ tung tin khu A là thành phần chống đối, không được hưởng một thứ gì của các tổ chức bên ngoài trại giúp đỡ. Có một số đồng bào do quá đói khổ hay nhẹ dạ đã nghe theo và ký đơn xin trở về trại C và D, trong đơn in sẵn lý do "vì khu A không bảo đảm an ninh, có nhiều thành phần bất hảo." Đây có thể là kế hoạch nhằm tạo cơ chính đáng cho Cao ủy và An ninh trại bắt các thành phần chống hồi hương.

Tại Thái lan còn có nhiều thuyền nhân thuộc thành phần lãnh đạo các phong trào chống đối bị bắt bỏ tù từ lâu nay. Khoảng ba mươi người bị giam tại nhà tù bộ Di trú Thái ở Bangkok.

Mã lai: thuyền nhân Sungei Besi chống đến cùng việc cưỡng bức hồi hương

Chính quyền trại Sungei Besi đang sử dụng biện pháp đầy dọa để thúc ép đồng bào hồi hương. Sinh hoạt của gần 1899 đàn ông, 970 phụ nữ và 1062 trẻ em dưới 18 tuổi hầu như không còn gì ngoài những nhu cầu ăn ngủ hàng ngày. Tất cả máy thu thanh, thu hình bị tịch thu, mọi quán hàng bị đóng cửa, lối vào chùa Phật giáo bị rào cản, các lớp học đã bị dẹp từ hồi trong năm. Viên chỉ huy trại, Lim Boon Boo tuyên bố với báo chí: "Đây là một cuộc chiến tranh cân não giữa tôi và họ". Đây hoàn toàn là một cuộc đấu trí không cân sức, vì thuyền nhân là những người tị nạn tay không, phải tranh đấu với một hung thần đầy đủ quyền sinh sát. Lim ban bố kỷ luật, hình phạt và chính ông ta đã xác nhận: "Họ (thuyền nhân) hiểu rõ rằng tôi có quyền ban phát và có quyền thu

lại." Những cuộc biểu tình chống hồi hương hồi mùa hè được Phó Đề đốc Yaacob Bin HJ Daud, người có trách nhiệm tối cao coi là "trò phá rối của một nhóm nhỏ băng đảng."

Yaacob chính là nhân vật đứng ra điều đình với Việt Cộng về việc hồi hương thuyền nhân, ông ta nhận xét Hà Nội chẳng mặn mòi gì với việc này cả, chỉ mề nheo tiền bạc.

Để khuyến dụ hồi hương, ông ta mang từ Hà Nội về những cuốn video tuyên truyền về thái độ đẹp của Hà Nội với những người đã hồi hương buộc tội nạn phải xem.

Tuy nhiên, tội nạn trong trại không thích những cuốn phim tuyên truyền này. Họ không còn tin tưởng vào Cao ủy, vào chính quyền trại từ lâu. Họ đã quá ngán ngẩm với những bất công, những lạm, tống tiền và tống tình trong thanh lọc.

Tội nạn này hiển nhiên, ngay cả Yaacob cũng có bằng chứng. Thuyền nhân khẳng định họ không hồi hương, và nếu chính phủ Mã lai đẩy họ đến đường cùng, họ phải chống.

Trong những kế hoạch hồi hương của Yaacob và chánh phủ Mã có cả đề án đưa thuyền nhân về bằng tàu, kể cả biện pháp nhốt dưới hầm tàu rất dã-man.

Đợt II chiến dịch vận động cho thuyền nhân

Một số hội đoàn Việt và quốc tế đã phát động đợt II của chiến dịch vận động cho thuyền nhân từ giữa tháng Tư.

Mở đầu đợt vận động là việc phát hành bản tường trình về tình hình tham nhũng trong thanh lọc tại Mã Lai. Ủy ban Cứu Người Vượt Biển cùng các hội đoàn bạn đã phát hành 6000 bản, gửi đến các hội đoàn quốc tế và các giới chức chính quyền tại 20 quốc gia có đóng góp nhiều nhất cho Cao Ủy Tị Nạn LHQ.

Đợt II cuộc vận động nhằm ba mục tiêu (1) ngăn chặn cưỡng bức hồi hương; (2) khuyến khích các quốc gia thành viên của Chương trình Hành động Toàn Diện (CPA) đi tìm một

giải pháp nhân đạo cho thuyền nhân tương tự như giải pháp đã được Hạ viện Mỹ thông qua; và (3) yêu cầu các quốc gia góp tiền cho Cao Ủy TN điều tra việc làm tặc trách của cơ quan này.

Cộng đồng người Việt tại Úc, cùng trong đợt vận động này, đã phối hợp tổ chức một buổi họp báo tại Thượng Viện Úc.

Buổi họp báo được Thượng nghị sĩ Sid Spindler bảo trợ. Trong buổi họp báo, các vấn đề bất công, tình trạng tống tiền, đòi tình đã được trình bày trước công luận.

Hoạt động tiếp theo của đợt vận động sẽ gồm việc đăng giác thư trên báo Anh ngữ lớn ở Mỹ để duy trì áp lực với Cao ủy.

Đợt I của cuộc vận động, thực hiện từ giữa năm 94 đến giữa năm 95, đã có kết quả tạo được sự lên tiếng của Quốc hội Mỹ, Úc, tạo điều kiện tiếp xúc với quốc hội Gia nã đại, đưa đến việc thông qua điều khoản 2104 dự luật HR1561 tại Hạ viện HK và một tu chính án trong luật Di trú của Úc.

Tổng thống Tiệp khác bênh vực tị nạn VN

Trong tháng 10.95, nhân viên phủ tổng thống Tiệp Khắc đã thăm viếng trại Tàì A Châu và báo cáo với TT Vaclav Havel về thảm trạng của thuyền nhân tại đây.

Ông Havel sau đó đã lên tiếng kêu gọi quốc tế hãy cùng nhau tìm một giải pháp nhân đạo cho thuyền nhân VN. Ông đặc biệt lưu tâm đến các trường hợp các văn nghệ sĩ bị bức hại vì muốn được tự do ngôn luận.

Trung tuần tháng 11.95, Tổng thống Cộng hòa Tiệp Khắc đã mời Đại sứ Anh tại Tiệp để bày tỏ sự quan tâm về tình trạng thuyền nhân Việt.

Ông Havel kêu gọi Anh quốc tạm hoãn chương trình cưỡng bức hồi hương để chờ giải pháp nhân đạo của quốc tế. Cuối buổi tiếp-kiến, Tổng thống Tiệp đã trao một lá thư cho đại sứ để chuyển lại cho Thống đốc Hương Cảng.

Tái cứu xét những hồ sơ bị thanh lọc bất công

Trong lá thư đề ngày 4 tháng 8, 1995 gửi ban Chỉ đạo Chương trình Hành động Toàn diện, Cao ủy trưởng Sadako Ogata tuyên bố "*Cao ủy sẵn sàng cứu xét bất kỳ trường hợp cụ thể nào trưng dẫn được các yếu tố mới, cụ thể và đáng kể, hoặc trường hợp thuyền nhân đáng lý ra hội đủ điều kiện công nhận tị nạn mà đã bị bác thanh lọc vì không hối lộ hay không thỏa mãn việc tống tình.*"

Theo Ủy ban Cứu Người Vượt Biển, nguyên nhân việc Cao ủy phải nhượng bộ chấp nhận tái xét hồ sơ theo tuyên bố trên là do áp lực của dư luận và của Quốc hội Hoa kỳ trong thời gian gần đây. Do đó, Ủy ban kêu gọi người Việt hải ngoại và thuyền nhân hãy nhanh chóng khai thác tận lực diễn biến mới này bằng cách:

* Nếu biết những trường hợp của thân nhân, bằng hữu là nạn nhân của thanh lọc bất công, tống tiền, tống tình, xin liên lạc gấp với UB, tường thuật cặn kẽ sự việc và cung cấp chứng cứ. Xin cung cấp đầy đủ hồ sơ lý lịch của người ở trại (giống như đã khai với phái đoàn thanh lọc trước đây.)

* Thuyền nhân ở trại có thể liên lạc thẳng với UB. Hồ sơ sẽ được chuyển thẳng lên phủ Cao ủy ở Geneva. UB sẽ giữ bí mật cho từng hồ sơ, tránh việc bị trả thù của chính quyền, nhân viên CU ở địa phương.

* Những người đã được định cư nhưng đã từng là nạn nhân cũng xin liên lạc với UB và cung cấp chi tiết việc tống tiền hay tống tình. UB cam kết giữ kín danh tánh, bảo đảm không ảnh hưởng đến người tường trình. Những thông tin quý vị cung cấp sẽ giúp UB chứng minh rằng thanh lọc có bất công trầm trọng để đòi hỏi cứu xét tổng quát cho thuyền nhân nhằm cứu vớt những đồng bào còn kẹt lại.

Tái xét bốn hồ sơ tị nạn

Đại diện Cao ủy TN LHQ ở Hoa Kỳ đã thông báo cho văn phòng dân

biểu Douglas Bereuter về việc tái xét tị nạn cho các thuyền nhân:

* Tô Thanh Hương (trại tù Tanjung, Pinang)

* Trần Văn Diệp (Tanjung Pinang). Ông Diệp là thiếu úy QLVNCH trốn cải tạo. Khi bị bác thanh lọc (1992) con trai ông là Trịnh Anh Huy đã tự thiêu trước cửa văn phòng Cao ủy.

* Phạm Văn Bí (Mã lai).

* Dì Phước Nguyễn Thị Kim Anh ở Thái lan.

Bốn hồ sơ này nằm trong số 15 hồ sơ Ủy ban Cứu Người Vượt Biển trao cho dân biểu Rereuter nhờ can thiệp. Trước đây, Cao ủy đã từng mạnh miệng rằng không hề có bất công trong thanh lọc. Nay chính họ dùng quyền phủ quyết công nhận tị nạn.

UBCNVB cũng thông báo cho những gia đình bị tách ly nhưng không phải do thanh lọc gây ra. Những trường hợp sau đây xin gửi gấp hồ sơ về UB:

* Vợ hay chồng, một người vượt biên bị kẹt ở trại, người kia đã đi định cư theo chương trình HO hay ODP.

* Con cái độc thân kẹt ở trại khi cha mẹ đi định cư theo chương trình HO hay ODP.

Tết Trung thu cho trẻ em tị nạn Sikiew

Như mọi năm, Cộng đoàn Công Giáo trại Sikiew đã tổ chức Tết Trung thu cho trẻ em tị nạn trong trại và cũng như mọi năm, nhóm thân hữu Gia nã đại của Cộng đoàn đã góp những món quà nhỏ vào cho buổi lễ. Năm nay, nhóm thân hữu đã gửi sang Sikiew 600 Mỹ kim cho Cộng đoàn. Số tiền góp được (từ anh Trịnh Xuân Chính và các bạn -Toronto- 500 gia kim, anh chị Nguyễn Ngọc Tân -Montreal- 200 gia kim, anh chị Lê Thanh Hải -Sherbrooke- 10 gia kim, anh Trần Bảo Long -Sherbrooke- 10 gia kim, chị Văn Thị Yến Dung -Hoa Kỳ- 50 mỹ kim và chị Lê Thị Diễm Ái -HK- 20 mỹ kim) đã được anh Trần Văn Nhã gửi qua địa chỉ Linh mục Peter Namwong ở Sikiew. Ngày 8 và 9 tháng 9, hơn 100 trẻ em ở Sikiew đã nhận được những món quà nhỏ nhưng đầy đủ ý nghĩa và vui chơi trong buổi sinh hoạt Tết Nhi đồng do Cộng đoàn tổ chức. Dịp lễ đem lại cho các em, và cả người lớn, những niềm vui hiếm hoi trong đời tị nạn. Thờ cảm ơn của Cộng đoàn gửi cho nhóm thân hữu Gia nã đại còn

cho biết Cộng đoàn đã dành một số tiền để mua các dụng cụ cần thiết cho các lớp học tại chỗ (từ tháng 12.94, Cao ủy đã đóng cửa các lớp học, tuy thế, nhà thờ Công giáo đã mở rộng lớp giáo lý để giúp 800 em nhỏ tại đây có dịp học tập.)

Nhóm thân hữu nhân dịp này cũng mong các anh chị em tiếp tục góp phần vào những món quà cho dịp Tết Bính Tý của tị nạn trại Sikiew.

góp tem gửi báo cho đồng-bào tị-nạn

(ĐỘC-GIẢ GÓP TEM, TÒA-SOẠN TẶNG BÁO)

Để giúp cho đồng-bào tại các trại theo dõi tin-tức bên ngoài, tòa-soạn kêu-gọi quý thân-hữu và độc-giả tham-gia chương-trình "độc-giả góp tem, tòa-soạn tặng báo", chi-tiết như sau:

- Tiền tem để gửi một năm báo đường thủy (3 tháng tới): 20 mỹ-kim (28 gia-kim).

- Tiền tem để gửi báo máy bay (10 ngày tới): 40 mỹ-kim (55 gia-kim).

DANH-SÁCH ĐỘC-GIẢ VÀ THÂN-HỮU LÀNG VẦN GÓP TEM GỬI BÁO NĂM 1996:

Nguyễn Văn (MN): 1 năm báo;
Nguyễn Thu Không (CA): 1 năm báo;
Thi-sĩ Trương Chi (Montréal): 1 năm báo, 2 tờ mỗi kỳ; Vũ Nghi (BC): 1 năm báo, 2 tờ mỗi kỳ; Ngọc Hân (Texas): 1 năm báo, 3 tờ mỗi kỳ; Nha-sĩ Lương Bá Lê (Montréal): 1 năm báo, 5 tờ mỗi kỳ; Lâm Hưng và hai bé An Như (California): 1 năm báo; Nguyễn Minh Khánh (Toronto), 2 tờ mỗi kỳ trong một năm; Phạm Xuân Thảo, 1 năm báo.

Địa-chỉ Ủy ban báo nguy giúp người vượt biển:

Boat People SOS
P.O. Box 2652
Merrifield, VA 22116, USA

Địa-chỉ cơ-quan Trợ pháp cho người Việt tàm-trú:

LAVAS
P.O. Box 2606
Merrifield, VA 22116, USA



Cộng-đoàn Công-giáo Sikiew đang chuẩn-bị phát quà Trung-thu cho trẻ em tị-nạn



tin việt-nam

Dương Thượng Ngã phụ trách

Hơn 40% khách-sạn và nhà hàng là nhà thổ

Theo kết-quả kiểm-tra của bộ Lao-động và xã-hội 9 tháng đầu năm 1995, hơn 40% nhà hàng và khách-sạn trong nước là ổ chứa gái mại dâm.

Bộ này đã cho kiểm-tra 6000 nhà hàng và khách-sạn, bắt được gần 2500 nơi chứa gái.

Ngoài ra, cũng trong chiến-dịch này, Nhà nước khám-phá thêm rằng cứ trong 3 ổ điểm chuyên-nghiệp thì có 1 cái thuộc quyền quản-lý của Nhà nước ở cấp Bộ!

Bộ-trưởng Lao-động và Xã-hội Trần Đình Hoan tiết-lộ, có 170 cơ-sở Nhà nước biến thành ổ điểm, nhất là ở Sài-gòn và Hà-nội. Trong đợt tảo thanh này, 30 cán-bộ cao-cấp bị bắt quả-tang đang mua dâm.

Mua bán trẻ sơ-sinh

Một đường dây mua bán trẻ em từ sơ sinh đến 2 tháng đã bị khám-phá tại Sài-gòn. Trong số 14 người bị bắt có 4 mẹ mìn.

Đường dây này đã làm ăn trót lọt 20 vụ, chọn bắt cóc hay mua đi bán lại các trẻ sơ-sinh xinh đẹp, cứng-cáp mới chào đời tại Bệnh-viện Từ Dũ, mang về bán lại cho Việt-kieu hay

du-khách với giá trung-bình 500 mỹ-kim một em.

Công-an đã vây nhà "kho" chứa trẻ, tiếp-thu được 7 em bé dưới 2 tháng trong tình-trạng suy dinh-dưỡng trầm-trọng vì không được săn-sóc đúng cách.

VC không nhận bằng lái nước ngoài

Theo thông-báo của Sở Giao-thông Công-chánh Sài-gòn, Việt-kieu và ngoại-kieu đến Việt-nam muốn lái xe, phải:

- Đi học lái xe tại các nơi do Nhà nước chỉ-định.
- Ghi tên thi lấy bằng lái CSVN.
- Phải có giấy chứng-nhận sức-khoẻ do bệnh-viện cấp quận, huyện hay thành-phố cấp, có đóng dấu giáp lai trên ảnh chụp.
- Hồ-sơ phải kèm bản sao các giấy tờ tùy-thân hợp-pháp.

Hiện nay trên trên thế-giới chỉ có CSVN mới nghĩ ra lệ này để vùi tiền du khách.

Khi du-lịch, bằng lái do các nước Âu Mỹ cấp, có hiệu-lực tại hầu hết các nước trên thế-giới trong vòng 30 đến 60 ngày, dù rằng nước đó theo luật lái xe bên phải hay bên trái. Nếu ở lâu hơn thời-gian này, du-khách chỉ

cần thi lái để lấy bằng địa-phương.

Bốn cũ soạn lại: phải cho tiền mới nhận lại người

Võ Văn Kiệt, Thủ-tướng VC đã xác-định với các nước trên thế-giới: phải cho tiền, CSVN mới nhận lại thành-phần lao-động hợp-tác và thuyền-nhân tị-nạn.

Đức đã chịu đưa cho Hà-nội 140 triệu mỹ-kim để trả lại 40.000 lao-công. Hà-nội đã thỏa-thuận, nhưng bây giờ trật-trệ làm khó để đòi thêm.

Về phía người tị-nạn, lời tuyên-bố của Võ Văn Kiệt đã xóa bỏ kế-hoạch *Lối thứ nhì* (Track II) do Mỹ đưa ra. Theo *Lối thứ nhì*, thuyền-nhân phải hồi-hương và ở đó chờ các nước cứu-xét cho đi định-cư. Nay CSVN đòi các nước phải cho tiền mới cho thuyền-nhân về nước chờ cứu-xét, khiến kế-hoạch này coi như hỏng hoàn-toàn.

Cát súp: 6 em bị chôn sống

Theo tin *Vietnam News*, cát lở tại Vũng-tàu đã chôn sống 6 trẻ em từ 3 đến 10 tuổi.

Các em này chui vào chơi đùa trong khu-vực lấy cát. Cát súp, các toán cấp-cứu phải đào bới suốt 4 giờ mới lấy được xác các em lên.

Hội-nghị thượng-đỉnh CS thế-giới tại Hoa-lục

Giang Trạch-dân, Đỗ Mười và Fidel Castro đã họp hội-nghị thượng-đỉnh CS quốc-tế tại Bắc-kinh để bàn về tình-hình thế-giới.

Trước đó, Castro đã thăm Việt-nam và được đón-tiếp cực-kỳ trọng-thể.

Tại Bắc-kinh, Đỗ Mười và Giang Trạch-dân cũng đã họp riêng để bàn về vấn-đề Trường-sa nhưng chưa đạt tới bất cứ một thỏa-thuận nào.

Tiền đi vô, bia "liệt-sĩ" đi ra

Thủ-tướng Võ Văn Kiệt đã ký văn-thư chỉ-thị cho Ủy ban Nhân-dân

thành Hồ cày tằm bia "liệt-sĩ" gắn trong tòa Đại-sứ Mỹ trước kia ở Sài-gòn.

Tám bia này khắc tên 17 "liệt-sĩ" cách-mạng đã bỏ mình vì nước" trong trận tấn-công vào tòa Đại-sứ Mỹ tại Sài-gòn năm Mậu Thân 1968. Sau 1975, CSVN tổ-chức lễ-lạc rất long-trọng, dựng bia ngay trong đại-sảnh của tòa nhà.

Đến nay, do sự thỏa-thuận giữa Mỹ và VC, Hà-nội giao trả tòa nhà lại để làm tòa Tổng Lãnh-sự Mỹ. Mỹ lấy lại nhà nhưng không chịu lấy bia. VC cù-cưa, bảo không lấy bia thì đừng lấy nhà.

Các tướng-lãnh CSVN, trong đó có Trần Văn Trà cương-quyết chống lại việc dời bia liệt-sĩ đi nơi khác. Tuy-nhiên, dưới chỉ-thị của Võ Văn Kiệt, tám bia đã bị đục lên, mang ra dựng ngoài lề đường Mạc Đĩnh Chi, bên ngoài hàng rào tòa đại-sứ.

Hà-nội phục chức cho các cán-bộ xây nhà trên đê sông Hồng

Sau vài tháng giải-nhiệm, Hà-nội đã cho phục chức 4 cán-bộ cao-cấp đã xây nhà bất-hợp-lệ ngay trên đê sông Hồng.

Trong số 4 người này có một Giám-đốc và 2 Quận-trưởng, đã trở về chức cũ.

Sự việc trên chứng-tỏ Nhà nước bao giờ cũng chịu khép mình dưới cái dù của Đảng, và cán-bộ đảng là giai-cấp cao cấp trong xã-hội, đứng trên hiến-pháp và luật-lệ.

Tin thêm về họ Lý của Việt-nam tại Triều-tiên

Tại viện Đại-học Hà-nội hôm 31.10.1995, ông Pyun Hong Kee, nhà nghiên-cứu tộc-phả Nam Hàn, đã công-bố tài-liệu nghiên-cứu về dòng họ Lý của Việt-nam tại Triều-tiên (Cao-ly).

Trước đây, nhiều người tưởng người họ Lý đầu-tiên của VN tại Triều-tiên là Lý Long Tường. Theo ông Kee thì không phải. Người Việt

đầu-tiên chạy sang Triều-tiên là hoàng-tử Lý Dương Côn, em vua Lý Thần-tông (Lý Dương Hoán, 1116-1138). Lý Long Tường sang Triều-tiên sau Lý Dương Côn khoảng 100 năm.

Cháu sáu đời của Lý Dương Côn là Lý Nghĩa Mẫn có công phò vua Minh-tông của Triều-tiên để dẹp loạn, đã được phong chức Tể-tướng (Thủ-tướng) nước này trong 14 năm. Sau đó xảy ra một vụ chính-biến, Tể-tướng Lý Nghĩa Mẫn và 4 con bị hạ-sát.

Hậu duệ của Lý Dương Côn là Lý Tinh Thiện hiện còn sống ở Nam Hàn, có bộ *Tinh Thiện, Lý tộc thị phở* ghi rõ gốc-gác tổ-tiên.

Hậu duệ của nhánh Lý Long Tường cũng còn sống, là Lý Hoa Sơn,

cũng là dòng họ lớn, có công với Triều-tiên.

Hơn 800 trăm sống ở xứ người, cả hai nhà họ Lý đều còn giữ nề-nếp, phong-tục và ngôn-ngữ Việt-nam.

Quận mới ở Hà-nội: Tây Hồ

Hà-nội vừa cắt đất, lập thêm một quận mới lấy tên là Tây Hồ. Quận này gồm các phường Bưởi, Thụy-khuê, Yên-phụ (trước thuộc quận Ba-đình) và các xã Tứ-liên, Nhật-tân, Quảng-an, Xuân-la, Phú-thượng (trước thuộc huyện Từ-liêm).

Quận Tây Hồ rộng 20 cây số vuông, gần 70.000 dân, gồm 8 phường có tên như trên, là quận nội-thành thứ năm của Hà-nội.

chuyến lửa về quê-hương

Để giúp quảng-bá tin-tức từ hải-ngoại về nước, xin quý độc-giả và thân-hữu tiếp sức bằng cách mỗi người gửi thêm một phần, qua lối bưu điện. Có thể gửi trọn tờ báo hoặc bản chụp (photo-copy) các bài quan-trọng. Mỗi phong bì thư thường có thể gửi được 3 tờ giấy. Xin theo các địa-chỉ sau đây:

Ngân-hàng Vietcombank
108 Lê Lợi
Đà-nẵng, Vietnam

Thanh Hương Restaurant
40 Hùng vương
Đà-nẵng, Vietnam

Ngân hàng Ngoại-thương
148 Trần Hưng Đạo
Bình-định, Vietnam

Nhà Nghỉ bộ Nội-vụ
48 Ng. Bình Khiêm
Nha-trang, Vietnam

Công-ty Du-lich Ninh-thuận

đường Thống-nhất
Thị-xã Phan-rang
Vietnam

Khách-sạn Duy Tân
83 Ba tháng Hai
Đà-lạt, Vietnam

Café Tùng
6 khu Hoà-bình
Đà-lạt, Vietnam

Khách-sạn Thắng lợi
1 Duy Tân
Vũng-tàu, Vietnam

Bông Mai Restaurant
19 Phan Đình Phùng
Cần-thơ, Vietnam

Tây Hồ Restaurant
16 Nguyễn Du
Rạch giá, Kiên-giang,
Vietnam

Xuân Thanh Restaurant
đường Bến Trần Hậu
Hà-tiên, Vietnam

Võ Minh Châu
17 Trần Quốc Toàn
Hà-nội, Vietnam

Quang Đẩu
7 Phan Đình Phùng
Hà-nội, Vietnam

Phong Lê
20 Lý Thái Tổ
Hà-nội, Vietnam

Tạp-chí Cộng-Sản
1 Nguyễn Thượng Hiền
Hà-nội, Vietnam

Tạp-chí Cộng Sản
(cơ-sở miền Nam)
19 Phạm Ngọc Thạch
Q.3, TP/HCM, Vietnam

Vũ Tuất Việt
432 Ng. thị Minh Khai
Q.3, TPHCM, Vietnam

Hoàng Dạ Vũ
17 Trần Quốc Toàn
Hà-nội, Vietnam

Dương Trọng Dật
432 Ng. thị Minh Khai
Q.3, TPHCM, Vietnam

Nguyễn Hồng Phong
17 Trần Quốc Toàn
Hà-nội, Vietnam

Giadinh Bank
68 Bạch Đằng
Phường 24
Quận Bình-thạnh
TP/HCM, Vietnam

Giadinh Bank
473C Bạch-đăng
Phường 2
Quận Bình-thạnh
TP/HCM, Vietnam

Giadinh Bank
14 Nguyễn Huy Tự
Ph. Đakao
Q.1, TP/HCM,
Vietnam

Saigon Epro
121 Hai Bà Trưng
Q.1, TP/HCM
Vietnam

Saigon Epro
26 Nguyễn Thị
Q. 5, TP/HCM
Vietnam

Saigon Epro
57 Trần Hưng Đạo
Q. 5, TP/HCM
Vietnam

Saigon Epro
241 Phan Đình Phùng
Q. Phú-nhuan
TP/HCM, Vietnam

Cần Phát
180B Võ Thị Sáu
Ph. 7, Q. 3, TP/HCM,
Vietnam

UN Phonekad
80B Nguyễn Du
Q. 1, TP/HCM
Vietnam

Victor Company
2 Đồng Khởi
Q. 1, TP/HCM
Vietnam

câu chuyện trời âu

Phan Nguyễn
Minh Minh

Marco Polo ngụy tạo?

Từ xưa từ xưa, ai ai cũng nghe và biết rằng Marco Polo đã viễn du sang Á châu và đã ghi chép những điều trông thấy vào *Quyển sách những kỳ quan thế giới*, ra mắt năm 1298. Cho đến nay chuyện đó đã gần như là một khẳng định.

Ấy thế mà sắp tới đây bà France Wood, một trong những sử gia nổi tiếng của Anh quốc và trưởng ban Trung Quốc ở Thư Viện Anh, sẽ cho xuất bản một quyển sách tựa đề *Marco Polo có đi Trung Quốc hay không?*, đặt nghi vấn về thiện chí cũng như thành tựu của người dân nổi tiếng đất Venise đã từng đi vào truyền thuyết vì có công mang mì sợi Trung Quốc du nhập nước Ý. Để quảng cáo tác phẩm sắp ra đời, bà đã viết một bài trên tờ *Times* đả phá những điều mà trước nay được coi là sự thực của Marco Polo.

Theo France Wood thì thật là vô cùng khả nghi vì làm thế nào mà nhà du hành đó có thể đi lang thang từ nơi này sang nơi khác mà không ghi nhận một vài chi tiết tiêu biểu của Trung Hoa như: Vạn Lý Trường Thành, trà Tàu, đồ sứ, loại chữ tượng hình và những người phụ nữ bó chận. Bà mỗ xẻ từng li từng tí quyển sách nói trên của nhà du hành đất Venise để chứng minh và biện minh cho quan điểm của bà. Từ căn bản đó, bà lập luận

rằng có thể Marco Polo chỉ đến được Constantinople và Trung Đông. Còn những chi tiết mơ hồ và không chắc chắn liên quan đến Trung Quốc có thể chỉ là những dữ kiện nghe thấy hoặc sao chép mà thôi. Bà tự hỏi tại sao Marco Polo đã sinh sống 17 năm trên đất Mông Cổ để khám phá lục địa thênh thang của Trung Quốc mà chẳng thấy một nhà biên niên sử nào nhắc nhở và ghi nhận chuyến đi của ông ta cả? Theo bà thì thực ra nhờ thời gian ngồi tù ở Gênes cùng với Rusticello, một tên kẻ thuê viết mướn giàu óc tưởng tượng, nên chuyến viễn hành của Marco Polo đã trở thành một loại phiêu lưu ký. Một quyển sách "viết bằng bốn tay".

Ai đúng và ai sai chưa biết, nhưng có người cho rằng vì cứ chạy xe tay trái và uống bia ấm nên người dân Hồng Mao thường muốn mình khác người. Thậm chí bà Wood còn muốn đòi Marco Polo phải chứng minh chuyến đi của mình bằng hình ảnh đính kèm. Rất tiếc thời đó chưa có máy ảnh!



Cho Avril, người tình

Avril là tên gọi của tháng Tư dương lịch. Bước vào tháng Tư người Tây thường nghĩ đến chuyện cá tháng Tư, một chuyện đùa nghịch giỡn chơi rồi bỏ. Nhưng không, ở đây Avril là tên gọi một cô gái, người tình của một doanh nhân giàu có nước Anh, cho nên chẳng còn là chuyện đùa dai giỡn ngán nữa. Avril, khi mang tên gọi Avril chắc là nàng phải có cái vẻ yêu kiều duyên dáng thoáng nhẹ của những cơn mưa bóng mây ngày xuân. Avril, khi mang danh tính Avril chắc nàng là cơn mát dịu, là cuộc đời. Cho nên chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi nàng làm cho ít ra có một con tim rối loạn nhịp đập. Avril năm nay có lẽ vào khoảng 25 cái xuân xanh.

Chuyện rằng vào dịp hè 1989 ở Costa Brava (duyên hải Catalogne, Tây Ban Nha), Avril gặp được người đàn ông kỳ bí kia. Những tưởng là một chút tình ngày hè tháng hạ, vui chơi trong một đêm nào đó rồi thôi đường ai nấy đi. Và lại hai người cũng không cần biết tông tích lẫn nhau. Để làm gì chứ? Trai gái bây giờ, nhất là trai gái phương Tây nữa, coi chuyện tình tự như một lần thử nghiệm. Nhưng người đàn ông triệu phú kia lại là khách hào hoa phong nhã, mang trong người cả một trời lãng mạn. Từ đêm hôm đó đêm gì mà ông không làm sao quên được nàng Avril. Cho đến một hôm trời bắt chết và để cụ thể hóa mối tình chung thủy đó ông đi chúc để trọn gia tài cho Avril. Một cử chỉ đẹp được tờ *Daily Telegraph* của Luân Đôn đăng tải.

Thế là cảnh sát bủa lưới đi tìm Avril. Mà Avril gì mới được chứ? Chỉ có tên mà không có họ thì biết đâu mà tìm?

Avril, khi mang tên Avril, nàng là người độc nhất vô nhị. Nàng rất xứng đáng với câu chuyện tuyệt vời đến như vậy. Và mong sao câu chuyện cũng sẽ kết thúc một cách thần kỳ. Cho Avril như là buổi đầu của một thời xuân chứ không phải là câu chuyện cá tháng Tư.

Lo âu vì dư thịt

Theo một tài liệu nghiên cứu y khoa vừa công bố gần đây thì một vài kí lô thịt thặng dư sẽ làm tăng nguy cơ tử vong của những phụ nữ mà độ dày tuổi tác vượt quá 35 cái xuân xanh. Trái lại, các bà mảnh khảnh thì chữ thọ được bảo đảm hơn.

Sau khi theo dõi kỹ lưỡng 116.000 nữ y tá từ năm 1976 đến nay, các nhà nghiên cứu đã nhận thấy rằng những phụ nữ trên 35 tuổi có trọng lượng dư thừa từ 15 đến 20 kí lô thường dễ bị ung thư kết tràng, tử cung hay nhũ hoa cũng như dễ bị tai biến về tim hơn.

Theo tài liệu nghiên cứu của bác sĩ Joann Manson, một phần tư số tử vong của phụ nữ trên 35 tuổi có thể là do trọi cân mà ra. Cũng theo kết quả nghiên cứu này thì các bà mảnh khảnh có tuổi thọ khá hơn. Chẳng hạn như những phụ nữ cao 1 thước 65 phân mà cân nặng 54 kí có tỷ lệ tử vong thấp hơn. Cũng một chiều cao đó nhưng cân nặng từ 68 đến 73 kí lô thì tỷ lệ tử vong cao hơn 30% so với các bà cân dưới 54 kí, và 60% cao hơn đối với những phụ nữ nặng từ 74 đến 80 kí lô. Bác sĩ Joann Manson kết luận rằng nếu nghiên cứu như thế đối

với đàn ông thì cũng sẽ dẫn đến kết quả tương tự. Cho nên, ở trời Tây bây giờ trọng lượng dư thừa rất có thể trở thành nguyên nhân thứ nhì về tử vong, sau thuốc lá.

Cha kiện con vì cái họ

Ai quan tâm đến hải dương học chắc phải nghe danh thuyền trưởng Jacques-Yves Cousteau (JYC), một sĩ quan hải quân chuyển ngành sang hải dương học, làm phim chuyên về lòng biển và đại dương. Nổi danh như vậy nên ông muốn rằng danh tính của ông phải là độc quyền của riêng ông. Cho nên mới đây ông đã đâm đơn ra tòa kiện người con trai trưởng của ông về tội lạm dụng tên tuổi ông.

Số là Jean-Michel Cousteau (JMC) có mở một cơ sở kinh doanh du lịch trên vùng đất rộng gần 7 mẫu tây trong vịnh Savusavu thuộc hải đảo Fidji (châu Đại Dương) lấy tên "Cousteau Fidji Island Resort". Lão Cousteau bố cho rằng cậu cả đã lợi dụng giòng họ lừng danh vào một sinh hoạt "có tính cách chủ yếu thương mại".

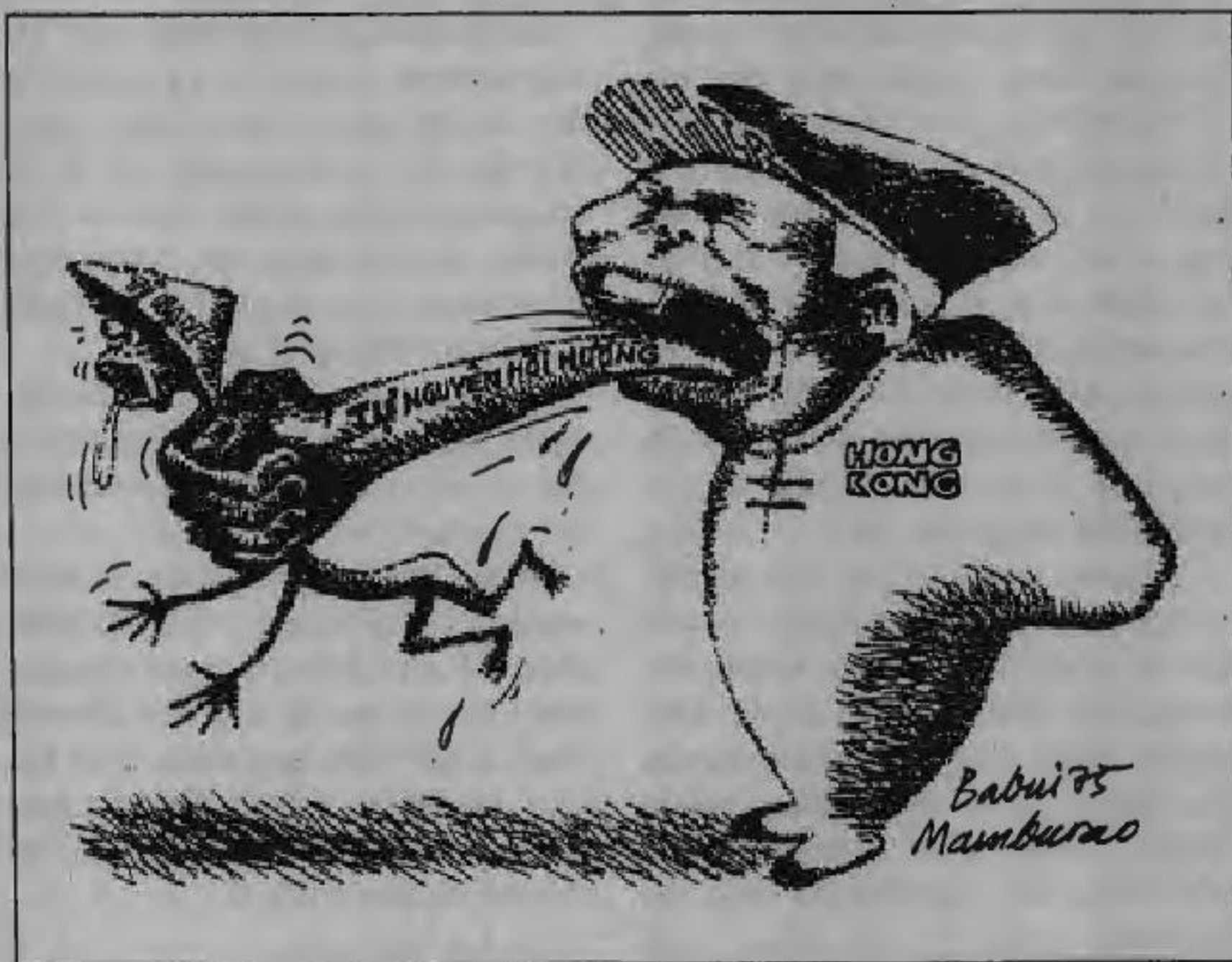
Đúng ra cái họ Cousteau "trót nổi cộm" đó đã trở thành một loại nhãn hiệu cầu chứng tại tòa, một danh hiệu

pháp lý đích thực và như vậy đương nhiên sẽ làm cho quần chúng dễ liên tưởng đến bóng dáng của nhà hải dương học nổi tiếng mà không cần thắc mắc. Nhân vật duy nhất xứng đáng với tên gọi Cousteau đòi hỏi cậu con trai doanh nghiệp kia phải cho tên tuổi Jean-Michel của cậu đi kèm với cái họ Cousteau trên danh hiệu làm ăn, cùng một cỡ và một loại chữ, trên mọi ấn phẩm quảng cáo và đính kèm một lời giải thích rằng công ty của cậu không liên quan gì đến cá nhân thuyền trưởng Cousteau hay hiệp hội Cousteau. Thật là dài dòng lời thôi nên Jean-Michel không chấp nhận đòi hỏi của Jacques-Yves và cho rằng ông bố đã xen vào chuyện nội bộ của cậu.

Thế nhưng dư luận cho rằng đầu mối của cuộc chiến có tính cách giòng họ này không những nằm trên khía cạnh thương mại mà còn thuộc câu chuyện dài mang tính tình cảm gia đình nữa. JMC là con giòng lớn không được JYC thương yêu lắm vì bao nhiêu tình cảm JYC đã trót dành cho cậu con trai kế là Philippe, được JYC coi như là "hoàng thái tử" nhưng rủi thay đã tử nạn phi cơ hồi năm 1979, hưởng dương 39 tuổi. Sau đó, ông bố mới đem cậu JMC vào hiệp hội Cousteau, những mong rồi đây JMC sẽ nối nghiệp cha.

Nhưng, với 69 tuổi đời mà JYC vẫn còn tráng kiện yêu đời, yêu hoa biết nói, yêu loài nai móng đỏ móng xanh. JYC đi thêm bước nữa trên con đường tình ái và lập một "túp lều lý tưởng" với một phụ nữ Hoa Kỳ nhỏ hơn ông khoảng nửa số tuổi. Đỏ tình, đen bạc, công ăn việc làm của JYC ngày một tuột dốc, rồi thì nợ nần chồng chất. Trong khi đó JMC tiếp tục con đường ăn nên làm ra khiến ông bố - đã có lần tuyên bố với các nhà báo rằng: "Con trai tôi (JMC) dễ thương nhưng bất tài" - phải đâm ra bực tức.

Thôi xin can thuyền trưởng, ông bà Việt Nam chúng tôi thường dạy: "Con hơn cha, nhà có phúc". Vậy thì hãy bình tâm vui vẻ ngồi vuốt râu mà nhìn con đường sự nghiệp của con cái



mình ngồi sáng. Thừa kiện nhau làm gì khi ông đã thuận tình cho cậu cả mang lấy cái họ của ông, chỉ tổ nuôi béo các trạng sư, thầy cãi!

Mèo hoang giữa Ba Lê

Số lượng mèo thặng dư đang là một tai ách cho thủ đô ánh sáng này! Nhằm cứu vãn tình thế khá nguy kịch đó, Hội Bảo Vệ Thú Vật (SPA) vừa cho thành lập một trung tâm tuyệt sản loài mèo. Hoạt động trong phạm vi một bệnh viện thú y cũ thuộc quận XII của Ba Lê, những chuyên viên ngành hoạn hành nghề miễn phí để khuyến khích những chủ mèo đem mèo đến “kế hoạch hoá gia đình” mà không phải trả một phí khoản nào cả.

Ngoài ra, người ta cũng mở một chiến dịch rầm rộ nhằm giảm thiểu số mèo hoang lang thang trên phố phường Ba Lê. Theo ông Didier Lapostre, giám đốc trung tâm SPA ở Gennevilliers (ngoại ô tây bắc Ba Lê) thì phương pháp tuyệt sản là một bước tiến “văn minh văn hóa” hơn cung cách đầu độc hàng loạt được áp dụng cách nay chừng vài năm. Trong chiến dịch này, trên 150 con mèo hoang trong công viên Buttes-Chaumont đã được thiến để chặn đứng đà sản xuất.

Các ông Tây bà Đàm vốn yêu thương chó mèo vậy mà đến một mức độ nào đó họ cũng ứ tới cổ họng.

Thanh niên với tệ nạn nhậu nhẹt

Một công trình nghiên cứu, do Viện Nghiên Cứu Khoa Học về Chất Uống (IREB) tiến hành với một đối tượng là 6850 thanh thiếu niên Pháp, Anh và Tây Ban Nha, cho thấy rằng thanh niên Pháp tiêu thụ rượu ít hơn thanh niên Anh nhưng nhiều hơn thanh niên Tây Ban Nha và thanh niên Pháp bắt đầu biết “xỉn” sớm hơn.

Gia đình càng đoàn kết yêu thương nhau thì thanh thiếu niên càng ít nhậu hơn. Trái lại khi liên hệ gia đình lỏng lẻo, rời rạc, cha mẹ không quan tâm đến con cái thì thanh thiếu niên của

gia đình đó sẽ tìm đến rượu như một nguồn an ủi, một người bạn. Mặt khác, ở Tây Ban Nha tỷ lệ cha mẹ cấm con uống rượu cao hơn ở Anh gấp ba lần. Pháp ở mức lưng chừng.

Ở Pháp, cơn say rượu lần đầu xảy ra vào lúc tuổi chưa lên tám, giai đoạn mà các cậu thường dứt điểm các giọt rượu thừa trong ly của cha mẹ vào những dịp lễ lạc trong gia đình. Các cậu người Anh và Tây Ban Nha thì chậm lụt hơn. Theo giáo sư Jacques Weil, chủ tịch Ủy ban Khoa học của IREB, thì trên đất Pháp, các vùng ngoại ô thị xã nhỏ và nông thôn nhậu nhẹt nhiều hơn và con trai bỏ bộn con gái rất xa về mặt này. Các cậu lứa tuổi 17 “dzô” trung bình một ngày khoảng 14 ly trong khi các cô cùng tuổi chỉ có 3 ly.

Staline nhào nặn giáo hội Chính Thống

Từ khi hồ sơ mật của Liên Xô cũ được tự do khai thác, đồng tài liệu của Ủy ban nhà nước về các vấn đề tôn giáo đã bật mí ra nhiều tội ác của Staline trong chiến tranh nhằm đè bẹp giáo hội và âm mưu biến giáo hội Chính Thống giáo thành công cụ cho chính sách của hắn.

Để đạt được kết quả đó, trước hết Staline phải tạo nên một thần tượng khác cho dân chúng, thay thế tôn giáo.

Là người thừa kế Lénine, Tổng bí thư đảng từ năm 1922, Staline dường như không xuất sắc bằng một số đồng sự. Những người này nhìn hắn với ánh mắt khinh thường và không thể tưởng tượng nổi là con người thấp bé cục mịch và mặt rỗ hoa mè kia lại có thể làm nên trò trống gì đặc biệt.

Ấy thế mà Staline đã đem lại được cho người dân Nga một “thượng đế” khác. Năm 1924, bất chấp di chúc của Lénine và những khóc than khẩn cầu của Kroupskaia, vợ Lénine, là được nghìn thu yên giấc bên cạnh mẹ của ông tại Saint-Pétesbourg, Staline ra lệnh đem ướp cái thi thể nổi tiếng kia. Vận dụng xảo thuật, Staline đánh lừa Trotsky, nhân vật nổi tiếng nhất,

bằng cách nói dối hắn về ngày lễ tang. Trong khi đám đông đưa ma đang lo âu, hoang mang và thút thít khóc thì Staline lên tiếng bằng một giọng trầm buồn: “Chúng tôi xin thề sẽ theo đuổi sự nghiệp của đồng chí, xin thề...” Xuyên suốt bài phát biểu lễ tang của “đồng chí” lần hồi các cặp mắt ứa lệ khô dần và các nét mặt bắt đầu rạng rỡ. Những tâm hồn cuồng si nặng chất bôn-sê-vít chớm thấy ở Staline một “ông thánh sống”, con ngoan của “lão thánh chết” còn nằm đó. Hy vọng bắt đầu nhen nhúm trở lại ở quần chúng và các ủy viên trung ương đảng đang quay quần bên xác chết bắt đầu lo sợ. Từ trước đến nay bộ Chính trị Bôn-sê-vích vốn gồm những người trí thức, thường coi Staline như là một nhân vật “tâm thường xuất chúng” theo cách nói của Trotsky, chẳng coi Staline ra gì hết. Nhưng trong giây phút quyết định vừa qua, người cựu học sinh chủng viện, gã lùn có râu mép, con một người thợ đóng giày, tên nhà quê vùng Georgie kia vừa phát sinh ra một tà giáo đích thực. Quần chúng nhân dân lại bắt đầu hờn hờ... Vốn là cựu chủng sinh, Staline dư biết tác dụng của tôn giáo. Hắn quyết định thay đổi đường lối đối với giáo hội Chính Thống giáo Nga.

Vào một ngày đẹp nắng của buổi vào thu năm 1943, dựa vào thắng lợi của Hồng quân trên chiến trường Stalingrade, Staline nghĩ rằng thời cơ chiến lược đã nằm trong tay hắn. Với sự dàn xếp của Béria, tên trùm mật vụ Liên Xô, các cấp lãnh đạo của Giáo hội Chính Thống giáo đã họp lại, có sự hiện diện của giáo chủ Serge, người sau này trở thành giáo trưởng Nga. Qua cuộc họp này, người ta mặc cả trắng trợn với những tai to mặt bự của Chính Thống giáo. Người ta hứa rằng nhà nước Liên Xô sẽ trợ cấp cho giáo hội với điều kiện là giáo hội phải chấp nhận hoàn toàn sinh hoạt trong vòng kiểm soát của nhà nước và như vậy trở thành công cụ ngoan ngoãn để bảo vệ đường lối ngoại giao Liên Xô. Một giáo hội quốc doanh, theo cách nói ngày nay.

Sau đó, Staline đưa ra một ý niệm theo đó Chính Thống giáo Nga nên trở thành một Vatican mới và đấu tranh quyết liệt chống lại La Mã. Đồng thời hắn cũng dựng lên một tổ chức để trông coi việc thực thi điều này. Dĩ nhiên tổ chức này thuộc ngành công an mật vụ. Đại tá Karpov, nhân viên của NKVD (Ủy ban nội chính) và chuyên viên khuynh đảo, được chỉ định cầm đầu tổ chức.

Các bản báo cáo của Karpov trình lên Staline và Béria, vừa được tiết lộ, đã nói trắng ra những âm mưu khai thác tôn giáo của bọn cầm quyền Liên Xô thời bấy giờ. Có hai đường lối được áp dụng để bảo đảm thế bá chủ của Chính Thống giáo Nga. Trước tiên, giới chức các nước Trung Âu phải trung thành với Mạc Tư Khoa. Người đứng đầu các nhà thờ ở những nước này phải là người trung thành, thậm chí phải là những giáo phẩm do Mạc Tư Khoa phái đến. Điện Cẩm Linh còn kín đáo phái người đi khắp nơi trên thế giới, như ở Syrie, ở Alexandrie và nhất định là ở Jérusalem. Đối với trường hợp giáo trưởng Maxime (Thổ Nhĩ Kỳ), tên mật vụ Karpov đề nghị Staline cung cấp cho ông ta một số tiền vô cùng hậu hĩ là nửa triệu mỹ kim nại lý do rằng: "Đã trung thành thì ông ấy sẽ

càng trung thành hơn..." Với các nhà thờ Chính Thống giáo ngoại quốc khác, Điện Cẩm Linh không những mua chuộc bằng những số bạc khổng lồ mà còn bằng những tặng vật hiếm quý. Chẳng hạn như năm 1945, Mạc Tư Khoa đã lấy ở các viện bảo tàng Liên Xô 42 tượng cùng tranh thánh và 28 thánh tích của tu viện nổi tiếng Trinité-Saint-Serge để làm quà tặng.

Nhờ đồng hồ sơ lưu trữ được công khai hóa mà người ta biết bọn cầm quyền ở Điện Cẩm Linh đã cấu kết móc ngoặc với lũ giáo gian thời cộng sản ra sao. Tuy nhiên, những bí ẩn của lịch sử cận đại Nga chưa hoàn toàn được phơi bày ra ánh sáng và hồ sơ lưu trữ của KGB liên quan đến các quan hệ gần đây giữa nhà nước và giáo hội còn được bảo mật. Ít ai muốn giải mật các hồ sơ đó vì sợ làm mất mặt một số nhân vật uy thế ở nhiều nơi trên thế giới.

Thầy nào, trò nấy! Đường lối tôn giáo vụ của Hà Nội cũng chạy cùng đường rầy theo kiểu Staline. Nhưng, may thay, ngày nay quần chúng nhân dân đã thấy rõ những bàn tay bẩn đằng sau các vụ sắp xếp giáo quyền và giáo hội nặng tính quốc doanh trên đất nước gọi là "CHXHCN Việt Nam". Thế nên phương cách đó cũng chẳng lừa ai được nữa!

Người bán Mata Hari

Ngày lễ kỷ niệm Chiến Thắng 11.11.1918 năm nay, người chiến sĩ "lông lá" của Thế Chiến I Maurice Halbin mới được chính tay ông xã trưởng Ferlin gắn chiếc mề đai điều hạng năm! Cũng như 5000 chiến sĩ "lông lá" khác của trận chiến 14-18 đã bị "quốc gia tri ân" bỏ quên từ bấy đến nay mà may mắn thay còn sống sót đến bây giờ.

Tuy nổi hân hoan hồi hộp đang trào dâng trong lòng già 97 niên kỷ nhưng Maurice vẫn không quên một buổi sáng lạnh của tháng 10 năm 1917, ông đã phải chĩa súng vào một người đẹp 41 cái xuân xanh: Mata Hari, người nữ gián điệp.

Ngày 15.10 năm đó Maurice mới

19 tuổi. Bị động viên làm nghĩa vụ quân sự và nhập ngũ mới được vài tháng thì chàng lính mới tò te kia lại phải rút thăm để xung vào đội quân hành quyết xử bắn cô vũ nữ người Hà Lan tên Margareta Zelle, bí danh Mata Hari.

Anh tân binh quân dịch năm nào, cũng như bạn bè anh, biết một cách mơ hồ rằng cô ta là điệp viên H21 bị xử tử vì tội làm gián điệp cho Đức. Nay thì cụ Maurice kể rằng: "Sáng hôm đó sương mù dày đặc. Lúc đó là 4 giờ sáng. Đội hành quyết đứng vào vị trí trong những hầm hào của đồn Vincennes. Một đoàn xe chạy tới. Một phụ nữ duyên dáng, trầm tĩnh và tươi cười đã có mặt, ra vẻ can đảm. Bà từ chối không chịu bị mất rồi bà vẫy tay chào chúng tôi." Mata Hari ngã quỵ dưới loạt súng vang dội giữa bình minh thanh vắng.

Vấn xúc động vì hình ảnh ấy, Maurice Halbin lúc nào cũng mong rằng: "Có thể là không phải tôi đã bắn chết bà ta."

Vui buồn trời Âu

Theo thống kê của bộ Y Tế Nga thì trong năm vừa qua nước này ghi nhận có trên ba triệu lần phá thai, phần lớn thuộc thành phần thiếu nữ. Trong 5 năm sau này số thiếu nữ dưới 17 tuổi đi phá thai tăng gấp đôi và mỗi năm có trên 3.000 thiếu nữ dưới 15 tuổi đi phá thai. Theo những nhà chuyên ngành thì số lần phá thai gia tăng nhiều là do phong trào "cách mạng tình dục" hiện nay ở Nga La Tư và nhất là do sự tràn ngập của phim ảnh tình dục và khiêu dâm.

Jerry Hall đã thuê một nhà thôi miên để giúp cô cai thuốc lá. Cô người mẫu này hút mỗi ngày 40 điếu thuốc vì cô nghĩ rằng đây là phương cách duy nhất để giữ thân mình thon đẹp. Nhưng chồng cô là Mick Jagger, ca sĩ trong ban nhạc Rolling Stones, lại là môn đệ của cuộc sống lành mạnh không muốn nghe đến chuyện thuốc lá. Nếu Jerry không bỏ thuốc thì anh ta sẽ bỏ cô.



Xuân Nữ Phù Tang



Vi An

Xin được giới
thiệu cùng bạn
đọc người đẹp
Phù Tang trong
bức ảnh ở trang

sau: Nữ nghệ sĩ Ishida Hikari (Thạch Điền - Quang Tử). Tuổi nàng tính tới Tết Con Chuột 96 vừa tròn đôi mươi. Nàng không *không đẹp mặn mà như nàng hồng kiều sa* nhưng nàng dễ thương tựa loài hoa trinh nữ. Nhìn hình, bạn sẽ biết ngay nàng vừa đi lễ chùa đầu năm về bởi mặt hoa tươi rói. Nàng mới rút trúng một quả xăm "thượng thượng", trên tay cầm một mũi tên màu trắng (được tặng hay mua tùy chùa). Đây không phải là mũi tên dùng để bắn lũng tim... tình địch hay để rửa hận... kẻ bạc tình đâu! Nó là mũi tên trừ tà, hàm ý mang may mắn, khỏe khoắn suốt năm.

Đến giữa tháng giêng năm mới này, xuân nữ Thạch Điền - Quang Tử sẽ thành nhân. Tuổi trưởng thành ở Nhật qui định là 20 tuổi và tính theo ngày tháng sinh. Nàng sẽ diện bộ áo dài kimono xinh lịch nhất mà nàng đã hấp tấp níu xệc, cất riêng để dành mặc vào ngày trọng đại nhất của cuộc đời mình. Cùng với các trai, gái đồng niên, nàng sẽ được mời tới sảnh đường của Tòa Đô Sảnh Đông Kinh (nơi nàng ngụ cư) đăng dự lễ Thành Nhân Seijin vô cùng trang trọng và để nhận "bằng" - một tờ giấy to như tấm "bảng danh dự" nơi trường lớp Việt Nam trước 75, tức được ấn chứng đặc

quả vị... "người nhớn". Ômedeto, nhớ chúc mừng cho nàng bạn nhé. Từ đây đời nàng sẽ tự do, nàng có quyền "iêu" và kết hôn với người mình "iêu" dù mẹ cha có cấm cản. Nàng còn được phép uống bia uống rượu, phì phèo thuốc lá tha hồ miễn đừng hút xì-ke là được. (Bạn nên hiểu là ở Nhật, mấy ông nhô nghịch ngợm, hút lén thuốc lá tại sân ga, nhắc thấy bóng nhân viên nhà ga là phải dụi tắt vội vàng ngay; lạng quạng sẽ bị tóm đầu gọi phú-lít tới bóp bóp, bắt đợi phụ huynh nghỉ sở đến lấy lục xin lỗi và bảo lãnh về giáo dục).

Tại Kyoto, một đội nữ trang phục kiểu Cung Đạo sẽ đại diện cho nhóm nam nữ thành nhân, biểu diễn một màn bắn cung tập thể rất ngoạn mục trước hàng vạn khán giả và thân thuộc đám thành nhân tới dự khán. Tập tục này hình như mang ý nghĩa "sức bật của tuổi trẻ", chúc họ phóng nhanh phóng đẹp vào tương lai. Điểm đáng ngưỡng mộ là xã hội Nhật Bản đã đào tạo những thế hệ phụ nữ vừa nhu vừa cương, đã lịch sự nhã nhặn, đảm việc nhà và rất khỏe mạnh. Họ thừa sức cáng đáng công việc của đàn ông một khi có tiếng gọi như bài quốc ca Kimi Gayo (tạm dịch: "Này công dân ơi!"). Dặn nhỏ bạn một điều: chớ có hiểu kỳ mà mở quốc ca Nhật ra nghe giữa ba ngày Tết đấy nhé; nó nào nuốt, nghe sâu đứt ruột như bài... kèn đám ma vậy bạn à!) Những phụ nữ *Genki* (khỏe mạnh) đó đã sản sinh ra một

dân tộc ngày xưa thì lùn, vóc to ngang; ngày nay thì càng lúc càng cao lớn, cường tráng, đủ để... uỳnh lộn tay đôi với Mỹ và đè anh Mỹ bự con nằm bẹp dí dưới sàn đồ vật chẳng hạn. Cũng những phụ nữ ấy đã đẻ ra những đại công ty kinh tế, tài lực dư sức lay chuyển hoàn cầu như Mitsubishi, Nissan, Toyota, Kawasaki, Honda... Các công ty Nhật thường đặt theo họ của một gia tộc, tí như Honda là của họ Bản-Da, Suzuki là của họ Linh-Mộc...v.v... Điều này bắt nguồn từ dĩ vãng phong kiến, thời sứ quân lãnh chúa xa xưa. Từ đầu thế kỷ 20, các gia tộc giàu có đã tạo ra nhóm Zaibatsu (tài phiệt), mỗi nhóm là một công ty do một dòng họ cầm đầu, thế lực mạnh đến nỗi những đảng phái chính trị bấy giờ đều phải qui phục họ. Ngày nay cũng vậy, họ "đỡ đầu" cho đảng các ông to.

Ngó sơ qua cứ ngỡ là các nhóm tài phiệt ấy chia rẽ, mạnh ai nấy màn! Sự thật, họ liên kết và phân vùng, phân khu vực kinh tế tựa tựa như lối mần ăn của... xếp Al Capone vậy. Nhờ đó, ít khi họ có chuyện đụng chạm, đập nhau sút đầu mẻ trán. Họ là "hoà nhân" mà! Hướng chỉ họ có cùng một bà mẹ đẻ ra, cùng một họ Thái Dương, na ná như dân Việt Nam có cùng họ... Hồng Bàng vậy. Hễ gặp sự biến, cần phải chọi nhau với tư bản Mỹ chẳng hạn, họ sẽ cùng nhau thảo luận kín, đề ra phương án đối phó.

Phương án, kế hoạch của họ thường rất... cứ an tư nguy, lo xa từ ba tháng đổ lên cho tới đầu thế kỷ 21. Quả tình dân Nhật rất thông minh, thức thời; đừng cho là họ cổ hủ thành kiến, bởi hễ cần đổi mới là họ làm ngay, vát ngay cái cũ mà họ xét thấy không cần thiết, vát đồng loạt, cả nước cùng vát (mấy tay “ve chai” Việt tộc đến xứ Huê Anh Đào trúng mảnh to là vì thế).

Trở lại chuyện sản sinh, đẻ đẻ... Đầu năm đầu tháng nói đến “đẻ” là rất hên. Đồng tiền không đẻ ra tiền là đồng tiền dậm chân tại chỗ, sẽ hao mòn; bởi vậy bạn cứ mạnh dạn chúc nhau sinh đẻ tưng bừng như lời thơ cụ Tú Xương:

*Lẳng lẳng mà nghe nó chúc con,
Sinh năm đẻ bảy được vuông tròn.*

Nhắc đến các cụ, lại thấy các cụ ta ngày xưa khôn ngoan, thâm thúy

com Tàu ngon, ở nhà Tây mát là đã đành rồi, nhưng còn vụ “vợ Nhật”? Lắm người hiểu sai ý các cụ, tưởng các cụ ám chỉ mục để tam khoái rồi hè nhau đi mua cuốn *Nghệ thuật ái ân xứ Hoa Anh Đào* về... gối đầu giường. Hiểu theo lối ấy là phỉ báng cha ông! Về khoản sex, chưa chắc dân Nhật đã qua mặt nổi dân Tàu. Cứ lật thử cuốn *Hoàng đế nội kinh* hay *Nhục bồ đoàn*, *Tổ nữ kinh*... là rõ! Đàn bà Á Đông ở đâu lại không chiều chồng. Bạn đòi bằng chứng? Có ngay. Đàn bà Việt Nam đẻ nhất chiều chồng:

*Đang khi lửa tắt, com sôi,
Lợn kêu, con khóc, chồng đòi tôm tem.
Bây giờ lửa đã nhóm lên,
Lợn no, con nín, tôm tem thì tôm!*

Như bạn đã thấy, người đẹp Phù Tang không đẹp lộng lẫy như gái Hồng Kông, gái Đài-Loan; không mang nét đẹp của “người trong

mộng” Thúy Kiều mà vẻ nghiêng thành, sắc sảo đã làm bao kẻ tu mi nam tử đi tàu suốt (theo lời bàn mao tôn cương của công tử Hà Đông Hoàng Hải Thủy).

Xuân nữ Phù Tang thường có vẻ đẹp kiểu Thúy Vân:

*Khuôn trăng đầy đặn
Nét ngài nở nang*

*Hoa cười ngọc thốt đoan trang
Mây thua nước tóc
tuyết nhường màu da.*

Càng đi sâu vào miệt vườn, miệt quê, bạn càng khám phá ra hàng... sư đoàn người đẹp

khuôn mặt tròn xoe. Kết hôn với loại phụ nữ có tướng “vượng phu ích tử”

này, bạn sẽ không bao giờ “ân hận, rất ân hận”, bởi bạn sẽ yêu vợ cho tới khi con tim ngừng đập, sẽ yêu con đợ hiền của bạn thiết tha như yêu lần đầu, sẽ yêu dài lâu.

Con người ta sống ba vạn sáu nghìn ngày (nói kiểu lý tưởng, sống tới bách niên), ngày chỉ có 24 tiếng đồng hồ, vậy mà việc hăng, việc nhà, người đàn bà Nhật vẫn chu toàn đủ bốn phần. Tối đến còn phải nấu nước nóng cho chồng tắm. Bao giờ chồng cũng được ưu tiên tắm trước, đôi khi còn được vợ kỳ cọ lưng cho nữa. Trong xã hội Nhật, tục trọng nam khinh nữ rất hiển nhiên. Cách đây chừng vài thế kỷ, muốn bỏ vợ để lấy cô vợ mới toanh khác, đàn ông Nhật chỉ cần nhúng bút lông vào mực, thảo nguệch ngoạc trên giấy đúng... 3 dòng rưỡi, đại khái: “Tui tên là Bi-An, nay bố cáo: Từ con đợ cả chốn của tui”, rồi dán lên trước cửa, sau đó tổng vợ ra khỏi nhà nháp nháy 30 giây. Bây giờ thì mọi việc đã khác. Các bà không bằng lòng chồng, chỉ việc lái xe chạy ào ào ra toà nạp đơn từ chồng theo đúng tác phong Âu Mỹ. Thành ngữ “lấy vợ Nhật” có lẽ không còn áp dụng được nữa.

Cối Phù Tang bước tới những ngày cận Tết, giá cả càng lúc càng tăng, nhưng qua Tết lại trở về bình thường. Các bà nội trợ đang tất tả chạy vội ra siêu thị mua khay Osechi tựa như khay bánh mứt ở quê ta, cao từ 3 đến 5 tầng, đầy đủ sơn hào hải vị, mặn ngọt đủ cả để dùng cho ba ngày Tết khỏi mất công nấu nướng.

Một tiếng “cạch” vang lên, cái video cài giờ mở tự động đã bật nút, trên màn ảnh một nụ mai vàng xuất hiện, rồi cô Như Mai xinh như mộng lúc lắc múa bên cạnh tượng ba ông Phúc Lộc Thọ. Nàng xẹt thật nhanh qua vuốt cái bụng bự lòi rún của ông Phật Di Lặc khiến ông cười toe, cô Như Mai cũng cười. Ôi, đẹp thay hình ảnh mùa xuân! *Xuân đã đến rồi, gieo rắc ngàn hồn hoa xuống đời....*

Vàng mùa xuân đã thật sự đến rồi bạn ạ!



lắm. Các cụ bảo: “Ăn com Tàu, ở nhà Tây, lấy vợ Nhật”. Hai chuyện ăn

tin văn xứ người

Nguyễn Nhạn Sơn



Một thái độ

Cuộc Trưng Cầu Dân Ý về vấn đề tách Québec ra khỏi Liên Bang Gia-Nã-Đại đã có câu trả lời ngay chiều ngày 30.10.1995: Số người muốn giữ Québec trong Liên Bang nhiều hơn. Nhưng kết quả cũng đồng thời thông báo một điều đáng ngại: Số người muốn tách cũng nhiều gần bằng.

Trước đó vài ngày, tôi đọc thấy trên tờ *The Globe and Mail* một bài thơ có hình thức rất lạ: Bằng hai thứ tiếng Pháp và Anh. Chính cái hình thức song ngữ này khiến tôi phải để ý đến bài thơ. Nhưng khác với ý nghĩ của tôi lúc ban đầu, người làm bài thơ có cung cách nghiêm chỉnh, tình ý thiết tha, chớ không phải đùa cợt. Dùng hai thứ tiếng trong bài thơ là để bày tỏ thái độ.

Bài thơ khá dài, không tiện chép lại cả nguyên tác. Sau đây, tôi chỉ chép mấy câu đầu, nhưng sẽ dịch trọn bài, để các bạn thấy tình cảm của người dân của cái xứ "nhiều sắc dân, nhiều ngôn ngữ, và nhiều... tuyệt" này, nó phức tạp đến như thế nào.

Tác giả bài thơ là Paul Wilson, ở Nepean, tỉnh Ontario. Nhan đề bài thơ là *This land is our land* (Đất nước này là của chúng ta).

*Ma mère est française;
My father is English.
Ma mère est une Ladouceur;*

*My father is a Wilson.
Elle est catholique;
He is Protestant.
Elle est Québécoise;
My father is from Ontario.
Moi, je suis bilingue et fier de mon héritage.*

.....
*Mẹ tôi là người Pháp;
Cha tôi là người Anh.
Mẹ tôi dòng Ladouceur;
Cha tôi dòng Wilson.
Mẹ tôi Công-giáo;
Cha tôi Tin-lành.
Mẹ tôi người Québec;
Cha tôi gốc Ontario.
Tôi nói hai thứ tiếng, và hãnh diện về di sản đó.*

*Gia đình tôi cư trú hai tỉnh.
Tôi là người Canada, là người Québec,
là người Ontario.*

*Con gái tôi học tiếng Pháp ở Ontario
và ở Pháp, để dạy tiếng Pháp ở Alberta.*

*Gia đình tôi đã đi khắp Canada, nói cả
tiếng Pháp và tiếng Anh ở khắp mọi tỉnh.*

*Chúng tôi đã nói với những người nói
tiếng Pháp ở miền Tây, và với những người
nói tiếng Anh ở miền Đông.*

*Mọi người, bất luận là nói tiếng gì, bất
luận là chủng tộc nào, cũng đều phấn khởi
về sự kế thừa phức hợp của chúng tôi.*

*Người Canada không muốn mất
Québec và những người Québec; các bạn
là thành viên của gia đình chúng ta.*

*Những người thổ dân, những người
mới nhập tịch, những người nói tiếng Anh*

*và nói tiếng Pháp, tất cả đều cần một quốc
gia thống nhất, mạnh, và tự hào...*

*Dù chủng tộc của bạn là gì, dù ngôn
ngữ của bạn là gì, cũng xin đừng ném bỏ
di sản chung của chúng ta đi.*

*Quốc gia chúng ta hay hơn thiên hạ;
tuy không là tuyệt hảo, nhưng thêm một
chút khoan dung, chúng ta có thể lớn lên.*

*Các bạn ở Québec, hãy tự hào, ngay
thật và vững tin. Các bạn hãy bỏ phiếu cho
một ngày mai tiến bộ cho các bạn, và cho
con cái.*

*Chia cách ư? Bạn nói là "không".
Tất cả mọi người dân Canada đang
ngày đêm ủng hộ các bạn. Đoàn kết, chúng
ta tái thiết đất nước chúng ta.*

Thật tình, tôi cũng không biết bài thơ trên đây có góp được chút công nào không, trong việc giữ Québec lại với Liên-Bang Gia-Nã-Đại. Tôi chỉ biết chắc một điều là bây giờ tác giả vui lắm, vì sở nguyện của ông đã đạt.

Nhưng không biết trong tương lai, ông có thừa thắng xông lên, mà cho ra những bài thơ "Anh-Pháp giao duyên" như thế nữa không.

Dị biệt văn hóa

Ở phần trên, người ta cổ vũ sự dung hợp; ở phần này, người ta vạch rõ sự dị biệt. Các bạn thử đọc và suy nghĩ xem có giống cái tâm sự của người dân Đông-Ngô trong bài *Vịnh Hoài Cổ Tích* của Lưu-Vũ-Tích

không:

Tông kim tứ hải vi gia nhật,

Cố lũy tiêu tiêu lộ địch thu.

(Từ nay bốn biển chung bờ, lũy xưa lau lách gió đùa tiết thu).

Vấn đề là những người thổ dân ở một nước văn minh như Hoa-Kỳ, đã được những gì, đã mất những gì. Họ đã cố gắng sống dung hòa ra sao, và đã thất bại ra sao.

Nữ ký giả Emily Benedek vừa cho xuất bản một cuốn sách có chủ đề phong hóa xã hội, tựa là *Beyond The Four Corners Of The World* (Dù đi góc biển chân trời); tựa phụ là *A Navajo Woman's Journey* (Hành trình của một phụ nữ Navajo).

"Navajo" là giống người Da Đỏ hiện đang sống trong những khu dành riêng thuộc 3 tiểu bang New Mexico, Arizona và Utah.

Để cuốn sách hấp dẫn độc giả, người viết không dùng lối khảo luận khô khan, mà biến tác phẩm thành một cuốn thuật sự. Từ những tình huống, người đọc sẽ rút ra được những nhận xét riêng.

Khi nói về những cư dân đầu tiên ở Bắc-Mỹ, chúng ta hay dùng từ Da Đỏ để gọi chung. Nhưng thật ra, họ gồm nhiều giống dân, ngày xưa vốn rất khác nhau về tập quán, ngôn ngữ; ngày nay cũng vẫn còn rất khác nhau về mức độ hội nhập với xã hội chung. Riêng người Navajo là một trong những giống dân được các nhà nhân chủng, xã hội học, để tâm nghiên cứu nhiều hơn hết. Tất nhiên sau quá trình nghiên cứu, họ đã biết được rất nhiều điều bổ ích về khoa học, nhưng họ lại cảm nhận được rất ít về thế đứng khó khăn của người Navajo, một chân dấn chặt trong truyền thống lâu đời của chủng tộc, một chân bị dòng thác của xã hội mới cuốn đi.

Tác giả để cho người đọc tiếp xúc với nhân vật chính là Ella Bedonie, và 4 thế hệ trong gia đình của bà này. Họ sẽ kể cho chúng ta biết câu chuyện của đời họ, cùng những suy tư của họ.

Tác giả gặp Bedonie trong khi đang đi tìm một cuốn sách cũ, cuốn *The Wind Won't Know Me* (Gió không

biết tôi đâu), nói về cuộc phân tranh đất đai giữa người Navajo và người Hopi (1). Cuộc tranh chấp kéo dài, và đau đớn cho cả hai bên. Cuối cùng, người Hopi thắng kiện, và khoảng 10.000 người Navajo (trong đó có Ella Benodie) phải bỏ xứ ra đi. Benodie nghĩ đến việc làm thế nào giữ gìn được "những gì của ngày xưa, của tổ tiên, để sau này con mình, cháu mình còn có một chút gì để nhớ lại".

Vào lúc 6 tuổi, bé Benodie đã bị nhà chức trách khu vực dành riêng buộc phải rời bỏ ngôi nhà yên ổn đắp bằng đất của gia đình, để đi vào trường nội trú. Tại đây, Benodie bị cấm không được nói tiếng Navajo, dù đây là tiếng nói duy nhất mà bé biết. Đang học ở lớp 4, Benodie bỏ trường đi theo một gia đình Thiên Chúa Giáo hệ phái Mormon, về sống ở Pomona, tiểu bang California, với họ. Bedonie nhận thấy họ rất tử tế, nhưng bé không thực tâm chấp nhận tôn giáo của họ, cũng không muốn đi theo con đường họ mở ra trước mặt bé. Đến khi được 18 tuổi, lúc đang ở Pomona, Bedonie lấy chồng. Rồi khi có mang được 5 tháng, Bedonie được tin chồng mất tích ở chiến trường Việt-Nam. Trục thăng anh ta đi bị bắn hạ. Bedonie liền trở về sống ở vùng mỏ than Mesa.

Sau khi sinh con ít lâu, do sự thu xếp của bộ lạc, Bedonie tái giá với một người đàn ông lạ, tên là Denis. Từ đó hai vợ chồng cứ di chuyển liên miên, nay sống chỗ này mai ở chỗ khác; khi thì đến sống gần khu người da trắng ở Flagstaff, tiểu bang Arizona, khi trở về ở trong khu vực dành riêng. Cuối cùng, họ bán khu đất ở vùng mỏ, lấy tiền cất một ngôi nhà khá khang trang, có 4 phòng ngủ, tại thành phố Flagstaff. Giấc mơ sống như người da trắng của họ đã thành.

Nhưng rồi giấc mơ tươi đẹp kia lại biến thành ác mộng. Họ không cảm thấy vui sống. Họ không còn dính líu gì với đất đai của họ; họ bị tách rời khỏi bộ tộc của họ; và âm hưởng huyền bí của dòng Navajo dường như yếu dần đi trong họ. Tất cả những cái đó mất đi, tạo ra một chỗ trống mà

họ không thể nào lấp đầy. Rồi trong khi họ buồn bã hoang mang, đứa con trai lớn nhất của họ lại nhập bọn với lũ bất lương, và suýt bị mất mạng trong một vụ đánh lộn. Nhưng quả là "họa vô đơn chí", Bedonie đi khám bệnh, lại vừa biết mình bị ung thư ngực.

Hai vợ chồng liền cho thuê ngôi nhà ở thành phố, dọn trở về khu vực dành riêng. Bedonie nhờ cả bác sĩ Tây y và pháp sư của bộ lạc chữa bệnh cho mình, và may mắn lành bệnh. Tuy nhiên những phiền muộn nội tâm của gia đình Bedonie vẫn còn nguyên đó, không giải tỏa được. Họ cố sức lấy lại sự thăng bằng tâm lý, nhưng chưa được.

Khi vấn đề riêng của gia đình Bedonie được đưa vào lãnh vực chung, lãnh vực phân tranh giữa hai nền văn hóa, một bên là nền văn hóa truyền thống của thổ dân, một bên là nền văn hóa Mỹ, các nhà triết luận khuyên: Hãy chọn lấy những cái tốt nhất của mỗi bên. Nhưng thường kết quả cho thấy lời khuyên đó chỉ giống như một lời chế nhạo. Không có cơ may, không đủ nghị lực, những cái mà người ta thu được không phải là phúc lợi, mà chỉ là những thứ cặn bã.

Chiến lợi phẩm

Về chuyện Hồng-quân và các nhà lãnh đạo Liên-xô tàn phá những công trình mỹ thuật của Nga và của Âu Châu, đã có nhiều người và nhiều tài liệu đề cập. Nhưng lần này, với cuốn *Beautiful Loot* (Chiến lợi phẩm mỹ thuật), *The Soviet Plunder of Europe's Art Treasures* (Cộng-sản cướp phá những bảo tàng nghệ thuật của Âu-Châu), Konstantin Akinsha, Grigorii Kozlov và Sylvia Hochfield, trình bày kỹ cho mọi người biết sự cướp phá kia đã tác hại đến mức nào.

Có thể nói Xô-viết là một chế độ không có thiện cảm với nghệ thuật. Trong khi cầm quyền, Stalin đã ra lệnh phá hủy không biết bao nhiêu đền đài của Nga. Cái gì ông ta không phá, thì ông ta bán cho nước ngoài. Chẳng hạn như những tác phẩm hội

họa, qua trung gian của Andrew Mellon, ngày nay đã thành tài sản của viện bảo tàng Hoa-Thịnh-Đốn. Khrushchev cũng tỏ ra man rợ đối với những công trình nghệ thuật, khi cho lệnh phá hủy hàng ngàn ngôi nhà thờ lớn và một số dinh thự có tính cách lịch sử. Sau cuộc Cách-mạng tháng 10 của họ, những công trình nào còn sót lại, cũng lần lượt biến đi chỉ vì có một chút hơi hám "tư sản", "tư bản", hay "Tây phương". Họ thù ghét và họ phá hủy tất cả những cái ấy, rồi ra sức chặn đứng sức sáng tạo của người Nga.

Konstantin Akinsha và Grigori Kozlov nguyên là quản thủ bảo tàng ở Liên-xô cũ, bây giờ đang làm công việc nghiên cứu tại Đức. Còn Sylvia Hochfield là một ký giả chuyên về những vấn đề mỹ thuật. Ba người phối hợp trình bày cho thế giới thấy Hồng-quân Liên-xô đã cướp của các nước khoảng 2 triệu rưỡi món đồ văn-hóa-phẩm như thế nào, và đã làm gì với những thứ ấy.

Trong năm 1945, Hồng-quân đã biệt phái những đội "thu chiến lợi phẩm" đi khắp các nước Đức, Hung-Gia-Lợi, và những nước Đông-Âu khác, tìm thu hết những văn hóa phẩm có giá trị, ý là để bù đắp lại những tổn thất mà họ đã phải chịu trong chiến tranh. Ba viện bảo tàng của Đức: Dresden, Leipzig, và Bremen, đã bị vét sạch. Nhiều nơi khác cũng cùng chung số phận.

Có những chuyện đã xảy ra trong thực tế có thể giúp chúng ta hiểu thấu thái độ của những người cộng sản đối với văn hóa. Những kẻ đi khuôn kho tàng mỹ thuật của thiên hạ là những tên lính chỉ biết bắn giết. Chúng đâu có biết nâng niu trân trọng những bức tranh, những pho tượng. Chúng làm việc như những người phu dọn nhà không được trả công. Vì thế, có rất nhiều tác phẩm vô giá đã không còn nguyên vẹn khi về đến nhà. Có những bức danh họa đã được đem ra dùng làm bàn ăn trong khi đóng quân. Những bức tranh khổ thân của Tiepolo và Rodin được đám binh sĩ khuôn vác lấy dán trên thành xe để

đùa nghịch. Những bức tranh của Rembrandts chở trong một toa tàu không được sưởi ấm đi qua những vùng buốt giá, khi về đến Mạc-Tư-Khoa, thì hư hết. Tệ hơn nữa, ở một toan "vận chuyển chiến lợi phẩm" khác, bọn lính mất dạy đã tháo khung những bức tranh của Leonardo, Velázquez, Lorrain, Murillo (1), và của nhiều tay danh họa khác, làm củi chum. Sau những chuyến "vơ vét" mạnh ai nấy làm ấy, người ta thấy những bức tranh mất khung, ẩm ướt hoặc sưng nước, vương vãi khắp nơi. Trong những hầm rượu, trong các nhà kho, trong các tu viện bỏ hoang. Bàn ghế quý của các triều đại xưa, những tác phẩm điêu khắc, được chở bằng những toa hàng hóa, về đến nơi không còn nguyên vẹn nữa, bị vất bỏ quanh sân các viện bảo tàng.

Hồi đó, Liên-xô là một nước to, nên cái gì của Liên-xô cũng to. Kể cả những hoạt động đạo tặc. Người ta đã bàn tính đến việc tháo dỡ giáo đường Rheims (Pháp) ra từng bộ phận nhỏ để đem về Mạc-Tư-Khoa. Những vụ ăn cướp trắng trợn như thế được nhiều cơ quan có quyền thế trong chính quyền Xô-viết thực hiện. Cơ quan này tranh đoạt với cơ quan kia, ai nhanh tay thì được nhiều. Còn bọn nhà binh được sai đi lấy, thì chiếm riêng cho mình là chủ yếu. Trong khi đó, báo chí Liên-xô lớn tiếng ca ngợi những hành vi đó là bảo vệ di sản văn hóa của Hồng-quân.

Trong thực tế, rất ít thứ được đưa về Mạc-Tư-Khoa. Đa phần được đem giấu trong những nhà kho bí mật ở các nơi. Và bây giờ, thực trạng đã như vậy, thì nên làm thế nào cho phải? Của ai thì trả về nấy, hay sao? Quan điểm của các tác giả cũng là quan điểm chung. Thật ra, vấn đề không đơn giản. Và vấn đề quan trọng hiện giờ không phải là "truy ra chuyện ăn trộm", mà là "số phận" những văn hóa phẩm bị trộm kia. Chúng đang bị "ngược đãi" nghĩa là không được bảo quản đúng cách, và chúng đang bị cất giấu để không được ai trông thấy. Chúng trở thành vô dụng. Trước sau, quan niệm của cộng-sản đối với

những tác phẩm mỹ thuật vẫn không đổi. Ngày xưa, trong khi đang trị vì, Stalin đã ra lệnh đóng cửa bảo tàng viện Pushkin, để lấy chỗ trưng bày những thứ do nền "dân chủ và công nghiệp nhân dân" tạo nên. Các du khách đến thăm viện bảo tàng lúc bấy giờ, được cho coi một chiếc thắt lưng do một người đàn bà Hung-Gia-Lợi dệt bằng chân, vì hai tay đã bị mất trong thời kỳ chiến tranh. Trong khi ấy, các du khách không biết là dưới chân họ, có những thứ đáng coi hơn: Các cổ vật quý giá về phương diện sử học do Heinrich Schliemann (2) đào lên được tại cổ thành Troy, trước trưng bày tại Bá-Linh, sau Hồng-quân đoạt về giấu ở đó.

Viết tới đây, tôi chợt nhớ hồi còn ở bên nhà, có nghe một câu phát biểu kiểu cù nhầy như vậy: "Ăn cắp sách không phải là ăn cắp". Trong thực tế, có những người muốn đọc sách, nhưng không đủ tiền mua. Họ mượn của bạn, hoặc của thư viện, rồi cố lý không chịu trả. Có ai chỉ trích, thì họ viện câu kia ra. Nhưng xét cho cùng, họ cũng có một phần lý. Họ lấy sách về chỉ cốt để đọc.

Nhưng Liên-xô cướp những mỹ thuật phẩm kia về, không phải để thưởng thức, cũng không để cho người khác thưởng thức, mà để bán lấy tiền, hoặc chỉ để giấu đi làm của riêng. Vậy, họ là những kẻ cướp chính danh, không biện bạch vào đâu được nữa. Nhưng họ không chỉ vi phạm quyền sở hữu, mà còn phụ lòng những nghệ sĩ sáng tạo, và làm thất vọng những ai ngưỡng mộ những danh tác đó.

(1). Những nhà danh họa của Âu-Châu những thế kỷ trước: Tiepolo (1696-1770, Ý); Rodin (1840-1917, Pháp); Rembrandt (1609-1669, Hòa-Lan); Leonardo (1452-1519, Ý); Velázquez (1599-1660, Tây-Ban-Nha); Lorrain (1600-1682, Pháp); Murillo (1618-1682, Tây-Ban-Nha).

(2). Schliemann (1822-1890) là nhà khảo cổ người Đức đã khai quật được nhiều di tích lịch sử ở Hi-Lạp. Ông đã tìm ra vị trí thành Troy năm 1870.

Giấc mơ thành, không thành?

Đây là giấc mơ của Ludwik Lejzer Zamenhof, người phát minh quốc tế ngữ Esperanto.

“Esperanto” quả là một phát minh của Zamenhof. Nhưng đứng về mặt phát minh, người ta hay để ý đến ứng dụng thực tiễn, và cả số lượng nữa. Do đó, trên thế giới nhiều người biết đến Edison, mà rất ít người biết đến Zamenhof. Edison đã phát minh trên một ngàn thứ, trong đó có nhiều thứ đang giúp ích cho nhân loại hàng ngày. Còn Zamenhof chỉ phát minh được một thứ, và thứ này chưa được ứng dụng.

Nhưng nếu xét về mặt thiện chí và khổ công, thì không hẳn Zamenhof không đáng ca ngợi bằng Edison. Về mặt vật chất, Edison đã giàu có nhờ những phát kiến của ông. Trái lại, dù là một bác sĩ, Zamenhof đã suốt đời cùng vợ con sống trong túng thiếu. Về mặt tinh thần, Edison đã tận mắt nhìn thấy vinh quang của mình. Nhưng đối với Zamenhof, trước khi lìa đời, hai ước nguyện vẫn chưa thành: Muốn được trông thấy hòa bình trở lại, nhưng Thế Chiến I vẫn chưa chấm dứt; “Esperanto” vẫn chưa

trở thành chiếc cầu thông cảm giữa các dân tộc trên thế giới.

Ludwik Lejzer Zamenhof là người Ba-Lan, sinh năm 1859, chết năm 1917. Lúc nhỏ, Zamenhof rất thông minh, chịu khó, và tỏ ra có khiếu về ngôn ngữ học. Lúc bấy giờ, quê ông bị người Nga cai trị. Điều làm cho cậu bé Zamenhof khó chịu nhất là bọn sĩ quan người Nga hay làm bộ không hiểu được tiếng nói của những người dân quê Ba-Lan, và lấy đó làm cái cớ để hoành hành. Trong khi đó, nội bộ của người Ba-Lan cũng có những khối người nói những thứ tiếng khác nhau: Nga, Ba-Lan, Do-Thái cổ, Do-Thái mới... Và khối nào cũng bảo vệ tiếng của mình, không thêm hiểu tiếng khác.

Zamenhof bắt đầu suy nghĩ: Có thể nào có một thứ tiếng chung cho tất cả mọi người?

Nhưng xu hướng của ông không phải là kỳ vọng của gia đình. Cha ông chỉ muốn ông trở thành một thầy thuốc giỏi. Ông phải đi Nga học để trở thành bác sĩ nhãn khoa, rồi sống mãi đời với nghề này. Nhưng ông vẫn không rời bỏ giấc mơ ngôn ngữ của mình. Chỉ mới 10 tuổi, đang học

ở tiểu học, ông cảm cúi soạn một vở bi kịch 5 màn, viết bằng tiếng Nga. Năm 19 tuổi, ông viết xong bản sơ thảo về một thứ “quốc tế ngữ” đặt tên là *Lingwe Uniwersala*. Bản thảo này đã bị cha ông đem đốt, khi ông vắng nhà.

Nhưng sự cản trở của gia đình không làm Zamenhof nản chí. Ngày 26.7.1887, một cuốn sách nhỏ viết bằng tiếng Nga, *Lingvo Internacia* của Doktoro Esperanto, ra đời. Từ đó, bút hiệu của ông được dùng để gọi thứ tiếng ông đặt ra.

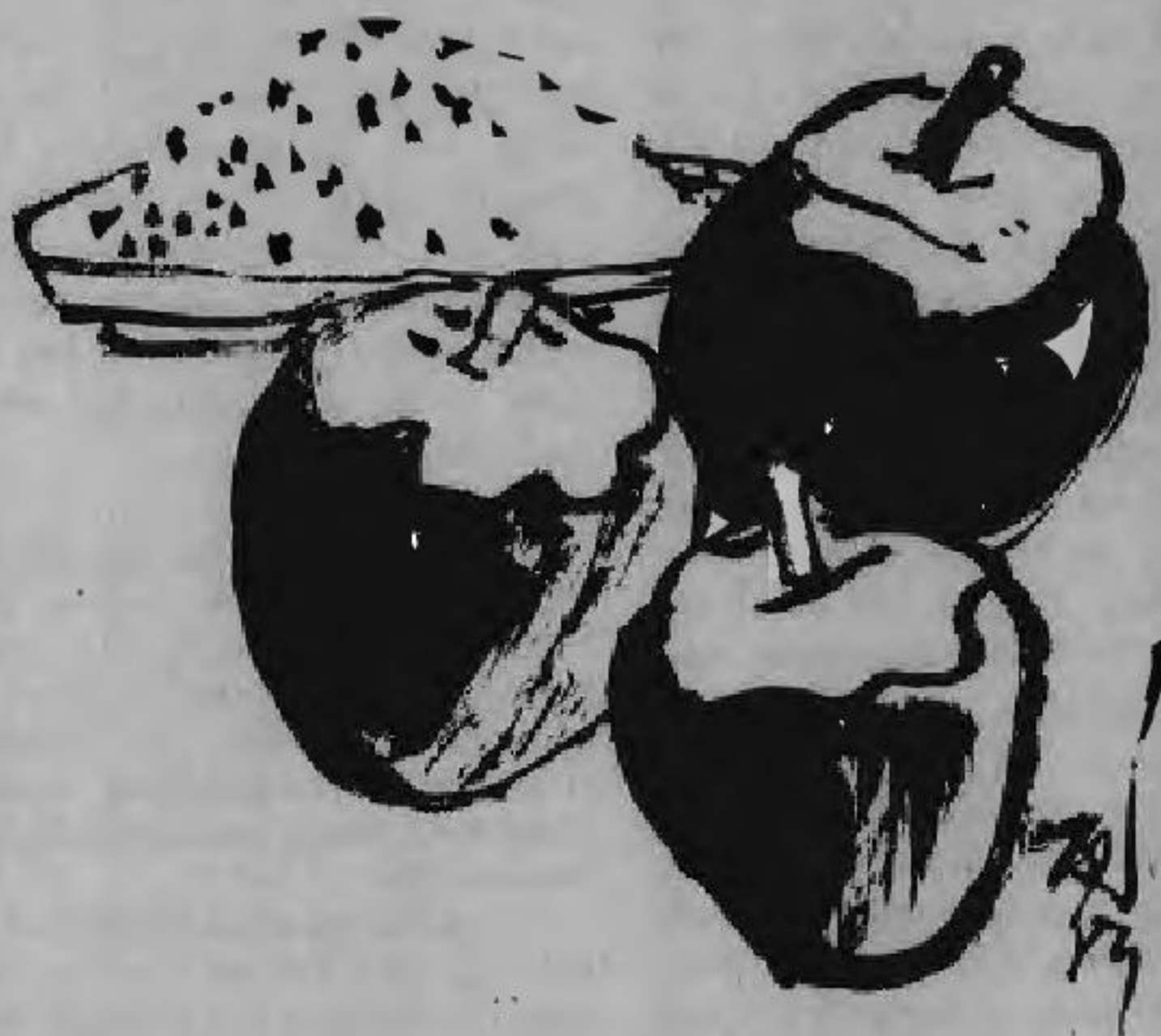
Đến năm 1899, cuốn sách được dịch ra tiếng Pháp. Rồi trong vòng 10 năm, nó được phổ biến ở Nga, Ba-Lan, Đức, Pháp, Thụy-Điển... rồi Hoa-Kỳ, Nam-Mỹ, Nhật-Bản...

Tháng 8.1905, một cuộc hội nghị quốc tế về “Esperanto” được tổ chức ở Boulogne-sur-Mer, Pháp. Lúc bấy giờ, tác phẩm của Zamenhof vừa được nhà Hachette tái bản. Phái đoàn của 20 quốc gia chấp nhận tác phẩm này làm tài liệu căn bản để tiến hành cuộc thảo luận.

Tài liệu căn bản của Zamenhof thể hiện đúng suy tư của ông về chức năng của ngôn ngữ. Ông cho rằng con người không thông cảm nhau vì ngôn ngữ bất đồng; khi muốn học tiếng của nhau, thì tiếng lạ nào cũng khó học, và cũng không biết học bao nhiêu thứ mới đủ. Một thứ tiếng chung thật giản dị, dung hợp những thứ tiếng chính của Âu-Châu, sẽ khắc phục được tất cả mọi khó khăn.

Kể cả lời giới thiệu, cuốn sách chỉ gồm 40 trang. Phần ngữ pháp gồm 16 qui tắc, không có biệt lệ. Phần từ vựng gồm khoảng 900 ngữ căn, và hơn 10 tiếp ngữ. Phần thí dụ hướng dẫn gồm mấy bài thơ và vài đoạn trích từ Thánh-Kinh. Đó là cuốn *Fundamento de Esperanto* do nhà Hachette xuất bản. Ngày nay, sau hơn một thế kỷ, cuốn từ vựng Esperanto mới nhất *Plena Ilustrita Vortaro de Esperanto*, chứa trên 15 ngàn từ.

Trong khi tiếng “Esperanto” từ từ phát triển, thì cuộc sống của gia đình người phát minh lại càng ngày càng



khó khăn. Bà Zamenhof và các con đã có những ngày không có gì ăn. Phòng mạch của bác sĩ nhân khoa Zamenhof ế khách. Nhưng mặc kệ. Họ vẫn vui vẻ mở cửa ra đón mời khách khắp bốn phương đến chuyện bằng “quốc tế ngữ”. Còn Zamenhof thì khi nào không chữa mắt để kiếm cơm cho gia đình, thì miệt mài dịch những tác phẩm của Dickens, Shakespeare, Gogol, Goethe, Shiller, Andersen, và Thánh-Kinh, ra Esperanto. Thật là một cái gương kiên dũng cho các học giả.

Khi chiến tranh bùng nổ, Zamenhof chỉ mới 54 tuổi. Nhưng người lạ ai cũng tưởng là ông đã ngoài 70. Ông bị bệnh tim. Những năm cuối đời, chứng đau ngực khiến ông không nói chuyện được. Nhưng khỏe được phút nào, ông lập tức ngồi dậy ghi ghi chép chép. Quanh giường bệnh của ông, hằng ngày người nhà lượm được rất nhiều tài liệu hướng dẫn về Esperanto, và những dự định ông sẽ thực hiện một khi hòa bình được lập lại.

Nhưng Zamenhof không kịp thấy hòa bình. Ông mất ngày 14.4.1917. Lúc ấy, đứa con tinh thần của ông được 30 tuổi.

Nếu như sống tới bây giờ, chắc ông sẽ rất vui khi thấy Esperanto của ông được học ở 115 nước, và chính Đức Giáo-Hoàng đã dùng Esperanto trong những dịp Giáng-Sinh và Phục-Sinh.

Khi đưa câu chuyện đời của Zamenhof trở lại công luận, tờ *Le Figaro Littéraire* có dùng mấy chữ thật đích đáng: “Suốt đời lao khổ say mê với một tham vọng”. Nhưng phải hiểu tham vọng của Zamenhof là một tham vọng cao cả.

Ăn cây nào

Cổ nhân có một câu khuyến nghị: *Nhân sinh bách nghệ hảo tùy thân*. Nghĩ kỹ thì câu này cũng đúng, nhưng hơi “ba phải”. Nghề thì cũng tùy nghề chứ. Có nghề rất ngon, có nghề chỉ ngon vừa, thậm chí có nghề rất bạc. Như nghề làm quân sư chẳng

hạn.

Nhưng các bạn có biết nghề gì có lợi lâu dài không? Ý tôi muốn nói không làm nữa mà vẫn còn kiếm được tiền. Đó là nghề làm việc riêng cho các ông lớn. Phải thật lớn như quốc trưởng thì mới đủ tiêu chuẩn. Họ kể lại cho mọi người nghe những chuyện đã xảy ra xung quanh chủ của họ, mà chỉ có họ mới biết sự thật là như thế nào. Hồi trước, ở miền Nam, cũng có mấy người làm được việc này. Bây giờ, những quyển “hồi ký”, “nhật ký” của họ vẫn còn đó, và vẫn có người tìm đọc.

Mới đây, Marlin Fitzwater, nguyên bí thư báo chí của 2 Tổng-thống Mỹ Reagan và Bush, cho ra quyển *Call The Briefing* thuật chuyện đã “hành nghề”, đỡ đòn cho 2 vị chủ nhân tòa Bạch-ốc trước báo chí, và trước công luận như thế nào. Kể ra, thì tác giả tập hồi ký cũng khá trung thực. Ông ta không chọn kể toàn chuyện hay, chuyện giỏi của mình. Ông kể cả những chuyện dở của ông nữa.

Theo nhận định chung, thì Fitzwater là một bí thư báo chí giỏi của tòa Bạch-cung kể từ đời Pierre Salinger (phụ tá báo chí của Tổng-thống Kennedy) đến giờ.

Trong cuốn sách, người đọc để ý trước hết là chỗ tác giả tiết lộ những qui tắc làm “bí thư báo chí” của ông ta. Tất cả có 10:

1. Nếu mình nghĩ người phóng viên kia đứng trên bình diện ý thức hệ mà chỉ trích, thì mình dễ chấp nhận sự chỉ trích hơn. Nếu mình nghĩ anh ta chỉ trích cá nhân, thì khó đấy.

2. Hãy đối xử với các phóng viên như những “nhà chuyên nghiệp”. Họ sẽ trở thành những người bạn của mình. Đừng coi họ là bạn, vì như thế, họ sẽ phản bội mình.

3. Cứ quì xuống, nếu có thể.

4. Đừng nghĩ đến chuyện “đập” báo chí.

5. Thắng trong một cuộc họp báo chỉ có nghĩa là thuyết phục được họ chịu để cho mình sống.

6. Muốn biết họ sẽ chất vấn điều gì, không khó. Chỉ cần nhớ lần trước

họ đã chất vấn những gì.

7. Nhận mình nói láo tốt hơn là để ông tổng-thống chịu tiếng bất tài.

8. Phải biết thêu dệt một sự thật nhỏ thành ra to, thành một tấm màn, để che chở, để làm cho khó hiểu, hoặc để dời sự chú ý của thiên hạ sang chỗ khác.

9. Đôi khi cũng phải nhờ đến những trò ảo thuật.

10. Và cuối cùng, thì mình cũng có thể chạy trốn.

Tác giả có vẻ chân thực đấy chứ, các bạn. Thật ra, viết hồi ký thì luôn luôn có thể “tốt khoe xấu che”. Nhưng những chuyện Fitzwater kể trong cuốn sách cũng dễ kiểm chứng. Và nói chung, thì cách kể chuyện của ông cũng rất hấp dẫn, nhất là khi chủ đề không phải là chính trị.

Tác giả kể cho chúng ta biết rằng chính cái thời gian sống cùng gia đình tại một nông trại ở Kansas đã nhiều lần giúp ông “thoát hiểm” trong những cuộc họp báo. Thay vì trả lời thẳng những câu hỏi của họ, ông đã kể cho họ nghe chuyện ông cùng cha ông đi săn chó sói đồng cỏ, chuyện thịt loại chó sói này ăn ngon và bổ như thịt gà giò, chuyện ông biết mổ gà, chuyện bà ngoại ông chuyện giết gà bằng cách bẻ cổ rút đầu con gà ra. Và các phóng viên ngồi nghe say mê.

Rồi tới chuyện ông hoảng sợ như thế nào khi lỗ miệng ví Mikhail Gorbachev như một tay “cao-bồi lô-can” trong quan hệ Đông-Tây. Ông cũng phải gỡ rối bằng cách “lạc đề”: Ông liền kể ngay cho họ nghe chuyện ông dùng súng bắn con chó của gia đình, vì nó đã ăn thịt con thỏ của em ông. Nhưng ông lại bắn trật. Và các phóng viên cũng say mê ngồi nghe.

Tác giả không kể rõ rồi sau đó các phóng viên có quay trở lại với những câu hỏi chưa được trả lời của họ hay không. Chẳng lẽ trong những bài tường thuật của họ sẽ ghi những mẩu chuyện “thú vị” kia, thay vì quan điểm của Tổng-thống-phủ về những vấn đề mà người ta đang thắc mắc?

Nhưng dù sao, thì giới báo chí của Mỹ cũng có phần dễ tính.

Tại thành phố Edmonton, Gia-nã-đại, vừa có một cuộc triển lãm hội họa, do trường đại học Alberta tổ chức, kéo dài từ 16.9 đến 29.10.1995. Cuộc triển lãm qui tụ được 150 bức tranh của 64 họa sĩ. Cuộc triển lãm đã hấp dẫn được rất đông người yêu thích hội họa, không chỉ ở địa phương, mà cả Bắc-Mỹ và Âu-Châu nữa.

Số họa phẩm trưng bày thuộc 3 bộ sưu tập tư nhân, một ở Anh, hai ở Bắc-Mỹ. Không biết ban tổ chức đã thu xếp như thế nào để các sở hữu chủ bằng lòng cho họ đem các họa phẩm ấy đi. Trong thực tế, việc chuyển chở những bức họa quý đi xa không phải là dễ dàng. Ngoài vấn đề an ninh, còn bao nhiêu chuyện tế toái về thời tiết, về va chạm... Nhưng một khi các họa phẩm đã được treo lên tường của phòng triển lãm, thì bao nhiêu chuyện phiền phức thuộc về tổ chức được xếp lại, để cho người xem yên tâm thưởng lãm.

Với tập tranh mẫu dày 159 trang, in rất mỹ thuật, người ngồi nhà cũng biết có những bức nào, của ai, được trưng bày. Nhưng thân hành đến xem thì mới được tận mắt nhìn thấy tác phẩm, và mua quà kỷ niệm của cuộc triển lãm.

Về tác giả, nếu chỉ kể những cái tên "lừng lẫy", thì có: Rubens, Cézanne, Degas, Monet, Renoir, Matisse, Goya, Delacroix, Toulouse-Lautrec, Gauguin và Picasso(*). Từ Rubens đến Picasso, 400 năm đã trôi qua, nên cuộc triển lãm được mệnh danh là "Bốn thế kỷ danh họa".

(*). Tất cả đều là những họa sĩ nổi tiếng của Âu-Châu, phần lớn là của Pháp: Rubens (1577-1640, Flandre); Goya (1746-1828, Tây-Ban-Nha); Delacroix (1798-1863, Pháp); Degas (1834-1917, Pháp); Cézanne (1839-1906, Pháp); Monet (1840-1926, Pháp); Renoir (1841-1919, Pháp); Gauguin (1848-1903, Pháp); Toulouse-Lautrec (1864-1901, Pháp); Matisse (1869-1954, Pháp); Picasso (1881-1973, Tây-Ban-Nha).

Ban tổ chức, một phần muốn làm cho sở hữu chủ những bức tranh quý kia yên tâm, một phần cũng muốn đề cao việc làm của mình, đã mời bằng được chuyên gia Walter Perssegati, nguyên tổng thư ký kiêm thủ quỹ bảo tàng viện Vatican, người đã chịu trách nhiệm phục chế và làm sạch bức bích họa "Cuộc Phán Xử Cuối Cùng" của Michel-Ange.

Kiểm về nội dung, cuộc triển lãm đã tập hợp được đủ loại tranh. Có những bức chỉ mới là bản vẽ phác, có những bức ai nhìn cũng biết người nghệ sĩ tác giả đã phải bỏ rất nhiều công phu mới hoàn thành nổi. Chất màu được dùng thì đủ cả: Chì, phấn đỏ, phấn đen, bột màu, mực nước, sơn... Có cả những bức tập vẽ hồi còn là sinh viên trường mỹ thuật của Degas, của Picasso. Cũng có những bức họa sao những bức tranh cổ. Đẹp hơn cả là chỗ trưng bày 10 bức đều là tác phẩm của Picasso, thể hiện tiến trình phát triển của nền hội họa Tây-Ban-Nha. Trong đó có bức tranh họa sĩ vẽ lúc mới 12 tuổi, và bức *Guernica* vĩ đại (349x777 cm) họa sĩ vẽ lúc đã 56 tuổi.

Ngoài mục đích phát huy nghệ thuật bằng cách tạo cơ hội cho tác phẩm đến với khán giả, ban tổ chức còn nhắm mục đích kiếm lời để giúp cho khoa hội họa của đại học Alberta, và sinh viên của khoa này. Khoa trưởng Desmond Rochfort đặt nhiều hi vọng vào số vé vào cửa. Nhưng ông cũng biết triển lãm hội họa thì kén khách. Cứ theo sổ ghi tên, thì có những người từ Đức, từ Phần-Lan, từ Tô-Cách-Lan bỏ công sang xem. Nhưng số khách không được nhiều: Trong những ngày làm việc, mỗi ngày trung bình là 325 người; trong những ngày cuối tuần, trung bình là 480 người. Dem so với những cuộc triển lãm đồng loại ở Nữu-Uớc, ở Luân-Đôn, thì ở đây thua xa. Nhưng ban tổ chức cũng rất hài lòng, nhất là về mặt tinh thần. Nhiều người dân địa phương đến coi triển lãm đã phát biểu đại ý họ cứ tưởng phải đi thật xa, tận Mỹ hoặc Âu-Châu, thì mới được coi những bức tranh kia.

Có người tò mò hỏi ban tổ chức về ba vị Mạnh-Thường-Quân cho mượn tranh, và về giá những bức tranh,

Ban tổ chức trả lời: "Chúng tôi đã hứa danh dự với họ là không bao giờ tiết lộ họ là ai. Đó là vì lý do an ninh cho họ. Còn giá bằng tiền của những bức danh họa này ư? Nhiều lắm. Giá những bức này chắc chắn là cao hơn những bức đã được đưa ra bán đấu giá".

Về giá trị nghệ thuật của cuộc triển lãm, ý kiến chung của hàng thức giả Gia-Nã-Đại là: Những bức tranh có giá trị không đều. Cuộc triển lãm nào thì cũng vậy. Có bức là kiệt tác, nhưng cũng có bức tầm thường. Có khi cả hai là của một họa sĩ. Có vậy, người thưởng thức mới biết được khi họ vẽ đẹp thì như thế nào, khi họ vẽ xấu thì như thế nào. Cho nên, tranh xấu của những tay danh họa cũng rất đáng xem.

Sách bìa đen

Ngay sau khi nước Pháp được giải phóng (1945), nhà văn kiêm nhà xuất bản Marcel Duhamel có sáng kiến cho ra một loại tiểu thuyết bìa in màu đen, gọi là "Série Noire", do nhà Gallimard xuất bản. Từ đó đến nay, qua đúng nửa thế kỷ, đã có trên 2.400 tựa sách đến tay độc giả. Tất cả đều là tiểu thuyết trinh thám.

Trong đợt đầu tiên năm 1945, Duhamel cho ra 2 cuốn của Peter Cheyney (1896-1951), và 1 cuốn của James Hadley Chase (1906-1985). Cả hai đều là nhà văn Anh. Khoảng đó, và cả vài chục năm về sau này, độc giả người Pháp có khuynh hướng thích tiểu thuyết gián điệp của Mỹ. Nhưng cách viết "dữ" của hai tác giả kể trên được Duhamel chọn là mẫu mực cho tiểu thuyết trinh thám, gián điệp. Từ đó về sau, "Série Noire" trên đà phát triển, đã mở rộng cửa cho mọi tác giả. Và ngày nay, theo nhận định của các nhà phê bình Mỹ, truyện trinh thám của Pháp được người ta đọc nhiều hơn.

Những cuốn sách bìa đen nói đây còn được giới thiệu và đọc trên các

chương trình truyền thanh nữa. Thường xuyên hơn hết là trên đài France-Culture.

Còn ở các tiệm sách, tiểu thuyết trình thám chiếm đa số. Kiểm lại quốc tịch của các tác giả, thì đủ cả: Anh, Nga, Mỹ la-tinh, Ý, Pháp, Thụy-Điển, Phần-Lan... Bên cạnh "Série Noire" của Marcel Duhamel, còn có "Rivages Noirs" của Francois Guérif nữa. Cái thời đọc tôn của tiểu thuyết gián điệp Mỹ đã qua rồi.

Mới đây, để kỷ niệm "Sách Bìa Đen" tới tuổi "tri thiên mệnh", nhóm chủ trương cho tái bản 30 cuốn loại cổ điển, với số ấn bản 30 ngàn cho mỗi cuốn. Tất cả đều là của những tác giả người Pháp. Rõ ràng là họ phản ứng theo chiều hướng "bài Mỹ". Về mặt thương mại, họ làm như thế cũng phải. Hiện nay, tiểu thuyết trình thám Pháp, như của Alix de Saint-André, của Jean-Claude Izzo, bán rất mạnh. Chỉ trong vòng một năm sau ngày xuất bản, riêng tại Pháp, đã bán đến 50 ngàn tập. Nghiệm ra, những tác giả đó thành công là nhờ đã theo sát thời sự.

Nhưng ở mặt khác, sở dĩ có những cuốn trình thám viết đã lâu, bây giờ đem tái bản mà vẫn bán mạnh, là vì những gì là "bất ngờ", là "lạ" trong văn học, thường sống dai. Nói cách khác, "thích cảm giác mạnh" là cái thích chung của nhiều độc giả của mọi thời kỳ. Điều này, hơn ai hết, nhóm chủ trương "Série Noire" biết rất rõ.

Lòng tin thuần phác

Trong tiếng Pháp, thành ngữ "La foi du charbonnier" chỉ một lòng tin thuần phác, không phô trương, không lý luận, nhưng bền vững. Vừa rồi, một nhà văn Pháp cho xuất bản một cuốn sách, lấy thành ngữ ấy làm nhan đề. Ý tác giả muốn nói tín ngưỡng của mình là một thứ tín ngưỡng thuần phác nhưng bền vững.

Tác giả là nhà văn nữ Marguerite Gentzbittel, nguyên là một nhà sư phạm, có bằng thạc sĩ Anh-văn, trong một thời gian dài làm hiệu trưởng

trường trung học Fénelon ở Paris. Trước đây bà đã viết 2 cuốn: *Madame le Proviseur* và *La Cause des élèves*. Hai quyển này và quyển *La Foi Du Charbonnier* đều do nhà Seuil xuất bản. Trong tác phẩm mới ra đời, tác giả nói về Thượng-đế, về các vị thánh, về đức Mẹ Đồng-Trinh, về lòng bác ái, về thiên đường, và về giáo hội. Trong khi thẳng thắn trình bày quan điểm, tác giả tự khẳng định là một người Công giáo vừa biết chống đối vừa biết tuân phục.

Vừa mới ra, cuốn sách đã gây tiếng vang, và phản ứng. *Tờ le Figaro Littéraire* nhân đó, có phỏng vấn tác giả. Sau đây là đại ý những câu hỏi và trả lời.

Hỏi: Theo chỗ chúng tôi biết, bà là một vị hiệu trưởng trung học có quan điểm dung hòa, đã viết những luận thuyết thành công, và gần như là biểu tượng cho thiện tâm thế tục. Nhưng cho đến nay, bà chưa lần nào viết về lòng tin của bà. Có phải bà ngờ vực...

Đáp: Lòng tin là một cuộc phiêu lưu của riêng mỗi người. Nó cũng khó diễn tả như những rung động của tình yêu. Chúng ta không nên đem ra mà buôn bán. Trong khi tôi còn làm việc cho bộ Giáo-dục, tôi nói cho mọi người biết tôi là một tín đồ Công-giáo thuần tín, nhưng tôi không hề lôi kéo ai làm theo tôi. Tôi không làm nhiệm vụ truyền giáo. Tôi trả lời khi người ta hỏi, chỉ vậy thôi. Và một người có thể vừa Công-giáo, vừa là thế tục. Bây giờ, tôi đã về hưu, tất nhiên tôi được tự do nói về lòng tin của tôi hơn. Và tôi cũng đỡ ngượng khi phát biểu.

Hỏi: Lúc nào bà chẳng tự do... Bà còn nói tôn giáo của bà là "sáng khoái" nữa kia mà, phải không?

Đáp: Phải. Nhưng điều đó không có nghĩa là con đường đi của lòng tin không khó khăn. Con đường của lòng tin nằm trong hứa hẹn, trong hi vọng, những đặc điểm của chủ nghĩa lạc quan. Tôi là người bi quan, nhưng tôi lúc nào cũng có cảm tưởng như một người leo núi được cột dính chùm với những người khác, không bao giờ bị

rơi xuống vực. Bờ vực trơn lấm, nhưng Thượng-Đế đã đưa tay cho tôi. Tôi vui lắm. Vực thẳm không lôi kéo được tôi đâu.

Hỏi: Nhưng còn Quĩ-Sứ và Địa-Ngục thì sao?

Đáp: Một bà bạn đã nói là tôi chẳng kính nể gì Quĩ-Sứ hết cả. Bà ấy nói đúng. Tôi thích được nhìn thấy thánh lễ "Truyền tin hóa thân". Nhưng tôi cũng biết có Địa-ngục, và tôi cũng tin là có Quĩ.

Hỏi: Trong khi đọc sách của bà, người ta cũng nhận thấy bà rất tôn trọng giáo lý và thánh lễ.

Đáp: Đó là phần "công chức" của tôi. "Chúa ba ngôi", "Sự hoài thai trinh nguyên", "Chúa hiện diện trong rượu thánh trong bánh thánh" là những điều khó nuốt, nhưng là sự thật. Hồi tôi còn nhỏ, mỗi khi tôi tỏ ra chống đối một điều huyền bí nào, mẹ tôi thường bảo tôi: Rồi Chúa Nhân-tử sẽ xuống bảo cho con biết.

Hỏi: Thiên hạ sẽ hiểu là bà không chủ trương dị giáo. Tuy nhiên bà đã không gượng nhẹ chút nào trong khi chỉ trích Giáo-hội và phản đối những chức sắc cao cấp, kể cả Đức Giáo-hoàng nữa.

Đáp: Đôi khi, tôi nhận thấy Đức Giáo-Hoàng quá nghiêm khắc. Chẳng hạn, tôi không vui chút nào khi thấy ngài không khoan dung trong những vấn đề tính dục.

Hỏi: Có phải bà thích một vị Giáo-Hoàng sẵn sàng nói: "Con cứ làm chuyện gì con muốn, Thượng-Đế cũng có những chuyện của Ngài"?

Đáp: Tất nhiên không phải như thế. Nhưng trước mắt tôi bây giờ là một vị đại diện Giáo-hội, không được khiêm tốn, hân hoan với thắng lợi, và có tư tưởng "nguyên khối". Tôi không thích điều đó cho lắm. Ngài đã phát triển thế quyền của ngài ra ngoài giáo quyền của ngài. Ước mong sao ngài chỉ hướng dẫn cho con chiên của ngài những gì phải làm trong phạm vi tinh thần, chứ không bắt buộc thế giới

phải thế này hay thế khác...

Hỏi: Đó không phải là một phần trong trách nhiệm của ngài sao? Và bà có sợ người ta mượn tiếng của bà, để nói về ngài, mà chỉ đề cập đến những cách ngửa thai, hay không?

Đáp: Tôi không sợ. Tôi chỉ nói là tôi mong muốn ngài thận trọng hơn, khoan dung hơn đối với vấn đề tính dục, và thông cảm hơn đối với phụ nữ. Nhưng tôi công nhận là ngài có quyền và có bốn phận nói lên luật công giáo.

Tôi là một người Công-giáo hay chống đối, có khi cáu giận nữa, nhưng rất biết tuân phục. Ngày trước, tôi rất mến mộ Giáo-Hoàng Jean 23. Ngài là biểu tượng cho lòng trắc ẩn và sự thân cận. Nhưng Jean-Paul 2 vẫn là người lãnh đạo Giáo-hội của tôi. Tôi sẽ không rời bỏ Giáo-hội vì lý do tôi thấy ngài có đôi điểm không hoàn hảo.

Hỏi: Bà cũng không gương nhẹ gì đối với Hồng-y Lustiger, Tu-viện-trưởng Pierre, và Đức-ông Gaillot.

Đáp: Có lẽ tôi đã hơi nghiêm khắc đối với Lustiger. Tôi phiền trách ông ta về mặt độc đoán và lạm dụng quyền bề trên. Còn về phần Tu-viện-trưởng Pierre, thì những chuyện xông xáo lung tung ngoài đời, chỉ khiến ông ta đáng chê cười mà thôi.

Hỏi: Đó cũng là trường hợp của Đức-ông Gaillot?

Đáp: Gaillot đã nói là sẽ lui về một tu viện. Nhưng người ta vẫn thấy ông luôn luôn xuất hiện trên truyền hình, nói đủ thứ chuyện tầm phào. Nhưng đặc biệt, ông ta không nói về Thượng-đế. Tôi nghĩ một tín đồ Thiên-chúa-giáo phải chứng tỏ lòng bác ái, chứ không đắm đuối trong một thứ tình cảm ủy mị như thế.

Bác ái thực sự không phải là khóc sùi sụt, cũng không phải là cố gắng làm vui lòng những kẻ mị dân. Bác ái cũng không phải là "tình cảm dạt dào", cũng không phải là "hành vi thiện hảo". Bác ái trước hết phải có quyền năng, được tôn kính, và làm

việc hữu hiệu.

Hỏi: Phải là một người hiệu trưởng giỏi, chẳng hạn?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Hình như bà đã có lúc sắp chịu ơn thiên triệu?

Đáp: Sự thật là thế này. Mẹ bề trên một tu viện nói với tôi: "Lúc này, tu viện không cần một nữ giáo sư thực sĩ Anh-văn. Con có hợp đồng với chính phủ, lòng trung thành của con đối với Chúa cũng không bắt buộc con phải hủy bỏ hợp đồng đâu".

Mẹ nói rất có lý. Nhưng tôi cũng thường tới tu viện để đọc kinh với các xơ.

Hỏi: Bà đã chọn ngành giáo dục. Vậy theo bà, người ta có thể, hoặc có nên dạy tôn giáo cho học sinh không?

Đáp: Không. Đó là việc của một linh mục, chứ không phải của một giáo sư. Tách rời tôn giáo ra khỏi nền giáo dục thế tục là một điều rất đúng. Tôi không chấp nhận cho học sinh tranh cãi với tôi về ngữ pháp Anh-văn, nhưng tôi không thể dạy giáo lý cho họ. Ai có nghề nào thì lo nghề nấy, cuộc đời sẽ tốt đẹp hơn.

Nhưng tranh biện với người không cùng tín ngưỡng, và để cho họ chỉ trích mình, sẽ có được những kinh nghiệm quý báu. Khi đó, mình mới nhận thức rõ lòng tin của mình. Tôi có kinh nghiệm này khi tranh luận với các bạn học có khuynh hướng mác-xít, tại trường sư-phạm.

Hỏi: Bà không theo chủ thuyết thần bí, phải thế không? Nhưng sao bà lại dả kích một khuynh hướng của Công-giáo ngày nay chủ trương "thường tục hóa", tức tránh những gì huyền bí và siêu nhiên?

Đáp: Có một khuynh hướng đưa tất cả trở lại "cái hiểu được". Nhiều tín đồ ngày nay sợ rằng nói về các vị thánh, về thiên đường, về những chuyện phục sinh, thì sẽ bị thiên hạ buộc tội "ngu dân". Phần tôi, tôi vẫn tin có thiên-đàng, và tôi vẫn cầu nguyện các vị thánh. Làm vậy, tôi

không thấy có gì mâu thuẫn với những sự thật trên thế gian, với lý trí, với ý nghĩa thực dụng, và với sở thích làm việc.

Hỏi: Xin hỏi câu cuối cùng: Bà nghĩ sao về những nghi thức hiện hành của Công-giáo?

Đáp: Tôi thích những nghi thức truyền thống hơn.

Một sáng kiến

Cái tựa làm tôi tưởng làm cuốn sách có chủ đề khoa học: *Được Chó Sói Nuôi*. Thật ra, không phải. Đây là một phóng sự xã hội về thiếu niên bụi đời bên Mỹ.

Trẻ con bị bỏ rơi, trẻ con không cha mẹ, thiếu niên bụi đời, đã từ lâu là những vấn đề nhức nhối của xã hội Hoa-Kỳ. Đã có nhiều sách vở đề cập đến, nhưng phần nhiều nặng về thống kê và báo động, nặng về tìm nguyên nhân và mổ xẻ, hơn là đưa ra phương sách giải quyết. Thật ra, cho tới nay chưa ai nghĩ ra được cách giải quyết thỏa đáng.

Khi làm cuốn phóng sự *Raised By Wolves*, tác giả Jim Goldberg cũng vậy. Ông chỉ trình bày cho thiên hạ thấy tình trạng trầm trọng đến thế nào. Nhưng thay vì dùng lời để kể và nhận định, ông nhờ hình ảnh nói lên thực trạng, và để chính các đương sự nói chuyện với độc giả. Nói vắn tắt, đây là một tập phóng sự bằng hình, mà lời ghi chú nhiều khi là của những người trong ảnh.

Nói cho thật đúng, thì loại phóng sự bằng hình này không phải là sáng kiến của Goldberg. Trước kia, nhiếp ảnh gia Larry Clark đã làm cuốn phóng sự bằng hình *Kids* (Những đứa trẻ), thuật lại cuộc sống ngoài lề xã hội của những đứa trẻ "vô luân" ở thành phố Nữu-Uớc. Nhưng hình như hồi đó Clark có "điều kiện" hơn Goldberg bây giờ. Clark vốn cũng xuất thân từ hè phố.

Nhưng, với vị thế một người bình thường, có vợ con, có công ăn việc làm đảng hoàng, với một trợ thủ là một tay nhiếp ảnh nhà nghề là Philip

Brookman, tác giả cuốn phóng sự vẫn gom được rất nhiều "trẻ em được chó sói nuôi" của hai thành phố lớn San Francisco và Los Angeles. Cái khó là làm thế nào để đám thiếu niên đầy mặc cảm và tị hiềm này, chịu cho chụp ảnh, và chịu nói ra tâm sự. Trong thập niên trước đây, tại Mỹ cũng có khá nhiều ký giả kiêm nhiếp ảnh gia xông xáo khắp mọi ngõ ngách, đem máy quay phim vào tận những khu nổi tiếng "hắc ám" nhất, để thực hiện những thiên phóng sự về những người vô gia cư, những người mắc bệnh liệt-kháng, những người nghiện ma-túy, những người tị nạn chiến tranh... Họ được tự do làm việc đó, nhưng công việc không phải lúc nào cũng dễ dàng. Vụ ký giả Eugene Richards bị hành hung trong khi đi làm phóng sự về bạch phiến ở một khu da đen, đã làm cho họ một phần nào chùn bước.

Riêng Goldberg cũng đã có kinh nghiệm. Năm 1986, cuốn *Rich and Poor* (Giàu và Nghèo) của ông cũng đã áp dụng chiến thuật "hãy để cho các đương sự tự nói". Nhưng ai cũng hiểu lần ấy dễ hơn lần này nhiều.

Để hoàn thành thiên phóng sự xã hội lần này, Goldberg đã mất trọn 10 năm đi chụp ảnh, quay phim, và ghi âm. Nhiếp ảnh viên cộng tác Brookman là quản thủ phân bộ nhiếp ảnh của Viện Mỹ Thuật Corcoran ở Hoa-Thịnh-Đốn. Công phu phóng sự

đáng kể là hình ảnh luôn đi kèm với phóng vấn. Và phần phỏng vấn khá kỹ: đối chiếu với tự thuật của các em, là lời khai của các cán sự xã hội, cảnh sát, bác sĩ, và thân nhân của đứa trẻ. Kỹ như vậy, nhưng vẫn có những trường hợp không thể hiểu vì sao đứa bé lại trở thành "bụi đời". Hình như đám trẻ cũng hiểu là người lớn muốn nghe những gì ở chúng, nên cũng có khi chúng bịa đặt. Chẳng hạn về chuyện quấy rối tình dục và bạo hành ở nhà. Nhưng thật ra thì ngoài đường đang đầy dẫy hấp lực đối với chúng: Ma túy, tự do luyến ái, mãi dâm...

Trong tập phóng sự, nổi bật lên câu chuyện tình của một đôi nam nữ 16 tuổi: Dave và Beth, chỉ vì ghiền bạch phiến nên bỏ nhà đi lang thang. Dave thích Beth, cả ngày lẳng nhẳng đi theo; cố tỏ ra hiên ngang, bất cần đời; nhưng thiếu thuốc, thiếu cơm, có khi gần chết đói; đi đâu cũng mang theo chiếc giường vải để có chỗ nằm. Nhưng Beth chỉ "kết" với Dave một thời gian, rồi nhận ra Dave "thua kém", bỏ chạy theo những thiếu niên khác. Những đứa này lợi dụng Beth. Beth mang bầu, rồi sinh con. Cuối cùng, không thể tiếp tục sống bụi đời được nữa, Beth bồng con trở về nhà mẹ. Thế thảm, nhưng không đến nỗi tuyệt vọng. Cô gái "không còn gì cả" vẫn còn có một ngôi nhà và một người mẹ để trở về. Phần Dave, thì khác. Cậu ta đang cố cười với tình

cảnh bi đát của mình. Dave soạn sẵn một danh sách khách được mời đến dự đám tang của mình, gồm nhiều nhạc sĩ và ca sĩ nổi tiếng trong làng nhạc "pop" của Mỹ. Người không hiểu vấn đề, tưởng Dave viết đùa. Nhưng các nhà xã hội học đau lòng biết đó là hậu quả do nền văn hóa gọi là "phổ thông" của xã hội Mỹ, đã tạo ra trong đầu óc non nớt của đứa trẻ 16, những giấc mơ.

Ưu điểm của tác giả "*Những đứa trẻ được chó sói nuôi*" là không cường điệu tình cảnh của những người nghèo, một khuyết điểm chung của những cuốn phóng sự xã hội. Nếu cần so sánh, thì cũng có thể nói những đứa trẻ bụi đời của Goldberg bây giờ, đối xử với nhau tử tế hơn, có tình hơn những đứa trẻ bụi đời của Clark trước kia.

Về phương cách thực hiện, cũng có khi Goldberg chụp có sửa soạn. Nhưng phần nhiều hình ảnh là những tấm chụp bất ngờ. Cũng có khi ông để cho những đứa trẻ đối tượng được xuất hiện theo cách chúng muốn; cũng có khi ông chỉ phối cách xuất hiện của chúng. Nhưng ông cố tránh những điều có tính cách cưỡng ép. Ông muốn tập phóng sự không phải là công trình của riêng ông, mà là của đám trẻ nữa. Chính cái tựa là do ý của Dave gợi ra cho ông. Dave đã viết cho ông mấy câu thơ bằng một thứ chữ nguệch ngoạc:

*Sinh ra là một đứa trẻ hư,
Được chó sói nuôi cho lớn,
Tôi là một chiếc máy bay cảm tử,
Nhưng tôi sẽ không rơi nát bao giờ.*

Một mảnh vụn của xã hội lại nghĩ rằng mình sẽ không nát. Nhưng tình cảnh của Dave, và của những đứa trẻ đang sống bên lề xã hội Mỹ, thật đáng thương. Lỗi chắc chắn không phải chỉ ở chúng. Chúng đã rơi vào vị trí ở giữa những xung động. Một phía là gia đình đẩy, một phía là hệ phố kéo. Không có lực nào giữ chúng ở vị trí nên có. Thế là chúng thành bụi đời.

Có nhà phê bình gọi tập phóng sự của Goldberg là một "khúc bi ca". Tôi nghĩ cũng đúng. ●



Cuối Năm Tổng-Kết Chuyện Cali

Người Cali

Lại thêm một mùa xuân nữa về với dân tha hương. Không hiểu ở các quốc gia khác, người Việt mình có cảm thấy băng khuâng nhớ tiếc một ngày xuân xa xưa nào không chứ dân Việt ta ở Cali, nơi có nhiều dân Mít tị nạn nhất, thì xuân về là một dịp cho họ ăn chơi, hưởng thụ...

Đầu năm Con Chó, mới có lệnh bãi bỏ cấm vận, dân ta đã hồ hởi về Việt Nam làm ăn, vé máy bay phải mua chợ đen mới có. Không hiểu họ mơ ước làm ăn được gì trên một xứ sở nổi tiếng là nghèo đói nhất nhì hoàn cầu? Từ năm Con Chó, nhiều nhân vật đã bị cháy cả tên cả tuổi cũng chỉ vì mong có được chút tiền kiếm nhanh, kiếm đại.

Ở Cali, tiền là lý tưởng, tiền là văn hoá... nghĩa là tiền là tất cả. Nhiều người bán linh hồn cho quỷ cũng chỉ vì tiền. Một nữ ca sĩ Hương Lan đang được dân tị nạn thương mến, theo lời gọi của tiền, đã về Việt Nam hát cho tụi cán ngó nghe để rồi tên tuổi bị trôi dạt vào quên lãng. Một ông cự chủ tịch Văn bút Việt nam Hải ngoại, đã chỉ vì hai trăm đô-la, đến dự tiệc và ngâm thơ tặng cho một mục nhà quê tự xưng "thiền sư" nhưng ăn mặc thật hở hang. Mục này cho ông cự chủ tịch hai trăm đô la xong, tự động đổi tên tổ chức mà ông đứng đầu thành Âu Lạc mà ông không dám ho he



phản đối. Ôi! chỉ có hai trăm đô-la thôi, ông Viên Linh đã bán danh dự của mình và của những người cầm bút Việt Nam ở hải ngoại khi báo của bà Thiền sư vén váy (chữ của Đào Nương) vút đây đường đây chợ với hình ông, người đại diện cho giới cầm bút lưu vong, đang đứng ngâm thơ tặng bà.

Người Việt khắp nơi cứ xem Cali như miền đất hứa. Thật ra Cali tuy có bề ngoài vui đẹp, khí hậu hiền hoà nhưng cũng là nơi đốt tên tuổi của nhiều người nhanh nhất. Như nhà thơ nữ Vi Khuê, ở miền đông nước Mỹ gần hai mươi năm nay, tuy lâu lâu có bị một vài đồng nghiệp đem ra làm trò cười chút đỉnh vì lối chơi chữ lập dị trong những bài thơ của bà, nhưng dù sao vẫn tự cho mình là "một vì sao nhỏ" (sao Khuê), tự xưng vào cuối năm 1994 qua Cali ra mắt sách, không hiểu có bị nắng Cali làm cho "tẩu hỏa nhập ma hay không" mà lại

bắt chước ông chủ-tịch Văn Bút Âu Lạc làm thơ ca-tụng bà thiền-sư vén váy là "Sư-phụ biển xanh", "Phật sống hóa thân", để cho ông Bút Cù của tờ *Tiểu-thuyết tuần san* số 368, ngày 17.2.1994 phải làm thơ tặng bà (ông Bếp Mập can rằng đầu năm đầu tháng, đăng thơ chưa nhiều qu e ...thiu luôn cả năm, tòa-soạn xin gởi bài thơ; lưu vào Kỷ-yếu, khi nào vụ chuyện hãy hâm lại sau). Ôi, đất Cali đã độc mà người Cali còn độc hơn.

Qua năm Con Heo, Nam Cali đón Tết với ba cái Hội chợ Xuân, một củ phòng Thương Mại Quận Cam đón ông thợ đỡ đẻ Phạm Đặng Long C tổ chức, một của Tổng hội Sinh viên miền Nam Cali, một của Cộng Đồng Hội chợ nào cũng đông nghẹt người xem nhưng năm nào các ông tổ chức hội chợ cũng than lỗ. Dân Mỹ tổ chức chuyện gì lỗ một lần xem như là khánh tận. Dân ta, mười tám năm qua năm nào cũng lỗ, vậy mà năm nà

cũng giành nhau tổ chức Hội chợ Tết. Năm nay, mới tháng Mười ta, các ông tai to mặt lớn trong cộng đồng đã giành giật nhau tổ chức Hội chợ Tết năm Con Chuột rồi. Thật ra, sinh viên than lỗ để dành tiền mua xe lạng chở đào đi chơi; ông thợ đồ để than lỗ để khỏi phải trả tiền cho thị xã Westminster phái nhân viên công lực làm việc phụ trội để giữ gìn an ninh cho Hội chợ. Vả lại ông ta cũng phải để dành tiền đem về Việt Nam dâng cho tụi cán ngố. Biết đâu chúng tham đồng đô-la, ban cho ông một chức vụ nào gần gần giống chức vụ của Tổng Theo thời Cộng Hoà chúng ta. Theo lời ông Đốc đuôi dài tâm sự thì mộng ông lớn lắm, không phải “giấc mộng con” đâu! Nhưng sau chuyến về thăm quê hương dâng tiền cho tụi cán ngố, ông trở lại quận Cam với tấm lòng nặng trĩu trĩu vì cảm thấy mình đã ngố hơn tụi ngố! Giờ thì phòng mạch của ông vắng vẻ tiêu điều, ông ngồi chờ khách như tụi Việt cộng ngồi chờ Hoa kỳ cho “tối huệ quốc”. Ông Cộng Đồng thì giữ tiền lời làm của riêng, lỗ lã bầu cử sau không đắc cử cũng còn chút vốn dầm túi.

Ở đất Cali, tên tuổi nhân tài cháy nhanh hơn lửa rơm trước gió. Phải chăng Cali hay động đất, nhân tài nào về Cali cũng bị động “long mạch” hết trơn? Nữ tài tử Kiều Chinh, ngày còn ở Việt Nam, nổi tiếng là một tài tử đẹp. Qua Mỹ, định cư ở Cali, tiếng tăm tan tành theo mây khói. Có gì đâu, bà nữ tài tử này, cảm thấy mình đã già, muốn đốt giai đoạn nên kiếm đường đi tắt. Nhưng Mỹ nó không xài, bà liền theo tụi phản chiến, cũng mặc áo nâu non, tóc buộc túm như cán bộ cái Việt cộng, đi dự Đại hội Điện ảnh do tổ chức East West Foundation của mục Lệ Lý Hayslip tổ chức và bày tỏ ước mơ của bà là được trở về đóng phim cho tụi cán ngố xem. Ở Mỹ, tụi Hồ Ly Vọng mắt mù không thấy được tài năng của bà, chỉ chuyên cho bà đóng vai sến hoặc Tú Bà làm mai một hết tương lai tươi sáng. Năm Con Heo, vào đúng ngày Quốc Hận 30.4, bà trở về Việt Nam nói rằng để thăm mộ cha và gặp lại

gia đình, nhưng thật ra là để khánh thành một ngôi trường ở vùng phi quân sự tại Đông Hà có tên là Lewis Puller, tên một tác giả phản chiến đã đoạt giải Pulitzer nhưng đã chết sau một chuyến thăm Việt Nam. Bà Kiều Chinh, trước khi “áo Mỹ” về quê, đã tổ chức một buổi họp báo và tuyên bố nhiều câu có lợi cho cộng sản. Chuyện này đã làm nhiều người phẫn nộ. Ông Lưu Đình Vong, trong tuần báo *Tiếng Chuông* số 158 ra ngày 21.4.95 có làm bài thơ tặng nàng Kiều nữ về già như sau:

VINH MỢ KIỀU

*Hai mươi năm chẵn, chị dzìu quê
Xiêm áo Huế kỳ bảnh chọe ghê
Bám Mỹ phản thùm, ngoan ỉn ỉn
Vuốt Hồ củ cải, chạy le te.
Nghĩa nhân tị nạn quay đầu cần
Ơn huệ thuyền nhân đá bát tè.
Tài tử trở cờ, tài cũng từ
Mặt dày đâu để quạt mo che?*

Nhà văn lớn Doãn Quốc Sỹ qua Hoa kỳ, định cư ở Houston, Texas êm-ái không sao, ông đem bầu đoàn thể-tử qua thăm Cali, lửa bén áo ông ngay. Nhật báo *Người Việt*, được người tị-nạn ở quận Cam đặt tên là “Công-ty Cờ-Lăng” vì báo này, cách đây bốn năm đã công-khai chiếu trên đài truyền hình lăng già Hồ, cờ đỏ sao vàng của tụi Việt Cộng cùng những con đường buôn bán sầm-uất ở Việt-nam cộng-sản (một hình-thức tuyên-truyền rằng quê-hương giờ đã thanh-bình) đã tổ-chức buổi ra mắt sách cho ông ở phòng hội của báo này. Sáu đó ông nhà văn ham vui cứ vào xem Đại-nhạc-hội *Tiếng hát quê-hương* bây giờ và mãi mãi, tổ-chức vào ngày 26.3.95 để lấy tiền gởi về cho VC, mặc những lời năn-nỉ của đồng-bào tị-nạn đứng phản-đối trước rạp hát. Nhà văn và ông nghị phản thùm Tony Lâm (người đưa hai tướng VC đi tham-quan thủ-đô tị-nạn) đã hiên-ngang bước vào rạp, có an-ninh Mỹ hộ-tống, nhưng khi thấy trong rạp chỉ có chừng 50 khán-giả, ông nghị Lâm đã bật khóc. Hai ông này sau đó lủi-thủi ra về bằng cửa sau, và nhà văn đã được tuần báo *Lập-trường* ngày 21.4.95 tặng cho bài thơ luận về chữ

“sĩ” (một lần nữa, thơ chưa lại bị đem ...ngâm giấm, để dành!)

Cali, miền đất có khí hậu ẩm áp gần như quanh năm, hoa nở rộ bốn mùa, có Little Saigon với tất cả những cửa tiệm của một Sài gòn lớn ngày xưa, có khu Phước Lộc Thọ, nơi tụ họp của tất cả các cựu quân nhân H.O. vừa mới qua định cư, mỗi ngày đến đó để tìm xem những bạn tù của mình ai còn, ai mất... Ôi Cali với hai đài truyền hình Việt Nam chiếu mỗi ngày, với tám đài phát thanh nói tiếng Việt. Đến quận Cam, các bạn sẽ tưởng đâu mình lạc vào một thành phố nhỏ của quê hương năm xưa, bảng hiệu các cửa tiệm đều bằng chữ Việt, dân chúng nói chuyện với nhau bằng tiếng Việt, nhà nào cũng có một mảnh vườn con trồng đầy rau quả của quê hương... Cali êm đềm quá! Cali thân yêu quá! Nhưng Cali cũng là nơi vui dập nhân tài!

Các bác sĩ ở Việt Nam vẫn được xem là “lương y như từ mẫu”, qua đến Cali đã trở thành “lương y như kẻ mẫu”! Nhiều vị bác sĩ già có tâm tiếng ở Việt Nam đã bán rẻ lương tâm vì tiền. Có tiền là có tất cả mà ly! Có từ đào nhí, cả xe sang, nhà rộng... Các bác sĩ già này đã bị FBI Mỹ còng tay về tội gian-lận Medicare, lấy lại hết tiền bạc và rút lại bằng cấp. Ôi, thân bại danh liệt cũng vì cái đẹp, cái quyến rũ của Cali! Vụ *Medicare fraud* này là một vết nhơ khó tẩy xóa trong cộng đồng Việt tị nạn, nhưng sự quyến rũ của Cali đã không làm chồn chân kẻ khác.

Những bác sĩ trẻ ở các tiểu bang khác không sao, về đến Cali, thấy bạn bè cùng trang lứa nhà to xe đẹp, bèn lao vào vòng luẩn quẩn để rồi tự thiêu tên tuổi mình. Bạn đọc khắp nơi qua Cali, ngồi xe hơi hay vào các nhà hàng, chợ, siêu thị Việt đều nghe phát thanh quảng các các nha sĩ, bác sĩ đem xe *van* đến tận nhà chở bệnh nhân về phòng mạch chữa trị, có tặng mì gói, gạo, nước mắm và đủ thứ đồ gia dụng trong nhà... Ôi mầm non sáng chói của nước Việt chúng ta đó! Làm sao mong có được một ngày về

đuổi tụi cán ngố vào lại trong rừng để những nhân tài được đào tạo từ Mỹ quốc giàu mạnh về xây dựng lại quê hương khi lý tưởng của những nhân tài này chỉ là "tiền"? Từ đầu năm 1995, trước sự lộng hành của các ông bà bác sĩ, nha sĩ trẻ, ông bác sĩ Chủ tịch Hội Nha sĩ Nam Cali đã phải kêu gọi một nhóm nha sĩ hãy ngưng hành động làm giàu tất bất hợp pháp vì chuyện này sẽ đem lại nguy hại cho ngành Nha khoa.

Tuần báo *Việt Nam Tự Do* số 700 ra ngày 19.1.95 đã đăng lời kêu gọi của bác sĩ Lê Trọng Phong cho hay Nha đoàn California (Board of Dental Examiner) đang điều tra một số nha sĩ hành nghề vi luật. Theo bác sĩ Phong thì nhóm bác sĩ và nha sĩ này có khoảng hai mươi người. Những ông "sĩ" này thâu được các nguồn khách sử dụng Medical bữa bãi nên làm giàu nhanh chóng. Do đó chỉ mới vài năm mở phòng mạch, thiếu số nha sĩ và bác sĩ này đã mua nhà bạc triệu, kể cả du thuyền; trong khi các bác sĩ khác, nhục nhả vì vụ gian lận Medicare năm 1985, mỗi năm lợi tức không đủ để trả những món nợ từ năm mươi đến một trăm ngàn.

Những người tị nạn đến Cali theo diện H.O. đã được các ông "sĩ" trẻ này thâu ngay từ khi mới bước chân xuống phi trường. Còn những người đi làm có bảo hiểm, cứ nghĩ rằng tuổi trẻ trong sạch, lý tưởng, lỗ đại đến khám răng, khám bệnh với mấy ông "sĩ" này, khi hãng bảo hiểm gửi giấy về báo cáo đã trả *bills* cho họ như thế nào; đọc xong, tóc gáy dựng lên tua tủa. Đi khám răng một lần, bị tính thành ba lần. Chùi (clean) răng chừng mười lăm phút mà sao cái giấy tính tiền dài như cái số Táo quân! Đi khám bệnh, thử máu một lần, ông bác sĩ trẻ *bill* xong, đến lượt phòng thí nghiệm gửi giấy đòi tiền. Họ làm việc có lớp lang, vài tháng sau mới gửi giấy đòi nên hãng bảo hiểm lần bệnh nhân đều lâm vào mê hồn trận. Mấy ông tuổi trẻ tài cao, ăn vụng đến đâu chùi mép sạch bóng đến đấy; mấy ông bác sĩ già ngổ ngẩn bị FBI gài bẫy thua xa! Tuy nhiên, luật pháp nước Mỹ, tuy

mới nhìn qua thấy lỏng lẻo thật nhưng rồi cũng khó thoát lăm. Cali đi để khó về là vậy. Qua đến Cali, bị rơi vào guồng máy sinh hoạt, ăn chơi rồi nợ nần chồng chất, làm sao trở về lại cái thuở "vô tư chưa thiếu nợ" được nữa? Cali nhiều cám dỗ quá nên không muốn nợ cũng phải cà thẻ nhựa, vậy là nợ đeo theo suốt đời!

Về mặt sinh hoạt cộng đồng, Cali cũng đạt được nhiều kỷ lục. Không nơi nào có nhiều hội đoàn như Cali. Hai ba người ngồi lại với nhau, buồn buồn lập ra một hội, biết đâu ngày này... vài tháng nữa có chút "phân" cũng đỡ khổ! Càng có nhiều hội đoàn thì đài truyền thanh Sống Trên Đất Mỹ của ông Vạn Võ càng sống. Tối tối, các hội đoàn cho vợ con gọi vào đài tổ cáo hội kia thân cộng, hội nọ... xin Việt cộng về quê hương làm ăn. Cãi đi cãi lại mỗi tối, quận Cam có bao nhiêu hội đoàn thì cũng có bấy nhiêu nón cối. Ai cũng là cộng sản cả!

Ồ, mà bị tố là cộng sản cũng chẳng oan chút nào. Ông nào cũng hô hào chống cộng nhưng rồi ông bà nào ở quận Cam, ít nhất, cũng đã có một lần về Việt Nam. Vì vậy, quận Cam mới có con đường Bolsa huyết mạch, con đường hai chiều, con đường đối trá. Đi tuần hành đả đảo cộng sản trên con đường này xong lại ghé vào một trong vài chục tiệm bán vé du lịch cũng trên cùng con đường để mua cho mình một vé máy bay về Việt Nam... mảnh mung chút đỉnh. Chuyện đó xưa quá rồi, không còn làm ai than thở. Con đường Bolsa hai chiều nên con đường Bolsa hai lòng chẳng còn xé nát tim ai nữa hết. Có chăng là những người Việt Nam còn liêm sỉ, còn ưu tư cho một ngày về trong danh dự thường vẫn đi trên con đường chính của thủ đô tị nạn mà lòng cảm thấy đau như con quốc quốc.

Thủ đô tị nạn Little Saigon còn có biệt tài cho ai được cái gì, lấy lại cũng thật nhanh. Mới ngày nào, vào đầu tháng Tư 95, ông Hồ Anh Tuấn đã được mọi người thương mến, các báo chợ vinh danh vì sự hăng hái của ông trong vụ tổ chức ngày Quốc Hận. Chỉ

hai tháng sau, nhiều báo đã đặt tên ông là Hồ Mắm Thối và đăng nguyên một lá thư dài của một người đàn bà đã... đi qua đời ông, tố cáo ông là người lừa tình, lừa tiền, là cộng sản nằm vùng... Năm 1993, ông Bùi Bình Bán còn là ông anh chi tiền hào hoa phong nhã vì ông có cổ phần trong ngân hàng Delta ở thủ đô tị nạn, thường cho các báo chợ nguyên từng trang quảng cáo văn phòng chữa răng của bà vợ nha sĩ. Ngày ông được bầu vào chức vụ chủ tịch cộng đồng Nam Cali, đời ông vất vả ngay. Tuần nào cũng có vài tuần báo tố cáo ông đủ thứ chuyện. Cuộc đời tình ái và sự nghiệp của ông bị thêm mắm thêm muối đăng tùm lum cho thiên hạ phê bình, đàm tiếu.

Cha mẹ ham kiếm tiền, con cái bị bỏ bê nên gia nhập băng đảng kiếm tiền ăn chơi. Trong năm qua, nạn băng đảng đã làm thiệt hại dân lành không ít. Nhiều khi chính con cái dẫn bạn bè về đánh cướp chính gia đình mình. Làm sao kể hết chuyện Cali trong một bài báo đây? Chỉ biết rằng Cali là nơi tập trung nhiều dân tị nạn Việt nhất, từ "nhân tài" cho đến trộm cướp.

Cali là nơi dung thân của nhà văn Mai Thảo từ hơn mười lăm năm qua, một Mai Thảo dễ thương, hào-sảng của Sài-gòn năm nào, giờ đã thành một ông già nát rượu, lại sinh tật, làm thơ kiểu:

*Đặt tay vào chỗ không thể đặt
Vây mà đặt được chẳng làm sao
Mười năm góp lại trên hè phố
Cười tùm còn thương chỗ đặt nào.*

Cali đã làm mất cái thơ-mộng của Ông đàn đứng giữa đời, cái lãng-mạn của Mười đêm ngà ngọc, và còn nhiều nữa.

Cali cũng là nơi chốn mà nhà thơ Viên Linh tự đốt cháy tên tuổi qua vụ in trộm tập thơ Nguyễn Chí Thiện, mang tiền nộp cho người tình già bất cá...ba tay (không biết bà này giấu bàn tay thứ ba ở chỗ nào), rồi vì ghen tuông, nhà thơ vác gạch đá ném vào xe nạng, để phải lãnh cái án tù 10 ngày. Thật nhục thay cho giới cầm bút! Vậy mà năm nay, ông lại can-

đảm ra ứng-cử lại chức-vụ chủ-tịch Văn Bút. Ông mà ngáp phải ruồi lần nữa thì thật buồn cho những người cầm bút ở hải-ngoại xiết bao!..

Đã sang đông, tiết Cali bắt đầu trở lạnh. Mỗi sáng sớm, mỗi chiều, sương mù giăng mắc khắp nơi. Mùa này dân Cali rủ nhau đi dạ vũ thật đông... đêm về khoác thêm chiếc áo dạ, tưởng đâu mình vẫn còn ở quê hương xưa, Đà Lạt sương mù, Sài Gòn đèn xanh đèn đỏ. Quê hương thật gần nhưng sao vẫn xa vời vợi. Vẫn biết rằng chỉ cần một ngàn đô-la cà thẻ nhựa hay hót hụi sống là đã có thể áo

gấm về quê tha hồ nói phét... nhưng những con người còn chút liêm sỉ vẫn không thể làm sao cất bước vào tiệm bán vé máy bay, điền vào đơn xin visa của tụi Việt cộng mấy câu "công dân Mỹ, nghề nghiệp công nhân" để tụi nó ký cho mình mảnh giấy cho phép mình về thăm lại quê hương của chính mình! Tại sao tất cả mọi người, dù làm nghề gì cũng phải ghi là "công nhân" mới được tụi cộng sản để dành cấp visa (theo tin của các hãng bán vé du lịch)? Phải chăng chúng muốn hạ nhục dân tị nạn ra nước ngoài chỉ có thể làm công nhân cho Mỹ? Hỏi là

biết ngay câu trả lời.

Bài viết đã dài, cả trăm ngàn chuyện vui buồn của người tị nạn ở Cali gom lại trong vài trang báo, làm sao kể cho hết được! Người viết xin đành hẹn gặp lại quí bạn đọc trong một dịp khác. Hy vọng sẽ có những chuyện vui hơn, ấm lòng hơn để các bạn ở xa khỏi phải ngại ngùng mỗi khi muốn về thăm Cali có Sài Gòn Nhỏ, thủ đô của người tị nạn Việt trên đất Mỹ.

Chúc quí bạn đọc một năm mới an khang và thịnh vượng.

春色如畫
大地色花
白紫赤黃
萬色如錦
惟人心愛國
安地必相表
山美志如
同心後國
張

翠山

vạn sắc xuân

Kim thiên xuân tái lai
Mãn địa sắc hoa khai
Hồng bạch tử xích hoàng
Vạn sắc hương huy nhai.
Thùy nhân tâm ái quốc?
Khách địa tất tương ai
Nghinh xuân mạc vong cố,
Đồng tâm phục quốc hoài.

thúy sơn

xuân muôn màu

Xuân về,
hoa nở từng bình
Thắm đỏ huy hoàng,
vàng tươi hồng tía
Gió đưa hương, nhiệm ý
Những ai nào nung chí đấu tranh?
Mong giải phóng quê mình,
Sớm thoát vòng điêu linh, sầu khổ...

thúy sơn



Ngày Xuân, Bàn Chuyện Đánh Đề

Lê Văn Lân

Đối với tôi, 35 là một con số ám ảnh.

Đúng vậy! Con số 35 cứ đeo đuổi trí óc tôi từ gần 50 năm nay. Quên thì thôi, nhưng nếu có dịp nghĩ đến, tôi vẫn thắc mắc tại sao con số này lại dùng để chỉ con dê? Đã đành người ta vẫn giải thích rằng trong những con số đề, thì con dê mang số 35, do đó những danh từ liên hệ đến đặc tính của con dê cũng được mang số 35, thí dụ như máu dâm là "máu 35", một ông chủ thích sờ soạng xách nhiều tình dục các nữ nhân viên bị gọi là "ông chủ 35"...

Trò chơi đề, đánh đề không có ở miền Bắc, miền Trung. Nó chỉ xuất hiện ở miền Nam, vùng Sài Gòn - Chợ lớn trong những năm đầu của thập niên 50 khi các sòng bạc Kim Chung, Đại Thế Giới, nhà Bình Khang được nhóm Bình Xuyên mở công khai để thu lợi.

Thuở ấy tôi mới từ Huế vào Sài Gòn theo học Y khoa, cái thuở mà đồng bạc giấy Đông Dương được xé đôi để tiêu như đồng 5 các. Năm dự bị tiền Y khoa là năm PCB (Sinh Lý Hoá, do chữ Physique, Chimie, Biologie) được mấy anh bạn cùng lớp người miền Nam của tôi gọi là năm Phải Chơi Bời. Chơi bởi chính là

xóm Bình Khang và sòng bạc Kim Chung. Ngày ngày đến xóm Bàn Cờ ăn cơm tháng, nghe dân

trong xóm bàn tán về chuyện đánh đề, bàn đề, thai đề, ghi đề, huyện đề, con ngỗng, con dê, v.v.. mà vì bận học, tôi chẳng có tâm trí nào để ý đến.

Bẵng đi 45 năm sau, trên đất Mỹ, bỗng nhiên tôi vô được đúng ổ "35 con dê xồm" và những con vật đánh đề khác.

Trong Nghiệp dĩ, tác giả Phạm Thăng đã mô tả trò cờ bạc "xổ đề" ở Sài Gòn, Chợ Lớn thời ấy như sau:

"Thời gian đó ở Sài Gòn, Chợ lớn có công ty Kim Chung chuyên mở sòng tài xỉu và xổ đề mỗi ngày lúc 4 giờ chiều. Sài Gòn một số, Chợ lớn một số. Buổi sáng dân chúng đoán con số sẽ xổ ra để mua ở các đại diện bán. Ngõ ngách nào cũng có đại diện này, gọi là người quỵên đề. Dân chúng say mê mua. Cũng có người trúng, nhưng số người thua nhiều gấp ngàn người trúng.

"Tài xỉu hại người mê cờ bạc tán gia bại sản, còn đề cũng hại không kém. Những người đã mê đề thì không thiết nghĩ ngợi làm ăn, ngày ngày thần



thờ thấy gì cũng đoán, cũng tưởng tượng ra con số. Đến đêm có người còn van vái 'người khuất mặt' cho mình nằm chiêm bao để sáng ra đoán mộng mua con số, hi vọng trúng lớn (1 đồng trúng 36 đồng):

"Đề ở Sài Gòn cũng như Chợ lớn có 40 con, mỗi con số được họ vẽ tượng trưng một con vật, ví dụ: số 1 là con cá trắng, số 2 con ốc, số 3 con ngỗng... số 35 con dê, số 37 ông Thần Tài.v.v... Mỗi ngày tại trụ sở chánh của công ty Kim Chung có phát một tờ giấy vẽ hình ngộ nghĩnh, họ nói đó là 'thai đề' để cho bà con xem đó mà đoán ra con số của ngày này".

Theo Việt Nam tự điển của Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ thì: Đề là môn cờ bạc dùng trí mà mua, mà đặt con bài người ta sẽ xổ ra: Đề 12 con, đề 36 con, đề 40 con, đánh đề".

Theo Phạm Thăng, đánh đề 40 con thì 1 đồng trúng 36 đồng, còn đánh roulette bây giờ ở Atlantic City hay Las Vegas thì có 38 số (1 đến 36 và hai số 0, 00), 1 đồng trúng 35.

Danh từ “quyện đề” hay “huyện đề” chỉ người đại diện bán vé đề có thể có nguồn gốc như sau: Theo sách Hoa văn, cách tổ chức xổ đề là một con đề được chọn rồi cuốn lại để vào một cái hộp kín, dùng dây kéo hộp treo lên cao. Khi xổ đề, hộp được giồng xuống và lá đề mở ra công khai. Theo tôi, chữ “huyện đề” chính xác hơn vì “huyện” đây không có nghĩa là “phủ, huyện” mà chính ra là “huyền” với bộ tâm ở dưới, có nghĩa là “treo lên cao”. Còn “quyện đề” có lẽ là do cách phát âm sai của người miền Nam.

Sau 1955, chính phủ Ngô Đình Diệm dẹp Kim Chung, Bình Khang của Bình Xuyên nên trò đánh đề cũng chết theo. Nhưng như con bạc tuộc, chặt vôi này còn vôi khác, trò cờ bạc này đổi lột thay hình thành “đề đánh số đuôi”, nghĩa là “Mua vé có số thứ tự từ 00 đến 99 ở các tổ chức lậu dựa vào con số trúng 200 đồng của vé số Kiến Thiết xổ mỗi tuần mà ăn thua, 1 trúng 70” (theo *Việt Nam tự điển*). Như vậy, đề đánh số đuôi không còn giữ hình thức của lối chơi đề nguyên thủy là đề 12 con, 36 con hay 40 con nữa.

Cũng qua bài *Nghiệp dĩ*, tác giả Phạm Thăng nhắc đến tinh thần dị đoan của dân đánh số đề. Họ thường dựa vào chiêm bao đêm trước để sáng ra đoán mộng mà mua số, hoặc đọc nhật trình để coi giải thai đề. Ông kể:

“Báo chí đăng hình với lý do trám chỗ trống cũng như giúp vui độc giả, ngờ đâu người dân mê cờ bạc tưởng lầm là cái thai đề.

“Tôi ngồi nhai cơm với thịt vịt mà ghen ngào, biết nói sao với người cô già mê đánh đề. Cô nói:

“- Mày biết hông, hồi sáng này con Sáu bán bánh bò ngồi kể tao dựa tờ TC cho tao coi cái hình vẽ một bà già bơi xuống chỗ đóng trái cây gì đó, vẽ hông thấy rõ. Tao lật qua lật lại bỗng tao lật ngược tờ báo lên thì thấy đóng trái cây đó có dạng hình con vịt mập ú. Tao nghĩ rồi, kiểu này thì số đề hôm nay ở Sài Gòn là số 3, con ngỗng đây. Rồi tao đoán: Bà già chở ngỗng ra chợ bán, vậy con ngỗng là số 3, tao mua

số 3 cộng thêm bà già là 4 cho đề Chợ Lớn. Y chang thấy hông. Tao trúng phóc cá cặp Sài Gòn, Chợ lớn nên cúng tạ ơn Bà Cậu đó.

“Tôi thương bà cô hiền lành nên phải nói:

“- Không phải đâu cô Năm à. Nếu thai đề thì con biết trước, con làm giàu rồi.

“Bà vẫn chưa tin, cãi lại:

“- Mày nói niếc. Hôm rày thiên hạ đồn báo ra thai đề nên ai nấy chờ mua mỗi ngày... Ở ở, còn mày nói mày vẽ... tao có nghe con Sáu nói có ký tên Phạm Thăng gì đó, vậy là mày sao?

“Bà trầm ngâm giây lâu rồi cười nói:

“- Phải rồi, mày hông ra thai đề, nhưng mà họ, cái công ty Kim Chung gì đó, họ theo cái hình của mày để xổ ra con số đó. Hi hi, y chang...

“Tôi không biết nói sao, mà nhà báo cũng không biết làm sao. Nếu không đăng hình khỏi hài thì nhà báo có thể mất độc giả, mà giải thích thế nào đây khi các bà, các cô nhẹ dạ dễ tin đoán mò cái hình vui thành ra con heo, con chó?”

Đến đây, chúng ta gặp phải danh từ “thai đề”. Thai là gì?

Theo *Đại Nam quốc âm tự vị* của Huỳnh Tịnh Của thì “Thai: Nghi, bói, định chừng”.

Theo *Việt Nam tự điển* của Lê Văn Đức, Lê Ngọc Trụ thì: “Thai đề hay thai chữ thường là một câu hai vế hoặc bốn vế bằng chữ Hán, in ra phát cho ai muốn xin để bàn đánh con đề ngày mai. Thường thường còn có ‘thai miệng’ mà thầy đề phát ra một cách ngẫu nhiên khi có người năn nỉ hỏi”.

Mà nói đến “thai đề” thì không thể không nhắc đến một hình thức cờ bạc khác là “thai đồ” hay “bài thai” khá phổ thông ở miền Trung. Trong cuộc chơi bài thai, người ta dùng một lá bài của bộ bài Tới hay bài Chòi, bỏ trong hộp treo trên đỉnh cột cờ và hò một bài mô tả lá bài trong hộp để người chơi đoán. Ví dụ:

Đò Tư Hiền băng qua sông Đại Hải
Đường có gặp ghềnh thì xin chịu khó đi băng.

Khổ chi chàng ơi, chàng đi mò mà trời
túi không trắng.

Em sợ chàng quàng cây vấp đá

Rồi lại trách em rằng không dặn dò!

(Con Âm, nghĩa là té một cái âm)

Hoặc:

Sen xa hồ thì sen khô hồ cạn,

Lựu xa đào thì lựu ngã đào nghiêng.

Tài chi anh xa em mà không đem thăm
với ngày phiên,

Nỏ khác chi Thúy Kiều xa Kim Trọng,
biết giải mấy niên cho hết sầu...

(Con Liễu, dựa vào ý: Liễu dương biết
thiếp đoạn trường này chẳng)

Trong cuộc chơi đánh đề, đương nhiên là có những câu thai đề do công ty xổ đề đưa ra nhưng chẳng ai giữ làm gì, ngoại trừ con số “35 con đề xôm” đã đi vào ngôn ngữ Việt.

Đời thường thì như vậy, nói đến thư tịch, sách báo ghi lại thì còn chán hơn. Tôi chỉ là một kẻ hậu sinh nặng lòng hoài cổ, thấy gì xưa cũ mà chưa hiểu cứ mạo muội viết ra. Cái ngộ nhất là thư tịch và tài liệu mà tôi thường tra cứu và giúp ích tôi “trở về nguồn” ít khi là sách tiếng Việt mà là sách viết bằng Anh, Pháp hay Hoa văn mà tôi tìm được ở các thư viện của Mỹ.

Nhân đi truy tìm nguồn gốc kỳ bí của bộ bài chòi Việt Nam, tra cứu trên 10 cuốn sách khảo về các trò chơi cờ bạc trên thế giới, tôi có duyên may đọc được cuốn *Scarne's New Complete Guide to Gambling* của John Scarne. Scarne đã khảo cứu các lối chơi đánh số (*The Numbers Game*) tương đương với lối đánh đề ở VN mà tôi sẽ trình bày ở sau. Tuy ông không viết gì về lối đánh đề của Trung Hoa và của Việt Nam nhưng ông có đăng một tấm hình chụp duy nhất từ một cuốn sách đã tuyệt bản: *Chess and Playing Cards* của Stewart Culin, khảo về nguồn gốc các trò cờ bạc trên thế giới.

Theo John Scarne, loại sách “đoán đề dựa mộng” đã có từ lâu bên Tàu. Có lẽ đó là một trương của loại sách chiêm bao để chơi đánh đề hay lối xổ số “chữ nghĩa nở hoa” (*Chinese Word-Blossoming lottery*)



Nhìn vào bức hình, ta thấy hai chữ "sinh tài" trên đầu vị thần tài mà thân thể được ghi chi chít những chữ. Bàn tay phải vị thần giơ lên một tấm bài ghi chữ "tinh lợi". Chung quanh thần tài có 9 ô chữ ghi theo thứ tự như sau:

1. Tứ trạng nguyên
2. Thất sinh lý
3. Tứ hoà thượng
4. Ngũ hổ tướng
5. Tứ phu nhân
6. Tứ hảo mệnh
7. Nhị đạo sĩ
8. Nhất sư姑
9. Ngũ khất thực.

Nhìn kỹ mỗi ô, ta thấy trên (3 chữ), giữa (4 chữ), dưới (2 chữ), nhiều chữ dù đã dùng kính lúp soi lớn vẫn không đọc được. Ví dụ như ô đầu tiên là Tứ Trạng Nguyên. Có lẽ đây là tên 4 vị đã đậu thủ khoa.

1. Vị đầu là Ngô Chiêm Khôi (hàng trên), Bạch Ngư bách túc (hàng giữa), Chí Cao (hàng dưới).
2. Vị thứ hai là Trần Bản Quế, Điền Loa Sy Hoả, Mậu Lâm.
3. Vị thứ ba là Trần Vinh Sinh,

Bach Nga Tử Lão, Vạn Kim.

4. Vị thứ tư là Trần Phùng Xuân, Khổng Tước Trần Thế Mỹ, Quang Minh.

Như vậy, mỗi vị trạng nguyên ứng với một con vật như số 1 cá trắng (Bạch Ngư), số 2 con ốc (Điền Loa), số 3 con ngỗng trắng (Bach Nga), số 4 con công (Khổng Tước).

Eureka! Điều này phù hợp với trí nhớ của chàng văn họa sĩ Phạm Thăng nên tôi hứng chí tiếp tục...

Ô thứ hai có Thất sinh lý với 7 con vật sau: Rồng bay (Phi Long), chó trắng (Bạch Cẩu), ngựa trắng (Bạch Mã), voi lớn (Đại Tượng), mèo rừng (Dã Miêu), chuột già (Lão Thử), ong vàng (Hoàng Phong).

Trong Tứ Hoà Thượng có (?) tinh, gà (Kê), ve vàng (Hoàng Thiên), cá chép (Lý Ngư).

Trong Ngũ Hổ Tướng có giun đất (Địa Long), thỏ trắng (Bạch Thố), heo (Trư), cọp (Hổ), trâu (Thủy Ngưu).

Trong Tứ Phu Nhân có con phù du (Phù Diệp), Ngọc Thạch, én trắng

(Bạch Yến), bồ câu trắng (Bạch Cáp).

Trong Tứ Hảo Mệnh có khi (Hầu Tử), các kê (Cáp Giời), (?), rồng (Long).

Trong Nhị Đạo Sĩ có ếch trắng (Bạch Oa), sư tử vàng (Kim Sư Miêu).

Trong Nhất Sư Cô có chồn cáo (Hổ Ly).

Trong Ngũ Khất Thực có rết (Ngô Công), rắn lớn (Đại Xà), nhện (Tri Thù), nai (Lộc), dê (Dương).

Như vậy có cả thảy 36 con vật, kể luôn ông thần tài thành 37.

Trong trang sách chiêm bao đánh số này, mỗi con vật ứng với một nhân vật như Trạng Nguyên, Hoà Thượng, Đạo Sĩ, Sư Cô, Ân Mày.v.v.. Ngoài ra còn có nhiều trang khác để các thầy đề (Đề cổ nhân) rộng đường giải đoán. Chẳng hạn nếu người đánh đề nằm mơ thấy một nhân vật lịch sử thì việc ấy ứng với một con vật: Nằm mộng thấy Triệu Tử Long thì là con rồng bay, Khổng Minh là ngựa trắng, Khương Tử Nha là voi lớn, Võ Tòng là con gà.v.v..

Nhưng các bạn đừng nghĩ rằng chỉ có dân Việt và Tàu là mê tín và nhiều khệ trong vấn đề bài bạc. Dân Mỹ thực sự còn mê tín và nhiều khệ gấp nhiều lần hơn. Họ chơi đề rất bạo, ăn thua bạc triệu và có một hệ thống "huyền đề" chu đáo tỉ mỉ rất cẩn mật. Họ tin tưởng vào những con số hên, vào những thầy bàn đề hay những cuốn sách giải số dựa vào chiêm bao, đôi khi còn đưa cả lên màn ảnh ti-vi.

Chơi đề Mỹ là *The Numbers Game*. Theo John Scarne, trong năm 1973, cứ 8 người chơi cờ bạc ở Mỹ thì có 3 người khoái chơi đề. Trong 36 triệu dân Mỹ máu mê cờ bạc thì 15 triệu là đàn bà, đánh một số tiền kèch xù 10 tỉ đô-la để mong trúng đề 3 số.

Đề Mỹ có nhiều tên tùy theo tầng lớp dân chúng: Policy Game, Mutuel Numbers, Negro Numbers, Policy Racket... Nhưng phần lớn dân chúng và huyền đề chỉ gọi tắt là "The Numbers". Lối chơi đề Mỹ hiện nay là hình thức biến dạng của xổ số Ý, xuất hiện từ năm 1530. Ở Mỹ, từ hồi

còn là thuộc địa của Anh, dân huyện đề và tay chơi thường đánh hai hay nhiều số đuôi các xổ số hợp pháp chính thức của quốc gia trên những lô trúng nhất, nhì, ba.

Scarne ước tính rằng 10 tỉ đô-la do việc đánh số đề đuôi này được phân phối:

47% để chung cho khách trúng.

40% để trả lương cho việc điều hành (lậu) và tiền mướn luật sư.

7% (700 triệu) vô túi các huyện đề.

6% (600 triệu) để hối lộ các chính khách và nhân viên guồng máy cảnh sát tham nhũng.

chuyện một người lính và mùa xuân

Gặp em nắng hè quang
Hoa phượng rực trường cũ
Quen nhau vừa đông sang
Lên đường đi trấn thủ

Hẹn mùa xuân về thăm
Mai rừng trắng biên giới
Nhớ người thương xa xăm
Bâng khuâng chờ năm tới.

Thế rồi cũng đám cưới
Chim yến buồn thu vàng
Chàng đi thiếp theo chàng
Dù núi trên bưng dưới.

Qua mùa đông lại đông
Từ chiến trường báo tiếp
Đang mưu cầu sự nghiệp
Cha mẹ già đừng mong.

Thư hứa tết như mây
Mới đồn quân giới tuyến
Thoát biên phòng miền Tây
Còn gian nan chinh chiến.

Rời sinh bệ đầu lòng
Báo tin mừng nội ngoại
Con thơ và vợ đại
Tiền phương thêm long đong.

Ngân quỹ tiểu bang và liên bang chẳng được xu teng nào cả.

Hiện nay, để cạnh tranh với huyện đề, ngành xổ số hợp pháp tổ chức mỗi tuần hai lần, đánh 3 số, 4 số, 6 số; vé loại 5 các và 1 đồng.

Nhưng dân huyện đề đâu có ngán! Họ đâu phải trả chi phí cho những cuộc xổ số và trình chiếu trên ti-vi. Họ chỉ cần một hệ thống nhân viên đi vô các ngõ ngách, ghi số đề hay bán vé, bao nhiêu cũng được, từ 1 đô, 5 các, 25 xu, 10 xu... thậm chí 5 xu. Dân nghèo muốn mua bao nhiêu họ cũng ok tuốt, và chỉ cần coi ti-vi là biết mình được hay thua.

Sau đây là cách điều hành bán số đề đuôi trên đất Mỹ.

Dân bán đề lẻ (agent) có thể là một chủ tiệm چاپ pho, thằng bé đánh

Đành đưa em ra xe
Về quê buồn phụng dưỡng
Con hãy ngoan con nghe
Tết chờ cha có thưởng.

Mân Thít ruổi Cù Mông
Cuộc lửa bình trùng trùng
Chữ con thơ nguệch ngoạc
Nội mất, cha buồn không?

Buồn không có buồn không
Đất nước ngừng binh cách
Cải tạo đón gió đông
Giải chửi lòng quần bách.

Thoát hoả sơn mạnh thu
Nguyễn xuân qua tảo mộ
Em và con tân khổ
Đời còn, xin đền bù.

Trời bỗng nổi bắc phong
Một thuyền con vượt bể
Nhìn hoa đào Hồng Kông
Phù trầm thay sự thế.

Xuân này tuyết Bắc Mỹ
Trăm rượu chưa thôi sầu
Độc thư nhà ngắm nghĩ
Hảo hơn mà lòng đau.

cao hoàng nhân

giày, sạp báo, nhân viên khách sạn, gác-dan công sở hay xưởng thợ.

Tay chạy đề (runner) là người đi góp tiền từ các dân bán đề lẻ và cũng là người trả tiền trúng. Sở dĩ gọi là "chạy (run) vì họ luôn luôn di động, chân trong chân ngoài để tẩu thoát tránh bắt bớ.

Huyện đề hay kiểm soát đề (controller) là một tay đầu xỏ, cầm đầu một khu phố, một địa phương với các tay con. Các huyện đề có nhiệm vụ theo sát việc thầu tiền, chung tiền trúng cho người chơi.

Ngoài ra còn có loại huyện đề ổ (spot controller). Loại này không có tay con chạy đề mà trực tiếp bán và chung tiền trúng cho khách chơi xộp thường mua đề bạc chục, bạc trăm. Sở dĩ gọi là "ổ" vì ổ đề thường là các bar rượu hay các câu lạc bộ.

Các huyện đề điều hành công việc bằng cách mỗi ngày ghé vài tiếng ở một địa điểm gọi là "điểm ghé" (drop) để thu tiền từ các tay chạy đề. Điểm ghé thường là một căn phòng trong chung cư, một tư gia... và người cho mướn được trả xâu từ 25 đến 100 đồng mỗi ngày tùy theo số lượng vé bán ra (tính theo năm 1973).

Các huyện đề đầu xỏ qui tụ tại một đại bản doanh để nạp tiền gọi là đại khố hay nhà băng.

Mỗi một đại khố đặt dưới quyền của một tay đầu xỏ hay giám đốc, tạm gọi là Đại thủ khố. Nhiều đại khố được điều hành dưới quyền của một nghiệp đoàn tàu khậu (thủ khố), có thể trả đến nửa triệu cho một vé trúng.

Ngoài ra, các nhân viên nội dịch (inside men) sử dụng computer hay các thiết bị tối tân để lập danh sách các vé đề bán ra và các lô trúng.

Đề Mỹ còn có một hệ thống nhân viên cung cấp cho các tay tàu khậu những tin tức về số đề, dựa vào giải trúng của một trường đua ngựa hay trận đấu thể thao. Hệ thống phục dịch này tạm dịch là "đề dịch", thường xuyên liên lạc bằng điện thoại để báo cáo số trúng. Mỗi nhân viên đề dịch được trả từ 100 đến 250 đô-la mỗi tuần cộng thêm tiền điện thoại.

Chơi đề vốn bất hợp pháp nên vấn đề phòng ngừa bắt bớ phải được nghiên cứu kỹ.

Một tay chạy đề đưa tập vé đề cho các tay bán lẻ; một tay chạy đề thứ hai đến thu tiền; tay thứ ba thâu lại cuốn biên lai trả tiền từ dân bán lẻ.

Mỗi một dân chạy đề làm ăn với một huyện đề khác nhau, và mỗi huyện đề lại điều hành ở những điểm ghé hay đại khố khác nhau. Vì mỗi giai đoạn điều hành riêng rẽ nên cảnh sát có bắt cũng không thể bẻ gãy tổ chức được. Mà nếu cảnh sát có vờ trúng một đại khố thì cũng chỉ bắt được một phần cuốn biên lai đề làm tang chứng, tiền mặt không được kể

là đủ bằng chứng truy tố. Do đó, giữa cảnh sát và tổ chức đề chỉ có những cuộc cút bắt lẻ tẻ mà thôi.

Theo John Scarne, riêng thành phố Detroit và Chicago có một nghiệp đoàn tàu khệu điều hành nhiều đại khố. Còn đô thị New York thì quá vĩ đại nên có tới 6 đại khố mà lớn nhất là khu da đen Harlem, khu Brooklyn, khu Bronx. Mỗi đại khố chỉ thu xuất nhập khoảng 200 ngàn đô-la mỗi ngày. Ngoài ra còn ít nhất khoảng 1000 đại khố nhép làm ăn lén lút, không trả tiền bảo vệ. Đó là chưa kể hàng trăm tay chạy đề lẻ làm ăn riêng.

Cũng giống như ở Việt Nam, trò đánh đề là môn bài bạc của dân nghèo. Khu Harlem, dân da đen chơi đề nhiều như khu Bàn Cờ ngày xưa ở Sài Gòn.

Một điều rất ngộ là dân mê cờ bạc rất mê tín, dù ở bất cứ phương trời nào: Việt Nam, Tàu hay Mỹ. Ở Atlantic City, xen kẽ giữa các casino là những phòng coi bói. Nhưng dân mê đề không mấy gì khoái coi bài Tây hay đếm lá trà để chọn số hên. Thường họ tin rằng thấy hay chọn 3 số để đánh đề là một hành động siêu linh. Con số hên có thể là số nhà, địa chỉ, ba số chót của năm sinh, số bảng

hiệu của chiếc xe hơi mới chạy ngang... Cách bói số hên của dân chơi đề ở Mỹ là:

- Con số bàn trên vại tờ nhật trình.

- Sách đoán chiêm bao hay các tờ truyền đơn cáo bạch số hên.

Cách dò số hên như sau: Nếu bạn nằm chiêm bao thấy đang đi xe bus, dò mục "di chuyển" thì đọc được những dòng sau: Di chuyển là có thể đổi job (số đánh: 213). Nếu thấy bách sĩ nói đàn bà có thai (đánh số 119) hay đàn ông ốm (đánh số 415). Một điểm rất lạ là những sách đoán mộng do một công ty in ra bán lại đưa ra nhiều cách giải đoán khác hẳn nhau.

Ở khu Harlem, dân đánh đề thường đến thăm bà thầy đề Madame Zonga, người nổi tiếng có giác quan thứ sáu, nói như trạng, coi đầu trứng đó. Phòng coi số đề của bà ở đường Lexington, bên ngoài dán la liệt những mẫu báo đăng các số đề trúng do bà tiên đoán. Đặc biệt là bà thầy không lấy tiền thù lao, tuy nhiên nếu biểu làm phước 1 đô hay nhiều hơn, bà cũng hoan hỉ nhận. (Luật New York cấm hành nghề coi bói và sở thuế vụ luôn luôn nhòm nhủ). Khi được John Scarne hỏi bà thầy đề có bao giờ chơi đề không, bà cười hóm hỉnh: "Tôi không chơi! Số của tôi không hên!"

Sách đoán mộng, các tờ cáo bạch về số hên... xuất hiện lên đến con số hàng tá mỗi tuần, bán chạy như tôm tươi. Mỗi cuốn hay mỗi tờ giá chỉ khoảng 25 xu đến 1 đồng nhưng phải mua hàng tuần. Lợi tức chắc phải lớn hơn làm báo cáo dân tiếng Việt nhiều.

Nhà văn R. Kipling (1865-1936) trước đây có một nhận định mà ai cũng đồng ý: "Đông là Đông, Tây là Tây; Đông Tây không hề gặp gỡ". Ngày nay, chúng ta thấy trong nhiều phương diện khác nhau, Kipling đã sai và sai chết đi được trong vấn đề cờ bạc nói chung và mê đề nói riêng. Bây giờ, tôi có thể ngủ yên không thắc mắc gì về "35 con đề xôm" trong cách chơi đề của người Việt nữa. Trò chơi đề đã cáo chung ở Việt Nam, nhưng danh từ "băm lăm" sẽ còn tồn tại mãi trong tự điển tiếng Việt. ●

tình thág chap

*Thág chap về rồi nhỏ
Tu hú báo tin sang
Lời thương anh xin tỏ
Xuân trong nắng huy hoàng.*

*Thág chap về rồi nhỏ
Áo mới nhỏ có may?
Màu áo vàng hoa cúc
Ta tính chuyện tương lai.*

*Thág chap về rồi nhỏ
Thương màu nắng sân trường
Tan học về ai đón?
Chạnh lòng nhớ nhỏ thương.*

*Thág chap về rồi nhỏ
Xuân này anh không về
Mong nhỏ vui ngày Tết
Trong tiếng pháo tư bề.*

*Thág chap về rồi nhỏ
Nhỏ có nhớ đến anh?
Lên chùa xin khấn nguyện
Chinh chiến được an lành.*

*Thág chap về rồi nhỏ
Lòng anh buồn ngán ngơ
Dáng em còn muôn thuở
Mình mất nhau bao giờ?*

vĩnh hoà hiệp

tin xuân

*Sáng nay trời trong xanh
Én liệng báo tin lành
Thanh bình xuân sắp đến
Nắng mới ấm quê mình.*

*Lá ngược mặt phơi màu
Cành trở mình đón gió
Hương lòng lên rộn rã
Nụ hồng tim đập mau.*

*Chim ngâm thơ trước giậu
Gió thổi nhạc vườn sau
Bướm chập chờn sắp đậu
Mai ước nở nụ đầu.*

phan long yên

Kể Yêu Người Ghét *Loài Chuột*

Zeng Sen



Trong các loài động vật trên thế giới hiện nay, chuột bị loài người căm ghét nhất vì sức phá hoại ghê gớm của chúng. Bất kể là lương thực, đồ dùng, hay quần áo, sách vở, rương hòm, tủ giường gì gì... chúng cũng moi ăn, gặm phá, gây thiệt hại trầm trọng cho con người, thậm chí còn truyền nhiễm các chứng bệnh nguy hiểm, khiến loài người bị chết hàng loạt. Tuy nhiên, không phải ai ai cũng tán đồng quan điểm này; dù là thiểu số, vẫn có những người mến chuột, thích chuột. Hôm nay, nhân dịp Xuân Bính Tý sắp đến, xin cùng các bạn mạn đàm một vài sự việc liên quan đến chuột, trước

để mừng xuân, sau để góp phần nhỏ mọn trong việc tìm hiểu về loài chuột.

Ghét chuột

Chuột thuộc loài động vật gặm nhấm, có vú. Chủng loại chuột rất đông, theo các chuyên gia trên thế giới nghiên cứu cho biết thì hiện nay có trên 1800 loại. Nhưng trong đời sống bình thường, chúng ta chỉ biết có chuột đồng, chuột nhà, chuột cống, chuột nhắt, chuột chù, chuột bạch (chuột Tàu), chuột xám, chuột Ấn Độ, chuột Ai Cập, chuột túi.v.v...

Về hình dáng, loài chuột cho chúng ta ấn tượng nhỏ con, mõm nhọn, tai to, đuôi dài, mặt mày lấm lét, mắt mù sặc lại cận thị, không thể nhìn quá một mét xa. Nhưng nhờ các giác quan nhạy bén khác như thính giác, xúc giác, khứu giác, chuột hoạt động mau lẹ, nhiều loại thú khác khó thể bì được. Các khoa học gia Canada nghiên cứu phát hiện trên 90% chuột cái có thể căn cứ vào mùi vị, như chất peptide trong phân và nước tiểu, của chuột mà phân biệt được bà con, họ hàng của chúng và tìm chọn đối tượng phối ngẫu thích hợp. (Loài chuột có đặc tính không giao cấu với họ hàng cận thân). Răng cửa của chuột rất bén, tiếp tục mọc dài không bao giờ ngừng nên chúng cứ phải nhấm, gặm để mài cho răng mòn đi.

Tất cả các loài động vật trên thế giới phần lớn đều chịu ảnh hưởng của hoàn cảnh. Duy chỉ có loài chuột là không phụ thuộc vào điều kiện này. Chúng có thể sinh sống ở bất cứ hoàn cảnh và khí hậu nào, tùy theo thời tiết mà điều chỉnh ôn độ của chúng. Dù cho đem chuột từ miền nhiệt đới nóng nực cho đến miền hàn đới băng giá, chúng vẫn sống như thường. Theo các nhà nghiên cứu cho biết thì loài chuột có thể sống trong hầm mỏ sâu hơn 1800 bộ dưới mặt đất, hoặc dưới kho băng đá lạnh dưới không độ, miễn có đủ thức ăn. Thông thường chuột hay đào hang, khoét tường làm chỗ ở. Hang chuột có nhiều ngõ ngách, tiện cho chúng tẩu thoát mỗi khi gặp nguy khốn. Chúng có thể đào tường khoét vách trong nhà hay trong kho, mà cũng có thể đào hang hay làm ổ ngoài đồng, ven ao hồ hay đầm vũng, chỉ cần những nơi ấy che khuất, tiện cho việc ẩn nấp.

Về sức sinh đẻ của loài chuột thì rất kinh khủng. Thông thường chuột cái thụ thai 21 ngày thì đẻ ra chuột con. Ngay hôm sinh đẻ, chuột cái vẫn có thể tiếp tục giao cấu với chuột đực và thụ thai. Chuột con mới đẻ, sau 15 ngày được chuột mẹ nuôi nấng là bắt đầu sống độc lập. Tiếp đó khoảng từ 15 đến 20 ngày, chuột con có thể giao cấu, thụ thai, đẻ ra lớp chuột mới.

Trung bình mỗi thai có 5, 6 chuột con. Kỳ lục thế giới là một thai chuột có tới 24 con. Chuột mẹ, chuột con đua nhau sinh đẻ, số lượng chuột vì thế không ngừng gia tăng. Mỗi con chuột, một năm có thể làm tăng thêm 5000 con chuột. Tốc độ này khó có loài động vật nào đuổi kịp.

Loài chuột sinh đẻ nhanh, tranh ăn và phá hoại, trở thành tai họa cho con người. Chỉ riêng ở đảo Đài Loan năm 1983 đã có khoảng 14 triệu 200 ngàn con. Theo các nhà sinh vật học thì thế giới hiện nay có khoảng 4 tỉ con chuột. Nếu mỗi con chuột một năm ăn độ 8 kg thóc gạo thì mỗi năm chúng đã xoi hết 32 triệu tấn lương thực, đủ để nuôi sống 255 triệu người. Vì vậy nhiều chính phủ hàng năm phải chi phí rất nhiều tiền bạc công quỹ để dùng vào việc diệt chuột. Không những thế, theo các chuyên viên điều tra thì ở khu Harin, Nữ Ước, mỗi năm có tới hơn 14 ngàn người bị chuột cắn. Vô số dây điện trong thành phố cũng bị chuột gặm nhấm gây nên hỏa hoạn. Chuột ở Nhật Bản càng ghê gớm hơn. Nhiều toà kiến trúc vừa xây cất xong, người chưa vào ở, đã bị loài chuột nhanh chân chiếm đóng trước. Theo báo *Thế giới* ở Teheran cho biết, quanh hải cảng Aman của Ba Tư, cách biên giới Pakistan khoảng 110 cây số, có một

loài chuột to nặng tới 12 kí. Loại chuột này có thể cắn chết cả mèo và ăn luôn mèo. Hiện vùng này có khoảng 200 ngàn con chuột, đang đe dọa đời sống của dân địa phương. Đây mới chỉ là một trong bốn loại chuột đang hoành hành tại đây.

Điều làm cho mọi người ghê sợ nhất là không những tranh ăn với loài người, chuột còn mang lại 25 thứ bệnh truyền nhiễm. Một loại vi khuẩn ký sinh trên mình chuột chết có thể gây bệnh dịch "Chuột đen". Ai lây phải bệnh này, toàn thân trở thành màu đen huyền rồi chết. Ở châu Âu, vào khoảng thế kỷ VI, có lần bệnh dịch hạch đã gieo rắc tai họa, giết tới 25 triệu người. Không trách mà người Nhật đã báo động: Hãy coi chừng cả thế giới này bị loài chuột hủy diệt!

Hàng nghìn năm qua, để đối phó với chuột, người ta thường nuôi mèo, dùng mèo để bắt chuột. Nhưng trong những năm gần đây, chuột càng ngày càng to, mà mèo thì do được quá nâng niu, chiều chuộng, trở thành những con vật yếu ớt dành cho loài người tiêu khiển, khiến nó quên mất bản lĩnh và phận sự của mình, không còn hứng thú đi săn bắt chuột nữa. Để giải quyết vấn đề này, ở châu Phi người ta nuôi rắn bắt chuột, dĩ nhiên là sau khi đã nhốt rắn bỏ đi.

Thích chuột

Dù trên mình chuột có nhiều vi khuẩn, gây nên các chứng bệnh truyền nhiễm nguy hiểm chết người, song vẫn có người thích ăn thịt chuột. Trước kia, trừ phi gặp cơn mất mùa, đói kém, còn không ai ăn thịt chuột cả. Nhưng ngày nay, thiên hạ ăn no ngồi rồi, đua nhau đi tìm của lạ. Nhiều người coi thịt chuột là sơn hào hải vị, cho rằng thịt chuột không tanh, thơm ngon, có chất bổ, đắt mấy cũng ăn. Ở đại lục Trung Hoa và Đài Loan, nhiều nơi chuyên bán những món ăn làm bằng thịt chuột. Dĩ nhiên chuột đây là chuột đồng, chuột rừng, vừa to vừa béo, chứ không phải là chuột nhà chuột cống, chuột chù, tanh hôi khó nuốt. Các chủ hiệu thịt chuột dùng rượu và gia vị gia công, rồi đem đi chiên xào, nấu nướng, kho tần... tùy theo sở thích của khách. Một bữa ăn làm bằng thịt chuột cũng khá tốn kém.

Các nhà khoa học thì dùng chuột để thí nghiệm các loại thuốc chữa bệnh. Các nhà địa chất Nga sọ dùng chuột để tìm mỏ đá tung xanh. Đá tung xanh là một loại ngọc quý, màu xanh như lá cây tung. Chuột địa phương vùng Uzbekistan hay đào hang dưới bãi cát vùng sa mạc và đùn những hạt ngọc vụn ấy ra cửa hang



trên mặt đất. Nhờ đó người Nga đã không mất công mà dễ dàng phát hiện được nguồn mạch mỏ đá ngọc nằm sâu dưới đất. Giới quan thuế, quân cảnh Tây Ban Nha và Hoa kỳ thì huấn luyện chuột để đối phó với các băng đảng phá hoại hoặc buôn lậu, tìm ra các chất nổ hay các mặt hàng cấm khác. Loại chuột này có khả năng ngửi ra mùi chất nổ và các hàng cấm. Chỉ cần đem chiếc lồng trong nhốt những chú chuột đã được huấn luyện tới máy bay, tàu bè, xe cộ hay những hành lý, túi xách tình nghi để cho chuột ngửi. Một khi đánh hơi phát hiện, lũ chuột ấy lập tức nhảy lồng lên, báo hiệu cho nhân viên quan thuế hay quân cảnh biết. Cảnh sát Carasa, thủ đô nước Venezuela thì dùng chuột để giải tán các đoàn phụ nữ gõ nồi niêu soong chảo biểu tình trên đường phố yêu cầu giảm giá thịt và thực phẩm. Phụ nữ tính vốn sợ chuột, cảnh sát Carasa biết tâm lý phụ nên nên đã dùng chuột thay vì dùng vòi rồng xịt nước để giải tán.

Người Tây Ban Nha còn dùng chuột làm nến. Họ bắt chuột rừng về mổ bụng, lấy túi mỡ ra, bỏ nội tạng, phơi không xong đổ mỡ chuột trở vào, thêm tim thuốc đoạn khâu lại. Thế là có "nến chuột". Dân Tanzania thì dùng chuột làm thuốc gọi là "chuột lửa". Trên mình chuột vùng này có tới 80% chất mỡ nên dân địa phương bắt chuột về phơi khô, dùng làm thuốc soi sáng.

Chuột trong thi văn

Cổ kim xưa nay biết bao văn hào, thi sĩ, họa sĩ và học giả đã dùng ngòi bút hay tài năng của mình để mô tả loài chuột hay mượn chuột để ngụ ý miêu tả sự đời. Phạm là người Việt, không mấy ai không biết truyện *Trình thử* của Hồ Huyền Qui đời Trần và những câu thành ngữ như "nhát như chuột", "chuột sa chĩnh gạo", "chuột chạy cùng sào", "lù đù như chuột chù phải khỏi", "cháy nhà ra mặt chuột", "ướt như chuột lết", "ném chuột còn ghê chạn bát", "chuột chù chê khi rằng hôi, khi mới trả lời cả họ mảy

thơm"...

Ở Trung Hoa, những tác phẩm về chuột nhiều khôn kể, từ thơ ca, truyện ngụ ngôn, truyền kỳ, tranh họa... Ngay trong tập *Kinh thi* (một tập thơ thu thập các bài thơ lưu hành trong dân gian từ đời nhà Chu tới thời Xuân Thu do Khổng Tử biên soạn cách đây trên 1500 năm), phần Quốc Phong - Trịnh Phong đã có bài *Tương thử*, nguyên văn như sau:

*Tương thử hữu bì, Nhân nhi vô nghi;
Nhân nhi vô nghi, Bất tử hà vi?
Tương thử hữu xỉ, Nhân nhi vô sỉ
Nhân nhi vô sỉ, bất tử hà sỉ?
Tương thử hữu lễ, nhân nhi vô lễ;
Nhân nhi vô lễ, hồ bất thuyên tử.*

Đại ý nói chuột Tương có da, con người nếu vô nghi, sống để làm gì? Chuột Tương có răng (xỉ), con người vô liêm sỉ, không chết chờ gì? Chuột Tương có lễ, con người vô lễ, sao không chết đi?

Bài ca dao này đã khơi lên luồng tranh luận trong văn học cổ kim Trung Hoa qua nhiều thế kỷ. Người thì nói đây là bài ca vợ khuyên chồng; người thì bảo đó là bài huấn thị thần dân của Vệ Văn Công. Kể bảo chữ *Tương* ở đây là chỉ tên địa phương, kẻ nói đó là động từ. Theo *Bản thảo cương mục* của danh y Lý Thời Trân đời Minh thì chữ *Tương* chỉ Tương châu. Tập *Bản thảo cương mục* tham khảo trên 800 sách khác, trải qua 30 năm sửa đi sửa lại 3 lần mới viết thành nên có thể tin được.

Tào Nghiệp, thi sĩ đời Đường có bài *Quan thương thư* (Chuột trong kho công). Tô Đông Pha, thi bá đời Tống, có bài *Kiếp thử đao danh* (Không nhận đao chuột). Sách *Chu Thư* có *Chuyện chuột cắn mèo*. Hàn Anh đời Hán có *Chuyện chuột trong miếu thờ*. Giả Nghi đời Hán có *Chuyện ném chuột kỳ lạ*... Về tranh họa, có nhiều bức vẽ chuột nổi tiếng. Bức *Quan thử đồ* của vua Tuyên Tôn nhà Minh (chất của Minh thái tổ) là một bức thủy mặc vẽ một con chuột bò trên hòn đá, ngẩng nhìn những trái khố qua trên giàn. Các bức *Đàn chuột hung hăng*, *Chuột dưới ánh đèn*, *Chén một bữa no*... của nhà danh họa Tề

Bạch Thạch đều có ngụ ý sâu xa.

Trong những dịp Tết, ở Việt Nam cũng như Trung Hoa, thường bày bán các loại tranh dân gian mà tranh *Đám cưới chuột* rất được dân chúng, đặc biệt là trẻ con, ưa thích.

Các giới phương tây đối với chuột cũng có cảm tình đặc biệt. Những truyện ngụ ngôn như *Mèo và chuột*, *Sư tử với chuột*, *Hội đồng chuột*, *Treo chuông cổ mèo*, *Chuột tỉnh và chuột đồng*, *Chuột và voi*, *Chuột với người thổi sáo*... của Aesop, Anderson, La Fontaine, Grim... hầu như không ai không biết. Nói tới chú chuột Mickey của Walt Disney thì lại càng quen thuộc.

Dân Ấn Độ còn đặc biệt thờ chuột nữa. Đền thờ chuột ở Ấn Độ có trên 400 năm lịch sử, là một toà kiến trúc nguy nga đồ sộ, các trụ cột đều làm bằng đá hoa cương, chạm trổ điêu khắc rất công phu. Chuột sống trong đền cả bày cả lũ, tự do thoải mái. Có những ông từ chuyên trách vấn đề ăn uống cho hàng nghìn con chuột nơi đây. Những ông từ ấy cùng ăn cùng ở cùng ngủ với chuột, phục vụ chuột. Họ mong kiếp sau sẽ được đầu thai làm chuột. Hiện nay, hàng ngày có cả ngàn tín đồ từ các nơi tới cúng lễ. Du khách ngoại quốc tới thăm vì tò mò cũng rất nhiều.

Chuột đứng đầu

Trông bề ngoài, loài chuột nhỏ con, mõm nhọn, tai to, đuôi dài, bước đi nhẹ nhàng, tiếng kêu nhỏ nhẹ, bản lĩnh không có gì ghê gớm. Nhưng trong 12 con giáp thì nó lại đứng hàng đầu ở số "dách" và trong hàng nghìn năm qua, không thấy ai phản đối.

Việc lấy 12 con thú phối hợp với 12 chi, theo các tài liệu khai quật ở các cổ mộ chứng thực thì ngay từ đời nhà Thương, khoảng thế kỷ XVI đến XXI trước công nguyên đã có, tới đời Xuân Thu tương đối phổ biến. Tương truyền rằng việc lấy 12 con vật phối hợp với 12 chi là căn cứ theo đặc tính và tác dụng của chúng đối với loài người: Gà canh sáng, chó giữ nhà, thỏ lay trăng, trâu cày bừa, ngựa chở

người, hổ và khí trấn núi, rồng và rắn trị thủy, dê và lợn cung cấp thịt cho người ăn, chuột khôn ngoan, lanh lợi... Chuột sở dĩ được sắp hàng đầu, nguyên do có mấy cách giải thích sau đây:

1. Theo thuyết âm dương, lấy số lẻ làm dương, số chẵn làm âm: Rồng và hổ vuốt đều 5 móng, khí tay chân đều 5 ngón, vó ngựa ở số lẻ... đều thuộc về dương. Móng lợn thuộc số chẵn, chân thỏ chỉ có 2 ngón, gà 4 móng, lưỡi rắn chia đôi... đều là số chẵn thuộc về âm. Chỉ có chuột là đặc biệt, chân trước 4 ngón, chân sau 5 ngón, có nghĩa là âm dương đầy đủ. Bởi vậy nên chuột được để ở hàng đầu các con vật. Hồng Tốn đời Tống và Lang Anh đời Minh đều viết sách chủ trương như vậy.

2. Theo thuyết thứ tự thời gian: Lấy thời gian 12 động vật hoạt động làm thứ tự. Thuyết này cho rằng một ngày bắt đầu từ lúc nửa đêm. Thuở khai thiên lập địa, trời đất như một túi

hơi khổng lồ, tư bề bịt bùng. Chuột cắn túi, túi xì hơi, hoá ra vạn vật trên thế giới. Vì thế nửa đêm giờ Tý thuộc về chuột. Chuột mở ra trời đất, nhờ ai đi khai hoang? Phải dựa vào trâu. Do đó, giờ Sửu (từ 1-3 giờ sáng) thuộc trâu. Thế giờ Dần (từ 3-5 giờ) tại sao thuộc hổ? Truyền thuyết cho rằng con người đầu tiên ra đời vào giờ Dần, có sinh phải có tử. Thời đó, khả năng tự vệ của con người còn rất yếu. Người sợ hổ, cho nên Dần thuộc hổ. Buổi sáng 5 đến 7 giờ là giờ Mão. Giờ Mão nằm giữa ngày và đêm. Lúc đó, Ngọc Thố (chỉ mặt trăng) chưa lặn nên Mão thuộc thỏ. Buổi sáng 7 đến 9 giờ là giờ Thìn, lúc rồng làm mây mưa nên Thìn thuộc rồng. Lúc 9 đến 11 giờ, rắn đã ăn no về hang, không hại người nữa nên giờ Tỵ thuộc rắn. Giờ Ngọ (11-1 giờ trưa) khí dương đến cực hạn, khí âm sắp sinh. Ngựa chạy nhanh nhất nhưng không thể rời khỏi mặt đất (đất thuộc âm) nên vẫn là loài động vật thuộc âm, vì thế Ngọ

thuộc ngựa. Chiều từ 1 đến 3 giờ là giờ Mùi. Truyền thuyết nói rằng giờ này dê ăn cỏ, cỏ mọc rất tốt nên Mùi thuộc dê. Chiều 3 đến 5 giờ là giờ Thân. Thân có nghĩa là "vươn ra", tượng trưng cho loài khỉ, loài vươn vươn vai, nhảy nhót cho nên Thân thuộc khỉ. Giờ Dậu chỉ lúc chiều 5 đến 7 giờ, lúc mặt trời sắp lặn. Đời xưa có thuyết nói *Kim kê tây nhập thái dương*, vì thế Dậu thuộc gà. Khoảng 7 đến 9 giờ tối, chó bắt đầu canh gác nhà cửa nên giờ Tuất thuộc chó. Ban đêm, lúc 9 đến 11 giờ, lợn đã ăn no, đi ngủ nên Hợi thuộc lợn. Đây là thuyết của Chu Hy đời Tống.

3. Theo thuyết chạy đua: Thuyết này nói Ngọc Hoàng thượng đế tổ chức các loài thú chạy đua để xếp hạng phối hợp với 12 chi. Trong khi thi đua, trâu vốn dẫn đầu nhưng chuột khôn ngoan, lanh lợi, nhảy lên ngồi trên sừng trâu, chờ khi tới đích nhảy xuống đoạt giải nhất, nên được xếp hàng đầu (!).

4. Thuyết thứ tư theo kinh Phật, nói thứ tự 12 con giáp xếp theo thứ tự bộ 12 vị thần trong kinh. Trong đó bộ thần đầu tiên do chuột tượng trưng nên chuột dẫn đầu 12 con giáp.

mùa chim én

Những đàn sếu mang lạnh từ phương bắc
Bay về phía trời nam
Ngọn gió đông nhuộm đỏ lá bàng
Rời xa nó xa thân, là nguồn cội.
Mùa đông! Mùa đông!
Cỏ úa vàng kín lối
Những thân cây trơ trọi
Chưa kịp nảy mầm
Chúng còn chờ đợi hạt mưa xuân
Chờ chim én gọi nhau về làm tổ.
Rời xuân về, nhẹ nhàng, bờ ngõ
Như nàng tiên áo trắng thướt tha
Trên những cành khô, đào lại đơm hoa
Tiếng chim hót rộn ràng trên nhánh táo
Mùa xuân! Mùa xuân huyền ảo!
Đã thay thế mùa đông
Đâu đó một điệu hò
Man mác dòng sông
Quyện nắng xuân của tự do nhân loại
Hết xích xiềng rồi
Tình yêu cũng nở hoa kết trái
Việt Nam ơi, chim én gọi xuân về!

nguyễn văn thủy



Ngoài những loài chuột giới thiệu trên ra, còn có một loại chuột nữa, tác dụng phá hoại không kém. Ấy là chuột người. Theo tin các báo đăng, ở Bắc Kinh trong năm qua vừa phát giác được một con chuột to là Trần Hy Đồng, đảng viên Cộng sản, Ủy viên bộ Chính trị Trung ương đảng cộng sản Trung quốc. Trong khoảng 12 năm nhậm chức Bí thư Đảng ủy, Thị trưởng thành phố Bắc Kinh, Đồng đã thâm lạm công quỹ khoảng 18 tỉ nhân dân tệ, tương đương 2 tỉ mỹ kim, đoạt kỷ lục về tham ô từ xưa tới nay ở Trung quốc. Tình hình ở Việt Nam thì sao, tôi không được biết, nhưng theo báo chí thì "thành tích" của lũ chuột này cũng không kém.

Năm Tý sắp tới, kính chúc bạn đọc mạnh khỏe, thế giới bớt đi lũ chuột bốn chân phá hoại và lũ chuột người hai chân đục khoét để nhân dân được no đủ, hạnh phúc. ●

Bùa

Lê Văn Lân

Chữ bùa là một thứ văn tự của các ông thầy bùa, dùng để giao tiếp với thế giới vô hình, huyền bí. Nó được xem như một thứ mật mã mà muốn hiểu thì phải biết cách giải mã.

Bài viết dưới đây không nhằm mục đích giải mã những lá bùa mà chỉ mong soi rọi vài ánh sáng trên những lá bùa bằng chữ Hán theo một nguyên tắc nào đó.

Những lối viết chữ bùa

Một lá bùa thường được coi như một vật huyền bí vì con người dùng nó trong mục đích thông linh với thế giới siêu hình. Tám màn huyền bí của bùa phép không những chỉ bắt nguồn từ phương cách luyện quái dị của các pháp sư mà còn nằm trong những văn tự hay ký hiệu được viết trên lá bùa, gọi chung là *phù văn* (văn tự của lá bùa).

Phù văn là thành phần cốt yếu của lá bùa. Không có phù văn, một tờ giấy không được gọi là lá bùa. Chỉ được gọi là bùa khi nó chuyên chở một mệnh lệnh, một sự ủy nhiệm, một sự sai khiến đến đối tượng, nói nôm na là đến những tà ma quỷ mị hay các sát thần.

Một lá bùa có thể hữu hình (nghĩa là viết trên một vật thể như tờ giấy, gỗ, đá, ngọc.v.v.), hoặc vô hình (như viết trong không khí trong trường hợp các thầy màn, thầy chữa trật đá về gân

cốt, lấy nén hương đốt cháy hươ bùa trực tiếp trên chỗ xương gãy hay khớp trật). Dù hữu hình hay vô hình, bùa luôn luôn phải có chữ hay ký hiệu. Viết hay vẽ một lá bùa gọi là *thư phù* hay *hoa phù*.

Lá bùa bằng giấy chiếm đại đa số trong những lá bùa hữu hình. Nó có thể rất đơn sơ, giản dị với vài chữ hay một ký hiệu. Nó cũng có thể rất rắc rối, rườm rà đến tối mắt với nhiều chữ ngoằn ngoèo, chằng chịt lấy nhau.

1. Bùa đơn giản: Chỉ có một hay vài chữ dễ nhận định.

符 師 天 張



書符法○叩齒三通含淨水一口向
東噴之○咒曰赫赫陰陽日出東
方勅書此符盡掃不祥口吐三昧
之火眼放如日之光捉怪使天蓬
力士破疾用鎮煞金剛降伏妖怪
化吉為祥急急如律令勒

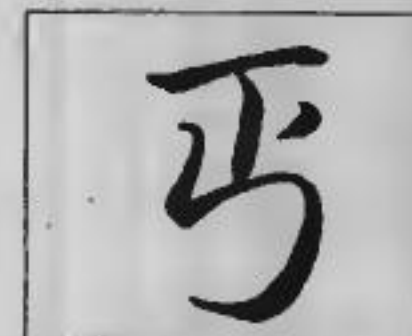
鎮衣冠鞋履怪符
此書此符佩帶大吉



百解消災符



鎮宅淨水神符



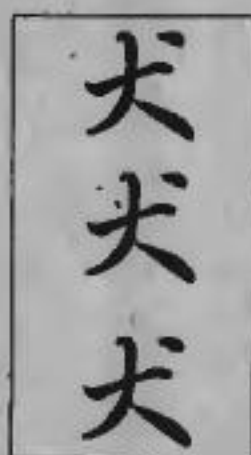
chó dóp thì họ cũng dùng đất đó đắp vô vết cắn.

* Bùa hóc xương (Hoá cốt phù):



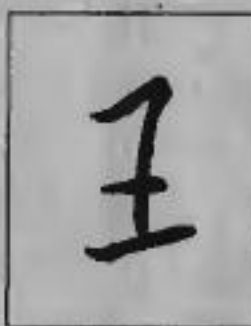
Viết với chữ *hổ* trên giấy bản rồi đốt lấy tro hoà nước uống thì hết hóc. Một loại bùa hóc

xương khác (Tam sinh phù) viết với chữ *phượng* ở giữa. Cách dùng như bùa trên. Lý do chắc cộp và phượng là hai linh vật không bao giờ bị hóc xương.



* Bùa nắc cục (Năng chỉ trụ tả cách phù): Với ba chữ *khuyển*. Ba con chó chầu mỏ lại mà sữa liên hồi thì làm sao nắc cục cho được!

* Bùa dùng lúc bị nguy cấp (Nhất chỉ định phong phù: một cái chỉ tay làm lặng gió): Bùa này viết với một chữ *vuông*.



Gặp lúc thậm cấp chí nguy, xoè bàn tay trái ra, viết thật mau chữ *vuông* rồi lấy ngón tay

bấm vào thì cơn nguy biến sẽ tan ngay.



* Bùa thi đậu (Khảo thí thời cấp cách phù): Viết trên giấy màu vàng 12 chữ *nhật*, cất lá bùa trong túi áo. Đương nhiên phải lo chăm học, nhưng đi thi sẽ đậu cao.

2. Bùa phức tạp: Gọi là phức tạp vì những chữ bùa được trình bày theo nhiều cách, đôi khi rối rắm đến nỗi người giỏi Hán tự cũng không dễ gì giải đoán.

a. Tiểu hình văn: Chữ vẽ bùa mô

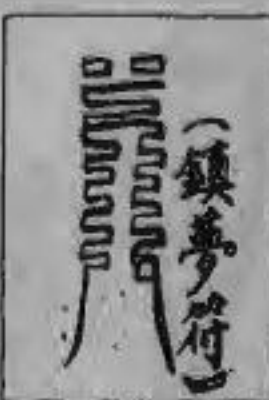


phỏng hình thể sự vật, do nét vẽ nguyên thủy mà diễn biến ra, hoặc do nét vẽ giản hoá đi mà cấu thành. Lá bùa cầu cho gia súc mau ăn chóng lớn vẽ hình đầu heo và đầu trâu, với dòng chữ *Sắc khương thái công lục súc....*

b. Cửu điệp văn: Do các nét bùa chồng chất, khúc khuỷu, quán quít chất theo nhiều tầng, không cứ phải chín lần như tên gọi. Sở dĩ dùng con số chín (cửu) vì chín là một con số có giá trị cực lớn.



Phụng cửu thiên (ở giữa để trống cho pháp sư viết thêm như: Phụng cửu thiên tróc phục tà yêu)



Chấn mộng phù (Bùa trừ ác mộng)



Lôi lĩnh

Chữ *lĩnh* (ở giữa để trống cho pháp sư điền vào điều muốn như: Lĩnh lôi đả sát)

c. Kết hợp văn: Hai chữ trên lá bùa viết kết hợp, xen kẽ nhau. Đây là những lá bùa chúc phúc chiêu tài.



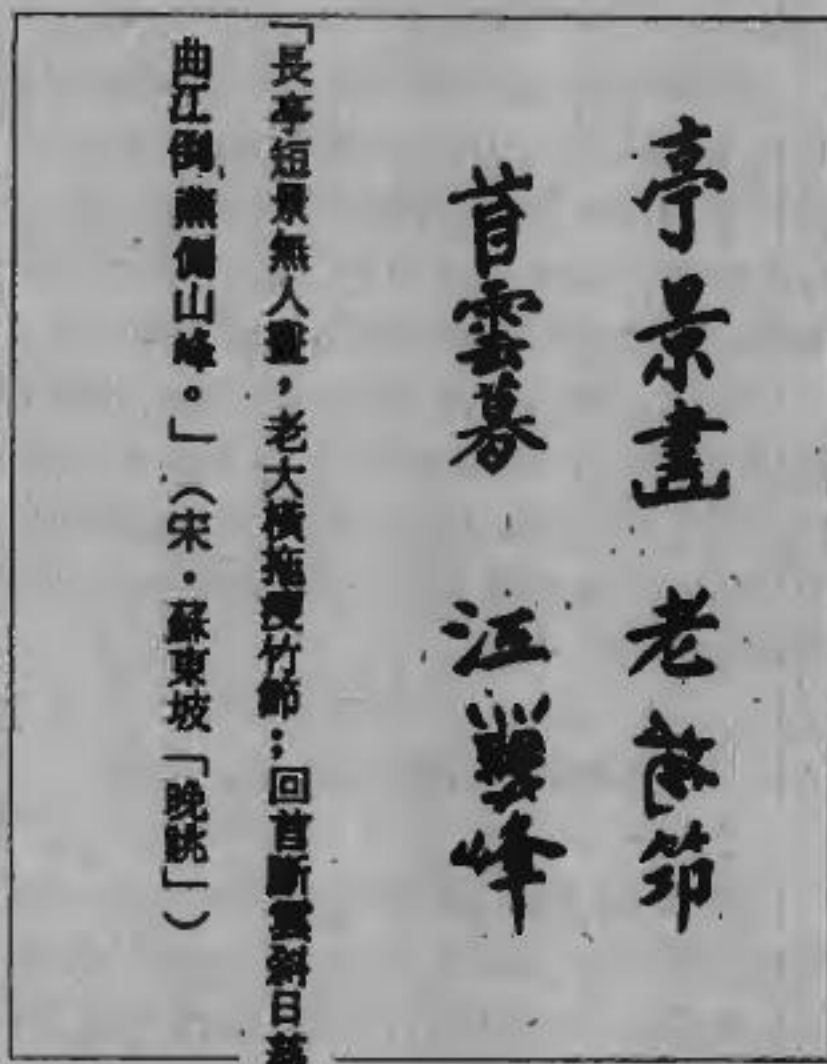
d. Thần trí văn: Các nét viết trên lá bùa được sắp xếp trộn lộn với nhau, người đọc phải vận dụng thần trí mà phân tách ra mới đọc được, kiểu như mặt mã ngày nay. Ví dụ, bài thơ của Tô Đông Pha.

VĂN THIẾU

*Trường đình đoán cảnh vô nhân họa
Lão đại hoành đà sáu trúc tiết
Hồi thủ đoán văn tà nhật lạc
Khúc giang đảo trạm trắc sơn phong
tạm dịch:*

NGẮM CẢNH CHIỀU HỒM

*Trường đình cảnh mọn không người vẽ
Ông lão rút ngang thanh sào tre
Ngồi đầu ngắm cảnh mây trời xế
Đỉnh non lộn bóng khúc sông khoe.*



Câu 1: *Trường đình đoán cảnh vô nhân họa* rút gọn còn 3 chữ *đình, cảnh, họa*. Những chữ *trường, đoán, vô nhân* đã biến mất. Đặc biệt chữ *họa* biến thể. Người viết muốn nhấn mạnh cái ý "không người vẽ" nghĩa là vô hình.

Câu 2: *Lão đại hoành đà sáu trúc tiết* còn 3 chữ *lão, đà, tiết* vì *lão* là già đã đủ ý rồi, khỏi cần nói già lớn. *Đà* có ý viết nằm ngang tức là kéo ngang. *Tiết* (đốt tre) viết với bộ trúc ở đầu và bỏ bớt nét đi tức có ý nói... đốt tre ốm.

Câu 3: *Hồi thủ đoán văn tà nhật lạc* rút lại còn 3 chữ *thủ, văn, mộ*. Chữ *thủ* viết ngược như người xoay đầu lại. Để tán cái ý *tà nhật lạc* (mặt trời xế lặn), chữ *nhật* nằm dưới chữ *mộ* được viết nghiêng đi.

Câu 4: Khúc giang đảo trám trác sơn phong rút lại còn 3 chữ giang, trám, phong. Giang được viết với nét giữa thành khúc khuỷu nói lên ý giòng sông uốn khúc (khúc giang). Chữ trám được viết đảo lộn lại. Chữ phong viết với chữ sơn nằm nghiêng, ý nói đỉnh núi nghiêng mình rọi bóng xuống khúc sông.

Cách viết theo Thần trí văn là một lối đồ chữ rất cầu kỳ phức tạp. Nó không đơn giản như lối anagram, sắp chữ lộn xộn như bút hiệu Khái Hưng là do hai chữ Khánh Giư mà thành. Nó cũng phức tạp bội phần như bài thơ của Đào Duy Từ thay lời chúa Nguyễn gửi cho chúa Trịnh trong mâm lễ vật:

Mân nhi vô thích
Mịch phi kiến tích
Ái lạc tâm trường
Lục lai vô địch.

mà Phùng Khắc Khoan đã giải rằng: Dư bất thụ sắc (Ta không nhận sắc phong).

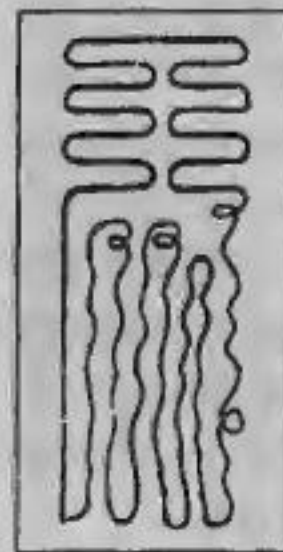
e. Những hình thức phức tạp khác: Một lá bùa còn cực kỳ khó hiểu không những ở cách thức cấu tạo văn tự mà còn ở những kiểu thức của nét viết (thư pháp).

Chữ nho viết kiểu chân phương đã khó cho người dốt, còn khó hơn khi viết theo các kiểu thảo, triện, lệ. Ví dụ lá bùa dán ngày Tết Khương thái công tại thủ hay bức Bách phúc đồ.



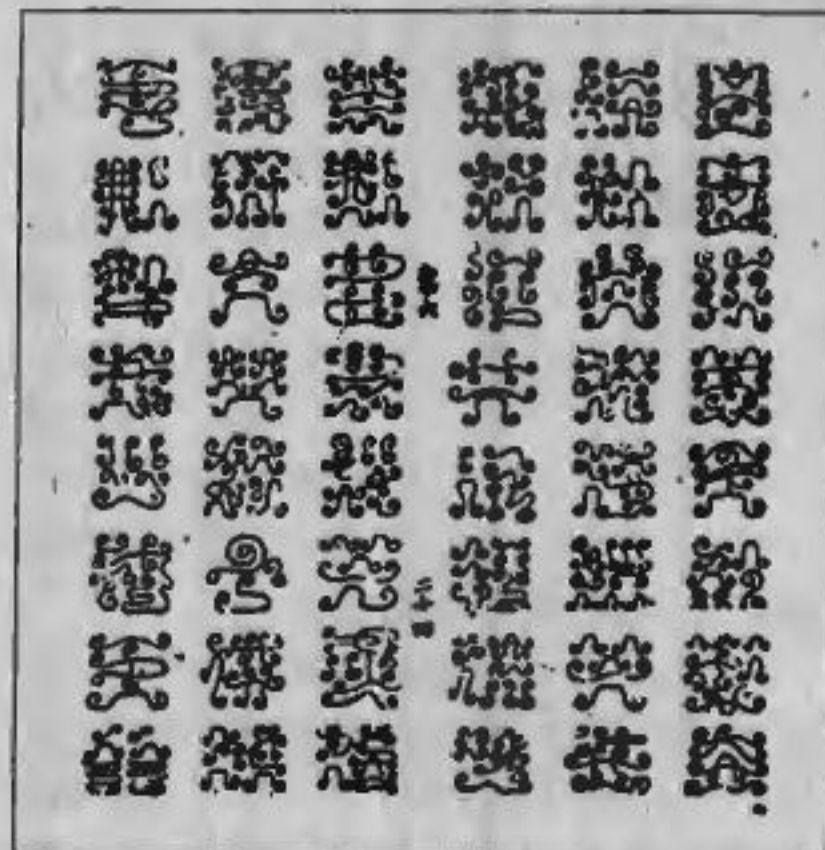
Chữ nho vốn tượng hình, nghĩa là mô phỏng sự vật mà vẽ lại. Trong địa hạt bùa chú, ngòi bút của pháp sư lại càng phóng túng, vượt ra khỏi khuôn khổ tạo hình thông thường. Lá bùa Sinh thiết phù (giúp ăn nói lưu loát)

viết bằng bút lông với những hình thù đậm nét rất quái dị như được thấm máu chảy ra từ chiếc lưỡi bị cắt.

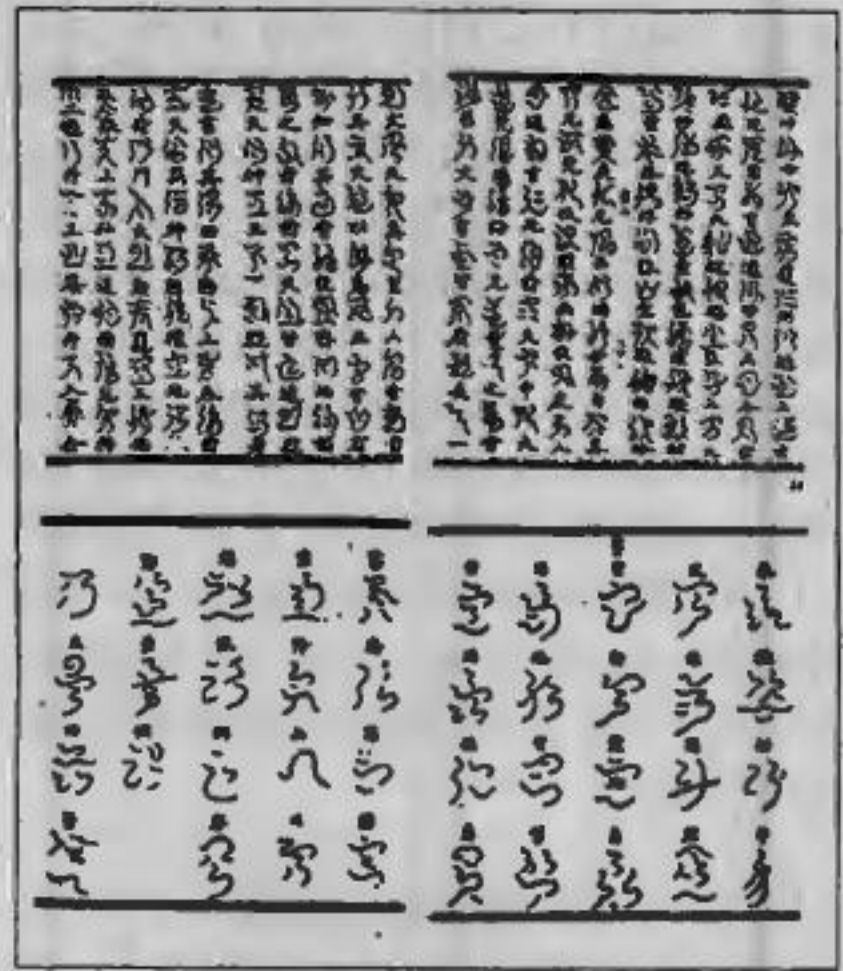


Một lá bùa khác (Phế phù) được vẽ với một nét liên tục không đứt đoạn, gọi cho người xem ấn tượng một làn khói bốc lên từ đỉnh trầm.

Cũng có những chữ bùa viết ngoằn ngoèo như vân đá. Lối này gọi là Ngọc phù vì thường được khắc trên ngọc hay đá hoặc tô vẽ trên đồ sứ (Ngọc phù văn).



Một lối chữ bùa khác, các nét giống như những sợi mây bằng bạc trên nền trời, đó là lối Vân phù.



Nghệ thuật chữ bùa trong các lối Ngọc phù và Vân phù là một thứ nghệ thuật siêu ấn tượng.

Lối viết Vân phù khiến tôi liên tưởng đến lối viết bùa vô hình của những ông thầy mãn chữa xương gãy hay trật khớp. Các ông ngâm trong miệng một hớp rượu ngải rồi vừa phun trên chỗ xương gãy, trật vừa vẽ bùa bằng cách huơ cây nhang trong không khí theo những nét bùa. Đừng tưởng các ông ấy tùy hứng mà viết đâu nhé! Các ông ấy có những qui tắc phải theo y như những người cầu cơ theo những chữ thần linh nhập vào mà viết trên mâm cát (sa bàn) hoặc mâm gạo.

Tóm lại, chữ bùa (Phù văn) là một thứ văn tự mà giới đạo sĩ cho rằng họ được mặc khải để qua đó giao tiếp với thần linh. Tác dụng của chữ bùa không thể minh chứng bằng các bằng cứ của thế giới vật thể. Nó chỉ có giá trị đối với những người tin tưởng nó. Riêng về giá trị triết lý và nghệ thuật của chữ bùa, tác giả Laszlo Legeza trong cuốn Tao Magic đã nhận xét thật chí lý như sau:

“Chữ bùa là một hình thức biểu trưng trừu tượng. Nghệ thuật của lá bùa không chấp nhận một ranh giới rõ ràng của thực tại và hư tưởng. Nó đáp ứng đồng đều cho mọi người, từ kẻ có đầu óc triết lý cao đẳng đến kẻ ít học, suy nghĩ đơn giản.

“Ngôn ngữ của lá bùa có nề nếp văn phạm cực kỳ phong phú, diễn tả những đường nét nhịp nhàng liên tục,

phối hợp cái có thể nhận được (như nhịp tim của cơ thể) với cái khí khinh khoáng vô hình của hơi thở và hồn ma. Qua sự quan sát những đám mây hay sương mù lãnh đăng, những đợt sóng nhấp nhô, những luồng hơi khói... người vẽ bùa đã dùng đường nét mà diễn tả cái tính chất biến dịch, chuyển động và năng lực trong thiên nhiên.

"Nghệ thuật vẽ bùa giúp cho đầu óc con người cảm nhận cái hư tính, cái vô vi để từ đó suy ra cái thực tính, cái hữu vi".

Lá bùa ăn trộm và những lá bùa trấn áp loài điều thú

Ca dao Việt Nam có câu:

Con ơi nghe lấy lời cha

Một đêm ăn trộm bằng ba năm làm.

Đó là câu đùa, thay lời kẻ đạo chích khuyên con nể lấy nghiệp nhà. Ta không nên làm con toán về nguồn lợi thâu được là 1 đêm trộm nghề bằng thiên hạ làm 365 ngày nhân 3 thành 1095 ngày... mà chỉ nên có một ấn tượng là... lợi kinh khủng.

Ngày xưa, ngoài Bắc kẻ trộm thường vào nhà khổ chủ bằng cách đào ngạch, đục tường khoét vách hay trổ nóc nhà leo xuống vì người ta đã cẩn thận cửa đóng then cài, nhất là vào những đêm tối trời của tháng chạp giáp Tết (tháng củ mật).

Riêng trong Nam, dân đạo chích thường nói đến một lá bùa linh nghiệm gọi là "bùa ăn trộm".

Muốn hiểu bùa ăn trộm là gì, chúng ta nên đọc *Qua các nẻo đường quê* của nhà văn Xuân Tước. Theo tác giả, bùa ăn trộm chính là *bùa chim gõ kiến*. Trong truyện, một tên trộm mới chập chững vào nghề, được thầy dạy chui vô lùm bụi để rình coi con chim gõ kiến vẽ bùa. Xuân Tước mô tả động tác của loài chim này như sau:

"Chỉ một lúc sau là con chim mái trở về. Nó đứng trước bông cây, gặt đầu ba cái. Anh Mười (tên trộm) cũng làm theo. Rồi nó lấy mỏ vẽ ba vòng thuận, lại ba vòng nghịch. Anh Mười làm đúng y chang. Con chim gõ kiến lại gặt đầu ba cái nữa, rồi chui vô

bông cây. Anh Mười gặt đầu ba cái..."

Tuy nhiên trong truyện, Xuân Tước hoàn toàn không tả lại sự linh nghiệm của lá bùa chim gõ kiến mà ông lái sang một kết cục khác là nhờ sự lủi bủi đi rình chim gõ kiến của Mười mà anh ta đã "mở được cửa lòng" của một cô gái quê, thành công trong "mê trộm ái tình" bỏ bèo.

Trong phần này, tôi muốn đưa các bạn vào các điểm tìm hiểu sau:

. Từ trước đến nay, có ai đã vẽ được lá bùa chim gõ kiến?

. Chim gõ kiến là loại chim gì? Tại sao người ta nghĩ rằng chim gõ kiến dùng mỏ vẽ bùa?

Kể ra vào ngày xưa, khi chưa có máy ảnh, việc leo cây rình rập xem chim gõ kiến vẽ bùa quả là công phu, nguy hiểm vì có thể bị trượt té, bị ong đốt, rắn cắn...v.v.. Tuy nhiên sự tin tưởng và công hiệu của lá bùa chim gõ kiến giúp kẻ trộm mở cửa vô nhà người ta đã thể hiện được khía cạnh suy nghĩ chất phác của người dân sống cận kề thiên nhiên. Người dân xưa cho rằng trong vạn vật, con người và các loài điều thú đều là những sinh vật chứa đựng linh hồn hay linh tính nên hành xử tương tự nhau.

Trong lần tìm tài liệu tra cứu về bùa chú ở thư viện Đông Phương của Đại học Princeton, Hoa Kỳ, tôi may mắn bắt gặp lá bùa chim gõ kiến trong sách *Trung quốc đạo dân phù chú tổng tập* (bản lưu trữ kín của Nga Mi cư sĩ).



Tên bùa là *Vô thỉ khai toà phù* (bùa mở ổ khoá không cần chìa), đúng là "bùa ăn trộm". Tại sao tôi dám xác định như vậy? Xin đọc phần chú

giải trong sách như sau:

"*Trác mộc điều* (chim gõ gõ hay gõ kiến) làm tổ trong bông cây, mỗi khi bay khỏi tổ thì lấy khúc cây làm đinh chắn cửa tổ lại, rồi lấy mỏ mổ cho bằng mặt lỗ, khiến cho chim bên ngoài bay về không chui vô được, nhưng chim gõ kiến bên bay xuống

gốc cây dùng mỏ mà vẽ trên cát một đạo bùa. Vẽ xong thì lấy cánh phất mạnh để xóa đi. Kỳ lạ thay, chỗ bít lỗ trên bông cây tự nhiên mở ra. "Lá bùa mở ổ khoá không cần chìa" nguyên do là như vậy"

Sau đây là phần chú giải cách dùng lá bùa đặc biệt trong sách Tàu:

"*Thủ trác mộc điều chi huyết hoà chu sa, thư phù ư tảo môn thượng, kỳ tảo tức tự khai hĩ*" (Lấy máu chim gõ kiến hoà với chu sa, rồi vẽ trên cánh cửa bị khoá, ổ khoá tự nhiên mở).

Như thế, chuyện lá bùa ăn trộm là có thật, được ghi trong thư tịch chứ không chỉ là truyền khẩu. Bây giờ ta qua vấn nạn thứ hai: Có thực chim gõ kiến đã vẽ bùa bằng mỏ không?

Sau khi điều tra qua các sách về Điều học, tôi xin long trọng tuyên bố rằng: Có.

Chim gõ kiến tên Tàu là Trác Mộc Điều và tên Anh là Woodpecker. Loại chim này thuộc gia đình Jynginae, chia thành nhiều nhóm riêng tùy theo địa phương sinh sống. Ở Á châu, chim gõ kiến sống khắp vùng đông nam Việt Nam, phía tây đến Thái Lan, Mã Lai, Ấn Độ và phía đông đến Quảng Đông, Hải Nam. Nó có tên khoa học là *Jynx Torquillas* và tên bình dân Anh ngữ là Wryneck tức *chim ngoáy vắn cần cổ*. Qua cái tên gọi ấy, bạn đã hình dung ra cái cử động cần cổ vẽ bùa của chim gõ kiến chưa?

Chim gõ kiến có mỏ ngắn, nhưng lưỡi thè ra khá dài. Mình chim lớn hơn chim sẻ, dài 16.5 cm, nặng 30-39 gram. Chim làm tổ ở lỗ bông cây, quen sống ở rừng thưa hay bãi đất có cỏ mọc, ven rừng, vườn tược và ven đồng quê trong mùa đẻ trứng. Chim cần cây có vỏ thân sần sùi để dễ bám và có bông sần để làm tổ. Điều này phù hợp với đoạn văn mô tả của Xuân Tước vì tổ chim ở bông cây. Ngược lại, trong đoạn văn bằng chữ Hán thì chim vẽ bùa trên mặt cát, phù hợp với cách làm tổ của chim gõ kiến bên Tàu, nơi các vùng cây cối mọc trên các sườn đồi thấp.

Tại sao chim gõ kiến có tật ngoáy vắn cần cổ? Có phải nó vẽ bùa chăng?

Theo nhãn quan điều học thì chim có hành động này để tự vệ và làm dấu hiệu tỏ tình. Điều học gia Von Lucanus tả cử chỉ đó như sau: “Chim xoè đuôi, dựng cổ và xù lông đầu, sau đó làm những động tác vặn xoắn cái đầu bằng cách rút cổ về rồi vươn cổ ra trước hoặc ngoắc cổ bên này rồi lại bên kia. Trong khi làm những động tác ấy, chim kêu hót ríu rít nhiều hơn như để tăng hiệu quả của hành động”.

Khi kiếm mồi, chim gõ kiến khám phá và khai thác triệt để một tổ kiến trước khi đi kiếm tổ khác. Lưỡi chim có chất dính như keo nên bắt kiến dễ dàng. Kiến lớn, kiến nhỏ, trứng, nhộng của kiến đều dính vô lưỡi chim, đưa vô cuống hầu để nuốt. Mỗi lần thè lưỡi, chim có thể bắt được đến 150 con kiến.

Vào mùa ân ái, chim trống có

chiếm cứ một lãnh thổ với những tổ kiến thích hợp rồi nó mới hót kêu gọi chim mái. Chim mái nghe lời mời gọi cũng kêu đáp lại. Chim trống bèn mời chim mái thăm tổ bằng cách nhiều lần chui ra chui vô bông cây hoặc đứng trong lỗ thò cổ ra như có ý ta đây có nhà của đàn hoàng. Chim mái đẻ 7 đến 8 trứng, lót ổ ở đáy bông. Chim trống và mái thay phiên nhau ấp. Sau 11 ngày trứng nở, chim non có một chỗ phòng ra ở dưới mỏ nên trước khi mớm mồi, chim cha chim mẹ dùng mỏ đụng vô chỗ phòng đó để chim con há mỏ ra. Mớm mồi nuôi chừng một tháng thì chim non đủ sức tự lập, bay ra.

Tại sao với hành động ngoáy vặn cổ của chim gõ kiến để tự vệ hay làm tín hiệu trao đổi trong mùa sinh sản mà người Việt và người Tàu lại cho rằng chim vẽ bùa để mở cửa lỗ bông cây? Với đầu óc duy lý, chúng ta thử phỏng đoán, giải thích xem sao: Có thể nào vì chim trống và chim mái thay phiên nhau ấp trứng hay mớm mồi cho bầy con, nên mỗi lần một con chim ở ngoài bay về, nó đứng ở miệng hang vặn ngoáy cổ và phát ra những tiếng kêu đặc biệt thì con kia đang ở trong tổ mới “mở cửa” để đổi phiên?

Bây giờ xin mời bạn đọc đi vào một khía cạnh đặc biệt trong việc tìm hiểu nhãn quan duy linh của văn hoá cổ Đông phương, trong đó có Việt Nam.

Qua nhiều câu chuyện cổ tích dân gian, dân tộc các nước Đông phương vẫn tin rằng vạn vật đồng nhất thể, có linh hồn nên cách sinh hoạt hành xử thường giống nhau. Con người cổ sống trong thiên nhiên, nhận xét thiên nhiên để mô phỏng, để dựa vào hầu sinh tồn... đồng thời từ đó rút tía ra nhiều kinh nghiệm cho đời sống thực tế cũng như xây đắp những huyền thoại, những tin tưởng thần bí để đáp ứng nhu cầu tinh thần.

Người xưa coi các loài điều thú đều có linh tính, truyền đạt cho con người những tín hiệu hoặc xấu hoặc tốt, báo hiệu điềm lành, điềm gở. Chẳng thế mà *Chiêm nha kinh* (sách

đoán quạ kêu) của Đông Phương Sóc đã chẳng viết, đại khái: Khi có quạ kêu, trước hết đếm số tiếng nó kêu. Tiếng thứ nhất là giáp, rồi theo thập can mà đếm, phân biệt tiếng kêu mau hay chậm để đoán xem lành dữ. Lê Quý Đôn cũng ghi lại trong *Văn Đài loại ngữ*: Chim trách cô, tục gọi là chim đất đa đa hay gà gô. Theo sách *Quảng Đông tân ngữ*, chim trách cô là loài trĩ “theo mặt trời của nước Việt” (tùy dương Việt trĩ). Khi nó bay, tất theo hướng mặt trời. Mỗi lần bay của nó là theo số tháng thứ mấy. Như tháng giêng, nó chỉ bay một lần. Người miền núi cứ lấy số lần nó bay mà tính tháng. Người ta hỏi tháng này là tháng mấy, thì trả lời: “Chim trách cô nó đã bay mấy lần”.

Cũng theo Lê Quý Đôn, sách *Quảng Đông tân ngữ* viết: Giống cua biết được đúng thời kỳ nước triều lên xuống. Khi nước triều lên, nó giơ 2 càng lên đón. Khi nước triều xuống, nó quặp 6 chân lại, cúi xuống để tiễn nước đi. Người đánh cá trông con cua ngừng lên hay cúi xuống, sẽ biết được thủy triều lên hay xuống. Thủy triều lên to thì ít cua, triều xuống thì nhiều cua.

Như thế trong mắt người dân chất phác, những con cua đã “đón” và “tiễn” nước triều như ta đón khách vậy.

Ngoài ra, người dân còn tin linh tính của nhiều giống vật khác, như chim khách kêu hay chuột rúc là nhà sắp có khách đến chơi; cú rúc trước nhà là điềm gở, sắp có người chết. Tuy những sự tin tưởng ấy phần lớn không có căn cứ hoặc không thể chứng minh, nhưng cũng có vài trường hợp sự nhận xét của dân quê chứa đựng sự thật. Ví dụ, tại những vùng hay bị động đất, người ta chỉ cần nhìn bầy gà ngoài sân bỗng nhiên xao xác bay lên đậu trên cây hay nóc nhà thì thế nào động đất cũng xảy ra. Lý do là giống gà có thể nhận được những chuyển động vi tế của mặt đất qua hai cẳng chân. Hoặc giả nhìn kiến bò lên tường hay coi cách thức các con rái cá làm tổ ở bờ sông, người ta có thể biết sắp có mưa to hay ngập lụt.



Dân quê Việt Nam cũng tin rằng học được lá bùa chim bìm bịp thì chữa lành được chỗ xương gãy. Tìm được tổ chim bìm bịp, người ta bẻ gãy cẳng chim non rồi nấp đầu đó đợi. Chim mẹ về, bay xuống bãi cát vẽ bùa rồi hái những lá cây gần đó đem về tổ mớm cho bầy chim non mà chữa lành.

Chuyện chim gõ kiến vẽ bùa, dù không thể chấp nhận về mặt lý, nhưng cũng tạo thành một huyền thoại lý thú trong kho tàng những điều tin tưởng dễ thương của người dân quê Á Đông vậy.

Cái quan niệm “vạn vật đồng nhất thể” và ý niệm nghiệp báo luân hồi của nhà Phật đã tiềm tàng trong nhân sinh quan của người Á Đông. Văn thơ Việt cũng như Tàu có đầy rẫy những chứng tích tin tưởng loại này. Truyện cổ tích dân gian thì có *Tấm Cám* với hồn Tấm nhập vào chim vàng anh rồi vào quả thị. Trong vụ án Nguyễn Trãi thì Thị Lộ là con rắn báo oán. Trong các truyện liệu trai chí dị của Tàu thì loài chồn cáo tu hành lâu năm trở thành người, hành xử như người, cũng thêm khát tình ái nhục dục, cũng ăn ở có nhân có nghĩa và cũng biết báo oán phục thù y như người.

Nhưng bạn đọc đừng tưởng là nhân sinh quan “vạn vật đồng nhất thể” của các dân tộc Á Đông trên đã mai một trong thời buổi này. Hàng năm, những cuốn lịch Tàu được bày bán trên khắp thế giới, nơi các cộng đồng Hoa sinh sống, lên tới số 2 triệu cuốn mỗi năm, còn nhiều hơn cả ấn bản của Kinh Thánh. Trong cuốn lịch Tàu, luôn luôn có in những lá bùa để ứng dụng vào thực tế. Ngoài những lá bùa cầu an, chúc phúc, dân Tàu vẫn nặng sự tin tưởng vào các lá bùa của Trương tiên sư (tức Trương Đạo Lăng, sống dưới đời Hậu Hán khoảng thế kỷ thứ 2).

Nếu dân quê Việt Nam bây giờ còn tin rằng chim gõ kiến hay chim bìm bịp biết vẽ bùa thì lớp dân Tàu bình dân, chất phác đương nhiên vẫn nghĩ rằng các loài diệu thú còn hiểu và sợ những ký hiệu huyền bí của lá bùa mà con người dùng để tác dụng lên chúng.

之等馬旗
卦怪鳥誌



上并歷此
吉寓福祥

Bùa trấn các loại gà, ngỗng, chim... khỏi ỉa vào miệng giếng. (vẽ bằng chu sa, dán trên miệng giếng)

張古馬旗
卦怪鳥誌



上貼此像
古怪祥書

Bùa trấn cho trâu, ngựa, chó và các súc vật khác khỏi phá phách và được yên lành (dán ở chuồng gia súc)

華人馬旗
卦家入禽



門貼此像
古大祥書

Bùa trấn để các giống chim chóc khỏi bay vào nhà (dán ở cửa lớn)

華人獸旗
卦家入野



上貼此像
古門祥書

Bùa trấn để ác thú không chạy vào nhà (dán ở cổng trước)

華人獸旗
卦家入野



大保此像
古門祥書

Bùa để chim chóc khỏi ỉa làm bẩn áo mũ lúc đi ngoài đường (đeo trong người). Ở Âu Mỹ, có lẽ chúng ta nên dán lá bùa này lên xe cho chim chóc khỏi ỉa bẩn nóc xe hay kiếng trước.



Bạn nào sợ chó, tôi xin đặc biệt cống hiến lá bùa *Ác khuyến tự thối phù* (bùa làm cho chó sợ). Bùa này ngày xưa bên Tàu, dân ăn xin hay dùng.

Khi bị chó cắn, ngồi sụp ngay xuống, bốt một nắm đất bằng tay trái, lấy ngón giữa của tay phải viết thật nhanh một chữ *cái*



miệng niệm 4 câu chú, mỗi câu ứng vào một nét:

*Thiên thượng kim kê khiếu
Địa hạ thảo kê khiếu
Tiểu nhân bị khuyến khi
Khất tá tam phân nê*

tạm dịch:

*Trên trời gà vàng gáy
Dưới đất gà rom kêu
Kẻ hèn bị chó rượt
Mượn tạm ba vốc bùn.*

Khi viết xong nét thứ tư của chữ *cái* thì lấy nắm đất đắp vào chỗ bị cắn. Sách khoe rằng: “Kỳ pháp thần diệu, tận chân truyền dã” (phép này thần diệu vì do chân truyền đó).

Bùa *Ác khuyến tự thối* dùng phối hợp với bùa *chim gõ kiến* có lẽ có tác dụng làm những tên đạo chích vung tâm hành nghề vậy!

Gọi là cho đầy đủ về chuyện “lá bùa ăn trộm”, tôi lại xin in ra đây một lá bùa gọi là “bùa phòng chống ăn trộm”.



Người ta tin rằng, nếu đốt bùa này trong lò bếp thì chẳng những ăn trộm không dám viếng nhà mà nếu lỡ có ăn trộm, bùa cũng xui khiến chúng đem trả lại. Tin hay không tin,

xin quý vị cứ làm thử xem, dầu sao thì đây là một trong những lá bùa mà tôi đã sao lục từ cuốn *Đạo đàn phù chú* của các thuật sĩ Trung Hoa.

Để kết, tôi thiết nghĩ trong kho tàng chuyện cổ hay những tin tưởng xưa cũ lưu lại của bất cứ nền văn hoá nào cũng có nhiều điều hữu ích và lý thú. Tuy nhiên, kẻ hậu sinh trong khi tìm hiểu nên có tinh thần duy lý cách vật trí tri, đồng thời giữ được chất thi vị của nó.

Mùa Xuân Dốc Nghiêng

Viết Phương



Con dốc của những chiều mưa làm lệch đi một khoảng trong tầm mắt. Những đêm tôi ngồi sau rèm cửa chờ trăng tươi lên đó màu huyền hoặc. Tôi chờ. Phải rồi, có thể là ánh đèn pha quét lên tia sáng dữ dội vào mắt. Tôi vẫn chờ trong nỗi thỉnh lặng rộn người. Chị Hân thì không phải thế, chị ngồi so vai trên ghế xích đu trước hiên nhà. Tôi nghĩ là chị cũng chờ đợi như tôi. Nhưng chị trầm tĩnh, nét mặt chị bình thản đến mức độ tôi không biết chị đang nghĩ gì. Có thể chị đang suy nghĩ những chuyện vượt quá trang sách chị đang cầm hờ hững trên tay. Chiều nào chị cũng ngồi bên trang sách mở, thỉnh thoảng ngẩng mặt thở dài. Đôi khi tôi thấy trong tiếng thở ấy chuyên chở cả sự trách móc khôn khuây. Lúc ấy, đôi mắt chị không thể nào không dừng lại nơi con dốc. Chị làm ra vẻ bình thản, nhưng tôi cũng đoán hiểu trong đôi mắt ấy là những mong nước chảy chờ đổ xuống.

Căn nhà của hai chị em góp tiền mua, cùng nhau trả tiền hàng tháng. Chúng tôi chia nhau trách nhiệm, như người hầu bàn quen tay cắt chiếc bánh cưới đều đặn từng miếng một. Tiền nhà chị trả, tôi lo tiền chợ búa, điện, nước. Tiền chợ cố định, không thêm không bớt. Ai muốn ăn thêm món nào đó thì tự xuất tiền ra trả. Chúng tôi sống với nhau bình đẳng như hai người bạn "share" phòng với

nhau. Số ngân hàng của chị tôi không bao giờ được biết tới. Và ngược lại, chị cũng chẳng cần đếm xỉa gì đến tôi. Hàng tháng gửi tiền về Việt Nam cho gia đình, chúng tôi chơi trò "fifty-fifty", có nghĩa là chị và tôi chia đều mỗi người một nửa. Thậm chí ngay cả khu vườn nhỏ, chúng tôi cũng chia nhau. Tôi dành phần chăm sóc phía mặt tiền. Tôi vốn tự hào mình có đầu óc thẩm mỹ hơn chị. Căn nhà cũ lắm, cũ hơn cả số tuổi của hai chị em chúng tôi cộng lại. Tuy nhiên, tôi và chị Hân cùng chung ý thích: căn nhà tuy cũ nhưng yên tĩnh, và nhất là có hai cây sồi già trước mặt nhà, thật hùng vĩ như có sức che chở hai chị em chúng tôi. Tôi đã mua hoa về trồng chung quanh hai gốc cây. Những đóa hoa diên vĩ màu tím nở thật dịu dàng khi mùa về. Chị Hân làm ra vẻ thờ ơ trước những cánh hoa mịn tím hình tai thỏ của tôi. Tôi không thêm để ý đến chị, miễn sao tôi thích là được. Tôi thường than phiền với chị Hân, chịu khó góp tiền để mua một cái máy cắt cỏ mới, chiếc máy mà tôi sẽ không cần sức đẩy ỳ ạch như chiếc chúng tôi đang sử dụng. Tôi ngại nhất là những lần cắt cỏ. Trông tôi như một con mụ diên đại, tóc tai lòa xòa, cỏ bay lên tận đầu. Tôi thường phân bì với chị Hân khu vườn phía sau nhà chẳng bao nhiêu cỏ, ngoài cái "patio", phần còn lại đa số diện tích đã được chủ trước tráng xi măng. Chị Hân chỉ có việc

đẩy một vài cái là hết nhúm cỏ sau vườn. Những lúc ấy, chị Hân đều cười như trêu. "Cũng may mày giành sân trước, nếu không chắc cũng đổ lỗi tao bắt tội mày". Những lúc ấy, tôi thường cúi đầu đi nơi khác. Hình như giữa tôi và chị chẳng có chuyện gì để tranh luận.

Đến bây giờ, tôi vẫn không dám nghĩ tới nguyên nhân đưa đến sự rạn nứt tình cảm giữa hai chị em chúng tôi. Tôi không phải là một người năng động. Chị Hân cũng thế. Hết giờ làm việc lại kéo nhau về nhà. Những ngày nghỉ chẳng buồn đi chơi đâu cả. Tôi và chị Hân cũng không có ai để hẹn hò, để tô son trét phấn làm đẹp như người ta. Mỗi ngày chúng tôi đi ra đi vào nhìn mặt nhau không thêm nở nụ cười. Tôi sống trong sự đầy dọa triền miên. Hình như nỗi buồn ngày càng lớn trong tôi. Chúng tôi mất đi sự thông cảm lẫn nhau. Tôi mất dần phương hướng đời mình. Tôi mù lòa trong ánh sáng đời vẫn rực rỡ ngoài kia. Tôi đánh mất tôi trong một góc khuất của đời sống thâm lặng kéo lê trong mỗi lần mình trần trở. Tôi sống từng đêm buốt xoáy trong tôi những ý tưởng hỗn mang. Từng đêm cày trên da thịt tôi những chân chường

của một ngày nhọc mệt. Từng đêm nghe tiếng thở dài buốt thịt da. Từng đêm đối diện với vách tường lẳng nghe tiếng trở mình của chị Hân phòng bên. Đôi khi tôi thương chị da diết, thương đến chín nẫu lòng mình. Những lúc ấy, tôi lại muốn vào phòng chị, chui vào chăn để chia sẻ cùng chị nỗi cô đơn lạnh người. Nhưng tôi không dám tỏ lòng. Không biết chị Hân có còn thương tôi? Tôi nhớ như in từng hớp nước chị em chúng tôi nhường nhịn nhau những ngày lênh đênh trên biển. Tôi cũng chẳng thể nào quên được những săn sóc đùm bọc mà chị dành cho tôi trong suốt thời gian chúng tôi ở trại tị nạn.

Chị Hân hơn tôi những mười tuổi.

Với chị, tôi như bé bỏng vô cùng. Chị sốt chia cho tôi những niềm vui, tuy nhiên chị luôn giấu kín nỗi buồn của chị. Chị làm tròn bốn phận như một người mẹ chăm sóc chúng tôi. Tôi biết gánh nặng trên vai chị đủ sức để trĩu kéo con người và ước mơ của chị ngày mỗi thấp, thấp đến mức độ chị không thể nào đứng thẳng trước bạn bè. Mẹ tôi qua đời sớm, ba chúng tôi cờ bạc, rượu chè be bét. Cái chết của mẹ tôi đã biến ông trở thành một con người không có chút tôn nghiêm. Tôi không biết lúc nào ông buồn, lúc nào ông vui. Tôi cũng không hiểu cái chết của mẹ tôi đã ảnh hưởng ông đến mức nào. Chỉ biết có lần ông uống rượu say, đùa cợt với bạn nhậu ông trước

mặt chúng tôi. "Trong đời có hai nỗi vui lớn, một là lúc mới cưới vợ và một là lúc vợ chết." Càng ngày, tôi càng thấy ba tôi không còn được tôi quý trọng trong tâm. Ấn tượng của tôi về ông thường là những tối ông chân thấp chân cao bước vào nhà. Lúc đó không khí trong nhà trở nên khô cứng cùng mùi rượu tỏa nồng, tưởng có thể ném một que diêm xuống đất là căn nhà sẽ bốc lửa. Mặt ông đỏ kè, ông trợn mắt la lối chị Hân không tiếc lời. Ông đá chiếc ghế, kéo chiếc bàn, âm thanh náo động. Những lúc ấy, tôi hãi sợ nép bên mình chị Hân len lén nhìn những thớ gân xanh như những chiếc rễ bám cứng trên cổ ông. Còn nhỏ, nhưng tôi cũng đủ trí khôn để nhận biết được rằng ba tôi thật vô lý. Và sự chịu đựng của chị Hân, đối với tôi cũng vô lý nốt. Chị Hân lớn lên giữa roi đòn của ba tôi trong cơn say, nhất là sau những canh bạc làm ông cháy túi. Chị bỏ học nuôi nấng anh em chúng tôi. Vâng, tôi còn có một người anh hơn tôi hai tuổi. Chị thường nói với Khoa, anh tôi. Lớn lên dường giống như ba làm khổ mẹ và con cái. Lẽ ra chị Hân đã lấy chồng, có được một cuộc sống riêng. Nếu không vì anh em chúng tôi, chị Hân đã không từ hôn để đời chị ngày càng lún sâu trong nỗi tuyệt vọng. Anh Trọng sau lần từ hôn của chị, xin đi tác chiến để rồi bỏ mình, để lại trong chị sự ân hận đặc mù như mây làm thành những giòng nước mắt đỏ xuống âm thầm từng đêm.

Sau mất nước, chị Hân lo lót cho anh Khoa đi vượt biên. Anh đã chết. Nghe tin anh mất, trong gia đình tôi, chị Hân là người đau khổ nhất. Ba tôi ra điều không thương xót còn chửi bới chị tôi một trận. Từ ngày nghe tin anh Khoa mất, chị Hân như bị câm khẩu. Chị lặng lẽ không nói. Nếu như không nghe ba tôi nguyên rủa chị, có lẽ tôi cũng không biết trong thâm tâm chị, chị đã làm liên lụy đến hai người đàn ông. Xưa nay, tôi vẫn hay trách móc ba tôi là một người vô lý mà. Tôi khuyên chị, chị chỉ cúi đầu. Chị chấp nhận mọi hình phạt nội tâm. Cái chết của anh Trọng, anh Khoa đã gây

bao giờ em có mùa xuân?

*Em bé nhỏ đứng bên trong trại cấm
Ngước nhìn trời, trời cao rộng mênh mông
Ngó ra biển, biển bao la xanh thẳm
Bao lâu rồi, em đứng mãi mòn trông?*

*Em có nhớ em trôi từ đâu đến?
Mẹ em đâu? Em chỉ thấy biển sâu
Em vói tay qua hàng rào vấy gọi
Người quay lưng, em có thấy lòng đau?*

*Cơn ác mộng khi sóng gào gió thét
Em tưởng đâu chỉ biển mới vô tình
Nên vẫn chờ, không cho niềm tin chết
Mong một ngày trong nắng có bình minh!*

*Em bước tới, vòng kềm gai khép kín
Khoanh đời em, bít lối đến tương lai
Em van vái một phép màu mau đến
Rồi từng ngày chỉ thấy tuổi thơ phai.*

*Em ngước mặt, trời vẫn cao thăm thẳm
Nhìn đàn chim tung cánh có băng khuâng?
Ngày với tháng, thẩn thờ trong quạnh vắng
Đến bao giờ đời em có mùa xuân?*

*Em đứng đó tự vun trồng hy vọng
Em van nài mà đời vẫn làm thinh
Lòng nhân đến bằng đạn cay, mũi súng
Liệu em còn giữ mãi được niềm tin?*

trần ngân tiêu



thương tổn tới tâm hồn chị nhiều. Trong khi đó, những lời nói của ba tôi ngày càng độc ác. Tôi không hiểu sao ba tôi lại ghét chị Hân đến như vậy. Có lần uống say, ba tôi buột miệng, chị Hân là một đứa con gái khó nuôi, luôn đem xui xẻo lại cho gia đình; đàn ông nào gần chị cũng không có kết quả tốt. Tôi không tin, nếu không có chị, chưa chắc ba tôi đã có rượu uống, chưa chắc anh em tôi được đi học cho đến những ngày sau mất nước. Chị buồn bán tảo tần, vẫn không cho tôi nghỉ học. Chị bảo ít nhất tôi cũng phải hoàn tất chương trình trung học rồi muốn làm gì thì làm. Tôi nghe lời chị với lòng biết ơn. Ba tôi thỉnh thoảng về nhà hạch sách tiền của chị Hân. Tôi biết bao nhiêu vốn liếng chị đã cho anh Khoa làm phương tiện vượt biên hết. Có lần chị đã nói điều này cho ba biết. Nghe vậy, ông càng giận dữ hơn, ba bảo chính chị đã hại chết anh Khoa, nếu không cho anh Khoa vượt biên thì đâu đến nỗi này.

Cho đến một ngày khi tôi hí hửng về nhà báo tin với chị Hân là tôi đã có kết quả cuộc thi "tốt nghiệp phổ thông". Tôi nghĩ từ nay tôi sẽ danh chánh ngôn thuận... ra chợ giúp chị Hân coi sóc gian hàng vải của chị mà không sợ chị cần nhân. Bước vào nhà, tôi hốt hoảng thấy chị Hân tóc tai rối bời ngồi khóc trong góc nhà. Tôi hỏi mãi, chị mới chịu nói ba vừa về lấy hết tiền của chị. Tôi hỏi chị ba lấy nhiều không. Chị chỉ gật đầu rồi khóc tiếp. Xưa nay, tôi biết ba đã lấy tiền của chị Hân để đi đánh bài nhiều lần, nhưng chưa lần nào tôi thấy chị khóc nhiều như thế.

Chị Hân ngày càng buồn, mắt chị lúc nào cũng quầng thâm. Tôi thường nghe chị khóc thút thít trong chăn. Tôi nghĩ đến mối tình sâu đậm của chị và anh Trọng. Tôi nhớ đến đôi chân chị rướn cao dưới hàng bông giấy mỗi tối lúc anh đưa chị về. Tôi nhớ đến âm vang đôi giày cao gót của chị dè dặt reo lên những tiếng vui nhộn trong đêm im vắng, lúc chị rón rén trở về phòng của chúng tôi. Tôi nhớ đến đôi má chị đỏ hồng lên khi

ngồi trước chiếc gương gỗ hoài mái tóc đã mượt. Những lúc ấy, tôi lén nhìn chị từ trong chăn. Sao đôi mắt của những kẻ yêu nhau lại long lanh đến như thế. Có lần tôi nói điều ấy với chị, chị gõ đầu tôi. Đờ con nít ranh. Phải không? Tôi mười lăm rồi chứ nhỏ nhất gì?

Tôi nhớ ngày nghe tin anh Trọng mất nơi chiến trường, chị ra hiên sau ngồi đọc lại những trang thư cũ. Trước mặt chị là chiếc chậu nhôm. Chị đốt đi những gì vừa đọc xong lần cuối. Khói làm cay mắt chị. Chị nói với tôi như vậy, nhưng làm sao tôi tin được khi đôi con mắt của chị sưng lên như mung mủ.

Cuối cùng rồi chị Hân cũng chịu đựng không nổi ba tôi. Một hôm, chị kéo tôi vào phòng. Chị nói:

- Em có theo chị không? Chị đã quyết định vượt biên.

Tôi há hốc miệng:

- Tiền đâu? Tháng trước chị nói ba đã lấy hết của chị.

Chị Hân áp úng:

- Thật ra chị cũng có giấu riêng một ít. Chị cũng đã lén sang lại sạp vải ngoài chợ cho người ta rồi. Chị quen với ông chủ tàu, ông đồng ý cho hai chị em mình đi. Hiện tại chị chỉ đủ sức trả trước một người, phần còn lại ông hứa cho mình qua đó đi làm trả lại ông sau?

Tôi ôm vai chị:

- Còn ba? Chị tính sao?

Chị Hân cúi mặt:

- Chị không nói cho ba biết. Ba nhất định không cho chị em mình đi đâu.

- Nhưng ai sẽ lo cho ba?

Chị Hân khóc:

- Đã đến lúc ba phải biết tự lo cho bản thân mình. Ba còn căn nhà, có thêm các cô chú nữa. Em đừng lo, qua đó gửi tiền về cho ba, ông còn sung sướng hơn.

Rồi chúng tôi quyết định bỏ đi. Tôi biết ông sẽ nguyên rủa chị Hân, vì chị lớn "chuyên xúi giục bọn con nít" như chúng tôi. Những lời lẽ đầy trách cứ này của ba tôi vẫn còn cho đến những lá thư mới nhận được của

ông gần đây. Lần nào cũng thế, nhận tiền trễ là ông viết thư chửi rủa chị Hân thậm tệ. Chị Hân không một lời than van. Trong khi, mỗi lần nghe chị nhắc gửi tiền về nhà là tôi lại bức mình:

- Khi không lại phải nuôi thêm một bà mẹ bất đắc dĩ ở bên nhà nữa.

Chị Hân:

- Nghĩ kỹ thì ba cũng cần phải có người bên cạnh để săn sóc.

Tôi không nén nổi tức giận:

- Săn sóc, hay vì đồng tiền của chị em chúng mình gửi về?

Chị Hân cười buồn:

- Sao cũng được, miễn là ba vui.

Ngày xưa ba đối xử với chị Hân như vậy mà chị không một lời trách móc. Nếu như tôi, có lẽ tôi chẳng cần đếm xỉa gì tới ông. Tôi thường nghĩ thế trong đầu. Qua Mỹ, chuỗi ngày vất vả của chị Hân lại kéo ra dài thêm. Chị đi làm để trả món nợ đầu tiên của chúng tôi thiếu ông chủ tàu. Một mặt chị cũng thường xuyên gửi quà về cho ba tôi. Chị lại gồng mình gánh vác cho tôi, chị khuyên tôi đi học tiếp. Tôi nghe lời chị vào trường và cũng chính vì thế, chuyện giữa chị em chúng tôi mới xảy ra.

Thiên bằng tuổi anh Khoa. Tôi gọi Thiên bằng anh, và Thiên gọi chị Hân bằng chị. Thiên có khuôn mặt hao hao giống anh Khoa. Đôi mắt Thiên như có sức hút thật lạ. Ngộ nghĩnh nhất là đôi vành tai to hay đỏ rần của Thiên mỗi khi bị tôi chọc phá. Đôi vành tai mà tôi hình dung như hai cánh hoa... tai thỏ. Chị Hân thường cười dịu dàng. Hoa người ta có tên diên vĩ đẹp như vậy, lại đi kêu là hoa tai thỏ. Nếu người ta gọi em là cóc, mít, xoài thay vì tên Khuyên, thì em có chịu không? Tôi cười lớn. Dĩ nhiên em... chịu, bên này tìm một trái cóc khó giàng trời. Tôi quay qua nheo mắt với Thiên. Vậy em gọi anh là tai... diên vĩ nghe, mỹ miều lắm đó. Thấy chưa. Tôi lại phá cho vành tai Thiên đỏ rần lên lần nữa.

Thiên vượt biên một mình, học cùng trường với tôi. Thiên có đến thăm chúng tôi vài lần. Chị Hân tỏ ý

mến Thiên nên sau lời đề nghị được dọn vào chia phòng chung, thì chị Hân cũng như tôi không ngần ngại nhận lời. Chúng tôi sẽ bỏ căn chúng cư một phòng để chuyển qua căn hai phòng. Tiền thuê thì có lên chút đỉnh, nhưng Thiên vào sẽ phụ thêm chi phí một số cũng đỡ. Thế là hai chị em của tôi lại cũng ở một phòng, phòng nhỏ

dành cho Thiên. Chúng tôi sống đùm bọc nhau trong những tháng năm đầu trên nước Mỹ. Thiên thông minh, thỉnh thoảng có chỉ thêm bài vở cho tôi. Chị Hân đi làm về lo thu vén nấu ăn cho chúng tôi. Cuộc đời tưởng như đẹp hơn khi tôi thấy đã bắt đầu rung động vì Thiên. Tôi tỏ tình với Thiên bằng mắt liếc, bằng những cử chỉ thật

thân mật. Chị Hân biết, tôi nghĩ thế. Chị không nói gì, cũng chẳng tỏ thái độ phản đối. Chị âm thầm lặng lẽ, thỉnh thoảng cũng góp một vài mẩu chuyện trong bàn ăn. Những mẩu chuyện vô thưởng vô phạt. Chị săn sóc Thiên và tôi đồng đều như nhau. Nhiều khi Thiên cảm ơn chị bằng những câu bông đùa:

đoạn trường tân thanh

Hãy kể lại mười năm mộng dữ
Một lần kể lại để rồi thôi!

Tô Thùy Yên

Mười năm mộng dữ tưởng rồi thôi
chừ đã hơn mười, hơn gấp đôi
ta vẫn chưa về thăm chốn cũ
mồ cha mẹ, bà con ơi!

Ngày đi ta mới hơn ba chục
cộng tiếp mười năm bó gối tù
cộng tiếp mười năm làm lữ khách
hồn tan như bọt nước phù du...

Mười năm kháng Pháp thành công lớn
đất nước hai miền chia đón đầu
tiếp đến Mỹ qua Nga có mặt
Việt Nam như thể chiếc thuyền chao!

Ta ở miền Nam làm lính Nam
lòng luôn mơ ước nổi giang san
không thù Hà Nội, nhưng thù cộng
lũ bỏ đạo nhà rước ngoại bang.

Ta chọn đường đi chân lý mở
ngờ đâu Minh, Thiệu chẳng ra gì
giặc vào không đuổi mà liên hợp
rồi kẻ hàng thần, kẻ trốn đi!

Miền Nam thành một cõi tù lao
một triệu quân Nam nước mắt trào
súng gậy, gươm lĩa, xe pháo bỏ
lá cờ ba sọc hoá khăn lau!

Mười năm ta ở trên rừng rú
bụi mặt, bụi tai, rồi ruột tâm
tuổi chất mỗi ngày như rác mục
hú hồn không vọng tiếng sơn lâm.

Mười năm ta được thả, về đâu?
nước Mỹ, trời ơi chỗ chẳng cầu!
Cố quận - quê người, ai cắt nghĩa
rồi mười năm nữa... chẳng bao lâu!

Đã mười năm nữa - đã muôn năm!
thế hệ bắt đầu trong chiến tranh
thế hệ đó tàn theo khói súng
chẳng ai còn được mảnh khai sinh!

Ta tưởng mười năm về xóm cũ
bên mồ cha mẹ đốt nhang thơm
bên bà con nói lời thân ái
bên bạn bè tay mở ôm...

Ôi chuyện mười năm như cổ tích
bà tiên đâu có ở đời nay
ta quì một phút Tân Sơn Nhất
ta khóc ngàn năm ai có hay?

Rồi đời ta rã như rơm rác
thương biển ngàn năm đứng đợi sông
thương núi ngàn năm chờ gió ấm
thương về tổ quốc biệt mù tăm!

Mười năm, buổi trước với ngày sau
cái bóng hình treo cũng nhạt màu
hồ hướng là tim trong ngực lép
liệu còn đập được mỗi cơn đau?

Ta vượt đầu ta, ta vượt ve
bàn tay năm ngón, biển sông chia
bàn chân năm ngón, đời tan tác
ta có gì đâu nữa để khoe?

Tổ quốc! Ta buồn gọi cố hương
lạnh lữn trong tuyết, lạnh trong xương
ruột ta đang đứt trăm ngàn khúc
ta hiểu từ nay chữ đoạn trường!

trần văn lệ



- Chị và Khuyên là hai chị em, nhưng sao chẳng thấy giống nhau tí nào.

Tôi nói hốt:

- Tại chỉ giống mẹ, đẹp và hiền dịu. Em giống ba xấu người, xấu nét.

Chị Hân cười dịu dàng:

- Ba đâu có xấu. Nếu ông đừng uống rượu nhiều...

Tôi cười ồn ào:

- Phải rồi! Em giống ba lúc ông uống rượu say.

Chị Hân cầm đĩa gỏi vào tay tôi:

- Nói tâm bậy.

Thiên cười đứng lên thu dọn bát đĩa giúp chị Hân. Tôi lười biếng vươn vai:

- Em vào phòng học bài.

Thời gian trôi rất mau. Thiên vẫn giữ khoảng cách giữa tôi với anh. Mặc dầu đã nhiều lần tôi biểu lộ cho anh thấy rằng tôi rất quan tâm đến anh. Tôi biết Thiên chẳng ngu gì mà không biết tôi thương anh. Chẳng lẽ tôi lại nói toạc ra rằng tôi yêu anh? Dầu sao tôi cũng là con gái mà. Chúng tôi đã ra trường. Thiên có công việc ở trong thành phố, cách xa chỗ chúng tôi ở. Nhưng anh lại không muốn dọn đi. Tôi cũng mong là anh đừng. Tôi xin vào làm việc ở bệnh viện gần nhà. Nghề y tá của tôi mới đầu thoát không quen, nhưng dần dà rồi tôi bỗng yêu thích việc làm của mình. Nhiều khi tôi phải làm việc ban đêm. Tôi đề nghị với chị Hân nên mua lại một căn nhà tiện đường làm việc của cả ba chúng tôi. Dầu sao, với tiền lương của chị và tôi cũng dư sức mua một căn nhà cũ. Hơn nữa, nếu như Thiên chịu ở chung với chúng tôi thì ngoài việc trả góp một căn nhà ba phòng, chúng tôi cũng dư dả để sống. Thiên là người đầu tiên tán thành việc mua nhà. Anh bằng lòng góp chung một phần tiền để chúng tôi trả đợt đầu, nhưng chị Hân từ chối. Chị bảo hai chị em cũng có dư số tiền ấy.

Khoảng thời gian chúng tôi đi xem nhà thật vui vẻ. Chúng tôi góp ý, bàn cãi. Cuối cùng tất cả đều đồng ý chọn căn nhà mà chúng tôi đang ở hiện giờ. Căn phòng của Thiên vẫn còn đó. Nhưng không biết khi nào

Thiên trở về. Thiên nói với chúng tôi, anh được công ty chuyển sang tiểu bang khác với số lương cao hơn. Tôi biết đó không phải là lý do khiến Thiên phải dọn đi nơi khác. Chính tôi đã làm Thiên phải bỏ đi. Trời ơi! Tại sao tôi không thể dần lòng được lúc ấy.

Tôi trở về nhà với nỗi mệt mỏi tràn lên thân thể. Buổi tối kéo những vì sao xuống gần hơn. Những vì sao lung linh trên con dốc nghiêng. Tôi cho xe chạy lên triền dốc. Những căn nhà phía dưới đã ngủ yên. Suốt một ngày làm việc, lại bị Nancy gọi điện vào nhờ tôi làm giúp cho nó thêm một ca nữa. Con nhỏ ham vui, chắc là đi chơi với bạn trai. Không biết bạn trai của nó có bao nhiêu ngày sinh nhật trong một năm. Lần nào kết, cũng nói là sinh nhật của bạn trai nó. Tôi thừa hiểu tính Nancy. Nhưng không sao, lần sau tôi bận thì cứ việc réo nó. Chúng tôi thường "trao đổi" với nhau như vậy mà. Có một lần sinh nhật Nancy, bạn trai nó thuê một gã con trai đến bệnh viện nhảy "sexy" trước mặt nó rồi ôm hôn nó chùn-chụt và chúc "happy birthday", quấy động cả một khu yên tĩnh. Bữa ấy làm tôi hết hồn. Khi không lại có một gã đàn ông cầm một bó hoa xồng xộc đi vào bệnh viện hỏi Nancy, rồi cởi áo quần ra nhảy một hồi trước mặt bệnh nhân lẫn mấy "mụ" y tá già không nên nét. Nancy ra điều khoản trả lương. Nó bảo bạn trai nó thật là tuyệt, biết "surprise" nó. Nếu không có mụ y tá trưởng xuất hiện quát tháo "sì-tốp sì-tốp", chắc là còn thêm vài màn ngoạn mục nữa. Tôi mang chuyện này về nhà kể cho Thiên và chị Hân nghe, chị Hân được một dịp cười nghiêng ngả. Tôi lấy chân khêu chân Thiên dưới bàn ăn, đùa. Sinh nhật em anh có dám nhảy như vậy để "surprise" em không? Thiên đỏ mặt đứng dậy vào phòng. Tôi càng cười lớn hơn khi nhìn đôi vành tai đỏ của Thiên từ phía sau. Chị Hân lườm tôi. Con gái, ăn với nói.

Tôi tắt máy, cho xe đổ dốc chạy

êm vào ga-ra. Tôi vẫn thích làm thế. Lái chiếc xe không có động cơ, cảm giác trong tôi thật lạ. Giống như chơi cầu tuột đạo còn bé. Tôi vẫn thích trò chơi này mỗi lần về đến nhà. Chị Hân và Thiên chắc đang ngủ say. Tôi rón rén vào bếp lấy lon nước cam. Thả mình xuống sofa. Tâm hồn thật dễ chịu. Tôi ngồi im trong phòng khách với nỗi mệt nhọc dần tan. Đêm đã khuya. Tôi vẫn chưa buồn ngủ. Có lẽ đã quá giấc. Bỗng dưng, tôi giật mình vì có tiếng mở cửa. Nhà tối, hay mắt tôi nhìn không rõ. Rõ ràng là bóng Thiên từ trong phòng ngủ chị Hân vừa lách ra. Tôi bật đèn phòng khách lên. Đúng rồi. Thiên quay lại nhìn tôi bối rối. Tôi không biết phải làm sao. Tôi òa khóc. Chị Hân khoác vội áo choàng, chạy ra. Tôi nhào tới ghì tóc chị:

- Chị thật là dễ tiện.

Thiên gỡ tay tôi ra, hét lớn:

- Sao em lại có thể nói như vậy với chị Hân?

Tôi mất hết bình tĩnh:

- Chị giật bạn trai của em.

Thiên ngơ ngác:

- Bạn trai. Ai?

Tôi tát vào mặt Thiên:

- Anh hèn lắm.

Thiên nắm hai cánh tay của tôi lại:

- Em bình tĩnh, có lẽ là em hiểu lầm.

- Em không hiểu lầm, anh vừa làm gì ở phòng chị Hân ra? Anh nói đi.

- Xưa nay anh chỉ xem em là em gái thôi. Chị Hân không muốn cho em biết chuyện giữa anh và chị ấy.

Tôi nóng mặt, quay qua chị Hân. Chị Hân tránh đôi mắt giận dữ của tôi. Tôi chạy vào phòng không quên ném lại một câu:

- Tởm quá.

Rồi Thiên đi. Có lẽ để cho tình cảm của chị em chúng tôi được hàn gắn. Nhiều lúc tôi nghĩ lại mình. Tôi thật là quá đáng. Quên Thiên. Dứt khoát tôi không thể nào quên được. Nhưng chị Hân. Tôi cũng không có can đảm để ngồi xuống nói chuyện đàng hoàng được với chị về Thiên. Chính Thiên là con dao cắt tình cảm của chị em chúng tôi ra từng mảnh.

Mới đầu Thiên xin chuyển đi nơi khác. Tôi cứ tưởng chị Hân sẽ khóc suốt như tôi thường trốn trong phòng khóc. Nhưng không, chị vẫn im lặng ngày hai buổi đi làm. Chị vẫn âm thầm ngồi đọc sách trước hàng hiên. Tôi không biết Thiên có liên lạc với chị không. Nhưng cả thư từ lẫn điện thoại, tôi đều không nghe thấy.

Thời gian đã làm cho tôi suy nghĩ khác về chính mình. Có lẽ tôi đã trưởng thành hơn. Tôi chợt thương chị Hân thật nhiều. Chính tôi khiến chị phải từ hôn với anh Trọng. Và cũng chính tôi đã phá vỡ hạnh phúc của chị khi gạt Thiên ra khỏi đời chị. Suy nghĩ cho kỹ, thì tôi yêu Thiên chỉ là tình yêu một chiều. Nhưng tôi không cam lòng. Tại sao Thiên lại chọn chị Hân mà không phải tôi. Đồng ý là chị có nhan sắc hơn tôi. Nhưng tôi có tuổi xuân và học vấn. Ừ nhỉ, nếu đem vấn đề học vấn ra để so sánh với chị Hân thật ra người đáng hổ thẹn không phải là chị, mà chính tôi. Không có chị, tôi làm gì trải qua được bốn năm đại học. Không có chị, chương trình trung học ở Việt Nam, tôi cũng phải bỏ dở dang. Càng nghĩ, tôi càng thương chị. Nhưng tôi phải nói làm sao với chị đây. Nhiều khi thấy chị ngồi gục đầu trên ghế xích đu trước nhà, lòng tôi không khỏi nhói đau. Thiên nói đúng. Có lẽ tính tình của chị đã chiếm được lòng Thiên. Chị hơn Thiên tám tuổi, không có nghĩa là họ không thể yêu nhau. Tại sao tôi lại hẹp lòng đến như vậy? Có lẽ vấn đề tuổi tác giữa chị và Thiên khiến tôi chủ quan, không bao giờ nghĩ tới tình cảm sẽ phát sinh giữa hai người. Cũng chính vì thế mà tôi mới lạ lùng đến độ phát ra những câu chửi rủa chị Hân thậm tệ khi thấy Thiên từ trong phòng chị bước ra một đêm nào.

Càng nghĩ, tôi càng thấy hổ thẹn trước chị Hân. Làm cách nào để đem Thiên trả lại cho chị, đâu việc đó có làm cho tim tôi chảy máu. Tôi tìm cách liên lạc với bạn Thiên.

Chúng tôi ngồi đối diện với nhau trong một nhà hàng vắng khách. Tôi

bối rối nhìn vào thẳng vào mắt Thiên khi chúng tôi đã dùng xong bữa:

- Anh vẫn còn yêu chị Hân?

Thiên gật. Tôi hỏi tiếp:

- Sao anh không liên lạc với chị?

Thiên nhấp một ngụm cà phê trước khi trả lời:

- Hân không muốn. Hân muốn anh và... em.

Tôi chảy nước mắt:

- Thật chị Hân muốn như thế hả?

Thiên xua tay:

- Nhưng em cũng biết, anh với em không thể nào. Anh chỉ thương một mình chị Hân. Anh chưa liên lạc với chị lúc này vì anh muốn chị ấy có thêm thời gian để suy nghĩ. Anh muốn chị hiểu tình yêu không phải là chiếc kẹo, có thể phân phát bừa bãi được.

Tôi khóc:

- Bây giờ em xin anh trở về với chị, anh có bằng lòng không?

Thiên sáng mắt một chút, nhưng lại thở dài:

- Chị Hân chưa chắc đã đồng ý trong lúc này.

Tôi dỗi mắt ra bờ hồ ngoài khung kính. Đêm đã lên đèn. Tôi nói nhưng mắt vẫn không rời khung cửa:

- Anh có biết chị Hân nhớ anh chừng nào không?

Thiên đổi giọng:

- Hân có biết anh về đây không?

- Em chưa cho chị ấy biết. Em không muốn cho chị hy vọng khi chưa biết ý của anh thế nào?

Thiên cầm tay tôi:

- Anh rất mừng khi được em thông cảm cho chị. Em biết không, chị Hân rất lo cho em. Chị không muốn tình cảm của tụi anh lại gây tổn thương đến em. Chị Hân biết em thương anh nên chị rất khó xử.

Tôi cúi mặt xuống bàn. Thiên ngập ngừng:

- À, có điều này anh muốn nói với em từ lâu, nhưng không có cơ hội. Em có muốn nghe không?

Tôi quay về phía Thiên, mở lớn mắt tò mò:

- Chuyện gì vậy anh?

- Thật ra, anh nghĩ em phải biết những điều em nên biết. Những điều

mà chị Hân luôn nhắc anh không nên nói với em.

Tôi hơi nhồm người về phía Thiên:

- Anh vòng vo mãi. Chuyện gì?

Thiên cho sữa tươi vào tách cà phê vừa được cô hầu bàn châm vào:

- Anh không biết phải bắt đầu ra sao!

Tôi nóng lòng:

- Anh cứ úp mở mãi. Em về.

Thiên lính quỳnh, tội nghiệp:

- Làm y tá bấy lâu mà em chẳng tập được tánh kiên nhẫn.

Tôi dỗi:

- Em vậy đó. Trước sao sau vậy.

Thiên hốt hoảng:

- Em đừng đùa.

Tôi cười thành tiếng:

- Anh nghĩ tới đâu rồi? Nếu vậy em đâu thẹn năn nỉ anh trở về với chị Hân.

Thiên cười gượng:

- Em còn nhớ dạo chị Hân bị ba em lấy hết tiền không?

Tôi nghiêm trang:

- Cả chuyện này anh cũng biết sao?

- Hân kể cho anh nghe nhiều chuyện lắm. Chính vì thế mà anh thương Hân nhiều hơn. Có nhiều chuyện em không biết đâu.

- Ví dụ?

- Hôm đó không phải là ba em lấy hết tiền của chị Hân.

- Em biết! Chị còn giấu riêng một ít.

- Không phải!

Tôi bướng:

- Phải!

- Thế em có biết hôm ấy ba em uống say không?

Tôi lắc đầu. Thiên xúc động:

- Hôm ấy ba em... làm hỗn với Hân.

Tôi suýt đứng bật dậy, rít tiếng nói giữa hai kẽ răng:

- Chứa tôi! Anh nói chuyện vừa phải thôi nghe.

Thiên cầm tay tôi bóp mạnh:

- Em bình tĩnh. Thật ra Hân là kết quả một lần lầm lỡ của mẹ em trước khi kết hôn với ba em. Em còn nhớ lúc xưa ba em đối xử với chị Hân như

thế nào không?

Cả chuyện nhà mà chị Hân cũng kể cho anh Thiên nghe hết. Còn tôi. Tôi là ai đây. Tôi chính là em chị mà. Đầu óc tôi quay cuồng. Nước mắt tôi rơi xuống. Tôi không ngờ tất cả mọi người đã giấu tôi những chuyện tôi cần được biết. Thiên đưa tôi chiếc khăn giấy. Tôi ngả người ra phía sau. Giọng Thiên đều đều:

- Em biết anh thương chị Hân lắm không? Đôi khi anh thấy chị thật cô độc và đáng tội nghiệp. Sở dĩ anh nói chuyện này với em là vì...

Tôi cắt ngang:

- Em hiểu. Nhưng nói như vậy là anh chỉ thương hại chị ấy thôi sao?

- Không. Khi tụi anh hiểu nhau rồi. Hân mới tâm sự với anh. Em lớn rồi. Không cần nói em cũng biết bao nhiêu năm nay chị Hân tốt với gia đình em lắm mà. Ngay cả ba em. Người đáng lẽ chị ấy phải hận. Nhưng chị không một lời oán trách. Chị Hân hy sinh cho gia đình biết bao nhiêu! Em nên cho em cơ hội để giúp lại chị Hân một lần.

- Anh thật không hối hận?

- Tại sao anh phải hối hận?

Tôi đứng bật dậy:

- Như vậy anh theo em.

Tôi nắm tay Thiên kéo đi. Tôi đẩy anh vào xe, lái một mạch về nhà. Vừa lái tôi vừa khóc. Thiên ngồi bên tôi im lặng.

*

* *

Khi chiếc xe trườn mình lên con dốc, tôi thấy chị Hân đang khom mình ve vuốt những đóa hoa diên vĩ của tôi dưới gốc sồi già. Đêm đã tràn trên căn nhà cũ. Khuôn mặt chị đượm buồn dưới ánh sáng hắt lên từ những chiếc bóng đèn chung quanh gốc cây. Hai cây sồi như mơn trớn nhau trong gió. Tôi tắt máy khi chiếc xe lên đầu dốc. Chiếc xe êm ả lao xuống. Chị Hân nghiêng vai gượng nhẹ những cành hoa sắp ngã. Bóng chị thật nhỏ nhoi. Lòng tôi dấy lên mối thương cảm lạ lùng. Tôi liếc nhìn Thiên, cố trêu anh. Chị Hân đang thì thầm với những chiếc tai thỏ đó, anh có nghe chị ấy đang nói gì không. Anh tai...

diên vĩ? Thiên bật tiếng cười khô. Tôi hình dung ra vành tai anh lại đỏ lên lạ lùng. Tôi nghĩ thầm trong bụng. Tôi đang mang hai cánh hoa tai thỏ về cho chị Hân tha hồ mà thì thầm. Tôi và Thiên cùng bước xuống xe. Chị Hân quay đầu lại, gió xuân thổi tung mái tóc chị Hân che vội đôi mắt đang xoe tròn như hai đồng tiền. Tôi

quay nhìn Thiên lần nữa, tôi thấy đôi mắt anh sáng lên trong đêm. Tôi lặng lẽ vào phòng, ngồi bên cửa sổ. Con dốc hình như đang nghiêng vai xoay cánh tay dài đung tới nhịp đập trái tim tôi, đau nhói. Tôi bật khóc. Ngày mai. Có lẽ tôi phải réo Nancy làm thế một ngày để tôi xuống phố xem hoa nở với hai người.

người đi

Tình xa theo những dặm xa

Tình buồn trên những cụm hoa đã tàn

Ngày mưa tháng nắng vội vàng

Cuốn nhanh chiều mộng, phủ phàng chiêm bao.

bht

hồn tôi xanh mãi xuân xưa

Bài thơ xuân chưa thể nở nụ cười

Vì lòng tôi chứa nỗi niềm sâu kín

Vui muốn khóc mà buồn tôi cảm nín

Bởi quê nhà xuân chưa trở hương tươi.

Tôi đi trên quê người tuyết trắng

Lê bước chân tìm Tết quanh hồn xưa

Tình quê hương thương biết mấy cho vừa

Khi đàn én vẫn tìm xuân xa vắng.

Những mùa xuân trên quê hương cảm lặng

Đợi tin từ cánh én ở tha phương

Tết chỉ về khi có một con đường

Thanh bình của mùa xuân vui chiến thắng.

Lòng tôi luôn mang nghĩa tình sâu nặng

Núi sông ruộng vườn gọi nhớ sâu xa.

Mái nhà xưa từ thuở có mẹ cha

Nơi tôi lớn mỗi bước đi chập chững.

Con chim nhỏ kêu buồn trên đồng vắng

Cho người xa thương nhớ tìm lối về

Mai trở về cõi ghé thả rong dề

Vui cánh diều bay trên đồng lúa mới.

Quê hương ơi tháng năm dài vẫn đợi

Ngày hoan ca thân mẹ sẽ hồi sinh.

nguyễn văn cường



Cầu Ô-Thước Tháng Giêng

Ngô Nguyên Dũng



Thụ và Tâm sống với nhau gần mười năm, sinh được một trai một gái, thì Thụ bị thất nghiệp. Sau một năm dốc lòng tìm việc, nhưng không thành, Thụ quyết định ở nhà đóng vai nội trợ. Đêm đêm Thụ vẫn thường thủ thi cùng vợ:

- Chắc đành phải chịu vậy, em ạ!
Tâm cười mỉm:

- Anh cứ ở nhà chăn dắt con cái, lo việc bếp núc, giặt giũ, lau chùi, để mình em đi làm đủ rồi.

Thụ nói như chống chế:

- Tử vi anh có số "thân cư thế".

- Thì đã sao?

Thụ chau mày:

- Anh chỉ ngại miệng lưỡi thiên hạ.

- Chuyện gia đình mình, cần gì thiên hạ. Hơn nữa, anh với em đâu còn ai là thân bằng quyến thuộc, lo gì! Mà chuyện này đâu phải mới mẻ chi, đã gần năm nay anh xuất sắc trong vai "liên tử", còn giả bộ!

Thụ cười khề khà:

- Anh sợ em khinh rẻ anh.

Tâm véo tai chồng, nghiêng răng vờ vịt:

- Tôi khinh anh, tôi coi rẻ anh như bèo. Thân "liên tử" mà còn đèo bồng, đêm nào cũng đòi chung giường với chủ nhân bà.

Thụ khép chân nằm cong, lăm bắm: "Có bao nhiêu đó, giấu hoài." Tâm vô tình không hay, nhồm người hôn nhẹ lên má Thụ, chúc ngủ ngon rồi vói tay vặn đồng hồ reo, tắt đèn, xoay lưng tìm giấc ngủ. Nàng nào thấu hiểu nỗi khổ tâm của Thụ. Thế giới của Thụ đâu phải đoạn đường từ nhà đến trường, mà mỗi ngày chàng đưa đón hai con đi học. Cũng không phải khoảng cách quen thuộc từ nhà đến siêu thị. Riết rồi chàng quen mặt gần hết nhân viên trong chợ. Gặp chàng, bà bán thịt thường đơn đả: "Hôm nay có giò heo giá hạ và thịt ba chỉ tươi." Hay: "Ấy, tôi có để dành cho ông mấy cái tai heo, hai đồng một cái." Còn cô gái ở quầy bán bánh, thái độ ban đầu còn lạnh lùng khinh khinh, lần hồi cũng niềm nở dễ thương. Những khi vắng khách, cô tâm sự: "Ông biết không, đây chỉ là

công việc tạm thôi. Nghề thật của tôi là nhân viên phòng thí nghiệm. Đang có việc ngon lành, tự dưng tôi dị ứng với một vài hoá chất, đành phải bỏ nghề. Tôi đang điều trị, dứt bệnh sẽ trở lại nghề cũ." Thụ cũng muốn bày tỏ nỗi lòng cùng cô bán bánh, nhưng còn ngại ngùng. Chàng chưa thể vô tư tự nhận mình đang giữ vai nội trợ.

Điều này Thụ chỉ mới tâm sự cùng Bọ Rầy, đứa con gái bảy tuổi. Thỉnh thoảng Bọ Rầy lại nằng nặc đòi Thụ kể chuyện cho nghe trước khi ngủ. Không hiểu sao, con bé chỉ thích nghe chuyện tình trái ngang của Ngưu Lang và Chức Nữ.

Thụ nhớ đâu kể đó, nhiều lúc bị Bọ Rầy vện vẹo:

- Sao đêm trước ba nói Ngưu Lang là anh chăn bò?

Thụ xuề xoà:

- Ba nhớ lộn, Ngưu Lang chăn trâu mới đúng. Còn Chức Nữ là cô tiên dẹt lùa ở thiên đình.

Bọ Rầy thắc mắc:

- Trâu trên trời có giống như trâu dưới này, không ba?

Thụ tưởng tượng:

- Không, trâu thiên đình màu trắng, còn gọi là trâu tuyết. Vì có màu trắng nên lẫn trong mây, mắt trần khó thấy.

Bọ Rầy không tha:

- Thế sao cây cầu quạ đen, con cũng không thấy?

Thụ lắc đầu:

- Làm sao thấy được, vì mỗi lần tái ngộ, Chức Nữ khóc kinh lắm, làm mưa bão sấm sét ào ào, mây đen vùn vù che mắt.

Bọ Rầy tỏ vẻ:

- Ông Ngọc Hoàng hơi ác.

- Tại sao?

- Vì ông cứ bắt phạt hai người đó hoài. Tha cho rồi!

Thụ lý luận vu vơ:

- Ông trời không có ác đâu con, người trần gian mới ác.

Bọ Rầy xoe mắt nhìn Thụ, không hiểu. Nhưng con bé không hỏi thêm câu nào, cúi mặt vào ngực Thụ. Chàng giơ tay vuốt tóc con, giọng mềm như ướp mật:

- Con biết không, cây cầu quạ đen

là biểu tượng cho sum họp. Mỗi năm Ngưu Lang và Chức Nữ được phép gặp nhau chỉ một lần, vì vậy mà họ thương nhau hoài, từ thế kỷ này sang thế kỷ nọ. Tỷ như họ được gần nhau như vợ chồng bình thường, chắc gì mọi chuyện đã bền vững. Biết đâu, Ngưu Lang sẽ bỏ nghề chăn trâu để làm nghề khác nhiều tiền hơn. Rồi bị thất nghiệp, phải ở nhà lo việc bếp núc và săn sóc con cái. Như thế là hết cầu ô thước, hết mưa tháng bảy, mất cả những chuyện cổ dân gian lãng mạn.

Bọ Rầy lim dim mắt. Thụ vẫn đều giọng:

- Ba là một Ngưu Lang mất cầu ô thước đó con. Còn má con là Chức Nữ mắc đoạ, bị đày xuống trần làm vợ của ba, phải đi làm nuôi cha con mình. Con đừng tưởng ba thích cái việc nội trợ này. Chán thì thôi! Thế giới của ba đâu phải là bốn bức tường nhà bếp. Nhưng mặt vắn, đành vậy chớ sao!

Thụ than thở với Bọ Rầy đã đời, khi nhìn lại, thấy con đã thiếp ngủ từ lúc nào. Chàng nâng nhẹ đầu con, đặt lên gối, đắp mền ngay ngắn rồi rời giường, tới kéo màn cửa. Thụ khựng tay vài giây. Ngoài khung kính, bên kia khu chung cư xa xa là những ô cửa sáng đèn. Màu đèn vàng ấm gợi lên trí chàng cảnh gia đình đầm ấm. Cha đọc báo, mẹ may vá, lũ con chăm chú học bài ề a. Không, không phải vậy. Thụ tưởng ra hoạt cảnh gia đình chàng: Tâm đang ngồi tính sổ chi tiêu, con Bọ Rầy đang chúi đầu trước máy vô tuyến truyền hình, thằng Ong Bâu đang mê say với trò chơi điện tử. Còn chàng đang cặm cù ngồi khâu mớ quần áo sứt nút, thỉnh thoảng lại ngẩng đầu nhìn vợ con, môi mỉm cười tràn trề hạnh phúc.

Thụ mạnh tay kéo kín màn cửa, về phòng riêng. Lòng Thụ dấy lên nỗi phiền muộn lạ, bất chàng cứ trở mình thao thức. Tâm tỉnh ngủ, chồm dậy bật đèn, lay nhẹ vai Thụ, nhỏ giọng:

- Không ngủ được sao anh?

Thụ nhura nhưa:

- Chắc tại tách cà-phê khi nãy.

- Đã vậy, đừng uống.

Thụ đùa cợt:

- Anh tưởng mình chỉ dị ứng với đàn bà.

Tâm chuôi người vào chặn chung với Thụ, đổi giọng ồm ồm:

- Ta là nam cải... nữ trang đây.

Thụ ồm cứng Tâm, cười nhỏ giọt:

- Là gì cũng được, miễn đừng sở Khanh.

Tâm dịu dàng:

- Làm gì có!

Thụ than thở:

- Cứ như vậy, chắc có ngày anh bị đổi giống.

Tâm rúc rích cười, khép tay quanh bụng chồng:

- Đổi gì cũng được, nhưng đừng đổi lòng.

Thụ siết tay vợ, nảo nuột:

- Lòng anh đang chật hẹp, muốn đổi cũng không còn chỗ.

Tâm xoay người Thụ, đối mặt chồng:

- Hôm nay anh ăn nhầm thứ gì, nói nghe buốt cả người.

- Anh đang buồn chảy nước. Buồn đời chớ không phải buồn tình. Anh muốn hát câu *ôi ta buồn ta đi lang thang bởi vì đâu*.

- Tại sao?

Thụ nói loanh quanh:

- Anh như một dưng tướng khi không mất nhuệ khí, vứt hết áo giáp, gươm đao, về nhà đuổi gà cho vợ.

Tâm chép miệng:

- Lại mặc cảm nữa rồi. Anh muốn không?

- Muốn gì?

- Em xin nghỉ việc, vợ chồng mình sẽ hành nghề tự lập.

Thụ lắc lắc tay vợ, giọng nôn nao:

- Nghề gì? Nói đi!

- Mở quán ăn, tiệm bán thực phẩm hay tạp hoá gì đó.

Thụ buông tiếng thở dài:

- Anh không thích hợp với chuyện bán buôn và giao tiếp.

Tâm nhấn nài:

- Chớ anh thích hợp với nghề nào?

Thụ buông tay vợ, xoay người sang hướng khác. Giọng chàng bật đi như bị gió tạt:

- Trở lại nghề cũ.

Tâm im lặng nghĩ tới nghề ăn loaf

của chồng. Thời đại này thiên hạ dùng toàn hệ thống điện tử điều khiển máy móc, đâu ai cần tới bàn tay nhuần nhuyễn của Thụ xếp từng chữ cái lên bản vở. Đã bao lần Tâm khuyên chồng theo học khoá cải tiến nghề nghiệp, mà Thụ nào nghe. Chàng khư khư giữ lấy sở học cũ như gã thổ dân vẫn còn làm lửa bằng hai que củi, không cần biết tới diêm quẹt.

Tâm đuổi người sống đôi lưng Thụ. Ngón tay trở nòng vờn chậm lên bả vai chồng. Nàng nghĩ tới mặt nước lao chao gợn tròn. Cảm xúc Tâm cũng đang dao động. Nàng muốn mình cao lớn, vững chãi như tàn đại thụ che chở ngôi nhà trong cơn mưa bão. Tâm vươn hai bàn tay lá xanh vuốt ve thân thể chồng. Người Thụ run nhẹ. Trí chàng lập loè những hình thể nhòa nét. Thụ bối rối nhận ra cảm xúc mình không còn nguyên vẹn nữa.

- Yêu em đi!

Giọng Tâm mon trớn. Thụ bất động thấy mình là đứa trẻ đang khom lưng góp nhặt những mảnh vỡ của

một dĩ vãng gương sáng. Đứa trẻ ấy chưa hề biết khoái cảm xác thịt. Nó còn nhìn đời bằng ánh mắt tươi đẹp như niềm vui năm mới.

Tâm rướn người lên thân Thụ, lần tay mở áo chàng. Thụ trở trơ như trai tơ trước thủ thuật lão luyện của một người đàn bà từng trải. Một lát, Tâm nhắc đầu, hỏi khẽ:

- Anh làm sao vậy?

Thụ thở hắt, đùa:

- Đã bảo, vắt hết gươm đao rồi mà không tin.

Tâm điểm vào trán chồng:

- Chưa đánh đã thua, hèn!

- Có khi nào anh thắng đâu. Anh là bại tướng muôn đời.

Tâm không tha:

- Em khiêu chiến nhá!

Thụ bật cười:

- Nhưng cảm chơi xấu.

Tâm áp môi lên má Thụ:

- Luật chơi, em thuộc lòng.

Thụ lấp đáp:

- Cứ đòi đánh đấm với người mệt mỏi vì đi chợ, nấu cơm, rửa chén, lau

nhà, giặt quần áo, trông con là trái luật.

Tâm đặt tay lên môi chồng:

- Hát bài mới đi, bài này cũ rồi.

Chán.

Thụ nói lảng:

- Không chịu ngủ, đòi nghe hát, làm sao mai đi làm?

- Tại anh mà em tỉnh giấc, bị phạt là đúng rồi.

Thụ cười cười, quàng chân qua đùi Tâm. Dững sĩ cũng vừa tuốt gươm khỏi vỏ. Vũ khí chàng loé ánh thép. Chiến trường một bãi rộng thênh. Chỉ có Thụ và Tâm, yêu nữ của đời chàng, đấu phép cùng nhau.

Thụ nhớ, trong khoảng thời gian đầu Tâm đi làm, nhiều lúc chàng nổi ghen như đàn bà. Thấy vợ trang điểm lâu, chàng bực dọc phê bình:

- Làm như sắp đóng tường không bằng.

Tâm nguyệt chồng trong gương:

- Làm việc trong văn phòng thì phải tô chút son, dặm chút phấn, vuốt chút lông mi, coi mới được.

Giọng Thụ hơi gắt:

- Vừa phải thôi, nhiều lông lá quá, coi không đành hoàng.

Tâm mài dao bằng hai mắt liếc:

- Tự dưng hôm nay nổi chứng xía vô chuyện son phấn của người ta, kỳ cục.

Thụ thấy mình vô lý, bỏ đi, không nói thêm lời nào. Rồi có một hôm, đi làm về, Tâm để nguyên quần áo phịch người xuống ghế nệm, thở hắt:

- Bực mình ghê.

- Chuyện gì vậy?

- Cứ tưởng người học thức, không ngờ cũng rất dễ xòm như nhau.

Thụ nhảy nhồm:

- Đứa nào làm gì em?

Tâm mím môi:

- Thằng chủ phòng, nó dám vồ mông em.

Thay vì an ủi, Thụ lại ngờ nghệch hỏi:

- Mà em có ngoáy mông trước mặt nó không đã?

Tâm sừng mặt như rắn hổ bị tấn công:

- Cái gì, anh vừa nói cái gì? Ừ, tôi



ngoáy mộng đó, rồi sao?

Thụ vừa dợm tay đặt lên vai Tâm thay cho lời xin lỗi thì bị hất văng ra. Tâm ngoe nguẩy đứng lên, đi vào phòng tắm. Thụ thấy cặp mộng nàng dong đưa như thách thức. Đêm đó Thụ bị vợ đuổi đi ngủ chỗ khác. Thụ lò dò sang phòng Bọ Rầy, xin ngủ ké. Con bé mới bảy lớn mà đã khó tính như mẹ. Nó chề chân Thụ hôi mùi chuột chết, bắt chàng đi rửa. Nó còn hăm he, nếu Thụ ngủ ngáy, nó sẽ bóp mũi. Suốt đêm Thụ không chợp mắt. Phần vì Bọ Rầy chòi đạp dữ quá, phần vì ghiền nhớ mùi da thịt Tâm. Cuối cùng chàng quyết định hồi hương chuộc tội. Tâm mau nóng mà cũng chóng nguội. Thụ thành tâm tự phê tự kiểm. Tâm nhỏ nhẹ bảo, sẽ cân nhắc chuyện thừa thặng chủ phòng ra toà về tội xúc phạm phẩm hạnh phụ nữ. Riêng Thụ được nàng cho phép xúc phạm thả cửa. Tối đó hai người dằng dai "tiếp cận" cùng nhau. Lúc nào Thụ cũng đầu hàng trước.

Rồi nhịp sống gia đình từ từ vào khuôn nếp. Sóng gió ban đầu dịu dần. Thời gian bỗng dài thăm thọt. Không gian trở nên phẳng lặng như thế giới của người câm điếc. Để khỏi thành người tàn tật, Thụ chu toàn tỉ mỉ việc nhà. Ấy mà vẫn có những lúc trống.

Khi ấy Thụ thường vắn vợ lật mấy tờ báo phụ nữ của Tâm ra xem. Toàn những tin về đời tư của những nhân vật tiếng tăm. Chàng còn tìm đọc trang tử vi, phần giải đáp tâm tình và đặc biệt, mục trắc nghiệm tâm lý bạn gái. Có một tiêu đề khiến chàng để ý, "Kiểm soát lại phần nữ tính trong người bạn". Sau khi Thụ đọc kỹ câu hỏi, đánh dấu câu trả lời rồi cộng điểm, chàng sững sốt nhận ra mình có khá nhiều nữ tính. Trước đây, có khi nào Thụ tới lui so đo giá cả trước khi mua món hàng nào. Chàng cũng không phải cân nhắc chuyện hôm nay phải nấu món gì để làm vừa lòng người bạn đời. Chàng lại càng không để ý tới mấy chuyện thuộc loại ngồi lê đôi mách. Giờ thì... chết rồi, Thụ kêu thẳm, có sao mình cứ lưu tâm tới những vấn đề rất đàn bà ấy? Không lẽ chỉ vì thất nghiệp, ở nhà lo chuyện

cơm nước mà mình đổi tính hay sao?

Rồi, vì những bận bịu thường ngày, Thụ quên đi những thắc mắc đáng ngại kia, cho tới hôm thành Ông Bầu bị cảm lạnh, nghỉ học nằm nhà. Khi Thụ ngồi canh giấc ngủ cho con, chàng mở tờ tạp chí, lướt mắt băng quơ. Một mẫu quảng cáo đập vào mắt chàng. "*Khi tâm hồn bạn bất an vì bất kỳ lý do gì, bạn hãy quay số ..., sẽ có người sẵn sàng là cái thùng rác cho bạn trút bỏ những xú uế của tư tưởng.*" Thụ lẩm nhẩm lặp lại: "Xú uế.." mà thật lòng không hiểu đó là cái gì. Chỉ rõ một điều, tâm hồn chàng đang bị xáo trộn. Và Thụ quyết định liên lạc với cái thùng rác.

Giọng đàn ông bên kia đường dây khiến Thụ an tâm hơn. Chàng nói thẳng:

- Tôi muốn ẩn danh trò chuyện với ông.

- Ông cứ tự nhiên. Còn tên tôi là Phương Đông.

- Một biệt hiệu đẹp.

- Không, tên cha mẹ đặt.

Thụ vắn vế:

- Cha mẹ ông có tâm hồn nghệ sĩ.

Phương Đông cười ngắn:

- Mẹ tôi là cư sĩ, cha tôi là giáo chức. Còn tôi đang theo học phân khoa triết đông phương. Xin ông vào chuyện!

Thụ ngần ngừ giây lát rồi tóm tắt hoàn cảnh cùng tâm lý cá nhân hiện tại của chàng. Phương Đông từ tốn:

- Tôi nghĩ, trong mỗi người đàn ông đều tiềm ẩn ít nhiều tâm hồn đàn bà hoặc ngược lại. Chính cái phần nữ tính này khiến người đàn ông thỉnh thoảng cần móng tay khi phân vân, hay soi gương sửa lại mái tóc một cách vô ý thức.

Thụ phản đối:

- Tôi chưa bao giờ cần móng tay.

- Đó chỉ là một thí dụ nhỏ.

- Trường hợp tôi, ông khuyên phải làm sao?

Phương Đông cân nhắc:

- Hơi khó. Chỉ mình ông mới có thể giải quyết được vấn đề. Hoặc ông phải đổi nghề, hy vọng tìm ra chỗ làm khác; hoặc ông phải chấp nhận một cuộc sống như vậy.

Thụ kêu lên:

- Khó chấp nhận lắm.

- Ông cũng có thể tìm tới một nhà phân tâm học. Nhưng ông ta chỉ có thể giúp ông về vấn đề tâm lý, còn nghề nghiệp thì không. Phần tôi, tôi sẵn sàng lắng nghe, góp ý và chia sẻ cùng ông mọi khó khăn.

Thụ sức nhớ tới những khuya tràn trề bên cạnh Tâm, bật cười khô:

- Chuyện này cũng gây ảnh hưởng tới đời sống sinh lý tôi.

- Như thế nào?

- Tôi cảm thấy hình như mình bất toàn. Cảm giác này, lúc trước, tôi nào có. Nó thay đổi gần hết quan niệm của tôi về nhiều lãnh vực, cả nhịp sống sinh lý vui vẻ của vợ chồng tôi.

- Đổi thay ra sao?

Thụ ngập ngừng. Chàng thấy ra những chữ, những lời không khớp nhịp cùng nhau. Chàng nói như phun chữ:

- Tôi không còn chủ động, mất hứng thú.

- Sinh hoạt vợ chồng lâu năm, thường như vậy.

- Nhưng trường hợp tôi, không phải vậy. Tự dưng tôi đâm lười, chán ngán tất cả, chỉ muốn được chiều chuộng. Tâm hồn tôi trở nên nhạy cảm quá đáng. Tôi dễ xúc động vì những biến đổi tâm thường. Tôi nhận ra cái đẹp của nghệ thuật sâu xa hơn trước. Nói chung, tôi không còn thực tế nữa.

Phương Đông nhấn mạnh từng chữ:

- Nhưng ông lo ngại chuyện gì nhất?

- Tôi sợ đứt mất sợi dây liên hệ vợ chồng. Tôi sợ không còn chiếc cầu ô thước, dẫu mỗi năm chỉ một lần.

Phương Đông kêu lên:

- Ông nói gì?

Thụ cười xoa:

- Tôi ví von lắm lắm cái đó mà.

- Tôi có cảm tưởng như ông đang cô đơn.

- Còn hơn thế nữa.

- Như đã nói, ông hãy tìm tới một nhà chuyên môn nhờ họ phân tích tình trạng tâm lý của ông. Còn tôi, tôi chỉ mong ông có đủ nghị lực để tự

mình vượt qua giai đoạn khó khăn này. Chúng ta phải ngừng cuộc đối thoại ở đây. Ông vẫn có thể gọi điện cho tôi dịp khác, nếu cần.

Thụ thở ra:

- Cám ơn ông về những lời khuyên.

- Chúc ông mọi sự lành. Chào ông.

Thụ buông nhẹ lời chào, thả ống nghe xuống máy. Một chút băng khuâng dâng lên hồn chàng. Cùng lúc là nỗi ngậm ngùi. Ông Bầu vừa trở mình, ứ ớ mê sảng. Thụ nâng đầu con. Đôi mắt trẻ thơ sật sù, nhoè nhoẹt đỏ. Chàng đặt tay lên trán con. Nóng hăm hăm. Ông Bầu gơ tay ra. Giấy phút này, chàng không nghĩ ngợi gì tới phách tính mình. Tình máu mủ choáng ngợp như bóng thần linh uy nghi bao trùm ý thức chàng. Mọi sự bỗng trở nên nhỏ nhoi, tầm thường, rỗng không như cảm giác chàng sau khi xuất tinh. Thụ úp mặt xuống bàn tay con. Những cánh quạ ô xập xoạng trong trí chàng, như cảnh sắc một cuốn phim câm. Cây cầu tái ngộ hàng năm gặp ghềnh chao động như sắp đứt lìa. Điều gì vậy? Thụ hỏi thầm, và không ngớt thắc mắc về phận số mình.

Tâm buông dũa, gơ khăn chấm miệng, nhìn thẳng vào mắt Thụ, tươi tắn:

- Tết sắp tới, anh định nấu món gì đãi mẹ con em đây?

Thụ thôi nhai, ngẩn ngơ giây lát. Bộ Rầy và Ông Bầu cũng đồng loạt ngừng tay xúc cơm, ngheh mặt đợi. Thụ nuốt vội miếng cơm, thần thờ:

- Ủ, lại Tết.

Giọng Tâm mơn trớn:

- Làm gì mà anh chán nản dữ vậy?

- Mau quá.

Bộ Rầy vọt miệng:

- Năm nay con muốn có một đôi giày xịn.

Thằng Ông Bầu bắt chước:

- Còn con một hộp viết chì màu, một chiếc xe đua tí hon và một...

Tâm ngắt lời:

- Từ từ đã. Có thực mới việc được đạo, hãy bàn chuyện nấu nướng

trước!

Thụ cười lớn:

- Nói chuyện với con mà em xỏ nhỏ, làm sao chúng hiểu. Em đề nghị món gì?

- Bánh mứt có bán sẵn, khỏi làm. Tự đừng em thêm món vịt tiềm bát bửu, anh ạ!

Thụ nói khích:

- Thêm thì nấu lấy mà ăn!

Tâm nghiêng mặt nhìn chồng:

- Tết năm nay em cho anh bếp nghỉ xả hơi.

Thụ sáng mắt:

- Thật không?

- Thật mà, em vừa xin nghỉ phép thường niên để ăn Tết.

- Bao lâu?

- Hai tuần.

Bộ Rầy và Ông Bầu cùng lượm reo lên:

- Sướng quá.

Riêng Thụ vẫn còn ngẩn ngơ trước chuyện khó tin mà có thật này. Chàng buột miệng:

- Còn anh thêm món canh khổ qua đồn thit.

- Đầu năm không nên ăn khổ qua.

Thụ cãi:

- Tại sao không? Khổ qua tức là vượt qua cái khổ, phải ăn chứ!

Tâm thấp giọng:

- Bộ anh khổ lắm sao?

Câu hỏi của Tâm động tới vết thương còn nhức buốt trong lòng Thụ. Chàng lác đầu:

- Không khổ không sướng, lửng lơ con cá vàng.

Thằng Ông Bầu nhanh nhẩu:

- Con thích có một bồn cá vàng.

Bộ Rầy hí hửng:

- Đúng rồi, cho chị nuôi ké hai con tép suối.

Ông Bầu được thể:

- Thêm ba con ốc hương.

Thụ rầy rà:

- Ba tụi mày đang rầu thú ruột đây, còn đòi này đòi nọ, chán ghê! Tết chứ có phải Giáng Sinh đâu.

Hai đứa nhỏ xụ mặt. Tâm an ủi:

- Từ từ rồi tính. Thôi, Bộ Rầy phụ má dọn bàn ăn.

Nói xong, Tâm xô ghế đứng dậy. Nàng bước tới cạnh Thụ, nghiêng đầu

xuống vai chàng, giọng tấm đường:

- Bữa nay em mệt, anh rửa chén giùm em nhá!

Thụ vỗ nhẹ lên má Tâm, đùa:

- Bà vua cứ đi nghỉ, để tiện nô này lo cho.

Dù nói vậy, nhưng sau khi xua hai con vào phòng học bài, Tâm cũng vào bếp cùng Thụ. Nàng dừng chân vài giây nơi khung cửa. Cảnh người đàn ông xắn tay áo, lom khom cạnh bồn nước rửa chén dấy lên lòng Tâm niềm xúc động rưng rưng. Nàng đâu muốn thế. Không ai muốn thế. "*Không phải tại anh, cũng không phải tại tôi. Tại chàng không dãi nên chúng mình chia tay.*" Tâm cười cợt nghĩ tới một bài hát đối lời, vừa kêu thầm, chàng ơi, gắng chịu đựng thêm một thời gian, thiếp đi làm dành dụm kha khá, sẽ tự lập. Lúc đó anh sẽ là ông vua, còn em xin trở lại vai trò tiện tỳ mãn kiếp.

Tâm tăng hăng khê, tới lấy khăn ướt lau lò điện, bàn bếp. Thụ quay đầu nhìn vợ, miệng cười xệu xạo. Tâm mở lời:

- Em sẽ sắm cái máy rửa chén.

Thụ mát mẻ:

- Đủ rồi, sắm chi cho tốn tiền. Anh là thằng người máy, sai đâu đánh đó, đâu cần gì nữa.

- Người máy không biết hờn mát.

Thụ bật cười:

- Người máy này có con tim chân chính, không bao giờ biết đến nói dối.

Tâm dừng tay, nói như trách:

- Lâu rồi anh không hát cho em nghe.

- Khổ như vậy, lòng dạ nào mà hát với hò. Em biết không, người Nhật có loại hát tuồng chỉ toàn đàn ông đóng.

Tâm chặc lưỡi:

- Em biết anh muốn nói gì rồi.

- Không, tuồng này mới. Anh là Chúc Anh Đài giả trai bấy lâu nay, tại em không để ý đó thôi.

Tâm chạy lại bầu vào mông Thụ:

- Chúc Anh Đài gì... ghê thấy mồ.

Thụ xoay người, tì lưng vào thành bồn, dang rộng hai cánh tay. Nước nhỏ giọt xuống sàn bếp. Thụ hát hăm:

- Không tịn thì khảm đi!

Tâm khúc kha khúc khích, rúc đầu vào ngực Thụ. Hai tay nàng lần la

điểm huyết chông. Thụ gồng mình nín cười:

- Đã bảo anh là người máy Chúc Anh Đài mà. Thấy chưa, có cục cựa gì đâu.

Tâm thầm thì:

- Còn một huyết chưa điểm.

Thụ đùa dai:

- Muốn điểm, tốn tiền à!

Tâm kêu hoảng:

- A, giờ còn bày đặt nói chuyện tiền bạc với tôi.

- Đối với anh bây giờ, tiền trao cháo múc.

- Cho anh húp cháo luôn. Nói vậy chứ... bao nhiêu?

Thụ ngáp ngừng ra giá:

- Không nói thách, miễn trả giá...

Đằng này nghĩ lại, không lấy tiền, nhưng đằng ấy phải rửa chén, hút bụi, lau nhà một tuần.

- Ai thêm.

Thụ thẳng thừng:

- Không thêm thì đóng cửa huyết, cho nhện giăng bõ ghét.

Tâm đâm "bịch, bịch" lên ngực Thụ:

- Cho khoá lại, ném chìa khoá xuống sông luôn! Lúc đó tàn đời, đừng trách ai ở ác!

Thụ khép vòng tay, mềm giọng:

- Em không tiếc công "xúc tép nuôi cò" sao?

Tâm ứ ừ:

- Con cò này bí hiểm, khó hiểu quá trời.

Thụ dúm mặt vào tóc Tâm:

- Anh là con cò tinh, tu luyện lâu năm thành người, lại là một người giàu tình cảm. Có bao nhiêu tình, anh cho em hết. *Đình bao nhiêu ngói, anh thương mình bấy nhiêu.* Chỉ tội, phận anh long đong, nên không có tiền...

Tâm gơ tay che miệng Thụ:

- Đừng nhắc chuyện tiền bạc.

Một gợn sóng con trào lên lòng Thụ. Chàng ướm mắt băng khuâng. Tối bao giờ đời sống gia đình chàng không còn bị vấn đề tài chính chi phối?

Thụ đổi thế đứng, tiếp tục vật lộn với chông chén đĩa dơ. Tâm xúm xít thêm một lát rồi bỏ đi, không quên cạ vào lưng chông một cái. Thụ dịu

dàng:

- Em vào ngủ trước. Xong, anh vào ngay.

Nhưng sau khi xong việc, Thụ không vào ngay mà tạt ngang phòng ngủ Bọ Rầy, thăm chừng. Phòng tối im. Ánh chường con đã ngủ say, Thụ quay lưng định bỏ đi thì nghe tiếng gọi khẽ:

- Ba.

Rồi đốm đèn loé lên sau lưng chàng. Thụ xoay người, thấy Bọ Rầy đã thức dậy, ngồi tựa lưng vào thành giường, mặt tỉnh rụi. Thụ sà đến bên con, ôm vào lòng, hỏi tới tấp:

- Chuyện gì vậy? Không ngủ được sao? Thấy ác mộng à?

Bọ Rầy nũng nịu:

- Nghe ba kể chuyện, con mới ngủ được.

Thụ hôn đồn dập lên má con:

- Con muốn nghe chuyện gì?

- Ngưu Lang Chúc Nữ và cây cầu qua đên.

- Chuyện cũ xì, buồn thấy mồ, cứ đòi nghe hoài. Để ba kể chuyện mới cho nghe!

Bọ Rầy lắc đầu nguây nguẩy:

- Không, không, con chỉ thích chuyện mấy con quạ.

Thụ vuốt tóc con:

- Ưa nghe mấy chuyện sâu thẳm, sau này khổ thân, biết không?

Hai mắt Bọ Rầy mở to ngơ ngác:

- Tại sao vậy ba?

Thụ dịu giọng giải thích, quên mất Bọ Rầy còn là đứa trẻ con:

- Vì con sẽ trở thành đàn bà giống như má. Nếu con đa sầu đa cảm, sẽ dễ bị lụy vì những chuyện không ra gì.

Bọ Rầy cương quyết:

- Không biết.

Thụ cười hiền. Chợt lòng chàng dấy lên một cảm tính kỳ lạ. Tình thương chàng dành cho con trải rộng mềm mại như dải nắng. Quê hương chàng, miền đất đầy nắng. Quê hương con là nơi cuối năm tuyết ngập mênh mang. Cả hai đều là những mảnh vá trên tấm áo khổng lồ là nhân gian. Làm sao Thụ giải thích cho con hiểu thấu điều chàng suy nghĩ. Mà cần gì... Thụ lăm bầm, rồi bắt giọng:

- Thuở xưa, trên thiên đình có chàng chăn trâu tên Ngưu Lang...

*

* *

Thụ tỉnh giấc, nhồm đầu nhìn đồng hồ. Đã hơn chín giờ. Thụ giật bắn người, hất chân, quay sang thì không thấy vợ đâu. Chàng lật đật nhảy xuống giường, chạy ra kéo xoạt màn cửa. Nắng tràn vào phơi phới. Nắng tưới lên lớp tuyết phủ trên mái nhà và vườn cỏ bên ngoài, tạo nên cảm giác yêu đời vô biên. Thụ sững người trước cảnh thiên nhiên tuyệt vời. Bất chợt chàng nhận ra chân lý. Đời sống tươi đẹp như vậy, có sao chàng cứ quất quay đau khổ vì những nguyên do không đâu. Thụ tì tay lên bệ cửa. Tay chàng chạm phải một vật thể bọc giấy hoa, thất nơ đỏ. Thụ tần ngần cầm lá thư hồng ghi mấy hàng "Gửi anh" và "Thương tặng ba" bằng ba nét chữ khác nhau. Tim Thụ bồi hồi. Chàng run tay mở thư, lấy ra tấm thiệp chúc Tết vẽ hình cảnh mai treo phong pháo nổ và dòng chữ "Cung chúc tân xuân". Chưa chi mà nước mắt Thụ đã đọng đầy khoé. Chàng mở thiệp, nhắm đọc:

- Năm mới, em thương chúc anh vạn sự lành và tâm an tịnh. Trước thêm năm mới, Bọ Rầy và Ong Bâu mừng tuổi ba, thương gửi tới ba món quà đầu năm, chúc ba vui vẻ và khoẻ mạnh trọn năm. Riêng Ong Bâu ước có được cái bồn cá, còn Bọ Rầy một đôi giày mới.

Thụ nhoèn cười, nhớ ra hôm nay là ngày đầu năm. Chàng tháo nơ, bóc giấy. Một cái máy cạo râu. Hai dòng lệ ấm lăn chậm xuống má Thụ. Chàng mếu máo cười, gơ tay chùi nước mắt, hạ quyết tâm sẽ không để cái xúc cảm nữ tính này tác yêu tác quái nữa. Chàng sẽ không cần cái thùng rác Phương Đông kia. Chàng sẽ kể cho Bọ Rầy nghe tiếp huyền thoại *Ngưu Lang, Chúc Nữ*, có thêm đoạn bày quạ ô vì cảm thương cặp vợ chồng ham chơi biếng làm kia, nên sau khi nối cầu tái ngộ, chúng rủ nhau bay đi hết trời. Kể từ đó, không còn cầu ô thước, bất kỳ tháng giêng hay tháng bảy.

Gặp Gỡ Cuối Năm

Đông Nghi

Tôi bước ra khỏi Metro. Buổi chiều cuối năm đột ngột tối sầm. Gió thổi ào qua cánh cửa kính nặng nề thốc xuống những bậc thang cần gạch màu xám. Hai người đàn bà co ro trong chiếc áo lông bước vội vã qua khung cửa soát vé. Tiếng nói ngày ngật khói thuốc lá, mệt mề những nỗi giá lạnh cô đơn.

- See you.

- Take care! Bye!

Đang sau, bên trong phòng vé, ông già ngồi lừ đừ đưa cặp mắt nhìn những tấm vé màu xanh đậm rơi lặng lẽ trong hộc. Ông ngồi bất động như một bức tượng trăm năm, ngắm dòng đời xuôi ngược trước mắt những tháng năm lữ lượt đi về, những bóng người lao xao qua lại cái nhịp đời u mê hỗn độn.

Tôi quán lại khăn choàng cổ, ngược mắt tìm tấm bảng tên đường. Plamondon. Quẹo bên phải. Đi khoảng 50 thước. Căn nhà ở ngay góc đường, màu trắng nhờ nhờ trong bóng tối của buổi chiều mùa đông. Ánh sáng ảm cúng sau khung cửa và tiếng chuông reo kính coong vọng vào bên trong. Người chủ nhà mở cửa. Tú. Gương mặt tròn, hồng hào. Cặp mắt đen to, lấp lánh hân hoan. Cái răng khểnh lấp ló ở một bờ môi. Nụ cười xởi lởi, giọng miền Nam dẻo nhẹ.

- A, chào anh. Vô đi anh.

Cánh cửa khép lại sau lưng. Bàn tay siết chặt nỗi vui mừng.



- Anh móc áo choàng, khăn nón ở đây rồi tụi mình lên phòng trên.

Người đàn bà quay đi trước. Tôi nghe bàn tay mình còn ấm một mùi hương, và mấy ngón tay như còn tiếc nuối cái siết chặt nồng nàn.

Căn phòng rộng. Chùm đèn lồng lánh những ánh pha lê. Bàn ăn bày biện tươm tất. Người đàn ông ngồi một mình. Trước mặt là cốc rượu chất đỏ. Khuôn mặt bé loát choát. Nước da màu bánh mật hân những nếp nhăn hai bên khóe mắt. Cái miệng nhỏ hình trái ấu, nhếch lên ở hai bên một nụ cười nửa như chế giễu nửa như khinh bạc. Đôi mắt ngó xéo.

Tôi bước vào phòng. Người đàn bà xòe bàn tay nhỏ hồng hào, vui vẻ nói :

- Anh Hà, đang học tiến sĩ về Computer. Còn đây là anh Phố, bạn em.

Tôi đưa tay ra. Người đàn ông đứng dậy.

- Chào anh. Tôi có nghe anh Đức nói về anh.

- Vâng, chào anh. Hình như tôi có gặp anh ở đâu rồi thì phải?

Tôi ngồi xuống ghế. Cái cốc pha lê đặt trước mặt. Gương mặt tròn, hồng hào cúi xuống.

- Anh uống rượu chất nha.

Tôi nhìn vào mắt người đàn bà. Mi mắt chớp bối rối. Bàn tay lỏng công nghiêng cái chai cổ cao. Đôi môi hé cái răng khểnh. Tôi nhớ có lần đã ngậm đôi môi đó và mê đi. Thôi anh. Tỉnh dậy đi. Anh Phố. Anh Phố. Tôi

mở mắt ra.

Người đàn ông ngồi bên kia bàn cười cười.

- Vàng, chúng ta gặp nhau ở Cộng Đồng. Hôm bầu cử.

- Ờ, ờ, đúng rồi. Hôm đó anh mặc veston, cà vạt nên trông khác hẳn đi.

Người đàn bà đặt mấy đĩa đồ ăn xuống bàn.

- Các anh ăn tạm mấy món này nhé. Còn chờ một vài người nữa. Đón giao thừa mà.

Người đàn ông cười khẽ.

- Giao thừa... Máy giờ ông Trembley về hờ bà?

- Anh yên chí. Ông ấy sẽ về trước 12 giờ. Ông nhắn lời xin lỗi các anh. Đúng ra ông phải có mặt từ đầu, nhưng có một cái hẹn bất ngờ nên ông phải đi.

Tôi khoát tay.

- Không sao đâu. Chúng tôi ngồi nói chuyện với nhau. Ngoài ra còn có bà chủ...

Người đàn bà dịu dàng.

- Em thì biết gì... Công việc của các anh.

Người đàn bà đi khuất sau khung cửa.

Người đàn ông quay lại. Cái miệng hình trái bầu thu nhỏ trong đôi môi mím. Tiếng nói chui ra từ hai hàm răng khít rít.

- Nào mời anh. Tiễn một năm cũ. Tôi đưa cốc rượu lên.

- Mời anh. Nhưng chưa đón năm mới được đâu. Bây giờ mới 11 giờ. Còn những ai nữa anh?

- Tôi cũng không rõ. Nhưng chắc tất cả là khách của ông Trembley hay là bạn của bà chủ.

Ngụm rượu nhấp cay đầu lưỡi, đắng ở kẽ răng, và ngọt lịm trong cổ họng. Hơi nóng bốc lên đầu. Bạn của bà chủ. Tú gục đầu vào vai tôi khóc. Những tiếng nấc tức tưởi cam chịu. Anh đừng giận em, đừng oán em. Không được là vợ chồng chúng ta hãy còn là bạn. Anh đâu có oán giận gì em. Em biết anh yêu em nhiều lắm, nhưng chúng ta phải tự cứu thôi. Anh không làm gì cho tương lai của em được. Ở trại tị nạn này, số phận chúng ta được quyết định bởi những kẻ xa

lạ mà lòng nhân đạo chỉ căn cứ vào lý lịch hồ sơ.

Hồi đó tôi mới vừa bị phái đoàn Mỹ từ chối. Không quân nhân công chức, không nhân viên sở Mỹ, tôi chẳng có nợ nần ơn nghĩa gì với người Mỹ. Họ không có trách nhiệm phải cứu mang tôi. Cũng đúng thôi. Người trưởng phái đoàn Mỹ từ tốn nói. Ông có thể làm đơn khiếu nại nếu có thêm hồ sơ nào khác. Chẳng hạn như thành tích tham gia tổ chức chống Cộng, hay án tù vì những âm mưu lật đổ. Chúng tôi sẽ xét lại. Tôi cười nhạt. Cảm ơn ông. Và nói thầm. Những điều tôi làm không phải để được sự chiếu cố, thương hại của người ngoại quốc.

Tôi trở về bệnh viện. Tú ngồi chờ tôi trong phòng. Ánh mắt dò hỏi, hy vọng, lo âu. Tôi lắc đầu. Mỹ xù anh rồi. Tú cười gượng gạo cố nín kéo một hy vọng mong manh. Anh đùa em. Không, anh nói thật. Phái đoàn Mỹ đã từ chối nhận anh. Tú ngồi chết sững trên ghế. Những giọt nước mắt lăn lạng lẽ trên hai gò má xanh xao. Tôi quì trước mặt Tú, hai tay nâng gương mặt nàng lên. Đừng khóc, anh không chịu được những giọt nước mắt. Mình sẽ tìm cách khác. Tú lắc đầu, giọng buồn rầu. Chẳng còn có cách nào khác. Mấy tháng nữa trại tị nạn sẽ đóng cửa. Chúng ta có thể bị trả về Việt Nam. Anh, em sợ... Tiếng nói run rẩy. Hơi thở nóng một bên tai. Anh, em sợ... Người con gái ôm chầm lấy tôi. Đừng sợ, Tú. Đừng sợ nữa. Tất cả đã qua rồi. Em thấy đó. Chúng ta đang ở ngưỡng cửa của tự do và lòng nhân đạo. Rồi mọi việc sẽ tốt đẹp thôi. Quên đi. Quên hết đi Tú. Ừ, em sẽ cố...

Chiếc tàu ọp ẹp bị đục nghiêng sang một bên. Những thân người nhấp nhô, cuống cuồng trên mặt nước. Những ánh mắt kinh hãi nhìn cái chày gỗ đập xuống đầu trước mặt. Cái quấy đập trốn tránh vô vọng. Máu đỏ ngầu bọt sóng và tiếng la hét mọi rợ lòng lộng một góc trời đỏ ối chiều hôm. Bóng tối phủ chụp xuống khi chiếc tàu chìm lịm mất tăm. Bóng tối cũng phủ chụp xuống cuộc đời 8

người con gái trần truồng bị lừa qua tàu Thái. Những đêm man rợ inh ỏi tiếng cười rú thú vật. Những gương mặt nâu bóng mồ hôi xồm xoàm râu ria quỉ dữ. Nổi đau xé thịt ban da những vồ vập cưỡng bức đâm đĩa tiếng gào thét tuyệt vọng, bàn bật vết rách chưa lành bật máu nhầy nhụa dưới móng. Những bàn tay lông lá tằm lợm, những hàm răng vàng ệch hôi thối nắn bóp, ngấu nghiến cái bầu vú non tơ tê điếng. Những thương tổn thể xác và những chấn động tâm hồn ám ảnh dằng dặc về sau. Cho đến khi được cứu thoát đem về đảo, những người con gái gầy rộc tang thương vẫn còn hãi hùng ác mộng. Tú là một trong những người chấn thương nặng nhất vì nàng đẹp nhất bọn. Khi tàu Cảnh sát Mã Lai cập bến Jetty, Tú còn nằm mê man trên cang khiêng vào bệnh viện. Và ở đó tôi đã gặp Tú. Một tháng dài tận tụy săn sóc. Những ngày những đêm gần gũi, an ủi chuyện trò. Những giấc mơ hoảng loạn kéo nàng vào vòng tay tôi bầu vịu chở che. Anh, em sợ... Trong cơn tuyệt vọng Tú đã bám vào cái phao tôi để nổi lên trên mặt sóng quạnh hiu. Còn tôi, thương cái đau của Tú, cảm cái tro troi của mình, tôi cũng đã ngã vào cuộc tình tội nghiệp long đong. Sau khi anh được Mỹ nhận, chúng ta sẽ xin Cao ủy cho ghép "blue card" để em cùng đi với anh. Tú cười sung sướng. Gương mặt vẫn còn xanh xao nhưng ánh mắt lấp lánh một hạnh phúc. Anh tốt với em quá. Phở. Em tưởng đời em đã bỏ đi, đã tàn lụi. Chính anh thấp cho em một ngọn lửa....

Bây giờ ngọn lửa đã lụi tàn. Tôi bị Mỹ xù và hy vọng để hai đứa cùng sang Mỹ cũng tan vỡ. Đầu năm 1989, những nguồn tin đóng cửa trại tị nạn, bắt đầu chương trình thanh lọc, và trao trả người tị nạn về Việt nam đã xôn xao trong trại. Những gương mặt thất thần, những mắt nhìn hoảng hốt. Địa ngục đã từ bỏ trong đường tơ kẽ tóc của cái sống cái chết đang lấp ló ở một đầu mút tương lai. Những kẻ đã tố hết vốn đời trên chiếu bạc, cay cú nguyên rủa Liên Hiệp Quốc,

nguyên rủa Mỹ đã phản bội quay lưng. Những kẻ khác âm thầm tìm kiếm những lối thoát quanh co khuất lấp. Còn Tú, một người bạn ở Canada đã tìm được cho Tú người bảo lãnh. Một ông chồng thì đúng hơn. "Tây người ta rất độ lượng bao dung. Mi đừng ngại ngần cái vụ hải tặc. Ông Trembley là bạn làm chung sở với chồng tao. Vui vẻ, giàu có, rất mê đàn bà, con gái Việt và rất chung thủy. Mi xem, vợ chết đã mười mấy năm mà chưa chịu tục huyền. Chắc ông ấy chờ mi đó. Chỉ có điều ông ta hơi già một tí. Nhưng có sao đâu, như thế mi càng được yêu, được chiều chuộng nhiều hơn. Đúng không?"

Ban đầu Tú ngần ngừ, nhưng sau cùng buông xuôi chấp thuận. Hồ sơ giấy tờ qua lại mấy tháng thì phải đoàn Canada vào phỏng vấn. Tú được sắp xếp cho đi chuyến bay sớm nhất vì có sự can thiệp của bạn ông Trembley đang làm ở Cao Ủy.

Đêm trước ngày lên đường, Tú vào bệnh viện tìm tôi. Mấy tháng nay tôi từ chối không gặp Tú. Không phải tôi oán giận gì nàng, mà chính là để

ngọn lửa trong lòng nàng tàn lụi hẳn đi. Để ra đi không còn những bịn rịn, để bắt đầu một đời mới không có lẫn quẩn những quá khứ dày vò. Phố, anh biết là em yêu anh biết bao nhiêu. Em đâu muốn xa anh. Nhưng... Anh biết chứ. Số phần thôi. Em cứ yên tâm đi. Đời em còn dài. Hãy quên để mà sống. Nhưng em không thể quên anh. Phố, nếu không được là vợ chồng, chúng ta hãy là những người bạn. Hứa với em. Viết thư cho em nghe Phố. Tôi gật đầu, lòng nghe bồi hồi thương Tú. Mấy tháng nay tôi đã cố quên nàng, đến với những người bệnh, lao vào công việc, học hành để quên. Nhưng cũng như Tú, tôi làm sao quên được. Ừ, chúng ta sẽ là những người bạn....

Người đàn ông ho khục khục bên kia bàn. Cái miệng trái ấu mở ra như bị cắn vỡ.

- Cảm rồi. Mùa đông nào tôi cũng bị hành hạ bởi cái dịch cúm này. Quái quái thật.

Tôi cầm cốc rượu chát uống thêm một ngụm rồi gắp lời.

- Anh bỏ bớt thuốc. Và đầu mùa

thử hỏi bác sĩ của anh về việc chủng ngừa xem.

- Tôi cũng định chích ngừa, nhưng bận rộn công việc rồi quên.

Bàn tay khum khum che trước miệng. Tiếng ho tất nghẹn trong cổ họng ẩm ướt. Điều thuốc dụi trong gạt tàn. Một ngọn khói lơ lửng. Tôi nhàn mặt ái ngại.

- Mùa đông ở đây khác nghiệt quá.

Người đàn ông gật đầu.

- Càng ở lâu càng thấy lạnh dữ dội hơn. Có lẽ vì cái nóng nhiệt đới đã tất hằn trong lòng. Đôi khi mình thấy thêm một đêm oi bức của Saigon quá anh.

Tôi nhìn người đàn ông. Gương mặt anh bỗng nhiên như gầy sọp hẳn đi. Cái sấu lử thứ lẳng đặng trong tóc tai rũ rượi buồn phiền. Người đàn ông này có một thời đã sừng lục, nón cối, dép râu. Chễm chệ trên một chiếc xe Jeep Mỹ và tất bật trên những đường phố Saigon ồn ào hỗn loạn những ngày tháng tư 75. Tôi không biết anh ngày đó, chỉ sau này nghe người quen kể lại. Anh là sinh viên trong phong trào Sinh viên Tranh đấu. Rồi được móc nối, rồi gia nhập đảng và bí mật sang nằm vùng trong Liên Minh Dân Tộc Dân Chủ Hòa Bình của Trịnh Đình Thảo. Vào tù mấy lần, ra bưng mấy lượt. Đã cạo đầu làm một nhà sư. Mượn cái lối tu hành để mưu đồ những phản tranh thế tục. Đã từng làm thầy xem tử vi. Đoán già đoán non cái vận mạng may rủi duy tâm cho đủ mọi loại người để che giấu cái hành tung duy vật vô thần. Miền Nam sụp đổ. Anh hiện nguyên hình là một con ngựa thành Troie. Những ngày đầu bộn bề tiếp thu, quản lý, đảng còn cần những người như anh cho một ổn định tình thế bấp bênh. Một năm sau mọi việc đâu vào đấy, cán bộ ở A đã có thể nắm giữ giềng mối trong tay. Thế là bắt đầu những thanh lọc ngầm, những thay thế lạng lẽ. Anh cũng như một số không ăn cánh khác bị quăng đi không chút tiếc thương. Sau một thời gian tranh thủ quấy đạp, sau những cố gắng bưng chãi ngoi lên, anh biết mình đã là cái vỏ chanh

hoa sa-mạc

Sa mạc vườn sau mấy dặm xa
Đất nung từng hạt vỡ trên da
Cây chia hai mảnh đời phiêu bạc
Mấy nụ vàng uơm nắng gọi hoa.

Sa mạc vườn sau chim không về
Mưa xa nghìn dặm mưa sơn khê
Dang tay đứng giữa trời thỉnh-lặng
Nắng nhạt nhòa phai bốn cõi mê.

Sa mạc vườn sau mây giăng ngang
Hơi thu nắng nặng đã hoe vàng
Vì ai hoa lụi tàn trong gió
Thoát đã cảnh trơ thoát đã hoang.

Sa mạc vườn sau không còn hoa
Chờ đông tắm gội cảnh quê nhà
Không mưa không nắng không trời đất
Không còn ai đứng gọi thăm ta!

cung vũ



hết nước. Anh bắt mẫn bỏ đi. Một người khác e dè. Cúi chùng đó cũng là một huyền thoại. Biết đâu ông ta đã được sơn phết lại để là một con ngựa thành Troie khác. Ai biết được. Cộng sản là lắm mưu mô, quỷ quyết. Phải cảnh giác. Tôi cười. Có hề gì. Ở đây là xứ dân chủ mà. Cộng sản, tự do, bảo thủ gì cũng bình đẳng. Miễn là phải chơi đúng luật. Ngoài ra quá khứ là quá khứ. Cái quan trọng là hiện nay anh ta làm gì? Tiếp tục hoạt động, tuyên truyền cho cộng sản hay đã nhận ra sự sai lầm mà thay đổi quay lưng. Và lại ông xem, có những người ngày xưa là tướng tá, là nguyên thủ quốc gia mà bây giờ trơ trẽn cúi đầu, khom lưng phục vụ cho cộng sản thì sao? Đừng nhìn vào quá khứ ông ạ. Nhất là đừng có thành kiến. Nó làm mình hẹp hòi đi, nhỏ mọn ra....

Người đàn ông chợt ngẩng lên.

- A, hôm bầu cử ở Cộng đồng anh đến ủng hộ liên danh nào thế?

- Liên danh một. Có một người là bạn tôi. Anh ấy mời tôi đến tham dự.

Người đàn ông thở ra.

- Anh xem, hôm đó tôi bỏ phiếu bầu cho họ. Thế mà từ khi đắc cử đến nay tôi chẳng biết là họ đã làm gì và sẽ làm gì nữa. Cái cộng đồng của mình... Chính vì vậy mà càng ngày càng xa rời quần chúng. Người Việt ở đây độ 30.000 người. Còn hội viên của cộng đồng thì được bao nhiêu? 300 người không? Tại sao vậy? Tại sao quần chúng không tham dự, không quan tâm đến một cơ cấu đại diện cho mình? Anh nghĩ có phải lỗi ở quần chúng không?

- Khoan nói đến cái quần chúng chung chung. Hãy bàn cụ thể trường hợp của anh trước. Tôi nghĩ tất cả tin tức sinh hoạt, kế hoạch của cộng đồng đều có đăng lên báo. Anh có đọc không?

- Không, họ có gửi cho tôi đâu!

- Thế anh đã đóng niên liễm chưa?

Người đàn ông hồi hã gật đầu. Tiếng nói kéo cao lên một sự quả quyết và bất bình.

- Có chứ. Tôi đóng ngay hôm bầu cử.

- Vâng, thế thì cộng đồng có lỗi

thật. Có thể họ quên hoặc thất lạc địa chỉ của anh. Nhưng tôi nghĩ những người đứng ra cáng đáng cộng đồng không phải vì danh hay vì lợi. Danh lợi gì với cái cộng đồng bé tí xít đó. Họ ra là vì tấm lòng. Muốn làm một cái gì đó cho tập thể. Có thể họ ảo tưởng, nhưng ít ra cũng đáng để tuyên dương. Còn chúng ta trong cương vị hội viên, nếu chỉ chờ họ biết đến thì cũng hơi thiếu sót. Nếu họ không gửi báo đến tận nhà cho anh thì anh có thể lấy ở các tiệm buôn, ở nhà thờ, ở trụ sở... Ngoài ra còn có truyền thanh, truyền hình. Anh có xem không?

Người đàn ông lắc đầu:

- Không, tôi đâu biết chương trình ở đài nào, mấy giờ...

- Anh có thể biết điều đó qua báo cộng đồng. Anh xem, một người như anh mà còn như thế thì quần chúng ít học làm sao biết và hiểu về cộng đồng. Không biết, không hiểu thì dĩ nhiên là họ không thể tham gia, góp phần. Ngoài ra đúng là còn có một tâm trạng thờ ơ. Bởi vì cộng đồng không đem lại ích lợi thiết thực gì cho họ cả. Từ bỏ một đất nước nghèo đói, lạc hậu và kèm kẹp, đến đây họ có đủ thứ. Tự do, sung túc và ấm no. Họ lao vào công việc, lo làm lo ăn, lo sắm sửa tiện nghi, mua xe, tậu nhà... Chỉ khi nào gặp rắc rối với những thủ tục hành chính, với ngôn ngữ lạ lẫm, họ mới nghĩ đến việc tìm một chỗ giúp họ giải quyết chuyện riêng. Khi họ đến với cộng đồng thì... rất tiếc cộng đồng cũng không thể giúp họ nhiều hơn. Vì vậy mà họ thờ ơ... Những chuyện đấu tranh, những lần hội thảo, biểu tình, tranh đấu cho một mục tiêu trừu tượng, vì đất nước đã ở quá xa bên kia bờ đại dương nên chỉ tập hợp được loe hoe vài chục người. Mà toàn là những khuôn mặt quen thuộc, đã cùng với nhau tranh đấu trong bao nhiêu năm. Thỉnh thoảng cũng có những người mới, những người trẻ. Nhưng họ đến rồi đi, hoặc vì bất đồng ý kiến, hoặc vì thương ghét cá nhân. Còn quần chúng thì...

- Theo anh quần chúng đang chờ đợi cái gì?

- Chẳng chờ gì hết. Họ đi làm, họ

ăn ngủ, đánh bài, coi ti vi, phim bộ... họ sống cuộc sống cá nhân họ và gia đình.

- Không, họ đang chờ đấy chứ.

- Chờ gì?

- Ở đây thì họ chờ Nữ hoàng, còn bên Mỹ thì họ chờ ông Washington. Nụ cười gượng. Tiếng cười tắt trong cổ họng.

- Anh bi quan. Lỗi không phải ở họ. Lỗi ở chúng ta. Chúng ta chưa tạo ra được một niềm tin cũng như chưa đem đến cho họ những điều thiết thực.

- Có một thời quần chúng đã tin. Và bây giờ niềm tin đó mất rồi. Đó là cái tội rất lớn. Hiện nay đa số không còn muốn bị quấy rầy vì những khẩu hiệu đao to búa lớn, vì những lạc quyền đóng góp nữa. Họ lạnh nhạt, thờ ơ....

Tiếng chuông cửa reo kính coong. Tiếng người đàn bà xới lời.

- Chào thầy. Mời thầy vào... Vâng các anh ấy đang ngồi trong phòng.

Tiếng một người đàn ông thì thầm như sợ phá vỡ cái im lặng của căn nhà sáng choang đèn nến. Người đàn bà cười khẽ rồi vui vẻ nói.

- Thầy mang quà biếu làm gì... Có tiệc tùng gì đâu, chỉ là họp mặt của những người quen thôi. Vâng, ông ấy sẽ về trước 12 giờ.... Mời thầy vào phòng.

Người đàn ông đứng tuổi xuất hiện trong khung cửa. Tôi ngạc nhiên, không ngờ gặp ông ở đây. Tình cờ hay sắp xếp? Như tập họp của những người đã từng mang tiếng là ở phía bên kia. Hồi còn mồ ma VNCH, ông là giáo sư đại học văn khoa, nổi danh là một trí thức cấp tiến, thiên tả. Những quyển *Quan điểm*, những tạp chí *Dấn thân* đưa tên tuổi ông trở thành quen thuộc với những sinh viên trẻ người non dạ, nuôi hoài bão chuyển xoay thời thế. Tôi đã đưa rất nhiều anh đến với Cách Mạng, vào trong bụng, và trở thành đảng viên cộng sản. Ông thú nhận như thế. Thời đó chỉ có tôi mới dám viết và phổ biến những tài liệu cấm mà tôi nhận được từ một người quen ở miền Bắc. Mình

cũng ngày thơ cậu a. Cứ tưởng đó chỉ là liên hệ cá nhân, đâu ngờ người quen đó đã trình lên lãnh đạo và chính Ban Tuyên Huấn Trung Ương ra lệnh cung cấp những tài liệu đó cho tôi để biến tôi thành một thần tượng của giới trẻ, nêu cao ngọn đuốc soi đường cho thanh niên, sinh viên bước vào mê lộ Mác Lê. Khi họ súng ngắn súng dài vào Saigon tháng tư 75 mới biết là tôi không nằm trong đường dây nào cả. Đối với tôi, những điều tôi viết là lương tri của một khai phá tự phát, còn đối với Cộng sản, Đảng không quan niệm nổi một anh trí thức trần trụi có thể tồn tại với những đối kháng công khai như tôi trong chế độ cũ. Họ qui chụp một cách đơn giản: tôi chỉ có thể là CIA đã được sơn phết để cài lại nằm vùng. Và họ cô lập tôi. Lâu dần họ mới thấy họ lầm. Nhưng dù tôi không phải đi học tập, vẫn được tới lui với các anh em Khoa học, Xã hội, Nhân văn, họ vẫn không sử dụng tôi vào việc gì hết. Không dạy, không nghiên cứu, không công tác... Tôi có đó mà như không, đứng trong cuộc mà xa lạ bên lề những bon chen chụp giựt, những tranh chấp, thanh trừng. Đảng muốn cho mọi người quên tôi đi, và tôi thực sự đã là dĩ vãng. Thần tượng một thời nào bây giờ lơ lửng trôi chuyên. Sống như một nhân chứng rụt rè giữa bốn bề bủa vây nghi kỵ. Những đảng viên hằn hoi mà hoạt động thành, nằm vùng dài hạn, chung cuộc còn bị ngờ vực hướng hồ gì tôi, một kẻ ngoại đạo lấp lửng... Tuy nhiên tôi vẫn gắng sống trung thực với lòng mình. Tôi đọc, tôi nghiên cứu, tôi viết cho tôi. Những dòng chữ viết ra không còn là tạc đạn nổ tung những sôi nổi thanh niên mà đã là những lặng thầm của xét nét, nhìn lại. Tôi nhìn tôi, tôi nhìn họ, những người cộng sản đang múa may quay cuồng trong biển dâu lịch sử, làm một cuộc đổi đời hệt hẳng đầy cả dân tộc tới bờ vực đói nghèo. Cho tới ngày tôi được bảo lãnh sang đây, đoàn tụ gia đình với con cái. Vậy mà có người cho là tôi đi cổ *mission*...

Ông giáo sư cười nhẹ nhàng, đưa mấy xấp giấy photocopy cho tôi:

- Cậu cầm lấy về đọc. Nhưng đừng phổ biến ra ngoài.

Tôi ngạc nhiên:

- Tại sao vậy? Tại sao thầy viết rồi lại không muốn cho mọi người xem?

Ông giáo sư trầm ngâm, nói chậm rãi:

- Những điều tôi viết là những ưu tư, những cay đắng, những kinh nghiệm. Tôi chỉ muốn cho một số ít người tôi nghĩ là có thể hiểu được tôi và cảm thông với tôi đọc mà thôi. Tôi không muốn mọi người reo lên mừng rỡ. Đấy đấy ngày xưa ông ta thân cộng là thế, bây giờ thấy cộng sản sắp sửa tan rã, ông ta trở mặt. Không, chỉ khi nào tất cả đã lắng xuống, đã ổn định tôi mới in ra...

Tôi bứt rứt thắc mắc:

- Để làm gì thầy? Lúc đó có còn ai muốn đọc thầy nữa đâu? Lúc đó có còn ích lợi gì nữa đâu? Hay thầy đợi cho đến khi CSVN sụp đổ, không còn khả năng khống chế thầy mới dám cho phổ biến?

Ông giáo sư hơi đỏ mặt. Ông chống chế.

- Không, không phải thế. Không phải tôi sợ. Tôi chỉ muốn trong lúc này, đứng trên tất cả mọi phe phái, mọi ảnh hưởng, nhận định một cách tỉnh táo.

Tôi lắc đầu:

- Thầy xử sự như thế nên một số anh em ngoài này nghi kỵ thầy. Quá khứ thân Cộng. Mười mấy năm cộng tác với Cộng sản. Một nửa nước điều đứng tang thương trong khi thầy dù sống nghèo vẫn được ung dung, ít ra là yên thân ngồi nghiên cứu văn học. Bây giờ sang đây, người ta nhìn thầy để chờ đợi một thái độ bày tỏ. Cộng sản đúng hay sai? Những tiếp tay trong quá khứ của Thầy vô tình hay cố ý? Đã có những sám hối như Chân Tín hay đã nửa đời nhìn lại như Tiêu Dao? Thầy im lặng. Thầy muốn đứng trên, nhưng thật ra Thầy đang đứng ngoài, đứng sau tất cả. Điều đó có thể tốt cho thầy, nhưng không ích lợi cho ai cả.

Ông giáo sư nhú mày. Ánh mắt đắm chiều những trần trụi:

- Tôi không muốn ra đến bên

ngoài mới tuyên bố phản kháng, cấp tiến này nọ, trong khi ở bên nhà thì im thin thít. Như Trần Quốc Vương chẳng hạn. Tôi muốn giữ cái liêm sỉ.

Tôi cười:

- Tôi không đồng ý với thầy. Đúng là ở trong nước Trần Quốc Vương không có tiếng tăm gì cả. Và khi sang Mỹ ông mới viết một ít bày tỏ sự suy nghĩ về cái đúng cái sai mà ông đã nhận ra. Nhưng ông biết chắc một điều là ông còn trở về. Cái can đảm là ở chỗ đó. Chấp nhận những tai họa chờ mình trong nước. Kết quả như thế nào thầy cũng biết rồi. Còn thầy? Ngay ở trong nước thầy cũng chẳng có những hoạt động gì ngoài việc nghiên cứu văn học. Thầy bảo có viết một số bài phê phán chủ nghĩa cộng sản và có đưa anh em xem trong vòng thân hữu. Tiếc là Thầy đã không dám đưa ra công khai... Tuy nhiên đó là quá khứ. Cũng như cái quá khứ thiên tả, thân cộng của thầy trước năm 75. Ôn cố tri tân thì được, nhưng bước mót quá khứ để triệt hạ lẫn nhau thì không nên. Thầy đã sang đây. Đất nước của dân chủ, tự do. Không ai bắt ép thầy đi, cũng không ai trục xuất thầy về. Ở hay đi là do thầy chọn lựa. Đoàn tụ chỉ là một danh nghĩa để người ta có thể sống ở chỗ mà người ta muốn. Ấy vậy mà thầy vẫn chưa dám công bố những điều thầy nghĩ về cộng sản. Liêm sỉ? Có gì mất liêm sỉ khi người ta thoát khỏi sự kềm kẹp của cường quyền, sự bịt miệng của bạo lực để nói lên chân lý mà người ta tin tưởng. Đòi họ giữ liêm sỉ bằng cách nhảy vào lửa ở trong nước là một điều quá đáng và cũng chẳng khôn ngoan gì. Miễn là khi phát biểu, họ bày tỏ trung thực lòng mình. Không phải vì danh cũng không vì lợi. Đơn giản là làm bổn phận của một trí thức. Khi có điều kiện thì chỉ ra cho mọi người thấy sự thực và tích cực chống lại cái ác. Dĩ nhiên, những người trực diện đấu tranh trong nước thì đáng cảm phục biết bao nhưng đâu phải ai cũng làm được như thế, và đâu phải lúc nào cũng cần làm như thế.

Người đàn bà bước vào phòng đứng cạnh ông giáo sư. Đưa mắt nhìn

tôi và người đàn ông đang quay mặt ra, người đàn bà mỉm cười, giọng miền Nam cổ ra vẻ trịnh trọng:

- Chắc các anh biết rồi. Đây là giáo sư Ngô văn Long.

Những cốc rượu chất đỏ sẫm sánh. Người đàn bà ngồi ở đầu bàn.

- Nào mời quý vị. Quý vị cứ uống trong khi chờ ông Trembley.

Đặt cốc rượu xuống bàn, người đàn bà chậm rãi.

- Ông Trembley muốn gặp quý vị để tham khảo ý kiến. Công ty ông ấy mới vừa trúng thầu xây cất vài công trình ở Việt Nam. Ông muốn biết tình hình ở bên kia cũng như lập trường của cộng đồng người Việt bên này. Ông ấy yêu đất nước Việt Nam, quý chúng ta, nên không muốn làm thương tổn một ai hết. Dĩ nhiên business là business, nhưng bởi vì ông ấy có tôi, nên ông ngại một sai lầm....

Những gương mặt trầm ngâm. Đôi môi mỉm cười. Tiếng người đàn ông phá vỡ sự im lặng khi anh quay sang ông giáo sư.

- Thưa giáo sư, giáo sư ở bên nhà mới sang chắc giáo sư biết rõ tình hình như thế nào....

Ông giáo sư ngáp ngừng.

- Chụp giựt, hỗn loạn. Cái mặt nổi lên ào phồn vinh không che giấu được những tang thương đối rách của đa số dân nghèo. Sự cách biệt giữa giai cấp làm bạc nhiều quyền và bọn lê lét cùng đinh càng cao vợi vợi cái chông chênh của một xã hội đang tan rã. Làm ăn chụp giựt thì được, còn lâu dài thì không.

Người đàn ông đưa tay chống cằm, ánh mắt tư lự.

- Những người ngoại quốc đến Việt Nam thăm dò đầu tư, khi trở về đều chán nản. Những giấy tờ lệ thế, những đòi hỏi phi lý, những bắt chẹt bất ngờ. Tiệc tùng, hối lộ nhan nhản. Họ bối rối không biết phải đi con đường nào để hoàn tất thủ tục. Có lúc tưởng gặp đúng người ai dè chỉ là một bù nhìn không có quyền quyết định gì cả. Cái công khai lộ diện chỉ là hình thức, nếu không biết bắt đúng

mạch thì thời giờ, tiền bạc bỏ ra chỉ là công cốc.

Ông giáo sư gật gù.

- Vấn đề là guồng máy. Tôi lấy làm lạ là người Mỹ có nhiều công trình nghiên cứu về đảng CS Liên Xô, đảng CS Trung quốc, mà chẳng có một tài liệu nào về cơ cấu đảng CS Việt Nam cả. Có lẽ họ có nghiên cứu, nhưng họ giữ kín để lợi dụng.

Tôi đồng ý:

- Hiểu rõ guồng máy thì mới có thể đối phó với CS. Ông Giám đốc, ông Chủ tịch, ông Trưởng ban về mặt chính quyền thì là thủ trưởng, nhưng về mặt Đảng lại phải chấp hành lệnh của ông Bí thư, đôi khi chỉ là một anh quần áo xuề xòa, giữ một chức vụ vô vắn... Cái công khai chỉ là cái giả, cái thứ yếu. Quan trọng là những anh giấu mặt nhưng thực sự lãnh đạo.

Ông giáo sư góp lời:

- Đứng ra cái guồng máy của họ bây giờ cũng xộc xệch lắm rồi, chỉ còn gắn với nhau vì nhu cầu sống còn, bảo vệ quyền lợi. Sau khi ông Hồ chết, sau khi Lê Đức Thọ qua đời, những người kế thừa chợt thấy cá mè một lứa, không ai đủ uy tín để gom về một mối. Và thế là mạnh ai nấy tranh thủ kéo bè kết cánh, gây uy tín cá nhân phe phái, thỏa thuận chia chác ảnh hưởng để làm giàu. Họ nói gì thì nói, trong thâm tâm họ cũng biết chủ nghĩa Cộng sản đã chết. Chế độ chỉ còn là một thầy ma, mà con cháu xúm lại khóc than để thu nhặt tiền phúng điếu.

Người đàn ông thắc mắc:

- Giáo sư có nghĩ là Việt Nam đang cần sự cộng tác của hải ngoại không?

Ông giáo sư cười. Những ngón tay gõ nhịp trên mặt bàn. Ông chồm người ra phía trước, nhìn thẳng vào mặt người đàn ông, hỏi chậm rãi.

- Anh nghĩ thế nào?

Người đàn ông không trả lời thẳng. Anh nói một cách e dè:

- Năm vừa qua, trong giới khoa học kỹ thuật chúng tôi có tổ chức một *Forum*. Chỉ thảo luận về một câu hỏi: Có nên cộng tác với giới khoa học kỹ thuật Việt Nam hiện nay không?

Cuộc thảo luận kéo dài 6 tháng. Có những người dứt khoát từ chối. Không muốn nghe, không muốn bàn, không muốn đề cập gì đến Việt Nam. Đó là những người quá khích...

Tôi cười:

- Nhưng họ có lý do của sự quá khích đó chứ. Kinh nghiệm bản thân, gia đình. Sự hiểu biết sâu sắc về cộng sản. Lý tưởng một xã hội dân chủ, tự do...

- Dĩ nhiên chúng ta không kết án sự quá khích của họ. Có điều có ích lợi không trong giai đoạn này khi chúng ta khư khư cứng ngắc trong một lập trường mà tình hình nước nhà và thế giới đã có những biến chuyển quan trọng. Đối thoại đang là một xu hướng...

Tôi gật đầu.

- Tôi không từ chối đối thoại. Nhưng phía bên kia có thực tâm hay chỉ là những tuyên bố chính thức, những tuyên truyền công khai, còn đằng sau những màu mè đó là chủ trương bám giữ quyền lực, củng cố bộ máy đảng và....

- Xin lỗi, anh cho tôi nói hết về cái *Forum*. Chính bản thân tôi cũng nói "No" để trả lời câu hỏi này. Nhưng chúng tôi chỉ có 40%. Còn 60% thì "Yes". Và thể hiện đúng tinh thần dân chủ, mọi người đồng ý thảo một lá thư mời giới khoa học kỹ thuật Việt Nam cử người sang tiếp xúc với chúng tôi. Bây giờ thì trái banh đã đá sang phía bên kia sân....

Ông giáo sư trầm ngâm, giọng mệt mỏi:

- Đáng lẽ các anh phải tự hỏi là sự cộng tác của các anh có ích lợi gì không trước đã.

- Dĩ nhiên có chứ. Đem khoa học kỹ thuật về, chuyển giao công nghệ, kiến thức, và những thiết bị hiện đại. Điều đó không phải cần thiết ở quê nhà sao?

Ông giáo sư thở ra.

- Theo tôi thì hiện nay các anh chưa nên cộng tác với họ.

Người đàn ông trở mặt. Chẳng những tôi ngạc nhiên mà anh cũng bất ngờ. Anh chờ đợi ở ông giáo sư một góp ý khác. Một cổ võ đồng tình hay

ít ra cũng một khích lệ. Nhưng câu trả lời làm anh hụt hẫng. Anh cau mày.

- Tại sao?

Ông giáo sư lắc đầu.

- Các anh thảo luận trong 6 tháng về sự cộng tác với một đối tượng mà các anh không hiểu gì hết.

Người đàn ông ngán ra rồi sôi nổi:

- Có chứ. Đã có vài tổ chức trong nước tiếp xúc với chúng tôi lúc bắt đầu *Forum*. Nhưng cuộc thảo luận kéo dài quá, nên họ đâm ra thất vọng và đã ngừng liên lạc. Hiện nay chúng tôi chờ đợi họ trả lời và trong quá trình tiếp xúc thảo luận với họ, chúng tôi sẽ tìm hiểu thêm... Cái chính là thực sự mình muốn tìm đến với nhau cho một mục tiêu chung: sự phồn vinh của đất nước và no ấm cho đồng bào.

- Không còn người bóc lột người. Mình vì mọi người, mọi người vì mình... Những chiêu bài lừa lọc của mùa thu xưa không còn rực rỡ mùa thu này. Bây giờ là đô la, là quyền bính, là vây cánh bao che của những thế lực cấu kết... Các anh sẽ không làm được gì hết trừ việc tạo điều kiện cho những thế lực độc ác lớn mạnh thêm. Các anh cũng biết rõ là chủ trương phát triển kinh tế rồi dần dần kéo theo cải tổ chính trị là sai lầm. Hai chuyện phải đi song song với nhau. Thế nhưng khi các anh về nước, hai bàn tay đã bị trói lại một. Giúp họ có thêm tiền, giúp họ củng cố địa vị thì được, còn ngo ngoe đòi tự do, hay có ý định tạo một ý thức dân chủ cho người dân là bị còng.

Ông giáo sư ngừng lại đốt điếu thuốc. Người đàn ông nhú mày. Cái miệng trái ấu bị cắn vỡ một bên. Sự thất vọng to bóng tối lên đôi mắt ngó xéo. Ông giáo sư thở một hơi khói rồi nói tiếp:

- Các anh tưởng họ cần các anh ngoài này sao? Đúng ra là họ cần tiền của các anh thôi. Gởi đô la về đi. Gởi thiết bị về đi. Về tham quan một vòng cho thỏa thích, cho vơi bớt cái sầu xa xứ, cho dịu đi những cán rút lương tâm. Rồi thôi. Đừng ở lại lâu. Chúng tôi không tin các anh đâu. Chúng tôi có người của chúng tôi.

Ông giáo sư hạ giọng xuống thì thầm:

- Các anh có biết không? Ba năm trước khi bãi bỏ cấm vận, đã có những chuyên viên Mỹ đến Việt Nam huấn luyện về quản trị, về tài chính, về thương mại. Theo kiểu Mỹ. Cho những người cộng sản Việt Nam. Mỗi khóa 9 tháng. Xong ba khóa, đủ một số người cần thiết là cấm vận bãi bỏ. Còn nữa, hiện nay tại các đại học nổi tiếng của Mỹ, con ông cháu cha VC du học hàng đống. Những đứa trẻ đó sẽ về nắm lấy ghế ngồi mới chính trị, kinh tế của Việt Nam sau này. Để giữ của cho cha ông chúng, để đảm bảo an toàn cho đảng. Người Mỹ nghĩ rằng những đứa trẻ đó được đào tạo trong môi trường Mỹ, ảnh hưởng tư tưởng tự do, dân chủ của Mỹ, sau này sẽ làm một cuộc cách mạng xanh, chuyển tiếp từ chế độ Cộng sản chuyên chính lỗi thời sang chế độ "gọi là dân chủ" thân Mỹ. Nhẹ nhàng và êm ả...

Ông giáo sư rút một hơi thuốc rồi tiếp:

- Tuy nhiên nếu bọn trẻ đó không trở thành dân chủ mà lại tiếp tục truyền thống độc tài thì cũng là một chế độ độc tài thân Tây Phương. Điều này lại càng lý tưởng hơn cho bọn tài phiệt Mỹ.

Ông giáo sư thở dài kết luận:

- Vì thế mà họ không cần các anh đâu. Thật là ngớ ngẩn và tức cười khi ở ngoài này các anh cãi nhau sù sì bặt mép vì cái chuyện lắm cấm: về hay không về, giúp hay không giúp...

Tôi bước vào nhà bếp. Tú đang lúi húi bên chiếc bàn nhỏ. Nghe tiếng chân tôi, Tú ngẩng lên.

- Anh.

- Tú đang làm gì đó?

Tú cười. Cái răng khểnh ngấp ngừng ở một bờ môi. Tiếng nói dịu dàng:

- Em chuẩn bị món tráng miệng. Đồ mặn em làm xong hết rồi. Một chút nữa sẽ dọn ra.

Tôi nhìn quanh. Nhà bếp gọn ghẽ ngăn nắp. Cái nề nếp của một người vợ hiền. Và hạnh phúc. Tôi chợt thấy

buồn. Tú đã ở đâu đó ngoài xa mút tằm tay tôi, ung dung hơn hờ. Không biết quá khứ có còn một chỗ nào trong trái tim em không Tú? Hay ngần ngại em đã chắt những niềm vui, và tình yêu anh bị đẩy rơi rớt trong xó nhà kỷ niệm. Nhớ lại cũng chẳng còn một bụi ngùi.

- Không cần hỏi cũng biết là em đang hạnh phúc, phải không Tú?

Nụ cười khô lại trên môi. Mi mắt sụp xuống. Bàn tay đang xếp những chiếc bánh ngọt dừng lại trên bàn.

- Em có nhớ...

- Đừng anh.

Tôi thở dài:

- Ủ, đúng ra là anh phải quên đi. Đâu có ích gì.

Tú gục đầu vào vai tôi lặng lẽ khóc. Em đang quên. Vết thương đang lành miệng. Đừng nhắc lại quá khứ anh. Ở đó có tình yêu anh cực kỳ cuồng nhiệt, sôi nổi, chở che em qua những hố vực kinh hoàng. Ở đó đã có hy vọng một mái ấm, một đời chung, nhưng rồi tan vỡ. Em đang quên. Ấm ảnh của biển trời bão tố, của thảm kịch ô nhục, bi thương. Ấm ảnh của hung bạo, cuồng dâm, của trần trường, tởm lợm. Em đang quên. Bây giờ em sống thâm lặng, hạnh phúc bình thường và chẳng có một ước mơ nào hết. Mơ ước đã chết chìm ngoài biển cả. Ngọn lửa đã lụi tàn từ khi xa anh. Đừng nhắc lại anh...

Tôi dịu Tú ngồi xuống ghế, vỗ vỗ vào vai nàng nhỏ nhẹ. Đừng khóc nữa Tú. Tôi nghe như tiếng mình xa vắng từ một mùa nào trên đảo Bidong. Đừng khóc Tú. Ủ, thôi quên đi.

Tôi lão đảo bước ra phòng ăn. Những mặt người lơ lảo. Đồng hồ chỉ 12 giờ thiếu năm. Tôi cầm cốc rượu đầy nốc cạn một hơi rồi gục xuống bàn ăn. Trong u mê lã lã đang tôi thấy như Tú cúi xuống. Gương mặt tròn hồng hào. Đôi mắt to đen ăm ắp. Tỉnh dậy đi. Anh Phở. Anh Phở. Chiếc răng khểnh lấp ló ở một bờ môi. Tôi ngậm đôi môi đó rồi mê đi. Tiếng một ai đó vắng vắng đàng xa. Ông Trembley về kìa. A, đúng giao thừa. Cho đến bây giờ tôi vẫn chưa biết mặt mũi ông Trembley ra sao cả.

Lương-Tâm

Vũ Tiến Dũng



Quân dắt xe đạp qua phố, đầu cúi gằm như kẻ cắp bị công an giải đi. Phố xá tiều tụy trong bụi than nhuộm nắng chiều đỏ quạch. Người đi chợ về lao xao giá cả, tiếng chào thoảng qua tai, xe tải vụt qua bụi cát ném rào rào, chẳng gì lôi Quân ra khỏi tâm trạng đen tối. Những hình ảnh về cái chết và đám ma của bà Phương cứ chạy vòng trong đầu anh như đèn kéo quân ngày Tết Trung Thu. Những ngón tay quắt queo như cành khô tróc vỏ co quắp trong cơn đau đớn, đôi tròng mắt đục như cùi nhãn lần cuối sáng lên khi cặp môi nứt nẻ mấp máy tên người con đóng quân xa. Những tiếng búa khô khốc nện trên quan tài... Suốt từ chiều, tiếng búa cứ dội trong đầu Quân, anh không làm sao gạt bỏ được ý nghĩ rằng chính anh là người đóng những mũi đinh khép quan tài bà Phương, người mấy hôm trước nhập viện mà trong lòng không có một đồng để chiều nay ra nghĩa địa không một tiếng kèn tiếng trống.

Sắp về đến nhà. Quân muốn con đường còn thật xa, thật xa để anh có thể đi mãi, đi mãi. Anh không muốn về nhà. Gia đình! Một cảm giác giống như khinh ghét, giống như thù oán xuất hiện trong anh. Khái niệm về gia đình mang lại cho anh cái nhìn dần đổi từ quầng mắt trũng sâu, tiếng chàm hậm hực vùng vàng và gồ xương hồng sắc lèm của người vợ. Mang lại cho anh những chân tay khẳng khiu gầy guộc của hai đứa con và ánh mắt hau hấu của chúng trước mâm cơm hàng ngày. Những hình ảnh ấy đã có lúc là cái lá chắn anh

dùng để che đỡ những lời buộc tội trong các phiên toà do lương tâm anh mở. Nhưng hôm nay, những hình ảnh ấy chỉ tô đậm thêm những cảm giác tội lỗi của anh. Hai đứa con kia, chúng chẳng có tội gì ngoài việc chúng chưa đủ trí khôn để che giấu hoặc khuất phục những ham mê ăn uống, và mẹ chúng thì phạm phải một cái tội, một cái tội của giống cái: tội thương con. Còn anh! Trời ơi, những tiếng búa...

Lặng lặng bước qua ánh mắt dò hỏi của vợ, Quân đi thẳng vào buồng ngủ. Cái dầy dầy khốn khổ của anh đạo này lại giờ chứng. Nhưng hôm nay, Quân không thấy đau lắm. Có lẽ lúc này, chẳng gì đau hơn những tiếng búa kia. Quân nhắm mắt để nghe từng nhát, từng nhát và thấy mũi đinh ngập dần, ngập dần vào nơi sâu nhất trong anh. Trong đó, lương tâm anh đang thở dốc.

Mười năm về trước, Quân từ biệt quân y viện, chấm dứt gần mười năm đeo quân hàm cầm dao mổ. Anh bước ra với một cái ba lô con cóc vơi vơi, một giấy giới thiệu của thiếu tướng viện trưởng và một cái dạ dày chồm loét. Bỏ lại sau lưng anh những vinh quang, những yêu mến, kính phục và cả những ganh ghét đố kỵ. Bỏ lại tất

* (trợ lý y-tế hoặc y-tá),

cả những gì tạo nên bởi một bác sĩ trẻ tuổi tài ba với con dao mổ trọng tay và một lương tâm chưa hề gợn vết.

Anh đến thị trấn nhỏ cũng một chiều đỏ bụi, tìm đến bệnh viện nhỏ, trình giấy giới thiệu, ngượng nghịu trước những "Hoá ra là anh đấy à?" và "Đã nghe tên lâu rồi"... Đặt ba-lô xuống một căn phòng trong khu tập thể của viện, mặt anh nóng bừng khi các cô gái xếp hàng giới thiệu. Vẫn đời sống tập thể. Khác cái là đến bữa có người gọi. Người ấy rồi trở thành vợ anh, một hộ lý*, cô ít nói nhất trong số những cô gái hay thì thầm về anh.

Không mất nhiều thời gian lắm, Quân đã chứng minh cho tập thể y sĩ ở bệnh viện nhỏ những gì họ đã nghe, đã đọc về bác sĩ Quân ở quân y viện. Anh cứu chữa bệnh nhân bằng tấm lòng tận tụy của một người mẹ và bằng một trình độ chuyên môn gây nhiều ganh tị. Phong cách anh càng trở nên chín chắn bao nhiêu thì con dao mổ trong tay anh cũng càng điêu luyện bấy nhiêu. Hai yếu tố này tạo nên một bác sĩ trưởng khoa ung dung thư thái, xem cuộc đời nhẹ nhàng như một ca mổ ruột thừa.

Ngày tháng trôi qua, Quân thành công liên tục trong phòng mổ. Tiếng nói của anh luôn là là điều mà hội đồng bác sĩ chờ đợi trong những ca nguy cấp. Anh bước vào phòng mổ

vững vàng trước ánh mắt tin yêu của đồng nghiệp và trở ra với nụ cười mãn nguyện. Anh nhận được những lá thư cảm ơn từ xa và những thăm viếng ở gần của bệnh nhân. Họ nói với anh câu "lương y như từ mẫu". Anh thấy mình hạnh phúc, hoàn toàn hạnh phúc.

Cuộc sống rồi ngày một khó khăn như nó đã bắt đầu khó dần từ ngày anh còn bé. Ngày càng nhiều người

nghèo và người nghèo càng ngày càng nghèo hơn. Cái nghèo như bệnh dịch, một thứ bệnh dịch không có thuốc trị và nó hoành hành ngoài tầm kiểm soát của y học, nên dù khoác áo blouse, anh cũng như toàn thể bác sĩ tại viện mở không làm sao thoát khỏi căn bệnh quái gở này. Đồng lương bao cấp trở nên thảm hại hơn trước sự sụt giá, một sự sụt giá được ví như chứng tiêu chảy không gì cầm được.

Anh là bác sĩ trưởng khoa, lương

tháng của anh thuộc mức cao thứ nhì bệnh viện sau viện trưởng, gần đủ để anh mua hai kí-lô thịt. Sau mỗi ca phẫu, anh được hưởng hai trăm đồng bồi dưỡng, phải thêm vào ba trăm nữa anh mới có thể gọi một cốc nước chanh đá trong cái quán giải khát bên kia đường. Anh dừng kỳ kèo với ông thợ chữa xe đạp rằng ông ta lấy tiền một miếng vá săm còn đắt hơn là nhà nước trả công cho anh trong một ca mổ dạ dày, vì ông ta sẽ trả lời: "Nhà

những ngôi nhà ở bonny rigg

gửi Khôi, Kiệt

Chiều nay mây trắng hay mây tím
Ta quảng buồn lo gởi đất trời
Một giấc Nam Kha hồn bướm mỏng
Nghìn năm lâu lổn nhơn nhơ chơi.

Ta có trong ta nghìn giấc mộng
Ngày đêm thơ thần bướm quanh đầu
Muốn yêu vẫn ngại tìm căn cỗi
Muốn khóc, trời ơi, nước mắt đâu?

Một bóng quê hương ngàn dặm xa
Con cò, con chuột, koala
Còn ta quê ở nơi nào nhỉ?
Thấp thoáng hàng phong cuối tháng ba.

Có những ngày đông, nắng rất tươi
Bỗng dưng ngời nhớ thuở xa xôi
Mẹ ta trong áo màu nâu xám
Ngắt cánh phù dung, thoáng ngậm ngùi.

Có những ngày đông gió buốt da
Bên hiên, cũng lại gĩa xa nhà
Thèm đi nhưng sợ chân già mỏi
Thèm chết quanh mồ thiên lý hoa.

Tuổi nhỏ còn không nhớ Việt Nam?
Những hàng so đũa gốc cau thơm
Tội con sông nhỏ đầu kinh mới
Đã mất con đò nang nổi ngang.

Lính thủy năm xưa được mấy người
Hợp tan thành bại chuyện đùa thời
Mấy ai uống rượu thương đời lính
Đốt lửa rừng khuya để tiếng chơi!

Những tối vu vơ hát một mình
Cái thời trận mạc dễ ai quên
Một đi buồng súng mai thành tướng
Thành những thôn làng, bia khắc tên.

Ở trong thạch động có hồn thiêng
Tám nẻo quanh co, tám cửa đền
Nơi đây có một thằng lưu xú
Bỗng ngập ngừng mơ lạc cõi tiên.

Bộ lạc ngày nay đã hoá thân
Là nước hồ sâu, suối chảy ngầm
Là trong tiếng gió ngàn vì vút
Mối hận xanh trời, kiếp thổ dân.

Đèo dốc cheo leo hàng đá dựng
Đầm xa đâu bóng thuyền lênh đênh?
Thời gian có phải làm sao rụng
Trên những mồ hoang lá dập dềnh!

Ta gọi bao giờ ở núi xanh
Ngày quê hương chết có thanh bình
Dẫm ba tay lính bên đồn cũ
Kéo lại cờ xưa, mọc tóc xanh.

Trong bảo tàng kia dựng chiến trường
Rượu hồn dân Úc máu pha xương
Năm trăm lẻ bốn đời trai trẻ
Mất hương về nam, mất trọn tròng.

Bỗng nhớ Vương Hàn say chiến trận
Trên lưng ngựa hát khúc Lương Châu
Mỹ nhân chúc rượu mơ hồ đã
Ngồi khóc trông ai đến bạc đầu.

Đây đất còn in rõ dấu chân
Bên vườn chạp choạng bóng hoàng hôn
Người trăm năm trước hồn lay lắt
Trên những cành khô, tượng tháp buồn.



Ngao du ngàn dặm bỏ quê hương
Ai biết ngày mai chết dọc đường
Một trăm con nhận theo đưa tiễn
Bên cát vàng phơi mộng viễn phương

Gió thổi dong đưa vài sợi nắng
Trời xanh đâu khác nước sâu xanh
Đại Giang nào chở lòng dân Hán
Cái nhục không nhà hận Mãn Thanh

Là lúc đàn rung những nỗi buồn
Phải chăng da thịt có thanh âm?
Đi trong nỗi uất sầu ly xú
Ta được niềm vui rất ngỡ ngàng.

Hỏi trong nhạc viện bao danh thủ
Tấu hộ giùm ta khúc đoạn trường
Và khi nhắm mắt bên thành ván
Viết hộ giùm ta chữ Việt Nam.

Ta sợ rồi đây những chuyến bay
Mắt dài chia cách, mắt sầu lây
Ai không nói được, chân chùn bước
Ai khế ơ hồ nâng cánh tay...

lâm hảo dững

nước rất công bằng, mạng người bây giờ bằng sao được cái sấm se đập!". Chị là trợ lý, hai tháng lương của chị mới mua nổi một cái áo sơ-mi vải kẻ Tiệp Khắc. Hầu hết các bác sĩ ở bệnh viện mổ đều nghèo, có người rất nghèo. Biểu hiện lâm sàng của bệnh nghèo ở họ rất rõ. Có người chỉ có mỗi một cái áo lành, ấy là cái áo choàng trắng có dấu chữ thập đỏ ở ngực. Gặp nhau dọc hành lang, lúc giao ban hay ngay tại phòng bệnh trước mặt bệnh nhân, họ không cưỡng nổi những than thở về hoàn cảnh. Những thông tin mới về y học, những phương pháp điều trị thành công hay những bằng khen giấy khen không còn là chủ đề được nói đến hàng ngày, thay vào đó là vấn đề giá-lương-tiền.

Giá-lương-tiền! Cụm từ gồm ba chữ này được phát hiện là nguyên nhân chính gây ra chứng hoảng loạn tâm thần, chứng mất ngủ lo âu, chứng đồ dẫn ngơ ngác và chứng quên. Quên thay bằng, quên tiêm thuốc cho bệnh nhân, quên những qui định điều trị, quên trách nhiệm và, quên lương tâm. Họa nhiều, khi thoảng trong các cuộc họp, lương tâm được nhắc đến khiến mọi người cúi đầu. Cúi đầu như để thú nhận rằng đạo này họ ít bản khoản về lương tâm hoặc không còn tâm trí, thời gian để sống và làm việc với lương tâm. Đành rằng một lương y không thể hành nghề khi không có lương tâm, nhưng khốn nạn thay, lương tâm và dạ dày lại rất gần nhau. Mà xưa nay, tiếng kêu của dạ dày vẫn thường lấn át mọi tiếng nói khác. Và người ta mắc chứng liều.

Lời thăm bệnh "đầu tiên" dần dần trở thành thủ tục nhập viện của một số bác sĩ. Tiểu sử bệnh án của bệnh nhân không được quan tâm bằng mức thu nhập của họ. Tiền đứt lốt, quà biếu là những đương nhiên. Cái xấu dường như chẳng còn xấu nữa khi nó đã trở nên phổ biến.

Lúc này Quân không còn được sống thư thái như anh đã từng, bởi vai anh đã có đầy đủ một gánh nặng gia đình. Đòi hỏi ngày một nhiều và ngày một cấp bách. Hai đứa con trai của

anh ngày ngày chỉ tâm niệm đến ăn bởi vì, khổ tâm mà nói, chưa bao giờ chúng được thỏa mãn nhu cầu này. Và vợ anh, vốn đã ít nói càng trở nên im lặng hơn bởi những gì chị nói ra đều bị Quân hoặc gạt đi hoặc chỉ trích. Chị trở nên thiếu kiên nhẫn, hay cáu giận vô cớ và hay thở dài. Chị gần như bỏ thói quen nhìn chồng yêu thương, thay vào đó là ánh mắt dằn dỗi bất mãn. Anh hiểu, đó là những dấu hiệu biến chứng của bệnh nghèo mãn tính trong gia đình anh.

Người ta vẫn thấy anh tận tâm với bệnh nhân, vẫn say sưa với chuyên môn. Anh vẫn như xưa trừ sự xuống mã nhanh chóng, tóc anh đã lốm đốm bạc và anh trở nên trầm tư. Anh chịu đựng mọi sự thiếu thốn một cách nhẫn nại và anh đã xác định sẽ phải sống đời với nó. Anh thường phải đóng cửa sổ phòng làm việc để tránh mùi thơm từ những quán phở, bún bên kia đường. Chúng cứ vô tình ủa vào phòng những lúc anh đói lòng.

Hải, Trưởng khoa hồi sức cấp cứu, một lần bày tỏ sự ngạc nhiên về việc vợ chồng anh có thể sống được chỉ bằng đồng lương chân chính. Hải gọi việc anh không làm "thủ tục đầu tiên" mỗi ca mổ là một hành động "khó hiểu", "không phù hợp thực tế", là "ngu". Anh đáp lại hần trong một buổi giao ban: "Tôi không hành nghề buôn bán mạng người".

Tất nhiên là anh không ưa hần. Nói chính xác là anh tởm hần. Không phải chỉ vì Hải hay ganh ghét những thành công, uy tín của anh mà vì những hành vi bán lương tâm bù lương tháng của hần. Hần vùi tiền bệnh nhân một cách trắng trợn và tiêu pha tiền ấy một cách hả hê. Niềm kiêu hãnh của hần là ngôi nhà một tầng mới xây giữa thị trấn và chiếc xe máy super cup đời bảy chín. Hần như con giòi sinh ra từ một vết thương nhiễm trùng. Một con giòi béo tốt, nhặn nhụi và phề phờn. Quân nhớ như in ánh mắt giễu cợt của hần khi thấy anh dắt xe vào hiệu chữa xe đạp sau cái hôm anh trật khẩu trang quát vào mặt hần khi hần đề xuất với anh việc bán thuốc điều trị của viện ra chợ

đen. Chưa chát thay, hầu hết mọi người lại là đồng minh của Hải. Anh buồn bã trước thái độ lạnh dần của hầu hết đồng nghiệp, kể cả những người đã từng kính trọng anh hết mực. Nơi anh ngồi người ta không đến, chỗ anh đến mọi người bỏ đi. Những "hấp", "ngu" theo gió lọt vào tai anh.

Đúng lúc đó, vợ anh - người đã một thời ngưỡng mộ anh như một vị thần - lên tiếng. Chị bắt đầu bằng những bóng gió, anh lơ đi. Chị kiên nhẫn thuyết phục, anh cáu. Chị gọi anh dậy lúc nửa đêm, kéo anh đến bên giường bọn trẻ, chúng đang ngủ vô tình. Chị nói, tay chỉ vào những xương sườn xương khuỷu của chúng:

- Anh là bác sĩ, anh nhìn xem các con anh có đủ dinh dưỡng không? Anh nhìn vợ anh đây - chị phanh áo phỏ trước mặt anh cặp vú tong teo như trái ổi héo trên bộ ngực nhấp nhô xương xẩu - Em trân trọng lương tâm thầy thuốc của anh, nhưng em đòi hỏi lương tâm người cha của anh cho các con. Nếu anh thấy rằng anh không có lương tâm bán thuốc của viện thì anh cứ im lặng. Em chấp nhận là đứa không có lương tâm để có tiền nuôi con. Nếu anh khinh bỉ em, anh có thể dọn vào ở trong khu tập thể của viện.

Anh trở nên ngờ vực. Ngờ vực giá trị của cuộc sống, ngờ vực những khái niệm về hạnh phúc và ngờ vực những chân lý. Anh đau xót cho những gì anh đã trân trọng giữ gìn từ khi anh khoác áo thầy thuốc.

Rồi Quân thấy dưới gối đầu xuất hiện những đồng tiền lạ. Anh thấy những đĩa thịt bất thường và anh thấy nụ cười thỏa mãn của người mẹ nhìn hai đứa con hăm hở trước mâm cơm. Anh không phải là nguyên nhân của những nụ cười hài lòng ấy. Anh cay đắng và buồn bã thấy hai đứa con anh đang phấn khởi một cách vô tình vô tội.

Cái đốn mặt mỉm cười đắc thắng trước lương tâm bẽ bàng trơ trọi.

Cuộc sống như con đường gồ ghề lổp nhỏp trên đó anh đạp xe lóc cóc đi, về.

Bà Phương được đưa đến viện trên một cái võng. Những người khênh võng không phải là con cháu bà. Họ đưa bà vào phòng khám rồi vội về cho kịp bữa cơm chiều. Quân hết ca trực đã một tiếng nhưng anh không về nhà ngay. Đạo này, gia đình không còn là nơi anh tìm sự ấm áp. Nó gọi cho anh những tội lỗi.

Đạo bước qua phòng khám, Quân nghe tiếng rên la. Trong phòng, một bà lão tuổi trạc sáu mươi đang đau quần quai. Trên bàn, một hồ sơ bệnh án đề vồn vện mấy chữ: Tới viện lúc 5 giờ 30. Đau bụng.

Quân xem sổ trực phòng khám và hiểu lý do. Bác sĩ phòng khám chắc đang ngoài quán phở. Người bệnh đau dữ dội. Quân xem mạch, vạch mắt. Anh giật mình, đôi mắt đục như cùi nhăn.

- Cú đau ở đâu?

Rên. Quân ghé sát vào tai người bệnh quát to:

- Cú đau ở đâu?

Người bệnh lần tay xuống hố chậu phải.

- Cú đau lâu chưa?

- Ba ngày. Bà cụ phều phào.

Quân ngó ra ngoài. Hành lang vắng teo. Ca trực của Hải. Anh chạy xuống phòng trực, tay cầm hồ sơ bệnh án.

Quanh bàn, Hải cùng mấy y sĩ đang chuyện trò rôm rả, hương cà phê, khói thuốc thơm bốc lên nghi ngút. Thấy Quân vào, họ ngoảnh lại, im bật. Hải xem đồng hồ:

- Ông vẫn chưa về?

Quân gật đầu:

- Bà cụ...

Hải xua tay:

- Tôi biết. Một ca viêm ruột thừa.

Tôi đã cho gọi bác sĩ Nam.

- Bà cụ sẽ chết trước khi bác sĩ của ông đến.

- Tôi biết làm sao được!

Hải nhấp một ngụm cà phê, ngả người nhả khói thuốc.

Quân quay sang mấy y sĩ:

- Chuẩn bị phòng mổ, tôi làm.

- Ông nên theo đúng lịch trực. Hải phản đối.

Quân:

- Tôi biết, đây là phiên của ê-kíp ông. Nhưng ca này chắc ông không thêm.

Quân vừa nói vừa giơ lên trước mặt Hải tờ hồ sơ bệnh án với dòng chữ nguệch ngoạc. Một hồ sơ của người nghèo.

Bà Phương được đưa thẳng lên phòng mổ theo lệnh của Quân. Khi mùi thối nồng nặc xông ra từ khoang bụng người bệnh, Quân đưa tia mắt đầy căm giận về phía Hải và nhận lại vẻ tỉnh khô của hắn.

Quân ngồi đối diện với Hải khi hội ý hậu phẫu:

- Ông biết tình trạng viêm phúc mạc của bệnh nhân rồi chứ? Đề nghị ông tiến hành biện pháp điều trị đặc biệt. Tôi đã ghi trong hồ sơ lượng kháng sinh chỉ định là năm triệu đơn vị ngày. Ông cho truyền tĩnh mạch.

Quân qua phòng điều trị trước khi về. Bà cụ nằm bất động, đôi bàn tay cẩu bần co quắp trên ngực. Quân thấy lo lắng khác thường.

Bà Phương chết sau đó hai ngày do nhiễm trùng máu. Quân cầm tờ kết quả xét nghiệm, xộc vào phòng họp của hội đồng bác sĩ. Anh vỗ lấy cô y tá điều trị:

- Tại sao cô không tiêm đủ lượng thuốc chỉ định?

- Tôi làm đúng lệnh bác sĩ.

- Bác sĩ nào?

Quân nhìn thẳng vào mắt Hải. Hải, hai tay thọc túi áo *blouse* bước lại phía Quân, nhỏ nhẹ:

- Ông biết rằng kháng sinh hiện nay rất hiếm.

Quân:

- Tôi không biết. Các người cho tôi biết danh mục tủ thuốc.

Hải:

- Ông không thể bỏ tiền vào túi rồi nói ông không biết.

Quân:

- Tôi?

Hải nhếch mép:

- Vợ ông! rồi quay đi cười khinh bỉ.

Quân hét lên:

- Ông là loại không có lương tâm. Loại khốn nạn!

Hải quay lại gật đầu:

- Tôi công nhận là tôi khốn nạn hơn ông.

Mọi người quay đi không nhìn Quân. Anh như đang lên cơn giật.

Cô y tá điều trị nói ngoài hành lang:

- Đào đâu ra kháng sinh để đổ vào cái chỗ vỡ vắn như vậy! Không có tiền thì sống làm gì!

Mấy người hôm nọ mang bà Phương đến viện lại đến để mang xác bà về. Người ta đã điện cho người con duy nhất của bà biết.

Quân ngồi ở một góc bể nước, nơi vắng vẻ nhất của viện. Anh thấy đau, thấy nhục nhã, thấy ghê tởm và thấy kinh hãi.

Mọi người dừng dừng như không. Chết chẳng phải là cái gì mới thấy ở các bệnh viện ngày nay. Và chết vì thiếu "thủ tục" thì lại càng dễ hiểu.

Quân đến đám ma bà Phương. Chẳng bác sĩ nào dỗi hơi làm cái việc này. Nhất là một đám ma nhạt nhẽo như vậy.

Hầu hết người ở đám ma biết anh, biết bác sĩ Quân nên vừa ngồi xuống đã nghe câu "lương y như hổ báo". Người thợ mộc kéo lê tấm ván thiên rồi quẳng xuống đánh rầm. Ông ta nói với ai mà giọng đầy khinh miệt:

- Nhờ các lương y mà hôm nay thằng đói này có việc làm đây! Xin cảm ơn.

Một bà cất giọng như đang cãi nhau ngoài chợ:

- Ốm đau không tiền thì đưa nhau đến bệnh viện làm cái chó gì? Ra quách nghĩa địa cho tiện. Tội nghiệp cái bà Phương, chết con không nhìn được mặt.

Quân co rúm trong góc nhà. Thiên hạ vẫn thế, và họ chẳng quá lời. Anh giật thót theo từng tiếng búa. Chẳng lời nào đánh thép và gây đau đớn hơn thế...

Tiếng búa ngày càng rõ, càng nhức nhối, tiếng búa ngay đầu giường. Quân choàng dậy. Trong buồng tối om. Người Quân ướt đầm mồ hôi. Sao tiếng búa nghe gần vậy? Quân ghé mắt qua khe cửa sổ. Vợ anh đang chặt chân giò lợn cái thiện bữa chiều. ●

Nhớ Người Năm Xưa

Hoàng Nga



Lúc nhỏ ai cũng bảo tôi giống cô tôi. Dữ và xấu. May mà mắt tôi không lé như bà. Hai thằng em tôi cứ giễu loại mắt bồ câu con đậu con bay. Hai thằng em sinh năm một này là nguyên nhân khiến thuở nhỏ tôi cứ phải thơ thẩn chơi ngoài hiên một mình vì mẹ tôi không có đủ thì giờ chăm sóc một lúc sáu đứa con.

Giang sơn thuở nhỏ của tôi chỉ có cái cối đá giã thuốc bắc của ba tôi và hai gốc cây kiền kiền. Hôm nào tôi không đi gỡ mủ kiền kiền về ngâm chung với mấy chùm bông giấy hái bên nhà hàng xóm, với hy vọng là nó sẽ biến thành những lọ thuốc sơn móng tay màu hồng như bà chị lớn tôi vẫn mua dưới phố về, thì tôi cứ ngồi lặng yên hàng giờ ngoài hiên nhìn nắng rớt trên sân. Lớn lên thêm chút nữa, khi đã biết đọc chữ, và nhất là lúc những cây kiền kiền đã bị đốn sạch để mở đường, trưa đi học về, tôi lại ra ngoài hàng hiên ngồi chờ những chuyến xe lam về Miếu Bông chạy ngang qua nhà. Thường tôi chỉ thấy xe đi Liên Chiêu, Nam Ô hay Cẩm Lệ. Tôi không biết Liên Chiêu nằm ở đâu và ra sao, nhưng Nam Ô thì có nước mắm Nam Ô, Cẩm Lệ có thuốc lá Cẩm Lệ. Còn Miếu Bông, quê nội tôi chắc chỉ có cái miếu trồng nhiều bông nên hiếm có người biết đến, thậm chí cũng ít khi thấy xuất hiện trên hồng xe lam.

Miếu Bông buồn lắm. Cách Đà Nẵng có mười hai cây số nhưng cái làng nhỏ nằm ven quốc lộ 1 này quê

mùa một cách lạ lùng. Nó chỉ có một cái chợ nhỏ họp vào buổi sáng mà tôi đã được bà chị họ dẫn ra đó vài lần, lần nào cũng bị ngắm nhìn kỹ lưỡng vì hầu như ai cũng biết rất rõ về gia đình tôi, hay chịu tí chút ơn nghĩa nào đó của ba tôi.

Và cũng có lẽ vì vậy mà không cần giới thiệu Dung cũng biết tôi, đầu anh ở bên kia sông thuộc về làng khác. Thỉnh thoảng về chúc Tết bác tôi, gặp anh sang chơi, tôi hay giễu bắt anh lì xì và đòi mừng tuổi anh vạn thọ. Hè năm chuẩn bị lên đệ tam, tôi nổi máu... giăng hồ vật, nhất định đòi về quê nội vài ngày. Cả nhà bác tôi ai cũng ngạc nhiên khi thấy tôi bước vào, tay giơ cái giỏ Pan Am lên chào. Dung đang ngồi đàn hát và nói chuyện với ông anh họ tôi, chợt ngưng đàn, tròn mắt lên nhìn tôi:

- Đi đâu đấy?

Tôi cười dòn:

- Bị mẹ đuổi, về Miếu Bông tá túc vài hôm.

Dung và ông anh họ tôi cười theo. Hai người cùng hỏi tôi sẽ ở lại mấy ngày. Tôi đưa bàn tay lên, ông anh tôi cười có vẻ không tin. Còn Dung thì hỏi thật không. Tôi đáp:

- Nếu anh đủ gạo nuôi em, em ở đây luôn.

Dung lại cười. Tôi đặt cái giỏ ngay trước ngưỡng cửa phòng, hỏi mượn cái ghế đầu và sà xuống ngồi bên cạnh Dung bảo anh đàn hát tiếp. Dung có giọng hát thật hay. Anh hát những bài của thập niên sáu mươi với

điệu Rumba lồi-cuốn. Lúc vừa vào đến nhà, tôi đã chùn chân khi nghe giọng ngân rung đậm ấm ấy vang ra.

Dung nhìn kỹ, đẹp trai. Nước da ngăm đen, sống mũi thẳng, mắt hai mí thật rõ nét. Anh có dáng vẻ của một người đàn ông cương nghị, nhưng giọng nói mềm và ấm. Thỉnh thoảng anh ngưng đàn nhìn lên và hỏi tôi Miếu Bông chán lắm phải không. Dung không rụt rè, nhưng chắc vì sống ở thôn quê nên anh có vẻ không được tự tin lắm. Tôi bắt gặp nhiều lần ánh mắt ngạc nhiên và nụ cười dễ thương của anh khi anh nhìn tôi nhai ổi rôm rốp, xước mía phồng cả nước răng, và cả khi nghe tôi kể chuyện phim Tây phương, những đoạn người ta làm tình hay hôn nhau. Tôi cười nói xôn xao, ra rả đòi Dung dẫn tôi và bà chị họ đi ăn chè đêm. Bà chị họ tôi, chỉ lớn hơn tôi một hay hai tuổi gì đó, nhưng phong cách chừng chạc, đáng hoàng. Ba mẹ tôi vẫn bảo cứ đem so sánh chị với tôi là thấy xấu hổ. Cả ngày, ngoài mấy tiếng đồng hồ ở trường ra, chị làm việc không nghỉ, trong nhà, ngoài vườn. Chị đảm mưa dãi nắng nhưng nước da chị trắng, hai má hồng hào mịn màng như thoa kem, trong khi đó tôi vẫn bị mấy ông anh lớn trong nhà chọc ghẹo không ngớt về cái nước da bánh ít... để quên ngoài nắng nhiều ngày, cái loại nước da phù quân... rụng hai mùa hạn, vừa khô quắt khô queo, vừa đen thui đen thui như cột nhà cháy.

Tôi dữ và xấu, như cô tôi, như

nhiều người trong nhà nhận xét. Còn chị, không biết chị giống ai mà hiền lạ. Bác gái tôi khó tính, cứ hay la vật những chuyện không đâu. Nhiều lúc thấy chị chẳng cãi lại bác điều gì, tôi xúi dại chị... nổi loạn. Đêm thứ hai ở nhà chị, tôi thăm thì bảo chị là bác la oan chị chuyện gì đó, chị chỉ im lặng trong khoảnh khắc, như chờ cho cái ghen ngào trôi xuống, rồi cười:

- Kệ, cha mẹ la, là muốn con cái nên người đó em.

Chị dẫn tôi đi dò qua bên kia sông mua gạo, ghé lại nhà Dung. Chị e ấp bàn tay nuột nà trên vành nón, chị đến ngồi bên cạnh mẹ Dung nhặt thóc phụ với bà. Tôi đứng xớ rớ một hồi rồi bắt Dung dẫn ra vườn hái mấy chùm mận, xong nhảy lên vông vừa ăn vừa nghe chị và mẹ Dung nói chuyện. Dung nhìn tôi cười hiền. Cái ánh mắt như muốn nói tôi giống hết một con lật đật. Dung không anh khiến tôi phải ghé mắt sang chị, nhìn những cử chỉ thông thả mà thành thạo của chị như nhìn một con mèo khoan thai, một con gà mái hiền lành chăm chút kiếm ăn ở cuối vườn, mà tự hỏi không biết cái duyên của mình nằm ở nơi nào; trong khi chị, ánh mắt bờ môi, tiếng cười câu nói đều ánh lên nét hiền ngoan thực nữa.

Ở Miếu Bông được ba ngày, tôi ra rả đòi về. Dung sang chơi, bảo:

- Anh còn đủ hai ngày gạo cho em.

Tôi không biết trả lời ra sao nên cuối cùng trả treo với Dung và ông anh họ tôi là nếu có "tiết mục" gì, tôi sẽ ở lại ăn cho hết hai ngày gạo đó của Dung. Miếu Bông tội nghiệp chẳng có gì để nủ chân tôi ngoại trừ ánh mắt nài nỉ của Dung. Tôi ở lại, đi dò theo Dung và ông anh họ tôi sang bên kia sông tát cá. Trưa hai người đốt lửa nướng cá và lật rau để ăn bánh tráng. Tôi bắt Dung cột cho tôi cái vông dưới gốc cây mận nằm dọc sách. Dung có một tủ sách lớn. Ông anh họ tôi cũng vậy. Về đây, ngoài tiếng chim hót thanh bình mỗi sáng, ngoài nắng ấm xôn xao trên những kẽ lá nhành cây, cái căn phòng được xây rất tân tiến và những kệ

sách dày đặc của ông anh họ tôi cũng hấp dẫn tôi lắm. Tôi đã đọc *Đỉnh gió hú*, *Anh em nhà Karamazov*, *Giờ thứ hăm lăm*, và cả *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc*, *Tuấn chàng trai nước Việt* ở đó nữa.

Tôi hỏi Dung đọc làm gì quyển sách cuối cùng, anh mở mắt tôi ra:

- Muốn khen chê cái gì cũng nên biết tại sao mình khen, chê. Anh đọc nhiều loại khác nhau để thấy cái hay cái dở của nó.

Dung còn mở mắt cho tôi thấy nhiều thứ, chỉ trừ cái tình cảm anh dành cho tôi thì dường như anh lúng túng không biết bày tỏ ra sao.

Hết hè, Dung và bà chị họ tôi ra Đà Nẵng trọ học, ông anh họ tôi đi lính. Dung ở cách nhà tôi độ vài trăm thước, trong một xóm lao động nhỏ. Anh đến thăm chúng tôi vài lần. Tôi hay âm ỉ gọi bà chị họ xuống nhà, ngồi nói chuyện tay ba dăm ba câu rồi chuồn mất. Cái con bé mười sáu tuổi lém lỉnh, vẫn bị cả nhà chê xấu và dữ, vẫn đen như than hầm, tóc vẫn còn loe hoe cháy đuôi, vẫn mặc mini jupe đạp xe long rong trên phố, nhưng đã bắt đầu có người để ý, có người chạy xe theo tán tỉnh mỗi chiều về học, có người đứng chờ trước cổng trường hàng giờ, đã bắt đầu biết láu cá tránh Dung nhưng không quên để lại một cái liếc mắt rất Diệu Thuyền, một nụ cười rất... cà chớn. Vô tình, tôi muốn biến Dung trở thành một thứ... nạn nhân của tôi. Tôi hay so sánh Dung với những anh chàng đang theo đuổi tôi, tôi chấm cho anh được năm điểm trên mười, coi anh như một nhân vật phụ làm nền, làm đòn bẩy cho những vai chính nổi bật trên sân khấu, một cái vai trò làm thỏa mãn thú vị ái cùi "xấu và dữ, không ai thêm thương" của tôi.

Nhưng Dung chỉ đến nhà tôi vài lần sau đó rồi thôi. Anh học thi tú tài, anh có cố để tránh theo đuổi tôi. Tôi hơi thất vọng và buồn, nhiều phút chứ không chỉ năm phút. Biết bao nhiêu lần tôi định hỏi thăm Dung qua bà chị họ, nhưng cố dằn lại được. Dung không đến, chị tôi cũng buồn. Buồn cái buồn không thể thổ lộ cùng ai, bởi

hơn ai hết, chị đã nhận ra sự có mặt của chị tại nhà tôi đã chẳng phải là lý do để Dung đến thăm, và cái thân tình của chị và Dung chỉ ngừng lại ở chỗ "người thân" mà thôi.

Một hôm con em tôi đi học với tôi ngang qua ngõ hẻm nhà Dung, bỗng đứng nó nói:

- Hình như anh Dung ở đây hay sao ấy nhỉ. Em có thấy anh ấy mấy lần, đi ra từ con ngõ này. Anh chàng nhà quê mà có đôi mắt đẹp chi lạ!

Dung là anh chàng nhà quê! Câu nói của con em tôi như miếng nước lạnh dội vào lòng tôi. Tôi giật mình, rồi tự cảm thấy mác cỡ đến đỏ mặt lúc nhớ lại những ngày hè ở Miếu Bông, xem tí nữa đã để lòng chùng xuống trước Dung. Tôi thở phào. Và dù tận trong sâu thẳm trái tim tôi có thoáng chút bất nhẫn dấy lên, nhưng tôi vẫn cố tìm cách gạt bỏ cảm xúc của mình, cố tìm cách để quên sự có mặt của người con trai ấy trong tôi.

Tôi quên Dung thật. Tôi chẳng để ý mùa hè đã qua đi và Dung đã biến mất khỏi thành phố tôi ở. Mãi cho tới khi Dung trở về lại Đà Nẵng, từ quân trường Thủ Đức. Da anh đã rám nắng thêm, tóc hớt ngắn và trông có vẻ thật chững chạc trong bộ quân phục xanh rất mới. Anh cũng chững chạc hơn khi đến tìm tôi. Dung bảo anh đậu tú tài, hạng thứ, được miễn dịch vì lý do gia cảnh nhưng anh chán ngán học hành, chán ngán thi cử, chán ngán cái tù túng của thành phố, chán ngán những khuôn mặt bon chen... Trong anh, lúc nào như cũng có một cái gì đó khác khoải, trở trăn mỗi đêm. Khi anh nằm trong bóng tối, lắng nghe mùi hương cau phảng phất ngoài hiên nhà đưa vào, mà mãi vẫn không tìm thấy được cái thanh bình, bởi những tiếng các búp của súng đạn cứ rơi rớt đâu đó, buồn bã. Anh bảo cái hạnh phúc "*uống ly chanh đường, uống môi em ngọt*" của những chiều duỗi rong trên phố xá, là cái hạnh phúc hoàn toàn lạ lắm, xa vời trong anh, hết như một huyền thoại.

Lúc ấy tôi thật sự vẫn còn quá bé để hiểu được tâm tư và tình cảm của anh, nên tôi đã hỏi anh một câu thật...

lặng xet:

- Nhưng anh có chán em không?

Dung cười hiền. Anh hỏi lại:

- Nếu như anh nói chán?

Tôi dứ nắm đấm lên với Dung. Dung nhìn tôi, vẫn mỉm cười và không nói gì thêm. Cái ánh mắt bao dung rộng lượng của anh làm tôi lao xao. Tôi vui, vì thấy anh vẫn còn thích mình. Nhưng mơ hồ, tôi thấy tôi, cái con bé mười sáu tuổi ngu xuẩn, chỉ lấu cá mà cứ tưởng mình khôn ngoan, có vẻ bé nhỏ và ngờ nghệch trước một người thật sự có chiều sâu như Dung. Tôi lơ mơ đoán Dung đã chán tôi thật, chán những cái trò thành phố rôm đời, chán những đũa bắt mệt mỏi, không đâu vào đâu của tôi.

Dung ngồi nói chuyện với tôi khá lâu. Anh bảo trong những ngày về phép, anh đã trồng được một khoảnh cúc vàng trước nhà, gần chỗ tôi đã ngồi trên vũng nghe mẹ và bà chị họ tôi nói chuyện. Dung nói, hết sức tự nhiên, là cái dáng ngồi, cái mái tóc dài của tôi bay trong gió đã làm anh cảm động. Anh cũng bảo anh đã ra đứng sau vườn nhà bác tôi, dưới bụi tre già óng ả, nhìn xuống sông Cẩm Lệ xuôi giòng, mà nhớ nụ cười tôi hiền hoà, ánh mắt tôi thân ái. Anh nói tôi không có cái mộc mạc của người miền quê, nhưng cái tình cảm tôi dành cho giòng sông nước chảy, cho khóm cây bụi cỏ trong vườn quê nội lại chan chứa yêu thương. Dung cười:

- Anh ngạc nhiên vì thường thấy các cô thành thị hay khinh khỉnh để ghét mà em thì không. Em đi chân đất, lội theo bụi anh xuống ruộng bắt cá, em leo trèo nghịch ngợm như một con sóc, em ăn em uống, em nói em cười, em liến thoắng như con chim chích choè.

Và anh nhìn tôi thật lâu trước khi nói:

- Anh đã thất vọng thật nhiều khi đến nhà thăm em. Về thành phố, cái con người thành phố khinh khỉnh hiện rõ ra trong em. Em mất hết cái duyên mà anh đã thấy. Em hết còn dễ thương như anh nghĩ.

Tôi đã im lặng không nói được lời

nào. Những ý nghĩ chân tình của Dung làm tôi ghen. Tôi hơi phật ý dù không thấy giận anh. Mãi cho đến hơn hai mươi năm sau, lúc viết những giòng chữ tâm tình này, tôi mới hiểu được Dung đã trưởng thành, đã lớn hơn tôi biết bao nhiêu. Dung mạo, tướng tá của anh có thể không tinh thành, nhưng chiều sâu tâm hồn anh tuyệt vời gấp vạn lần những thằng-người-thành-phố bạn tôi, những thằng người tóc dài chấm vai, áo phanh ngực, miệng phì phèo thuốc lá, phóng xe Honda ào ào giữa phố, nghe nhạc Beatles, nhạc rock mà một câu tiếng Anh đơn giản không hiểu hết. Những thằng người mà ngồi với tôi cỡ nửa tiếng đồng hồ, nếu không kể chuyện đám *party* này, chỗ nhảy đầm lậu kia thì chẳng biết nói một câu nào cho ra hồn. Lòng tôi ảm áp hẳn lên khi nói chuyện với Dung. Anh như giòng sông, như tiếng chim hót thanh bình, như khúc mĩ mĩ mềm mượt, ngọt lịm đầu môi tôi. Ở Dung, tôi tìm thấy bóng mát, tìm thấy cái thanh thản an nhàn của những trưa nằm dưới rặng tre già vàng óng, mắt nhìn bầu trời xanh lơ, tai nghe tiếng đập cánh vui mừng của bầy vịt đang bơi lội nô đùa trên giòng sông. Dung tựa như giòng suối đưa tôi về nguồn, tựa như mùi lúa tháng chạp thơm ngát trong gió chiều...

Tôi bỗng ước ao được lần nữa đi với anh trên những con đường đất gồ ghề rợp bóng cây, thoang thoảng mùi hương của những giậu me keo hai bên rào. Tôi hứa với Dung là sẽ về thăm Miếu Bông khi Dung được về phép để ngắm đám hoa cúc vàng nở rực rỡ trước sân nhà anh, và hứa sẽ cùng anh đi dạo khắp làng quê anh.

Dung đi. Và rồi được phép về sau chuyến hành quân đầu tiên. Anh đến nhà tôi trước ngày về lại đơn vị. Dung hiền ngang hỏi tôi:

- Nhỏ dám đi uống cà phê với anh không?

Anh đổi cách xưng hô, gọi tôi là nhỏ, xưng anh. Tôi ngần ngừ. Dung cười:

- Đi với anh quê lắm hả?

Tôi lườm Dung và bảo anh xin phép ba mẹ tôi. Dĩ nhiên là ba mẹ tôi đồng ý. Vào quá, Dung kể cho tôi nghe về chuyến hành quân đầu tiên trong đời anh, về nỗi kinh khiếp hãi hùng trước tiếng súng đạn, trước cảnh máu me, trước sự chứng kiến lần đầu cái chết của đồng đội và của cả quân thù. Mắt Dung buồn càng buồn thêm. Anh kể có những đêm nằm lặng im giữa rừng, nhìn lên bầu trời đen huyền hoặc, anh đã suy tư về thân phận con người, về chiến tranh, về những phân ly cay nghiệt, về cái nhỏ nhoi của con người trước định mệnh, trước cái chết. Anh thở dài:

- Cái chết đến thật khủng khiếp. Một nhát dao, một miếng đạn đâm xé vào da thịt nhầy nhụa, là hết. Có nhiều hôm bọn anh, mấy đứa vừa mới đùa với nhau chuyện này về phép sẽ làm điều này, điều nọ, có đứa chỉ đơn giản mơ được đạp xe theo cô bạn gái nó yêu, có đứa chỉ ước ao hạn phép đủ dài để về làm đám cưới. Bỗng dưng một cái, nó ngã xuống ngay bên cạnh mình, dây dũa đau đớn. Đứa khác ngày hôm sau đi nhật nhanh chỉ còn vài ba khúc xương thịt nham nhở, máu đã khô, tanh tưởi đến lợm giọng.

Giọng anh trầm, càng trầm, gần như khản đục khi kể chuyện. Nỗi kinh hoàng như vẫn còn phảng phất trên gương mặt anh. Dung làm tôi chợt nhớ tới những hôm sinh viên học sinh biểu tình, những hôm đang ngồi trong lớp phải chạy tẩu ra ngoài vì lựu đạn cay, vì truyền đơn chống chiến tranh thả đầy sân trường. Tôi kể lại cho anh nghe. Dung thở dài. Anh bảo cái cuộc chiến một mất một còn này, không chỉ đơn giản là cầm súng bắn nhau với quân thù ngoài mặt trận, mà còn phải tự chiến đấu với bản thân, với những tác động chung quanh đời sống mình mỗi ngày. Ở rừng sâu về, ở nơi đầy máu me và lửa đạn về thành phố, không làm sao khỏi buồn và bức bối khi thấy thiên hạ vẫn nhởn nhơ rong chơi, vẫn hưởng thụ nhàn nhã như thể chiến tranh hoàn toàn không dính dáng gì đến họ. Dung nói:

- Bạn bè anh, nhiều đứa đã nổi khùng lên đập phá lung tung khi thấy

những “em gái hậu phương”, những thanh niên con ông cháu cha đua đòi ăn diện, phè phỡn sống, ánh mắt đôi khi khinh khỉnh rớt trên bộ quân phục tui anh đang mặc. Một số đứa khác điên lên bởi cái đám người lẩn quẩn trốn chui trốn nhủi trong thành phố mà bày trò nọ kia trong cái vỏ “phản chiến” để cố biện hộ cho sự hèn nhát của họ.

Dung nói. Giọng anh vẫn trầm, ấm và đầy u uẩn khiến lòng tôi sắt lại. Tôi vẫn chưa hiểu được nỗi gian khổ và cô đơn của những con người đã vì chính cá nhân tôi, gia đình tôi, đất nước tôi mà lăn lóc dưới làn tên mũi đạn, nhưng tôi không còn cảm thấy bộ quân phục anh mang trên người xa lạ với tôi nữa. Tôi thật sự muốn chia sẻ với anh điều gì đó mà không biết bắt đầu ở đâu, và chia sẻ ra sao.

Lát sau Dung chợt hỏi tôi có chuyện gì khác, vui hơn để kể cho anh nghe không. Tôi nhớ ra có chị bạn trong lớp lấy chồng sớm, mời tôi đi ăn đám cưới làm cả nhà cười ầm ĩ vì tưởng tôi xạo. Dung cũng phì cười, kể:

- Bạn anh có thằng mới lấy vợ. Nhỏ biết sao không, nó mang một quả lựu đạn đến nhà hỏi cô bạn gái có chịu làm vợ nó không, nếu trả lời không thì cu cậu sẽ rút chốt cho cả hai cùng về xuôi vàng với nhau.

Tôi cười:

- Em chỉ mới nghe chuyện lính đi ăn không muốn trả tiền, để lựu đạn lại làm lưu niệm với chủ quán thôi.

Dung cười theo:

- Bây giờ anh sẽ để một quả lựu đạn lên đây.

Tôi lém lỉnh:

- Anh định thực hiện chuyện thứ nhất hay chuyện thứ hai? Anh có cho em năm phút để trần trối dù là chuyện thứ nhất hay chuyện thứ hai xảy ra?

Chúng tôi cười khan cả tiếng. Không biết tôi có cái lối nói chuyện cà rồn với Dung như vậy từ bao giờ. Tôi nhớ ra thêm vô số chuyện tầm phào bá láp để kể cho Dung nghe. Gần chiều, hai đứa rời quán cà phê, tôi rủ Dung xuống phố. Chúng tôi đi

lang thang qua nhiều con đường đầy hàng quán lẫn những con đường chỉ rợp bóng lá cây xanh. Tôi biết tôi đã hết mặc cảm có người quen là lính, hết còn sợ bị bắt gặp và bị gọi là “người yêu của lính” như mấy chị bạn hơn tuổi trong lớp vẫn bị chọc dài dài. Tôi định bụng nếu nhớ có đứa bạn nào bắt “quả tang” tôi đi chơi với Dung mà cười thì tôi sẽ vênh mặt lên hỏi “rồi sao” để xem tui nó trả lời thế nào. Nhưng chẳng đứa nào gặp. Chỉ có tôi và Dung gặp những con bướm vàng nhớn nhoe bay trên đám cúc vàng trồng trước sân một nhà nào đó. Dung chỉ cho tôi thấy và đọc hai câu thơ Nguyễn Bính: *Dừng chân trước cửa nhà nàng, thấy hoa vàng với bướm vàng hôn nhau*, và rồi hai câu thơ của Vương Hạ: *Tháng giêng còn nắng vàng tươi, cho ta nhánh cúc nhớ người năm xưa*. Anh lại bảo nếu như sau này khi anh ra trận mà không về nữa, thấy hoa cúc tháng giêng thì nhớ đọc lại những câu thơ này và nhớ đến anh. Tôi la Dung nói nhảm và chúc Dung sớm lên lon.

Trong đời sống Dung, cái hạnh phúc *uống ly chanh đường, uống môi em ngọt* nó xa vời, mơ hồ, thì trong tôi, cái ước mơ cùng anh đi khắp làng quê anh dưới những tàn cây xanh bóng một trưa hè rực rỡ nắng lại gần gũi, cận kề. Nhưng có lẽ cả hạnh phúc ngoài tầm với lẫn với những ước mơ đơn giản đôi khi lại cùng chung một số phận trong chiến tranh. Tôi đã đọc nhiều trang tiểu thuyết, đã nghe nhiều bài hát về chiến tranh, nghe cả Dung nói về cái chết và sự phân ly bất ngờ, nhưng khó làm sao mà tưởng tượng nổi Dung sẽ chẳng bao giờ có dịp trở về nữa.

Nhỏ bạn tôi có lần ước ao làm văn sĩ, chỉ vì lý do là để được định đoạt số phận của nhân vật nó viết. Bạn tôi bảo:

- Khi tịt, nhà văn hay cho nhân vật chết bất đắc kỳ tử, thế là vừa có được một kết thúc bi thảm, vừa giải quyết được cái bí rị không gỡ nổi trong tác phẩm của mình.

Tôi không dựng nhân vật Dung

của tôi. Cũng không cùng đường trong mối quan hệ thật dễ thương ấy với Dung, nên tôi đã hết sức chân thành mong Dung trở lại và đã chúc Dung sớm lên lon.

Dung lên lon thật, thiếu úy, nhưng là cố thiếu úy. Tôi biết tin Dung chết khá muộn, khoảng ba tháng sau khi anh vĩnh viễn ra đi. Tôi về Miếu Bông, đứng dưới rặng tre già nhìn sông Cẩm Lệ xuôi giòng, nước mắt tôi cũng xuôi giòng. Tôi mừng tượng anh đang đứng đầu đó, cạnh đám cúc vàng rực rỡ, hay đang nằm yên lặng trong vườn, lắng nghe tiếng gió thổi thanh bình trên những vòm cây xanh lá. Không làm sao tôi có thể nghĩ là Dung đã chết, đã thuộc về một thế giới mà tôi chưa thể có mặt. Tôi cố hình dung ra dáng anh ngồi, tiếng đàn anh thanh thoát. Cơ hồ, tôi vẫn nghe giọng hát anh đậm ấm xen lẫn giữa tiếng lá khô vừa rơi xào xạc dưới chân tôi. Tôi cười với Dung. Tôi nói với Dung. Và tôi đọc lại những câu thơ mà Dung đã đọc cho tôi nghe.

Nhưng tôi đã chẳng dám sang nhà Dung. Chẳng lần nào dám sang nhà Dung dù có về lại Miếu Bông nhiều lần sau đó, phần vì ba tôi sợ bên kia sông không còn an ninh nữa, phần tôi không dám nghĩ đến lời hứa là sẽ cùng đi dạo hết làng quê anh.

Dung chết, may mắn hơn ông anh họ tôi. Ba mẹ anh được lãnh tiền tử. Bản thân anh không phải dờ sống dờ chết ở những trại tập trung, rồi khi được thả cũng không phải gian khổ theo đoàn quân phục quốc và cuối cùng bị tuyên án tử hình. Xác Dung dù không nguyên vẹn nhưng vẫn được mang về bằng *poncho*, được phủ lá quốc kỳ mà Dung đã đứng nghiêm chào nhiều lần trong đời. Xác ông anh họ tôi bị dập vùi đầu đó, không mộ bia, không nhang khói, và bác tôi cũng không được cả cái may mắn nhìn thấy nắm đất tội nghiệp ấy một lần.

Dung chết. Tháng giêng bây giờ vẫn còn hoa cúc vàng rực rỡ, chỉ có tôi với những nỗi ngậm ngùi vẫn tràn lan, và lòng mỗi ngày một nâu héo thêm thôi. ●

Chữ Nghĩa Truyện Kiều

Hồng-Huy



"Ý đã cao mà bút đã tinh"

Vũ Hoàng Chương

(Cảm đề Đoàn Trường Tân Thanh)

Tôi viết bài này cốt để trình bày một nhận định: Trong truyện Kiều có nhiều chữ, nhiều ý khó hiểu, người trình độ cao vẫn có thể giảng lầm.

Về số lượng, tôi chỉ nêu ra một ít trường hợp để không vượt quá khuôn khổ một bài báo. Về người luận nghĩa, tôi chọn các vị có thẩm quyền, kiến thức khó bị nghi ngờ. Về hoàn cảnh chú giải, tôi trích dẫn toàn trường hợp "phủ chính". Điểm cuối cùng quan trọng, vì khi sửa lại cách hiểu đã có, người luận nghĩa phải nghiên cứu thật kỹ, chớ không chỉ làm thời nghĩ ra.

Sau đây, tôi sẽ trích dẫn theo trình tự thời gian: Kiến giải nào được công bố trước, tôi nêu ra trước.

A- Về kiến giải của nhà thơ Vũ Hoàng Chương.

Năm 1971, nhà xuất bản Nam Sơn cho ra cuốn *Chân Dung Nguyễn Du*, phần chính gồm 12 bài khảo luận. Trong số tác giả có nhiều vị lúc bấy giờ đã nổi tiếng trên văn đàn, như Nguyễn Sỹ Tế, Doãn Quốc Sỹ, Vũ Khắc Khoan, Nguyễn Văn Trung, Đinh Hùng, Trần Bích Lan, Trần Thanh Hiệp, Thanh Tâm Tuyền, Vũ Hoàng Chương. Bài *Góp Phần Hiểu Biết* của Vũ Hoàng Chương được in ở đầu tập.

Sở cứ bài của Vũ Hoàng Chương là bài nói chuyện trước đó mấy năm

của Đoàn Phú Tứ. Chủ đề là "sự thiếu chủ từ trong thơ Việt, và trong truyện Kiều". Ông Đoàn chủ trương rằng trong truyện Kiều có những chỗ vì thiếu chủ từ, nên trở thành khó hiểu. Ông nêu ra 4 trường hợp làm thí dụ. Vũ Hoàng Chương chỉ đồng ý với cách biện giải của Đoàn Phú Tứ ở trường hợp cuối cùng.

Nói chung, Vũ Hoàng Chương cho rằng trong truyện Kiều, cũng như trong thơ Việt, vấn đề thiếu chủ từ, hoặc chủ từ không "hiển nhiên", không hề tạo ra tình trạng tối nghĩa. Nhất là đối với thiên tài Nguyễn Du. Với 4 trường hợp Đoàn Phú Tứ thắc mắc, ông Vũ đều tìm ra được chủ từ.

Đoàn Phú Tứ đã nêu 4 trường hợp sau đây:

1-"Chập chờn cơn tỉnh cơn mê,

"Rón ngời chẳng tiện, dất về chín khôn.

Ông Đoàn thắc mắc: Nguyễn Du nói ai, Kim Trọng hay Thúy Kiều? Rồi ông nghĩ đó là Kim Trọng.

Ông Vũ không đồng ý. Ông cho rằng tác giả nói cả hai; đọc kỹ cả đoạn, sẽ nhận ra chủ từ chung là "người quốc sắc kẻ thiên tài".

2-"Gieo thoi trước chẳng giữ giàng,

"Đề sau nên thẹn cùng chàng bởi ai?

Ông Đoàn cho rằng động từ "gieo" không có chủ từ; độc giả có thể hiểu lầm đó là lời Thúy Kiều "đe dọa" Kim Trọng: *Nếu chàng sàm sỡ, thiếp sẽ ném thoi cho chàng gãy răng...* Rồi ông kết luận chủ từ phải được hiểu ngầm là Thôi Oanh Oanh.

Ông Vũ không đồng ý, viết: "...câu thơ gieo thoi không thể có một cá nhân nào làm chủ động, và chủ từ của nó cũng không phải là Thúy Kiều hay Thôi Oanh Oanh... Tính cách phiếm chỉ của động từ "gieo" như thế đã rõ rệt".

Ý của ông Vũ là Nguyễn Du nói lên một sự "đáng tiếc", chỉ nói trống không, chớ không phải muốn nói Thôi Oanh Oanh mà vì hành văn thiếu chủ từ, nên độc giả hiểu lầm ra Thúy Kiều.

3-"Nào người cũ gió tuần mưa,

Ông Đoàn cho rằng "cũ gió tuần mưa" là từ bỏ túc của chữ "người", và thắc mắc không biết ai "nào" cái người cũ gió tuần mưa ấy.

Ông Vũ không đồng ý. Ông cho rằng câu thơ trích dẫn đặt đảo, và chính "cũ gió tuần mưa" là chủ từ của động từ "nào". Ông vạch rõ không thể dùng chữ "nào" để mở đầu một câu, như chữ "xót", chữ "thương" được.

4-"Còn non còn nước còn dài,

"Còn về còn nhớ đến người hôm nay.

Ông Đoàn nêu câu hỏi: Ai về, ai nhớ? Rồi lý luận rằng chỉ có một mình Kim Trọng ra đi, chớ Thúy Kiều không đi đâu cả. Có đi thì mới có về. Vậy những ý ấy là nói về Kim Trọng.

Ông Vũ khen ông Đoàn lý luận chặt chẽ, và đồng ý.

*
*
*

Trên bình diện chung, chúng ta dễ dàng đồng ý với Vũ Hoàng Chương hơn là với Đoàn Phú Tứ. Trong thơ và ca dao Việt, không thiếu gì những câu không có chủ từ, nhưng trường hợp vì thế mà tối nghĩa, chắc chắn rất hiếm. Và đó là ý của Vũ Hoàng Chương.

Nhưng vấn đề ở đây, là chính Vũ Hoàng Chương đã giải thích không thỏa đáng hai trường hợp 2 và 3.

Trường hợp 2:

Chúng ta nên dẫn cả đoạn để dễ luận:

"Ngắm duyên kỳ ngộ xưa nay,
Lúa đôi ai lại đẹp tày Thôi Trương.
Mây mưa đánh đổ đá vàng,
Quá chiều nên đã chán chường yếm anh.
Trong khi chấp cánh liền cành,
Mà lòng rẽ rúng đã dành một bên.
Mái Tây để lạnh hương nguyên,
Cho duyên dầm thắm ra duyên bề bàng.
Gieo thoi trước chẳng giữ giàng,
Để sau nên thẹn cùng chàng bởi ai?
Vội chi liễu ép hoa nài,
Còn thân đất lại đền bồi có khi."

Để Kim Trọng dùng "vội liễu ép hoa nài", Thúy Kiều dẫn ra câu chuyện tình dang dở, của Thôi Oanh Oanh và Trương Quân Thụy, ở mái tây chùa Phổ Cứu. Hai câu cuối nhắc lại lời của Oanh Oanh viết cho Quân Thụy, khi hai người đã xa nhau.

"Gieo thoi" tức là ném cái thoi ra. Chữ này lấy ở điển "đầu thoa": Tạ Côn là tay phong lưu. Một hôm sang nhà láng giềng gheo cô gái đang dệt vải. Cô gái không khứng, ném cái thoa vào mặt Tạ, làm anh ta gãy 2 chiếc răng. Điển này, cũng có sách ghi là "đầu thoa chiết xỉ".

Trong thơ gửi cho Quân Thụy, Oanh Oanh tỏ ý hối hận trước kia đã không giữ giá bằng cách "đầu thoa chi cự" (ném thoi để phản kháng), mà lại chiều lòng tình lang, khiến bây giờ bị tình lang rẽ rúng.

Rút kinh nghiệm đó, Thúy Kiều nhắc lại chính cái ý ân hận của Thôi Oanh Oanh, để ngăn Kim Trọng, mà cũng là để nhắc nhở chính mình.

Xét về mặt ngữ pháp, động từ "gieo thoi" thuộc về Oanh Oanh; lời là của Thúy Kiều; chữ "chàng" chỉ

Trương Quân Thụy, hoặc người tình nói chung. Thử đảo câu lại và thêm vài chữ cho dễ hiểu: *Trước nàng đã chẳng gieo thoi để giữ gìn danh tiết, nên bây giờ nàng phải ngượng cùng chàng, là chính tại nàng.*

Đây là một ý có chủ động, chứ không phải "phiếm chỉ" như Vũ Hoàng Chương luận.

Điểm qua các bản dịch truyện Kiều ra tiếng Pháp, tiếng Anh, tôi nhận thấy có bản của Nguyễn Khắc Viện dịch chỗ này rất chính:

"La belle Thôi aurait dû lancer sa navette

"Pour n'avoir plus tard à rougir de son amour

Trường hợp 3:

Tôi nhận thấy ý của Vũ Hoàng Chương không phải là vô lý, nhưng máy móc. Và lại, cũng mâu thuẫn với ý chung của chính ông, là trong thơ Việt, không nhất thiết động từ nào cũng phải có chủ từ hiển nhiên.

Hơn nữa, ông đã đem đối chiếu chữ "nã" ở đây với 2 chữ "xót" và "thương", sao không chấp nhận cho Nguyễn Du dùng chữ "nã" theo kiểu 2 chữ này vẫn quen được dùng, là nói trống không:

"Phòng không thương kẻ tháng ngày chiếc thân.

"Xót người trong hội đoạn trường đời cơn.

Muốn tìm chủ từ của 2 động từ "thương" và "xót" trong 2 câu dẫn trên, chắc phải lần đến tận tác giả. Cũng như những động từ không đi với chủ từ hiển nhiên trong những câu sau đây:

"Cỏ thơm lần gió trước đèn,
hay:

"Trước đèn xem truyện Tây Minh,

Cách nói trống không này là một đặc điểm của thơ Việt. Chủ từ gần như lúc nào cũng có thể hiểu ngầm được. Và nếu câu có ý tán thán, thì "hành vi" thuộc về tác giả. Trường hợp câu *Nã người cũ gió tuần mưa* cũng vậy. Câu này có thể đổi thành: "Thật tội cho người phải dãi gió dầm mưa". Tỏ ý thương Kim Trọng đây, chính là Nguyễn Du.

Được dùng như chữ "thương", chữ

"xót" để mở đầu một ý tán thán, mà thường chủ từ được hiểu ngầm là chính tác giả, còn có các chữ: *Giận, hận, căm, tiếc...* Tùy theo âm điệu của câu thơ, có khi những chữ ấy cần đi với những tiếng đệm như "cho", "thay", "rằng", hoặc không cần.

Ở đây, tác giả truyện Kiều đã dùng chữ "nã" theo kiểu này. Và cách dùng không có gì là khiên cưỡng. Và lại, dù cho chữ "nã" nghe có vẻ hơi lạ, thì đó cũng là quyền sáng tạo của một tác giả: Trong khi làm văn, tác giả dùng chữ mới, hoặc dùng chữ cũ theo cách mới.

(Nhưng cũng có người cho rằng động từ "nã" có chủ từ là Thúy Kiều: Nhà biên khảo Lê Văn Hoè viết: "*Nã người cũ gió tuần mưa là thiếu nã thay cho người phải dãi dầu mưa gió liên miên dọc đường. Đây là ý nghĩ của Kiều đối với Kim Trọng khi chàng đi khỏi. Dịch giả Nguyễn Văn Vĩnh viết: "Elle s'attrista de voir son bien-aimé aller affronter les intempéries sur les longs chemins).*

B. Về kiến giải của dịch giả Huỳnh Sanh Thông.

Truyện Kiều dịch ra tiếng Anh, tôi chỉ được đọc hai cuốn: Một của Lê Xuân Thủy, một của Huỳnh Sanh Thông. Không biết có còn cuốn nào khác không?

So với nhau, cuốn sau đúng hơn, và hay hơn nhiều. Cuốn trước có



những chỗ dịch không đúng; không phải vì dịch giả không giỏi tiếng Anh, mà chỉ vì hiểu lầm ý của nguyên tác. Cuốn sau tránh được hầu hết những lỗi này. Ngoài ra, cuốn sau có chú thích khá kỹ (trên 400 điểm).

Nhưng trong các chú thích ấy, có một chỗ tôi nghĩ là lầm. Cái lầm chi phối cả 3 mặt: Chú thích, văn bản, và lời dịch.

Trường hợp này thuộc về câu 32.

Xưa nay, về câu này, các bản chữ Nôm cũng như Quốc ngữ đều không có “dị bản”. Bản nào cũng chép:

“Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương.”

Và đều giải thích “hồ cầm một trương” là một cây hồ cầm.

Nhưng trong cuốn *The Tale of Kiều*, giáo sư Huỳnh Sanh Thông chép câu đó là: “nghề riêng ăn đứt hồ-cầm Ngại Trương”, và dịch thành “and played the lute far better than Ai Chang”. Ở phần chú thích riêng cho 2 chữ “Ngại Trương”, dịch giả ghi: *Ai Chang/ Ai Ju-Chang (Ngại Như Trương), a musician celebrated in a Han song, Ai Ju-chang.*

Cứ theo đây, thì 2 chữ cuối của câu Kiều kia là tên người. Và nghĩa của câu ấy là: Nàng chuyên về hồ cầm, và chơi giỏi hơn cả Ngại Trương nữa.

Đây hiển nhiên là một phát kiến. Và trước khi được đọc dịch phẩm của giáo sư Thông, tôi đã đọc thấy phát kiến ấy ở bên nhà. Tôi cố tìm hiểu thử xem nó có lý đến mức nào.

Trước hết, xét về mặt tự dạng chữ Nôm, chữ “trương” dù là tên người, hay là “cây”, thì viết cũng giống nhau. Riêng chữ “một” viết với bộ “thủy” và chữ “thù”, thì có phần bên mặt giống chữ “ngải” (viết với bộ “thảo” và chữ “nghệ”). Nhưng cả chữ, thì chữ “một” không giống chữ “ngải”.

Vả lại, xưa nay không có dị bản ở trường hợp này.

Nhưng, để rộng đường dư luận, chúng ta cũng thử đặt giả thuyết nguyên Nguyễn Du đã viết câu ấy là: *Nghề riêng ăn đứt hồ cầm Ngại Trương* (Chữ Hán và chữ Nôm không viết hoa). Về sau, người ta chép lầm

chữ “Ngại” ra chữ “một”. Rồi người phiên, người chú giải hiểu đó là “một cây” (một cái, một chiếc...)

Bây giờ, chúng ta thử xét về mặt điển tích.

Tra kỹ các từ điển chữ Hán, đặc biệt là bộ *Từ Nguyên*, là bộ sách chứa đủ những điển tích thường được dùng trong văn chương cổ của Tàu và của ta, quả có chữ “Ngải Như Trương”.

Nhưng chữ này là tên một bản nhạc quân hành thông dụng đời Hán, chớ không phải tên một nhạc sĩ, hay nhạc công.

Sách chú: *Ngải Như Trương: Hán, náo ca danh.*

Quân nhạc ngày xưa được gọi là “kỵ xúy” hay “náo ca”.

Tra ở chỗ chữ “náo ca”, thấy chú: *Theo qui chế nhà Hán, mỗi khi đại quân lên đường, người ta đánh trống và thổi ống tiêu ngắn làm nhạc quân hành, tức loại ca này. Có những bài sau đây: Châu Lộ, Tư Bi Ông, Ngải Như Trương, Thượng Chi Hồi, Ung Li, Chiến Thành Nam, Vu Sơn Cao, Thượng Lăng, Tương Tiến Tiểu, Quân Mã Hoàng, Phương Thụ, Hữu Sở Tư, Trĩ Tử Ban, Thánh Nhân Xuất, Thượng Tà, Lâm Cao Đài, Viễn Như Kỳ, Thạch Lưu, Vụ Thành, Huyền Vân, Hoàng Tước Hành, Diệu Can. 18 bài đầu còn lưu truyền; 4 bài sau đã thất truyền.*

Cứ theo cách ghi chú rất kỹ này, chúng ta có thể nghĩ rằng nếu “Ngải Như Trương” vốn là tên nhạc sĩ, sau được dùng để gọi một khúc ca, thì sách tất phải ghi.

Hơn nữa, khi nói đến những khúc “náo ca” trong đó có bài “Ngải Như Trương”, người ta không hề đề cập đến “hồ cầm”.

(Tôi vẫn nhớ, trong bài *Lương Châu Từ* của Vương Hàn, có câu: “Giục ẩm, tì bà mã thượng thời”. Nhưng đó là chuyện khác).

Còn nghĩa riêng của 3 chữ “ngải như trương”? Có thể là một cái tên người không? Rất có thể. Chữ “ngải” (đọc “ngại” cũng được) có nhiều nghĩa, trong đó có nghĩa là một cái “họ”. Đây là một cái họ hiếm: Trong các từ điển, chỉ có bộ *Viễn Đông Hán*

Anh Đại Từ Điển có ghi.

Nhưng nếu “ngải như trương” không phải là tên người, thì có nghĩa gì không? Có, và nghĩa này phù hợp với một bản nhạc quân hành: “Đã già mà còn ra trận được” (“Ngải” có nghĩa là trên 50 tuổi; chữ “như” ở đây có nghĩa như chữ “nhi” là “mà”; “trương” là “giương cung”).

Câu viện tới nguyên truyện của Thanh Tâm Tài Nhân, thì cũng không rõ ràng gì hơn. Về tài đàn của Thúy Kiều, nguyên truyện chỉ viết: *Tính thiện hào hoa, hựu thiện âm luật, tối thiện hồ cầm* (Tính hào hoa, giỏi âm luật, chơi hồ cầm tuyệt hay).

Một nhận xét nữa: Những điển tích Nguyễn Du dùng trong truyện Kiều đều có xuất hiện trong những tác phẩm khác, của ta và cả của Tàu. Riêng chữ “Ngải Như Trương” (nhân danh) tuyệt nhiên không thấy.

Để kết luận, tôi xin nêu một giả thuyết nhỏ: Có lẽ đầu đuôi cũng chỉ tại chữ “trương” rắc rối. Nó có thể được hiểu theo nghĩa “cây, cái”, nhưng quả tình, nói “một trương hồ cầm”, hoặc “một trương đàn”, thì nghe không quen tai chút nào. Phải chi ở chỗ đó là chữ “cây”: “*Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một cây*” thì chắc thiên hạ đã không mất công dị nghị, và đi tìm chữ khác để thay thế.

C. Kiến giải của giáo sư Đàm Quang Hưng.

Tạp chí *Tự Do* (Houston, Texas) số ra trong tháng 11.1990, giới thiệu giáo sư Đàm Quang Hưng như sau:

“Giáo sư Đàm Quang Hưng là một trong những học giả am tường về chữ Hán cũng như chữ Nôm rất mực. Với một lòng yêu chuộng văn học cũng như ngữ học và với một cơ duyên bất ngờ giáo sư Hưng đã nghiên cứu bản *Kiều Nôm Cổ* và tìm ra nhiều điểm lý thú, bất ngờ mà chưa ai biết đến. Đây là những khám phá mới lạ, giá trị và giải tỏa rất nhiều nghi vấn trong tác phẩm “*Kim Vân Kiều*”.

Theo lời giáo sư Đàm Quang Hưng, thì trong khi ông đang sống ở Mỹ, con ông còn ở Sài-Gòn, ngẫu

nhiên mua được bản Kiều nôm kia bày bán ở lề đường, gởi cho ông. Đây là một bản chép tay. Người chép là Lâm Nhu Phu, quán đất Tiểu Tô thuộc châu Hoan, làm việc ở bộ Công, dưới triều Tự Đức; chép xong ngày 19 tháng 8 năm Canh-Ngọ (1870).

Căn cứ vào bản Kiều chữ Nôm này, Đàm giáo sư đưa ra một số nhận xét trong bài “Giải đáp một số nghi vấn trong truyện Kiều qua một bản Kiều Nôm cổ”, đăng trên số Tự Do đã nói.

Sau đây, tôi xin trích dẫn, và bàn kỹ ở những chỗ cần thiết.

Trước hết, một nhận xét rất đáng:

Theo giáo sư Hưng, bản Lâm Nhu Phu (LNP) dài hơn các bản Kiều thông dụng 2 câu (3256 câu, thay vì 3254). Hai câu thêm là:

“Nét sầu khôn cưỡng, lệ tình khôn ngăn.

“Ra vào thui thủi chiếc thân,

Hai câu này chen vào giữa 2 câu 1885 và 1888 của những bản thông dụng, thành một đoạn:

“Sớm khuya hầu hạ dài doanh,

“Nét sầu khôn cưỡng, lệ tình khôn ngăn.

“Ra vào thui thủi chiếc thân,

“Tiểu thư trông mặt, xa gần hỏi tra.

Giáo sư Hưng cho rằng LNP đã chép đúng, vì phải như thế mới có lý.

Đúng. Ai đọc kỹ văn bản truyện Kiều, cũng đều nhận thấy ở chỗ ấy, ý không liên tục. Không lý nào, trong khi hầu hạ chủ, Thúy Kiều không có thái độ gì khác lạ, mà Hoạn Thư lại cứ “chạm mặt thì hỏi tra”?

Cũng nhận thấy như thế, nên vua Tự Đức và các văn thần đã chữa:

“Sớm khuya hầu trước dài doanh,

“Nét sầu không gượng giọt tình khôn hoen.

“Tiểu thư trông thấy quả liền:

“Sa mây nặng mặt bởi duyên có gì?

So ra, thì hai câu của bản LNP gọn và hay hơn.

Nhưng vấn đề ở đây không phải là hay dở, mà là tác giả đã viết như thế nào. Ai dám chắc là chính Nguyễn Du đã viết gọn như bản LNP, hoặc rõ như bản Kinh? Chữa lại cho dễ hiểu

hơn, cho hợp lý hơn, thậm chí cho hay hơn, ở một vài chỗ trong truyện Kiều, thì không khó. Cái khó nằm ở chỗ không biết tác giả đã viết ra sao. Vì thế, các nhà hiệu đính văn bản truyện Kiều xưa nay vẫn phải thận trọng.

Tiếp theo, giáo sư Hưng trích dẫn một số chữ chép khác trong bản LNP, và cho rằng những chữ ấy đúng hơn. Có tất cả 6 chỗ:

1-“yến anh - yến oanh”; 2-“nói - thốt”; 3-“lặng ngắt - lạnh ngắt”; 4-“ngần ngừ - ngắn ngo”; 5-“bước dần - bước lần”; 6-“tha thần - thơ thần”.

Những chữ đặt phía trước là chữ của bản LNP, và là chữ giáo sư Hưng đề nghị nên dùng.

Tôi nhận thấy ở cả 5 trường hợp đầu, ý giáo sư Hưng đều đúng. Riêng trường hợp cuối, cần phải xét lại. Tôi nghĩ “thơ thần” không khác nghĩa mấy với “tha thần”; cả hai đều có nghĩa là “thong thả”, “không vội”. (Cũng có bản chép là “thong thả”). Chỉ chữ “thờ thần” mới có nghĩa là “hững hờ, dửng dưng” như giáo sư Hưng nói, và mới không dùng được.

Nhưng phần sau đây mới là trọng điểm trong phát kiến của giáo sư Đàm Quang Hưng. Trước hết là “dung nhan đáng đáp của Thúy Vân” (câu 20); sau nữa là “tuổi và tình quen biết

giữa Kim Trọng và gia đình họ Vương” (câu 154).

Câu 20: Câu này xưa nay được tất cả các bản chép là:

“Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang.

Nhưng giáo sư Hưng thấy bản LNP chép là:

“Khuôn trăng đầy đặn, nét người nở nang.

Và ông cho là câu này hợp lý hơn. Ông luận: “Trên thế giới, dù sắc dân nào và ở thời đại nào đi nữa, một người đàn bà có cặp lông mày rậm không thể nào là một người đàn bà đẹp được”. (Đây là ý của một người Pháp có nghiên cứu truyện Kiều, ông Hưng nhắc lại).

Rồi ông luận tiếp: “Cụ Nguyễn Du muốn mô tả một nàng Thúy Vân phúc hậu, đã mô tả khuôn mặt của Thúy Vân tròn trĩnh và thân hình của Thúy Vân đầy đặn. Cụ Nguyễn Du đã có cái táo bạo của một nhà văn cấp tiến khi mô tả Tú Bà bắt Thúy Kiều tắm trong màn ở thanh lâu cho Thúc Sinh coi thì ắt hẳn có dư cái táo bạo khi mô tả nhan sắc Thúy Vân qua hai phần: khuôn mặt và thân hình như những giám khảo trong cuộc thi hoa hậu quốc tế ngày nay”.

Lẽ ra, giáo sư Hưng không cần phải quá thận trọng như thế. Độc giả của ông không nghĩ rằng tác giả truyện Kiều không đủ táo bạo đâu. Họ chỉ nghĩ “nét người nở nang” của



bản LNP khác với “thân hình đầy đặn” của giáo sư. “Đầy đặn” thì có thể đẹp; nhưng “nở nang” thì không thể đẹp được.

Nhưng chúng ta hãy trở lại với câu “*Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang*”.

Sách *Tướng Pháp* có câu: “Diện như mãn nguyệt, mi nhược ngọa tâm, thị phúc hậu chi tướng” (Mặt như trăng tròn, lông mày như con tâm nằm, đó chính là tướng phúc hậu).

Trong *Từ Nguyên*, chữ “ngọa tâm” được chú nghĩa: Như ngọa tâm hình đích mi mao (Lông mày giống hình con tâm nằm).

Rõ ràng, tác giả truyện Kiều tả dung nhan Thúy Vân theo tướng pháp, và một cách ước lệ. Nhưng vì vậy, Nguyễn Du đã dùng chữ “ngài” thay cho chữ “tâm”, nên đã tạo một ít khó khăn cho các nhà chú giải. Rồi hậu quả là “mày ngài” lẫn lộn với “mày tâm”.

Thật ra, “mày tâm” mới là “phúc tướng”, và là của Thúy Vân. Còn “mày ngài” chỉ là “mỹ mạo”, không dùng ở đây.

Trong *Từ Nguyên*, chữ “nga mi” (mày ngài) được chú nghĩa đại ý: Râu của con ngài (bướm tằm), mảnh, cong và dài; lông mày ai giống như thế thì được coi là đẹp.

Còn như thắc mắc rằng lông mày mà “như con tằm” thì không đẹp, chẳng qua là vì chúng ta quên khuynh hướng ước lệ của văn xưa đó thôi. Nói “như con tằm” chỉ là một cách nói tượng trưng. Cũng như mặt “chữ điền” được coi là đẹp, là phúc hậu (cả Hàn Mặc Tử, và bộ *Từ Nguyên*, cũng đồng ý như vậy). Nhưng “chữ điền” như thế nào kia, chớ vuông đúng như cái khay, thì coi sao được.

Câu 154: Câu này các bản đều chép là:

“*Với Vương Quan trước vốn là đồng thân.*”

Nhưng giáo sư Hưng thấy bản LNP chép khác:

“*Với Vương Ông trước vẫn là tương thân.*”

Và ông chọn câu sau, vì:

- Kim Trọng nổi tiếng thông minh, cùng học với Vương Quan thì phải ít tuổi hơn, hoặc bằng tuổi với Vương

Quan là cùng. Như vậy anh ta chỉ khoảng 11, 12 tuổi, nhỏ tuổi hơn Thúy Kiều.

- Lễ nào một cậu bé con như thế lại đi mê cô gái 15, 16 tuổi, để rồi có lúc than thở với người yêu như ông cụ non: “*Những là đắp nhớ đối sầu, tuyết sương nhuốm nửa mái đầu hoa râm*”.

Bây giờ, thay vì là bạn học của người em, Kim Trọng trở thành bạn vong niên của người cha, thì mọi sự đều ổn.

Nhưng thật ra không ổn.

Trước hết, bạn học không nhất thiết là học cùng lớp. Và dù là cùng lớp, cũng không nhất thiết phải bằng tuổi nhau. Không cần nói đến những trường chữ Hán ngày xưa, ngay trong một trường Pháp-Việt thời tiền chiến, học trò cùng lớp có khi hơn kém đến năm, bảy tuổi.

Vả lại, một trường học lớn ngày xưa, tuy chỉ do một người dạy, cũng thường chia làm 3 hạng: Đại tập, trung tập, tiểu tập. Chia đây là chia theo học lực; nhưng thường thì học sinh đại tập đã lớn tuổi.

Giả sử, Kim Trọng và Vương Quan học cùng thầy, nhưng Kim là đại tập, còn Vương là tiểu tập, thì sao? Họ cũng coi nhau là bạn học được chớ? Về sau, hai người “cùng chiếm bảng xuân một ngày”, nhưng điều này cũng không bắt buộc họ phải ngang tuổi nhau. Có thể, Vương Quan may mắn.

Tuy nhiên, với trường hợp này, nguyên truyện giúp chúng ta giải quyết dứt khoát hơn:

- Về thân thế và tuổi tác của Kim Trọng, nguyên truyện viết: *Lý trung, hữu nhất đương gia tú sĩ, tính Kim danh Trọng, biểu tự Thiên-Lý. Sinh đắc mạo loại Phan-An. Tài nhược Tử-Kiến. Niên phương nhược quan.* (Trong làng có một chàng trai anh tuấn. Họ Kim tên Trọng. Tên tự là Thiên-Lý. Mặt đẹp như Phan-An. Tài cao bằng Tào-Thực. Tuổi vừa 20).

- Về điểm Kim Trọng quen biết thế nào với chị em họ Vương, chỉ cần đọc chỗ họ đi chơi Thanh-Minh: *Hốt kiến nhất thư sinh kỳ mã viễn viễn nhi lai.*

Vương Quan nhận đắc thị đồng song khế hữu Kim Trọng (Chợt trông thấy một thư sinh cỡi ngựa từ xa đi lại. Vương Quan nhận biết đó là người bạn học Kim Trọng).

D. Về kiến giải của Học giả Hoàng Xuân Hãn.

Tạp chí *Văn Học* số 108 ra tháng 4.1995 có đăng bài nhà báo Nguyễn Nam Anh phỏng vấn học giả Hoàng Xuân Hãn. Bài phỏng vấn đề cập đến nhiều vấn đề. Nhưng ở đây, tôi chỉ trích dẫn những gì liên hệ đến truyện Kiều.

Tôi cũng xin nêu lại những chi tiết có thể tăng thêm sức thuyết phục ngoại tại cho những ý kiến của Hoàng học giả.

Ở đầu bài phỏng vấn, Toà soạn *Văn Học* giới thiệu học giả Hoàng Xuân Hãn là “con người của lịch sử và trí tuệ”. Và rải rác trong những câu trả lời, chúng ta có thể nhận thấy học giả là một người rất trung thực và hết sức tự tin.

1. Học giả là một nhà khoa học, một nhà toán học, nhưng bây giờ khoa học, toán học tiến bộ khác trước, ông thành thật nói ra cái yếu kém của mình: “*Con em của tôi làm luận án khoa học, tôi đọc mà chẳng hiểu gì cả*”. Sự thành thực này, không phải ai cũng có.

2. Về chữ Hán, chữ Nôm, ông cho biết ông đã dạy cho nhiều người, trong đó có người rất giỏi. Mặt khác, khi đề cập đến các ông Lê Ngọc Trụ, Lê Thọ Xuân, Vương Hồng Sển, ông nói: “*Nhưng các ông thiếu kinh nghiệm về đường chữ Nho, hay biết chữ Nho cũng biết vừa, nên sách các ông ấy viết đúng đắn hơn nhiều người khác, nhưng giá trị khảo cứu thì phải xét từng “cas” một chứ không thể kết luận chung được*”. Đây là những lời rất thẳng, không phải ai cũng có thể nói, và dám nói.

3. Về công phu khảo cứu truyện Kiều, ông cho biết trong bốn năm mười năm nay, ông làm công việc truy tìm cho đến nguồn của truyện Kiều.

4. Về nguồn gốc và văn bản truyện

Kiều, ông nói:

a/-"Sách Gia phả nói cụ (Nguyễn Du) đi sứ sang Tàu năm 1813, khi về mang cuốn Kiều bên Tàu về rồi mới viết truyện Kiều, theo tôi, không đúng đâu!

b/-"Trong hai ba chục cuốn Kiều quốc ngữ in ra trong vòng 50 năm nay, không có cuốn nào tin được đâu... Như một ông phán trong Nam báo cụ Nghè Mai cho ông ấy một bản Kiều vốn của cụ Nguyễn Du. Những cái đó không đúng đâu, họ bịa ra cả.(1)

Và trong cuộc phỏng vấn, Hoàng học giả có đề cập đến cuốn Chính Phụ Ngâm Bị Khảo của ông. Chữ "bị khảo" chứng tỏ ông làm việc cẩn thận, và tin ở công việc mình làm. Người nào làm việc vội vã, hoặc thiếu tự tin, hoặc khiếm tốn hão, thì cứ việc để là "sơ khảo", "lược khảo"; phần ông, ông gọi công trình của ông là "bị khảo" (khảo thật đầy đủ). Phải, cũng rất nên như thế. Để gây niềm tin tưởng đầu tiên cho độc giả.

Bây giờ, xin mời các bạn nghe học giả Hoàng Xuân Hãn cho ý kiến về 2 chữ trong truyện Kiều.

I. Về chữ thứ ba trong câu 176:

Xưa nay, đa phần các bản Quốc Ngữ đều chép câu này là:

"Giọt sương gieo nặng cành xuân la đà.

Ông Hoàng nhận xét: "Người phiên âm đầu tiên đọc chữ Nôm gồm một bên là bộ "thủ", một bên là chữ "liêu", rồi phiên âm ra chữ "gieo", vì nghĩ rằng sương trên trời gieo xuống cành. Nhưng đọc như thế không đúng. Chữ Nôm như thế phải đọc "treo", vì chữ "gieo" Nôm viết khác. Đọc như thế ta mới thấy cụ Nguyễn Du viết hay hơn nhiều. "Giọt sương treo nặng cành xuân la đà". Sương ban đêm đọng thành những hạt treo trên những cành cây non la đà, như thế hình ảnh đẹp hơn nhiều. Chữ "gieo" viết chữ Nôm một bên bộ "thủ xóc", một bên chữ "chiêu". Rõ ràng vì một người đầu tiên đọc chữ Nôm sai, rồi ai cũng đọc như thế cả mà không thấy cái hay của người xưa".

Ý kiến của ông Hoàng chỉ có vậy, nhưng tôi nghĩ cũng đã rõ ràng: Ông chủ trương chữ thứ ba phải đọc là

"treo" mới đúng, và đọc như vậy, ý câu thơ sẽ hay hơn.

Và đây là ý của tôi:

Trong truyện Kiều, có 8 chữ "treo", ở các câu: 210, 398, 467, 930, 1228, 1722, 2768, và 2939. Tất cả những chữ "treo" này bản Nôm nào cũng viết bằng chữ "liêu" (chữ Hán, gồm bộ "thủ" và chữ "liêu").

Có 14 chữ "gieo", rõ nghĩa, ở các câu: 174, 198, 519, 658, 666, 1677, 2534, 2636, 2672, 2703, 2963, 2970, 2987 và 3017. Tất cả những chữ "gieo" này, bản Nôm nào cũng đều viết bằng chữ "chiêu" (chữ Hán, gồm bộ "thủ" và chữ "triệu").

Riêng chữ thứ ba của câu 176 đang tranh biện đây, phần nhiều các bản cũng viết bằng chữ "chiêu", đọc là "gieo". Nhưng hai bản Kiều Oánh Mậu và Quan Văn Đường viết bằng chữ "liêu", đọc là "treo".

Tóm lại, về chữ thứ ba của câu Kiều 176 (đang dị nghị đây), từ trước cũng đã có người chủ trương phải đọc là "treo" (như ông Hoàng). Nhưng số này ít hơn số chủ trương đọc là "gieo".

Còn về chữ Nôm nói chung, hai chữ "gieo" và "treo" có khi còn được viết theo cách khác; và cũng có khi chữ nọ dùng cho chữ kia. Riêng chữ "gieo" còn có thể viết bằng bộ "thủ" với chữ "giao" (giao tiếp); hoặc bằng bộ "thủ" với chữ "dao" (cái bình).

Về tự dạng của các bản Kiều Nôm, dị biệt không chỉ xảy ra giữa những bản chép tay và những bản in, hoặc giữa những bản in của hai ba nhà khác nhau. Ngay những bản in của cùng một nhà, bản trước cũng có những chỗ khác với bản sau.

Vậy nên, cách luận nghĩa đôi khi cũng cần hỗ trợ cho cách hiệu đính, để xác định chữ đó là chữ gì.

- Luận nghĩa: Ông Hoàng cho rằng phải đọc là "Giọt sương treo nặng cành xuân la đà", thì mới hay. Nhưng tôi nghĩ ngược lại.

Xin chép ra đây một đoạn ngắn, để dễ nhận xét:

"Kiều từ trở gót trưởng hoa,

"Mặt trời gác núi, chiều đà thu không.

"Gương nga chênh chếch dòm song;

"Vàng gieo ngấn nước, cây lồng bóng sân;

"Hải đường là ngọn đông lân;

"Giọt sương gieo nặng, cành xuân la đà.

"Một mình lặng ngắm bóng nga,

"Rộn đường gần với nỗi xa bởi bời.

Chúng ta dễ dàng nhận thấy Nguyễn Du mượn một cảnh "động", động nhẹ nhàng, nhưng mà tất cả đều động, để dẫn độc giả đến cái tâm trạng bồi hồi của Thúy Kiều. Trong truyện Kiều, ngoại cảnh và nội tâm luôn luôn tương ứng. Đây: Mặt trời xuống dần; tiếng chiều ngân vang; mặt trăng nghiêng chiếu vào cửa sổ; ánh trăng lung linh trên mặt nước xao động; cây rung bóng trên sân; cụm hải đường ngả ngọn qua nhà hàng xóm; những giọt sương rơi xuống những cành cây sà thấp, đu đưa qua lại.

Trong cái toàn cảnh đó, chữ "treo" có nghĩa "tĩnh", e không hợp.

Vả lại, đọc là "treo nặng" thì nghe "cụ thể" quá. Trong một cảnh mà cái gì cũng mơ hồ huyền ảo như đoạn thơ trên, thì "gieo" nghe có vẻ "lãng đãng", "mông lung", hợp hơn.

II. Về chữ thứ ba trong câu 28:

Xưa nay, tất cả các bản Quốc Ngữ đều chép câu này là:

"Sắc đành đòi một, tài đành họa hai.

Câu này là một trong những câu Kiều dễ hiểu. Đừng chú ý riêng chữ nào, có lẽ ai cũng có thể hiểu đúng: Tài như Thúy Kiều, thì họa may được hai người, nhưng đẹp đến như nàng, thì chỉ có một.

Nhưng chữ "đòi" rất khó giải thích. "Đòi" là cái gì?

Hãy nghe học giả Hoàng Xuân Hãn luận:

- Các cụ đọc đến chữ "đòi", không biết cách nào khác liền đọc ra chữ "đòi", nghĩa ngày xưa là "nhiều", như "đòi phen" là "nhiều phen", hoặc có nghĩa là theo đòi, rồi họ cứ nắm hai cái nghĩa ấy mà giải thích. Tôi đọc nhiều bản Nôm cổ, thấy những câu văn có chữ "đòi" ở vị trí như "đòi một" như trên nhiều lắm. Lúc viết cuốn La Sơn Phu Tử, trong bản dịch Kinh Thi của La Sơn Phu Tử

có dùng chữ Núi Đồi, dịch từ chữ "Hộ sơn" của Kinh Thi. Tôi tra tự vị thì "Hộ sơn" là núi không có cây, núi trọc, núi trọc trơ trọi không cây cối. Tôi lại tìm hiểu xem nếu Nguyễn Du viết "trọi", tại sao không dùng những chữ có âm tương tự như thế, như "trụy" hay "trọc" chẳng hạn. Tra cứu thêm nữa, tôi mới biết chữ "đội" ngày xưa có hai âm, một âm đọc là "trụy". Như thế chắc chắn phải đọc câu Kiều trên đây thành: "Sắc đành trọi một tài đành họa hai". Ý nói sắc đẹp ấy chỉ có một mà thôi.

Tôi thấy cần mổ xẻ những ý có tính cách khẳng định của ông Hoàng trong đoạn trên.

Ông nói: Các cụ đọc đến chữ "đội", không biết cách nào khác liền đọc ra chữ "đòi"... "Các cụ" đây là ai mà có vẻ yếu chữ nghĩa, và hấp tấp quá vậy? Không lẽ các nhà phiên chú ngày xưa đều như vậy cả hay sao?

Trong truyện Kiều, có tất cả 14 chữ "đòi", nằm ở các câu: 28, 222, 788, 1241, 1245, 1251, 1265, 1270, 1718, 1820, 2443, 2797 (câu này có 2 chữ), và 2848.

Về nghĩa, trừ ở hai câu 28 (nói đây) và 1718 (Sảnh đường mắng tiếng đòi ngay lên hầu), những chữ "đòi" trong những câu kia đều có nghĩa là "nhiều".

Chữ "đòi" trong câu 1718 có nghĩa là "gọi".

Riêng chữ "đòi" xuất hiện sớm nhất, trong câu 28, nghĩa còn đang tranh biện.

Về tự dạng, 12 chữ "đòi" có nghĩa là "nhiều" kia, đều nhất loạt viết bằng chữ "đội" (chữ Hán, nghĩa là một toán người).

Còn 2 chữ "đòi" của câu 28 và câu 1718, thì cũng viết bằng chữ "đội", nhưng có thêm ở phía bên trái một chữ "khẩu" nhỏ. Có lẽ người viết cho rằng nghĩa 2 chữ này có liên hệ đến lời nói (đòi hỏi).

Thử hỏi trong một tình trạng rõ ràng như thế (với 13 chữ xuất hiện phía sau, không phân vân gì cả về cách đọc), "các cụ" không đọc chữ thứ 3 của câu 28 là "đòi", thì còn đọc là gì? Ông Hoàng không nên trách

họ.

Ông Hoàng căn cứ vào chữ "núi đồi" trong bản dịch Kinh Thi của La-Son Phu-Tử, rồi luận rằng "núi đồi" là "núi trọi". 2 chữ "trọi" và "trụy" tiếp âm với nhau, để đi đến kết luận là Nguyễn Du định viết ở chỗ ấy chữ "trọi", nhưng lâm thời không biết dùng chữ gì khác hợp lý hơn, phải dùng chữ "đội".

Theo tôi, lý luận của ông Hoàng khó được chấp nhận.

Trước hết, không lẽ nào một người uyên bác như Nguyễn Du, khi nghĩ ra chữ "trọi", lại không biết cách "nôm" nó ra sao, phải tạm dùng chữ "đội" đọc theo âm phụ là "trụy" (2). Sự việc có thể xảy ra như thế được sao?

Trong văn Nôm, mỗi khi cần viết chữ "trọi" (trơ trọi, hết trọi), ai cũng dùng chữ "lối" (ba chữ "thạch"), vừa tiếp âm vừa hợp ý. Chữ này có nghĩa là "nhiều đá", mà đất nhiều đá thì "trơ trọi".

Nhưng Hoàng học giả đã nghĩ ra chữ "trọi", chúng ta cũng nên đặt nó vào vị trí, thử xem chỉ về mặt nghĩa không thôi, nó có thể được chấp nhận hay không.

"Sắc đành trọi một, tài đành họa hai"

Các bạn cảm thấy thế nào? Phần riêng, tôi chẳng thấy chữ ấy có liên hệ chi với vị trí "áp đặt" của nó. Phải chăng nó có nghĩa "hết trọi" để chuyển qua nghĩa "chỉ còn lại", rồi chuyển tiếp qua nghĩa "chỉ có"? Đáng tiếc, ông Hoàng không nói rõ, nên chúng ta đành phải đoán.

Tóm lại, về cả hai mặt tự dạng và ý nghĩa, chữ "trọi" đều không ổn.

Nhưng còn chữ "đòi" xưa nay, thì sao?

Có lẽ chúng ta phải đồng ý với nhau rằng đây là một trong những chữ khó luận nghĩa nhất của truyện Kiều. Nó đã làm chúng ta tốn nhiều giấy mực và thì giờ. Như nãy giờ đây chẳng hạn. Nhưng hình như nó thách thức chúng ta đấy, các bạn. Ai nói đồng nói tây, mặc sức. Nó cứ "cố vị".

Phần tôi thì đã chịu thua nó, và chấp nhận nó từ lâu.

Đọc "Sắc đành đòi một", tôi cũng

thấy "chương chướng" như mọi người. Nhưng văn bản truyện Kiều là vậy, bản Nôm nào cũng chép như vậy, không có dị bản, thì còn biết làm sao hơn? Thiện tiện chữ lại ư? Rất dễ! Những chữ "có", "chỉ", "là", đều có thể thay chỗ cho nó được. Nhưng chúng ta không có quyền.

Vậy, chỉ còn một cách là chúng ta cố gắng tìm cách hiểu chữ "đòi" ở chỗ ấy.

Theo tôi, chữ "đòi" này có nghĩa là "đòi cho được", như "đòi tiền", "đòi xôi gấc"...

Trong câu 28, chữ "một" mới nghe như số đếm, nhưng với cách dùng chữ linh động của Nguyễn Du, nó có thể có nghĩa là "hạng nhất", là "số một".

Thay chữ "một" bằng chữ "số một", về đầu sẽ rõ nghĩa là: Sắc đành đòi "số một".

Tới đây, tạm ổn về mặt nghĩa, nhưng chưa ổn về mặt đối.

Câu 28 chia làm 2 vế đối với nhau: "sắc đành đòi một" đối với "tài đành họa hai". Nếu chữ "đòi" là "động từ", nó không đối chỉnh với chữ "họa" (trạng từ) của vế kia. Mà Nguyễn Du thường dùng đối rất chỉnh, chỉnh cả về mặt "từ loại" nữa. Vậy, chúng ta cũng nên cẩn thận đặt ra một điều kiện: Nếu trong truyện Kiều còn có những trường hợp khác, cũng đối không chỉnh về mặt "từ loại", thì chữ "đòi" nói đây mới được chấp nhận.

Cũng may là có. Xin trích dẫn mấy câu:

"Khách đà lên ngựa, người còn ghé theo".

"Dám xa xôi mặt, mà thua thót lòng".

"Dẫu thay mái tóc, dám dờn lòng tơ"

"Cũng liều mặt phấn, cho rồi ngày xanh"

(1). Đây nói về bản Kim Túy Tình Từ do Phạm Kim Chi phiên âm và chú giải, xuất bản năm 1917. Người phiên chú có nói là bản chữ Nôm đã được ông Nghè Nguyễn Mai, trong họ Nguyễn Tiên-Điền, cho mượn.

(2). Chữ "đội" có thể dùng thay cho chữ "trụy" (có nghĩa "rơi xuống", viết bằng chữ "đội" có thêm bộ "thổ" phía dưới). Khi đó, nó được đọc là "trụy".

Hậu Tấm Cám

Ngô Nguyên Dũng



Cún 1 nhún vai, chùn mũi, giọng quả quyết:

- Anh không biết đóng kịch.

Kiki hăng hái:

- Đâu có gì khó. Bình thường anh nói chuyện làm sao thì lúc diễn kịch, anh làm y vậy, chỉ cần thuộc bài.

Cún 2 thêm vào:

- Biết đâu chừng mai một anh trở thành tài tử điện ảnh số 1:

Cún 1 lắc đầu nguầy nguậy:

- Anh nhất định sẽ học nghề... phi hành gia. Lỡ không xong thì làm phi công hay lái xe đua cũng được. Tệ lắm cũng là... tài xế xe tắc-xi.

Kiki cố gắng thuyết phục:

- Nhưng tụi em định rủ anh đóng kịch giúp vui bố mẹ ngày đầu năm mà. Đóng một lần thôi, đâu ai bắt anh làm nghề đó.

Cún 2 tỏ mờ:

- Tụi em dành cho anh vai chính... hạng ba.

Cún 1 vùng vằng:

- Còn vai chính nhất, nhì thì em với Kiki đóng chứ gì. Biết ngay mà, khôn lắm!

Cún 2 cạ người vào vai anh, giọng dè nhẹ:

- Không, không phải vậy. Nhưng chị Kiki bảo em nhỏ tuổi nhất nhà, đóng vai chính nhất là đúng rồi. Còn Kiki là gái thì cho giữ vai chính nhì. Cũng đúng luôn. Chỉ thiếu người thủ vai chính ba.

Nghe Cún 2 tí tê, Cún 1 dậm tồ

mò, hỏi tới:

- Mà đóng tuồng gì vậy?

Cún 2 vừa nhếch môi thì đã bị Kiki bịt lại. Kiki ra điều kiện:

- Anh phải đóng chung, tụi em mới nói.

- Phải biết đóng vai gì, mới quyết định được chứ.

- Rủi nói ra, anh không chịu thì sao?

Cún 1 giơ tay lên trời:

- Xin hứa danh dự.

Cún 2 lấu tấu:

- Thề đi!

- Xin thề danh dự.

- Đứa nào không giữ lời hứa, sẽ bị trời phạt.

- Ủ, trời phạt.

- Sẽ.. sẽ... để con không có rún.

Cún 1 thắc mắc:

- Không có rún, cũng đâu sao.

Cún 2 phản đối:

- Có sao chứ. Thề đi!

- Ủ, sẽ sinh con không rún.

Kiki bùm miệng khúc khích:

- Anh Cún 2 để con, chuyện lạ bốn phương. Mà biết đâu chừng...

Cún 2 gật gù:

- Ờ, biết đâu chừng.

Cún 1 giục:

- Nói đi, anh phải đóng vai gì?

Cún 2 và Kiki đưa mắt ngó nhau, cù cưa. Hết nhìn trần nhà lại căn môi tùm tùm. Lát sau Cún 2 mới trịnh trọng cất lời:

- Theo ý chị Kiki là đạo diễn vở

kịch mừng tuổi bố mẹ nhân dịp đầu năm, anh được chọn để đóng vai... con Cám trong tuồng *Hậu Tấm Cám*.

Kiki sửa lưng:

- Đã nói nhiều lần rồi, không nên gọi người ta là con này con kia, nghe thiếu lịch sự, mà phải gọi là chị Cám.

Cún 1 ngơ ngác:

- Cám là con gái, sao Kiki không đóng, lại bắt anh?

Kiki giải thích:

- Tuồng này có hai vai nữ là Tấm và Cám, một vai nam là hoàng tử. Anh chị em mình lại là hai nam một nữ, nên em và Cún 2 chơi trò giả trai, giả gái cho vui ấy mà.

Cún 1 chỉ tay vào trán Cún 2, giọng bàng hoàng:

- Còn thằng này đóng vai con Tấm à?

Cún 2 tỉnh queo:

- Tấm đây, em Cám ơi!

Kiki cố làm mặt tỉnh:

- Còn em thủ vai hoàng tử. *Hậu Tấm Cám* kể thêm đoạn Tấm và hoàng tử vượt biên tị nạn cộng sản, định cư tại Hoa Kỳ. Một hôm có Cám gọi điện xin-tới thăm vì được tin Tấm mang bầu...

Kiki vừa nói tới đây, Cún 2 không nhin được nữa, ré cười bò ra thảm. Kiki cũng hức hức vài tiếng rồi ngoác miệng cười rống. Cún 1 vui lây, há miệng cười theo. Tuồng hát thành hình từ đó.

Sau nhiều tuần tập dượt vào những lúc bố mẹ không có nhà, sáng mùng một Tết, trong bàn điểm tâm có bánh tét và dưa món, cả ba nghệ sĩ "nghiep dư" thông báo cùng bố mẹ, gánh hát "Ba Con Tép" sẽ diễn tuồng *Hậu Tấm Cám* tại rạp "phòng khách" vào xuất 5 giờ chiều. Văn tuồng sẽ ăn cơm tối rồi đánh bài cào vừa.

Sân khấu là bốn cái bàn thấp kê vào nhau. Màn là tấm khăn trải giường màu xanh đậm, được khâu rìa vào sợi nhợ bằng nhiều cây kim tây, kéo ra đóng lại được. Các nghệ sĩ tí hon còn điệu hạnh lấy giấy kim nhũ, cắt chữ dán lên màn câu "Chúc mừng năm mới" và hai chiếc mặt nạ khóc cười. Bố nhìn mẹ tùm tùm. Mẹ nhìn

bố cười thầm. Người này đoán rằng chắc có “bàn tay lông lá” của người kia nhúng vào.

Đồng hồ điểm 5 giờ. Một tiếng mõ vang lên trong veo báo hiệu giờ mở màn. Mẹ kêu thầm: “Chết rồi, chúng nó dám lấy mõ tụng kinh của bà ra chơi.”

Rồi giọng Cún 2 thông thả cất lên:

- Gánh hát “Ba Con Tép” xin kính chào quý vị khán giả. Đầu năm chuột, toàn thể nghệ sĩ chúng tôi gồm đào Ba Diệu, kép độc Hai Quạu và kép nhí Tư Xí Xộn xin thương chúc hai quý khán giả một năm mới mạnh khỏe, đẹp đẽ và tươi trẻ.

Mẹ cười hưng hức. Bố khoanh tay cười hề hề. Kiki tiếp lời Cún 2:

- Chúng tôi hân hạnh cống hiến quý vị vở tuồng *Hậu Tẩm Cám* của soạn giả Thương Thương Hoài. Tuồng kể tới hồi cô Tẩm cùng chồng là hoàng tử Kim Long định cư tị nạn tại Hoa Kỳ. Cô Tẩm đang mang bầu tháng thứ ba. Một hôm có em là cô Cám ghé chơi.

Tiếng mõ lại vang lên. Màn từ từ kéo ra. Suýt chút nữa bố mẹ bỏ nhào xuống đất, cười thoả thích. Trên sân khấu, Cún 2 đang ngồi trên ghế. Cu cậu vẽ mặt làm đào, quần khăn che đầu tóc húi, mặc áo đầm khính của Kiki, còn lấy gối con độn bụng chình ỉnh. Còn Kiki búi tóc, vẽ râu, mặc quần dài, áo cụt tay mượn của Cún 1. Bố mẹ xô đẩy nhau, cười nức nở, không quên vỗ tay tán thưởng.

Hoàng tử Kim Long chấp tay sau lưng, đi qua đi lại, mặt đầm chiêu:

- Di Cám hẹn 4 giờ, mà đã 4 giờ rồi, vẫn chưa thấy. Quái lạ.

Nàng Tẩm đưa tay vuốt bụng bầu, thở dài:

- Ôi, người Việt mình, giờ đây thun, chàng để ý làm gì... Úi cha, đau!

Hoàng tử lật đật chạy tới bên vợ, quì xuống:

- Nó làm mình đau à?

Mặt nàng Tẩm nhăn như giẻ rách:

- Dạ, nó chồi đập dữ quá. Chắc là con trai, đang chơi đá banh trong đó.

- Mình có cần anh gọi bác sĩ không?

- Không cần đâu. Nè chàng!

- Gì đó cưng?

- Em cứ thắc mắc hoài.

- Thắc mắc gì?

Tẩm nũng nịu:

- Tối hạn 9 tháng 10 ngày, lúc chuyển bụng làm sao em phân biệt được?

Hoàng tử ngớ mặt:

- Phân biệt chuyện gì?

Giọng Tẩm vấp vấp:

- Ủ... thì... chuyện đau bụng đẻ với đau bụng đi ị đó mà!

Hoàng tử bụm miệng cười. Tẩm cũng lí nhí cười theo, tay không ngừng vuốt bụng. Còn bố mẹ, khỏi nói, nước mắt ràn rụa. Người nào cũng lăm le khăn giấy trong tay.

Cười rình rích xong, hoàng tử mới cao giọng lý luận:

- Để mà, chuyển bụng đẻ có hồi, còn đau bụng kia... ráo riết lắm.

Vừa lúc đó có tiếng gõ cửa “cóc, cóc”. Hoàng tử đứng lên, nói lớn:

- Mời vào, cửa không khoá.

Cám bước ra sân khấu. Đầu Cám đã quần khăn, còn che dù đen, đeo kính mát. Cám mặc áo đầm lưng thùng tới mắt cá. Trông Cám như một bà thầy bói đi đạo tiết Thanh Minh.

Bố bấm tay mẹ, thăm thì:

- Coi kìa, nó lấy dù và kính mát của anh.

Mẹ gục mặt vào vai bố, ngăn tiếng cười... khà ố. Giọng mẹ đứt quãng:

- Còn... còn.. chiếc áo đầm... là... của hội nhà thờ cho e..em lúc mới qua.

Trên sân khấu, Cám đã ngồi xuống ghế, cởi kính mát. Nàng Cám trang điểm lem nhem, vụng về. Tẩm bảo hoàng tử đi nấu nước pha trà, rồi dịu dàng cất lời:

- Lâu quá chị em mình mới gặp lại.

Cám lúng túng:

- Ủ, từ hồi mẹ mất tới giờ.

- Chị có gởi tiền về cho họ hàng lo chuyện chôn cất mẹ.

- Em cũng vậy.

Rồi Cám chăm chăm nhìn vào bụng bầu của Tẩm, ngạc nhiên:

- Ủa, mới bà tháng mà sao lớn dữ vậy?

Tẩm áp ứng:

- Tại... vì... chị mới ăn cơm xong, no quá. Còn em, chừng nào có bầu? Cám e then:

- Chưa chồng, ai dám có bầu?

- Chừng nào lấy chồng?

Cám ngập ngừng:

- Cũng không biết nữa. Lúc trước em đối xử ác nham với chị, bây giờ trời phạt, bắt em ở vậy một mình.

Tẩm đứng lên, tới cạnh Cám, vỗ vai em:

- Nếu muốn, em về ở chung với vợ chồng chị, đỡ buồn.

Nét mặt Cám âu sầu:

- Chắc không được, vì em đang có ý... cạo đầu đi tu.

Nói xong, Cám tháo bung khăn quàng. Tẩm giờ tay che miệng, giọng kinh ngạc:

- Trời đất, gần như... trọc lóc bình vôi!

Cám kể lể:

- Em đã qui y theo Bụt rồi, có tên là Thích Thị Mầu. Nghe hơi kỳ kỳ, nhưng nghĩ lại, thấy đúng lắm. Nếu mai này em đi tu, chị đừng tới thăm, em... cắt đứt dây chuông đó!

Tới đây, Cún 2 đá lông nheo khẽ nhắc anh: “Anh nói ầu, lộn tuồng rồi.” Cún 1 ngớ mặt, lăm lăm: “Quên mất tiêu rồi, làm sao đây?” May thay, vừa lúc Kiki mang khay trà ra đặt lên bàn. Kiki châm trà ra tách. Cún 2 không biết phải nhắc tuồng Cún 1 làm sao, đành nâng tách trà lên mời, rồi xướng giọng:

- Ngày xuân nâng chén, ta chúc nơi nơi...

Cún 1 và Kiki nhìn nhau, bối rối. Rồi hai đứa cũng nhún nhảy hoà theo:

- Mừng anh nông phu vui lúa thơm hơi...

Ca xong, cả ba nắm tay nhau cúi đầu chào. Bố mẹ đứng lên, vỗ tay hoan hô nhiệt liệt. Cún 2 và Cún 1 chạy ra kéo màn lại. Kiki vẫn rập lưng cúi chào khán giả, tuy miệng mỉm cười mà lòng ảm ức lắm. Chẳng hiểu sao, mới bung khay trà ra là vãn tuồng. Còn đoạn hoàng tử hạch hỏi nàng Cám về những “tội ác” khi xưa nữa chứ.

Kiki lau bầu, năm chuột này coi bộ “dịch hạch” quá, chán thì thôi! ●

LTS: Để gợi lại, chia-sẻ và giữ-gìn những kỷ-niệm của đời người bên cạnh nét đẹp quê-hương, tòa-soạn mở mục "Xóm cũ" để chào-đón các bài viết về phong-thổ, tập-quán, con người, đặc-tính địa-phương... Hãy ghi chép lại trước khi kỷ-niệm chìm sâu. Hãy phơi trải, trước khi lớp bụi thời-gian phủ mờ ký-ức. Viết về một lùm lúa, một cánh vạc, một câu hò, một ngôi miếu, một cảnh chùa, một dòng sông, một trái núi, một bờ kênh,... nơi bạn đã ra đời, lớn lên hay thất chặt một mối tình đậm-thắm. Hãy sót chia, để được gìn-giữ. Hãy cho, và hãy nhận...

Những Phiên Chợ Tết

Diên Khánh



*Cu kêu ba tiếng cu kêu,
Cho mau tới Tết dựng nêu ăn chè.*
(Ca-dao)

Chợ anh là thứ chợ gì?

Chữ "chợ" là một chữ có nhiều tiếng đi cùng để tạo thêm nghĩa mới.

Chẳng hạn, bây giờ ở hải ngoại, người Việt biết đến những thứ chợ mà ngày trước chưa biết: Chợ Tàu, chợ Việt, chợ Tây... Trước hết, chợ nói đây khác chợ ở quê nhà. Chợ nói đây là một loại tiệm bán thực phẩm, hoặc tạp hóa. Nhỏ lớn gì cũng gọi là chợ được. Ở Việt-Nam, chợ đâu phải như

thế!

Ở quê nhà, "chợ" nguyên thủy có ý nghĩa họp lại rồi tan đi. Những từ "hợp chợ", "nhóm chợ", "tan chợ", "chợ sáng", "chợ chiều", sẽ không còn nghĩa gì, nếu "chợ" cũng giống như một cửa tiệm, là một nơi buôn bán thường trực.

Riêng ở quê tôi, có vài thứ chợ lạ. Cũng có thể chỉ lạ ở cái tên thôi.

Trước hết là chợ "chòm hóm". Gọi thế là vì người mua kẻ bán đều phải ngồi "chòm hóm" (ngồi xóm). Loại chợ này ngày nào cũng họp một lần, có thể sáng có thể chiều, nhưng chỉ trong vài tiếng rồi tan. Người bán người mua, và hàng hóa đều ít. Nhưng loại chợ "chòm hóm" rất cần cho địa phương về mặt thực phẩm và đồ gia dụng vặt vãnh như cây kim sợi chỉ. Và nó cũng cần cho các bà, các cô tới nói chuyện phiếm:

Sáng nay ra chợ đầu làng,

Em nghe bạn kể chuyện chàng Thạch-Sanh.

Em quên mua rượu cho anh,

Tiền đây anh cất để dành mai mua.

Nhưng nếu ngày mai, ra chợ "chòm hóm", nàng cũng vì mê nghe chuyện mà quên mua rượu nữa, thì sao? Chắc bị chồng mắng?

Chợ "chòm hóm" không có lều. Chỉ là một bãi đất trống, có khi không được sạch sẽ. Người ta không thuê người dọn rác. Ai ngồi bán ở đâu, thì trước khi ra về, phải tự dọn sạch chỗ ấy.

Chợ "chòm hóm" cũng có nơi họp vào ban đêm. Có thể họp theo lệ xưa, mà cũng có thể mới có trong thời chống Pháp để tránh máy bay.

Khi mới về Phú-Yên, tôi nghe nói quận Tuy-An có nhiều nơi có loại chợ "chòm hóm" họp đêm này; nhưng chỉ chính mắt thấy có một, tại xã An-Chấn. Lúc bấy giờ là khoảng đầu thập niên 1960, không còn máy bay Pháp nữa. Có lẽ dân địa phương giữ lệ đã lâu đời. Chợ họp trong một rừng cây dương liễu. Cả chợ chỉ chừng vài trăm người. Hàng bán không có gì khác ngoài tôm cá tươi, bắp đậu, bông

vải, và giấy tiền, giấy vàng bạc. Món sau cùng làm tôi rất ngạc nhiên. Tại sao lại phải bán đêm ở đây? Tôi mua một ít tôm, rồi ra về trước khi chợ tan. Khi ra đến đường lớn, đứng nhìn vào chỗ chợ, thấy những ánh đèn leo lét, tôi không khỏi liên tưởng đến cái tên “chợ âm phủ” đã nghe được ở đâu đó; thỉnh thoảng lại nhìn xuống mớ tôm xách ở tay, coi nó còn không.

Chữ “chợ chiều” có thể có hai nghĩa: Chợ chỉ họp buổi chiều, và chợ sắp tan. Ở quê tôi có câu ca dao trách thái độ “lang bang” của trai gái trong việc nhân duyên:

*Chợ chiều nhiều kẻ ế chanh,
Nhiều con gái lười nên anh chàng rãng.
Chàng rãng như ếch hai hang,
Như chim hai ổ, như nàng hai nơi.*

Lại có câu chỉ cho đàn ông biết nơi nên tới tìm vợ:

*Trai khôn tìm vợ chợ đông,
Gái khôn tìm chồng giữa chốn ba quân.*

Nghiệm ra cũng thấy những cái chợ chẳng những liên hệ đến sinh hoạt chung của nhân dân, mà còn đi vào chuyện tình cảm đôi lứa nữa. Con gái khôn phải biết mua biết bán. Không biết mua bán thì làm sao giúp chồng? Người con trai ra chợ tìm vợ, không chỉ quan sát cung cách bán mua, mà còn nghe lời ăn tiếng nói của người con gái. Bao nhiêu cái nhu mì hay đanh đá, bao nhiêu lời khôn khéo hay hỗn hào, sẽ có dịp lộ ra hết. Và cũng là để coi cô nàng có bớt tiền chợ để “ăn hàng” không? Không “ăn hàng” là được một điểm tốt rồi.

Quê tôi vốn không có “chợ trời” theo nghĩa chợ bán đồ thập vật. Nhưng nếu hiểu “chợ trời” là chợ họp ngoài trời, lộ thiên, không có lều để che mưa che nắng, thì quê tôi có nhiều. Phần nhiều những chợ “chờm hóm”, và những ngôi chợ tương đối nhỏ, đều là chợ không lều.

Về sau này, thành phố nào, thị trấn nào, cũng có những chỗ người ta đến để mua bán những thứ lặt vặt, hoặc cái dao cái kéo, hoặc mớ đinh cuộn kẽm, hoặc chiếc máy gì đó mới từ ngoại quốc gởi về. Loại chợ này

phát triển chậm ở quê tôi. Những chữ có gốc gác ở loại “chợ trời” này, như “xịn”, “lái”, người quê tôi cũng hiểu sau người Sài-Gòn.

Nhưng quê tôi lại có những cái khác, cũng là chợ, mà tôi nghĩ là nơi khác hoặc không có, hoặc có ít. Tôi muốn kể về những “phiên chợ” ở quê tôi.

Phiên chợ, chợ Phiên

“Phiên chợ” là một buổi chợ họp. Thí dụ: - Chợ làng tôi mỗi tháng họp 6 phiên. - Mua cá vào phiên chợ sáng tươi hơn.

Còn “chợ phiên” thì có hai nghĩa: Một là “hội chợ”, lâu lâu tổ chức một lần, nhắm mục đích triển lãm hàng hóa, hoặc kiếm tiền làm công việc từ thiện. Hai là chợ họp theo phiên (định kỳ).

Trong sinh hoạt chợ búa ở quê tôi, chỉ có “chợ phiên” theo nghĩa sau cùng này là quan trọng.

Trước hết cần biết 2 loại chợ: Ngày nào cũng họp, và họp theo định kỳ. Loại thứ nhất (ngày nào cũng họp) lại chia thành 2 loại nhỏ: Có “phiên” và “không có phiên”. Thí dụ như chợ Bến-Thành, ngày nào cũng họp, không ngày nào đông hơn ngày nào; như chợ Đầm, Nha-Trang, ngày nào cũng chừng ấy người đem bán chừng ấy hàng hóa. Những loại chợ ấy không có “phiên”.

Một loại chợ khác, như chợ Dinh (Tuy-Hòa) ngày nào cũng họp từ sáng tới chiều. Nhưng mỗi tháng lại đặc biệt có 3 ngày là 4, 14, và 24 âm lịch, có nhiều hàng hóa và đông người mua bán hơn. Những ngày đó được gọi là “phiên”.

Những chợ chỉ họp theo định kỳ, hoặc 3, hoặc 6, hoặc 12 lần một tháng, thì mỗi lần như vậy cũng được gọi là “phiên”. Phiên của bất kỳ chợ nào cũng được tính theo âm lịch cho người miền quê dễ nhớ. Các phiên cách quãng đều nhau, phải bố trí để chợ này không trùng phiên với chợ kia. Đây là trách nhiệm của nhà chức trách sở tại.

Nhưng các bạn đồng hương với tôi

có nhớ chi tiết này không: Ngày phiên của chợ nào ở quê ta, mà rơi vào những ngày “mồng năm”, “mười bốn”, và “hăm ba”, thì chợ ít đông hơn những ngày phiên khác. Rõ ràng như vậy, chợ không phải nói theo định kiến. Trong thời gian sống tại quê nhà, gia đình tôi cư trú khá gần chợ Dinh. Tôi để ý thấy phiên chợ 14 nào, cũng thưa người hơn 2 phiên 4 và 24. Cũng dễ hiểu.

Quê ta có câu:

*Mùng năm, mười bốn, hăm ba,
Đi chơi còn lỗ, hưởng là đi buồn.*

Hoặc:

*Mùng năm, mười bốn, hăm ba,
Đầu là viếng mẹ, thăm cha cũng đừng.*

Đối với dân địa phương, 3 ngày ấy là những ngày “nguyệt kỵ”, phải tránh làm việc lớn. Đi chợ phiên mua sắm đối với người nghèo, thì cũng là việc lớn vậy.

Chợ Phiên có gì lạ?

Có rất nhiều cái lạ, nếu trước đó ta chỉ coi những buổi họp thường, cũng chính ở ngôi chợ đó. Tôi sẽ lấy chợ Dinh làm mẫu để tả cho các bạn nghe.

Vào những ngày thường, chợ cũng họp từ sáng đến chiều mới tan, nhưng người bán chỉ bày hàng gọn trong những dãy lều chợ. Hàng khô hàng xén thì trong dãy lều trên cùng; hàng thịt thì trong những ô riêng; hàng trâu cau rau trái thì trong dãy lều hai; hàng cá thì trong dãy lều cuối. Người đến mua sắm là người 4 phường trong thị xã, hay có thêm cũng chỉ một số ở các làng lân cận.

Nhưng trong 3 ngày phiên, người đến chợ mua bán tăng lên gấp bội. Xa về phía Bắc có thể từ Sông-Cầu, Gò-Duối vào; xa về phía Nam có thể từ Đồng-Cọ, Hảo-Sơn ra; từ miền rừng núi phía tây có thể từ Ngân-Điền, Đất-Đỏ xuống. Còn hàng hóa thì có rất nhiều thứ ngày thường không có. Tôi muốn mua cái thúng, cái nia, tôi đợi tới ngày phiên. Bạn muốn mua hũ sành, nồi đất, bạn đợi tới ngày phiên. Người khác muốn mua dao phay, búa tạ, cũng phải đợi tới ngày phiên. Nói

tóm lại, những gì không bán thường xuyên ở tiệm Tàu tiệm ta, không bán thường ngày ngoài chợ, thì ra chợ phiên ắt có.

Trong những ngày phiên, diện tích cần để bày hàng phải rộng gấp đôi gấp ba ngày thường. Họ để hàng ngay trên mặt đất, không cần sạp, kệ gì cả. Vả lại, có nhiều thứ để sát đất vẫn phải hơn, an toàn hơn. Như những cái nồi đất trã đất chẳng hạn. Hàng bày tràn lan trên những con đường dẫn vào chợ, kín khắp mọi nơi. Chỉ chừa một lối đi nhỏ giữa đường cho khách mua qua lại. Xe đạp cũng khó len vào. Có những "gian hàng" quá sức kèngh càng, như gian hàng bán lu, bán mái; có những gian hàng bé tí teo như gian hàng bán dưa, bán rế.

Có những câu tục ngữ ta chỉ hiểu đủ nghĩa một khi thấy được hình ảnh cụ thể. Đó là trường hợp câu "Nồi nào úp vung nấy" đối với tôi, khi tôi đứng nhìn một người bán nồi đất đang lựa vung cho khách hàng.

Nếu hỏi kỹ, bạn sẽ ngạc nhiên khi biết nhiều món hàng đã vượt năm bảy

chục cây số để đến đây. Lựa từ Gò-Duối, đường từ La-Hai, quế từ Sơn-Hòa, bắp từ Đất-Đỏ, máng cọ từ Mỹ-Hòa... Bạn đã thấy một chiếc máng cọ chưa? Trong nhà chỗ nào có hai giọt tranh chum lại thì phải treo máng hứng nước mưa. Máng thiếc nhẹ hơn nhưng mắc tiền, nên người ta dùng máng làm bằng thân cây cọ chẻ đôi, moi ruột. Cây cọ giống cây dừa, thân cao đến 10 thước, kính rộng 4, 5 tấc, dùng làm máng rất tốt. Nhưng khổ cho ông bán máng. Vác vài cái máng từ Đồng-Cọ tới phiên chợ Dinh, bán hết thì rất hay. Nhưng bán không được, đem gởi cho nhà quen để chờ phiên chợ sau thì cũng rất phiền.

Nhưng tại chợ Dinh trong những ngày phiên, không phải chỉ có hàng hóa. Còn có những thứ khác nữa.

Nhân lúc cả hạt, cả tỉnh tụ hội lại đó, những gánh "Sơn-Đông mãi võ", những đoàn quảng cáo thuốc, những toán nhỏ rặng đạo, những người hô bài chòi, tráo bài ba lá, bói bài tây, lắc bầu cua, bong vù, cũng tìm về kiếm ăn. Tất nhiên bọn móc túi cũng đông hơn ngày thường.

Ồn ào nhất là những đám mãi võ quảng cáo. Tiếng trống lùm bum lùm bum, tiếng đồng la lèng phèng lèng phèng. Có khi át cả tiếng mua bán. Người miền quê miền núi, ít có dịp trông thấy trò lạ, không cần mua thuốc cũng ghé lại coi. Khi 2 người Tàu (chắc vậy, vì họ cứ "hầy hầy") cỡi trần, chỉ mặc quần đen, buộc dây lưng đỏ, một người nằm xuống để cho người kia đặt một tảng đá lên ngực rồi dùng búa tạ đập bể, thì chính là lúc bọn móc túi hoạt động. Người ta bận nhìn và bận há miệng ra thán phục, không để ý tới túi tiền nữa. Có hay được thì cũng đã muộn. Khi bị rượt đuổi, kẻ gian cứ nhắm chỗ đông người mà chạy. Thấy nó chạy tới, không ai chặn bắt hết cả. Người ta đâu có biết ắt giáp gì. Dường như đám đông mở ra cho nó chạy, rồi khép lại để che cho nó. Trong khi đó, những người bán nồi trã đất, đang vái trời cho tên móc túi đừng chạy vào gian hàng của mình. Bạn nào đã từng chứng kiến cảnh đuổi bắt một tên ăn cắp tại buổi chợ phiên, chắc nhớ được hoạt cảnh này.

chờ mưa ở antibe

Chiều tàn trên biển vắng
Một mình ta giữa trời
Lặng yên chờ bão động
Khuyến vỡ trùng dương vui.

Ta, loài chim én lạc
Bay qua trời ngẩn ngơ
Mắt soi dòng nắng chết
Trên cánh rũ mơ hồ

Nhìn quất quanh chờ đợi
Đêm bàng hoàng tỉnh, say
Mưa sa từ đỉnh tối
Có về không, đêm nay?

Ta vẫn chờ giọt muộn
Kịp nuôi đời cần khô
Cho tim chia ngàn hướng
Về tấm sông hẹn hồ

phan các chiêu hằng

vụn vặt mùa xuân

Đủ tất cả mà sao lòng chẳng Tết
Nén trầm không thơm
Băng pháo nhợt nhạt hồng
Như cửa giả mùa xuân hơi hợt gió
Mong mưa phùn rắc phấn bụi ngày xưa.
Giao thừa! Giao thừa! Đã chắc chưa?
Bước hững hờ mấy lần qua không nổi
Hoa mọc đầy trên cỏ rới
Thả nhớ thương vương vấn, mắt người xa.

Muốn hái nụ non làm quà
Còn nghĩ ngại ngại màu tóc bạc
Liệu mùa xuân có rộng lòng đại xá
Kể mưu toan trà trộn với hoa niên?

Nghèo, không muốn đời nhắc tên
Đành bịt chặt tai trước giờ pháo nổ
Mùa xuân thêm một lần túi hổ
Hai bàn tay nhỏ tóc bạc trên đầu...

ông thế hùng



Nhưng hoạt cảnh đáng nhớ nhất trong những ngày chợ phiên như thế, vẫn thuộc về những đám quảng cáo cao đơn hoàn tán. Ngày xưa họ hay biểu diễn trò “xổ lãi” tại chỗ. Họ cho hai ba đứa bé uống thuốc trước mặt mọi người, rồi bắt chúng cởi quần ra chờ. Chừng 10 phút sau, đứa nào cũng ngồi xuống, đi ra một đống, vừa phân vừa lãi. Không biết họ đã cho chúng uống thứ gì mà có hiệu quả tức thì như vậy. Những con lãi đứa dài bằng chiếc đũa, lúc nhúc ngo ngoe trông thật gớm. Và họ bán thuốc thật chạy. Rồi người “phát ngôn” của họ quảng cáo thuốc dán:

- Đau lưng đau bụng, tức ngực tức đi; dán dờ một miếng, tức thì hết ngay. Bán một tặ hai. Mua đi ông hai, mua đi thím ba. Mạ dờ, mạ dờ. Mua đi anh ba, mua đi cô tư. Mua đi rồi ông tướng sẽ múa dù cho coi...

Tôi không biết “ông tướng múa dù” là trò gì, vì không lần nào có đủ kiên nhẫn đứng chờ coi.

Các bạn biết chuyện lạ này không? Người sống miền quê, cần mua đồ dùng ở nhà quê, lại phải về thành phố mà mua, thì mới có.

Cày bừa, mai cuốc, thúng nia, giống đon gánh... là những thứ được dùng nhiều, hoặc chỉ được dùng ở miền quê. Người làm ra những thứ ấy phần nhiều cũng sống ở miền quê. Nhưng người làm và người cần, khó trực tiếp gặp nhau, nên họ phải cùng đến chợ phiên. Các bạn thử hình dung ra mẩu chuyện sau đây sẽ nhận ra sự ích lợi của chợ phiên đối với dân quê:

Một bà nhà quê đi chợ phiên để mua heo con về nuôi ăn Tết. Đến khu bán heo con, chưa biết ghé hàng nào, bà bỗng nghe tiếng gọi:

- Chị Năm.

Nhìn lại, bà ta nhận ra một người quen ở làng bên, đang ngồi bán heo con. Bà hỏi:

- Ủa, nay chị nuôi heo nái sao? Phải chi mà biết trước, tôi tới nhà mua cho gần.

Đúng như câu:

Ài mua bắp lúa đậu mè,

Cước cày, chài lưới thì về mà mua.

*Chợ Dinh họp bên sông Chùa,
Ba ngày là bốn, bốn mùa tròn năm.*

Chợ Tết

Bài ca dao mở đầu bài viết này còn 2 câu nữa. Trọn bài là:

Cu kêu ba tiếng cu kêu

Cho mau tới Tết dựng nêu ăn chè.

Chè gì chè đồ chè khoai,

Bắt em giã nếp canh hai chưa rồi.

Bài ca dao nói lên cái ý người quê tôi coi trọng việc “ăn Tết”: Mong cho mau tới Tết để được ăn chè. Và vì nôn ăn chè Tết, đã bắt vợ giã nếp cả đêm.

Nhưng những nhà chuẩn bị ăn Tết chỉ bằng nếp, bằng đỗ, bằng khoai, thì chắc cũng ít. Vì theo ý nghĩa, “ăn Tết” không chỉ có nghĩa là “ăn”, dù “ăn” là chính. Và lại, trong phạm vi ăn, cũng ít nhà ăn Tết bằng chè.

Người quê tôi chuẩn bị mừng Tết rất kỹ, và ăn Tết bằng nhiều thứ. Họ nuôi heo để làm thịt ăn Tết từ đầu năm; nếu không làm vậy, thì họ hén cùng bà con chòm xóm chia phần. Đối người miền quê, không có thịt heo và bánh tét thì không ra Tết. Giải quyết được phần thực phẩm chính xong, họ mới nghĩ đến những chuyện khác: Làm đẹp nhà cửa, chuẩn bị các thứ cho bàn thờ, coi lại quần áo cho cả nhà trong những ngày đầu xuân... Tất cả đều liên quan ít nhiều đến những phiên chợ Tết.

Chợ Tết là những buổi chợ cận Tết. Ngôi chợ vẫn giữ nguyên qui mô thường ngày, không mở rộng thêm bằng những gian hàng mới dựng, như sau này ở những ngôi chợ tại Sài-Gòn, Chợ-Lớn, những ngày trước tết Trung-Thu và tết Nguyên-Đán. Nhưng hàng hóa thì nhiều lên gấp bội, lại có thêm những mặt hàng chỉ xuất hiện khi Tết đã gần kề. Người mua kẻ bán đông hơn. Thời gian nhóm chợ cũng kéo dài thêm, từ sáng sớm cho tới lên đèn.

Nếu bạn muốn biết những phiên chợ Tết ở quê tôi ra sao, thì xin mời bạn đến chợ Dinh, tại thị xã Tuy-Hòa, đúng vào ngày 24 tháng chạp ta, một năm nào đó khoảng trước chiến tranh, thì mới thấy đủ sắc thái. Chợ Dinh là

ngôi chợ lớn nhất hạt, mà cũng là ngôi “chợ đôn” của cả tỉnh. “Chợ đôn” là chợ đủ mặt hàng, cần gì cũng có. Phiên 24 là phiên cuối năm. Sau phiên ấy, chợ vẫn còn họp cho đến ngày cuối năm, nhưng hàng không còn đủ mặt nữa.

Phiên chợ Tết còn đông, nhưng một gia đình kia đã mua sắm xong, đang trên đường trở về. Người chồng gánh một gánh thật nặng; người vợ gánh một gánh nhẹ hơn; đứa con gái khoảng ngoài 10 tuổi xách một giỏ; đứa em trai của nó kẹp trong nách một cuộn giấy. Hai chiếc gánh kiu kịt kiu kịt tiến bước, hai đứa nhỏ lon ton chạy theo. Cả một hoạt cảnh nồn nao sinh động.

Nhưng chúng ta thử tìm xem họ mua sắm những gì. Trong gánh người chồng, một đầu có một tấm thớt to và một con dao phay bự; một cục đá mài dao, một mớ than và một đống củi gộc. Đầu kia có một cái chảo gang, hai cái hỏa lò đất, và rất nhiều tô chén. Trong gánh người vợ, một đầu có nếp, đậu và đường; một đầu có đủ thứ để nấu cỗ. Trong giỏ của đứa con gái có mấy gói trà và một chai rượu trắng. Cuộn giấy thẳng bé kẹp nách gồm có một bộ bài tới cho người lớn, một bàn bong vù cho trẻ con, và một tờ giấy “hồng đơn” để viết câu đối.

Gia đình này sẽ ăn Tết lớn đây. Có lẽ họ sẽ làm heo, và nấu nhiều bánh tét. Chẳng những họ mua nhiều thực phẩm, mà còn chuẩn bị cả những phương tiện tốt hơn. Thói thường người quê tôi là vậy. “Ăn nhin làm rán” suốt năm, và để dành tất cả cho dịp Tết. Cái hỏa lò bể ấy ngày thường dùng tạm cũng được, nhưng ngày Tết thì phải có cái mới. Ngày thường nấu canh bằng cái trã đất kia cũng được, nhưng ngày Tết phải có cái chảo đồng. Việc gì họ cũng phân biệt “ngày thường”, “ngày Tết”. Cho ngày Tết, cái gì cũng phải đặc biệt một chút.

Trên kia, tôi có nói đến giấy “hồng đơn” (giấy đỏ có lấm chấm kim nhũ) để viết câu đối. Bây giờ tôi nói rõ về chuyện này.

Quê tôi, tục chơi câu đối Tết không thịnh lắm, nhưng cũng có ở một số gia đình quý chữ nghĩa của “thánh hiền”. Họ xin câu đối và xin chữ ở những người bà con giỏi chữ Hán. Cũng có khi người viết câu đối là ông thầy pháp, hoặc ông thầy chùa trong làng. Đặc biệt lại có nhà dùng mực xạ bút lông viết câu đối bằng chữ quốc ngữ lên giấy hồng đơn.

Tôi còn nhớ được hai câu đối quốc ngữ tại nhà từ đường bên họ ngoại của tôi:

“Mặn lạt cùng người ba bữa Tết;

“Đỏ đen với chúng bảy ngày xuân.”

Ý nghĩa không lấy gì làm hay, nhưng nghe nói là câu đối “tổ truyền”. Người đặt là ông nội của gia chủ bấy giờ, đã có đi thi nhưng không đậu, chỉ được xóm làng kêu là “ông Học”. Hồi sinh tiền, ông Học vẫn viết hai câu ấy bằng chữ Nôm. Nhưng ngày nay, cháu ông không biết viết chữ Nôm, phải viết bằng chữ quốc ngữ trong những ô tròn bằng cái đĩa để tách trà. Cũng là một cách để lưu truyền văn chương của ông cha.

Ở quê tôi, không có người ra chợ viết bán câu đối Tết như trong bài thơ *Ông Đồ Già* của Vũ Đình Liên. Bù lại, có những người “phết chà”, cũng làm một công việc tương tự. Đây là những người Tàu nghèo đi bán chữ. Họ dùng

bút lông cỡ to và mực xạ, viết lên giấy màu, những chữ Phúc, Lộc, Thọ... theo những kiểu rất cầu kỳ, bay bướm. Đôi khi họ lại vẽ thêm những hình rồng phụng, hoa lá. Sở dĩ gọi “phết chà” là vì trong khi viết chữ, họ thường dùng động tác kéo ngòi bút dài xuống, rồi dụi cho toè ra, để chà thành những nét mờ uốn lượn. Có chính mắt nhìn khi họ viết, mới thấy hết cái tài hoa của họ. Bàn tay của họ đưa ngọn bút nhanh đến nỗi người xem không theo dõi kịp. Nếu khách không thích chơi chữ, thì họ vẽ hình. Dù cả, muốn gì thì họ vẽ nấy. Nhưng nếu coi tranh “phết chà”, thì phải coi lúc đang vẽ mới thú. Một bức “lý ngư hí thủy” được hoàn thành trong chừng 10 giây, và chỉ bằng một nét bút. Ngọn bút của họ quả thật là tung hoành như rồng bay phụng múa.

Trong các phiên chợ Tết ở quê tôi, không thấy bán tranh “gà lợn”. Chỉ thấy bán những bức tranh in màu, vẽ những cảnh trong truyện Tàu như “Ngũ Hồ Bình Tây”, “Bát Tiên Quá Hải”... Tranh nào cũng gồm 4 bức, mỗi bức 3 ô. Ngày tôi còn nhỏ, mỗi lần Tết đến, mẹ tôi vẫn hay mua loại tranh này về treo. Có tranh mới, thì bỏ tranh cũ đi. Tôi liền đem tranh cũ ra cất những hình người, hình ngựa, dán đây một tập.

Chợ chạy

“Chợ Chạy” là buổi chợ họp vào ngày cuối năm, họp cho mau xong, để ai nấy còn chạy về nhà lo ăn Tết. Thường chợ chỉ đông từ sáng sớm đến gần trưa là tan.

Cả người mua và người bán ở một phiên chợ chạy, đều không phải là người ở xa. Hàng hóa cũng không nhiều. Người ta đi chợ ngày cuối năm chỉ cốt mua bỏ tức. Nhưng cũng không nhất thiết. Có những người làm thuê làm mướn, mãi đến hôm ấy mới có tiền đi sắm Tết. Thường họ chỉ mua chút ít thịt cá. Chủ yếu là họ mua nhang đèn và gạo, nước mắm. Những ngày đầu năm họ sẽ không đi đâu để vay mượn được. Và dù nghèo, họ cũng không thể để bàn thờ ông bà hương tàn khói lạnh trong dịp Tết.

Hãy nhìn những thứ một gia đình nghèo mua về cúng Tết: Một chõng bánh tráng, một miếng thịt heo nhiều mỡ, một chai nước mắm, vài xâu sắn nước, một miếng bầu, một gói trà, và mấy phong bánh in. Mặn ngọt đủ cả, nhưng toàn là thứ rẻ tiền. Có khi họ mua một bó mía đem về dựng cạnh bàn thờ. Họ nói để làm gậy cho ông bà chống đi chơi trong ba ngày xuân. Nếu nhà có con nhỏ, họ mua cho mỗi đứa một cái “ổ bịp” (1) để chúng dựng xu mừng tuổi.

Trong số thành ngữ nói về chuyện “lo Tết”, ở quê tôi có câu này rất có “hình tượng”: *Cần ống giựt đáy*. Câu này cực tả sự vội vàng nôn nóng trong việc chạy tiền tiêu Tết của những nhà nghèo. Nhưng cũng phải chính mắt nhìn thấy một phiên “chợ chạy”, thì mới thấu hết sự tàn tảo của người đàn bà trong những gia đình nghèo túng. Cuối phiên chợ, gần như chỉ còn lại những người đàn bà này. Họ ăn mặc lôi thôi, gánh xách đem theo cũng chẳng có cái nào lành lặn. Họ chạy chỗ này chỗ kia, cố mua cho kịp. “Mau lên chị Bảy, chợ tan rồi kìa!” Họ gọi nhau, nhưng không kịp chào. Vì họ đang chạy.

(1) “Ổ bịp” là một kiểu “heo đất”, nhưng hình tròn như trái bưởi.

tết quê người

*Tết ở đây mưa tuyết trắng xóa
Nhớ em, nhớ cái nắng bên nhà
Tuyết bay theo gió đưa vô mặt
Thoảng chút hương cay lẹ vỡ nhòa.*

*Mùa đông em ơi chừng vô tận
Trắng một màu rừng núi chung quanh
Vẫn hằng năm anh thêm chút ấm
Chứa quên cái lạnh chốn xa xăm!*

*Đón Tết bên đây màu sắc trắng
Thiếu hoa mai, thiếu cả nắng vàng
Hương xuân chỉ thoảng trong tâm tưởng
Thấp nén nhang trầm vọng cố hương!*

ep





Nhớ Về Làng Xưa

Huy Vũ

*"Làng tôi có cây đa cao ngất từng
xanh, có sông sâu lơ lửng vờn quanh,
êm xuôi về nam..."*

Tiếng hát của một ca sĩ nào đó từ một băng nhạc đã đưa tôi, một ông già vào tuổi gần đất xa trời đang sống ở Mỹ, trở về ngôi làng cũ ở Việt Nam khi tôi còn là một đứa bé con. Đó là làng Bản Nguyên, thuộc tổng Vĩnh Lại, phủ Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, nằm bên tả ngạn sông Hồng.

Cái tên Bản Nguyên có lẽ được chính thức ra đời vào thời kỳ người Pháp vừa hoàn tất chế độ bảo hộ trên toàn miền Bắc. Ngoài cái tên chính thức ấy, nó còn một tên khác có từ thời xa xưa: làng Á hay Á Nguyên. Những làng lân cận làng tôi cũng có hai tên như vậy. Như làng Thượng Nông gọi là làng Nung, làng Di Nậu

là làng Núc, làng Thạch Cáp là làng Gáp. Làng tôi có lẽ được hình thành từ thời vua Hùng Vương thứ 18, Hùng Duệ Vương, vì nó chỉ cách làng Cổ Tích, xã Phong Châu, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ không đầy 10 cây số theo đường chim bay. Theo *Việt sử* thì Phong Châu là kinh đô của vua Hùng:

*Cối Nam riêng một góc trời
Hùng Vương xây dựng đời đời nghiệp
vua*

*Phong Châu là chốn kinh đô,
Chia mười lăm quận bản đồ mệnh
mông.*

Vào mùa thu năm 1945, với chủ tâm phá hủy cái cũ để xây dựng cái mới, dù cái cũ là tinh hoa dân tộc và cái mới là sản phẩm lai căng, nhà cầm quyền Việt Minh bãi bỏ cấp tổng; cấp

phủ, cấp huyện được san bằng và được gọi chung là huyện; đồng thời các làng xã phải bỏ tên cũ, thay tên mới. Làng tôi có tên mới là Quyết Thắng, liên hợp với làng Thành Chu và làng Quỳnh Lâm để lập nên một xã mới gọi là xã Hùng Tiến.

Bản Nguyên chỉ cách thủ đô Hà Nội khoảng 40 cây số theo đường chim bay, và khoảng 50 cây số theo Hồng hà. Từ làng tôi xuôi theo dòng sông độ 4 cây số sẽ gặp một khúc sông lớn và một thị trấn nhỏ có tên là Bến Nhông. Đó là nơi gặp gỡ của sông Hồng và sông Đà. Xuôi thêm khoảng 5 cây số nữa sẽ gặp một khúc sông lớn khác và một thị trấn lớn tên là Việt Trì, nay là tỉnh lỵ của tỉnh Vĩnh Phú. Chỗ này là nơi giao lưu của sông Hồng và sông Lô. Xuôi nữa và xuôi nữa là tỉnh lỵ tỉnh Sơn Tây, rồi lần lần tới thủ đô Hà Nội.

Từ một gò đất cao sau làng nhìn về hướng bắc, có một ngọn núi không xa Bản Nguyên lắm, không cao, không lớn nhưng cây cối xanh tươi, đứng cô đơn giữa một đám đồi trọc và thấp, có hình thù như những con voi đang quì châu đầu vào ngọn núi này. Đó là núi Hùng, nơi có đền thờ các vua Hùng. Vào những buổi chiều nắng đẹp trời trong, bạn có thể thấy rõ một ngôi đền nằm ở lưng chừng núi với những bức tường trắng và mái ngói đỏ. Hàng năm cứ vào ngày hội Đền Hùng hay ngày giỗ Tổ, mùng 10

tháng 3 âm lịch, lại có thêm những lá cờ xanh đỏ treo trước cửa đền.

Phía đông nam làng tôi là núi Tam Đảo, thường thì mây phủ kín quanh năm, chỉ trừ ba ngọn núi cao chót vót nhô lên khỏi đám mây trắng đục, thoát trông như ba hòn đảo nhỏ nổi lên khỏi mặt nước bằng bênh. Một trong ba ngọn núi có một cụm phố nhỏ được Pháp xây cất làm khu nghỉ mát cho nhân viên. Vùng núi này từng là chiến khu chống Pháp của Hoàng Hoa Thám, thuộc tỉnh Vĩnh Yên, nay sát nhập với Phú Thọ thành tỉnh Vĩnh Phú.

Về phía nam, xế về phía tây một chút là núi Ba Vì, tên chữ là Tản Viên, đỉnh khá nhọn, sừng sững ngạo nghễ chắn ngang tầm mắt. Núi này thuộc huyện Bát Bạt, tỉnh Sơn Tây, quê hương của Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu. Từ làng tôi tới núi Tản Viên có lẽ gần hơn núi Tam Đảo. Ngọn cao nhất của núi này có hình thất cổ bông trông như một cái nấm rơm. Trên đỉnh mọc toàn những mít. Vào mùa mưa, những dòng suối trên núi đổ xuống mang theo hạt mít phần lớn đã mọc mầm. Vào mùa mít chín, số chim quạ trong vùng hầu như biến mất, rồi vài tháng sau mùa mưa lại thấy chúng trở về với cái đầu trọc lóc hay chỉ còn xơ xác vài cọng lông. Sự kiện này được dân chúng vùng tôi giải thích một cách khá trử tình rằng: sở dĩ quạ biến đi và khi trở về lông đầu bị rụng là vì chúng được trời gọi, bắc cầu cho Ngưu Lang Chức Nữ bước lên để gặp nhau vào mùa ngâu tháng bảy. Nhưng dân vùng núi Tản Viên thì lại nói khác, xem ra có vẻ hợp lý hơn: Quạ vắng mặt vào mùa mưa vì những tháng này mít trên núi Tản Viên bắt đầu chín nên quạ tập trung lên đó để ăn mít. Còn đầu trọc là vì chúng dùng mỏ khoét mít và đút đầu vào moi những múi mít thơm phức ra ăn, bị nhựa mít làm cho rụng lông, thế thôi.

Đứng trên đê làng nhìn về phía bên kia sông, bạn sẽ thấy một phố nhỏ với những dãy nhà gạch cao thấp không đều nhau, đó là thị trấn Hưng Hoá, huyện lỵ của huyện Tam Nông. Khi tỉnh Hưng Hoá chưa đổi tên

thành Phú Thọ thì đây là tỉnh lỵ của tỉnh Hưng Hoá. Đặc điểm của thị xã này là đường phố trong thị xã chỉ trồng một loại cây duy nhất: cây phượng. Mùa hè, nhìn từ xa, toàn thị trấn như chìm trong một rừng hoa đỏ rực. Vượt cao hẳn lên khỏi rừng hoa ấy là tháp cột cờ cao ngất, in hình vào sườn núi xa và soi mình xuống gương nước lấp lánh. Tháp cột cờ là một di tích lịch sử xa xưa, được xây khá vững chắc trên một khu đất bằng phẳng và rộng rãi ở cuối thị xã. Nền tháp là một hình vuông có tường bao bọc, mỗi cạnh dài độ 20 mét và cao khoảng 2 mét. Ở khoảng giữa mỗi cạnh có bậc thang dẫn lên nền tháp. Thân tháp hình trụ, hay chính xác hơn là hình nón cụt, có đường kính đáy khoảng 6 mét, đường kính đỉnh khoảng 3 mét và cao khoảng 20 mét. Bên trong tháp được xây thành những bậc thang dẫn lên tới đỉnh theo đường xoắn tròn ốc khá rộng. Trên cùng là một cái nhà tròn nhỏ lợp ngói có tường gạch bao quanh. Phần trên bức tường tới mái ngói là khoảng trống cao độ 7 tấc. Từ đỉnh tháp này, người ta có thể nhìn ra xa hàng chục cây số. Tháp được xây cất vào thời kỳ mà người Việt chưa biết dùng xi-măng cốt sắt, mà chỉ dùng vôi, gạch, cát, tro vỏ ốc và mật mía làm hồ. Đáng tiếc là di tích lịch sử quý giá này đã không còn nữa. Trong giai đoạn "tiêu thổ kháng chiến" và "vườn không nhà trống", nó đã bị san thành bình địa.

Ngăn cách làng tôi với thị xã Hưng Hóa là sông Hồng mà dân làng tôi thường gọi là sông Cái hay sông Cối, có nghĩa là sông lớn. Sông Hồng bắt nguồn từ Tây Tạng, qua Vân Nam rồi đổ ra biển Đông qua các cửa biển Thái Bình, Kiến An và Hải Phòng. Sông này đã bồi đắp và tạo lập một vùng đất phì nhiêu gọi là đồng bằng Bắc bộ. Khúc sông chảy qua làng tôi khá lớn. Vào mùa khô, lòng sông bị thu hẹp lại do những giải cát dài nên chỉ còn rộng chưa đến 500 mét. Đến mùa mưa, nước sông đỏ ngầu vì chứa nhiều phù sa, dâng cao gần bằng mặt đê về phía làng tôi và tràn ngập vào sát thị trấn Hưng Hoá nên bề ngang

sông rộng tới 2 cây số. Sông Hồng không có giá trị nhiều về giao thông và canh tác đối với dân làng, nhưng nó vẫn là nguồn cung cấp nước uống và tắm giặt. Phần đông dân làng hứng nước mưa từ thân cau, mái ngói chứa trong các chum vại lớn hay bể nước để uống và nấu ăn quanh năm, còn tắm giặt thì bằng nước giếng hay ao hồ.

Nam nữ làng tôi thường tắm chung một bến sông. Nữ giới thường nhích xuống đoạn dưới chỗ nam giới tắm một khoảng độ 10 mét hay xa hơn. Phụ nữ tắm với cả váy và yếm. Họ cởi dải rút lỏng ra, từ từ bước xuống mí nước. Nước tới đâu thì kéo váy ngược lên đến đấy. Khi mực nước lên tới ngực thì họ dừng lại, lấy váy ra khỏi đầu, gấp lại đội lên đầu rồi kỳ cọ thân thể. Tắm xong, họ từ từ lên bờ, làm ngược lại những động tác họ làm khi xuống nước nên vẫn kín đáo. Nam giới thì tắm trường. Khi tới bờ sông, họ cởi quần áo để trên bờ. Đối với trẻ em, "chim" chưa mở mắt và chưa có râu thì chẳng cần phải che đây gi cả; còn với thanh niên và người lớn tuổi thì họ lấy bàn tay xoè ra che kín "cụ" lại rồi vội vã bước xuống nước. Mực nước sông Hồng thay đổi luôn nên nếu tắm sông mà không biết bơi thì dù mùa khô hay mùa mưa cũng đều nguy hiểm cả.

Nước sông Hồng quanh năm hầu như không bao giờ trong. Về mùa khô, nước không còn phù sa song vẫn chứa một lượng nhỏ cát nhuyển nên hơi đục. Muốn có nước trong để nấu ăn, phải đổ nước vào chum hay vại độ vài giờ, cát mới lắng hết. Mùa nước lũ, nước sông đầy phù sa nên đỏ ngầu. Muốn dùng, phải gánh nước chứa vào vại, dùng phèn chua khuấy trong nước, để độ hai giờ sau phù sa mới lắng hết xuống đáy, từ 1 đến 2 phân cho một vại nước có chiều cao khoảng 1 mét.

Phân cách làng tôi và sông Hồng là con đê khá vĩ đại. Mùa lũ, nước sông Hồng dâng cao hơn cánh đồng lúa mùa và nhà cửa trong vùng từ 2 đến 3 mét nên là một đe dọa lớn lao cho toàn thể cư dân vùng tả ngạn. Vì

lễ đó, con đê như bức tường thành uốn khúc theo dòng sông chẳng những là thần hộ mệnh của dân chúng làng tôi mà còn cho cả vùng.

Hàng năm trước mùa mưa, dân trong vùng, dưới sự điều động trực tiếp của các lý trưởng và gián tiếp của quan phủ, thường phải tu bổ con đê cho thêm phần vững chắc, như bồi đắp những chỗ đê thấp và yếu, đắp thêm đê con trạch ở mép ngoài cùng trên mặt đê chính. Đê con trạch có chiều cao từ 50 đến 70 phân, chiều rộng đáy khoảng 1.5 mét và chiều rộng đỉnh khoảng 1 mét, chạy dài theo suốt con đê chánh.

Mỗi lần nước lớn, thanh niên trai tráng trong vùng phải ra canh nơi các trạm đặt dọc theo con đê, canh chừng đê vỡ. Mỗi gia đình cũng phải nộp cho làng từ 2 đến 4 sọt đất đầy cột kín miệng và những bó đuốc bằng nứa khô tại những trạm canh. Những bó đuốc được dùng để đốt khi thanh niên đi tuần tra vào đêm tối, và những sọt đất để cấp thời thả xuống chỗ đê vỡ hầu chặn đứng dòng nước.

Con đê chạy qua làng tôi có lẽ được đắp dưới thời nhà Trần. Theo *Việt Nam sử lược* của Trần Trọng Kim thì vào năm Mậu Thân (1244), vua Thái Tông nhà Trần sai các quan ở các lộ đắp đê ở hai bên bờ sông Hồng, gọi là Đê Nhĩ Đê, lại đặt ra chức quan coi đê gọi là Hà Đê chánh và phó sứ. Một trận lụt lớn nhất đã xảy ra tại vùng này vào tháng 7 năm Dậu (1945); nhiều khúc đê dài bị vỡ, hàng trăm căn nhà bị cuốn trôi, hàng ngàn mẫu lúa chìm dưới làn nước đục ngầu, rất nhiều trâu bò lợn gà chết trôi. Cũng cùng năm đó, tiếp theo là nạn hạn hán khủng khiếp khiến những cánh đồng lúa chiêm nổi tiếp từ làng này sang làng khác chỉ mọc toàn một loại cây đinh hao xanh biếc. Vào năm ấy, khúc sông làng tôi bị thu nhỏ lại chỉ bằng một con suối lớn chảy sát bờ hữu ngạn. Người dân trong vùng thường nhắc tới một câu sấm ứng nghiệm vào năm đó:

Ngư hà lên ăn trên đỉnh núi

Hổ lang tìm xuống đáy dòng sông.

Phần đất đầu làng, tiếp giáp với

làng Kinh Khê, có một cống lớn được xây cất dưới thời Pháp thuộc, có 3 cửa và một con kinh nhỏ để dẫn nước vào ruộng. Mục đích của cái cống và con kinh này là dẫn nước phù sa sông Hồng vào bồi lấp cánh đồng trũng chỉ cấy được vụ chiêm của vùng này, thành cánh đồng phì nhiêu có thể canh tác được hai mùa. Nhưng sau khi dẫn nước được vài năm thì dân chúng trong vùng phản đối dữ dội, cho rằng lượng nước ấy đã là nguyên nhân làm ngập lụt nhà cửa các làng trong vùng thấp và một số ruộng mùa của các làng cao. Cống bị đóng, kinh bị bồi lấp theo thời gian và vùng này trở thành đất lập trang trại cho người dân trong làng dời tới.

Từ khu trang trại tân lập này đi xuôi theo con đê độ 500 mét là đến đầu làng tôi. Ngay đầu làng có một cụm ba cây phượng khá lớn mà dân làng tôi gọi là cây hòe và dân vùng bên kia sông Hồng lại gọi là cây me tây. Dưới gốc cây là một quán nhỏ đơn sơ lợp lá, bán bánh nếp, bánh tẻ, chuối chín, mía khúc, kẹo lạc, kẹo vừng, lạc rang, nước chè tươi, nước nụ với, đôi khi là nước chanh đóng chai, cho khách bộ hành hay khách qua sông trên những chiếc thuyền nan nhỏ bé.

Ngay giữa làng có một ngôi đình đồ sộ nhìn ra sông Hồng. Ngôi đình khá cổ kính. Không một bộ lão trong làng biết rõ nó được xây cất từ thời nào. Theo *Việt sử* thì năm Nhâm Dần (1042), vì muốn thi hành chính sách đi sâu, đi sát với quần chúng, Thái sư Trần Thủ Độ có sáng kiến lập mỗi làng như một nước nhỏ để dễ cai trị, ở mỗi làng có quan của nhà vua bổ về trông coi nên cần phải có công đường. Vì thế, nhà Trần ra lệnh mỗi làng phải dựng một nóc đình. Đình phải lập bên các lộ và phải được cất theo hình vuông, nóc có bốn mái uốn cong, tường gạch mái ngói. Có lẽ đình làng tôi được xây vào dịp này nên có những nét căn bản đúng như lệnh của triều đình. Nó được cất trên một nền đất phía trong con đê, nổi liền và cao hơn mặt đê khoảng nửa mét, gồm ba gian hai chái. Ngôi đình

có hình vuông mỗi cạnh khoảng 15 mét. Phía sau đình được nở rộng ra khoảng 5 mét, dài khoảng 8 mét để có cửa ăn thông ra đình ngoài. Mặt tiền của mỗi gian đình có bốn cánh cửa; cửa chánh ở giữa có hai cánh; hai cửa nách hai bên có một cánh. Phần còn lại là tường gạch không có cửa sổ. Đình trong, ngoài cửa gỗ phía trước ăn thông ra đình ngoài, phần còn lại cũng là tường gạch xây kín lên đến tận mái. Các cây cột chính của đình rất cao và to, đều thuộc loại danh mộc như đình, lim, sến, táu. Mỗi cây cột đường kính khoảng 1 mét. Mái đình khá cao, lợp toàn bằng ngói đỏ. Giữa đình là một bàn thờ lớn sơn đỏ, phía mặt và hai bên hông được chạm trổ thành hình dây leo và chim chóc bay lượn. Sau bàn thờ chánh là một bàn thờ phụ kéo dài tới gần cửa đình trong. Trên cả hai bàn thờ chánh, phụ đều có chân nến, bát hương, đỉnh đồng, độc bình và gươm giáo sơn đen hoặc đỏ cắm trên những giá gỗ. Trước bàn thờ chính là hai công trình điêu khắc khá công phu hình chim hạc cao hơn 2 mét, mỗi con đứng trên lưng một con rùa lớn đang bò, đầu ngóc cao. Hầu hết các cột và xà ngang ở gian giữa đều treo các câu đối, những bức hoành phi sơn son hoặc sơn then thiếp vàng.

Đình làng tôi, theo các cụ kể lại, thờ một viên võ quan đời xưa. Viên võ quan này có công giúp vua dẹp tan bọn giặc cỏ thường quấy nhiễu các làng mạc ven sông. Một trong những lần hành quân lùng giặc vào một đêm tối trời, thuyền của ông bị đông bão lật chìm. Sông nước mênh mông, sức cùng lực kiệt mà bờ sông vẫn mịt mù. Tưởng đã sắp phải gặp Thủy Tề thì may sao, phút chót ông bám vào được một vật khá to, trôi bồng bênh, mặc dầu có mùi hơi khó ngửi. Khi tỉnh táo hơn một chút, ông mới nhận ra đó là con bò chết trôi đã nằm bảy ngày, bụng trương phình. Con bò chết đưa ông ta trôi giạt vào bờ đê trước ngôi đình làng tôi. Theo tập quán của ta ngày xưa, ông quan này phải gọi con bò chết trôi đó bằng bố hay mẹ vì nó được coi như đã sinh ra

ông lần thứ hai. Ông quan đã yêu cầu dân làng chôn cất con bò tử tế.

Sau vụ chết huyệt trở về nhiệm sở cũ, viên võ quan đó vẫn trở lại làng tôi hàng năm để thăm mộ con bò và giúp đỡ làng tôi được nhiều việc hữu ích. Sau khi ông mất, làng tôi bèn thờ ông làm thành hoàng. Việc thờ phụng này được hợp thức hóa bằng một sắc chỉ của vua triều Nguyễn. Kể từ ngày ấy, dân làng gọi con bò là con "Nhóm", kiêng ăn thịt bò và hầu như không ai dám nuôi bò để cày bừa nữa. Ngoài ra, vì tên húy của ông là Hương nên làng tôi gọi hương là nhang; thậm chí khi hát bài quốc ca của Cộng sản, tới câu: "Đất giống nòi quê hương qua nơi lửa than", họ cũng đổi thành: "Đất giống nòi quê nhang qua nơi lửa than".

Trước đình là một cái sân khá rộng, mỗi bên có một phòng học được xây cất chắc chắn và khang trang. Bàn ghế trong lớp toàn bằng gỗ lim màu xám đen, cứng như đá và nặng như chì. Mỗi lần có việc gì phải di chuyển thì thật là vất vả cho lũ học trò bé nhỏ chúng tôi. Trước mỗi lớp có một cây bàng lớn. Vào mùa hè, những lớp lá xanh tươi chồng chất lên nhau, ngăn không cho bất kỳ một tia nắng nhỏ nào lọt qua nên sân đình mát rượi. Đến mùa đông, lá rụng đầy sân, khiến cành lớn cành nhỏ gầy guộc đưa ra thì gan cùng mưa phùn rả rích và gió bắc đìu hiu. Ngôi đình cũ, mái trường mới, hai cây bàng xanh tươi và cổng đình rêu phong lốm đốm làm cho cảnh trí nơi đây càng trở nên quyến rũ.

Riêng đối với tôi, sân đình này đã để lại một kỷ niệm sâu xa mà có lẽ không bao giờ tôi quên được. Số là sau cái gọi là Cách Mạng Tháng Tám, tất cả các trẻ em trong làng đều phải gia nhập tổ chức Nhi Đồng Cứu Quốc. Tôi cũng là tổ viên của một tổ thiếu nhi trong làng, mỗi tuần sinh hoạt một lần. Trong buổi sinh hoạt, phải làm lễ chào quốc kỳ và mặc niệm các chiến sĩ vì quốc vong thân rồi mới bàn đến các công việc khác. Chúng tôi phải chần trâu đến tối mịt mới về, rồi còn phải tắm rửa và com

nước nữa, nên các buổi họp thường bắt đầu vào khoảng 9 giờ tối. Một lần, sau khi họp đông đủ và buổi họp sắp bắt đầu, anh phụ trách mới phát giác ra là không có quốc kỳ để chào mà lá quốc kỳ thì đang ở nhà tôi. Thế là tôi và một "đồng chí" hàng xóm của tôi được cử đi lấy cờ. Trên đường mang cờ trở lại nơi họp, chúng tôi phải đi ngang ngôi đình. Trời hôm ấy tối đen như mực, gió thổi từ sông lên làm lá bàng kêu xào xạc; thêm vào đó, tiếng giun đẻ ven đê và khu đất sau đình như rên rĩ ai oán khiến cho cảnh tượng càng thêm hoang vắng lạnh lùng. Liếc qua cổng đình, chúng tôi thấy một hòn than hồng lớn hơn đầu người đang nằm chơ vơ giữa sân. Qua cổng đình được một quãng ngắn, tôi quay lại hỏi người bạn: "Mày có thấy gì ở sân đình không Phở?" Anh ta run lập cập: "m... m... m... ma, ma, ma, ma!" Tôi không tin đó là ma, song tôi cũng không thể tin đó là cục than được, vì dân làng tôi nấu bếp bằng rơm rạ hay củi vụn, không ai có thể tạo ra cục than to như thế. Cho đến bây giờ, 49 năm trôi qua, tôi vẫn không tìm được một lời giải thích nào hợp lý cho sự việc tôi thấy ở sân đình đêm ấy.

Cuối làng, nằm ngay cạnh bờ đê về phía sông, là một cụm hai cây bồ đề già nhưng không lớn lắm. Bên ngoài con đê là một cửa hiệu tạp hoá lợp ngói đỏ, bán gần đủ các thức cho dân làng, từ giày dép đến mũ nón, từ kim chỉ đến vải lụa, từ dao kéo đến kim búa.v.v.. Bên trong đê là một ngôi chùa nhỏ xây bằng gạch, nằm giữa một khuôn viên hình chữ nhật khá lớn có rào giậu hắt hoi. Cũng như ngôi đình, không ai biết ngôi chùa được xây từ thời nào. Mái chùa lợp ngói đỏ và các góc đầu hồi uốn cong lên như hầu hết các ngôi chùa cổ miền Bắc. Cổng chùa nằm ngay trên bờ đê, có lối đi dốc thoải thoải dẫn vào sân chùa. Nền chùa bằng gạch, cao hơn sân chùa độ nửa mét. Từ sân vào chùa phải qua một hàng hiên ngắn, treo một quả chuông đồng đường kính khoảng 70 phân tây và cao 1 mét. Ngưỡng cửa chùa khá cao, độ 70

phân nên khi còn nhỏ theo mẹ đi chùa, tôi phải trèo qua ngưỡng cửa này một cách khá vất vả.

Vào chùa, điều đầu tiên đập vào mắt là hai bức tượng ông Thiện ông Ác khổng lồ. Mỗi tượng cao hơn 3 mét, đầu gần đụng mái, tạc rất khéo. Mặc dù ngày bé chưa được cho biết ông nào là ông Thiện, ông nào là ông Ác song tôi cũng nhận ra ngay một tượng tượng trưng cho người hiền và tượng kia tượng trưng cho một người dữ. Vào sâu hơn chút nữa là tượng Phật, lớp gấp đôi người thường, hiền từ tĩnh tọa trên một bệ thờ khá cao. Phía sau tượng Phật là một bàn thờ dài với nhiều bức tượng to nhỏ, đôi khi có những hình thù kỳ quái mà tôi không hiểu ý nghĩa. Đã gần 50 năm xa cách, đôi khi tôi tưởng như vẫn còn nghe đâu đây tiếng chuông chùa làng tôi văng vẳng.

Đi hết con ngõ sau đình, về phía bìa làng có một cây cổ thụ cao ngất trời xanh. Những năm tản cư vào các làng xã trong vùng sâu, xa hàng chục cây số, nhìn về làng cũ mới nhận ra rằng cây cổ thụ làng tôi không to lắm, song là cây cao nhất vùng. Đó là một cây bồ đề, dân làng gọi tắt là cây đề, vì bị sét đánh và bị gió bão nhiều lần nên một số cành lớn của nó bị gãy, sang gốc vẫn nguyên vẹn, chu vi từ 4 đến 5 mét. Cũng như ngôi đình, không ai biết cây này do ai trồng và bao nhiêu tuổi. Một cụ già trong làng kể cho bọn trẻ chúng tôi nghe vào một buổi trưa hè năm 45 rằng, chính ông nội của cụ cho biết khi còn rất trẻ, ông cụ cũng đã thấy cây bồ đề lớn như thế rồi.

Sau làng là một cánh đồng không lớn lắm, ăn thông tới làng Thạch Cáp. Làng này gồm 5 thôn nhỏ họp lại nên còn có tên là làng Ngũ Xã. Giữa cánh đồng sau làng có một ngôi cổ miếu bao bọc bởi những cây lớn trên một gò đất cao hơn mặt ruộng. Đây là bản doanh của trẻ chăn trâu và chỉ mở cửa một, hai lần trong năm để cúng bái. Theo sự đồn đại lưu truyền thì ngôi cổ miếu này không phải do dân làng lập nên mà do một ông quan Tàu xây cất từ thuở xa xưa với mục đích đánh

dấu chôn của ông tom góp được trong thời gian cai trị vùng này mà vì một lý do nào đó, không thể đem về Tàu ngay được. Dân làng thường kể câu chuyện: Vào một đêm trăng sáng, một người đi tát nước ruộng quá nửa khuya mới về nhà. Về gần đến nơi cổ miếu thì anh ta thấy một thiếu nữ chần một đàn vịt độ 3, 4 chục con. Đàn vịt không đông sòng màu sắc rất đặc biệt, không trắng hoặc đốm nâu mà toàn một màu vàng óng ánh. Thiếu nữ chần vịt dáng dấp mảnh mai, tóc đen nhánh xõa vai, mặt trái xoan, lơ đãng nhìn về phía chân trời xa, ánh mắt buồn vời vợi. Cách ăn mặc của cô cũng không giống các thiếu nữ trong làng, áo ngắn tay màu chàm, cúc tết thành hàng thẳng đứng bên hông trái, dáng đi nhẹ nhàng uyển chuyển. Anh nông dân thấy đàn vịt đẹp nên tìm đến hỏi mua. Cô gái không trả lời, dùng sào chần vịt chỉ vào hai con vịt què đang lê lét chạy phía sau, rồi lướt nhanh về phía trước, xua đàn vịt vào ngôi cổ miếu. Anh nông dân đuổi theo, đòi mua vịt giống cho bằng được nhưng không tài nào bắt kịp cô gái. Khi tới khuôn viên ngôi cổ miếu thì cả đàn vịt và cô gái cùng biến mất. Quay lại phía sau định bắt đôi vịt què thì chúng cũng không còn. Lúc bấy giờ anh mới biết cô gái chỉ là hồn ma giữ của.

Cánh đồng sau làng, ngoài ngôi cổ miếu, còn có một số gò đất tự nhiên

cao hơn mặt ruộng từ 50 đến 70 phân tây, dùng làm nghĩa địa cho làng. Trong những gò này có một gò đất hình con ngựa. Đầu và thân ngựa do gò đất tạo thành; dây cương, chân và đuôi ngựa do bờ của các thửa ruộng kế gò tạo nên. Cách xa gò này về hướng tây thuộc làng Kinh Kệ khoảng 2 cây số lại có một gò đất hình thể giống như cái yên ngựa. Nhiều người cho rằng đây là một thể đất quý và dân làng vẫn còn truyền tụng một bài thơ, nghe đâu có từ thời cụ Tả Ao, rằng:

Á Nguyên có con ngựa trời

*Bay qua Kinh Kệ ngựa rơi mất bành,
Nhà ai ăn ở hiền lành,*

Thì con ngựa ấy để dành lại cho.

Dân số làng tôi thời ấy, kể cả lớn bé già trẻ, khoảng hai ngàn người, phần lớn ở ngôi làng chính, phần còn lại chia ra ở hai khu trại, một ở đầu và một ở cuối làng. Ngôi làng trải dài theo bìa trong con đê khoảng một cây số, nơi rộng nhất độ 400 mét. Các lối đi chính trong làng gọi là ngõ, bắt đầu từ mép trong của đê, quanh co xuyên ngang làng rồi ăn thông ra phía sau làng. Ngoài các ngõ chính còn các ngõ phụ và ngõ cụt. Quanh làng là một hàng rào dây, phần lớn bằng tre. Có lẽ vì bờ rào này mà làng tôi trong kháng chiến chống Pháp được Ủy ban Hành chính huyện Lâm Thao chọn để lập làng chiến đấu. Hàng rào này được tu bổ lại, nhiều đoạn được làm thêm, đầu và cuối mỗi ngõ có cổng

tre khá kiên cố để có thể đóng mở khi cần. Vài địa điểm chiến lược được đào làm hầm hố và công sự chiến đấu. Thanh niên được tổ chức thành từng tổ du kích canh gác với gậy gộc và gươm giáo. Toàn làng chỉ có một khẩu súng duy nhất là khẩu mousqueton ngắn nòng. Khẩu súng này do một người dân trong làng nhặt được của lính Pháp bỏ chạy trong khi bị Nhật đánh úp; mãi cho tới tháng 8 năm 45 mới đem ra ủng hộ cho chính quyền xã.

Trong thời gian quân đội Pháp chiếm đóng thị xã Hưng Hoá, từ năm 1950 và "di tản chiến thuật" vào tháng 5 năm 1954 khi Điện Biên Phủ thất thủ, họ đã nhiều lần vượt sông Hồng sang chiếm làng tôi trong ngày rồi tới lại rút về. Lực lượng du kích trong làng có trên một trung đội, song vì vũ khí quá thô sơ nên chưa bao giờ dám thử lửa với quân đội Pháp mà chỉ đóng vai trò canh gác ngày đêm, khi nào thấy quân Pháp bắt đầu xuống thuyền sang sông thì đánh trống ngũ liên báo động cho dân làng chạy vào các làng xã sâu hơn ở phía trong. Toán du kích này đôi khi cũng tạo được một vài khó khăn cho quân đội Pháp Việt đồn trú tại Hưng Hoá bằng cách bơi qua sông trong đêm tối để phá hủy các ghe xuồng của đồn, khiến phương tiện vượt sông không còn hoạt động được nữa. Một điều rất may là nhà cửa trong làng bị đốt rất ít, song ngôi đình vì cao hơn mặt đê và ngạo nghễ nhìn thẳng sang đồn Hưng Hoá nên bị ăn đạn nhiều đến nỗi khó có thể tìm được một viên ngói còn nguyên vẹn.

Trong làng chỉ có khoảng 20 căn nhà ngói, số còn lại là nhà lá. Lá lợp nhà vùng quê tôi là lá cọ, một loại lá dày bản và bề mặt mỗi lá trung bình khoảng một mét vuông. Nhà được cất theo kiểu chữ đinh, nếu là nhà ngói thường là năm gian, và nếu là nhà lá thường là ba gian hai chái. Hai gian ngoài cùng hoặc hai chái được ngăn cách với ba gian còn lại làm thành những buồng ngủ. Cột kèo khá lớn, làm bằng gỗ mít hay xoan bào lạng nên dù là lợp lá trông vẫn khang



trang, mát mẻ vào mùa hạ và ấm áp vào mùa đông. Những gia đình khá giả thường cất thêm một căn nhà ngang hay nhà bếp nối tiếp hoặc thẳng góc với nhà chính. Chuồng trâu bò thường dính liền với nhà bếp. Còn chuồng lợn, gà thì được cất xa hẳn khu nhà ở. Một số ít nhà quá nghèo thì cột bằng tre, vách đất và lợp bằng rơm. Mỗi ngôi nhà được bao quanh bằng một khu vườn nhỏ trồng cây ăn trái, thường là chuối tiêu, có cổng ngõ và rào ngăn hẳn hoi.

So với các làng lân cận thì làng tôi đông người, ít ruộng song lại giàu có hơn. Đó là do dân làng tôi rất cần cù. Họ ra đồng làm việc từ sáng tinh mơ và trở về nhà khi trời đã tối mịt. Làm việc đông áng, mọi người phải đi chân không nên da gan bàn chân họ trở nên chai và dày cứng như da thuộc; cát nóng, sỏi đá lởm chởm không ảnh hưởng được. Làng tôi lại đa canh; ngoài các vụ lúa chiêm, lúa mùa và các hoa màu khác như ngô (bắp), đậu tương (đậu nành), khoai lang, khoai sọ.v.v.. như các làng chung quanh, họ còn trồng chuối tiêu (chuối già) để bán cho các hãng buôn xuất cảng sang Nhật, trồng xu hào, bắp cải mà dân làng tôi gọi là rau tây để bán cho dân chúng quanh vùng vào dịp Tết Nguyên Đán. Trong những tháng nghề nông ít việc, dân làng xoay ra nghề kéo sợi, nuôi tằm ươm tơ. Ruộng lúa làng tôi được cày bừa và chăm bón kỹ nên năng suất cao và cơm gạo rất ngon, được tiếng "Cơm đồng Á, cá đồng Nung" hay "Cơm đồng Á, cá đồng Gáp".

Cách ăn mặc của dân làng rất giản dị. Quần áo thường được may từ vải tấm, một loại vải dệt theo lối cổ truyền, khổ rất hẹp, khoảng 50 phân tây. Vải được nhuộm nâu trước khi cất may. Nâu là một loại củ có nhựa màu đỏ lợt hay sậm, đào ở trên rừng về, đem chà sát hay giã nhỏ, lọc lấy nước nhuộm vải. Sau khi nhuộm đi nhuộm lại nhiều lần, nhựa nâu thấm sâu vào sợi vải làm cho vải có màu nâu và bền hơn. Nam giới thì áo cánh, quần dài; còn nữ giới thì áo cánh hở ngực, yếm che ngực, và váy. Trước

năm 1945, dân làng tôi cũng như các làng lân cận hầu như chưa biết dùng quần lót. Vào những dịp lễ lạc, nam giới mặc áo dài thâm, quần dài trắng, đầu chít khăn hay đội khăn xếp, chân đi guốc hay giày Gia Định. Nữ giới thì áo dài tứ thân, nâu hoặc đen, tóc vấn đuôi gà, đầu chít khăn vuông, yếm đào hay yếm trắng, đôi khi thêm chiếc thắt lưng bằng lụa hay sồi dệt từ tơ tằm màu hoa lý, chân đi dép quai ngang. Sau năm 45, chỉ có các thiếu nữ trong làng mới mặc quần, còn các bà vẫn mặc váy. Váy cũng được may từ vải nhuộm nâu nhưng sau đó nó còn được trát lên bề mặt một lớp bùn đen từ các ao hồ kinh niên rồi phơi khô và giặt bỏ lớp bùn, màu nâu trở thành màu đen nhánh. Váy rất dễ may, chỉ cần nối hai mép vải lại với nhau, phần dưới may gấp lại thành gấu váy, phần trên được gấp nếp ở phía trước và hai bên hông rồi may dính liền với cặp váy có dải rút. Những người ăn chắc mặc bền còn may thêm vào bên trong phía sau váy một miếng vải vuông nữa. Váy rất thuận lợi đối với phụ nữ chẳng những về cách may mà còn về cách mặc nữa. Nó có thể mặc từ dưới lên hoặc từ trên đầu xuống. Khi muốn thay váy, chỉ cần mặc chõng vách sạch ra ngoài váy dơ rồi kéo váy dơ ra là xong, không cần phải phòng ốc gì cả. Về mặt lợi nước thì vô cùng tiện lợi. Mặc quần, tùy theo mực nước mà kéo dần ống quần lên, nhưng nếu nước sâu tới đùi thì đành chịu ướt. Mặc váy thì có thể kéo váy lên cao và cao nữa, gần như vô giới hạn. Vào thời Minh Mạng (1820-1840) chiếc váy cổ truyền bị coi là thô bỉ nên nhà vua ra chiếu chỉ cấm mặc váy, phải mặc quần nhưng vì sự tiện lợi của nó và nhất là vì "phép vua thua lệ làng" nên dân chúng chẳng những không tuân mà còn làm thơ châm biếm nữa:

*Tháng tám có chiếu vua ra,
Cấm quần không dấy người ta hãi hùng.
Không đi thì chợ không đông,
Đi thì phải lột quần chõng sao đang.*

Trước năm 45, dân làng tôi vẫn còn giữ tục nhuộm răng. Khi răng sữa đã được thay, các thanh niên thiếu nữ

trong làng bắt đầu nhuộm răng. Thuốc nhuộm răng, thường gọi là phen, mua từ các gánh hàng xén bán tại các chợ phiên trong vùng. Có hai loại phen đen và đỏ; đỏ để nhuộm lốt và đen để nhuộm chính. Nhuộm răng xem ra rất công phu vì thời gian nhuộm kéo dài cả tuần, người nhuộm phải kiêng cử nhiều thứ, phải ăn nuốt và ngậm thuốc nhuộm chẳng thơm tho ngọt ngào gì cả. Sau khi nhuộm lần đầu, hàng năm cứ đến gần Tết lại phải nhuộm lại để giữ răng đen nhánh quanh năm cho đẹp:

*Trăm quan mua lấy miệng cười,
Nghìn quan chẳng tiếc, tiếc người
răng đen.*

Cách xưng hô của làng tôi có vài nét khác biệt so với các làng khác, như không dùng danh từ "cụ" để gọi người già mà dùng chữ "bù" như bù Tiễn, bù Vị. Con cái gọi cha là "bố" hay "thầy", gọi mẹ là "u" hay "bà". Riêng đối với thanh niên thiếu nữ chưa có gia đình thì "cu" chỉ con trai và "đĩ" chỉ con gái. Dân làng tôi có lẽ đã sinh sống tại vùng này từ lâu lắm. Cho tới thập niên 40, vẫn còn một số ít ông già bà cả trong làng có những ngón chân cái không song song mà tách ra giao vào nhau, gần như thẳng góc với những ngón còn lại. Phải chăng đó là những người Giao Chỉ chính gốc còn sót lại?

Làng cũ của tôi nào biết ra sao bây giờ? Sông xưa bến cũ có nhớ chăng một cậu nhỏ chiều chiều xuống tắm ở đó? Làng xóm cũ có còn nhớ đến thằng "cu con" đã bỏ làng ra đi từ dạo ấy? Những đứa trẻ mục đồng năm xưa nay đã ra sao? Nhà cửa ruộng vườn của cha mẹ tôi có còn nguyên vẹn? Ông bà nội ngoại tôi vẫn được tiếp tục an giấc ngàn thu trên mảnh đất gia đình? Dù đã gần nửa thế kỷ xa cách, song hình ảnh ngôi làng cũ vẫn còn đậm nét trong tôi. Tôi vẫn tin rằng một ngày nào đó không xa lắm, khi đất nước Việt Nam thân yêu của tôi không còn cảnh "chỉ thấy mưa sa trên màu cờ đỏ" là tôi sẽ về, dù là về để chỉ gửi lại nắm xương tàn nơi lòng đất mẹ.

tiếng kêu của máu

Hoàng Hải Thủy

phóng tác



(tiếp theo)

Chương 19

Có một sạp báo trong phi cảng quốc tế Lambert St. Louis. Những tờ báo lớn nhất của Mỹ đều có bán tại đây. Cũng như nhiều sạp báo khác, sạp báo này thuộc một tổ hợp dây chuyền. Bên cạnh những nhật báo, tuần báo, tạp chí đứng đắn, sạp còn phải nhận bán một số báo mà người đọc nói chung gọi là “báo rác”,

Khi tờ nhật báo *Chicago Tribune* được đưa đến sạp vào lúc 10 giờ đêm thứ Hai, một chồng báo *The Tattler* cũng đến. Những tờ báo còn đậm mùi mực in. Những tờ báo nằm ở giữa chồng vẫn còn ấm.

Người bán hàng mệt mỏi mở chồng báo *Chicago Tribune* để bày lên sạp, lên giá. Anh ngồi xồm trước chồng báo.

Hai mũi giày boots đen hiện ra trước mắt anh. Lại một tên đọc báo cộp, anh ta nghĩ thầm. Nhưng không, hai mũi giày đen vẫn chiếu thẳng chỗ anh ngồi. Gã này muốn mua báo chứ không muốn đứng đọc cộp. Nghề bán báo không phải là nghề dài ngày của anh, anh có quyền tỏ ra lỗ mãng:

- Cái gì?

- Cho tờ *Tattler*.

- Chờ mở chồng báo ra đã chứ.

Đôi mũi giày đen vẫn không chuyển động. Người bán báo gắt lên:

- Tôi nói anh phải chờ. Anh có thấy tôi đang bận không?

Một bàn tay đưa xuống cùng với ánh lưỡi thép loáng lên. Sợi dây buộc chồng báo đứt tung phát ra một tiếng “bục”. Một đồng đô-la ném xuống trước mặt người bán. Một tờ *Tattler* được kéo mạnh ra từ giữa chồng báo làm cả chồng đổ xuống.

Anh bán báo đứng lên, nóng mặt. Gã mua báo lưỡng lự bước ra.

- Này anh kia!

Gã mua báo quay lại:

- Anh gọi tôi?

- Phải. Tôi gọi anh.

- Anh gọi tôi làm gì? Gã đi trở lại, nhắc lại câu hỏi - Anh gọi tôi làm gì?

Thường thì anh bán báo lỗ mãng vẫn bắt nạt người mua, nhưng đến người khách này thì anh ta chịu thua. Gã khách nào có một vẻ gì hết sức nguy hiểm, ác độc. Anh cúi mặt xuống:

- Anh còn 25 xu đây.

Francis quay lưng bước ra. Hai má anh chàng bán báo còn nóng rất trong khoảng nửa tiếng đồng hồ sau đó. Anh nghĩ: “Nhớ rồi. Thằng này tối thứ Hai tuần trước cũng đến đây mua tờ *Tattler*. Lần sau nó tới mình sẽ cho

nó bài học về lễ độ”. Anh sẽ để sẵn cây gậy đánh bóng chày để đón thằng đó.

Francis Dolarhyde không đọc báo ngay ở phi trường. Mẫu nhắn tin của bác sĩ Lecter đăng trong số báo trước đã đem lại cho hắn một số cảm xúc lẫn lộn. Tất nhiên Lecter đúng khi nói rằng Francis rất đẹp. Hắn xúc động nhiều khi đọc lời ca tụng ấy. Hắn rất đẹp. Đúng vậy. Nhưng hắn khinh thường Lecter vì hắn cảm thấy Lecter kinh sợ bọn cảnh sát quá đáng. Tuy vậy Francis vẫn nóng lòng muốn biết trong số *Tattler* mới này, Lecter có gửi gì thêm cho hắn hay không. Về đến nhà Francis mới đọc báo. Hắn tự kiêu vì sức mạnh tự chủ của mình.

Trong lúc lái xe trên đường về nhà, Francis suy nghĩ về vụ vừa xảy ra giữa hắn và gã bán báo lỗ mãng. Trước kia nếu xảy ra như thế, hắn đã xin lỗi người bán báo và đi biệt luôn không bao giờ trở lại sạp báo đó nữa. Trong nhiều năm, Francis đã chịu đựng việc mọi người tha hồ chà đạp, dầy xéo hắn. Nhưng tình trạng đó đã hết rồi. Người đời có thể tha thứ cá nhân Francis Dolarhyde nhưng không ai có thể đối diện với Rồng Đỏ. Đây là một phần của Sự Trở Thành.

Nửa đêm, đèn trên bàn làm việc của Francis vẫn sáng. Mẫu nhắn tin đã được giải mã và vò vùi vát trên sàn. Những trang báo *Tattler* bị cắt cũng nằm đây đó quanh chân bàn. Quyển sách lớn được mở dưới họa phẩm Rồng Đỏ, nhiều đoạn báo cắt dán trên trang sách còn ướt hồ. Một bao ni-lông chưa có gì đựng bên trong được gài dưới bức họa. Một tờ giấy dán trên bao này. Hàng chữ viết: “Bằng những lời này chúng xúc phạm danh ta...”

Nhưng Francis không có trong phòng. Hắn ngồi trên bậc thang xuống hầm nhà, trong bầu không khí ẩm mốc của đất và sương. Vòng ánh sáng từ cây đèn pin nơi tay hắn chiếu ra quét một đường dài trên những đồ đạc để trong hầm. Tất cả những đồ đạc này đều được che phủ bằng những tấm vải cũ, tấm lưng bụi bặm

của chiếc gương lớn ngày xưa được đặt trên lầu này đứng dựa vào tường, cạnh cái rương gỗ đựng thùng chất nổ.

Vòng sáng dừng lại ở một vật cuối căn hầm. Mạng nhện vương vào mặt Francis khi hắn đi tới đó. Bụi ẩm làm hắn hắt hơi khi hắn kéo tấm vải phủ đầy bụi ra.

Đây là một trong ba chiếc ghế đẩy có bánh xe kiểu cổ, làm bằng gỗ và bằng mây, thành dựa lưng cao, vững chắc. Chính quyền địa phương đã cung cấp ba cái ghế này cho bà ngoại Francis vào năm 1940, khi bà mở nhà dưỡng lão tại đây.

Ở bánh xe ghế kêu ken-két khi Francis đẩy nó đến chân thang. Dù nặng, hắn cũng nhấc chiếc ghế dễ dàng lên khỏi hầm. Hắn lau bụi và cho dầu nhớt vào các ổ bánh xe. Sau khi cho dầu, bánh xe nhỏ trước ghế còn phát ra tiếng kẹt nhỏ nhưng hai bánh xe sau đã xoay nhanh và êm khi được quay nhẹ bằng một ngón tay.

Cơn giận của Francis nguôi dần khi hắn thấy bánh xe ghế đẩy trôi đều. Hắn vừa quay bánh xe vừa hát khẽ.

Chương 20

Khi Freddy Lounds ra khỏi toà soạn báo *The Tattler* vào trưa ngày thứ Ba, anh mệt mỏi về thể xác nhưng tinh thần lên cao phơi phới. Freddy đã viết xong bài phỏng vấn trên chuyến phi cơ bay về Chicago ngày hôm qua và khi về đến toà soạn, lập tức bài báo được đem in ngay. Kể từ đó anh làm việc liên miên không nghỉ. Anh bận viết phóng sự về những vụ án mạng ghê rợn xảy ra trong năm. Anh cũng bận tổ chức cuộc săn tin sau khi tên Quỷ Răng Nanh sa lưới. Anh được quyền sử dụng ba phóng viên khá nhất của tờ *The Tattler* vào việc này. Quỷ Răng Nanh vừa bị bắt là *Tattler* được Crawford ưu tiên báo cho biết. Freddy Lounds sẽ lập tức cùng ba

phóng viên bay đến điều tra. Những bài tường thuật của họ sẽ làm cho các tờ báo lớn chỉ còn việc đăng lại chứ không cần gửi đặc phái viên đến điều tra thêm nữa.

Bây giờ Freddy lái xe về nhà. Anh sẽ ngủ chừng ba tiếng đồng hồ trước khi trở dậy để cùng với đồ nghề lên phi cơ bay đến Washington. Anh hẹn với Crawford sẽ trở lại Washington trong hôm nay để ở gần ngay hai cái bẫy giương ra bắt Quỷ Răng Nanh.

Cho xe xuống nhà để xe dưới hầm, Freddy Lounds gặp chuyện bực mình. Một chiếc xe tải hạng nhẹ, không biết của ai, đậu ngay vào chỗ đậu dành riêng cho anh. Freddy cho xe đậu chắn ngay sau chiếc xe tải đó. Khi đang khóa cửa xe, anh nghe có tiếng cửa xe mở nhẹ sau lưng. Vừa quay lại thì Freddy bị một cú đập mạnh và ngọt vào ngay thái dương. Hai tay anh giơ lên được nhưng đầu gối anh mềm nhũn xuống. Anh bị xiết cổ đến nghẹt thở. Khi thở được, mũi anh chỉ còn hít vào toàn thuốc mê.



Francis đậu chiếc xe tải ngay sau toà nhà, ra khỏi xe và vươn vai. Trên đường về từ Chicago, xe bị gió thổi ngang khiến hai cánh tay hắn mỏi. Francis nhìn lên trời đêm. Sao chổi Perseid sắp bay qua, nhất định hắn sẽ chờ để nhìn thấy nó.

Francis mở cửa sau vào nhà. Như thường lệ, hắn đi kiểm soát một vòng. Khi trở ra, hắn trùm kín đầu và mặt bằng một cái vỏ mỏng.

Mở cửa sau xe, gắn vào đó đường thang để cho đồ nặng trong xe lăn xuống, Francis đẩy cái ghế trong có Freddy Lounds xuống xe.

Freddy chỉ bận có cái quần cụt, bị bịt mắt, bịt miệng. Tuy bất tỉnh, anh vẫn ngồi ngay ngắn trong lòng ghế. Từ đầu qua lưng xuống đến hai chân, Freddy bị dán bằng keo epoxy làm anh dính chặt người vào thành gỗ của chiếc ghế.

Francis đẩy ghế vào nhà, đặt Freddy ngồi quay mặt vào tường trong góc phòng như một anh bé con bị phạt.

- Anh có lạnh không? Có cần mền

không?

Francis xé những dây băng vệ sinh ra khỏi mắt và miệng Freddy. Freddy không trả lời. Mùi *chloroform* ở hơi thở anh vẫn còn nặng.

- Có mền cho anh đây.

Francis lấy tấm khăn phủ trên sofa đắp lên người Freddy rồi đưa ve *amonía* vào lỗ mũi anh ta.

Hai mắt Freddy mở ra. Anh ho rồi bắt đầu hỏi:

- Tai nạn à? Tôi bị thương nặng không?

Tiếng nói vang lên sau lưng anh:

- Freddy Lounds, anh không làm sao cả.

- Sao lưng tôi rất quá? Tôi bị phỏng ư?

- Không. Cứ ngồi yên đấy. Một lát nữa tôi sẽ lo cho anh.

- Này... cho tôi nằm xuống chứ. Gọi điện thoại về toà báo giùm tôi. Trời đất! Tôi bị gãy xương lưng à? Nói cho tôi biết tại sao đi...

Tiếng chân đi xa dần.

Freddy Lounds rít lên:

- Tại sao tôi lại ở đây?

Tiếng trả lời từ xa vọng lại:

- Freddy Lounds... anh phải ở đây để đền tội.

Freddy nghe tiếng chân bước lên thang lầu, tiếng vòi nước chảy. Anh đã tỉnh hơn. Anh nhớ anh lái xe về nhà, nhưng sau đó anh không biết gì nữa. Nửa đầu anh nhức, mùi *chloroform* làm anh muốn ói. Anh há miệng lớn để thở và nghe rõ tiếng tim mình đập mạnh.

Freddy hy vọng mình đang ngủ mê. Anh cố nhấc bàn tay lên nhưng không được. Cảm giác đau ở cánh tay cho anh biết là anh đang thức. Trí óc anh hoạt động thật nhanh. Anh nhìn xuống, thấy hai tay mình bị dính chặt vào cái gì. Anh không bị gãy xương lưng. Đây không phải là dụng cụ để giữ cho người bị gãy xương lưng bất động. Đây cũng không phải là bệnh viện. Có kẻ nào đó đã bắt cóc anh.

Freddy cố suy nghĩ. Phải tỉnh và suy nghĩ để ứng phó, anh tự nhủ.

Tiếng những bậc thang lầu cọt kẹt khi Francis đi xuống.

Freddy biết người đó đang đứng

sau lưng anh. Anh hỏn hển nói:

- Tôi không nhìn thấy mặt anh. Tôi không biết anh là ai. Tôi chưa từng gặp anh lần nào. Tôi là ký giả tờ *Tattler*. Tờ báo của tôi sẽ trả tiền cho anh thật cao. Năm trăm ngàn. Có thể là một triệu. Một triệu đô.

Im lặng. Rồi có tiếng động ghế. Người đó vừa ngồi xuống.

- Anh đang nghĩ gì, Freddy?

"Đừng sợ! Nó không định giết mình đâu. Nó không để mình nhìn thấy mặt nó!"

Kẻ đó nhắc lại:

- Anh đang nghĩ gì?

- Tôi không biết chuyện gì đã xảy đến với tôi.

- Anh biết tôi là ai không?

- Không. Tôi không biết mà tôi cũng không muốn biết.

- Theo anh, tôi là một thằng ác ôn sa đọa bất lực về tình dục. Anh viết tôi là một con thú, một thằng điên trốn khỏi nhà thương điên.

Thường thì Francis, trong lúc bị kích động, vẫn nói lắp và nói ngọng, nhưng lúc này vì người nghe hần nói đã bị hần chế ngự hoàn toàn nên hần nói rất lưu loát:

- Bây giờ anh đã biết tôi là ai chưa?

"Đừng nói dối. Đừng chối. Nhận thôi".

- Tôi biết rồi. Freddy trả lời.

- Freddy, tại sao anh lại viết những lời dối trá đó? Tại sao anh cho là tôi điên? Trả lời đi.

- Khi một người... một người... làm những việc mà người khác không hiểu, họ gọi người đó là...

- Điên?

- Họ gọi... như họ đã gọi anh em nhà Wright. Từ xưa đến nay... lịch sử cho ta thấy...

- Lịch sử? Anh có hiểu tôi đang làm gì không, Freddy?

- Tôi chưa hiểu. Nhưng tôi nghĩ tôi có thể có dịp được hiểu. Tôi hiểu là tất cả độc giả của tôi cũng sẽ hiểu.

Freddy suy nghĩ thật nhanh: "Nó hỏi mình có hiểu không tức là nó muốn nói gì với mình đây. Nói về nó thôi. Mình phải nắm ngay cơ hội này".

- Nhưng tôi phải nói về anh - Freddy tiếp - Nói giữa người và người, là tôi đang sợ hãi. Khi sợ hãi người ta không thể chú ý vào vấn đề gì được. Nếu anh có ý kiến gì hay, anh cứ nói, tôi nghe. Anh không cần phải làm tôi sợ.

- Người với người! Anh nói câu đó để biểu lộ sự chân thành của anh. Cũng được. Nhưng tôi không phải là người. Tôi bắt đầu là người nhưng nhờ ân điển của Thượng đế và nhờ ý chí của riêng tôi, tôi đã trở thành Khác và Hơn một người. Anh nói anh sợ, anh có tin là Thượng đế đã hiện diện ở đây không?

- Tôi không biết.

- Ngay lúc này anh có cầu xin Thượng đế không?

- Cũng có nhiều khi tôi cầu xin. Thật mà... tôi thường cầu xin những khi tôi sợ.

- Ngài có giúp anh không?

- Tôi không biết. Cầu xin xong là tôi quên. Lẽ ra tôi phải nhớ.

- Lẽ ra anh phải nhớ! Hừm... Lẽ ra có nhiều chuyện anh phải biết. Lát nữa tôi sẽ giúp cho anh hiểu, anh biết. Chờ chút đi.

- Vâng.

Tiếng chân đi ra khỏi phòng. Tiếng ngăn bàn kéo ra ở trong bếp. Freddy từng tường thuật quá nhiều vụ giết người xảy ra trong bếp, nơi có sẵn nhiều dụng cụ để giết người nhất. Tiếng nước chảy.

Freddy nghĩ lúc này là ban đêm. Crawford và Graham đang chờ anh. Chắc là họ biết anh bị mất tích rồi. Con buồn sầu rỗng và lớn ập đến tràn ngập hồn anh cùng với nỗi sợ hãi.

Có tiếng người thở bên tai Freddy. Anh thấy một vật gì trắng, rồi một bàn tay to, mạnh, cầm ly nước trà pha mật ong đưa ra. Freddy uống nước qua ống hút.

- Tôi sẽ viết một loạt bài lớn - Freddy vừa hút nước vừa ngừng để nói - Bất cứ điều gì anh muốn nói, tôi sẽ đăng hết. Anh cứ mô tả anh theo cách anh thích. Hay là anh không cần phải làm điều đó, tôi biết cách viết về anh thật hay.

- Shiiii....

Một ngón tay gõ nhẹ lên đầu Freddy. Ánh đèn sáng hơn. Chiếc ghế được xoay cho quay lại.

- Không. Tôi không muốn nhìn thấy anh.

- Ồ, anh phải nhìn chứ. Anh là phóng viên mà! Anh đến đây để nghe, nhìn và tường thuật. Khi tôi xoay anh lại, hãy mở mắt nhìn tôi. Nếu anh không chịu mở mắt, tôi sẽ dùng máy đóng kim ghim mí mắt anh lên trán anh.

Có tiếng chép miệng đầy nước miếng. Một tiếng klick rồi cái ghế xoay lại. Bây giờ Freddy ngồi nhìn vào giữa phòng. Hai mắt anh nhắm nghiền. Ngón tay gõ nhẹ lên ngực anh, rồi ngón tay chạm vào mí mắt anh.

Freddy mở mắt.

Trong tư thế ngồi, Freddy thấy người bắt mình có vẻ rất cao đứng đó trong áo kimono. Hắn mang mặt nạ bằng chiếc vớ mỏng, quay lưng lại Freddy và cởi áo. Những bắp thịt lớn ở lưng hắn cuộn cuộn nổi lên làm cho hình đuôi rồng được xăm trên lưng hắn như sống động. Đuôi rồng chạy dài xuống đôi mông rồi quấn vào một bên chân hắn.

Rồng Đỏ từ từ quay lại đầu lại, nhìn Freddy quay vai, mỉm cười. Hàm răng hắn khấp khểnh và đen xỉ.

- Ôi... Lạy Chúa!

Freddy rên rỉ, hai mắt tự động nhắm lại. Khi mở ra, Freddy thấy anh ngồi giữa phòng, nhìn thẳng vào màn ảnh. Francis đứng sau lưng anh. Hắn đã mặc kimono và đặt hàm răng giả khác vào miệng. Hàm răng này là hàm răng giả thường ngày của hắn.

- Anh có muốn biết tôi là ai không?

Freddy gật đầu nhưng tóc anh đã bị keo dán chặt vào thành ghế:

- Rất muốn.

- Nhìn đi.

Tám phim đầu tiên được chiếu lên màn ảnh là họa phẩm của William Blake: Đại Nhân Long, Rồng Người Đỏ. Đôi cánh rồng vươn lên, đuôi rồng quật mạnh, Rồng Bay đứng trên Người Đàn Bà được Mặt Trời Trang Phục.

- Thấy chưa?

- Thấy.

Francis bấm máy, đổi tám phim khác. Klick. Bà Jacobi lúc sống.

- Thấy không?

- Thấy.

Klick. Bà Leeds lúc sống.

- Thấy không?

- Thấy.

Klick. Francis. Rồng Đỏ trần truồng, bắp thịt nổi lên, đuôi rồng hiện rõ, đứng trước giường trong đó có vợ chồng Jacobi:

- Thấy không?

- Thấy.

Klick. Bà Jacobi chờ đợi.

- Thấy không?

- Thấy.

Klick. Bà Jacobi sau đó.

- Thấy chứ?

- Dạ thấy.

Klick. Bà Leeds chờ đợi.

Klick. Bà Leeds sau đó, người đầy máu, hai mắt bị cấm những mảnh gương vỡ.

- Thấy không?

- Thấy.

Klick. Ảnh Freddy Lounds cắt trên tờ *Tattler* đem chụp thành phim.

- Thấy không?

Freddy rên rỉ như tiếng khóc của trẻ con.

- Thấy không?

- Tôi xin...

- Xin cái gì?

- Tha cho tôi...

- Tha cái gì? Anh có phải là đàn ông không?

- Dạ phải.

- Sao anh dám viết về tôi là thằng đồng tính?

- Tôi xin...

- Anh thấy tôi có bất lực không?

- Dạ không.

- Tại sao anh lại viết vậy?

- Cảnh sát bảo tôi viết như thế.

Những lời ấy đều là của bọn cảnh sát.

- Anh có kể tên Will Graham?

- Vâng. Graham nói láo. Nó là thằng bậy bạ nhất.

- Bây giờ anh đã chịu viết Sự Thật chưa? Sự Thật về tôi. Việc tôi làm. Sự tôi Thăng Hoa. Nghệ Thuật tôi. Freddy, anh có thấy đây là Nghệ

Thuật không?

Freddy ú ớ:

- Nghệ thuật....

Về kinh hoàng của Freddy làm Francis quên hết những mặc cảm tự ti. Hắn nói thao thao như nước chảy. Hắn đang bay như rồng:

- Anh dám viết rằng tôi, người cao quý hơn anh, người thấy nhiều hơn anh, là tôi điên! Tôi, người thúc đẩy trái đất này quay mạnh hơn, mà điên ư? Tôi dám làm nhiều việc hơn anh. Tôi đặt dấu ấn độc đáo của tôi lên mặt đất này sâu hơn anh nhiều. Dấu ấn của tôi còn ghi lại đây rất lâu sau khi xương cốt anh đã trở thành bụi đất. Cuộc sống của anh so với cuộc sống của tôi như hòn sỏi so với ngọn núi.

Francis hùng hồn và xuất thần nói ra những lời hắn đã viết trong quyển sách lớn.

- Tôi là Rồng mà anh dám gọi tôi là thằng điên. Hành động của tôi được theo dõi, được ghi nhận thành kính như đường bay của một ngôi sao khách. Anh có biết gì về ngôi sao khách năm 1054 không? Tất nhiên là anh không biết. Anh và cái đầu rỗng tuếch, bộ mặt củ khoai của anh. Bọn độc giả của anh tất nhiên còn ngu hơn anh nhiều. Với tôi, anh chỉ là một con kiến. Anh sợ tôi là đúng. Nhưng không những anh chỉ sợ tôi mà thôi, anh và bọn sâu kiến như anh, còn phải kính phục tôi.

Francis đứng đó, đầu cúi xuống, ngón tay cái và ngón tay trỏ đặt lên sống mũi. Rồi hắn đi ra khỏi phòng.

"Nó không bỏ mặt nạ ra" - Freddy hồi hộp nghĩ - "Nó vẫn mang mặt nạ. Nó còn mang mặt nạ là nó không giết mình. Nếu nó trở lại mà không mang mặt nạ nữa là đời mình đi đứt.. Mẹ... Mình đái ra quần rồi!" Anh liếc mắt cố nhìn ra cửa, tai nghe những tiếng động lịch kịch từ sau nhà vắng tới.

Khi Francis trở vào phòng, hắn vẫn mang mặt nạ. Hắn đem theo một giỏ đựng thức ăn và hai phích nước.

- Cái này để đưa anh trở về - hắn giơ cái phích nước lên - Nước đá lạnh. Chúng ta sẽ cần đến nó. Trước khi đưa anh về, chúng ta ghi âm cuộn băng.

Hắn dùng cây kẹp gài ống micro vào tấm khăn ngay trước miệng Freddy:

- Tôi nói trước. Anh nhắc lại đúng như lời tôi.

Cuộc thâu băng kéo dài khoảng nửa giờ. Sau cùng:

- Xong rồi, Freddy. Anh được lắm.

- Anh cho tôi về?

- Tôi sẽ đưa anh về. Tôi cần làm một việc nữa để giúp anh hiểu và nhớ mãi.

Francis quay lưng lại trong lúc Freddy nói vội:

- Tôi rất muốn được hiểu. Tôi rất mong được anh chỉ bảo. Tôi muốn anh biết là tôi mang ơn anh, anh đã tha lỗi cho tôi. Từ nay tôi sẽ chỉ viết sự thật... Rồi anh sẽ thấy.

Francis không nói được. Hắn đã thay bộ răng giả.

Máy thâu băng lại quay đều.

Nhìn vào mặt Freddy, hắn cười. Hàm răng khắp khểnh có những chiếc răng nhọn hoắt, đen nâu, nhe ra. Đặt cả hai bàn tay lên ngực Freddy, hắn cúi xuống, ghé miệng như để hôn. Hắn cắn mạnh làm hai vành môi của Freddy đứt lìa.

Hắn nhổ hai miếng thịt ấy xuống sàn.

Chương 21

Bình minh ở Chicago. Không khí nặng. Trời xám thấp.

Người giữ an ninh bước ra vỉa hè từ tiền sảnh toà soạn báo *The Tattler*. Anh đứng hút thuốc lá, một tay đưa ra đằng sau xoa xoa lưng. Chỉ có mình anh trong phố. Sáng tinh sương yên tĩnh đến nỗi anh có thể nghe thấy tiếng "klick" phát ra từ những trụ đèn xanh đỏ ở ngã tư tít trên đỉnh đồi kia khi đèn đổi màu.

Bên một toà nhà gần ngã tư, ngoài tầm mắt nhìn của người bảo vệ an ninh, Francis Dolarhyde sửa soạn đưa Freddy ra khỏi chiếc xe tải.

Freddy đau đớn lắm. Anh vẫn ngồi cứng trên ghế đẩy, cái mền phủ kín mình anh. Có vẻ như anh hôn mê nhưng thực ra trí óc anh vẫn hoạt

động. Mắt anh bị bịt kín, nhưng anh vẫn có thể nhìn thấy đôi chút qua kẽ hở hai bên sống mũi. Nhưng anh chỉ có thể nhìn xuống chứ không nhìn ngang được.

Francis bận áo choàng trắng như áo y tá. Hắn đặt phích nước lên lòng Freddy rồi đẩy ghế ra khỏi xe. Gài chốt bánh cho xe khỏi lăn, hắn quay lại cất chiếc thang đưa ghế xuống và đóng cửa lại.

Freddy nhìn thấy cái phích nước nằm trong lòng rồi thấy tấm cản sau xe. Cố lên, nhìn bảng số xe nó. Thấy rồi! Freddy chỉ nhìn thấy tấm bảng số trong một nháy mắt nhưng mấy con số đó đã in sâu vào óc anh.

Xe được đẩy đi. Vĩa hè. Quẹo góc 45 độ. Xuống dốc. Có tiếng giấy lạt xạt quay theo bánh xe.

Francis dừng lại trong góc phố khuất gần những thùng rác. Hắn mở khăn bịt mắt cho Freddy. Ve amonia lại được để vào dưới mũi anh.

Giọng hắn vang lên ngay bên tai Freddy:

- Nghe rõ không? Anh về gần đến nhà rồi. Chớp mắt đi nếu anh nghe rõ tôi nói.

Dùng ngón cái và ngón trỏ, Francis mở mắt Freddy:

- Tôi có nói dóc với anh chút xíu.
- Francis gõ nhẹ ngón tay vào phích nước - Cái phích này không đựng nước đá lạnh đâu.

Tấm mền đắp trên người Freddy được kéo ra. Francis mở nút phích. Mùi ét-xăng bốc ra nồng nặc.

Xăng dội từ trên đầu Freddy xuống. Người ký giả thấy lạnh buốt nhưng anh không kêu lên được. Đôi vành môi đã bị cắn đứt, anh chỉ còn thốt ra được những tiếng ặc ặc ghê rợn trong cổ họng.

Chiếc xe được đẩy nhanh đến đầu dốc. Phục... lừa bốc cao... Chiếc xe bon bon lăn xuống dốc hướng về phía cửa toà soạn báo *The Tattler*. Hai bánh xe lăn đều phát ra những tiếng xẹt... xẹt...

Vừa liệng mẫu thuốc lá, người giữ an ninh định quay vào. Anh giật mình ngẩng người khi thấy khối lửa vàng rực từ trên kia lăn xuống. Cái gì thế này?

thêm mùa xuân lưu vong

*Dòng thơ tình lạc vận
Hồn cách núi ngăn sông
Bên ngoài ngày tháng tận
Thêm mùa xuân lưu vong.
Vẫn nổi buồn kẻ cận
Xuân tha hương náo lòng.*

vạn giả

Trời đất? Cái xe cháy à? Nổ thì bỏ mẹ! Anh dợm chân để rút lui vào nhà.

Xe lửa lăn tới, lăn tới, dừng mạnh vào vỉa hè, xoay tròn rồi đổ ngang. Người giữ an ninh trở mắt nhìn. Đường như có người đang quần quai trong đồng lửa. Anh chạy vội vào kéo còi báo động hỏa hoạn đặt bên trong cửa, rồi nhắc cái bình dập lửa, thận trọng bước ra vỉa hè.

Không phải là cái xe bị cháy mà là cái gì như cái ghế có người ngồi trong đó. Không khí sặc mùi xăng cháy. Anh ta đi vòng ra đứng ở đầu gió để xịt chất bột trắng diệt lửa lên thân xác co quắp của ký giả Freddy Lounds.

Chương 22

Mỗi sáng vào lúc 5 giờ 45, một cú điện thoại được gọi đến phòng Will Graham, báo tình hình an ninh, chàng có thể rời "bẫy".

Sáng nay Crawford gọi đến trong lúc Graham đang cạo râu.

- Chúc một ngày vui vẻ.

- Vui thì biết chắc là không vui rồi đó. Thành Quĩ Răng Nanh tấn công Freddy Lounds ở Chicago.

- Lạy Chúa.

- Chưa chết. Freddy đòi gặp anh. Chắc không chờ được lâu đâu.

- Tôi đi ngay.

- Gặp tôi ở phi trường. United 245. Cát cánh trong 40 phút nữa. Anh có thể trở về đây để tiếp tục ngồi trong bẫy nếu hôm nay chúng ta vẫn dùng

phương án ấy.

Điều tra viên đặc biệt Chester thuộc sở FBI Chicago đón họ ở sân bay O'Hara. Mưa to. Chicago là thành phố quen dùng còi hú. Chiếc xe cảnh sát lao đi trong màn mưa tầm tã.

Chester lớn tiếng kể:

- Cảnh sát Chicago cho biết Lounds bị tấn công và bị bắt đi trong ga-ra dưới hầm nhà riêng.

- Lounds có nói gì không?

- Có nhưng chỉ được vài tiếng. Có nói được bằng số xe. Cảnh sát Chicago đang tìm bắt xe mang bằng số ấy. Ưu tiên một.

- Lounds có nhìn thấy mặt nó không?

- Tôi không nghe nói.

Chester cho xe dừng lại trước cổng vào bệnh viện trắng xóa những nước. Anh nghiêm trọng nói với cả hai:

- Jack... Will, trước khi các anh vào tôi cần nói trước, nó hành hạ Freddy thể thảm lắm. Hai anh chuẩn bị tinh thần đi.

Graham gạt đầu. Trên đường bay từ Washington đến đây, chàng cố gắng dẹp đi hy vọng là Lounds sẽ chết trước khi chàng đến.

Hành lang trong khu Trung tâm Trị Phỏng Paege là một đường hầm lát gạch men trắng không một hạt bụi. Ông bác sĩ cao lớn, khuôn mặt thật trẻ gạt đầu ra hiệu cho Graham và Crawford lùi ra xa đám người đang đứng trước cửa phòng Lounds:

- Ông Lounds bị phỏng nặng không sống được. Tôi chỉ có thể giúp ông ta đỡ đau đớn. Thế thôi. Ông ấy thở ra khói và lửa. Cổ họng, phổi, gan, ruột đều bị cháy. Tôi chắc là ông ấy sẽ không tỉnh lại nữa. Trong tình trạng này ông ấy đi ngay là hơn.

Nếu ông Lounds tỉnh lại, cảnh sát thành phố yêu cầu tôi rút ống truyền dưỡng khí trong họng ông ta ra để ông ta có thể nói được. Tôi đồng ý làm việc này, nhưng chỉ trong thời gian thật ngắn.

Lúc này thì những dây thần kinh của ông Lounds đều tê liệt vì bị cháy. Nhưng nếu tỉnh lại, ông ấy sẽ đau đớn

khủng khiếp. Tôi phải nói rõ để quý vị hiểu rằng tôi sẽ ngừng ngay cuộc hỏi chuyện để làm cho ông Lounds đỡ đau nếu ông ta tỏ ra đau đớn quá. Hai ông hiểu rõ ý tôi chứ?

- Vâng. Crawford trả lời.

Hai người vào phòng. Lounds nằm, đầu đặt trên gối cao. Tóc, tai đã cháy tiêu. Bông gòn đắp kín mặt. Cô y tá đẩy bàn thuốc sang một bên lấy chỗ cho Graham đứng sát gần Lounds. Mùi khét như mùi chuồng bò bị cháy.

- Freddy... Will Graham đây!

Cần cổ Freddy Lounds ngẩng lên trên mặt gối.

- Chỉ là phản ứng tự nhiên thôi - cô y tá nói - Ông ấy không biết gì đâu.

Dưỡng khí được bơm vào phổi Freddy bằng một máy bơm qua sợi dây chuyền vào cổ họng.

Một trung sĩ cảnh sát trắng trẻo ngồi trong góc phòng với giàn máy ghi âm và một sổ ghi trên lòng. Graham không để ý đến anh chàng này cho đến khi anh ta lên tiếng:

- Ông Lounds có nói đến tên ông trước khi người ta đặt dây truyền dưỡng khí.

- Anh có mặt lúc đó ư? Graham hỏi.

- Sau đó một lúc tôi mới đến, nhưng tôi có lời anh ta nói thâu vào băng đây. Anh ta nói bằng số xe với lính cứu hỏa rồi ngắt đi. Về đến phòng cứu cấp, khi được chích thuốc gì đó vào ngực, anh ta tỉnh lại trong khoảng một phút. Có mấy người nhà báo *Tattler* đi theo, họ ghi âm mấy tiếng anh ta nói. Tôi sang được đoạn băng ấy.

- Cho tôi nghe.

- Ông nên mang ống nghe.

Viên trung sĩ đưa ống nghe cho Graham. Có tiếng lách cách của bánh xe lăn, tiếng người: "Đưa vào phòng ba...", tiếng đung cánh cửa, tiếng ho rồi tiếng nói khàn khàn của loài ếch, tiếng của người không còn đôi môi:

- *Kỉ rần nen...*

- Freddy... anh nhìn thấy nó không? Mặt mũi nó ra sao, Freddy?

- *Wendy! Ôi Wendy! Gahan ại ôi. Nó ầm ôi ết! Gahan ại ôi. Nó ặt ay ên*

ai ôi... Wendy...

Có tiếng gì ọc ọc vang lên như tiếng ống cống hút nước. Rồi tiếng bác sĩ: "Tôi yêu cầu mấy người đi ra. Đi ra hết..."

Cuộn băng chỉ có từng ấy tiếng.

Graham đứng lặng nhìn Lounds trong lúc Crawford nghe băng.

- Các ông có hiểu ông ấy nói gì không? Viên trung sĩ hỏi.

- Ai là Wendy? Graham hỏi lại.

- Em thợ chọi ngồi ngoài hành lang. Em tóc vàng vú bự đó. Em có đòi vào nhưng không được phép. Em chẳng biết gì cả.

- Sao không để cho cô ấy vào? Graham hỏi.

- Không ai được phép vào.

- Nạn nhân sắp chết rồi còn gì nữa.

- Bộ tôi không biết sao? - Viên trung sĩ bực bội nói - Tôi ngồi cứng đờ ở đây từ 6 giờ sáng, nhưng mà có lệnh. ĐM...

Anh nhìn cô y tá:

- Xin lỗi cô.

- Cho vào vài phút thôi - Crawford nói - Anh đi đi, rửa mặt cho tỉnh, lấy ly cà phê nóng mà uống. Để tôi ở đây. Người sắp chết còn nói gì được nữa! Nếu có nói, tôi thâu băng cho. Đi đi.

- Tốt.

Khi viên trung sĩ đi khỏi, Graham ra hành lang. Chàng đến người phụ nữ tóc vàng:

- Wendy?

Nàng nhìn lên:

- Vâng.

- Nếu cô muốn, tôi đưa cô vào.

- Tôi muốn. Cảm ơn. Chờ tôi trang điểm lại một chút.

- Không cần nữa đâu, Wendy.

Wendy, nàng Wendy tóc vàng nữ chủ nhân tiệm rượu Wendy Cfy nơi những cô chiêu đãi để ngực trần, áp bàn tay đen xì của ký giả Freddy Lounds lên ngực mình. Nàng nhìn ngáy vào mặt anh.

Đến gần trưa Freddy Lounds mới cựa mình. Wendy nói vào tai anh:

- Đừng sợ Roscoe. Em đây. Em vẫn ở bên anh. Chúng mình lại sung sướng với nhau như ngày xưa...

Lounds lại cựa mình. Anh thở hắt ra và anh chết. (còn tiếp)

cuộc đời vô định



TRUYỆN DÀI PHÓNG-TÁC CỦA
Tống Minh Long Quân

(tiếp theo)

Chương 22

Đây là lúc khởi đầu cuộc đời mới của Tracy. Nàng mua một căn nhà nhỏ xinh đẹp ở khu Eaton. Gunther giúp Tracy mua sắm trưng bày trong nhà. Khi hai người xong xuôi thì vừa đúng lúc có cuộc triển lãm ở London.

Gunther giới thiệu với Tracy một góa phụ trẻ thừa hưởng một tài sản khổng lồ trong ngành xuất nhập cảng. Tracy hội nhập nhanh chóng vào giới thượng lưu nhờ sắc đẹp, sự thông minh và duyên dáng. Thỉnh thoảng nàng đi các cuộc du lịch ngắn qua Pháp, Thụy sĩ, Thụy điển, Ý... Lần nào nàng và ông Gunther cũng hợp tác làm áp-phe kiếm chác.

Theo sự hướng dẫn của Gunther, Tracy tham khảo cuốn *Almanac de Gotha* và *Debrett's Peerage and Baronetage*, những sách viết về tước hiệu và lịch sử các dòng họ vua chúa ở Âu châu. Chẳng bao lâu, Tracy trở nên thành thạo về hoá trang, thay đổi giọng nói cùng cách trang điểm. Nàng có cỡ nửa tá thông hành giả khác nhau. Ở mỗi quốc gia, lai lịch nàng khi là công nương Anh quốc, khi thì tiếp đãi viên hàng không người Pháp, khi thì một người thừa kế tài

sản ở vùng Nam Mỹ. Trong vòng một năm, Tracy kiếm được rất nhiều tiền, vượt xa mong ước. Nàng lập ra một quỹ tài trợ những nữ phạm nhân giúp họ khi ra tù có cơ hội làm lại cuộc đời. Nàng cũng mở một quỹ hưu bổng trợ cấp Otto Schmidt tới chết. Tracy không hề có ý định bỏ nghề. Nàng thích cảm giác ngáy ngất đứng tim mỗi lần phải dùng hết trí thông minh, quyền biến cùng sự khéo léo để qua mặt những kẻ giàu có thế lực. Càng lúc Tracy càng muốn làm những việc khó khăn hơn, đòi hỏi sự tính toán kỹ lưỡng hơn. Sự thử thách của công việc như một loại cần sa kích thích nàng. Nhưng Tracy vẫn tôn trọng một nguyên tắc bất di bất dịch: Không bao giờ gây thiệt hại hay lường gạt kẻ lương thiện. Những kẻ nàng nhắm vào để thi hành độc kế thường là tham lam hoặc vô đạo đức hoặc cả hai. Sẽ không có ai phải tự tử vì nàng.

Báo chí bắt đầu đăng tin những vụ lường gạt xảy ra khắp các nước Âu châu. Và bởi vì Tracy thay đổi tên họ cùng cách hoá trang nên cảnh sát tưởng rằng có một băng đảng phụ nữ hoành hành. Hình cảnh quốc tế bắt đầu mở hồ sơ điều tra.

Trong khi đó, tại văn phòng trung ương của Công ty Bảo hiểm Quốc tế ở Manhattan, Reynold cho gọi Daniel

Cooper vào văn phòng:

- Chúng ta đang gặp vấn đề. Một số khách hàng của chúng ta ở Âu châu đã bị thiệt hại nặng nề vì một băng đảng phụ nữ chuyên trộm cắp và lừa gạt. Interpol đồng ý hợp tác với chúng ta. Đây là công tác của ông. Sáng mai ông lên đường đi Paris nhé!

Tracy đang dùng bữa tối với Gunther ở một tiệm ăn.

- Cô có bao giờ nghe đến tên Maximilian Pierpoint chưa?

Cái tên nghe quen quen, nàng đã nghe ở đâu vậy nhỉ? Ô, phải rồi, qua miệng Jeff Stevens, trên chuyến tàu Q.E. II.

- Ông ta giàu lắm phải không?

- Giàu một cách vô nhân đạo. Lão rất giỏi trong việc lập công ty và kêu gọi hùn vốn, sau đó lột người ta không còn cái quần.

"Khi Romano nắm quyền điều khiển, hần sa thải hết công nhân cũ và đem người của hần vào. Hần bắt đầu lột sạch công ty... Hần lột từ cái nhà của mẹ cô, cái xe của bà đang đi cho đến công ty..."

Gunther nhìn Tracy chăm chú:

- Cô khoẻ chứ?

- Dạ không có chi. Xin ông cho biết thêm về con người của Maximilian Pierpont.

- Lão vừa ly dị bà vợ thứ ba, hiện đang sống một mình và sẽ có mặt trên chuyến xe lửa du lịch Orient Express từ London đến Istambul vào thứ sáu này.

Tracy mỉm cười:

- Tôi chưa từng đi xe lửa Orient Express. Đây cũng là dịp đi chơi cho biết.

Gunther cũng mỉm cười:

- Thế thì tốt lắm. Maximilian có một bộ trứng sư tử của Fabergé mua từ viện bảo tàng Hermitage ở Leningrad. Cái đó xiu xiu cỡ hai chục triệu.

- Ô, làm sao mà tiêu thụ được? Bộ trứng này nổi tiếng lắm mà?

- Bán cho tư nhân. Cô bạn nhỏ chỉ việc đem trứng về đây, còn tôi thì lo áp.

- Để tôi thử xem sao.

- Maximilian không phải là người dễ làm quen đâu. Quên nữa, trên chuyến tàu này tôi có gửi hai con chim bồ câu đưa thư đến đại hội phim ảnh thế giới ở Venice. Tụi nó rất tốt trong việc tẩu tán đồ quý giá. Có nghe tên Silvana Luadi chưa?

- Có phải tài tử điện ảnh Ý không? Tôi có nghe.

- Bà ta lấy đạo diễn Alberto Fornatti. Lão này rất cáo trong việc tuyển chọn diễn viên và nhà sản xuất. Hứa hẹn rất nhiều nhưng chi tiền rất kẹo, bao nhiêu tiền lời chui vào túi lão cả. Lão càng phản bội vợ bao nhiêu thì càng mua nhiều nữ trang cho vợ bấy nhiêu, đến nỗi vợ lão bây giờ có thể mở một tiệm kim hoàn cũng đủ. Tôi tin là cô sẽ thích thú với những bạn đồng hành như vậy.

- Để xem!

Chuyến xe lửa Venice Simplon Orient Express khởi hành từ ga Victoria, London vào 11 giờ mỗi ngày thứ sáu, đến Istambul với những trạm dừng ở Boulogne, Paris, Lausanne, Milan và Venice. 30 phút trước giờ khởi hành, một tám thẩm đồ trải dài từ một cổng tạm, riêng biệt, dẫn đến cửa toa xe lửa.

Ban quản trị mới của công ty Orient Express đã biến một số toa thành các tiệm ăn sang trọng, có phòng ngủ riêng, bar rượu, phòng tiếp khách... dĩ nhiên với giá cửa cổ.

Một người bồi trong bộ đồng phục xanh dương đậm theo một cửa năm 1920, cầu vai bằng chỉ vàng lóng lánh, xách hai va-li to tướng của Tracy đi về phía ca-bin của nàng. Tracy thất vọng khi thấy ca-bin nhỏ xíu. Trong phòng chỉ có một ghế da, thảm lót sàn cũng như chiếc thang leo lên giường ngủ phía trên, đều bọc nhung xanh trông giống như một hộp kẹo. Tracy cầm tấm thiệp gắn trên một chai sâm-banh để sẵn trong ca-bin ký tên Oliver Auber, trưởng tàu. Tracy nhủ thầm, nàng sẽ cất chai rượu này đợi dịp để uống với Maximilian Pierpont. Jeff Stevens thua rồi. Nàng khoan khoái khi thấy

mình qua mặt được thằng cha đại bịp này. Ý nghĩ về Jeff bất giác làm nàng mỉm cười.

Đúng giờ ấn định, xe lửa bắt đầu chuyển bánh. Tới trưa thì đến Folkeston, hành khách xuống xe để qua phà Sealink, sau đó sẽ đi xuyên qua đường hầm đến Boulogne, ở đó có một chiếc xe lửa khác chờ sẵn để hành khách đổi tàu tiếp tục lộ trình.

Tracy đi ra ngoài, lần la đến một nhân viên kiểm soát gọi chuyển:

- Hình như ông Maximilian Pierpont cũng đi trên chuyến tàu này thì phải. Ông có thể chỉ cho tôi biết ông ta là ai không?

Kiểm soát viên lắc đầu:

- Tôi cũng mong được biết mặt ông ấy, thưa bà. Ông ta đã giữ chỗ và trả tiền đủ cả nhưng phút chót lại không đến. Tôi nghe nói ông ta làm gì cũng không định trước nên khó ai có thể đoán được.

Vậy thì chỉ còn Silvana Luadi và chồng bà ta.

Ở Boulogne, hành khách đổi xe lửa, nhưng ca-bin cũng chẳng lớn gì hơn chuyến trước khiến Tracy không được thoải mái lắm. Nàng ở trong phòng hoạch định chương trình mãi cho đến 8 giờ tối mới thay áo đi ra ngoài.

Theo luật trên xe lửa, buổi tối hành khách phải mặc dạ phục. Tracy chọn một áo dạ hội xám nhạt hở lưng với đôi vớ cùng màu và đôi giày màu xám bạc. Nàng chỉ đeo độc nhất một chuỗi hạt trai. Tracy ngắm nghía dung mạo mình thật lâu trong gương. Đôi mắt to xanh biếc của nàng trông thật ngây thơ, nhưng mấy ai biết đằng sau vẻ trong sáng đó là một quái kiệt của làng ăn cắp. Tracy nghĩ thầm: "Mình đang sống trong một vở kịch với những tình cảm giả dối, nhưng vở kịch này thật là hấp dẫn".

Tracy bước ra khỏi ca-bin, sắc tay của nàng tuột khỏi tay và rơi xuống sàn nhà. Trong lúc cúi xuống nhặt, nàng liếc nhanh về ống khóa của ca-bin. Có hai khoá, một hiệu Universal và một hiệu Yale. Tracy đứng dậy đi về phòng ăn.

Có ba toa hàng ăn cả thảy. Tất cả ghế đều bọc nhung, ánh sáng huyền ảo tỏa xuống làm sáng những quầy mại kèn. Tracy dừng lại ở toa hàng ăn đầu tiên. Chỉ còn vài bàn trống. Người phụ trách chào đón:

- Cô cần bàn một chỗ ngồi?

Tracy nhìn quanh quất:

- Không, tôi kiếm một người bạn.

Nàng bước qua toa bên cạnh. Toa này đông hơn nhưng vẫn còn một vài bàn trống. Tracy bỏ qua toa thứ ba, đông nghẹt khách đang ăn. Người phụ trách chặn nàng trước cửa:

- Thưa bà, tôi sợ bà phải chờ lâu mới có bàn, tuy nhiên những toa hàng ăn khác còn trống.

Tracy nhìn quanh. Nàng đã thấy người mà nàng muốn tìm:

-Ồ đây rồi! Tôi đã thấy bạn tôi rồi!

Tracy bước qua mặt viên xếp toa, tiến lại góc phòng nói với hai thực khách đang ngồi tại đó:

- Xin lỗi, bàn nào cũng đông cả. Tôi xin phép được ngồi cùng bàn với ông bà, không biết có phiền gì không ạ?

Người đàn ông nhanh nhẹn đứng lên, quan sát Tracy thật nhanh và nói:

- Mời cô. Tôi là Alberto Fornatti, còn đây là vợ tôi, Silvana Lunadi.

- Tôi là Tracy Whitney.

- Ah! Americana! Tôi nói tiếng Mỹ khá lắm.

Alberto Fornatti thấp, mập mạp, đầu hói trong khi Silvana Luadi trông thật quý phái với dáng dấp dong dong cao, nét mặt đều đặn cùng tài diễn xuất vượt bậc. Bà ta đã từng đoạt giải Oscar và nhiều giải diễn xuất giá trị khác. Bà mặc một chiếc áo dạ hội hiệu Valentino trị giá ít nhất là năm ngàn đồng với những đồ trang sức trị giá cả triệu bạc.

Tracy vừa ngồi xuống thì Fornatti đã mở đầu câu chuyện:

- Chắc lần đầu tiên cô đi chuyến Orient Express phải không?

- Dạ phải.

- Đây là chuyến xe lửa thơ mộng với bao nhiêu chuyện thần tiên... - Fornatti nhìn nàng, ánh mắt thật lẳng - Ví dụ như chuyện ngài Basil

Zaharoff, một tỉ phú có mặt trên chuyến xe lửa này hồi xưa, lúc nào cũng giữ toa số bảy. Một đêm ông ta nghe tiếng hét và tiếng người đập cửa. Cửa toa mở ra, một quận chúa Tây Ban Nha đẹp tuyệt trần lao vào vòng tay ông ấy. Cô ta kể là cô bị ép kết duyên với một người đàn ông mắc bệnh tâm thần và người ấy đang dọa giết cô. Zaharoff chặn người chồng lại, một mặt trấn an người phụ nữ đáng thương kia. Sau đó một mối tình lãng mạn nảy nở, kéo dài đến bốn chục năm.

Tracy mở to mắt, thích thú:

- Hay quá nhỉ!

- Sau đó mỗi năm họ hẹn gặp nhau trên chuyến tàu này. Ông ta ở toa thứ bảy còn cô kia toa thứ tám. Khi chồng cô ấy qua đời, Zaharoff chính thức lấy cô ấy và mua tặng vợ một sòng bài ở Monte Carlo để làm quà.

- Chuyện hấp dẫn thật đó ông Fornatti.

Silvana nãy giờ vẫn lạnh lùng ngồi yên.

Các món ăn lần lượt bưng ra, tất cả có sáu món. Fornatti chẳng những ăn hết phần mình mà còn ăn thêm phần của vợ. Mỗi lần nuốt xong một miếng là Fornatti lại gọi chuyện, nói không ngừng. Ông ta hỏi Tracy:

- Chắc cô cũng là một tài tử?

Nàng cười to:

- Ồ không, tôi chỉ là một du khách.

Fornatti nhìn nàng chăm chú:

- *Bellissima!* Nhan sắc của cô làm tài tử được đó.

Silvana chen vào:

- Cổ đã nói cổ không phải là tài tử rồi mà.

Fornatti không thèm đếm xỉa đến vẻ hờn giận của vợ, tiếp tục:

- Tôi là đạo diễn những phim *Wild Savages*, *The Titans Versus Superwoman*...

- Dạ, tôi không xem phim nhiều.

Tracy cảm thấy một bàn chân đang cọ sát chân nàng dưới gầm bàn.

- Để tôi cho cô coi một vài đoạn phim của tôi.

Lúc này thì mặt bà vợ trắng bệch vì giận. Giọng Fornatti vẫn đều đều:

- Cô bạn đã đến Rome lần nào

chưa?

Lúc này chân ông ta vuốt ve trên chân nàng.

- Dạ, tôi định sau khi đến Venice thì sẽ đi Rome cho biết.

- Tốt quá! Vậy tại mình hẹn đi ăn tối chung với nhau nhé! - Ông ta liếc qua vợ và tiếp tục - Chúng tôi có một biệt thự ở Appian Way rộng khoảng mười mẫu...

Vừa nói ông ta vừa khua tay làm đổ nguyên một tô sốt cà trên đùi vợ. Tracy không biết mình nên đứng dậy cáo từ hay không.

Silvana đứng dậy nhìn những vết dơ loang lổ chảy trên áo. Bà ta tuân một tràng tiếng Ý và bước ra khỏi phòng. Mọi cặp mắt đều nhìn theo. Tracy nghĩ thầm: "Thật là xấu hổ! Làm uổng cái áo đẹp!" Nàng muốn tát tai người đàn ông đã làm tổn thương tự ái vợ quá đáng. Fornatti nhìn theo vợ đi ra khỏi phòng, bình thản:

- Ồi đừng có để ý, tôi sẽ mua cho bà cái áo khác. Vợ tôi lúc nào cũng ghen tuông.

Tracy cố giấu cơn giận bằng một nụ cười mỉm:

- Ông có làm gì thì bà mới ghen chứ.

- Có thể. Đàn bà nào gặp tôi cũng thích tôi cả.

Tracy muốn phá ra cười vào mặt người đàn ông tròn quay như chiếc bông vụ đối diện nàng. Ông ta chồm qua bàn, nắm lấy tay Tracy:

- Fornatti thích cô lắm. Cô làm nghề gì để sinh sống vậy?

- Dạ, tôi là thư ký cho văn phòng luật sư. Tôi hy vọng sẽ kiếm được một việc làm tốt ở Âu châu.

Fornatti nhìn chòng chọc vào thân thể nàng:

- Chuyện đó không thành vấn đề, tôi hứa với cô như vậy. Tôi rất điệu với những ai biết điệu với tôi.

Tracy làm ra vẻ mặc cỡ:

- Ông thật tài quá!

Fornatti hạ thấp giọng:

- Mình sẽ thảo luận việc này, kỹ hơn trong ca-bin của cô nhé?

- Dạ kỳ quá!

- Sao vậy?

- Ông nổi tiếng nên trên chuyến tàu này ai cũng biết ông...

- Dĩ nhiên.

- Vì vậy khi ông đến ca-bin tôi, ông cũng biết là người ta hay... hiểu lầm. Nhưng nếu ca-bin của ông gần tôi... Ca-bin của ông số mấy vậy?

- Bảy mươi.

Lão nhìn nàng, mắt ngời hy vọng.

Tracy ngẫm nghĩ rồi nói:

- Tôi ở toa khác. Nhưng tại sao chúng mình không hẹn nhau ở Venice có hơn không?

- Cũng được. Vợ tôi ở trong phòng cả ngày vì bà sợ ra ngoài nắng ăn da. Tôi với cô có thể đi Torcello, một đảo nhỏ thật đẹp với một nhà hàng nổi tiếng ngon. Có một khách sạn nhỏ - Lão nháy mắt tình tứ - thật là kín đáo ở đó nữa!

Tracy mỉm cười đồng lõa. Nàng làm bộ cúi mặt xuống, mắt chớp chớp ra vẻ e thẹn. Lão lại chồm người về phía trước, bóp mạnh tay nàng và nhỏ giọng:

- Tôi sẽ cho cô nhiều kích thích tuyệt vời.

Nửa tiếng đồng hồ sau, Tracy đi trở về ca-bin của nàng.

Chuyến tàu đi suốt đêm, xuyên qua các thành phố Paris, Dijon và Vallarbe trong khi các hàng khách ngủ yên. Họ đã nộp hết thông hành cho nhân viên trên tàu từ tối hôm trước nên mọi thủ tục qua biên giới đều do ông trưởng tàu lo liệu.

Đúng ba giờ rưỡi sáng, Tracy nhẹ nhàng rời khỏi phòng. Xe lửa sẽ vượt biên giới Thụy sĩ, đến Lausanne đúng 5 giờ 21 phút để tới Milan đúng 9 giờ 15.

Tracy xách một túi vải đựng bộ đồ ngủ. Nàng nhẹ nhàng đi trên hành lang, nghe ngóng từng động tĩnh, một cảm giác kích thích mà nàng đã quen. Không có phòng vệ sinh riêng trong mỗi ca-bin nhưng ở mỗi cuối toa đều có một phòng vệ sinh chung. Tracy định bụng nếu có ai hỏi thì nàng sẽ nói nàng đi kiểm phòng vệ sinh đàn bà. Trưởng tàu và nhân viên cũng mạnh ai nấy kiếm chỗ đánh giấc.

Tracy đến ca-bin số 70 không gặp

trở ngại nào. Nàng nhẹ nhàng xoay nắm cửa. Cửa khoá bên trong. Tracy lấy trong túi vải ra một đồ nghề bằng kim khí cùng một chai nhỏ với ống chích. Nàng bắt tay vào việc.

Mười phút sau, Tracy trở về ca-bin, leo lên giường và chỉ lát sau nàng đã lơ mơ trong giấc ngủ, trên môi vẫn phảng phất nụ cười.

Bảy giờ sáng. Còn hai tiếng đồng hồ nữa là đến Milan thì bỗng đâu có tiếng la hét ồn ào phát xuất từ ca-bin số 70 khiến tất cả mọi người đều thức giấc. Hành khách lớ đầu ra khỏi ca-bin xem xét, tìm hiểu. Viên trưởng tàu vội vã chạy đến.

Silvana Luadi mặt thất sắc, la hét luôn mồm:

- Cứu tôi với! Ăn trộm lấy hết nữ trang của tôi rồi... Xe lửa này đây... tội trộm...

Trưởng tàu năn nỉ:

- Xin bà bình tĩnh. Người khác...

- Ông dám bảo tôi bình tĩnh à? Đồ điên! Nữ trang của tôi đáng giá cả triệu đồng...

Alberto Fornatti chen vào:

- Tại sao có chuyện lạ vậy? Cửa thì đóng, tôi sẽ thức lắm. Nếu ai vô thì tôi đã nghe rồi.

Trưởng tàu có vẻ hiểu biết. Ông khá rành mảnh khoé của tội trộm. Ban đêm trong lúc mọi người ngủ say, đạo chích chỉ cần dùng ống tiêm xít thuốc mê qua ổ khoá vào trong ca-bin. Việc mở khoá chỉ là đồ chơi với những tay trộm nhà nghề. Hắn lục soát và lấy những món đồ hắn thích, sau đó nhẹ nhàng trở ra. Nhưng vụ trộm lần này có khác. Phần nhiều thì người ta chỉ khám phá bị trộm sau khi tàu đến bến và tên trộm đã cao bay xa chạy. Lần này, chưa có ai xuống trạm nào từ khi xảy ra vụ trộm, có nghĩa là số nữ trang vẫn còn giấu trên tàu.

Trưởng tàu trấn an Fornatti:

- Đừng lo, thế nào ông cũng tìm lại được số nữ trang. Tên trộm vẫn còn ở trên tàu mà.

Ông ta hấp tấp trở về văn phòng, điện thoại cho cảnh sát ở Milan.

Khi chiếc Orient Express đậu tại

bến Milan, khoảng hai mươi viên cảnh sát mặc đồng phục và hàng tá công an chìm dần hàng chờ đợi, được lệnh lục soát tất cả mọi người.

Luigi Ricchi, viên thám tử lo việc điều tra, bước lên tàu, tiến thẳng đến ca-bin của Fornatti.

Silvana vẫn tru tréo không ngừng:

- Tất cả các nữ trang của tôi không cánh mà bay mất. Tôi đã cất kỹ trong ngăn có khoá đàn hoàng.

Viên thám tử khám xét cẩn thận ngăn tủ đựng nữ trang rồi hỏi:

- Có chắc là đêm qua bà để ở đây không?

- Chắc chứ. Tối nào tôi cũng cất vào đó.

Cặp mắt long lanh từng làm say mê hàng triệu khán giả giờ như muốn khóc làm viên thám tử động lòng. Ông ta tiến đến cửa toa, cúi xuống xem xét ổ khoá. Mùi thuốc mê vẫn còn phảng phất.

Thám tử Ricci đứng dậy:

- Xin bà yên tâm. Không có cách nào tên trộm tẩu tán được số nữ trang đâu. Chúng tôi nhất định sẽ tóm cổ được hắn và hoàn lại số nữ trang cho bà.

Ông ta có đủ lý do để tin như vậy. Từng hành khách bị dẫn vào phòng đợi trong ga để những nhân viên chuyên môn khám xét. Nhiều người giận dữ vì cảm thấy bị xúc phạm nhưng không làm sao khác được.

Trong lúc hành khách được đưa khỏi toa thì cảnh sát đổ xô vào khám xét hành lý của họ, lục tung mọi chỗ không chứa chỗ nào. Đây là cơ hội bằng vàng để thám tử Ricchi thi thố tài năng. Nếu ông tìm được số nữ trang có nghĩa là ông sẽ được thăng thưởng. Hơn nữa Silvana Luada sẽ biết ơn ông, biết đâu bà ta chẳng... Nghĩ đến đây, Ricci càng háng hái sai bảo nhân viên hơn.

Có tiếng gõ cửa toa của Tracy và một viên cảnh sát bước vào:

- Xin lỗi cô. Có một vụ trộm vừa xảy ra nên chúng tôi phải khám xét tất cả hành khách. Mời cô đi theo tôi.

Tracy ra vẻ hoảng hốt:

- Trời ơi, trộm hả? Trên chiếc tàu này?

Sau bốn tiếng đồng quần thảo, cảnh sát chỉ tịch thu được vài gói cần sa, một lượng nhỏ bạch phiến, một con dao và một khẩu súng không có giấy phép. Không có dấu vết nào về số nữ trang đã mất.

- Thưa ông, chúng tôi đã lục xét từng góc nhỏ, không sót chỗ nào. Có thể bà khách tưởng tượng về vụ trộm chăng?

Nhưng thám tử Ricci biết rõ. Ông đã hỏi nhân viên bồi bàn trong toa hàng ăn tối hôm trước và họ chứng nhận có thấy khổ chủ đeo số nữ trang quý giá này.

Một nhân viên đại diện công ty



hoả xa Orient Express bay đến Milan, can thiệp:

- Các ông không thể giữ tàu lâu hơn nữa vì chúng tôi đã quá trễ so với thời khoá biểu.

Thám tử Ricci đành chịu thua. Ông không còn lý do nào để giữ tàu lại. Ông chỉ còn một cách giải thích là có thể tên trộm đã thấy gói nữ trang ra ngoài cửa sổ cho đồng loã đợi sẵn. Nhưng chuyện này cũng vô lý. Làm sao canh cho đúng giờ được? Tên trộm làm sao biết được là sẽ không bị ai bắt gặp, mấy giờ tàu đi ngang qua chỗ vắng như kế hoạch của họ? Thật là hóc búa, ông không thể nào giải thích nổi.

Ricci đứng đó, bất lực nhìn chiếc tàu lăn bánh. Tàu rời xa mang theo cả những mơ ước được lên lương, thăng thưởng của ông.

Cả buổi sáng hôm đó ở toa hàng ăn, mọi người xôn xao bàn tán về vụ trộm. Một bà giáo dạy tiểu học nói:

- Thật là quá sức! - Bà ta đưa tay lên sờ vào sợi dây chuyền vàng điểm những hạt soàn tằm và nói - May mà họ không lấy nữ trang của tôi.

Tracy gật đầu đồng ý:

- Kể ra bà cũng hên đó chứ!

Khi Fornatti bước vào toa hàng ăn, thấy Tracy thì vội vã đi lại:

- Chắc cô đã biết chuyện gì xảy ra rồi, nhưng cô có biết người bị mất trộm là vợ của Fornatti không?

- Ủa, vậy hả?

- Đúng vậy. Mạng sống của tôi đang bị đe dọa. Cả một băng trộm cướp đã bỏ vào ca-bin của tôi và chụp thuốc mê. May mà Fornatti không bị giết.

- Trời ơi, dễ sợ quá!

- Chỉ tội cho Fornatti phải mua đèn lại số nữ trang đã mất cho vợ. Cũng là cả một gia tài chứ ít sao!

- Vậy chứ cảnh sát không tìm ra à?

- Không. Nhưng tôi biết tên trộm đã tẩu tán cách nào.

- Vậy hả. Cách nào vậy?

Fornatti nhìn quanh và thấp giọng nói:

- Mấy tên đồng lõa đã chờ sẵn trước một sân ga mà tàu chạy qua, tên

trộm nhảy xuống và... thế là xong!

Tracy suýt soa khen:

- Ông thật là thông minh mà đoán được như vậy.

Fornatti nhướn mày hỏi:

- Thế cô không quên cái hẹn gặp nhau ở Venezia chứ?

- Làm sao tôi quên được. Tracy mỉm cười.

Ông ta bốp mạnh tay nàng:

- Tôi mong gặp lại cô. Bây giờ tôi phải đi an ủi Silvana. Bà có vẻ đau khổ quá.

Khi tàu đỗ bến tại ga Venice, Tracy là một trong những hành khách bước xuống trước nhất. Nàng lấy hành lý và đi thẳng đến phi trường để lấy chuyến bay sớm nhất trở về London với số nữ trang của Silvana Luadi. "Ông Gunther Hartlog chắc sẽ vui lòng lắm!"

Chương 23

Cao ốc trung ương của Hình cảnh Quốc tế chiếm bảy tầng lầu, nhưng cơ quan International Criminal Police Organization nằm ở đồi St. Cloud, cách thủ đô Paris khoảng 10 cây số, kín đáo khuất sau một cổng rào màu xanh với tường vôi trắng. Cổng chính luôn luôn khoá 24/24. Khách ra vào phải qua một hệ thống kiểm soát điện tử. Trong cao ốc, trước cầu thang mỗi tầng lầu là một cổng sắt màu trắng được khoá kín vào ban đêm. Mỗi tầng đều gắn hệ thống báo động với âm số khác nhau.

An ninh được thi hành chặt chẽ triệt để bởi vì đây là nơi chứa những hồ sơ mật về tội ác của hơn hai triệu rưỡi can phạm trên khắp thế giới. Sở Hình cảnh Quốc tế là nơi duyệt xét các tin tức với 126 cảnh sát làm việc trên 78 quốc gia và phối hợp hoạt động với các lực lượng cảnh sát trên toàn thế giới về các vụ buôn lậu nha phiến, làm tiền giả, trộm cắp và giết người ngoài biên giới quốc gia. Mọi tin tức được cập nhật qua thông báo bằng truyền thanh, điện tín hay từ vệ tinh. Văn phòng trung ương ở Paris do các cựu thám tử từng phục vụ cho Sûreté National hoặc Paris Préfecture

điều khiển.

Vào một buổi sáng tháng Năm, một buổi họp diễn ra tại văn phòng của thám tử Trignant, người cầm đầu Hình cảnh Quốc tế Trung ương. Văn phòng thật tiện nghi với những bàn ghế đơn giản tạo cảm giác thoải mái. Xa xa là đỉnh ngọn tháp Eiffel, ở một hướng khác là mái ngói của nhà thờ Đức Bà ở Montmartre.

Thám tử Trignant tuổi độ bốn mươi, khuôn mặt uy nghi đáng mến với ánh nhìn thông minh sau cặp kính trắng gọng vàng. Ngồi trong phòng họp là các thám tử của Anh, Thụy sĩ, Pháp và Ý.

Trignant mở đầu cuộc họp:

- Thưa quý đồng nghiệp, tôi vừa nhận được tin khẩn cấp từ các quốc gia của quý vị, yêu cầu điều tra về hàng loạt các vụ lường gạt và trộm cắp xảy ra trên các nước này. Nạn nhân phần đông là những người giàu có nhưng tai tiếng, không có vũ lực dính vào và can phạm là phụ nữ. Tôi có đủ hình ảnh về những nữ can phạm này qua sự diễn tả của các nhân chứng. Các ông sẽ thấy, không có người đàn bà nào giống người nào, có người tóc vàng, có người tóc nâu và gồm đủ mọi quốc tịch Pháp, Ý, Tây Ban Nha, Mỹ...

Thám tử Trignant bấm nút, chiếu những bức ảnh các kẻ tình nghi trên tường và giải thích:

- Chúng ta không biết kẻ cầm đầu băng đảng này là ai, tổ chức của họ ở đâu. Họ thi hành xong thủ đoạn là biến nhanh như làn khói, không để lại dấu vết. Trong lúc này, ngoại trừ quý vị có tin tức gì mới lạ, tôi sợ rằng chúng ta đang gặp bế tắc.

Khi máy bay của Daniel Cooper đáp xuống phi trường Charles de Gaulle ở Paris, chàng được phụ tá của thám tử Trignant ra đón và đưa về khách sạn:

- Chúng tôi đã thu xếp để ông gặp thám tử Trignant vào sáng mai. Tôi sẽ đến đón ông vào lúc 8 giờ sáng.

Daniel Cooper không dự tính đi chuyến này. Chàng mong xong nhiệm vụ sớm để trở về nhà.

Sau khi cất đồ, Daniel đi tắm ngay. Chàng ngạc nhiên khi thấy phòng tắm rất rộng rãi thoải mái. Tắm thỏa thuê xong, Daniel bước ra soạn quần áo bỏ vào tủ. Dưới đáy vali là một hộp nhỏ gói kín, cất giữa bộ com-lê và quần áo lót. Chàng cầm chiếc hộp lên, nhìn chòng chọc vào đó, đầu óc căng thẳng. Đi về phía phòng tắm, Daniel lấy chìa khóa mở hộp ra. Một mảnh báo vàng ươm với những dòng chữ trên đó như nhảy múa trước mắt chàng:

**"MỘT ĐỨA BÉ TRAI KHAI
TRƯỚC TOÀ VỀ TỘI GIẾT NGƯỜI"**

Cậu Daniel Cooper ngày hôm nay đã ra trước toà để làm chứng về vụ sát nhân và hãm hiếp mẹ cậu. Theo lời khai của cậu bé, sau giờ học cậu về nhà, thấy Zimmer, ông hàng xóm cạnh nhà đang rời khỏi nhà cậu với tay chân và quần áo dính đầy máu. Khi cậu bước vào nhà, cậu thấy thi thể mẹ cậu nằm trong bồn tắm. Bà đã bị đánh đập tàn nhẫn cho đến chết. Zimmer thú nhận đã từng là nhân tình của bà Cooper nhưng không nhận tội giết người.

Cậu bé được giao cho người đi trông nom".

Hai bàn tay của Daniel run rẩy khiến máu giấy báo rơi xuống đất. Chàng cẩn thận nhặt lên và cất vào hộp. Nét mặt Daniel thật dữ tợn. Dường như cả bốn bức tường và trần khách sạn đều dính đầy máu. Chàng vẫn còn hình dung ra thân thể trần truồng của mẹ trong bồn nước đỏ ối. Tiếng kêu đau thương trong lòng chàng đã biến thành tiếng gầm gừ. Daniel như điên dại cởi quần áo ra và đi tắm lần nữa.

Thám tử Trignant nói:

- Tôi xin nhắc cho ông Cooper rõ, việc có mặt của ông trong phiên họp này là một điều bất thường. Ông không phải là thành viên của một lực lượng cảnh sát nào cả và sự hợp tác của ông không chính thức. Tuy nhiên tôi được sở cảnh sát một quốc gia Âu châu yêu cầu nên đã nói rộng sự hợp

tác.

Daniel Cooper lặng thinh không trả lời.

- Theo sự hiểu biết của tôi, ông là thám tử cho International Insurance Protective, một tổ chức bảo vệ các công ty bảo hiểm?

- Vài công ty bảo hiểm của chúng tôi ở Âu châu đã bị thiệt hại nặng nề trong thời gian vừa qua. Họ cho biết không tìm được một đầu mối nhỏ nào.

Trignant gật đầu:

- Tôi sợ chúng ta đang đương đầu với một băng đảng phụ nữ thật thông minh, ngoài ra...

- Không có tin tức gì ở những người cho tin hay sao?

- Không có gì cả.

- Ông không thấy điều lạ trong chuyện này sao?

- Ý ông muốn nói gì?

Giọng Cooper không giấu vẻ nóng nảy:

- Khi có một băng đảng nhúng tay thì sẽ có nhậu nhẹt, nói nhiều và tiêu xài nhiều. Khó mà một nhóm người cùng giữ bí mật đến như vậy. Ông có thể cho tôi xem hồ sơ của băng đảng này không?

Trignant định từ chối. Ông chưa thấy thám tử nào xấu trai và cộc cằn như gã này, nhưng khốn thay ông đã được lệnh phải hợp tác hoàn toàn. Cực chẳng đã, Trignant nói:

- Để tôi bảo thư ký copy cho ông.

Vừa lật tới các hồ sơ trên bàn, Trignant nói to:

- Ồ, lại một hồ sơ mới! Một số nữ trang đáng giá vừa bị trộm trên chuyến xe lửa Orient Express.

- Tôi có đọc qua. Tên trộm đã qua mặt cảnh sát Ý một cách tài tình.

- Không ai biết làm sao vụ trộm lại có thể hoàn thành như vậy.

Cooper giờ giọng gần bướng:

- Đó là điều hiển nhiên! Chỉ là vấn đề nguyên tắc đơn giản.

Thám tử Trignant nhìn qua đôi kính trắng, vẻ ngạc nhiên: "Sao thằng cha này thô lỗ đến thế nhỉ?". Ông lạnh lùng nói:

- Trong trường hợp này, nguyên tắc không đem ra áp dụng được. Tàu

bị lục soát không chứa một kẻ hờ. Tất cả mọi người, từ nhân viên cho đến hành khách, hành lý đều bị khám xét kỹ càng.

- Không.

- Không cái gì?

- Họ không xét hết hành lý.

- Tôi đã nói với ông, họ đã xét kỹ càng. Tôi đã đọc bản tường trình của cảnh sát.

- Họ có xét hành lý của nạn nhân không? Bà Silvana Luadi?

- Cái gì?

- Có phải bà ta để nữ trang trong hộp tủ đựng nữ trang vào buổi tối?

- Đúng vậy.

- Và cảnh sát có xét va ly của bà ấy không?

- Chuyện xảy ra vào ban đêm. Bà ta là nạn nhân thì tại sao chúng ta phải xét hành lý của bà mới được chứ?

- Bởi vì theo nguyên tắc, chỉ có một chỗ duy nhất mà tên trộm có thể giấu đồ là dưới đáy va-ly của nạn nhân. Hẳn ta có thể có một va-ly tương tự và khi hành lý đưa đến ga Venice, hẳn chỉ việc đổi va-ly rồi biến đi.

Daniel Cooper nói xong thì đứng dậy:

- Nếu những bản tường trình này đã xong thì tôi phải điều tra một mình vậy.

Ba mươi phút sau, thám tử Trignant nói chuyện với Alberto Fornatti ở Venice:

- Thưa ông, ông có bị trục trặc gì về hành lý của bà nhà khi đến Venice không?

- Ồ có! Thằng phu khuân vác ngu ngốc lấy lộn va-li của người khác. Khi vợ tôi mở ra thì trong đó chỉ toàn sách báo cũ. Tôi đã báo cáo với văn phòng công ty hỏa xa Orient Express. Bộ ông tìm được hành lý của vợ tôi rồi hả?

- Dạ không.

Thám tử Trignant nhủ thầm, ông cũng mong tìm được hành lý của bà Luadi lắm chứ! Ông gác điện thoại và ngồi dựa ra ghế suy nghĩ: "Thằng cha Cooper này thật tài tình không chế được!"

(còn tiếp)

hoa trôi trên sóng nước

Nguyên tác:
Journey in Search of the Way
(Satomi Myodo)

NGUYỄN PHONG

dịch



(tiếp theo)

Ở ngoại ô thành phố Sapporo có một thiền viện thuộc dòng Tào Động (Soto) tên là Choji, thường mở những khoá tu thiền vào lúc cuối tuần. Thất vọng với việc đi tìm đạo một cách viển vông của mình, tôi quay trở về với Phật giáo như một “giải pháp cuối cùng” và tự nhủ nếu không tìm được con đường giải thoát, tôi sẽ không còn muốn sống nữa. Vào lúc đó cuộc thế chiến thứ hai cũng vừa bắt đầu.

Khoá tu tại chùa Chuoji được vị sư trụ trì hướng dẫn có khoảng ba mươi người tham dự. Khác với những vị thầy mà tôi đã gặp, thường giảng giải về lý thuyết, vị trụ trì tại đây lại chú trọng đến sự thực hành. Ông quan niệm việc tọa thiền (zazen) là chính, mọi thứ khác chỉ là phụ. Ông nói:

- Tọa thiền là ngã vào con đường giải thoát, chỉ có công phu tọa thiền mới làm cho tâm sáng suốt để nhận thức được chân tánh của nó. Ngày xưa đức Phật Thích Ca đạt đạo giải thoát cũng nhờ ngồi thiền, trước khi hoàng pháp tử Bồ Đề Đạt Ma cũng ngồi diện bích suốt chín năm, hiển nhiên quý vị thấy tọa thiền quan trọng như thế nào. Do đó quý vị phải chăm chỉ tọa thiền.

Tôi không lạ gì việc ngồi tĩnh tâm

theo phương pháp Kanagara-no-michi và phát âm bằng nội lực của mình, nhưng vị trụ trì lại dạy chỉ ngồi trong yên lặng, theo dõi hơi thở và tuyệt đối không làm gì khác. Tôi thắc mắc:

- Thưa thầy, ngồi yên lặng như thế thì được ích lợi gì. Ít ra phải có một cái gì khác nữa chứ?

- Lúc đầu người ta chỉ cần theo dõi hơi thở để làm lắng dịu tư tưởng đã. Đừng tưởng ngồi yên lặng như thế là dễ đâu, bà hãy tập ngồi làm sao cho thật trang nghiêm, ngồi vững vàng như trái núi, ngồi làm sao để tâm và thân được nhất như thì mới thực sự gọi là tọa thiền.

Phương pháp ngồi thiền khởi đầu bằng việc đếm hơi thở (sổ tức) như sau: Lúc đầu thiền sinh hít vào và đếm thầm “một”, khi thở ra thì đếm “hai”, cứ thế cho đến số mười thì bắt đầu trở lại. Dĩ nhiên trong lúc đó những ý niệm vẫn có thể nảy sinh làm sao lắng tâm trí nhưng điều quan trọng là thiền sinh không được áp chế nó, chặn đứng nó, theo đuổi nó hay bám vào nó; mà cứ để cho nó tự động đến và đi một cách tự nhiên. Thiền sinh được dạy rất kỹ rằng chỉ nên tập trung năng lực vào việc đếm hơi thở ra vào thông thả mà thôi. Sau khi tọa thiền một thời gian thì các thiền sinh được nghỉ ngơi vài phút để xoa bóp

cho giãn gân cốt rồi đứng dậy đi thiền hành chung quanh thiền đường. Sau khi việc đếm hơi thở như trên đã thuần thục thì thiền sinh đổi cách đếm, chỉ tập trung tư tưởng để đếm mỗi khi thở ra mà thôi. Mỗi số đếm tương ứng với cả lúc hít vào và thở ra, cho đến số mười thì bắt đầu trở lại từ số một. Sau khi đã thực tập thuần thục cách đếm này thì họ lại đổi cách đếm, tập trung tư tưởng để đếm mỗi khi hít vào. Đây là giai đoạn khó khăn hơn vì mọi hoạt động của tinh thần lẫn thể xác thường được thực hiện khi người ta thở ra nên hầu hết mọi người đều vấp vấp trong lúc này. Mặc dù đã từng tu tập phương pháp tĩnh tâm rất thuần thục nhưng cũng phải mất một thời gian tôi mới có thể đếm hơi thở một cách thoải mái, tự nhiên theo phương pháp này.

Ngoài việc tọa thiền, vị trụ trì còn khuyên các thiền sinh nên tham cứu thêm hai cuốn sách thiền là *Bích Nham Lục* và *Vô Môn Quan*. *Bích Nham Lục* là cuốn sách do thiền sư Tuyết Đậu soạn ra và sau được thiền sư Viên Ngộ chú giải thêm. Cuốn sách gồm một trăm công án được sắp đặt theo thứ tự nhất định: khởi đầu là lời dẫn (Thùy thị), kế đến là công án (Tắc) với những lời bình chú (Cử), bình xướng (Kệ), và bình giải. Thiền sư Đạo Nguyên (Dogen), người sáng lập dòng thiền Tào Động ở Nhật, đã mang cuốn sách này từ Trung Hoa về để làm tài liệu giảng dạy cho học trò của ông. *Vô Môn Quan* là cuốn sách do thiền sư Huệ Khai (1183-1260) soạn ra. Cuốn sách này sắp đặt giản dị hơn *Bích Nham Lục* rất nhiều, gồm bốn mươi tám công án thiền (Tắc) và lời bình giải. Theo truyền thuyết, thiền sư Huệ Khai nhờ tham cứu công án “Vô” của Triệu Châu mà chứng đắc, do đó ông đưa công án này lên hàng đầu trong cuốn *Vô Môn Quan*. Ông viết trong phần mở đầu: “Tất cả những lời dạy của Phật đều lấy Tâm làm tông, lấy không cửa (Vô Môn) làm lối vào đạo. Đã là không cửa làm sao mà vào được? Há không nghe cổ nhân nói: ‘Nếu có cửa vào chẳng phải là đồ quý, do duyên mà có rồi trước

sau cũng thành hoạt'. Những kẻ nào tìm lý trong lời, chẳng khác gì vác gậy khều trăng. Có gì liên quan đến sự thật đâu? Khi làm Thủ Chúng ở Long Tường, nhân được chư tăng thỉnh giảng pháp, ta bèn đem công án của cổ nhân làm viên gạch động cửa, tùy căn cơ mà dẫn dắt người học. Ta sao lục những lời bình giải lại thành một tập sách đặt tên là *Vô Môn Quan*. Nếu là kẻ liễu lĩnh, không kể mất còn, một mình một kiếm bước thẳng vào chỗ thù địch, dù cho Bát Tí Na Tra cũng không cản nổi. Ngay cả hai mươi tám vị tổ ở Tây Thiên, sáu vị ở Đông Độ, chỉ nghe phong thanh cũng đủ cầu xin tha mạng. Nếu chần chờ, ngần ngại không dũng mãnh thì chẳng khác nào đứng cạnh cửa sổ mà canh chừng kỵ sĩ, chỉ trong chớp mắt y đã chạy mất rồi. Do đó có bài tụng rằng: *'Đường lớn không cửa. Có nghìn lối vào. Qua được cửa này. Cần khôn lẻ bước'*. Theo vị trụ trì chùa Chuoji, hai cuốn sách trên và cuốn *Chứng đạo ca* của thiền sư Huyền Giác là ba cuốn sách quan trọng, không thể thiếu của bất cứ người tu thiền nào. Hôm nay khi đặt bút viết đến đây tôi xin ghi lại một nhận xét riêng cho những người muốn bước vào cửa thiền.

Mặc dù tông chỉ của thiền là "Bất lập văn tự", nhưng một số người, thường thuộc hạng trí thức, lại thích bình luận về thiền một cách sôi nổi. Họ thường dẫn cứ những giai thoại về thiền như tổ Đôn Hà chế tượng Phật làm củi đốt, tổ Lâm Tế mạnh bạo nói "Phùng Phật, sát Phật" rồi từ đó họ suy luận rộng ra và diễn giải thiền tông theo ý riêng của họ. Đây là một trở ngại rất lớn cho người mới bước chân vào cửa thiền, những người ham thích những gì kỳ lạ, đầy kịch tính, hơn là tọa thiền. Họ đã vô tình biến pháp môn "Bất lập văn tự" thành một trò chơi chữ nghĩa với những câu nói ngông cuồng, bất chước chư tổ như "Ba lạng vải gai", "Cây phước trước sân", hoặc "Nói được, ba chục gậy. Không nói được, ba chục gậy". Cùng một câu nói đó nhưng một thiền sư đã giác ngộ, một vị tổ, có thể nói được;

còn với những kẻ chưa ngộ, chưa hề có kinh nghiệm tâm linh, thì đó chỉ là một sự nhắc đi nhắc lại như con vẹt, một sự ngông cuồng, ngu xuẩn, không những gây trở ngại cho mình mà còn làm hoang mang những người khác. Tôi xin ghi lại đây một sự kiện xảy ra trong khóa tu thiền lúc đó. Trong các khóa tu thường có một số người thích tham dự để bàn luận nhiều hơn là tu tập. Họ thường mang kiến thức ra khoe khoang như một cơ hội để phô trương bản ngã. Khóa tu tại chùa Chuoji cũng có vài người như vậy nên vị trụ trì thất vọng nói:

"Nếu quý vị chảnh mắng việc tọa thiền thì làm sao có thể đi xa hơn trên đường giải thoát được?"

Một học viên tên Yamato đã biện luận việc chảnh mắng tọa thiền của

mình bằng giai thoại về thiền như sau:

- Khi còn tu tại núi Hoành Nhạc, Mã Tổ chăm chỉ tọa thiền ngày đêm không mỗi mết. Một hôm thầy ông là hoà thượng Nam Nhạc hỏi: "Con tọa thiền như thế để làm gì?". Mã Tổ trả lời: "Con cố gắng ngồi để được thành Phật". Nam Nhạc không nói gì, chỉ lấy một miếng ngói rồi mài đi mài lại trên hòn đá gần đó. Thấy lạ, Mã Tổ bèn hỏi: "Thầy mài ngói để làm gì vậy?". Nam Nhạc thản nhiên trả lời: "Để làm gương soi mặt". Mã Tổ lắc đầu: "Làm sao mài ngói mà có thể thành gương được?". Nam Nhạc cũng nói ngay: "Làm sao ngồi mãi mà có thể thành Phật được?".

Nghe Yamato nói vậy, vị trụ trì đã trả lời:



- Các ông chỉ ham thích những lý luận suông mà không hiểu Nam Nhạc biết rõ căn cơ của Mã Tổ lúc đó đang bị mê hoặc, cho rằng Phật tánh là một cái gì ở bên ngoài mà ông có thể tìm được qua việc tọa thiền, nên mới dạy như vậy để ông này tỉnh ngộ. Thật ra Nam Nhạc đâu có nói việc tọa thiền là vô ích như mài ngói không thể thành gương mà chỉ nhấn mạnh rằng làm sao Mã Tổ có thể thành Phật qua việc ngồi, nếu ông không bắt đầu là một ông Phật trước đã. Nói một cách khác, tọa thiền không mang đến cho ta Phật tánh, nó chỉ giúp cho tâm ta tĩnh lặng để ý thức được rằng Phật tánh vốn hiện hữu trong ta. Nếu tâm ta hoàn toàn an tĩnh thì một phút ngồi thiền chính là một phút làm Phật, còn như ngồi mà tâm vọng động, mong cầu thì có ngồi bao lâu cũng chỉ là vô ích thôi. Nếu lúc tọa thiền thì các ông ngủ gật nhưng sau buổi tọa thiền lại hăng say lý luận giảng giải lung tung như thế này thì đừng nói tu một kiếp, nếu có tu hành hàng trăm kiếp cho đến ngày đức Phật Di Lặc ra đời vẫn chẳng hiểu được gì hết. Các ông phải cố gắng công phu, chớ sinh tâm nghi ngờ hay chấp vào những giai thoại thiền mà các ông chưa hiểu rõ, để rơi vào ma đạo, trôi nổi trong sinh tử luân hồi, không giải thoát được.

Nghe vị trụ trì nói vậy, tôi cảm thấy yên tâm và cố gắng chăm chỉ tọa thiền theo phương pháp chỉ dẫn.

Trước khi đi xa hơn, tôi muốn nhắc qua về lịch sử Thiền tông Nhật Bản. Thiền tông du nhập vào xứ tôi từ lâu, có lẽ từ khi đạo Phật truyền vào đây. Lịch sử ghi nhận vào năm 552, quốc vương xứ Triều Tiên đã cho người mang triều cống Nhật Bản một số kinh sách, tượng Phật và sau đó Hoàng đế Nhật đã gửi người qua Triều Tiên, Trung Hoa để hỏi thêm về Phật pháp. Vào năm 654, ngài Đạo Chiêu (Doshō), một đệ tử của ngài Huyền Trang bên Trung Hoa, đã qua Nhật giảng dạy về thiền tại thành phố Nara. Sau đó các thiền sư khác như Đạo Tuân (Dōsen), Nghĩa Không (Gikū), Đạo Long (Doryū), Tổ Nguyên (Sōgen), Nhất Ninh (Ichinei)

đều lần lượt được mời sang giảng dạy về thiền nhưng lúc đó Thiền tông vẫn chưa phát triển được bao nhiêu. Có người cho rằng các thiền sư trên chỉ đến giảng dạy một thời gian rồi trở về nước chứ không có ý định xây dựng, phát triển Thiền tông tại đây. Cũng có dư luận cho rằng phương pháp giảng dạy của các thiền sư Trung Hoa lúc đó không phù hợp với phong hoá Nhật Bản nên không được quần chúng đón nhận nhiệt thành. Phải chờ đến khi hai vị sáng tổ của Thiền tông Nhật Bản là ngài Vinh Tây (Eisai) và Đạo Nguyên (Dōgen) qua Trung Hoa tu học, trở về hoằng pháp thì thiền tông mới phát triển mạnh mẽ, ảnh hưởng đến mọi sinh hoạt của người dân xứ này.

Tổ Vinh Tây (Eisai Myōan 1147-1215) là một vị cao tăng tu ở núi Hiei, một trung tâm Phật giáo nổi tiếng của Nhật Bản lúc đó. Trước khi qua Trung Hoa ông đã là một luận sư rất giỏi. Ông nghiên cứu nhiều kinh điển nhưng không thỏa mãn với lời giải thích của các danh sư đương thời nên qua Trung Hoa tìm thầy học thêm. Ông du hành nhiều nơi, theo học với các cao tăng của Thiền Thai Tông, Chân Ngôn Tông, Tịnh Độ Tông, nhưng vẫn không thỏa mãn cho đến khi gặp các thiền sư thuộc dòng Lâm Tế tại núi Thiên Đồng thì bao nghi ngờ đều được giải đáp cả. Ông sống tại đây nhiều năm để học hỏi thêm, hàng ngày theo chư tăng làm các công việc thường nhật như chẻ củi, giã gạo, canh tác theo đúng tinh thần thiền môn là "một ngày không làm là một ngày không ăn". Núi Thiên Đồng còn là nơi nổi tiếng sản xuất các loại trà (hai loại trà Long Tỉnh và Thiết Quan Âm đều phát xuất từ đây) nên hiển nhiên ông đã học được cách trồng trà. Khi trở về Nhật, ngoài việc giảng dạy thiền, Vinh Tây còn mang hạt giống trà về trồng và khởi xướng nghệ thuật uống trà tại đây, do đó người Nhật đã coi ông như tổ sư khai sáng dòng Lâm Tế Nhật Bản và cha đẻ ra nghệ thuật trồng trà, uống trà.

Vinh Tây là người có công rất lớn trong việc phát triển thiền học tại

Nhật. Ông chủ trương thiền học chính là phương pháp khai phóng sức mạnh của dân tộc. Ông soạn thảo bộ *Hung thiền hộ quốc* để làm tài liệu giảng cho học trò. Theo ông thì đạo Phật không giới hạn trong phạm vi của các tu viện mà phải thể nhập vào đời sống của đại chúng. Một quốc gia sở dĩ hưng thịnh được là nhờ những người trong đó biết tu tỉnh, biết sống trong tỉnh thức, biết ý thức tinh thần trách nhiệm và đạo đức. Ông chủ trương từ giai cấp lãnh đạo cho đến thứ dân đều phải thực tập thiền định, ngay các hiệp sĩ (Samurai) cũng phải biết tự chủ qua phương pháp thiền tập. Ông viết: "Nhờ làm chủ được mình mà mọi ý nghĩ, hành động của họ đều phản ảnh phần nội tâm phong phú, nhân cách điềm đạm, do đó người hiệp sĩ có thể tìm thấy 'hành trong vô hành, động trong bất động', ung dung tự tại trước ngoại vật, ngay cả cái chết cũng không thể làm họ nao núng được". Cuốn *Hung thiền hộ quốc* trở nên cuốn sách gối đầu giường của giai cấp hiệp sĩ lúc đó và mở đường cho phong trào võ sĩ đạo (Bushido) sau này. Ngoài ra người ta còn thấy ảnh hưởng của Vinh Tây trong văn học, thi ca, kịch nghệ, hội họa, nghệ thuật cắm hoa, uống trà nữa. Chính nhờ Vinh Tây mà Thiền tông đã gắn liền với đời sống của người dân xứ này và chính nhờ biết thực tập thiền định mà người dân xứ này đã hun đúc được một lý tưởng quốc gia dân tộc, mạnh mẽ đến ngày nay.

Tổ Đạo Nguyên (Dōgen 1200-1253) xuất thân trong một gia đình quý tộc. Khi nhỏ, ông đã tỏ ra là người thông minh đĩnh ngộ. Lúc lên bốn tuổi đã đọc được thơ văn Trung Hoa và năm lên chín đã bắt đầu soạn thảo tài liệu về Phật học bằng tiếng Trung Hoa. Vì cha mẹ mất khi ông còn nhỏ nên ông đã sớm suy gẫm về lý vô thường của cuộc đời. Các tác phẩm ông viết năm lên mười tuổi đã phản ánh rõ ràng tâm trạng này. Năm mười hai tuổi, ông thọ giới xuất gia tại một ngôi chùa ở núi Hiei. Mặc dù còn nhỏ nhưng ông đã có những nhận xét xác đáng. Khi thấy phần lớn các tăng sĩ

chỉ chú trọng vào việc cầu siêu, cầu an hoặc ủng hộ các gia đình thế gia vọng tộc chứ không chú tâm vào việc tu hành để giải thoát, ông đã đặt những câu hỏi mà các tăng sĩ lớn tuổi trong tu viện không thể trả lời. Năm mười lăm tuổi, ông thắc mắc: “Nếu như kinh đã nói, nếu chúng sinh đều sẵn tánh Bồ Đề, thì tại sao chư Phật phải nỗ lực mới đạt ngộ?” Vì không một vị sư nào ở núi Hiei lúc đó có thể giải thích thỏa đáng câu hỏi trên nên Đạo Nguyên lên đường đi khắp Nhật Bản tìm các danh sư khác để tham vấn. Lúc đó tổ Vinh Tây ở Trung Hoa trở về, đang truyền bá giáo lý Lâm Tế ở chùa Kenninji nên ông tìm đến. Cuộc gặp gỡ giữa hai vị tổ Thiền tông của Nhật Bản đã diễn ra như sau:

Đạo Nguyên bước vào xin gặp Vinh Tây và đặt ngay câu hỏi. Vừa nghe xong, Vinh Tây ung dung trả lời: “Không Phật nào biết, chỉ có hàng thô lậu biết mà thôi”, ngụ ý chư Phật không còn nghĩ đến có hay không có bản tánh Bồ Đề, chỉ có hạng người mê hoặc mới nghĩ đến những điều như thế. Vừa nghe xong, bao thắc mắc từ bấy lâu nay đều tiêu tan cả nên Đạo Nguyên sụp xuống lạy và xin được ở lại chùa Kenninji tu học dưới sự hướng dẫn của Vinh Tây. Cuối năm đó tổ Vinh Tây qua đời, Đạo Nguyên tiếp tục tu học dưới sự chỉ dẫn của các đệ tử lớn của Vinh Tây. Ông đã hoàn tất một số công án và được thiền sư Myozen, vị kế nghiệp của Vinh Tây, ấn chứng cho. Mặc dù được thế, Đạo Nguyên vẫn cảm thấy trong lòng có nỗi bất an nên ông tìm đường qua Trung Hoa học hỏi thêm.

Ông đi khắp Trung Hoa, dừng chân ở các thiền viện nổi tiếng, tu tập dưới sự dẫn dắt của rất nhiều vị thầy nhưng vẫn chưa hoàn toàn thỏa mãn cho đến khi ông gặp Thiền sư Như Tịnh (Nyojo) thuộc dòng Tào Động chỉ cho ông phương pháp Chỉ Quán Đả Tọa (Shikan-Taza), một hình thức tọa thiền không tham công án cũng không theo dõi hơi thở. Ông chăm chỉ thực hành phương pháp này ngày đêm không mệt mỏi. Một hôm trong

buổi thiền tập, Như Tịnh bất gặp một vị tăng đang ngủ gật, ông bèn quở trách vị này không hết lòng cố gắng rồi quay qua các tăng chứng trong thiền đường, khuyên: “Các ông phải dùng tất cả sức mạnh của mình, ngay cả hy sinh mạng sống nữa, muốn giác ngộ hoàn toàn, các ông phải xả bỏ thân tâm”. Khi nghe đến câu cuối này, Đạo Nguyên bỗng liễu ngộ. Ông cảm thấy trong lòng sáng khoái, hoan hỉ lạ thường; bao thắc mắc, các nỗi bất an đều tiêu tan cả. Hôm sau, ông bước đến phòng thầy đốt một nén nhang và quì lạy. Như Tịnh vốn đã biết rõ căn cơ Đạo Nguyên, nay nhìn thấy học trò mình đã đại ngộ qua cách đi đứng, quì lạy, nên giả vờ hỏi: “Tại sao con lại thấp nhang?”. Đạo Nguyên đáp: “Kính thưa thầy, con đã xả bỏ thân tâm”. Như Tịnh bèn lặp lại: “Con đã xả bỏ thân tâm. Thân tâm đã thực xả bỏ”. Đạo Nguyên bèn trách: “Xin thầy đừng ấn chứng cho con một cách dễ dàng như vậy”. Như Tịnh thản nhiên: “Ta có ấn chứng dễ dàng như thế đâu”. Đạo Nguyên lắc đầu: “Xin thầy chỉ cho con thầy không ấn chứng dễ dàng”. Như Tịnh đáp: “Đây là xả bỏ thân tâm”. Đạo Nguyên cảm động quì sụp xuống lạy thầy một lần nữa. Như Tịnh hài lòng gật đầu và nói: “Đó là xả bỏ cái xả bỏ”. Mặc dù đã được thầy ấn chứng nhưng Đạo Nguyên vẫn tiếp tục tu học với Như Tịnh thêm hai năm nữa trước khi từ giã thầy lên đường trở về nước.

Tuy được coi là người đã mang giáo lý Tào Động từ Trung Hoa về truyền bá tại Nhật nhưng thật ra Đạo Nguyên không hề có ý thành lập môn phái. Nếu nghiên cứu kỹ các bài giảng của ông, người ta thấy ông không hề bị ràng buộc vào giáo lý Tào Động. Ông đã sử dụng nhiều phương pháp khác nhau, và nếu cần, sẵn sàng vay mượn phương pháp của các dòng khác như Lâm Tế, Hoàng Bá, Ngưu Đầu. Ông chủ trương “tùy bệnh cho thuốc”, tùy căn cơ học trò mà giảng dạy. Ông cho rằng người tu thiền có thể tạm chia ra làm bốn loại. Loại thứ nhất là những người không

có lòng tin tưởng sâu xa nhưng nhờ duyên nghiệp mà đến với thiền. Loại thứ hai là những người chỉ mong nhờ tu thiền mà cải thiện được sức khỏe, cả thể xác lẫn tinh thần. Loại thứ ba là những người có lòng tin, muốn đi theo con đường của đức Phật, và loại thứ tư là những người không những đã có lòng tin mà còn có tinh thần dũng mãnh, quyết tâm thực hiện chân ngã của mình, để đạt đến giác ngộ giải thoát. Tùy học trò thuộc loại nào mà ông giảng dạy cho họ phương pháp tọa thiền nào thích hợp nhất cho từng người.

Đạo Nguyên là một trong những thiền sư siêu việt nhất của Nhật Bản. Ông dạy đạo một cách mãnh liệt bằng chính thái độ sống của mình. Ông viết bộ *Chánh pháp nhãn tạng* (Shobogenzo) đề cập quan niệm sống, từ những việc nhỏ nhặt, giản dị nhất như cách thực hiện phương pháp vệ sinh trong tu viện đến những quan niệm lớn lao, trừu tượng hơn như sự tương quan giữa con người và thiên nhiên, vũ trụ. Khi được triều đình mời vào giảng dạy, ông hăng say cổ súy việc tu tập thiền định tại đây. Khi thấy những người cầm quyền chỉ coi thiền như một thứ giải trí, ông lập tức bỏ đi và than: “Phật pháp là thực hành, không phải để nói suông”. Vào lúc đó, phần lớn các tăng sĩ đều dựa vào thế lực của triều đình, việc được mời đến giảng dạy cho vua chúa là một vinh dự rất lớn, có thể đưa đến việc triều đình cấp ruộng nương, đất đai để lập tu viện. Thái độ bất khuất, thẳng thắn của ông đã khiến cho các tu viện lúc đó ngần ngại không dám chứa chấp ông. Một số tăng sĩ còn lên tiếng chỉ trích ông nữa nhưng người ta càng chỉ trích ông bao nhiêu, danh tiếng của ông lại càng nổi lên như cồn bấy nhiêu. Ông đến tỉnh Echizen, đích thân quyên góp tiền bạc của dân chúng để dựng một cảnh chùa riêng, không cần đến sự giúp đỡ của triều đình. Số người kéo đến xin tu học với ông rất đông. Ông thường nói: “Đừng chờ lúc khát mới đào giếng, đừng chờ lúc già mới học đạo, mà phải nỗ lực tinh tấn tu hành ngay trong lúc này.

Nếu kiếp này không ngộ thì còn chờ đến kiếp nào?" Thấy uy tín của ông mỗi ngày một lớn, triều đình cho người cầm chứng thư đến phủ dụ, trong thư hứa sẽ cấp rất nhiều đất đai, ruộng nương cho ông nhưng ông từ chối. Nhờ thế danh tiếng của ông lại càng nổi hơn, số người kéo đến xin xuất gia với ông rất đông nhưng ông nói: "Không phải vào chùa mới là tu mà phải biết tu trong mọi hoàn cảnh". Cũng như Vinh Tây, Đạo Nguyên chủ trương thiền phải được thể hiện ngay trong đời sống hàng ngày và trong

kinh nghiệm cá nhân. Khi sứ quân Tokiyori hỏi ông có cách nào giảng về thiền một cách thật ngắn và thật dễ hiểu không, ông đã trả lời: "Đi, đứng, nằm, ngồi đều là thiền cả". Có thể nói nhờ Đạo Nguyên mà sự giản dị, thanh khiết và thành thật đã ảnh hưởng rất nhiều đến tâm hồn người dân xứ này.

Ngày nay một số người thường phân biệt phương pháp giảng dạy giữa hai dòng Tào Động và Lâm Tế. Họ cho rằng Tào Động chú trọng về tọa thiền trong khi Lâm Tế chú trọng tham công án. Thật ra cả hai phái đều chú trọng đến sự tọa thiền cũng như tham công án. Tổ Đạo Nguyên trước khi qua Trung Hoa đã từng tu học với tổ Vinh Tây, đã từng tham công án trong tám năm và được ấn chứng bởi các thiền sư Lâm Tế. Sau khi học được phương pháp Chỉ Quán Đả Tọa của phái Tào Động tại Trung Hoa, ông đã trở về Nhật giảng dạy cho các môn đệ của mình nhưng ông đã mang theo bộ *Bích Nham Lục*, gồm một trăm công án làm tài liệu giảng dạy thêm. Ngoài ra ít lâu sau ông còn soạn thêm cuốn *Niem bình tam bách tắc* (Nempyo Sambyaku Soku) gồm ba trăm công án nữa để làm sáng tỏ phương pháp giảng dạy của mình. Ngay trong bộ sách *Chánh pháp nhân tạng* (Shobogenzo) của ông cũng chứa đựng rất nhiều công án, do đó không thể nói phái Tào Động chỉ chú trọng đến tọa thiền mà thôi. Có lẽ vì phương pháp Chỉ Quán Đả Tọa là một phương pháp rất cao, thuộc Tối Thượng Thiền (Saijojo),

những kẻ thiếu nhiệt tâm khó lòng tu tập nên các thiền sư thuộc dòng Tào Động đã phương tiện dẫn dắt người mới nhập môn tập đếm hơi thở (sổ tức) để cho tâm được hợp nhất, sau đó họ giảng dạy cách tham công án để phá tung các vướng mắc của lý trí, tư tưởng, quan niệm, thành kiến, và sau cùng mới dạy Chỉ Quán Đả Tọa để kiến tánh.

Chỉ Quán Đả Tọa (Shikan Tanza) là một phương pháp thực hành của phái Tào Động mà tổ Đạo Nguyên đã mang từ Trung Hoa về. Đây là cách tọa thiền không đếm hơi thở cũng như không tham công án, mà chỉ tập trung nỗ lực vào việc ngồi mà thôi (đả tọa). Dĩ nhiên điều này rất khó vì tâm dễ bị xao lãng nếu không được tập trung vào sự đếm hơi thở hay vào công án. Đả Tọa là cách ngồi sao cho thật ung dung, không vội vã, ngồi thoải mái vững vàng như núi và linh mẫn như nước. Nói một cách khác, đó là một tâm trạng tập trung cao độ nhưng không quá căng thẳng và dĩ nhiên không giải đãi. Tổ Đạo Nguyên đã diễn tả tâm trạng này như sau: "Đó là tâm trạng của một kiếm sĩ đang thủ thế trước một địch thủ lợi hại, ông ta phải hết sức đề cao cảnh giác, không ngừng theo dõi từng bước đi, từng cử động nhỏ của đối thủ. Mỗi người đều chuẩn bị xuất chiêu và sự thiếu cảnh giác, dù chỉ trong giây phút thôi, cũng đem lại cái chết. Trong lúc đó có một đám đông người tụ tập theo dõi cuộc đấu kiếm. Dĩ nhiên vì mắt không mù nên kiếm sĩ nhìn thấy họ rất rõ; vì tai không điếc nên kiếm sĩ nghe rõ những lời khen chê của họ, nhưng ông ta phải biết làm chủ tâm mình, không để ngoại cảnh chi phối dù chỉ trong phút chốc, vì sai một giây thôi cũng đủ mất mạng rồi. Do đó một kiếm sĩ phải biết sử dụng kiếm một cách ung dung, không quá gắng sức, chỉ khi cần thiết mới nỗ lực xuất chiêu thôi. Chỉ Quán Đả Tọa là thế đó. Lúc mới tập ai cũng gắng sức và căng thẳng nhưng khi công phu đã chín muồi thì sự căng thẳng từ từ biến đi và thay bằng sự ung dung thoải mái, dĩ nhiên vẫn có sự chú tâm đầy đủ.

Giống như bực kiếm sư sử dụng kiếm không hề gắng sức, không hề suy tính chiêu thức vì kiếm và người đã là một, thân và tâm đã nhất như thì Chỉ Quán Đả Tọa cũng như thế, không còn phương tiện, không còn cứu cánh mà tất cả chỉ là một. Do đó chư Phật quá khứ cũng như vị lai đều thực hành phương pháp này vì nó biểu lộ sự sống tuyệt đối, sự sống trong các hình thức tinh khiết nhất. Nó không dính dáng gì đến việc phải nỗ lực, cố gắng để đạt ngộ giải thoát hay bất cứ một đối tượng nào khác. Nó hoàn toàn vô cầu, vô niệm. Thực hành thiền như thế chính là thể hiện Chân tánh không hề ô nhiễm của mình và đó chính là Thiền Tối Thượng Thừa".

Vì chùa Chuoji chỉ mở các khóa tu thiền vào lúc cuối tuần nên một người bạn đã nói với tôi rằng người ta không thể tiến bộ gì nhiều nếu chỉ tu một cách "tài tử" vào lúc cuối tuần như vậy. Theo bà, muốn tiến nhanh hơn, người ta cần phải tham dự những tuần lễ Nhiếp Tâm (Zazen Sessin) vì trong tuần lễ này, thiền sinh phải nỗ lực công phu, ngày cũng như đêm, vượt qua những trở ngại để chứng ngộ. Tôi được biết tại Maruyama có một thiền viện thuộc dòng Lâm Tế, thường mở những tuần lễ nhiếp tâm mỗi năm hai lần. Trong tuần lễ này, thiền sinh nỗ lực tham cứu công án và được Thiền sư Joten, một trong những thiền sư nổi tiếng của phái Lâm Tế lúc đó, hướng dẫn. Có ba cách tu tập: Thính tham (Sosan) là những buổi giảng chung mà các thiền sinh phải tham dự để nghe các thiền sư dạy về phương pháp tu tập. Độc tham (Dokusan) là sau khi nỗ lực tu tập, thiền sinh được đưa đến gặp riêng các thiền sư vào những giờ phút qui định trước, để trình bày kiến giải của mình cho thầy nghe. Đặc tham (Naisan) là bất cứ lúc nào học trò cần trình bày kiến giải hay có những nghi tình, thắc mắc khẩn cấp cần phải vào gặp riêng thầy vào những giờ phút không qui định trước. Mùa thu năm ấy, tôi ghi tên tham dự tuần lễ nhiếp tâm tại chùa Zuryuji thuộc tỉnh Maruyama. (còn tiếp)



BÚT CHÌ phụ-trách

Tòa-soạn mở mục "Độc-giả thắc-mắc" để giải-đáp nghi-vấn của bạn đọc về mọi lãnh-vực: văn-học, nghệ-thuật, khoa-học, xã-hội, chính-trị, v.v.

Trong mục-đích học-hỏi, Bút Chì hoan-nghehnh mọi ý-kiến đóng-góp về câu trả lời.

Vì khuôn-khổ hạn-hẹp của một tiểu mục, xin vui lòng hạn-chế mỗi lần hỏi tối-đa ba câu. Đa tạ.

Mỹ-quốc

Hỏi: 1) Tại sao gọi Hoa-kỳ là "Mỹ"?

2) Bột ngọt là chất gì? Ăn nhiều có độc không? Mỗi khi tôi đi ăn phở hay hủ-tầu ở tiệm về, nóng ran cả ngực và chóng mặt, có phải vì nhà hàng dùng nhiều bột ngọt quá?

Trương Thị Lê
Santa Ana

Đáp: 1) Chữ "Mỹ" gọi tắt từ "Á-mỹ-lợi-gia", phiên-âm từ "America."

2) Bột ngọt, hay mì-chính thuộc loại amino acid, tổng-hợp protein và polypeptides. Dùng nhiều bột ngọt dễ bị trúng độc nhẹ, như các triệu-chứng như bà kể.

Tự-lực văn-đoàn

Hỏi: 1) Xin bác cho biết, "trung-đường" là gì?

2) Nhóm Tự-lực văn-đoàn gồm những nhà văn nào? Có nhà văn Nhật

Tiến trong đó không?

Nguyễn Trần Lộc Uyên
Olympia, Hoa-kỳ

Đáp: 1) Theo nghĩa thông thường, nếu "đường" là gian nhà chính, thì "trung. đường" là gian chính giữa. Trong Kiều có câu: "Sang nhà cha đến trung đường."

2) Nhóm Tự-lực văn-đoàn trước sau có 11 người.

Bảy người đầu-tiên gồm 4 nhà văn: Nhất Linh, Thạch Lam, Hoàng Đạo, Khái Hưng và 3 nhà thơ: Tú Mỡ, Thế Lữ và Xuân Diệu.

Người thứ tư được kết nạp là nhà văn Đỗ Đức Thu.

Ba người cuối cùng được kết-nạp là Nguyễn Thị Vinh, Duy Lam và Tường Hùng. Ngoài ra không còn ai khác (nhà văn Nhật Tiến không thuộc Tự-lực văn-đoàn).

Tắt đèn nhà ngói cũng như nhà tranh

Hỏi: 1) Có câu tục-ngữ nào bên tiếng Anh tương-đương với câu Tắt đèn, nhà ngói cũng như nhà tranh của ta không?

2) Hoa "ti-gôn" trong bài thơ "Hai sắc hoa Ti-gôn" của TTKH, thực-sự tên là gì? Cháu tra tự-điển Pháp gần vỡ đầu mà không ra!

Tony Trương
California

Đáp: 1) Có thể dùng câu *When candles are away all cats are grey.*

2) Tên la-tinh của nài "ti-gôn" là "Antigonon leptopus". Tên Tàu của nài là hoa Hiếu-nữ. Tên Mỹ của nài là Love's Chain, Coral Vine hay Mountain Rose. Tên Việt của nài là Nho kiểng (vì lá giống lá nho, nhưng không có trái; cái gì không có trái, hoặc không dùng được vào việc gì, các cụ ta thường gọi là "kiểng", chỉ để ngắm chơi).

Giống hoa này thuộc loại dây leo, dài khoảng 6 mét, có nhánh, hoa chùm, kép. Hoa "ti-gôn" có 5 cánh màu đỏ, hồng hay trắng quăn vào nhau, ngoài ba trong hai, tiểu nhị

dính nhau ở đáy, noãn sào ba cách, ba vòi nhụy, thuộc loại bế tử.

Giống này mọc ở gần vùng bán-nhiệt-đới và nhiệt-đới, thích nắng và khô-ráo, chịu lạnh đến 15 độ C (59 độ F). Ở vùng bán-nhiệt-đới (khu 8 đến khu 10 ở Bắc Mỹ), nở hoa vào mùa hè. Ở nhiệt-đới nở hoa quanh năm.

Đóng-góp thêm cho "Cầu ngói Thanh-toàn"

Thi-sĩ Thảo Nguyên ở Hương-cảng xin đóng góp thêm chi-tiết cho bài Cầu ngói Thanh-toàn đăng trên Làng Văn trước đây như sau:

"Cầu ngói Thanh-toàn là chiếc cầu gỗ, mái ngói, bắc ngang qua dòng sông nhỏ ở xã Thủy-thanh, huyện Hương-thủy, tỉnh Thừa-thiên, Huế.

Cầu nằm cách Huế gần 7 cây số về phía Đông. Trên mái ngói có hai con rồng lượn. Phía dưới cầu là những trụ cột bằng gỗ. Thân cầu là những tấm ván dày. Hai bên có những tấm gỗ cao hơn, có lan-can làm chỗ cho để khách bộ-hành dừng lại nghỉ-ngơi.

Cầu ngói Thanh-toàn do bà Trần Thị Đạo ở làng Thanh-toàn, huyện Phú-vang chủ-trì việc xây-dựng năm 1726."

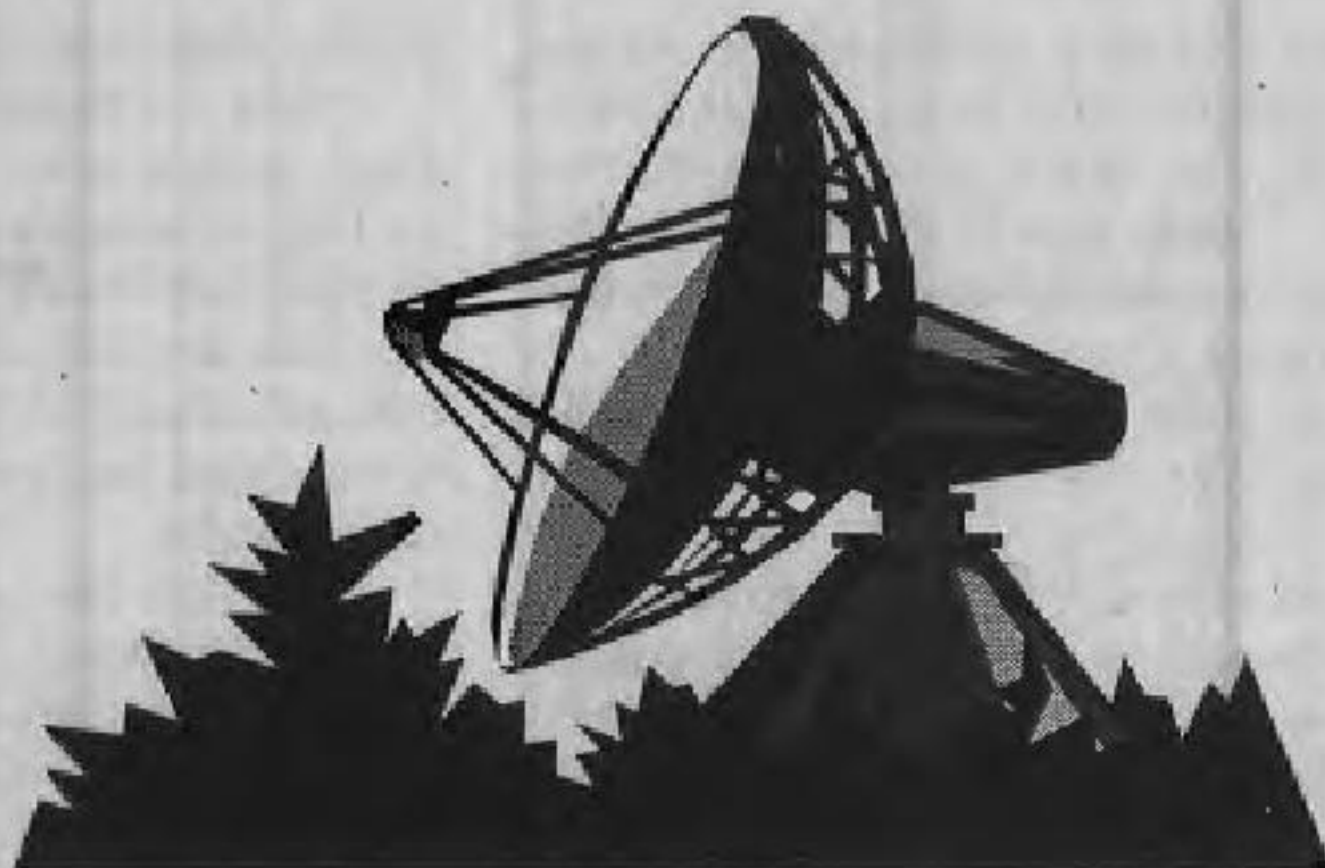
Món quà đầu năm giá-trị và ý-nhất

KHÔNG GÌ BẰNG
TẶNG NHAU
MỘT NĂM BÁO
làng văn

(xin xem giá báo dài hạn ở trang 135)

Dĩa Bay

Nguyễn Nhân Sơn



Trên thế giới, tính cho tới ngày nay, đã có hàng triệu người trông thấy những "vật" mà họ không biết là cái gì. Và cũng có hàng vạn người đã bỏ công tường thuật tỉ mỉ những điều trông thấy với báo chí, với các nhà khoa học. Sau khi điều tra kỹ, những "cái gì" kia có thể là thiên thạch, là tiểu hành tinh, là những ngôi sao lác, là khí cầu thám dò khí tượng, là những làn hơi bốc lên từ đầm lầy, là những hiện tượng lạ của khí quyển, v.v... Nhưng vẫn còn lại những cái không thể nào hiểu được là cái gì.

Có một điều không thể nghi ngờ là có những vật có hình "đĩa" nếu nhìn chính diện, có hình "xì-gà" nếu nhìn nghiêng, đã được nhiều người trông thấy. Mà những người này đều là người trung thực và tỉnh táo. Có khi những vật ấy được các đài ra-đa dưới đất hoặc trên không, ghi nhận; hoặc đã được chụp ảnh. Những vật ấy di chuyển mau lẹ, không có một thứ khí cụ phi hành nào của loài người sánh bằng.

Tiếng Anh gọi những vật này là UFO (*Unidentified Flying Object*: Vật bay không xác định được). Tiếng Việt gọi là "Dĩa Bay", do dịch từ tiếng Anh *Flying Saucer*, hoặc từ tiếng Pháp *Soucoupe volante*.

Sau đây, là những tài liệu đã được ghi nhận về đĩa bay trên khắp thế giới: Những vụ xảy ra trước năm 1948; do nhiều cơ sở khoa học sưu tầm; những vụ xảy ra sau năm đó, do nhà thiên văn học J. Allen Hynek phân loại.

Những vụ xảy ra trước năm 1800

Vụ đĩa bay cao tuổi nhất được ghi trong cuốn *UFO's in Space* của Jacques

Vallee: Trên vách đá hoa cương của một trái núi, và trên những hòn đá nằm rải rác trên một hòn đảo thuộc tỉnh Hồ-Nam, Trung-quốc, người ta tìm thấy những hình vẽ chạm sâu vào đá, có hình thù giống như những cái ống dài. Những hình này không giống bất cứ một vật gì của nhân loại lúc bấy giờ. Người ta đoán rằng người chạm đá trông thấy những vật không thuộc địa cầu. Qua thử nghiệm, người ta xác nhận những hình chạm đá kia, đã được tạo ra cách nay 47 ngàn năm.

. Trong một tài liệu cổ của Ai-Cập, có ghi rằng trong tháng thứ 3 của mùa đông năm thứ 22, triều vua Thutmose đệ tam (1479-1426 trước CN), người ta trông thấy nhiều vật hình tròn, phát ra ánh sáng, bay trên bầu trời.

. Cái vật mà nhà tiên tri Ezekiel trông thấy và được chép trong Cựu-Uớc, đối với một số nhà khoa học, cũng là một đĩa bay. Theo lời của Ezekiel, thì hình ảnh kia đã từ trên trời bay xuống gần sông Chebar ở xứ Can-Đê, năm 592 trước CN.

. Một tác giả người La-Mã tên là Julius Obsequens, sống ở thế kỷ IV, đã viết cuốn *Prodigiorum liber*, kể lại nhiều hiện tượng lạ. Về sau, có người giải thích đó là những đĩa bay. Sau đây, chỉ trích dẫn một số làm thí dụ:

*Năm 216 trước CN: Nhiều vật hình thù như những chiếc thuyền xuất hiện trên bầu trời Ý. Ở Arpi, cách La-Mã khoảng 250 cây số, xuất hiện trên trời một cái khiên hình tròn. Tại Capua, bầu trời bỗng rực lửa, và những chiếc thuyền hiện ra.

*Năm 99 trước CN: Khi C. Murius và L. Valerius chấp chính, tại miền

Tarquinius, những vật sáng như ngọn đuốc từ trên trời rơi xuống nhiều chỗ. Rồi lúc mặt trời gần lặn, một vật tròn như trái cầu từ dưới đất bay lên trời, rồi bay về hướng đông.

*Năm 90 trước CN: Trong vùng Spoletium, cách La-Mã khoảng 100 cây số về phía bắc, một trái cầu lửa, màu như vàng chảy, rơi xuống đất, quay tròn. Nó lớn dần, rồi bốc lên khỏi mặt đất, bay vút lên trời, tỏa sáng rực một vùng, át cả ánh mặt trời. Rồi nó bay biến mất về hướng đông.

. Một bài phóng sự viết năm 1567 kể lại rằng vào năm 393, trên bầu trời của thành La-Mã, có những luồng sáng lạ xuất hiện. Một trái cầu lỏng lánh hiện ra gần ngôi sao Kim-Tinh. Rồi, cả một đàn trái cầu nhỏ hơn, cũng sáng lỏng lánh như thế, không biết từ đâu kéo tới quây quần quanh trái cầu đầu tiên. Quang cảnh trông giống một bầy ong đang bay quanh người nuôi ong, và ánh sáng của chúng tỏa ra phản chiếu nhấp nháy. Mấy phút sau, chúng nhập vào nhau thành một vùng sáng kỳ lạ, kéo dài ra thành hình một thanh kiếm. Trái cầu lớn nhất xuất hiện đầu tiên bây giờ biến thành cái nùm chuỗi kiếm. Một lúc sau, cả vùng sáng ấy biến mất.

. Một cuốn sách hiếm in từ năm 1493, hiện lưu trữ tại viện bảo tàng Verdun, Pháp, có thể được coi là tài liệu công bố sớm nhất về đĩa bay tại Âu-Châu. Kèm theo bản tường trình, tác giả cuốn sách là Hartmann Schedel còn vẽ hình để minh họa. Ông kể rằng một vùng sáng lạ đã xuất hiện trên bầu trời nước Pháp năm 1034. Nó hiện ra ở phương nam, bay sang hướng đông,

rồi cuối cùng chuyển sang hướng tây. Hình thù của nó giống như một điều xi-gà, xung quanh tỏa ánh sáng chói lọi.

Đêm 24.9.1235, những ánh sáng lạ lại xuất hiện trên bầu trời Nhật-Bản. Tướng Yoritsume cùng thuộc hạ của ông đang đồn trú ở miền bắc. Đêm ấy, họ bỗng thấy ở phía nam có những vùng sáng lạ, đảo lộn, xoay vòng, và nhảy lên nhảy xuống, trong nhiều tiếng đồng hồ. Ông cho mở cuộc điều tra, thì sau đó nhận được một bản phúc trình đại ý: *Sự việc nói chung cũng bình thường. Chỉ là gió mạnh đẩy đưa những ngôi sao.* Nhưng, đối với các nhà khoa học, thì đó cũng là một hiện tượng đĩa bay.

Có khi những hiện tượng lạ được người Nhật coi là những cái điềm. Một cái điềm "dữ" có thể gây kinh hoàng và náo động trong xã hội.

*Ngày 12.9.1271, khi tu sĩ Nichiren sắp bị chặt đầu tại Tatsunokuchi, xứ Kamakura, thì tự nhiên trên trời hiện ra một vật trông như mặt trăng đêm rằm, thật sáng và long lánh. Nhà chức trách sở tại bỗng sinh sợ hãi, cho lệnh bãi bỏ cuộc hành hình.

*Một ngày trong năm 1361, một vật trông giống một cái trống khổng lồ đường kính đến 6, 7 thước, bỗng xuất hiện trên bầu trời phía tây nước Nhật, bay qua bay lại một lúc, rồi biến mất.

*Trong đêm 8.3.1468, từ ngọn núi Kasuga, bay vút lên một vật màu đen, phát ra tiếng rào rào như tiếng bánh xe lăn, đảo mấy vòng rồi chuyển về hướng tây, mất hút.

Cứ theo những hồ sơ của Âu-Châu, những hiện tượng có thể được suy ra là đĩa bay cũng khá nhiều:

*Đêm 4.11.1322, trên bầu trời vùng Uxbridge, Anh-quốc, bỗng hiện ra một cây cột lửa, to bằng cỡ một chiếc thuyền, màu sáng tai tái. Nó bốc lên không từ phía nam, bay chậm chậm trên cao, phía trước đầu có những tia lửa sáng rực phun tới. Rồi nó tăng tốc độ, chuyển về hướng bắc, biến mất trong một thoáng.

*Trong hai tháng 11 và 12 năm 1387, trên vùng trời hai quận Leicester và Northamptonshire, Anh-quốc, xuất hiện nhiều lần những khối lửa có hình thù như cái bánh xe quay tít, hoặc như cái thùng đựng rượu đang bốc cháy và bắn những tia lửa ra, hoặc như một cây

đòn dài sáng chói bay cực nhanh.

*Ngày 1.11.1461, tại hạt Arras, Pháp, người ta trông thấy một vật rực lửa hình thù như một cây roi khổng lồ. Đặc biệt hiện tượng này kéo dài đến một khắc đồng hồ, rồi mới đột nhiên biến mất. Nhưng có người lại nói thấy rõ trong đám lửa kia một vật giống như chiếc thuyền.

*Ông Cracker, người khu Fleet thuộc quận Dorset, Anh-quốc tường trình cho ủy ban khoa học địa phương như sau: Giữa trưa ngày 8.12.1733, tôi đang đứng dưới một thung lũng nhỏ. Khí trời ẩm áp, và mặt trời chói lọi. Bỗng có một vật gì xuất hiện trên nền trời phía bắc. Nó bay tới bay lui rất nhanh, có khi khuất sau mấy cụm cây trên sườn núi, rồi lại hiện ra trước mắt tôi. Toàn thân nó sáng rực, trông như đang cháy, hoặc như bằng bạc chảy. Nó di chuyển với một tốc độ nhanh như sao băng.

*Một thành viên của Hội Hoàng-Gia Luân-Đôn, ký tắt là "C.M.", viết bản tường trình: Ngày 16.12.1742, khi sắp sửa băng qua công viên St. James, tôi chợt đứng khựng lại vì trông thấy một vật rất lạ. Trước mắt tôi, từ sau những ngôi nhà và cây cối phía nam, bỗng bay lên một vật có hình ống dài, và khá lớn. Nó di chuyển chậm, và nhô lên hụp xuống như một đợt sóng. Từ chỗ tôi đứng đến chỗ vật ấy cũng chừng bảy tám trăm thước. Tôi nhìn thấy những ngọn lửa phun ra phía đuôi, và cũng thấy rõ cả phần đuôi của nó có những thanh sắt làm sườn, và vách thành thì đục mờ. Mấy phút sau, nó tăng tốc độ, bay vút đi và biến mất ở chân trời.

*Ông De Rostan là một nhà thiên văn tài tử, và là thành viên của Hội Y học Tự nhiên Basel, Thụy-Sĩ. Ngày 9.8.1762, tại Lausanne, ông bắt đầu quan sát bằng viễn vọng kính, một vật có hình như một con suốt đánh chỉ, thường bay qua tầm nhìn lên mặt trời. De Rostan đã chụp được ảnh gửi cho Hàn lâm viện Khoa học Pháp, nhưng cơ quan này chưa có kết luận, thì ảnh đã thất lạc.

Một nhà thiên văn tài tử khác, bạn của De Rostan, lúc bấy giờ sống tại thị trấn Sole, gần Basel, cũng xác nhận có trông thấy vật kia nhiều lần.

*Tập chí khoa học *Gentleman's*

Magazine của Anh, những số ra cuối năm 1799 có đăng một loạt bài về những hiện tượng có thể qui cho đĩa bay:

Lúc 8 giờ 30 tối, ngày 19.9.1799, cả nước Anh ai cũng trông thấy một trái cầu màu sáng trắng, rất đẹp, bay trên trời từ hướng tây-bắc qua hướng đông-nam. Nó bay khá nhanh, đường bay hơi rung rung, nhưng hoàn toàn không phát ra tiếng động. Ánh sáng do nó phát ra có màu tái, và thỉnh thoảng lại có những tia lửa bắn ra xa rồi vụt tắt.

Ngày 12.11.1799, dân hạt Hereford hoảng sợ khi thấy trên bầu trời bỗng xuất hiện một "cây cột lửa", bay nhanh từ hướng bắc xuống hướng nam. Trước khi nó xuất hiện mấy tiếng đồng hồ, trên trời cứ nháng những tia lửa điện chói lọi.

Ngày 19.11.1799, lúc hùng sáng, dân vùng Huncoates, Lincolnshire, ai thức dậy ra ngoài sớm, đều trông thấy một trái cầu lửa, sáng chói lọi, bay ngang trên đầu.

Từ 1800 đến 1948

Từ đầu thế kỷ 19, những tin tức về đĩa bay được đăng tải rất nhiều trên các tạp chí khoa học của các nước Tây-phương. Sau đây, là những tài liệu được coi là có căn cứ.

John Stayveley, ở khu Hatton Garden, kể: Ngày 10.8.1809, ở chỗ tôi có con đồng rất to. Tôi nhìn lên trời, thấy một đám mây đen, giữa có những tia chớp lóe lên từng chớp. Bỗng có những đốm sáng kéo tới chui vào đám mây. Chúng nhảy múa, luồn qua luồn lại trong đám mây. Rồi bám quanh như một cái viên. Những tia chớp không lóe lên nữa. Hiện tượng này kéo dài trong nhiều phút. Tôi nghĩ đám mây và những tia chớp thuộc về khí tượng, nhưng những đốm sáng kia thì không phải.

Ngày 6.7.1874, trên bầu trời thành phố Oaxaca, Mê-Tây-Cơ, bỗng hiện ra một cây kèn tây khổng lồ, dài cỡ trên 100 thước. Cây kèn trôi qua trôi lại trên mây trong vòng mấy phút, rồi biến mất.

Nhật báo *Denison Daily Herald* số ra ngày 25.1.1878 có đăng một chuyện về đĩa bay: Trước đó một ngày, một

người nông dân ở Denison, tiểu bang Texas, nhìn thấy một vật màu đen, hình thù giống như cái đĩa, bay rất nhanh ngang trên trời.

Ngày 15.5.1879, chiếc thương thuyền "Vulture" đang chạy trong vịnh Ba-Tư. Bỗng thủy thủ đoàn trông thấy phía trước mặt có 2 chiếc bánh xe đường kính chừng 40 thước, không biết từ đâu bay tới, quay tít trên mặt biển, rồi từ từ chìm xuống nước. Qua năm sau, cũng vào tháng năm, chiếc thương thuyền "Patna" của công ty Đông-Ấn, cũng gặp một hiện tượng tương tự trong vịnh Ba-Tư. Lần này, người ta trông thấy những tia sáng lân tinh tỏa ra trong khi các bánh xe quay.

Trong những năm tiếp theo, các nhà hàng hải qua lại trên biển, đã có thêm nhiều lần chứng kiến hiện tượng "bánh xe quay" đó nữa:

*Lúc 8 giờ 30 tối, ngày 10.4.1901, cũng tại vịnh Ba-Tư, thủy thủ đoàn tàu "Kilwa" trông thấy một bánh xe khổng lồ bay qua trước mắt.

*Trong năm 1906, một chiếc thương thuyền của Anh trông thấy một bánh xe bay trên vịnh Oman. Viên thuyền trưởng ghi rằng cái bánh xe to hơn chiếc tàu của ông.

*Trong năm 1909, một chiếc tàu Đan-Mạch gặp một hiện tượng y như vậy trên vùng biển Trung-Hoa. Theo báo cáo của viên thuyền trưởng, thì chiếc bánh xe rất lớn, có một cái trục ở giữa, trong khi quay tít dưới mặt nước vài thước, nó phát ra ánh sáng rất mạnh.

*Trong tháng 8.1910, chiếc "Valentijn" của Hòa-Lan gặp trong vùng nam biển Trung-Hoa, một vật bay trông nghiêng như chiếc đĩa. Chiếc đĩa này bay là là trên mặt biển, trong khi bay, nó xoay tít và tỏa ra ánh sáng.

Khi thu thập được những dữ kiện trên, các nhà khoa học đương thời đưa ra 2 nhận định: Một là những vật lạ kia xuất phát từ đáy biển; hai là chúng từ bên ngoài vũ trụ bay đến rồi lặn xuống biển.

Sáng ngày 12.8.1883, ông José A.Y.Bonilla, giám đốc đài thiên văn Zacatecas của Mễ-Tây-Cơ, đang dùng viễn vọng kính nghiên cứu những điểm đen trên mặt trời. Chợt ông giật mình nhận ra một vật sáng nhỏ đang bay qua trên nền sáng của vùng thái dương.

Ông liền chụp hình vật ấy. Nhưng vừa chụp xong, thì ông biết nó không đi một mình, mà đi cả bầy. Cứ cách quãng vài phút, từng nhóm 2, 3 cái, hoặc 15, 20 cái, chúng lại kéo ngang mặt trời. Chúng luôn luôn đi theo một chiều. Trong vòng 2 tiếng đồng hồ, ông đếm được tất cả 283 cái. Ông đã chụp hình được gần đủ số đó. Khi chúng đi qua mặt trời, cái nào cũng nổi trên nền sáng một màu đen hoặc sẫm, nhưng phía sau lại có cái đuôi phát ra ánh sáng.

Sáng ngày hôm sau, từ 8 giờ đến 9 giờ 45, Bonilla lại đếm được 116 cái như thế bay qua mặt trời. Hỏi các đài thiên văn khác ở Mễ-Tây-Cơ, thì họ bảo không nhìn thấy những vật thể bí ẩn đó.

Lúc bấy giờ, các nhà khoa học giải thích những vật thể kia là những con chim, những côn trùng, hoặc bụi bặm, bay ngoài thượng tầng không gian. Nhưng lời giải thích không đủ sức thuyết phục mọi người. Riêng Bonilla, ông tin rằng những vật thể ấy di chuyển trong không gian, gần trái đất hơn mặt trăng.

Trong 2 năm 1896 và 1897, rất nhiều tin về đĩa bay được đăng tải trên báo chí của Hoa-Kỳ. Bài nào cũng mô tả "vật lạ" có hình thù giống điều xì-gà, hoặc cái thùng đựng rượu. Những hiện tượng này không thể lẫn lộn với những chuyến bay của phi cơ nhân tạo, vì mãi nhiều năm sau, con người mới chế được máy bay.

Một đêm tháng 11.1896, tại Tulare, người ta trông thấy một vật lạ đáp xuống, bốc lên, rồi đột nhiên bay về hướng tây, phun ra những tia sáng màu đỏ, trắng, và xanh. Những hiện tượng tương tự tái hiện nhiều lần trong vùng, cho đến đầu năm sau mới hết. Sang đến tháng 2.1897, nhiều vùng thuộc tiểu bang Nebraska bắt đầu trông thấy những vật sáng khó hiểu ấy. Tiếp đến là 2 tiểu bang Kansas và Michigan. Rồi một đêm tháng 4, cả vạn người dân thành phố Kansas, tiểu bang Missouri, đã trông thấy một vật to lớn, toàn thân đen tuyền, di chuyển thật nhanh, từ đâu bay đến giữa thành phố, dừng lại trên khoảng không trong chừng 10 phút, đột nhiên phun ra những tia lửa màu xanh và trắng, rồi bay vọt lên cao, chớp mắt đã biến mất vào mây. Vụ này

được đăng đầy đủ chi tiết trên tờ *Chicago Record* số ra ngày 2.4.1897. Riêng những người sống ở Everest, Kansas lúc bấy giờ, mô tả vật lạ kia như một chiếc thuyền độc mộc của người Da Đỏ, dài chừng 10 thước, phía trước có ngọn đèn pha đổi màu.

Nói chung về hình thể những vật bay bí ẩn kia, ai trông thấy thì cũng nói giống như một điều xì-gà, và có vẻ bằng kim loại. Sự mô tả có khác nhau thì cũng chỉ ở các tiểu tiết: Cánh như chim, ví như cá, hoặc cánh quạt. Những tia lửa và ánh sáng nhiều màu, thì lúc nào cũng có.

Cho đến khoảng tháng 5.1897, thì khắp các tiểu bang nước Mỹ, ở đâu cũng có vật lạ xuất hiện. Nhiều nhất là ở vùng Trung-Tây.

Trong năm 1909, tại Tân-Tây-Lan, lại có một đợt vật lạ xuất hiện. Trong vòng 6 tuần lễ, từ cuối tháng 7 đến đầu tháng 9, có hàng trăm người địa phương trông thấy những "chiếc thuyền" từ đâu trên trời bay đáp xuống Đảo Nam và Đảo Bắc, có khi ban đêm, có khi ban ngày.

Khoảng đầu thế kỷ 20, các khí cụ phi hành của loài người vẫn còn ở thời kỳ thí nghiệm. Tại Đức cũng như tại Pháp, những chiếc khí cầu điều khiển được, chưa hoàn chỉnh. Thế cho nên, có thể biết chắc là lúc bấy giờ không thể có một thứ gì của con người từ nơi khác bay đến Tân-Tây-Lan. Và những "chiếc thuyền" kia cũng bí ẩn như đồng loại của chúng đã xuất hiện tại Mỹ, trong những năm 1896, 1897.

Nicholas Roerich, người Nga, là một họa sĩ chuyên vẽ phong cảnh, và là một nhà khảo cổ. Ông đã đi nhiều nơi trên thế giới, nhất là vùng Đông-Nam-Á. Riêng Ấn-Độ và miền tây Trung-Hoa, ông đã dành trọn 5 năm, từ 1923 đến 1928, để đi khảo sát khắp nơi. Trong cuốn *Altai-Himalaya: A Travel Diary*, ông có kể lại một chuyện liên hệ đến đĩa bay. Ông viết: "Ngày 5.8.1926, có một chuyện rất đáng ghi. Chúng tôi đang đóng trại ở Kukunor, một địa điểm gần dãy núi Humboldt. Khoảng 9 giờ 30 sáng, chúng tôi trông thấy một con đại-bằng đen bay đến trên đầu. Chúng tôi đang chú mục vào con chim lớn, bỗng một người nào đó la lên: "Phía trên con chim còn có cái gì nữa kia". Nhìn lên cao, chúng tôi

trông thấy một vật bay rất nhanh, theo hướng bắc nam. Khi vượt qua chỗ chúng tôi, vật ấy chuyển hướng qua tây nam, rồi biến mất vào nền trời màu xanh. Nhiều người trong đoàn lấy ống đom nhìn theo, thấy rõ nó giống như một cái trứng khổng lồ, vỏ láng bóng, một bên lấp lánh phản chiếu ánh mặt trời”.

Francis Chichester, người Anh, là một nhà hàng hải kiêm hàng không. Ông nổi tiếng gan dạ do những lần một mình vượt biển hoặc vượt không, trong cuối thập niên 1920 và trong thập niên 1930.

Chichester đã thuật lại vụ ông gặp đĩa bay ngày 10.6.1931, như sau:

“Hôm ấy, tôi đi một mình trên chiếc Gypsy Moth. Tôi đang bay trên vùng biển Tasmania, mấy tiếng sau khi cất cánh từ đảo Lord Howe. Đây là một chuyến bay đường dài giữa Tân-Tây-Lan và Úc-Đại-Lợi. Bỗng tôi trông thấy trước mặt, lệch qua bên trái chút ít, những tia sáng lạ. Rồi một chiếc “phi thuyền” màu xám bạc hiện ra, bay thẳng về phía tôi. Bầu trời lúc bấy giờ khá trong. Trông vật kia giống như một viên ngọc trai hình thon. Tôi xoay đầu nhìn quanh, có trông thấy một vài điểm nhấp nháy đàng xa, nhưng khi nhìn trở ra phía trước, thì chiếc “phi thuyền” kia biến mất. Tôi không tin ở đôi mắt tôi nữa. Tôi cho máy bay của tôi đảo qua đảo lại nhiều lần trên không phận đó, nhưng cũng chẳng thấy được gì. Bỗng, từ đâu sau mấy đám mây phía bên tay mặt, một chiếc “phi thuyền” lại lù lù hiện ra. Sự thật, đó là chiếc khác hay là chiếc lúc nãy, tôi cũng không biết. Tôi định bụng lần này cứ chăm chăm nhìn, không để cho nó biến đi. Nhưng khi nó còn cách tôi chừng hơn một cây số, thì nó đột nhiên biến mất. Rồi mấy chục giây sau, nó lại hiện ra, ở gần chỗ lúc nãy. Tôi giận tràn hồng, nhưng vẫn chăm chú theo dõi. Nó bay lại gần tôi, và tôi trông thấy rõ tia đèn trước mũi và trên lưng nó chiếu ra một thứ ánh sáng mờ mờ. Nó bay chậm chậm lại gần, nhưng thay vì to lên, nó lại nhỏ lại. Khi nó đến thật gần, thì đột nhiên biến mất, như thể nó là ma quỷ. Một giây trước, tôi còn thấy nó; một giây sau, tôi không thấy nó đâu nữa. Tôi lại tự nghi ngờ mình: Hay nó chỉ là một đám mây có hình giống một

chiếc tàu? Nó tan vào không khí như mây. Nhưng tôi đã trông thấy nó hai lần ở hai vị trí khác nhau kia mà.

Những năm về sau, tôi nghe người ta nói về những đĩa bay mà họ trông thấy. Tôi nhận ra cũng có những điểm tương tự với cảnh tượng mà tôi đã thấy”.

Khoảng cuối năm 1944, mấy phi công Mỹ bay đêm trên không phận nước Đức, trông thấy từ xa những chấm sáng như những ngôi sao, nhưng khi lại gần thì đó là một nhóm chừng 10 trái cầu sáng rực. Lại gần thì ánh sáng của chúng biến từ cam ra đỏ. Đó là bản báo cáo đầu tiên về những trái cầu lửa bí mật mà máy bay đồng minh gặp ở trên bầu trời nước Đức, khoảng cuối Thế Chiến 2.

Báo cáo sau đây là của trung úy phi công David McFalls: Lúc đó là 6 giờ sáng. Tôi đang bay gần thị trấn Hagenau, cách mặt đất chừng 10 ngàn bộ. Bỗng từ dưới đất bay vút lên 2 khối sáng, rất sáng. Khi lên cao bằng máy bay của tôi, chúng bay theo sau chừng 2 phút. Đó là hai khối sáng lớn, màu cam. Bất ngờ, cả hai bỏ đi, ánh sáng cũng vụt tắt.

Đồng thời các phi công Mỹ hoạt động trên Thái-Bình-Dương cũng gặp những sự kiện giống như vậy. Trong lúc đang bay, họ cũng gặp những trái cầu sáng chói lọi, không biết từ đâu xuất hiện, bám theo máy bay của họ một đoạn, rồi bỏ đi. Cách tới cách lui của chúng, khiến người ta hiểu là chúng được điều khiển một cách thật khôn khéo.

Sau khi cuộc chiến chấm dứt, phía đồng minh mới biết rằng chính phi công Nhật cũng đã gặp những chuyện tương tự, và họ nghĩ đó là những thứ do Hoa-Kỳ hoặc Liên-Xô chế tạo để đánh lừa hệ thống ra-đa của họ. Trong khi đó, thì tình báo Mỹ lại đổ tội cho Đức. Và cho tới ngày nay, người ta cũng không biết chính xác những trái cầu lửa đó là cái gì.

Trong năm 1946, ở các nước Bắc-Âu, người ta đồn đãi về chuyện những hỏa tiễn ma.

Ngày 26.2.1946, đài phát thanh Helsinki loan tin về một hiện tượng khí tượng bất thường xảy ra ở miền bắc Phần-Lan, gần vòng đai Bắc-Cực. Tiếp theo là những báo cáo tới tấp bay về,

mô tả một vật lạ phun khói, tỏa ánh sáng màu hồng, bay qua bầu trời đêm của Helsinki, ở một độ cao chừng 300 thước. Có người cho đó là những mảnh thiên thạch. Nhưng cũng có người quả quyết là không phải, vì những vật này không rớt xuống, hoặc bay vút qua, mà biến hiện nhiều lần, rồi trước khi biến mất vào không gian, chúng còn kêu rống lên nghe kinh khiếp.

Có người lại trông thấy những vật lạ xuất hiện theo cách khác: Bay dọc theo đường chân trời, từ trên trời đâm xuống, từ dưới đất bốc lên, di chuyển theo kiểu lăn tròn, hay giựt lùi; có lúc bay thật nhanh; có lúc bay thật chậm. Về hình thù, thì đa dạng hơn trước kia rất nhiều.

Khoảng tháng 7.1946, thì đến phiên Thụy-Điển. Những loại “hỏa tiễn ma” bắt đầu xuất hiện ở miền nam xứ này. Rồi chúng dờn lượn xuống hướng đông-nam: Đến Ý, Hi-Lạp, Ma-rốc, rồi Ấn-Độ vào khoảng tháng 9. Nhưng so với nhau, thì Thụy-Điển được lũ hỏa tiễn ma đến viếng nhiều nhất: Khoảng 1.000 lần trong năm ấy. Chính phủ Thụy-Điển nghi Liên-Xô muốn quấy nhiễu mình, liền đặt quân lực trong tình trạng báo động. Nhưng người ta không thu thập được bằng chứng gì xác đáng. Cũng có một vài vụ nổ được báo cáo, nhưng công cuộc điều tra chỉ đem lại những nhận định mơ hồ về “hỏa tiễn ma”, qua những mảnh kim loại thật nhỏ màu sậm. Nhiều khi không thu được gì cả.

Đến mùa thu, thì không nghe ai nói trông thấy vật lạ nữa. Trong thông cáo ngày 10.10.1946, chính phủ Thụy-Điển nói rằng tuy phần nhiều các bản báo cáo về những vật lạ đều mơ hồ, nhưng cũng có những bản đáng tin, nhờ được ghi nhận bằng nhiều cách. Có độ 20 phần trăm trường hợp có xác tín, cho phép kết luận không phải là khí cụ phi hành của con người, mà cũng không phải là những hiện tượng thiên nhiên. Phải nghĩ là những UFO.

Năm 1948, tờ Times của Anh công bố một bản tường thuật nói những hỏa tiễn ma vẫn tiếp tục dọc ngang trên bầu trời Bắc-Âu. Các phi công hàng không dân sự của Na-Uy xác nhận tin này. Họ báo có trông thấy những vật lạ, giống như hỏa tiễn, phun lửa màu xanh, bay với tốc độ trên 10 ngàn cây số giờ, và

cách mặt đất chừng 8.000 thước.

Sau đây là một sự kiện quan trọng trong lịch sử UFO đã khiến không lực của Hoa-Kỳ phải bắt đầu chính thức quan tâm đến những tin đồn về những vật lạ bay trên không.

Kenneth Arnold là phi công dân sự. Ông ta chỉ huy một đội chữa cháy rừng ở Boise, tiểu bang Idaho. Ngày 24.6.1947, ông ta lái một chiếc máy bay nhỏ, cất cánh từ phi trường Chehalis, tiểu bang Washington, lúc 2 giờ chiều, để đi tìm một chiếc máy bay vận tải C-46 của thủy quân lục chiến, bị rơi ở một nơi nào đó trong dãy núi Cascade.

Đó là một buổi xế chiều nắng đẹp. Trời rất trong, tầm nhìn tối đa. Arnold bay được chừng một tiếng thì đến gần ngọn núi Rainier. Ông ta đảo một vòng để quan sát. Bỗng có cái gì lóe sáng bên hông máy bay của ông. Ông ta nhìn quanh, nhưng không thấy gì khác ngoài một chiếc DC-4 đang bay rất xa ở phía bên trái, không thể phát ra nguồn sáng ấy được. Ánh sáng lại lóe lên lần nữa, và lần này Arnold nhận ra hướng của nó. Ông ta ngạc nhiên nhìn thấy 9 vật sáng chói đang từ phía nam bay về hướng ngọn núi Baker. Qua chỗ những đỉnh cao, chúng tránh sang bên, nhưng vẫn luôn luôn giữa đội hình 4 cái bay trước và 5 cái bay sau. Khi chúng bay qua chỗ của ông, Arnold ngạc nhiên nhận thấy tốc độ của chúng lên đến 2.500 cây số giờ, nhanh gấp ba lần loại máy bay bay nhanh nhất lúc bấy giờ.

Arnold nhận thấy những vật kia giống như những chiếc đĩa, toàn thân bóng loáng và phản chiếu ánh mặt trời như những tấm gương. Động tác di chuyển của chúng cũng rất lạ. Chúng lướt tới rất nhanh, nhưng không êm, mà chồm lên hụp xuống như những chiếc xuống máy có tốc độ cao, chạy trên mặt biển lúc có sóng lớn. Arnold chỉ nhìn thấy chúng trong vòng 3 phút.

Tiếp theo, chỉ mười ngày sau Arnold, sự kiện lại tái diễn cũng ở gần đó. Trưa ngày 4.7, phi công trưởng E.J. Smith của hãng United Airlines, cùng viên phi công phụ là Ralph Stevens, vừa cất cánh khỏi phi trường Boise, Idaho, thì thấy 5 vật bay y như Arnold đã thấy. Nhưng chỉ một phút sau, chúng tăng tốc độ đến mức khủng

kh khiếp, vút đi, rồi phía sau lại có 4 cái nữa hiện ra, bay theo. Người ta không xác định được 9 vật bay này có phải là những cái mà Arnold đã thấy trước đó hay không.

Những cuộc điều tra về UFO

Trở lên, là những hiện tượng liên hệ đến đĩa bay đã xảy ra lâu rồi. Trở xuống, là những sự kiện mới hơn, trong vòng nửa thế kỷ trở lại đây.

Nhưng trước khi giới thiệu với các bạn những sự kiện đó, tôi xin mời các bạn nghe qua nhận định chung của các nhà khoa học về chúng.

Công cuộc điều tra về UFO chính thức bắt đầu năm 1948, khi không lực Hoa-Kỳ thiết lập kế hoạch điều tra. Ban đầu, kế hoạch được gọi là "Project Sign", sau đổi ra "Project Grudge", cuối cùng đổi thành "Project Blue Book".

Mục đích của kế hoạch là điều tra và đánh giá tất cả những bản phúc trình về "những vật bay bí mật" trong phạm vi nước Mỹ, và cả những nơi thuộc quyền của Mỹ, hoặc có quân đội Mỹ đồn trú, nhằm khám phá kịp thời những mối nguy cho an ninh quốc gia, bất luận sự đe dọa đó đến từ nước ngoài, hay từ vũ trụ.

Từ sau ngày thành lập, kế hoạch cũng đã bị chỉ trích là thiếu hiệu năng vì không đủ nhân sự là khoa học gia. Có người còn nói kế hoạch chỉ là một cách khóa lấp để trấn an quần chúng đang hoảng sợ.

Nhưng thật ra, kế hoạch *Sổ Bìa Xanh* đã tỏ ra rất hữu hiệu. Trong 18 năm hoạt động, kế hoạch đã thu thập được 12.600 phúc trình, rồi nghiên cứu để giải thích rằng hầu hết đều là những hiện tượng tự nhiên, hoặc khí cụ phi hành nhân tạo, bị ngộ nhận. Nhưng có 701 trường hợp được liệt vào loại "không biết là thứ gì".

Năm 1966, không lực Hoa-Kỳ bảo trợ một ủy ban độc lập điều tra về UFO của trường đại học Colorado. Điều khiển ủy ban này là Tiến sĩ Edward U. Condon, một nhà vật lý lỗi lạc, nguyên chủ tịch Hiệp Hội Khoa Học Tiến Bộ Hoa Kỳ. Trong 59 vụ mà ủy ban chọn ra để điều tra thật kỹ trong 2 năm 1967 và 1968, người ta nhận ra có 23 vụ, ủy ban giải thích một cách tránh né.

Trong bản phúc trình cuối cùng năm 1969, Condon kết luận rằng 21 năm rông rã nghiên cứu về UFO của ông đã không đem lại lợi ích gì cho khoa học, và e rằng có nghiên cứu thêm, cũng chẳng khác. Nhưng ông ta trấn an: "Chúng ta có thể yên chí rằng trong vòng 10 ngàn năm nữa, sẽ không có một "thứ gì" từ ngoài thái dương hệ đến thăm trái đất chúng ta". Về sau, không thấy ai bình luận gì về lời nói này của Condon.

Sau khi phúc trình của Condon được công bố, không lực Hoa-Kỳ cũng đồng ý rằng vấn đề UFO không gây nguy hại gì cho an ninh quốc gia, và cũng không có bằng chứng là những thứ ấy tới từ bên ngoài địa cầu. Thế là kế hoạch *Sổ Bìa Xanh* ngưng hoạt động, và tất cả hồ sơ của nó không thuộc bí mật quốc phòng nữa. Nhưng cũng còn lại một số ít hồ sơ được giữ kín, khiến cho những nhóm điều tra tư nhân lên tiếng yêu cầu công bố, lấy có nhân dân phải được biết tất cả.

Cho đến ngày nay, cũng còn nhiều người tin rằng những cuộc điều tra về UFO là do những viên chức cao cấp trong chính quyền kín đáo điều khiển. Nhưng thật ra không phải. Đồng thời và sau kế hoạch *Sổ Bìa Xanh*, tại Mỹ, có nhiều tổ chức tư nhân tham gia vào công cuộc điều tra về UFO. Trước sau, có đến cả chục cơ sở khác nhau. Quan trọng hơn hết là CUFOS (Center for UFO Studies: Trung tâm nghiên cứu UFO) thành lập năm 1973, đứng đầu là nhà thiên văn Tiến sĩ J. Allen Hynek. Người này đã làm cố vấn khoa học cho kế hoạch *Sổ Bìa Xanh* trong nhiều năm. Cho đến năm 1982, CUFOS đã thu thập và điện toán hóa được 70 ngàn hồ sơ từ khắp nơi trên thế giới gửi về. Trong số đó, có 80 phần trăm bị loại ra vì không có gì khó hiểu. Còn lại 20 phần trăm, cần điều tra kỹ.

Các nước khác, đáng kể nhất là Pháp, Anh, và Úc, cũng có những ủy ban tư nhân chuyên điều tra về UFO. Họ thu thập tin tức và tiến hành điều tra trong phạm vi thẩm quyền của họ. Và cho đến nay, hồ sơ về UFO của toàn thế giới nếu gom lại thì cũng đã đến mấy trăm ngàn, nhưng vẫn chưa có một vụ nào được xác định. Nhân loại vẫn phập phồng lo ngại, và vấn đề cho những "vật bay bí ẩn" ấy vượt đi. ●

Hồ-Sơ Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại

LTS: Trong mấy tháng qua, vấn-đề Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại đã là một đề-tài khá nóng trong văn-giới. Có người cho là "Văn Bút" đã hay sắp "vỡ đời", khi thấy cựu Chủ-tịch (Viên Linh) của tổ-chức này đã hết nhiệm-kỳ mà không chịu xuống, trong khi các Trung-tâm họp nhau lại, bầu ra Ban Chấp-hành lâm-thời, chuẩn-bị Đại-hội khóa 2 để bầu BCH chính-thức.

Chúng tôi xin dẫn đăng hai tài-liệu chính-thức: bản Tường-trình công-tác của phái-đoàn đại-biểu Trung-tâm Ontario Gia-nã-đại sau khi tham-dự Đại-hội Văn Bút thế-giới ở Nam California, và bản Quyết-nghị của Đại-Hội-đồng Văn Bút nhóm tại Fountain Valley ngày 26.11.1995.

Tiếp theo hai tài-liệu này là bản so-sánh và bài "Văn-Bút VNHN trong cơn bệnh ngặt" của bốn báo chủ bút.

Tường-trình công-tác của phái-đoàn Ontario trước Đại-hội-đồng Trung-Tâm Ontario ngày 3.12.1995

Số Trung-tâm về dự

Đại-hội năm nay qui-tụ 6 trong 8 Trung-tâm về dự, gồm: Ontario, Miền Đông Hoa Kỳ, Miền Nam Hoa Kỳ, Tây Nam Hoa Kỳ, Bắc California Hoa-kỳ và Âu-châu.

Các Trung-tâm vắng mặt là Québec và Sydney (Úc). Văn-hữu (VH) Trang Châu (TT Québec) viết thư cho VH Sơn Tùng, cho biết nếu Ban Chấp-hành Trung-ương không sắp-xếp ngày tiền hội-nghị để giải-quyết các vấn-đề nội-bộ trước khi vào họp chính-thức thì TT (Trung-tâm) Québec sẽ không đi. TT Sydney thì cáo lỗi vì lý-do xa-xôi quá.

Tổng-số đại-biểu hiện-tại, nếu đầy-

đủ, là 45, gồm 5 văn-hữu trong Ban Chấp-hành và 5 đại-biểu của Trung-tâm, nhân cho 8 Trung-tâm. Tuy nhiên, con số tối-đa này ít khi đạt tới. Tổng-số đại-biểu và phiếu đại-diện có mặt trong Đại hội kỳ V là 32. Tính ra đủ 2/3 theo đòi-hỏi tức-số để Đại-Hội-đồng được xem là hợp cách theo Điều-lệ.

Diễn-tiến Hội-nghị

Đại-hội không đi đến kết-quả bình-thường như mọi khi, là thảo-luận và đúc-kết công-tác, hoạch-định chương-trình làm việc và bầu Ban Chấp-hành nhiệm-kỳ mới. VH Viên Linh, Chủ-tịch Ban Chấp-hành (BCH) Trung-ương sắp mãn nhiệm, muốn ở lại chức này thêm 3 năm nữa và tìm cách khuynh-loát cuộc bầu-cử bằng việc thành-lập vội-vàng bốn trung-tâm mới, mang đến Đại-Hội-đồng đòi quyền bỏ phiếu.

Theo Điều-lệ, chỉ có Đại-Hội-đồng mới có quyền xét và thừa-nhận các Trung-tâm tân-lập. VH Viên Linh đã tự ý sửa Điều-lệ, giành quyền này cho Ban Chấp-hành. Nhiều Trung-tâm phản-đối. VH Viên Linh đổ lỗi cho VH Lưu Nguyễn (thuộc TT Québec), là Chủ-tịch Ủy ban Định-chế. VH Lưu Nguyễn không có mặt tại Đại-hội.

Đại-Hội-đồng xác-định theo Điều-lệ cũ và bản Tu-chính, sẽ biểu-quyết việc thừa-nhận các Trung-tâm mới. VH Viên Linh và các Trung-tâm mới ngăn cản không cho Đại-Hội-đồng biểu-quyết, vì thấy có vẻ không thắng phiếu. Họ đòi quyền đương-nhiên gia-nhập mà không qua biểu-quyết. VH Viên Linh mang nhiều người tới vỗ tay, làm ồn, và thậm chí cướp diễn-đàn để đòi Đại-Hội-đồng thừa-nhận vô-điều-kiện các Trung-tâm này.

Trong phiên họp thứ nhất vào ngày 25.11 tại vũ-trường Đêm Màu Hồng, khi Chủ-tọa-đoàn bắt đầu cho biểu-quyết, ý-kiến của VH Viên Linh không được đa-số chấp-nhận, ông đòi biểu-

quyết lại nhưng không được Chủ-tọa chấp-thuận, nhóm của ông đứng dậy bỏ họp đi ra. Đại-hội vẫn không vỡ, vì số đại-biểu còn lại vẫn chiếm đa-số. Một người xưng là nhân-viên khiêng bàn liền tắt đèn, cướp micro đuổi các đại-biểu ra, lấy cớ là hết giờ (dù lúc đó mới 6 giờ chiều, mà vũ-trường mở cửa lúc 10 giờ). Buổi họp tan vỡ. Đại-biểu của Ontario cương-quyết đòi Chủ-tọa-đoàn và Ban Tổ-chức phải cung-cấp chỗ họp vào 9 giờ sáng hôm sau.

VH Viên Linh chấp-thuận mở cửa trụ-sở Văn Bút Việt-nam Hải-ngoại, tuy-nhiên ông không chấp-nhận họp lúc 9 giờ sáng, nại lý-do "sớm quá". Ông định giờ họp bắt đầu lúc 12 giờ trưa.

Đúng giờ, các đại-biểu đến nơi thì trụ-sở đóng cửa. VH Viên Linh ngồi bên trong nhưng không ra tiếp các đại-biểu, chỉ dán một mảnh giấy bảo vẫn tắt là 3 giờ đến vũ-trường Đêm Màu Hồng (địa-điểm cũ).

Một số VH thân Viên Linh tại Nam California đến cửa sau của trụ-sở, cách đó chừng mười lăm bước, gặp VH Viên Linh, đề-nghị ông cho mở cửa vào họp, nhưng VH Viên Linh vẫn khăng khăng "3 giờ lại vũ-trường mà họp!"

Các đại-biểu biết VH Viên Linh muốn trì-hoãn thêm để Đại-hội không thể hoàn-tất nghị-trình. Theo chương-trình do Ban Chấp-hành ấn-định trước đó, ngày Chủ-nhật không họp, chỉ có tiệc tùng ra mắt Ban Chấp-hành mới nên nhiều đại-biểu đã lấy chuyến bay ra về để kịp đi làm hôm sau. Trong trường-hợp này thì VH Viên Linh sẽ có cơ giải-tán Đại-hội vì không đủ tức-số, cho kéo dài thêm ba tháng sau, họp lại với bất cứ tức số nào. Khi ấy thì chỉ cần 1 Trung-tâm ủng-hộ cũng xong. Ba tháng sau nếu vẫn không đắc cử, ông sẽ lại hoãn ba tháng nữa, hoãn cho tới khi nào các Trung Tâm ở xa không còn sức để theo nữa, ông sẽ thắng.

Các đại-biểu kiểm-điểm hàng ngũ, thấy đủ quá bán, liền quyết-định mượn một địa-điểm để họp cấp thời ngay vào lúc 1 giờ trưa cùng ngày. Mượn được phòng khách của một nhà văn lão thành trong vùng, các đại-biểu thảo thư mời, đồng ký tên, niêm yết tại trụ-sở và trao tận tay VH Viên Linh, nhờ ông thông-báo để mọi người cùng đến họp.

VH Viên Linh không đến họp. Phiên họp thứ hai chính-thức khai-mạc tại Fountain Valley với 4 Trung-tâm đầy-đủ là Ontario, Miền Đông, Bắc

California và Âu-châu, cùng 2 Trung-tâm không đầy-đủ là Nam Hoa-kỳ (2/5 đại-biểu) và Tây Nam Hoa-kỳ (2/5 đại-biểu).

Tính tổng cộng có 22 đại-biểu và phiếu đại-diện, tức đa-số tuyệt-đối. Với đa-số này thì Đại Hội-đồng rất mạnh, có thể giải-nhiệm Ban Chấp-hành và kể cả giải-tán tổ-chức. Tuy nhiên Đại Hội-đồng không muốn làm to chuyện nên không giải-nhiệm BCH, mà để cho BCH này tự-nhiên mãn nhiệm theo yếu-tố thời-gian vào vài giờ sau, tức hết ngày 26 tháng 11 năm 1995. BCH của VH Viên Linh nhậm chức ngày 27.11.1993, đến hết ngày 26.11.1995 đương-nhiên mãn nhiệm. Đại Hội-đồng xác-định tính-cách mãn nhiệm này và quyết-định không lựu-nhiệm BCH cũ vì đã gây ra quá nhiều lỗi-lầm, mà bầu ra Ban Chấp-hành lâm-thời nhiệm-kỳ ba tháng, với nhiệm-vụ tổ-chức tiếp khóa 2, nối kết vào Đại Hội-đồng kỳ V bị dang-dở.

Đại Hội-đồng quyết-định, mỗi Trung-tâm cử ra một người, rồi bầu một trong 6 người này vào nhiệm-vụ Chủ-tịch, 4 Phó Chủ-tịch và một người làm Trưởng ban tổ-chức Đại-hội.

VH Nguyễn Mạnh Bích thuộc Trung-tâm Âu-châu đắc cử Chủ-tịch. VH Nguyễn Nghĩa, Trung-tâm Ontario được chỉ-định làm Trưởng ban Tổ-chức và Trung-tâm Ontario được Đại Hội-đồng chỉ-thị tổ-chức Đại-hội kỳ V khóa 2.

VH Nguyễn Hương yêu-cầu Đại-Hội-đồng biểu-quyết xác-định rằng BCH Lâm-thời và cả toàn thể VH thuộc Trung-tâm Ontario không được ứng-cử vào BCH nhiệm-kỳ 1995-1998. Đại-hội-đồng biểu-quyết chấp-thuận.

VH Nguyễn Hữu Nghĩa đề-nghị, hai đơn tranh cử của các liên-danh Viên Linh/Nguyễn Thạch Kiên và Sơn Tùng/Tuệ Nga vẫn còn hiệu-lực, mặc dù lúc đó VH Viên Linh không hợp-lệ vì không còn là nhân-viên trong BCH của một Trung-tâm, theo đòi hỏi của Điều-lệ. Đây là trường-hợp đặc-biệt, Đại-Hội-đồng đã biểu-quyết chấp-thuận để tạo cơ-hội cho VH Viên Linh trở lại với Văn Bút trong danh-dự.

VH Sơn Tùng đề-nghị gia-hạn thêm 30 ngày để các VH khác có thể nộp danh ứng-cử, nếu muốn. Đại-Hội-đồng cũng biểu-quyết chấp-thuận đề-nghị này.

VH Duy Lam đề-nghị, Đại-Hội-đồng chào mừng thiện-chí gia-nhập của

các Trung-tâm mới và sẽ tiếp-tục cứu-xét việc gia-nhập trong Đại-hội Toronto. Đại-Hội-đồng thông qua đề nghị này.

Cuối cùng Đại-hội thông qua một bản Quyết-nghị, lập lại các điều đã biểu-quyết trên đây.

VH Nguyễn Mạnh Bích được giao công-tác liên-lạc với Văn-phòng thường-trực của P.E.N. International tại Anh và văn-phòng Tổng Thư-ký của hội mẹ tại Paris để giải-thích về trường-hợp này, cũng như liên-lạc với các Trung-tâm Văn Bút các nước để lấy thư chào mừng. Ngoài ra, Trung-tâm nào quốc-gia đó, cũng sẽ liên-lạc để thông-báo về sự thay-đổi này.

Đại Hội-đồng đúc-kết và chia tay lúc 6 giờ chiều. Bản Thông-cáo báo-chí và Quyết-nghị được phổ-biến rộng-rãi. Biên bản buổi họp được VH Sơn Tùng, sử-gia Phạm Kim Vinh dịch ra Anh văn, VH Nguyễn Mạnh Bích chuyển cho Văn Bút quốc-tế.

Sinh-hoạt bên phía VH Viên Linh

Trong khi Đại Hội-đồng nhóm tại Fountain Valley, VH Viên Linh cùng một số đại-biểu bị mất liên-lạc với đa-số, họp tại vũ-trường Đền Mẫu Hồng. VH Viên Linh tuyên-bố rằng ông cầm trong tay hai thư ủy-quyền của các TT Québec và Sydney, cùng lá phiếu của BCH nữa là ba. Lúc đó có một số đại-biểu của Nam-Hoa Kỳ và Tây Nam Hoa-Kỳ lạc qua Đền Mẫu Hồng nên VH Viên Linh tuyên-bố là có 5 "phiếu trung-tâm" để chống lại 4 "phiếu Trung-tâm" của Đại Hội-đồng và nương vào đó để thừa-nhận 4 Trung-tâm mới.

Điều này sai ở bốn điểm:

- Hai Trung-tâm Québec và Sydney không hề ủy-quyền cho VH Viên Linh. Hơn nữa, Điều-lệ đòi hỏi mỗi TT phải có ít nhất một đại-biểu về dự và không cho phép ủy quyền cho BCH hay một Trung-tâm khác.

- Trung-tâm Nam Hoa kỳ với một mình VH Trần Hồng Văn và 1 phiếu đại-diện, không đủ quá bán 3/5 để lấy quyền thay mặt cả Trung-tâm.

- Theo Điều-lệ và theo tiền-lệ, Đại-Hội-đồng Văn Bút VNHN tính theo phiếu đại-biểu, không đếm phiếu Trung-tâm.

- Nhóm của VH Viên Linh không đủ túc-số để họp, nên bất cứ quyết-định nào cũng không có hiệu-lực.

Việc thừa-nhận các Trung-tâm mới

cho đến nay vẫn nằm trong tay Đại Hội-đồng. VH Viên Linh không được phép sử-dụng danh-nghĩa "Văn Bút VNHN" cũng như Ban Chấp-hành. Ông đã mãn-nhiệm và không hề được bất cứ một đại-biểu nào, ngay cả bên phía ông, bỏ phiếu lưu-nhiệm. VH Viên Linh tuyên-bố khơi khơi là "ba tháng sau họp lại", lời đi không nói gì về việc ông chỉ còn nắm BCH trong vài tiếng đồng hồ nữa là hết. Dù nói hay không, VH Viên Linh chỉ còn tư-cách hội-viên, không còn quyền-hành gì nữa.

Hiện Trung-tâm Bắc California và VH Ngọc Anh, TT Tây Nam Hoa-kỳ, PCT Ban Chấp-hành lâm-thời được giao nhiệm-vụ tạm-thời bảo-quản tài-sản của Văn Bút VNHN, cũng như theo dõi sự lạm-dụng danh-nghĩa Văn Bút của VH Viên Linh. Ban Chấp-hành Lâm-thời sẽ lập-tức truy-tố trước pháp-luật nếu VH Viên Linh cố-tình làm xấu tổ-chức. Ông đã từng bị giam tù 10 về ngày tội đập-phá xe hơi của VH Vũ Thùy Hạnh, Tổng Thư-ký Trung-tâm Tây Nam Hoa-kỳ, khi ông còn làm Chủ-tịch Trung-tâm này. Luật-pháp Hoa-kỳ sẽ không nương tay, nếu ông cố-tình phạm-pháp lần thứ hai.

Sau ngày Đại-hội, VH Viên Linh đã tung ra nhiều truyền-đơn chụp mũ VH Nguyễn Hữu Nghĩa là "ré VC", "chối bỏ quốc-kỳ, quốc ca", bảo VH Nguyễn Nghĩa là "em cùng cha khác mẹ" của Nguyễn Hương, v.v. Sở-dĩ VH Viên Linh nhắm vào ba người này vì thấy Đại-Hội-đồng chỉ-thị cho TT Ontario tổ-chức Đại-hội. Việc chụp mũ và xuyên-tạc xảy ra khá thường-xuyên trong cộng-đồng, nhưng đây là lần đầu tại Văn Bút, một tổ-chức văn-hóa và nhân-quyền.

VH Viên Linh cũng đã sai đàn em áp-lực để VH Nguyễn Thạch Kiên, Chủ-tịch TT Tây Nam Hoa-kỳ, ký giấy cách chức Tổng Thư-ký của VH Cao My Nhân về tội gọi là "ca ngợi Hoàng Phủ Ngọc Tường" xảy ra cách đây hơn một năm, nhưng kỳ thực là về tội bỏ Viên Linh đi họp với Đại-Hội-đồng. VH Cao My Nhân đã khiếu-nại mọi nơi về sự xuyên-tạc và xâm-phạm quyền tự-do phát-biểu của bà.

Riêng VH Nguyễn Thạch Kiên sau khi bị ép ký, tuyên-bố là đã làm đơn xin từ-chức.

(Bản báo-cáo ký tên Nguyễn Nghĩa - Trưởng phái-đoàn, cùng Nguyễn Hương và Nguyễn Hữu Nghĩa, đại-biểu).

BẢNG SO-SÁNH VÀ NHẬN-ĐỊNH QUYẾT-NGHỊ CỦA ĐẠI HỘI-ĐỒNG VĂN BÚT VNHN KỲ V (ĐA-SỐ TUYỆT-ĐỐI) VÀ THÔNG-CÁO CỦA CHỦ-TỌA-ĐOÀN BAN CHẤP-HÀNH MÃN-NHIỆM CỦA VH VIÊN LINH.

ĐẠI HỘI ĐỒNG VĂN BÚT VIỆT NAM HẢI NGOẠI KỲ 5

nhóm tại quận Orange, California, Hoa kỳ ngày 25, 26 tháng 11 năm 1995

QUYẾT NGHỊ

Xét vì: Ban chấp hành 1993-1995 đã tổ chức Đại Hội Đồng Văn Bút Hải Ngoại kỳ V nhưng không làm tròn nhiệm vụ, như:

- Không sắp xếp đủ thời gian để họp đủ đã được các Trung Tâm thành viên nhắc nhở liên tục trước ngày đại hội.

- Trì hoãn giờ khai mạc đại hội, giờ khai mạc đại hội đồng, giờ khai mạc phiên họp thứ nhì.

- Không bảo vệ trật tự và tính cách biệt lập khiến đại hội đồng không thể tiến hành các thủ tục hội nghị.

- Không cung cấp chỗ họp như đã công bố vào chiều ngày 25 tháng 11 năm 1995.

chiếu: điều 22 của bản Điều Lệ Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, 4 trung tâm: Ontario, Miền Đông Hoa kỳ, Bắc California, Âu châu và một số đại biểu của các trung tâm Tây Nam Hoa kỳ, Miền Nam Hoa kỳ quyết định tiếp tục họp vào lúc 1 giờ trưa ngày 26 tháng 11 năm 1995 tại quận Orange, California.

đồng thanh quyết nghị:

1. Văn Bút VNHN khẳng định lập trường quốc gia dân tộc, tôn trọng tự do dân chủ, nhân quyền và chống lại mọi hình thức độc tài theo đúng tinh thần Hiến chương Văn Bút quốc tế và bản Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền.

2. Xác định nhiệm kỳ của Ban Chấp Hành 1993-1995 chấm dứt từ lúc 12 giờ đêm ngày 26 tháng 11 năm 1995.

3. Chỉ định Ban Chấp Hành Lâm Thời, nhiệm kỳ tối đa ba (3) tháng (từ 26.11.95) gồm:

- Chủ tịch: Văn hữu Nguyễn Mạnh Bích (trung tâm Âu châu)

- Phó chủ tịch: Văn hữu Vũ Quang Trân (trung tâm Bắc California)
Văn hữu Nghiêu Minh (trung tâm Miền Đông Hoa kỳ)
Văn hữu Ngọc Anh (trung tâm Tây Nam Hoa kỳ)
Văn hữu An Phong Nguyễn Văn Diễn (trung tâm Nam Hoa kỳ)

- Trưởng ban Tổ chức Đại Hội Văn Bút VNHN kỳ V khoá 2:

Văn hữu Nguyễn Nghĩa (TT Ontario)

4. Ban Chấp Hành Lâm Thời có nhiệm vụ tổ chức Đại Hội Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại kỳ V khoá 2 trong vòng 3 tháng (từ ngày 27.11.95) tại Toronto, Canada để bầu ban chấp hành nhiệm kỳ 1995-1998 và giải quyết các vấn đề nội bộ của tổ chức. Ban Chấp Hành Lâm Thời và Trung Tâm tổ chức Đại hội không được quyền ứng cử vào nhiệm kỳ 1995-1998.

5. Các đơn ứng cử của các liên danh Viên Linh - Nguyễn Thạch Kiên và Sơn Tùng - Tuệ Nga vẫn tiếp tục có hiệu lực.

Đại Hội Đồng gia hạn thêm 30 ngày để các liên danh khác (nếu có) tiếp tục nộp đơn ứng cử.

Hạn chót nộp đơn là: 27.12.1995.

Địa chỉ nộp đơn là: 25 rue du Champ Fleuri, 67960 Entzheim, France.

Ban Chấp Hành Lâm Thời có nhiệm vụ công bố và xác định các đơn ứng cử, trễ nhất là ngày 12.1.1996.

6. Chào mừng thiện chí gia nhập với mục đích xây dựng của các trung tâm tân lập, sẽ thảo luận và biểu quyết việc hợp thức hoá của các trung tâm này trong Đại Hội kỳ V khoá 2.

Làm tại Fountain Valley, California ngày 26 tháng 11 năm 1995

(4 Trung-tâm Ontario, Miền Đông, Bắc Califotnia và Âu-châu

2 đại-biểu Tây Nam HK, 2 đại-biểu Nam HK và VH Duy Lam, cố-vấn TT Tây Nam HK)

Chủ-tọa: VH Trương Sĩ Lương, PCT Trung-tâm Nam Hoa-kỳ

THÔNG-CÁO CỦA CHỦ-TỌA-ĐOÀN ĐẠI-HỘI VĂN BÚT

Chủ-tọa-đoàn Đại-hội Văn Bút kỳ V họp tại Garden Grove, California trân-trọng thông-cáo: Đại-hội Văn Bút kỳ V nhóm họp trong hai ngày 25 và 26 tháng 11 năm 1995 đã phải dời ngày họp vì không đủ túc-số. Sự bất-đồng trong vấn-đề thừa-nhận 4 trung-tâm mới đã khiến Đại Hội không thể tiếp-tục sang ngày thứ hai.

Chiếu theo điều 14b, chương 4 và điều 16, chương 4 của bản Điều-lệ, thì "Đại-hội phải do ban Chấp-hành đương-nhiệm tổ-chức" và "Nếu Đại Hội Đồng không đủ túc-số, một kỳ họp khác sẽ được triệu-tập sau đó trong vòng ba tháng và được coi là hợp-lệ, không kể số thành-viên (Trung-tâm) tham-dự là bao nhiêu", do đó, Đại-hội kỳ V sẽ được tái nhóm căn-cứ các khoản trên. Ban chấp-hành đương-nhiệm sẽ thông-báo ngày giờ của kỳ tái nhóm trong một thông-cáo sau.

Làm tại Little Saigon ngày 26.11.1995

Chủ-tọa đoàn: TS Trần Hồng Văn, Chủ-tịch
Ký giả Nguyễn Hiền, thành-viên.

Ghi-chú:

Chủ-tọa:

VH Trần Hồng Văn,
CT TT Nam Hoa-kỳ

SO-SÁNH

Trong khi Đại Hội-đồng họp ở Fountain Valley, ông Viên Linh đã không làm tròn nhiệm-vụ là thông-báo địa-điểm họp mới, mà vẫn bám cứng lấy Đêm Màu Hồng, dù ông biết chắc rằng chỉ có mặt ông, 4 Trung-tâm mới và một số đại-biểu vì mất liên-lạc, không đến được với Đại Hội-đồng.

Trong khi Đại Hội-đồng ra được một bản Quyết-nghị với đa-số tuyệt-đối, ông Viên Linh chỉ ra được một bản Thông cáo.

Một điểm giống nhau:

Xét về nội-dung, cả hai bản Quyết-nghị (của Đại Hội-đồng) và Thông-cáo (của ông Viên Linh) có một điểm giống nhau, là cùng cho biết Đại-Hội-đồng kỳ V sẽ tái nhóm ba tháng sau.

Các điểm khác biệt:

- Thông-cáo của ông Viên Linh ghi nhận "Đại-hội phải do BCH đương-nhiệm tổ-chức" (trộn câu là *Đại-hội phải do BCH đương-nhiệm tổ-chức vào các tháng cuối nhiệm-kỳ*). Ông Viên Linh trích ngang nửa câu, có ý nhấn mạnh ở hai chữ "đương-nhiệm".

Nhưng hiện *ban chấp-hành đương-nhiệm chính là Ban Chấp-hành Lâm-thời do Đại Hội-đồng bầu ra* hôm 26.11 tại Fountain Valley, do VH Nguyễn Mạnh Bích làm chủ-tịch.

Ban Chấp-hành do ông Viên Linh làm chủ-tịch *đã mãn-nhiệm*. Ban Chấp-hành Viên Linh, nhiệm-kỳ 1993-1995, nhậm chức ngày 27.11.1993 đến hết ngày 26.11.1995 đương-nhiệm mãn-nhiệm, nếu không được Đại Hội-đồng biểu-quyết lưu-nhiệm.

Trong buổi họp 26.11 tại Đêm Màu Hồng và trong bản Thông-cáo, ông Viên Linh không hề được một đại-biểu nào đề-nghị lưu-nhiệm. Ngược lại, tại Fountain Valley, Đại Hội-đồng đã bầu ra Ban Chấp-hành Lâm-thời nhiệm-kỳ 3 tháng để lo tổ-chức khóa 2, nối tiếp vào Đại-Hội-đồng kỳ V bị gián-đoạn.

Hiện nay ông Viên Linh chỉ còn là một hội-viên thường, theo Điều-lệ không được ứng-cử chức chủ-tịch, nhưng Đại-Hội-đồng nhân-nhuộm cho

phép liên-danh Viên Linh-Nguyễn Thạch Kiên được đặc-cách hợp-lệ trong kỳ bầu-cử sắp tới.

- Ông Viên Linh quan-niệm, khóa 2 của Đại-hội-đồng kỳ V sẽ "*không kế-túc-số*", nghĩa là chỉ cần 1 Trung-tâm tham-dự cũng "*được coi là hợp-lệ*."

Ông Viên Linh nói lên điều này vì ông chỉ dám hi-vọng vào 1 Trung-tâm (Trung-tâm Tây Nam Hoa-kỳ?) ủng-hộ ông mà thôi. Ông trông vào tinh-thần địa-phương, mong rằng anh em Văn Bút sinh sống tại Nam California sẽ đặt tinh-thần địa-phương lên trên quyền-lợi của tổ-chức và tổ-quốc mà bỏ phiếu ủng-hộ ông, bất-chấp những điều sai quấy ông đã làm trong suốt 20 năm nay tại địa-phương.

- Về các Trung-tâm tân-lập, Đại-Hội-đồng quyết-nghị chào mừng thiện-chí gia-nhập, sẽ thảo-luận và biểu-quyết việc hợp-thức-hóa các Trung-tâm này trong Đại-hội kỳ V khóa 2 sắp tới.

Thông-cáo của ông Viên Linh không đề-cập việc này. Trước đó trong buổi họp tại Đêm Màu Hồng ngày 26.11, ông Viên Linh đã nhân danh Chủ-tịch BCH, tuyên-bố công-nhận 4 Trung-tâm mới và yêu-cầu mọi người vỗ tay.

Cử-chỉ này đã bị VH Trần Hồng Văn "chỉnh" ngay tại Đêm Màu Hồng, đại ý rằng ông Viên Linh đã biết rằng bản Điều-lệ đã bị cạo-sửa, giao quyền cho Ban Chấp-hành thừa-nhận các Trung-tâm, là một điều sai, nay ông lại tiếp-tục lập lại cái sai ấy một lần nữa khi khơi khơi tuyên-bố thừa-nhận các trung-tâm mới!

NHẬN-ĐỊNH

Nguyên-nhan sâu-xa để Đại-Hội-đồng Văn Bút kỳ V vừa qua bị gián-đoạn là vì ông Viên Linh tham-quyền cố-vị, đã tìm đủ mọi cách, dù có thể làm đổ vỡ tổ-chức, để tiếp-tục ngồi ghế chủ-tịch.

Từ tham-vọng đó, ông Viên Linh đã chen vào khuấy-phá nội-bộ các Trung-tâm không ủng-hộ ông, mong lật-đổ các ban chấp-hành Trung-tâm để đưa đàn em vào. Điển-hình là vụ

dùng tài-liệu của VH Nguyễn Ngọc Bích để phá Trung Tâm Miền Đông và vụ phá Đại-hội Văn-hóa Dân-tộc Quốc-kháng 30.4 của TT Bắc Cali.

Ông Viên Linh đã tận-lực khai-thác những bất-hòa trong văn-giới, cung-cấp tin-tức sai-lạc khiến một số người lầm mưu, viết bài lăng-mạ Văn Bút.

Ông Viên Linh thành-lập vội-vàng một số Trung-tâm mới, không cần xét tư-cách của một số người bất xứng, cốt để có thêm cử-tri bỏ phiếu cho mình và khuynh-loát Đại-hội.

Bị Điều-lệ ngăn-cản, ông Viên Linh cạo-sửa cho hợp ý, khi bị phát-giác thì đổ lỗi cho người vắng mặt.

Ông Viên Linh chủ mưu phá vỡ Đại-Hội-đồng ngay từ khi chưa nhóm, bằng cách:

- Khăng-khăng từ-chối tiền-đại-hội, ngăn không cho giải-quyết các vấn-đề nội-bộ trước khi chính-thức vào họp.

- Loại Trung-tâm Âu-châu bằng cách không gửi thư mời họp.

- Sắp-xếp giờ họp rất ngắn, chỉ có một buổi chiều khiến không thể đi hết nghị-trình.

- Ngăn cản không cho Đại Hội-đồng biểu-quyết.

- Khi không còn ngăn được, đã chấp-nhận biểu-quyết lại phủ-nhận kết-quả khi thấy ý của ông không được đa-số chấp-nhận.

- Đòi biểu-quyết lại không được, ông Viên Linh sai đàn em tắt đèn, đuổi cả Hội-nghị.

Sang ngày Thứ Hai, ông Viên Linh không cung-cấp chỗ họp, và cố-tình lùi giờ họp thêm 3 tiếng nữa.

Khi các Trung-tâm tìm ra chỗ khác để họp ngay, ông Viên Linh nhận được giấy mời nhưng không thông-báo khiến một số đại-biểu không biết. Bản thân ông cũng không đến họp.

Sau khi Đại Hội-đồng họp xong, ông vẫn ngoan-cố ra Thông-cáo riêng, chống lại Quyết-nghị của Đại Hội-đồng.

Ông Viên Linh Áp-lực VH Nguyễn Thạch Kiên phải khai-trừ VH Cao My Nhân vì tội đi họp Đại-Hội-đồng.

Ông Viên Linh tiếp-tục mao-xung Văn Bút, sử-dụng trụ-sở của Hội. ●

Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại Trong Cơn Bệnh Ngặt

Nguyễn Hữu Nghĩa

Triệu-chứng

Trong mấy tháng nay, Văn Bút lên mặt báo hơi nhiều. Bên cạnh những bản thông-cáo khô-khan nặng-nề là những bài viết đôi khi nhảm-nhí, đôi khi khôi-hài, nhưng hầu hết đều bốc lửa. Một vài bài có những lời-lẽ khiến những người chuyên đi chửi thuê cũng phải đỏ mặt. Đó là những triệu-chứng thông-thường của một căn bệnh ngặt.

Ngày 25 tháng 11 năm 1995, mấy chục đại-biểu của các trung-tâm Văn Bút tề-tụ về miền Nam California nắng ấm để phó hội, gọi là Đại Hội Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại kỳ V.

Khác với bốn kỳ Đại-hội trước, đại-biểu được ban tổ-chức nếu không tiếp-rước vui-vẻ tại phi-trường, thì cũng chào mừng ấm-áp trong không-khí văn-nghe tại một cơ-sở nào đó, hàng quán hay tư-gia. Nhưng lần này thì không. Mọi người ngơ-ngác tìm nhau, hỏi thăm người quen tại địa-phương, ngay cả gọi viễn-liên về trú-quán của từng người để hỏi: "Anh ấy ở đâu? Chị ấy trọ nơi nào? Có gọi về không? Số phòng bao nhiêu, vân vân và vân vân."

Nhưng đó là chuyện của phái-đoàn 5 Trung-tâm từ xa về. Trung-tâm Tây Nam Hoa-kỳ tại địa-phương không phải tiếp-đón ai, vì tuy ở địa-phương nhưng không hề được giao cho công-tác nào trong ban tổ-chức. Ban tổ-chức là đại gia-đình của ông Chủ-tịch Viên Linh và một người trong Ban Chấp-hành là nhạc-sĩ

Nguyễn Hiền.

Trong khi ban tổ-chức đồn hết sức để chiêu-đãi các trung-tâm tân-lập thì 5 Trung-tâm cũ và Trung-tâm địa-phương dò-dẫm tìm nhau. Cuối-cùng cũng gặp, dù rất muộn, dù rất khó-khăn. Một bữa ăn đơn-sơ được một số anh em góp nhau để trả. Một góc quán ồn-ào ở thành-phố Westminster, cách nhà ông Chủ-tịch chừng hai phút xe hơi. Tất cả chỉ có hai mươi người, nhưng ngay sau đó được tin đồn phóng-đại thành hai trăm người, rồi hôm sau, "chúng nó" thành ...bốn trăm chín mươi người!

Cơm nước xong, anh em được nhà văn Nguyễn Thạch Kiên cho phép sử-dụng một phòng họp nơi ông đang làm việc, để anh em thảo-luận về một số vấn-đề dự-kiến. Mọi người băn-khoăn trước không-khí khác lạ của một kỳ Đại-hội, lơ-mờ cảm thấy sẽ phải làm việc nhiều trong hai ngày tới để giữ cho tổ-chức được toàn-vẹn và đứng vững...

Diễn-tiến Hội-nghị

Phần này xin quý độc-giả xem lại bài "Tuồng-trình công-tác," trang 120 trong số này. Đây là tài-liệu chính-thức của phái-đoàn Văn Bút Ontario, báo-cáo trước Đại-Hội-đồng Trung-tâm ngày 3.12.1995 vừa qua.

Nhận-định của một văn-nghe-sĩ ngoài Văn Bút

Một số văn-nghe-sĩ không phải là

hội-viên Văn Bút, nhưng quan-tâm đến sinh-hoạt của hội, đã trình-bày quan-điểm liên-quan vấn-đề.

Nhà văn Trần Ngân Tiêu ở Florida, bình bút của tờ *Dân-chủ mới* trong bài *Văn Bút Việt-Nam Hải-ngoại khủng-hoảng trầm-trọng*, nhận-định rằng, nguyên-nhân của sự khủng-hoảng là do mâu-thuẫn nội-bộ về lập-trường, thể-thức làm việc, nghị-trình đại-hội và bầu-cử.

Các điểm mâu-thuẫn này đã không được giải-quyết thỏa-đáng vì Ban Chấp-hành của ông Viên Linh không có khả-năng tổ-chức và điều-hành hội-nghị. Nhưng đó không phải là nguyên-nhân chính gây ra khủng-hoảng. Thi-sĩ Trần Ngân Tiêu viết:

"Dư-luận cho rằng Đại-hội văn Bút kỳ V đổ-vỡ không phải chỉ vì khả-năng tổ-chức kém-cỏi luộm-thuộm mà còn vì một số người cứ đòi ngồi chồm-hổm lên Điều-lệ, nguyên-tắc và truyền-thống tốt-đẹp của Văn Bút, cố ý đưa đến bế-tắc nếu không lời-kéo được Đại-hội theo chiều hướng của phe mình."

Vì vậy Đại-hội đã diễn ra như cái chợ cá, khiến phẩm-cách cao-quí của 'văn-nhân thi-sĩ' xuống thấp đến mặt đất. Có những hội-viên đứng-đắn dự Đại-hội, nhưng họ cũng không thể cứu-vãn được tình-trạng tồi-tệ và cảm thấy mình bị dìm bùn lầy một cách lãng nhách."

Sự bất phục của đa-số các Trung-tâm đối với Ban Chấp-hành trung-ương, thi-sĩ Trần Ngân Tiêu nhận-định rằng, nó đã thành hình từ lâu trước ngày Đại-hội và trước khi có người nộp đơn ứng-cử, do các hành-động của ông Viên Linh như đến ngâm thơ mừng pháp-sư Thanh Hải, như nhận 200 đô tiền thưởng để bà này đổi tên "Văn Bút Việt-Nam Hải-ngoại" thành "Văn Bút Âu-lạc", như bê trễ trong vụ đệ-trình dự-thảo nghị-quyết Văn-nghe-sĩ bị cầm tù cho Văn Bút quốc-tế, như tuyên-bố trên đài RFI ngỏ ý mở cửa đón các nhà văn CS tham-gia Văn Bút, như mang theo cán-bộ giao-lưu Đỗ Khiêm đi Tiệp-khác dự Đại-hội Văn Bút quốc-tế, v.v.

Ông Viên Linh biết rõ không còn được sự tín-nhiệm của các Trung-tâm cũ, nên đã cho lập cấp-tốc 4 Trung-tâm mới, nài-nỉ họ bỏ phiếu cho ông. Vương vào thủ-túc hợp-thức-hóa, ông Viên Linh không ngần-ngại cạo-sửa Điều-lệ, trao quyền thừa-nhận cho "Ban Chấp-hành". Nội-vụ đổ bể, ông Viên Linh đổ cho người khác. Nhận-định về vụ này, nhà văn Trần Ngân Tiêu viết:

"Chuyện cạo sửa Điều-lệ đã quá rõ nhưng ông (VL) không chịu trách-nhiệm. Ông đổ vấy cho Lưu Nguyễn (Ủy ban Định-chế trong BCH của ông), ông không có lỗi gì cả!

Thế thì ông làm chủ-tịch để làm gì? Nếu lý-luận như ông thì việc mất VNCH đâu phải lỗi của Nguyễn Văn Thiệu, lỗi mấy thằng cấp dưới đây chứ?"

Nhà văn Trần Ngân Tiêu viết tiếp: "Sau thất bại của Đại-hội dù cho nguyên-nhân ruồi bu kiến đậu nào chẳng nữa thì nhà thơ Viên Linh là người đầu-tiên chịu trách-nhiệm vì ông là chủ-tịch; vì ông là người tổ-chức và ông thất-bại trong vai trò cầm cân nảy mực Văn Bút VNHN.

Ông sẽ không thể ngăn được sự phê-phán của miệng lưỡi thiên-hạ, chẳng hạn như: chỉ có 8 Trung-tâm phe ta với nhau mà ông điều-khiển không nổi thế mà ông đòi mở cửa đón nhận các 'anh em' văn-nhân CS trong nước vào nữa thì ông điều-khiển sao

nổi?"

Ông phát-triển Văn Bút bằng cách thành-lập các Trung-tâm cấp tiểu-bang tại Hoa-kỳ và gom lại nó to bằng cái chợ Cầu Ông Lãnh thì với khả-năng như thế làm sao ông điều-khiển nổi?"

Nhận-định về việc ông Viên Linh lừa cả các Trung-tâm mới, trao cho họ bản Điều-lệ đã cạo-sửa, nhà văn Trần Ngân Tiêu viết:

"Việc mời các Trung-tâm tân-lập về dự Đại-hội (khi chưa được chính-thức chấp-nhận) để đưa đẩy họ đến một tình-trạng chẳng ra làm sao, là một việc thiếu thận-trọng và bất kính.

Trách-nhiệm sơ-khởi là của Chủ-tịch Viên Linh, vì khi thấy trở-ngại đã không cân-nhắc hậu-quả có thể làm tổn-thương đến họ.

Ngay cả khi chuyện cạo-sửa Điều-lệ đã được phơi-bày, ông vẫn cho là mình không có gì sai-quấy.

Có lẽ ông coi chuyện tranh thắng quan-trọng hơn cái danh-dự của các nhà văn 'lão thành và tấm tiếng' (chữ của ông VL) của các Trung-tâm mới."

Nhận-xét về thành-phần nhân-sự trong các Trung-tâm tân-lập, nhà văn Trần Ngân Tiêu viết:

"Nhìn danh-sách hội-viên của 3 Trung-tâm tân-lập tại Hoa-kỳ, trung ở Đại-hội, có người bật cười vì nó tiểu-lâm-lâm.

Thành-lập Trung-tâm cấp tiểu-

bang nhưng ông này ở Chicago lại là Phó Chủ-tịch của Trung-tâm Florida. Hai bà kia ở California lại là hội-viên của Georgia và Louisiana. Hai ba ông kia ở Texas cũng đồn về Louisiana. Người ta không hiểu quí vị văn-nhân thi-sĩ 'lão thành và tấm tiếng' này muốn diễn trò gì. Hay đó là lực-lượng tổng trừ-bị của chủ-tịch Viên Linh đem xuống để bổ-sung cho đủ túc-số để lèo-lái các Trung-tâm tân-lập?"

Để kết-luận bài viết dài hơn ba trang báo, nhà văn Trần Ngân Tiêu kêu-gọi 8 Trung-tâm Văn Bút ở Úc, Âu và Mỹ-châu đứng lên nhận trách-nhiệm, củng-cố và phục-hồi tổ-chức. Ông viết:

"Văn Bút VNHN tuy nát bét nhưng còn có thể cứu-vãn để phục-hồi uy-tín.

Những vị đóng vai-trò then-chốt để cứu vãn Văn Bút là các vị đại-diện 8 Trung-tâm trong Văn Bút, vì sự việc đã đi quá tầm tay của chủ-tịch Viên Linh rồi. Nếu thất-bại thì trách-nhiệm của 8 vị Chủ-tịch trong Văn Bút cũng không nhỏ.

Cái phẩm-chất của Văn Bút cần được phục-hồi, vì dù thế nào đi nữa, Văn Bút VNHN là cơ-quan đại-diện chính-thức cho Việt-nam trước quốc-tế, là một cơ-quan đóng vai-trò cao-quí mà chỉ những người tự xét thấy mình có đủ tầm-vóc khoác áo văn-học nghệ-thuật để duy-trì và phát-triển văn-hóa dân-tộc mới xin gia-nhập."

Nhận-xét của một nhà văn không có thành-kiến với Viên Linh

Nhà văn An Phong Nguyễn Văn Diễn, Tổng Thư-ký Nam Hoa-kỳ, trong bài Đại-hội Văn Bút VNHN kỳ V tại California và những sự thực cần phải nói, đăng trên báo Thế-giới mới phát-hành tại Texas, cho thấy ông là một người không có thành-kiến với Viên Linh. Trước khi lên đường phó hội, ông định sẽ bỏ phiếu cho Viên Linh: "Trên phương-diện tình-cảm, đa-số anh em vẫn nghĩ là nên bầu lại cho VH Viên Linh thêm một nhiệm-kỳ



Mời đại-biểu tới họp rồi khóa cửa trụ-sở không cho vào

nữa, vì nhiệm-kỳ 2 năm quá ngắn, VH Viên Linh chẳng thể làm gì được."

Tại Nam California, sau hơn 4 tiếng đồng hồ ngồi họp (với tư-cách thành-viên Thư-ký-đoàn), nhà văn An Phong Nguyễn Văn Diễn nhận-xét:

"Tất cả hành-động của VH Viên Linh và bạn-bè của ông trong suốt buổi họp Đại-Hội-đồng, người viết thấy đầy mâu-thuẫn, có tình kéo dài thời-gian cho hết giờ, sau đó lại có nhiều người 'bên ngoài' đòi lại hội-trưởng, tắt đèn để đuổi, v.v."

Về vụ ông Viên Linh lấy quyền Chủ-tịch Ban Chấp-hành (vi-phạm Điều-lệ) thừa-nhận 4 Trung-tâm tân-lập tại Đêm Màu Hồng hôm 26.11.1995, trong buổi họp với 4 đại-biểu còn lại, nhà văn An Phong Nguyễn Văn Diễn khẳng-định:

"Việc thừa-nhận này đã hoàn-toàn sai với Điều-lệ Văn Bút VNNH, bởi vì chỉ có Đại-Hội-đồng mới có quyền xét và thừa-nhận tân Trung-tâm. Chính VH Viên Linh trong buổi họp hôm trước cũng đã công-nhận chỉ có Đại-Hội-đồng mới đủ thẩm quyền chấp-nhận những tân Trung-tâm, bây giờ lại nói ngược lại!"

Để giành phần thắng, VH Viên Linh tuyên-bố sẽ tổ-chức họp Đại-Hội-đồng ba tháng tới tại California, gồm có Ban Chấp-hành trung-ương (đã mãn nhiệm) cùng 4 Trung-tâm tân-lập, và tổ cáo 4 Trung-tâm Ontario, Đông Hoa-kỳ, Bắc California và Âu-châu (thực ra là 6,

vì có 2 Trung-tâm Nam và Tây-Nam Hoa-kỳ nữa) là 'bọn ly-khai', sẽ đưa họ ra tòa!"

Về vụ ông Viên Linh đóng cửa trụ-sở không cho các đại-biểu vào họp lúc 12 giờ trưa Chủ-nhật 26.11 như đã tuyên-bố trước Đại-Hội-đồng chiều hôm trước, nhà văn An Phong Nguyễn Văn Diễn tường-thuật và cho biết cảm-tưởng của ông:

"Hôm sau, đúng 12 giờ trưa, mọi người có mặt tại trước phòng hội Văn Bút thì tại đây cửa đóng then cài, bên ngoài có dán mảnh giấy nhỏ viết nguệch-ngoạc mấy chữ: "Xin mời các văn-hữu trở lại Đêm Màu Hồng lúc 3 giờ chiều nay."

Tất cả mọi người có mặt ở đó gồm 4 Trung-tâm có Chủ-tịch, còn 2 Trung-tâm không có Chủ-tịch nhưng có Phó Chủ-tịch hoặc Tổng-Thư-ký.

Tất cả lấy làm khó chịu vô cùng trước việc làm cố tình phá-hoại Đại-Hội-đồng khi VH Viên Linh dời phiên họp lại lúc 3 giờ chiều, bởi vì 4 giờ là giờ họp báo.

Họp lúc 3 giờ (chưa kể họp trễ) là vô-lý, không thể bàn thảo, bầu-bán gì được cả. Đó là chưa kể nhiều đại-biểu phải lên máy bay để về vào chiều Chủ-nhật.

Ở cuối bài, nhà văn An Phong Nguyễn Văn Diễn cho biết, Trung-tâm Nam Hoa-kỳ, nơi ông làm Tổng Thư-ký, đã họp Đại-Hội-đồng Trung-tâm hôm 3.12.1995, quyết-định tán-thành việc làm của Đại-Hội-đồng Văn Bút tại Fountain Valley, đồng-

thời giúp-đỡ Trung-tâm Ontario hoàn-thành trách-nhiệm tổ-chức khóa 2 của Đại-hội kỳ V vừa qua.

Trung-tâm Ontario được giao trách-nhiệm tổ-chức, và đã chọn Houston làm nơi họp, vì cuối tháng 2 thời-tiết tại Gia-nã-đại giá lạnh khủng-khiếp.

Theo thông-cáo chung ký giữa hai Trung-tâm Ontario và Nam Hoa-kỳ, Trung-tâm Nam Hoa-kỳ cung-cấp địa-điểm, hội-trưởng, âm-thanh ánh-sáng, di-chuyển địa-phương. Trung-tâm Ontario chịu trách-nhiệm về chương-trình, kỷ-yếu và tài-liệu hội-ng nghị. Tiểu-ban bầu-cử do Trung-tâm Âu-châu đảm-trách.

Để kết-luận, nhà văn An Phong Nguyễn Văn Diễn tái xác-nhận là ông từng có cảm-tình với ông Viên Linh, nhưng...

"Lúc ra đi, tôi cũng như các anh em Trung-tâm Nam Hoa-kỳ rất có cảm-tình với VH Viên Linh, định bầu cho anh làm thêm một nhiệm-kỳ nữa.

Tuy-nhiên, chúng tôi đã thất-vọng quá nhiều về anh và thấy nhóm 'bốn' Trung-tâm Ontario, Đông Hoa-kỳ, Bắc California và Âu-châu làm việc rất khoa-học, có tổ-chức, đúng-đắn, có lý có tình... dù không yêu, chúng tôi cũng phải yêu..."

Chẳng riêng gì chúng tôi, 2 VH Cao My Nhân và Ngọc Anh thuộc Trung-tâm Tây Nam Hoa-kỳ cũng cảnh-ngộ như chúng tôi và cũng quyết-định như chúng tôi.

Riêng VH Nguyễn Thạch Kiên,



Các đại-biểu từ xa về dò-dẫm tìm gặp nhau trong một bữa ăn tối. Từ trái sang phải: Phạm Quang Trình (Chủ-tịch Trung-tâm Bắc California), Cung Vũ (Ontario), Vũ Quang Trân (Bắc California), An Phong Nguyễn Văn Diễn (Nam Hoa-kỳ), Trần Hồng Văn (Chủ-tịch TT Nam Hoa-kỳ), Đào Vĩnh Tuấn (Nam Hoa-kỳ), Trương Sĩ Lương (Nam Hoa-kỳ)

Chủ-tịch Trung-tâm Tây Nam Hoa-kỳ (người ứng-cử Phó Chủ-tịch trong liên-danh Viên Linh) tôi nghe anh than 'khổ lắm', 'thời dành rút lui cho khỏi mệt'. Rõ-ràng là anh có tâm-sự nhưng không thể nói ra!..."

Nỗi-niềm u-ẩn của nhà văn Nguyễn Thạch Kiên đã được bộc-lộ.

Trong cuộc điện-đàm với tôi (NHN) hôm 30.1, ông cho biết đã bị các ông Viên Linh và hai người nữa ngoài Văn Bút, ép ký thông-cáo cách chức Tổng Thư-ký Trung-tâm Tây Nam Hoa-kỳ của nhà thơ Cao My Nhân. Ông cũng biết là ông không có quyền đó. Về lý, các chức-vụ trong Ban Chấp-hành Trung-tâm là do Đại-Hội-đồng Trung-tâm bầu lên, và không ai khác ngoài Đại Hội-đồng Trung-tâm có quyền giải-nhiệm.

Nhà thơ Cao My Nhân cũng không làm điều gì nên "tội", ngoài chuyện đưa thư mời họp của Đại-Hội-đồng cho Viên Linh, và đi họp với khối đa-số tại Fountain Valley hôm 26.11 vừa qua. Lý-do Viên Linh nại ra để cách-chức là Cao My Nhân đã khen thơ Hoàng-phủ Ngọc Tường khá nhất trong đám bồi bút trong nước. Nhận-xét này bà nói tại Đức cách đây hơn một năm, và bây giờ, sau khi bà dứt-khoát đứng về phía đa-số và lẽ phải, người bạn mấy mươi năm của bà là Viên Linh mới lòi ra để "xử" khiếm-diện và cách chức.

Hiển-nhiên là bản thông-cáo của nhà văn Nguyễn Thạch Kiên và quyết-định "cách chức" nhà thơ Cao

My Nhân hoàn-toàn vô-giá-trị.

Ông Nguyễn Thạch Kiên nói thêm rằng ông rất ân-hận về chuyện đó, vì ngoài lý, ông cũng hổng về tình. Ông tâm-sự rằng ông xem Cao My Nhân như em gái, và chuyện cách chức lẫn nhau chưa hề xảy ra trong Văn Bút.

Nhà văn Nguyễn Thạch Kiên cho biết, ông đã viết thư từ chức chủ-tịch Ban Chấp-hành Trung-tâm Tây Nam Hoa-kỳ và rút tên khỏi liên-danh tranh-cử do ông Viên Linh đứng đầu.

Nhà thơ Cao My Nhân khieu-nại với BCH Lâm-thời

Nhà thơ Cao My Nhân, người bị "cách chức", đã gửi thư cho Ban Chấp-hành Lâm-thời khieu-nại về trường-hợp của bà. Trong thư, ngoài việc lý giải về tính-cách bất-hợp-lệ của thông cáo cách chức, nhà thơ Cao My Nhân nhấn mạnh rằng ông Viên Linh áp-lực cho ông Nguyễn Thạch Kiên ký giấy cách chức bà là do tư-thù cá-nhân. Bà viết (những chữ in đúng là chú-thích của NHN, người viết bài này):

"Trong vụ thực-hiện 'Tuyển-tập truyện ngắn 20 năm văn-học hải-ngoại', tôi (Cao My Nhân, Tổng Thư-ký Trung-tâm Tây Nam Hoa-kỳ) và văn-hữu Ngọc Anh (Thủ-quỹ) đã vay-mượn một số tiền đặt cọc để in tuyển-tập nói trên.

Ông Viên Linh yêu-cầu chúng tôi để cho ông viết bài Tổng-quan (đăng

ở phần dẫn nhập), Văn Bút VNNH cùng Trung-tâm Tây Nam Hoa-kỳ đứng tên thực hiện (nghĩa là ông Viên Linh chả làm gì cả, chỉ ghé cái tên vào), ngoài ra, ông Viên Linh không được đòi thù-lao.

Nhưng khi hoàn-tất cuốn sách và ra mắt lần đầu tại San Diego với số thu là 4.090 mỹ-kim, ông Viên Linh và ông Nguyễn Thạch Kiên đã gặp chúng tôi, đòi chia tiền hay 400 cuốn sách trong số 1.000 ấn-bản, coi như tiền nhuận-bút của bài Tổng-quan. Ông Nguyễn Thạch Kiên lấy tư-cách Chủ-tịch gần như buộc chúng tôi phải chấp-nhận.

Mục-đích hai chúng tôi thực-hiện Tuyển-tập là cốt gây quỹ cho Trung-tâm Tây Nam Hoa-kỳ. Vì thế, trong khi chúng tôi còn thiếu nợ nhà in Anytime Printing và chưa gây được đồng nào cho quỹ, chúng tôi thấy không có lý-do gì để phải nghe lời ông Nguyễn Thạch Kiên, trả tiền nhuận bút cho ông Viên Linh (mà trước đó ông này đã thỏa-thuận viết tặng, đổi lại được ghé tên Văn Bút Hải-ngoại vào).

Sau vụ từ-chối đó, vì còn thiếu nợ nhà in, chúng tôi đề-nghị ông Viên Linh tổ-chức buổi ra mắt Tuyển-tập tại quận Cam. Ông Viên Linh đồng ý, với điều-kiện sau buổi ra mắt phải chia tiền. Tuy-nhiên vì thấy không hợp lý, bởi sách này là của Văn Bút (Tây Nam Hoa-kỳ), không phải riêng ai, cho nên một lần nữa chúng tôi từ-chối. Vì thế ông Viên Linh đã từ chối giúp



Nghiêu Minh (TT Miền Đông Hoa-kỳ), Mạnh Bích (Âu-châu, hiện là Chủ-tịch BCH lâm-thời), Từ Nguyên (Quyền CT TT Âu-châu), Trương Sĩ Lương (Nam Hoa-kỳ) Sơn Tùng (đứng, Chủ-tịch TT Miền Đông Hoa-kỳ), Nguyễn Hương (Ontario), Tuệ Nga (Bắc Cali), Cao My Nhân (Tây Nam Hoa-kỳ), Phạm Quang Trình (Bắc Cali), Nguyễn Nghĩa (hiện là Chủ-tịch TT Ontario)

chúng tôi ra mắt, viện lẽ ông phải tổ chức riêng để lấy tiền...

Kể từ lúc đó, VH Ngọc Anh và tôi gần như bị ông Viên Linh và Nguyễn Thạch Kiên bỏ quên trong bất cứ một sinh-hoạt nào của Văn Bút, kể cả các buổi họp nhằm tổ-chức Đại-hội Văn Bút VNHN kỳ V, mà lúc 12 giờ 30 ngày 26.11.95, chính miệng ông Viên Linh đã xác-nhận với VH Ngọc Anh là Văn Bút VNHN và TT Tây Nam đã họp bàn liên-tiếp trong 15 ngày trước Đại-hội."

Trong thư, nhà thơ Cao My Nhân cũng xác-định rằng lý do để ông Viên Linh dựng đứng chuyện bà "ca ngợi Hoàng-phủ Ngọc Tường" là để che lấp việc ông này cho phép Đỗ Khiêm có mặt trong phái-đoàn Văn Bút VNHN tại Prague, Tiệp-khắc năm 1994. Bà xác-nhận, tác-phẩm bà ngâm tại Đức năm 1994 là bài thơ *Lăn ranh* của chính bà.

đêm lửa cháy ở bản thổ

Bồng dung lửa cháy khắp rừng xanh
Đỏ ngọn sương hoa, rục lá cành
Tù trưởng sững sờ, rồi lịm chết
Giữa giang sơn, cuối trận giao tranh.

Từng con thú dữ, từng con thú
Rên rỉ, hay là cổ võ đây?
Thú dữ sao không thương đất núi
Mà la hét mãi, tưởng mê say.

Xác thân tù trưởng cháy tròn nguyên
Lạc phách, rơi hồn, vẫn đứng yên
Thú dữ rời xa sau tiếng hú
Nguồn ơi, đổ nước xuống, xuôi miền.

Dù cho châu thổ với trung du
Góc biển, đầu sông, khói mịt mù
Ai bỏ vàng trắng nơi đáy thác
Đi tìm hieu quạnh giữa đêm thu...

cao my nhân

Đến lượt Phong-Trào Hưng Ca Việt-Nam lên tiếng

Trong xấp tài-liệu gửi cho báo-chí và các Trung-tâm, có một bài ông Viên Linh in dưới tiêu-đề Văn Bút Việt-nam Hải-ngoại mà ông tiếm-dụng, ký tên Viên Linh và đóng dấu Văn Bút, đã bịa ra nhiều chuyện với ảo-vọng triệt-hạ uy-tín của những đại-biểu đã phá hỏng âm-mưu của ông.

Trong một đoạn, ông Viên Linh viết rằng ba đại-biểu của Trung-tâm Ontario đã đến một phiên họp của Phong-trào Hưng Ca vào tối 25.11 để "yêu-cầu Hưng Ca giúp", khiến một nhạc-sĩ Hưng Ca nổi nóng bảo phải "cầm mõm hoặc ăn đòn, cả bọn mới im."

Trước sự bịa-đặt trắng-trợn có thể làm phương-hại uy-tín của Hưng Ca, nhà văn Đào Trường Phúc, với tư-cách Phong-trào Trưởng của Hưng Ca đã gửi đến các cơ-quan Truyền-thông Báo-chí Việt-ngữ hải-ngoại một bức thư minh-xác, đề ngày 9.12.1995, khẳng-định rằng không hề có sự gặp-gỡ nào giữa các đại-biểu TT Ontario với Hưng Ca trong ngày 25.11. Bức thư viết:

"Văn-thư (của ông Viên Linh) đề-cập tới sự tiếp-xúc của nhà văn Nguyễn Nghĩa (một hội-viên Văn Bút VNHN, không phải thành-viên Hưng Ca) với nhạc-sĩ Việt Dzũng. Trên thực-tế đã không hề có sự tiếp-xúc này, và cũng không có sự gặp-gỡ nào giữa nhạc-sĩ Việt Dzũng với nhà báo Nguyễn Hương và nhạc-sĩ Nguyễn Hữu Nghĩa (thành-viên Hưng Ca) trước khi họp Đại-hội (Hưng Ca) ngày 26.11.95. Do đó điều mà văn-thư viết rằng nhà báo Nguyễn Hương, nhạc-sĩ Nguyễn Hữu Nghĩa và nhà văn Nguyễn Nghĩa tiếp-xúc nhạc-sĩ Việt Dzũng vào Thứ Bảy 25.11 để 'yêu-cầu Hưng Ca giúp' (về vấn-đề Văn Bút VNHN) là điều hoàn-toàn không đúng sự thật."

Trước đây trong một bản "tin rơi" fax đi từ máy của tạp-chí HV, ông Viên Linh cũng đã bịa nhiều chuyện chẳng liên-quan gì đến sinh-hoạt Văn

Bút, chỉ cốt lằng-mạ các đại-biểu của Ontario như bảo người này là "vợ bé", người kia là "rể VC", người nọ là em cùng cha khác mẹ với người kia, v.v.

Trăm điều vu-khoát này cuối-cùng chỉ chứng-minh được một điều, đó là tư-cách của người phun ra nó.

Cung-cấp tin-tức sai-lạc gây rối nội-bộ TT Miền Đông

Không những chỉ miệt-thị Trung-tâm Ontario, ông Viên Linh còn cung-cấp tin-tức sai-lạc, dùng tay ông Nguyễn Ngọc Bích, cựu Chủ-tịch Trung-tâm Miền Đông để tấn-công Đại-Hội-đồng Văn Bút.

Trong bài viết mang tựa đề *Vấn suy-nghĩ và đề-nghị về cuộc đảo-chánh tại Văn Bút VNHN*, được ông Viên Linh phổ-biến trong xấp tài-liệu, ông Nguyễn Ngọc Bích chọn đứng về phía ông Viên Linh và viết rằng "quí vị" (ý chỉ Đại-Hội-đồng Văn Bút) đã thực-thi "dân-chủ núp dưới váy một người đàn bà", đánh dấu một sự "đổ đốn" của người cầm bút, "chỉ có trẻ con mới nghĩ ra được những lý-lẽ sâu-sắc như vậy."

Cuối bài, ông Bích kêu-gọi "thảo-luận trong ôn-tồn" để giải-quyết vấn-đề.

Bài viết và lời-lẽ của ông Bích như thường-lệ, đã có tiếng vang ngay Nhà văn Sơn Tùng, Chủ-tịch Trung-tâm Miền Đông, hàng xóm của Bích đã lên tiếng.

Trước hết, bằng lời-lẽ ôn-tồn, nhà văn Sơn Tùng cắt nghĩa cho ông Bích cách phân-biệt giữa một cuộc giải-nhiệm hợp-pháp và "cướp chánh-quyền" bằng cách ngồi lì khi đã hết nhiệm-kỳ.

Ông Bích vốn đi dự nhiều hội nghị đại-biểu, nếu ông không ngủ gập trong các buổi đó, ông phải học được một điều: đa-số đại-biểu ở đâu là toàn thể hội-nghị ở đó.

Trong Văn Bút, Đại-Hội-đồng là cơ-quan tối-cao, có quyền giải-tán và tổ-chức. Một khi Đại-Hội-đồng họp là có sức mạnh vạn năng, một cá nhân, một Trung-tâm đơn lẻ hay toàn

ban Chấp-hành trung-ương, không thể chống nổi.

Đại-Hội-đồng để ra Ban Chấp-hành và có toàn quyền giải-nhiệm Ban Chấp-hành; trong khi Ban Chấp-hành chỉ có nhiệm-vụ "chấp-hành", không có chút quyền-hạn gì đối với Đại-Hội-đồng.

Một khi Đại-Hội-đồng họp, thì biểu-quyết với đa-số của Đại-Hội-đồng là ý-kiến tối hậu, là mệnh-lệnh cho toàn-thể tổ-chức.

Ngày 26.11, đang trong khóa họp, nếu có biến (do bất cứ ai gây ra), đa-số quyết-định họp ở đâu, giờ nào, làm gì, thì đương-nhiên Đại-Hội-đồng phải theo. Đại-Hội-đồng theo thì toàn-thể các Trung-tâm phải theo. Các Trung-tâm cử đại-biểu đi họp, hiển-nhiên chấp-nhận tất cả mọi quyết-định của các đại-biểu ấy tại hội-nghị. Trung-tâm vắng mặt vẫn phải tuân-thủ Quyết-nghị của Đại-Hội-đồng. Ngay cả Đại-Hội-đồng quyết-định giải-tán một Trung-tâm hay giải-tán cả tổ-chức, hội-viên ở nhà cũng phải chịu, không thể làm gì khác hơn được.

Đó là nguyên-tắc sinh-hoạt dân-chủ mà một em học-sinh Trung-học cũng biết khi bỏ phiếu bầu ban đại-diện học-sinh. Ông Bích chắc có đi học, và chắc có biết điều này.

Bàn về lời-lẽ của ông Bích, nhà văn Sơn Tùng, Chủ-tịch Trung-tâm nơi ông Bích sinh-hoạt, viết rằng:

"Ông Nguyễn Ngọc Bích có quyền đứng về phía đối-nghịch, và chịu lấy

hậu-quả của việc chọn-lựa sai-lầm của mình. Nhưng, một ngàn lần không nên dùng nhóm chữ "núp dưới váy một người đàn bà" để gọi những "văn-hữu" khả kính của ông, trong đó có những vị tuổi-tác hơn ông, cầm bút lâu hơn ông, cả nam lẫn nữ, mà nhân-cách thì chắc-chắn là hơn ông Bích rất nhiều.

Khi dùng nhóm chữ 'núp dưới váy một người đàn bà', ông Bích đã tự đặt mình dưới các "văn-hữu" của ông rất xa, và còn bộc-lộ đầu óc miệt-thị nữ-giới rất hủ-lậu, không nên có ở một người "cầm bút lâu năm". Theo ông Bích thì "một người đàn bà" không thể có khả-năng hay ý-kiến gì hay đẹp khiến người khác có thể cảm-phục và cùng đứng với nhau trong một tập-thể, hay một chiến-tuyến? Nơi "một người đàn bà", ông Nguyễn Ngọc Bích không thấy có gì cao đẹp hơn là cái "váy"?

Văn-chương của ông Bích quả đã "đánh dấu một sự đổ-đốn hiểm có của người cầm bút, chắc chắn sẽ còn vang vọng cho đến nhiều năm sau này", đúng như lời ông viết trong bài!"

Xua ung-khuyến cán-xé Trung-tâm Âu-châu

Ngoài việc đùn-đẩy cho ông Nguyễn Ngọc Bích múa loạn chiêu ở Miền Đông, làm trò cười cho công-chúng, ông Viên Linh còn mớm ý cho ông Đặng Văn Nhâm, "chủ-tịch" tân-

lập ở Đông Bắc Âu-châu tiếp-tục lãng-mạ tổ-chức.

Trước ngày Đại-hội, ông Nhâm đã viết báo chữ trùn-lấp Văn Bút là "đi chàng-hàng", "lén-lút hẹn nhau tới đây (tức buổi họp Văn Bút) để thỏa-mãn ái-ân", "đạo-đức giả", "ngụy trí-thức", "ngựa non háu đả", "nhân-cách bán-thủ", "hoang-dâm vô-độ", "bốc hốt phụ-nữ có chồng", "lừa thầy", "phản chủ", "bợ đĩa", "hèn-hạ", "phản trắc", "ma-đầu", "không hơn gì hai con vật", "xanh vỏ đỏ lòng", "đám cầm bút bán-thủ", "lòng dạ ti-tiện", "kiểu lơ xe dò lục-tĩnh", "háo danh háu chức", "tay sai chỉ-điểm cho công-an Bắc Việt", "bọn hủ", "chưa thấy phân đã há sẵn miệng", v.v.

Sau ngày Đại-hội, ông Viên Linh dúi tài-liệu bịa-đặt, xúi-giục ông Nhâm tiếp-tục miệt-thị tổ-chức và văn-hữu. Ông này đã tận dụng vốn-liếng chữ nghĩa "bốn mươi năm làm báo", bóc hết những từ-ngữ chỉ có thể tìm thấy trong sinh-hoạt gia-đình ông từ nhiều đời truyền lại, tiếp-tục lãng-mạ Văn Bút là "cái chuồng xi", "đầy rẫy gian-trá", "qui-quyết", "loạn xà-ngầu", "cuồng danh", "mặt trơ trán bóng", "lãng-loàn", "lộng ngôn", "thô bỉ", "tung mùi xú-uế cùng khắp", "chứa chấp đủ mọi thành phần đĩ điếm, gian tà", v.v.

Tuy-nhiên, người đọc có thể công-tâm ghi nhận rằng trong bài báo dài 9 trang, và kể cả cuộc đời làm báo, ông Đặng Văn Nhâm đã có một lời chân-thật và vô cùng đích-xác. Đó là khi ông tự nhận-xét về mình, là "tôi là thằng mất dạy, du-côn, đầu đường xó chợ cố-hữu."

Cổ-nhân bảo, con chim sắp chết hót lời bi-thương, phải chăng chính là phút nói thật này!

Cung kính bất như tuân mệnh, từ nay mọi người có lẽ không nên dùng mấy chữ "Đặng Văn Nhâm" để gọi ông nữa, mà thay bằng "Thằng Mất Dạy" hoặc "Thằng Du-Côn" chẳng?

Tên tuổi là do cha mẹ đặt. Bản-chất và tính-tình là do trời sinh. Ông Nhâm đã quá tuổi nhi hòa, nên tỏ ra bình-tĩnh, hiểu mình hiểu đời hơn ai



Văn-hữu Cao My Nhân (áo đen) đang trấn-an và thỉnh-cầu ông "chủ-tịch" Viên Linh ra cửa hậu nhận thư thông-báo giờ giấc và địa-điểm họp. Vì công-tác đưa thư này mà hai hôm sau bà bị ông Viên Linh tìm cách "cách chức" Tổng Thư-ký.

hết. Vào cái tuổi chuẩn-bị dọn mình để trở về với thiên-nhiên, ông đã giác-ngộ và can-đảm đối-diện với bản-ngã, thẳng-thắn vỗ ngực xưng là "Thằng Mất Dạy". Chẳng những can-đảm, ông còn là người thành-thật!

Thứ đến, ông Nhâm chỉ-giáo Văn Bút nên thẳng tay thanh-lọc những phần-tử háo danh, bất chính, thực thi châm-ngôn *quí hồ tinh bất quý hồ đa*. Thực-tế, chính vì "*quí hồ tinh*", nên Trung-tâm của ông đã không được đón-nhận vào sinh-hoạt chung!

Dù sao đi nữa, ông Viên Linh đã mở cửa đón thành-phần tự nhận là "mất dạy", "du-côn" vào Văn Bút, thì chính ông chứ không phải ai khác, chịu hoàn-toàn trách-nhiệm về sự nhiễu-loạn trật-tự.

Kết-luận

Chưa bao giờ mặt báo này lại tốn nhiều giấy mực về vấn-đề nội-bộ của một tổ-chức như vậy, nhất là vào dịp cuối năm, mọi người mọi nhà đang vui vẻ đón xuân. Người viết xin ân-cần tạ tội, và xin xem mọi chuyện trên đây như một cuộc tổng vệ-sinh cuối năm. Lâu lâu quét tước, dọn-dẹp, kê lại giường tủ, vất bớt rác-rưởi một lần cho trong ngoài quang-quẻ mà ăn Tết.

Tôi đã làm một việc chẳng hay-ho gì, khi phải phân-tích, biện-luận về những điều, và những người, quá kém-cỏi. Một cách nào đó, tôi đã làm cho chính mình bị thương-tổn.

Xưa nay, đi họp Văn Bút chỗ khác bao giờ cũng đông vui, thanh-nhã, thân tình. Chỉ có mấy giờ ngồi trong phòng hội với cặp Viên Linh - Nguyễn Hiền, tôi không khỏi mừng-tượng như đang đi họp với Võ Đông Giang trong ban Liên-hợp 4 bên ở Tân-sơn-nhất, hay với Xuân Thủy ở hòa-hội Paris trước kia. Cũng trưng tài-liệu giả, dựng đứng, vu-khống, trăng-tráo nhân-ngĩa bà

tú Để, biểu-quyết thua thì giả-vờ ngớ-ngẩn không hiểu câu hỏi đòi biểu-quyết lại, không đòi được thì cho tắt đèn, đuổi cả Hội-nghe,...

Không riêng gì tôi, các anh chị em khác trong Đại-Hội-đồng đều nhận thấy, vì sự sống còn tổ-chức nên phải lăn thân vào chỗ họp với Viên Linh, thật không khác gì quét dọn vệ-sinh công-cộng ở một thành-phố đông dân và chậm tiến. Chỉ khác là công-nhân vệ-sinh làm vì đồng lương, còn chúng tôi, chẳng vì lý-do gì.

Tôi không ra tranh-cử trong Văn Bút, cũng không là chức sắc lớn nhỏ gì trong Ban Chấp-hành trung-ương. Tôi chỉ là một hội-viên tâm-thường. Có chăng, là tôi có mũi để thở và muốn cho lớp không-khí chung-quanh luôn-luôn được trong lành.

Văn Bút là một tổ-chức lớn mạnh và có truyền-thống tốt-đẹp. Là một hội-viên, tôi - cũng như tất cả mọi hội-viên khác - có bốn-phận bảo-vệ sự lớn mạnh và tốt-đẹp đó. Đã lên đường là phải đi cho đến đích.

Mọi chuyện trong Văn Bút, cho đến hôm nay đã khá ổn-định. Những biến-cố cuối tháng 11 vừa qua là một sự khủng-hoảng, nhưng là khủng-hoảng cần-thiết để lớn mạnh và kiện-toàn tổ-chức.

Kể từ ngày thành-lập, chưa bao giờ các Trung-tâm làm việc sát cánh với nhau như hiện nay. Và bên ngoài, chưa bao giờ văn giới lại quan-tâm nhìn vào Văn Bút như vậy. Rất nhiều văn-nhân đã tìm tới các Trung-tâm, hỏi-han tự-sự và tìm cách giúp-đỡ. Tại một vài vùng chưa có Văn Bút, văn-nghe-sĩ tìm cách liên-lạc với nhau và với Ban Chấp-hành lâm-thời để hỏi điều-kiện lập thành Trung-tâm mới, không phải để "đi bầu", mà để góp sức bảo-vệ tổ-chức.

Sau cơn đông dài, trời đất vào xuân. Cuối tháng 2 năm 1996, đứng vào lúc cỏ cây vươn mình chỗi dậy, Đại-hội kỳ V khóa 2 sẽ nhóm tại thành-phố Houston, tiểu-bang Texas. Văn Bút hồi-sinh!

thơ nghieu minh

u tích

*Los cho tôi niềm nhớ
Có thiên thần giả hình
Nhạc sĩ già nôn mưa
Và loài hoa tà môn.*

*Los cho tôi diêm gở
Những nhát dao tận tình
Những trang văn ngủ mớ
Và dòng thơ tìm trịnh.*

*Los cho tôi nắng quái
Khi thức dậy bình minh
Những cạo sửa bán cái
Coi như điều tự nhiên.*

*Los cho tôi ngày mới
Kể toàn chuyện vàng son
Và mỗi lần tự dối,
Đất nước càng xa hơn.*

*Los cho tôi nhiều thứ
Thứ nào cũng tái sinh
Hai mươi năm quá khứ
Héo hơn nụ nhân tình.*

*Tặng bạn bài thơ buồn
Như nhánh hồng đánh rớt
Để lần sau về Los
Dọn mình tắm mưa tuôn!*

cho los

*Tôi về từ một miền xa
Mang theo những mảnh nắng tà làm tim
Đường bay cơn ngủ thu mình
Trăm tên bạn dữ cựa hình còn theo.
Văn chương phú lục tan bèo
Cầu ao tro gỗ bùn theo lên bờ.*

*Mùa đông tắm nắng thiên thần
Nhìn con sâu nở trong đầm tịnh liên
Kinh đô nước lụt đầy tim
Chào nhau bằng cánh u tìm nhà kho
Thối thối nước lụt lên đò
Con sâu đã nở, nhà kho bán mình.*

Hồ-sơ Nguyễn Chí Thiện

LTS: "Tài-liệu" là một mục không thường-xuyên, dùng ghi-nhận một số tài-liệu có giá-trị chứng-liệu văn-học-sử.

Mục tài-liệu kỳ này gồm hai phần:

- Thư ngỏ của nhà văn Nhật Tiến (được coi là người đứng đầu khuynh-hướng giao-lưu văn-hóa với CSVN) gửi thi-sĩ Nguyễn Chí Thiện.

- Bài trả lời của thi-sĩ Nguyễn Chí Thiện.

Hai bài này đều đã đăng trên nhiều báo ở hải-ngoại.

Thư Nhật Tiến gửi Nguyễn Chí Thiện

Kính gửi thi sĩ Nguyễn Chí Thiện,

Trước hết tôi xin mạn phép thi sĩ để được tự giới thiệu, tôi cũng là người trong giới cầm bút, ngành văn, lấy bút hiệu Nhật Tiến, thuộc thành phần xã hội cũ miền Nam trước 1975. Năm 1979, tôi vượt biển đi tìm tự do qua ngã Thái Lan, rồi định cư ở Hoa kỳ từ cuối năm 1980.

Tuy đã có gần năm năm trời sống trong xã hội Cộng sản, sách báo của chế độ mới tôi cũng đã từng được đọc khá nhiều, nhưng phải chờ cho tới khi tập thơ *Tiếng-vọng từ đáy vực* xuất hiện lần đầu ở hải ngoại thì tôi mới được hân hạnh biết tới tên tuổi của thi sĩ.

Tập thơ duy nhất này của thi sĩ đã đem lại cho tuyệt đại đa số độc giả ở hải ngoại, trong đó có tôi, lòng ngưỡng mộ và kính phục sâu xa về cả tài năng của thi sĩ trong lãnh vực thi ca đấu tranh cũng như về cuộc đời hết sức gian truân, hết sức khổ ải của thi sĩ, và đặc biệt hơn cả là lòng dũng cảm của thi sĩ đã không quản ngại đến cả sinh mạng của mình để nói lên tiếng nói bất khuất giữa vòng vây của cường quyền và bạo lực.

Cũng chính vì sự ngưỡng mộ và kính phục sâu xa này, nên khi có tin thi sĩ đã được nhà cầm quyền trong nước cho phép lên đường đi Hoa kỳ để chữa bệnh, cùng với hầu hết mọi người trong cộng đồng VN tại hải ngoại, tôi đã hết sức hân hoan khi được nghe tin mừng lớn lao này. Tôi cũng đã chuyên chú theo dõi mọi chi tiết liên quan đến chuyến đi của thi sĩ, từ lúc

thi sĩ đặt chân lần đầu lên vùng đất tự do cho đến những cuộc tiếp đón, những buổi tổ chức chào mừng và đặc biệt là buổi điều trần của thi sĩ về vấn đề nhân quyền trước Quốc hội Mỹ. Tôi cũng đã hân hạnh được đọc lá thư ngỏ của thi sĩ gửi toàn thể đồng bào tại hải ngoại, và gần đây nhất là bài phát biểu của thi sĩ trong buổi họp mặt do Hội Báo Chí VN vùng Hoa Thịnh Đốn tổ chức vào ngày 11.11.95 tại thành phố Falls Church. Phải thành thực mà nói, thi sĩ quả là một trong những người xứng đáng nhất về cả phương diện tài năng cũng như sự dũng cảm về tinh thần để được mọi người tôn vinh và dành cho những lời khen tặng cũng như tuyên dương như tôi đã thấy báo chí tường thuật.

Tuy nhiên, giữa những tràng pháo tay nổi lên ở khắp mọi nơi, giữa những vòng hoa vinh quang được tới tập gửi đến để vinh danh một chiến sĩ xuất sắc của nhân quyền, và trong sự trông mong, chờ đón để được nghe những lời tâm huyết của thi sĩ, một con người có thể nói hơn ai hết có thẩm quyền để lên tiếng về phương diện đấu tranh cho nhân quyền, thì khi thi sĩ cất lên lời phát biểu đầu tiên gửi gắm tâm tư, tình cảm của mình, qua sự tường thuật của báo chí, tôi bất chợt tìm thấy đôi điều không ổn trong một vài vấn đề do thi sĩ đã nêu ra. Một phần do sự thôi thúc bởi lương tâm cầm bút, một phần lớn khác là do lòng tôn trọng của tôi hàng có đối với thi sĩ, nên tôi quyết định viết lá thư ngỏ này mong được đóng góp với thi sĩ một vài ý kiến.

1. Vấn đề giao lưu, hoà hợp hoà giải: Trong bài phát biểu tại buổi tổ chức nêu trên, thi sĩ đã nêu lên một thắc mắc: *"Trong suốt quá trình 50 năm qua, lúc nào người Cộng sản cũng kêu gọi hoà hợp hoà giải, nhưng trên thực tế thì họ chẳng hoà hợp hoà giải với ai cả. Điều này chắc các bạn đều đã biết rất rõ. Nhưng tôi phân vân không hiểu tại sao lại có một số người Việt ở hải ngoại lại đi hô hào cho việc hoà hợp hoà giải"*.

Vấn đề này theo tôi không chỉ đơn giản đến độ chỉ cần tóm gọn một cách ngắn ngủi như vậy là xong. Trong nhiều năm qua, khi thi sĩ còn ở trong nước, nhiều người ở hải ngoại đã tốn nhiều thì giờ và giấy mực để bàn luận, tranh cãi về

đề tài này. Vì chân ướt, chân ráo mới qua, sự phân vân mà thi sĩ nêu lên là chính đáng, nhưng nếu thi sĩ dành thêm chút thì giờ để tiếp xúc, thảo luận và tìm hiểu vấn đề thêm trước khi đưa ra lời kết án một cách khẳng định thì có lẽ thi sĩ đã có cái nhìn có thể đã khác hơn, mặc dù tôi thấu hiểu một cách rất rõ ràng thành tích sáng chói về đấu tranh cho nhân quyền của thi sĩ có thể bảo đảm cho bất cứ một lời tuyên bố nào của thi sĩ. Và thi sĩ đã thắc mắc, nêu lên câu hỏi *"Nhưng mà là hoà hợp thì hoà hợp với ai? Bây giờ chúng ta không thể hoà hợp với lũ mặt người dạ thú lúc nào cũng lừa dối chúng ta"*. Tôi xin mạn phép được góp ý về câu hỏi này. Trước hết, theo tôi được biết, và cũng là quan điểm của tôi, tôi chưa bao giờ được thấy một bài viết nào giữa những người chủ trương hoà hợp hoà giải lại hô hào "hoà hợp với lũ mặt người dạ thú" theo lối ví von của thi sĩ cả. Vấn đề không chỉ đơn giản có chừng đó. Do hoàn cảnh của đất nước bị phân chia từ năm 1954, và do cuộc chiến đã kéo dài hơn 20 năm, dân tộc Việt Nam đã bị phân hoá trở thành bên này và bên kia. Một cách rất cụ thể, vì sinh sống ở xã hội miền Nam trước năm 1975, tôi có thể tự nhận tôi là người bên này, và nếu như tôi có được nghe một tin tức gì của thi sĩ Nguyễn Chí Thiện ở miền Bắc thì tôi cũng có thể nói thi sĩ là người bên kia. Bây giờ, tuy 20 năm trời đã trôi qua, nhưng cái tâm ký chia cắt đốn đau này của dân tộc vẫn chưa mặc nhiên bị loại bỏ. Chẳng hạn như có sự phân biệt giữa những người đến từ miền Bắc sau 1975 với những người cũng đến từ miền Bắc nhưng từ trước 1975, hay chẳng hạn có tâm lý phân biệt tại các trại tị nạn giữa những con người ra đi từ Vũng Tàu, Cà Mau với những con người ra đi từ Hải Phòng, Móng Cái. Đây mới chỉ là một vài thí dụ trong muôn ngàn mâu thuẫn còn tồn tại để cho thấy cần phải có nhiều nỗ lực để tháo gỡ những sự trói buộc oan nghiệt đó, bởi dù là Quốc hay Cộng, dù bên này hay bên kia, dù trong nước hay ngoài nước thì tận cùng của vấn đề, tất cả mọi người đều cùng vốn từ một nguồn gốc tổ tiên, cùng là người VN cả. Cuộc chiến tuy đã chấm dứt hơn 20 năm và nhiều người có thể đã để cho nó phai nhòa trong dĩ vãng, nhưng không phải vì thế mà cái gai phân biệt, cái gai hận thù, mất mát, thành kiến ghim sâu trong đầu đã được gỡ bỏ. Vấn đề hoà hợp, hoà giải do đó mà đã được đặt ra. Và để trở lại câu hỏi của thi sĩ rằng hoà hợp hoà giải với ai, dựa trên cung cách suy nghĩ vừa trình bày, tôi có thể trả lời là với chính thi sĩ Nguyễn Chí Thiện là một trường hợp cụ thể. Trong các bài phát

biểu, tuy tôi chưa được thấy thi sĩ nhắc nhở gì đến những người cầm bút đối kháng còn ở trong nước, như Dương Thu Hương, Hà Sĩ Phu, Hoàng Minh Chính, Nguyễn Kiến Giang, Lữ Phương, Lê Ngọc Trà.v.v.. nhưng nếu chúng tôi có chủ trương coi họ là những người bạn đồng hành trong công cuộc đấu tranh cho nhân quyền, cho tự do dân chủ và xây dựng quê hương thì có điều gì sai trái, và nếu không gọi sự chấp nhận ấy là hoà hợp, hoà giải thì sẽ phải gọi là cái gì? Đó mới chỉ là sự nêu lên một vài cá nhân làm luận chứng. Nhưng trong thực tế, còn biết bao nhiêu con người đã từng ở hàng ngũ bên kia, đã từng là bộ đội, cán bộ, đoàn viên, chiến sĩ và ngay cả đảng viên nữa, mà ngày nay họ còn đau khổ, trần trụi, cay đắng biết bao nhiêu khi nhìn đất nước rách nát, dân tộc lầm than như hiện nay. Những con người ấy nhất thiết không thể đồng hoá với những kẻ mà thi sĩ đã liệt vào loại mặt người dạ thú... Điều này có thể chính thi sĩ cũng sẽ đồng ý với chúng tôi ngay, nhưng chỉ một vài năm trước đây, nếu có người nào dám nêu lên cái ý nghĩ trung thực ấy lập tức sẽ bị chụp mũ ngay là cộng sản hay thiên cộng sản. Điều đó đã nói lên một thực trạng rằng, ở hải ngoại, để có thể đi được từ bước này qua bước khác trong tiến trình gây dựng lại hàng ngũ dân tộc, trong đó bao gồm tất cả mọi thành phần không phân biệt quá khứ chính trị hay điều kiện địa dư (ngoại trừ những ai cho đến nay vẫn còn tiếp tục ca ngợi chế độ cộng sản) là một điều không phải đơn giản và dễ dàng gì. Như vậy, tôi thiên nghĩ cũng không có điều gì sai trái khi nghĩ rằng trong hàng ngũ dân tộc, chúng ta cũng vẫn còn nhiều thành viên có khả năng, có lòng yêu nước, yêu quê hương dân tộc kể cả những người mà tôi vừa nêu ở trên. Tinh thần hoà hợp hoà giải theo tôi nghĩ chính là nằm ở trong ý nghĩa ấy.

Cũng trong bài phát biểu nêu trên, thi sĩ có nhắc đến tờ báo *Hợp lưu* với lời thống trách rằng "*Khi có tờ Hợp-Lưu chuyển về thì phải giấu giếm thật cẩn thận vì nếu lỡ có một người nào nhận được tờ Hợp-Lưu mà nhà nước biết được thì người đó phải đi thẳng vào nhà tù ngay. Thế mà chính một số tác giả viết cho tờ Hợp-Lưu vẫn hô hào hợp lưu, giao lưu, vậy hợp lưu cái gì?*" Nếu câu hỏi như vậy, tôi thấy thi sĩ có điều mâu thuẫn với chính mình. Bởi vì khi nhà nước bắt bớ tù ngay những ai đọc tờ *Hợp lưu* thì điều đó nói lên rằng nội dung của nó có tính chất đối kháng rất cao và chủ trương của họ không phải là hợp lưu hay giao lưu với nhà nước. Như vậy thì tại sao thi sĩ lại chống đối? Mặt

khác, khi có những độc giả trong nước phải giấu giếm *Hợp lưu* để đọc thì điều đó chứng tỏ đã có nhu cầu của độc giả trong nước muốn tìm hiểu những sinh hoạt, những vấn đề ở hải ngoại. Tờ *Hợp lưu* từ nhiều năm qua đã âm thầm làm công việc cung ứng đó, và cũng có thể nói sự truyền đạt những sự kiện thông tin như thế, dù dưới hình thức nào, cũng là một hình thức của giao lưu chứ sao?

2. Vấn đề thi hành công tác từ thiện ở Việt Nam: Thi sĩ tuyên bố rằng "*Nếu như người nào đó vì thực sự có tấm lòng, có tiền mà đứng ra cứu trợ đồng bào và tự mình đứng ra tổ chức thì người đó được mời vào tù ngay*", và rằng "*Muốn giúp đỡ người nghèo khổ mà phải đưa tiền cho Đảng. Đảng nhận tiền đó và muốn làm gì thì làm. Chỉ Đảng mới có quyền nhận*". Dĩ nhiên tôi hết sức tin tưởng rằng những lời nhận xét của thi sĩ là những lời tâm huyết, đã từng được kiểm nghiệm trong thực tế. Nhưng tôi muốn nói thêm rằng điều đó dù có thực, nhưng không phải là tuyệt đối đúng trong mọi trường hợp. Theo chỗ tôi được biết, và cũng theo chính kinh nghiệm thực tế mà tôi đã tham dự vào, thì đã và đang có nhiều trường hợp đồng bào nghèo khổ ở Việt Nam đã nhận lãnh sự trợ giúp của đồng bào ở hải ngoại, cho dù là của rơi rớt sau khi đã bị bàn tay tham nhũng - nếu có và nhiều trường hợp không có - nhúng vào. Xin nêu vài trường hợp cụ thể: Chương trình của bác sĩ Phạm Minh Hiến ở Pháp giúp đỡ các cựu phế binh của miền Nam trước đây, theo con số do bác sĩ Hiến công bố gần đây thì đã có 1.300 hồ sơ xin trợ giúp đã được giải quyết, hồ sơ nào cũng có giấy chứng nhận của chính quyền cũ về mức độ tàn phế của các cựu phế binh kèm theo đơn viết tay của đương sự. Cho đến nay, chương trình nhân đạo ấy vẫn được tiếp tục. Hoặc những thí dụ khác như chương trình trợ cấp học bổng cho các học sinh nghèo mà xuất sắc ở VN, do tạp chí *Giao điểm* điều hành từ nhiều năm qua. Hoặc như Hội Việt Nam Tương Tế với chương trình Viên Thuốc Cho Đồng Bào Nghèo, đã nhận được sự nồng nhiệt hưởng ứng và đã gửi thuốc về các nhà thờ, chùa để phát không cho đồng bào. Hoặc các cô nhi viện do các tu sĩ các tôn giáo bảo trợ cũng nhận được sự nhiệt thành giúp đỡ, chia sẻ từ các đồng bào hải ngoại. Cụ thể như trại cùi Cẩm Thủy, Thanh Hoá, trong tận rừng sâu, vậy mà qua Linh mục Trần Phúc Long kêu gọi, đồng bào cũng hưởng ứng ngay. Nhìn tấm hình bà cụ già trên 100 tuổi, cùi lở mà bàn chân không có đôi dép, hằng ngày đi lại phải cọ sát vào đá dăm, tình cảnh hết sức thương tâm. Họ đã từng

là nạn nhân của cuộc chiến súng đạn trong 30 năm, nay lại vẫn còn là nạn nhân của lòng thù hận trên 20 năm nữa rồi, nữa chúng ta không mở tấm lòng mà gửi cho bà cụ đôi dép để cụ đỡ được những cơn đau xé thịt khi mụn lở cọ xiết vào những mảnh đá dăm khi lê bước trong trại cùi. Ngoài ra còn nhiều nhóm từ thiện đang tiếp tục hoạt động nữa như tổ chức V.H. Help do nhiều thành viên trẻ và có thiện chí ở hải ngoại điều hành, nhóm Green Cross cũng của người Việt hải ngoại đang tiến hành những chương trình trợ giúp nhân đạo cho những người nghèo khổ bệnh tật ở VN. Đó là chưa kể tới nhiều cá nhân khác vẫn còn đang âm thầm gửi tiền về giúp đỡ các cơ quan từ thiện. Tất nhiên những sự giúp đỡ này chẳng thấm thía vào đâu so với những nỗi khó khăn cơ cực của đồng bào còn tràn đầy ở trong nước, nhưng có còn hơn không, ít ra những nỗ lực này cũng đem lại cho một số những người bệnh tật chút ít thuốc men, những người già cả manh áo ấm, những trẻ em bụi đời có mái lá che mưa và các em trong trại mồ côi có thêm chút thực phẩm trong thực đơn hằng ngày với đã rất đậm bạc của các em hay những học bổng eo hẹp nhưng cũng đủ giúp cho các em học sinh nghèo có thể tiếp tục cắp sách đến trường. Hơn thế nữa, điều gì sẽ xảy ra nếu như lời kêu gọi ngừng công tác từ thiện của thi sĩ có tầm mức ảnh hưởng lan qua lãnh vực trợ giúp nhân đạo quốc tế. Một số bệnh viện sẽ phải đóng cửa, các chương trình trợ cấp nhân đạo của Liên Hiệp Quốc sẽ phải ngưng lại, những công tác yểm trợ cho các hoạt động truyền giáo (trùng tu nhà thờ, chùa chiền, bảo trợ các tu sinh, in ấn hay tái bản các kinh kệ.v.v..), tất cả sẽ bị ảnh hưởng không ít. Tôi không được rõ ràng khi đưa ra những lời phát biểu như đã nêu, không biết thi sĩ có lường trước được những hậu quả của một tinh thần cấm vận công tác từ thiện như thế không? Tuy nhiên, một cách gián tiếp và vô tình, những lời nhận xét của thi sĩ về công tác từ thiện ở VN đã phần nào giảm thiểu đi cơ may cho đồng bào nghèo khổ trong nước để được nhận lãnh những sự trợ giúp hiếm hoi đó từ lòng từ tâm của đồng bào ở hải ngoại hay những tổ chức quốc tế. Mặc dầu vậy từ trong đáy lòng, tôi vẫn tin rằng những tổ chức và các cá nhân đang hoạt động từ thiện cho VN sẽ vượt lên trên lòng thù hận như mọi người đã thấy từ nhiều năm qua để vẫn tiếp tục soi rọi những tia sáng cứu cùng vào những mảnh đời u ám, vô vọng của những người nghèo khổ, cơ cực vẫn còn đầy rẫy ở VN hiện nay.

Thưa thi sĩ, thành thực mà nói, tôi

làm tiếc là thay vì gửi lời công khai chào mừng thi sĩ đã đến được bến bờ tự do thì lại làm thi sĩ phải bận tâm vì những ý kiến riêng tư của mình. Xin thi sĩ nhận nơi đây lời xin lỗi chân thành của tôi và xin kính chúc thi sĩ sớm hồi phục sức khoẻ để có nhiều khả năng đấu tranh cho một nước VN tự do, hoà bình, dân chủ và thịnh vượng.

California, mùa Thanksgiving 1995.

Thư Nguyễn Chí Thiện trả lời Nhật Tiến

Thân gửi anh Nhật Tiến,

Vì bận, vì mệt, hôm nay tôi mới trả lời mấy thắc mắc của anh, mấy điều mà anh coi là chưa ổn, một cách ngắn gọn nhưng chi tiết, đầy đủ.

Từ ngàn xưa, trong xã hội bao giờ cũng có những mâu thuẫn: mâu thuẫn trong gia đình, giữa vợ chồng, con cái, cha mẹ, anh em, nên cổ nhân thường khuyên: "Bác nhân trung hữu thái hoà", mâu thuẫn giữa xóm giềng, giữa làng này làng kia, giữa tỉnh này tỉnh kia.v.v. Chẳng hạn người miền Bắc thường gọi miền Trung là cá gỗ, gọi người Huế là nam đa trá nữ đa dâm, gọi người miền Nam là "dân miền", người thành thị gọi nông dân là "nhà quê", người nông dân gọi người thành thị là "bọn kẻ chợ", những người buôn bán bị gọi là "bọn con buôn". Những hiện tượng đó vẫn còn, cũng như những hiện tượng phân biệt Bắc 54, Bắc 75, dân vượt biển, diện ODP, diện H.O.v.v... Nhưng chỉ một số nhỏ phân biệt như vậy với thời gian và kiến thức mở mang, sự phân biệt đó sẽ mất dần. Bốn chữ hoà hợp hoà giải mà bọn cộng sản hô hào là hoà hợp hoà giải giữa các lực lượng chính trị. Nay chúng đã thống trị cả nước, hoà hợp hoà giải mang ý nghĩa giữa chúng với lực lượng người Việt hải ngoại, còn người dân trong nước đã là "chủ" rồi, chúng chỉ là "đầy tớ"! Khi người trong nước nghe một số người Việt ở nước ngoài kêu gọi hoà hợp hoà giải, dùng chính khẩu hiệu cộng sản đã dùng mòn trơ ra, thời ai cũng hiểu là hoà hợp hoà giải với nhà nước cộng sản, chứ không ai hiểu lẫn lộn là hoà hợp hoà giải giữa Bắc 75, Bắc 54, giữa đi từ Vũng Tàu, đi từ Hải Phòng, hoà hợp với Hoàng Minh Chính, Dương Thu Hương, Nguyễn Hộ, với Nguyễn Chí Thiện! Mâu thuẫn chủ yếu hiện giờ là mâu thuẫn giữa cả dân tộc với bạo quyền cộng sản. Bao cảnh lầm than ai oán cũng xuất phát từ đó. Ai chẳng hiểu Quốc, Cộng, lương thiện, gian manh đều là người Việt,

chẳng lẽ gọi họ là người Nga, người Mỹ sao? Không thể vá xọc, hồ lớn bọn tội phạm với dân lành được! Khi tôi gọi những kẻ đã tàn sát, tù đầy hàng triệu người, đã phá hoại luân thường đạo lý, đã dìm đất nước xuống bùn đen nghèo khổ là bọn mặt người dạ thú là tôi đã bôi nhọ loài thú, kể cả ác thú! Lang sói hổ báo nếu không ăn thịt con thú khác thì chúng bị tiêu diệt. Tạo hoá sinh ra chúng như vậy, chúng chẳng có tội gì! Con người cũng thịt chúng nhiều lắm! Anh bảo "theo lối ví von" của tôi là anh đã hơi mỉa mai tôi, tôi hiểu. Nhưng tôi tin là anh không theo cộng, thân cộng. Vì ngày nay chỉ có những kẻ không có lương tâm lẫn lý trí mới chấp nhận được chúng. Tin như vậy nên tôi không dùng lối văn sát phạt với anh, mà phân giải điềm đạm, dù có lúc anh tỏ ra bênh cộng sản hơn cả tự chúng bênh chúng. Thí dụ: Chính cộng sản phải thừa nhận tham nhũng là quốc nạn, đe dọa đến quyền lực của chúng, thời anh lại hoài nghi "bàn tay tham nhũng - nếu có" và khẳng định "trong nhiều trường hợp không có"!

Bây giờ tới tờ báo *Hợp lưu*. Hiểu theo nghĩa rộng, trong văn học không có chuyện hợp lưu. Hợp lưu là nhiều dòng hoà hợp thành một dòng. Làm sao dòng hiện thực có thể hoà một dòng với dòng lãng mạn? Các trường phái siêu thực, tân hiện thực, biểu tượng, Dada, Parnassa lại có thể hợp lưu thành một được? Chúng chỉ có thể tồn tại song song, ảnh hưởng ít nhiều tới nhau thôi. Cho nên thời cổ đại Trung quốc mới có tới Tam giáo, Cửu lưu. Hiểu theo nghĩa này, chữ hợp lưu vô nghĩa. Hiểu theo nghĩa hẹp là tờ *Hợp lưu* có ý định qui nạp tất cả những dòng văn học vào tờ báo của mình. Việc này *Hợp lưu* cũng khó làm được chu đáo. Dòng văn học chính thống trong nước bây giờ là dòng văn học nô bộc, bị chà đạp. Ai dám đưa dòng văn học này vào tờ báo của mình ở hải ngoại? Ai dám tuyên truyền không công hoặc có công cho cộng sản trước các nạn nhân của chúng? Còn các bài báo, các tác phẩm ít nhiều phản ánh được thống khổ của nhân dân, phản ánh được hiện thực đen tối, xấu xa của xã hội, thì nhiều nhà xuất bản, nhiều tờ báo ở hải ngoại vẫn phổ biến dù họ không có tên là *Hợp lưu*. Tất cả sách báo ở hải ngoại đều không được lưu hành trong nước, kể cả tờ *Hợp lưu* là tờ "dễ thương" nhất đối với cộng sản. Việc cấm đoán này không hề là một minh chứng cho "tính chất đối kháng rất cao" của tờ báo. Còn giao lưu là dòng họ chảy qua dòng kia một cách thoải mái. Việc này chưa bao giờ có từ khi cộng sản tiếm quyền. Nhiều cuốn sách từ hải ngoại

chuyển về nước là chuyển lửa về để tỏa sáng những thứ bị bùng bít, đốt nóng tinh thần đấu tranh cho dân chủ tự do của nhân dân, kể cả những người cộng sản vì họ là những người cần được soi sáng thức tỉnh nhất, trừ những tên trùm sỏ nắm quyền sinh sát, cực kỳ ngoan cố. Việc này không thể gọi là giao lưu. Cho nên những người trong nước khi nghe những chữ giao lưu, giao hợp, đều hiểu ngay là chỉ làm lợi cho cộng sản. Chúng đưa các đoàn văn công ra nước ngoài biểu diễn để tô son vẽ phấn cho chế độ thì được, nhưng các nhạc sĩ, ca sĩ của chúng ta có về biểu diễn trong nước cho đồng bào xem được không? Một nhạc sĩ lớn như Phạm Duy chúng còn gạch bỏ khi chúng kỷ niệm 50 năm tân nhạc Việt Nam.

Về vấn đề công tác từ thiện ở Việt Nam. Mấy hoà thượng, Phật tử đem đồ cứu trợ giúp nạn nhân bão lụt đều bị vào tù, đồ cứu trợ bị thu. Việc này gây nên một tiếng vang rất tai hại, cộng sản có thể sẽ làm vài động tác biểu diễn để loè bịp. Bác sĩ Hiến đã giải quyết được 1300 trường hợp phế binh Cộng hoà Việt nam. Ai biết chắc là sẽ đến tay họ, và đến bao nhiêu người, khi cộng sản đàn cảnh dưng vỡ rất công phu và chu đáo? Họ có phải dứt lốt để nhận được đồ cứu trợ hay không? Khi các bệnh nhân ở các bệnh viện đều phải dứt lốt mới được chữa chạy tốt một chút, ngoài tiền chi phí chính thức rất cao so với thu nhập. Chỉ có những bệnh viện của quân đội và công an, những cán bộ trung cấp, cao cấp là không bị những tệ nạn đó. Việc cấp học bổng cho các học sinh nghèo mà xuất sắc, tôi biết có những học sinh không nghèo mà cũng không xuất sắc vẫn được học bổng. Số học bổng đó cũng bị ngấm cát xén để gọi là đóng góp cho trường.

Những con em được học bổng đều phải thuộc loại hoạt động tích cực cho Đảng. Chương trình Viên Thuốc Cho Các Đồng Bào Nghèo do các nhà thờ, nhà chùa phát không, tôi không được nghe biết. Nhưng sao nhà thờ, nhà chùa lại có thể là nơi phát thuốc chữa bệnh? Ai bảo đảo là các em bụi đời và các em trong trại mồ côi được no ấm hơn nhờ sự giúp đỡ của người Việt hải ngoại? Ngay chợ Nguyễn Công Trứ cạnh nhà tôi, có rất nhiều em bụi đời đã trốn chạy khỏi các trại từ thiện vì cuộc sống ở đó cực quá, lao động vất vả quá! Tôi thường hay nói chuyện với các em nên mới biết. Còn việc viện trợ quốc tế thời thực ra dân nghèo khổ mà được hưởng. Nằm bệnh viện là phải có tiền, tiền dứt lốt, tiền chi phí. Khi có quốc tế cứu trợ nhân đạo như lũ lụt thì Đảng đỡ phải chi, và tiếp tục đẩy mạnh

xuất khẩu gạo đường cá thịt... Nếu không có cứu trợ thì Đảng phải nhả ra ít nhiều, bỏ mặc sẽ loạn! Tại sao khi Đảng xuất khẩu tới 2 triệu tấn gạo mỗi năm mà những tấm lòng vàng lại phải đem gạo về cứu đói? Tôi đã làm 4 câu thơ về tình trạng này từ năm 1986:

*Đường, sữa, gạo, mì thế giới cứu nguy,
bố thí*

Đảng sử dụng thế nào kín mít, ai hay?

*Chỉ biết là dân đen không ăn huệ mấy
may.*

Có bao giờ tới tay, có ai buồn để ý!

Xin nói về các hoạt động truyền giáo.

Trùng tu nhà thờ, chùa chiền. Hãy yêu cầu Đảng trả lại các nhà thờ, các chùa chiền Đảng chiếm đoạt. Không cần ai bảo trợ các tu sinh. Đảng hãy để giáo hội được tự do tuyển chọn tu sinh, giáo sư giảng dạy, mở các chủng viện! Việc in ấn kinh kệ đều được đem bán cho các Phật tử và có lãi, không cần quốc tế giúp. Giúp chi nuôi béo những ông sư công an đi xe Dream 3000 đô-la, đi Toyota.

Xin nói về trại cùi. Trại tù Ba Sao ở cách một trại cùi một vài cây. Một số anh em tù được tiếp xúc với họ một cách lén lút để mua bán đổi chác, cho biết là bệnh nhân phải lao động vất vả, có cả xà lim kỷ luật! Cùi cũng có cùi có tiền, cùi không tiền. Cùi có tiền được đối xử khác với cùi không tiền! Còn trại cùi ở Cẩm Thủy Thanh Hoá tôi không biết. Vì không có cái gì là tuyệt đối nên tôi cũng xin nêu lên một trường hợp duy nhất tôi biết là viện trợ quốc tế hữu hiệu có lợi cho dân. Đó là việc tiêm chủng cho trẻ em. Không mất tiền, không phải hối lộ. Hàng triệu liều thuốc chủng, Đảng lấy để làm gì? Dân thời phải gọi loa giục mới có người dẫn con đi. Bán không được, tham ô vào đâu? Một việc nữa cũng có ích đôi chút là việc trùng tu các di tích lịch sử, như Huế chẳng hạn. Tuy vào túi các vị có chức quyền rất nhiều, sau đó lại thu hút được khách du lịch, tiền cũng vào túi các cơ quan nhà nước, nhưng các di tích quý báu không bị hủy hoại.

Cuối cùng xin nói về bà cụ trên 100 tuổi, bị cùi, đôi dép không có mà đi. Anh nói cụ là nạn nhân của lòng thù hận trên 20 năm. Tôi muốn hỏi tất cả mọi người: Ai thù hận bà cụ? Thực tế bà cụ chỉ là nạn nhân của một chế độ khốn nạn phi nhân. Cả nước Việt chỉ có vài cụ thọ trên 100 tuổi là cùng. Một cái sân tennis của ông Kiệt cũng đã mua đủ quần áo, giày dép cho tất cả các cụ. Sao anh không lên án chính quyền cộng sản? Và còn biết bao nhiêu tù nhân đấu tranh chống lại nền độc tài chó má để mang lại tự do dân chủ, nhân phẩm cho dân tộc, họ đang đói rách,

ốm đau, chết mòn trong các trại tù, sao không thương xót cứu vớt họ? Hơn nữa, cộng sản vẫn lợi dụng sự cứu trợ để tuyên truyền bịp bợm. Họ nói: Những Việt kiều yêu nước, theo tiếng gọi của Đảng đã đem tài trí, của cải về đóng góp xây dựng đất nước! Nhiều người dân đau buồn hoang mang, vì họ coi lực lượng hải ngoại là nguồn yểm trợ cho cuộc đấu tranh đầy gian khổ và nguy hiểm của họ chống cộng sản. Lợi bằng hòn sỏi, hại bằng trái núi, tôi mong những tấm lòng vàng nên nghĩ

diễn-dàn:

Tác-giả bài "Trò đạo-đức" lên tiếng

Kansas, 25.11.1995

Kính gửi quý báo,

Trước hết, tôi xin lỗi vì bức thư hơi ậm ạch trễ này của tôi. Cách đây hai tháng, tôi lập gia đình và dọn di chỗ khác ở nên không còn liên lạc về địa chỉ cũ nữa. Mãi đến ngày hôm qua, tôi có công việc phải về nơi ở cũ thì được chuyển lá thư của quý báo gửi cho tôi. Tuy biết rằng hơi chậm trễ, nhưng tôi vẫn cố gắng hồi âm về toà soạn càng sớm càng tốt để mong quý báo hiểu cho tình cảnh của tôi trong chuyện đáng tiếc vừa qua.

Trước đây, khi còn ở Việt Nam, tôi có người bạn rất thân. Bạn tôi rất giỏi về viết văn, làm thơ và chúng tôi rất hợp nhau nên hay tâm sự, trò chuyện với nhau. Những hôm phải trực đêm ở trường, chúng tôi thường hay kể chuyện cho nhau nghe, và truyện "Trò đạo đức" là một trong những truyện bạn kể cho tôi. Khi đó tôi không hề biết là bạn tôi đã đọc truyện đó ở đâu, nhưng tôi đặc biệt chú ý đến nó vì cốt truyện hơi đặc biệt của nó.

Rồi cách đây hai năm, tôi xuất cảnh qua Mỹ, bạn tôi cũng đi sau tôi vài tháng. Chúng tôi vẫn thư từ liên lạc với nhau thường xuyên. Khi truyện ngắn đầu tiên của tôi, "Trái tim cam", được quý báo đăng tải, tôi rất vui và bạn tôi khuyến khích tôi tiếp tục viết, có gì bạn tôi sẽ giúp đỡ. Và khi tôi đang viết "Trò đạo đức", bạn tôi muốn tôi gửi qua để xem trước. Sau đó, bạn tôi đã giúp tôi sửa cách hành văn, cách dẫn truyện, v.v. và cách dùng từ ngữ, thậm chí bạn tôi sửa một số câu trong bài viết. Tôi thấy cách viết rất hay và thế là tôi gửi đến quý báo. Tôi thực sự không hề biết là truyện đó được bạn tôi sửa chữa sao đó lại là phóng tác của một người ở Việt Nam, và tôi cũng không hề có ý định phóng tác truyện của ai đó. Như quý báo

lại.

Tôi xin kết luận bằng 4 câu thơ tôi làm năm 1988:

Đảng như hòn đá tảng

Đề lên vận mạng quê hương

Muốn sống trong hoà hợp yêu thương

*Việc trước nhất phải tìm phương hướng
xuống!*

Chào thân ái

30.11.1995

Nguyễn Chí Thiện

cũng thấy, truyện "Trái tim cam" của tôi không hề có một điều tiếng gì, và cũng không hề là phóng tác của một truyện nào cả.

Rồi bạn tôi còn giúp tôi viết nhiều bài nữa. Một trong những bài đó là "Trang và "Hạ rơi". Tôi thực sự bây giờ cũng chẳng còn dám tin tưởng vào những bài đó nữa, mặc dù "Trang" và "Hạ rơi" là có truyện do tôi nghĩ ra, nhưng bạn tôi cũng có sửa một số chi tiết, một số câu để cho "hay" (tôi không ngờ cái "hay" đó lại đến mức đáng xấu hổ như vậy).

Một thời gian trước khi lập gia đình vì một vài lý do riêng, tôi và bạn tôi broke up và không còn liên lạc. Khi nhận được thư của quý báo, tôi vội liên lạc với bạn tôi nhưng không được cho nên tôi cũng chỉ còn biết chịu điều tiếng như vậy. Tôi xin thật lòng gửi lời cáo lỗi cùng quý báo và quý độc giả. Xin quý báo thông cảm và hiểu cho rằng đây là một chuyện ngoài ý muốn và tôi đã vô tình làm một điều đáng trách như vậy. Tôi rất cảm ơn quý báo và quý độc giả đã giúp tôi biết được những điều đó. Đây quả thực là một cú sốc đối với tôi, và có lẽ tôi cũng sẽ chẳng bao giờ dám tự tin viết văn nữa.

Một lần nữa, với tất cả lòng thành của tôi, tôi chỉ còn biết mong sự thông cảm và sự rộng lòng tha thứ của quý báo và quý độc giả cho lỗi lầm này.

Tôi mới tập viết văn và đã được quý báo chọn đăng bài viết đầu tiên của tôi "Trái tim cam" và tôi biết quý báo đã rất rộng lòng để nâng đỡ và tôn trọng bài viết của người tầm thường như tôi. Vậy tôi cũng xin quý báo hãy thông cảm và hiểu giúp cho tình cảnh của tôi trong sự việc éo le và đáng tiếc này.

Kính thưa quý báo, tôi cũng chẳng cần biết nói gì hơn ngoài lời thành thật xin lỗi. Mong rằng qua những lời thô thiển của tôi, xin quý báo rộng lòng thông cảm và tha thứ cho sự làm lỗi này.

Kính thư,

Thảo Nguyễn

lệ làng:

MUA BÁO DÀI HẠN nhANH . RẺ . NHIỀU QUYỀN-LỢI KHÁC

Độc-giả mua báo dài hạn nhận báo gửi về tận nhà, được bớt từ 10% đến 25% khi mua sách do *Làng Văn* phát-hành.

Xin điền phiếu mua báo, gửi kèm ngân-phiếu hoặc bưu-phiếu về tòa-soạn tại Gia-nã-đại (Canada).

Độc-giả tại Gia-nã-đại, Hoa-kỳ và Anh-quốc có thể trả bằng chi-phiếu (cheque/check) cá-nhân, gửi về tòa-soạn Gia-nã-đại.

Độc-giả tại các nước khác xin trả bằng bưu-phiếu mua tại bưu-điện, hoặc ngân-phiếu mua tại ngân-hàng. Cũng có thể trả bằng chi-phiếu cá-nhân theo giá tiền địa-phương, gửi về văn-phòng Làng Văn địa-phương.

GIÁ BÁO DÀI HẠN

(mỗi năm 12 số, kể cả báo Xuân)

Báo gửi bằng Gia-nã-đại:	75\$ (máy bay); 55\$ (đường bộ)
Gửi đi Hoa-kỳ:	đường hàng không: 75 mỹ-kim (90 GK) đường bộ: 55 mỹ-kim (68 GK)
Các nước khác:	đường hàng không: 85 mỹ-kim (110 GK) đường thủy: 55 mỹ-kim (68 GK)

Ghi chú:

GK: giá kim CA\$ (tại Gia-nã-đại); mỹ-kim: US\$ (tại Mỹ)

Nếu trả bằng chi-phiếu / tiền địa-phương, xin theo giá:

Anh:	đường thủy 18 bảng / hàng-không 65 bảng
Bỉ:	đường thủy 1.800 quan / hàng-không 3.000 quan
Đan-mạch:	đường thủy 450 đon-kim / hàng-không 600 đon-kim
Đức:	đường thủy 100 đon-mã / hàng-không 150 đon-mã
Hoa-lan:	đường thủy 110 gulden / hàng-không 200 gulden
Nà-uy:	đường thủy 450 krona / hàng-không 600 krona
Nhật-bản:	đường thủy 6.500 yen / hàng-không 11.000 yen
Pháp:	đường thủy 350 quan / hàng-không 550 quan
Úc:	đường thủy 90 đô-kim / hàng-không 140 đô-kim

Dù đang cư ngụ tại bất cứ quốc-gia nào, quý độc-giả đều có thể gửi bằng chi-phiếu bằng tiền địa-phương và tòa-soạn Làng Văn tại Gia-nã-đại. Xin để trả cho: "Mr. NGUYEN"

Quý vị cũng có thể gửi về các văn-phòng đại-diện tại quốc-gia bạn cư trú, theo các địa-chỉ kế sau:

Đức: Dr. Ngô Việt Dũng Postfach 104122 44041 Dortmund (ĐT: 231-656-9449)	Nhà-uy: Dương Kim Björn Bondegevi 151 1253 Odo (ĐT: 047-22-618645)	Hoa-kỳ: Thương Sĩ Lương 1700 Cútip N Dale Dr Arlington TX 76012 (ĐT: 817-265-6556)
Hoa-kỳ: Hò Thi Chiên Lyden 77 162k Am-Holm NH (ĐT: 02290-231666)	Úc-đại-hội: Phạm Quang Ngọc P.O. Box 225 Donnyrigg, NSW 2177 (ĐT: 02-423-6129)	Nhật-bản: Phạm Ngọc Effendi 262-6K 113, 8Jiemawadi Yamato-Shi Kansai-Ken, T 242

Quý vị sẽ nhận được số báo đầu-tiên trong vòng 4 tuần (nếu mua báo gửi bằng máy bay) hoặc 12 tuần (nếu mua báo gửi bằng đường thủy) sau ngày tòa-soạn nhận được chi-phiếu. Sau thời-hạn này, nếu chưa nhận được, xin thông-báo cho tòa-soạn biết để xem lại.

Mỗi độc-giả sẽ có một mã-số riêng, in ở hàng đầu trên nhãn địa-chỉ của bạn ngoài phong-bì gửi báo. Xin vui lòng cắt nhãn này để dành. Khi cần giao-dịch với tòa-soạn (khiếu-nại, mua sách, gia-hạn báo, đổi địa-chỉ, v.v.), xin gửi kèm mã-số để tránh nhầm lẫn. Mã-số này gồm ba nhóm số và chữ. Nhóm thứ nhất là mã-số riêng, không bao giờ thay-đổi. Nhóm thứ hai là hạn báo của quý vị, ghi số báo chót sẽ nhận được. Nhóm chữ cuối cùng (nếu có), là cách gửi báo (máy bay, đường bộ...).

Quý độc-giả mới, hoặc vừa tái hạn, trong vòng 90 ngày, xin vui lòng kiểm-soát lại nhóm số thứ hai (hạn báo). Nếu thấy không đúng với con số do quý vị tính, xin thông-báo ngay cho tòa-soạn.

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ, tên đệm, tên:

Địa chỉ:

..... năm: từ số: kèm chi-phiếu:

Ngân, chi-phiếu xin để và gửi về:

"Mr. NGUYEN"

P.O. Box 218, Station "D", Toronto, Ontario M8Z 5P1, Canada

PHIẾU TẶNG BÁO

Tôi muốn mua: năm báo, kể từ số:

(ở lưng phiếu:

Địa chỉ:

Xin để: "Đo:

kèm theo ngân, chi-phiếu:

Lưu ý: Khi đổi địa-chỉ, xin quý độc-giả vui lòng báo trước cho tòa-soạn biết. Dùng phiếu đổi địa-chỉ in ngoài phong bì gửi báo; hoặc ghi rõ: tên người mua báo, mã-số và địa-chỉ cũ kèm theo địa-chỉ mới. Tòa-soạn không gửi bù các số báo bị trả lại.

BÀI VỎ

1. Bài gửi đăng có thể viết trên hai mặt giấy, nếu trong hoàn-cảnh khó-khăn. Nếu viết bằng máy vi-tính IBM hoặc tương-đương, xin vui lòng gửi đĩa bài về tòa-soạn, và cho biết loại Việt-chương (VNI hoặc VNLab). Tòa-soạn dùng chữ Việt của hãng VNLab (và WinWord).

2. Tòa-soạn không hoàn lại bản-thảo, dù kèm tem, xin quý tác-giả vui lòng sao giữ lại.

3. Ngoại-trừ các bài có tính-cách tin-tức, thời-sự tòa-soạn cần phổ-biến rộng, *Làng Văn* tránh không đăng bài trùng.

Bài gửi riêng cho *Làng Văn*, xin ghi chữ "riêng" ở góc trái, phía trên đầu bài.

4. Nếu không cho phép tòa-soạn nhuận-sắc, xin ghi thêm các chữ "không sửa".

5. Bài đã ghi vào cột "sẽ đăng", muốn gửi cho báo khác, xin vui lòng báo trước.

6. Bài đã đăng trên *Làng Văn*, sau ba tháng, tác-giả có thể gửi đăng lại trên các báo khác.

7. Các bài đã đăng trên *Làng Văn*, tòa-soạn sẽ chọn và phân loại để in sách. Nếu tác-giả cần giữ lại cho sách riêng, hoặc giao cho các nhà xuất-bản khác, xin thông-báo cho tòa-soạn để tránh in trùng. Khi in sách, tòa-soạn sẽ trả nhuận bút và tặng sách.

8. Quý đồng-nghiệp muốn trích đăng lại, xin vui lòng báo trước và chờ sự thỏa-thuận bằng thư. Bài trích đăng, xin ghi rõ các chữ: (*Làng Văn* số...) ngay bên dưới tên tác-giả hoặc ở cuối bài.

thư đi tin lại

NGUYỄN HƯƠNG phụ-trách



Thiệp Giáng-sinh nhận được

Tính đến ngày 20.12.1995, toà-soạn nhận được thiệp chúc mừng nhân dịp lễ Giáng-sinh của quý thân-hữu và độc-giả kể sau. Xin đa tạ và kính chúc quý vị một kỳ lễ và năm mới an-khang, thịnh-vượng:

Dư Quốc Thắng, Đức; Anh Nguyễn Như Sơn, Úc-dại-lợi; Cô Ngô Thị Mỹ Dung, Đức quốc; Lê Văn Đăng, Hòa-lan; anh chị Trần Trung Lương, Gia-nã-đại; Gia-đình Trần Hoàng Chung, Thụy-điển; Bạn thơ Phan Các Chiêu Hằng, California; Ông bà Lê Văn Thanh, Na-uy; Gia-đình thi-sĩ Hoài Nam, Virginia; Cô Trương Thị Vân Thanh, Đan-mạch; Thi-sĩ Xuân Tước, Colorado; Bà Lê Thị Anh, Úc-dại-lợi; Thi-sĩ Trần Văn Lệ, California; Ông Lê Văn Thành, Đức quốc; Thi-sĩ Vạn Giả, Gia-nã-đại; Cô Lê Thị Ngọc Hân, Nhật-bản; K.N., Gia-nã-đại; các thi-sĩ Việt Phong, Ông Thế Hùng, Hà Chính Bình, Gia-nã-đại; Quả-phụ Kinh Tân và gia-đình, Gia-nã-đại; Cô Trần Thị Khanh, Đức; Cô Ngọc Diệp, Đức; Anh Vũ Tiến Dũng và gia-đình, Hương-cảng; Ông Lý Văn Sự và Hội Cựu Quân-nhân Quân-lực VNVH Phi-luật-tân; Bà Lê Thị Hương, Pháp; Thi-sĩ Nguyễn Khanh, Na-uy; Gia-đình Bùi Trọng Tiến, Pháp; Nhà văn Việt Phương, Hoa-kỳ; Ông bà Lê Văn Tạo, Gia-nã-đại; Gia-đình Trần Ánh Tuyết, Gia-nã-đại; Gia-đình BS Vũ Văn Dũng, Gia-nã-đại; Hoàng Lương và Câu-lạc-bộ Văn-nghệ-sĩ VN ở Thái-lan; Gia-đình Phan Hồng, Gia-nã-đại; Thủ-tướng Gia-nã-đại Jean Chrétien và gia-đình; Ông Lê Tiến

Anh, Québec; ông Phạm Xuân Thảo, Hoa-kỳ; Gia-đình BS Trần Mộng Lâm, Québec; Ông bà Hoàng Đình Hùng, Hoa-kỳ; Gia-đình Trọng Nghĩa, Mộng Lan, Hoa-kỳ; Ông Zeng Sen Nguyễn Sang, Hoa-kỳ; Weller Publishing Company; Gia-nã-đại; Trần Tường-Vy, Nhật-bản; Omnitrans, Gia-nã-đại; Sliver Printing, Gia-nã-đại; Trương Lý; Úc-dại-lợi; Belmont Press, Gia-nã-đại; Nguyễn Thị Lộc Uyên, Gia-nã-đại; Unisource, Gia-nã-đại; Nguyễn Kim Cang, Québec; Central Perfect Bindery, Gia-nã-đại; Gia-đình Tôn-nữ Huyền Thanh, Ý-dại-lợi; Nhạc-sĩ Nguyệt Ánh, Hoa-kỳ; Ông bà Lê Văn Thân, Bỉ; Thi-sĩ Ngô Minh Hằng, Hoa-kỳ; Vĩnh Hoà Hiệp (Huỳnh Bá Tươi), Úc-dại-lợi; Thi-sĩ Ái Khanh và Đỗ Xuân Hùng, Hoa-kỳ; Ông bà Thân Văn Minh, Hoa-kỳ; Anh Nguyễn Hữu Phúc (Orange County Jail) Hoa-kỳ; Thi-sĩ Nguyễn Văn Ngọc, Hoa-kỳ; Cô Lê Thị Hoa, Hoa-kỳ; Gia-đình Phan Long Yên, Hoa-kỳ; Ông bà Lê Hạnh, Gia-nã-đại; Ông bà Phạm Duy Tuệ, Gia-nã-đại; Ông bà Lê Đình Thuận, Gia-nã-đại; Dân-biểu Tony Ruprecht, Gia-nã-đại; Cô Trần Thị Hoa, Bỉ; Anh Phạm Quang Hợp, trại Whitehead, Hương Cảng; Gia-đình Vũ Văn Bảy, Gia-nã-đại; Gia-đình Nguyễn Quyết Thắng, Hòa Lan; Gia-đình Nguyễn Văn Quận & Sáu, Hoa-kỳ; Cô Hồng Anh, Pháp; Gia-đình thi-sĩ Trần Ngân Tiêu, Hoa-kỳ; Ông bà Lê Long Dương, Úc-dại-lợi; Hoàng Linh, Hung-gia-lợi; Ông bà Đặng Văn Trân, Gia-nã-đại; Gia-đình nhà văn Duy Lam, Hoa-kỳ; Cô Trương Thị Hồng Loan, Bảo-gia-lợi;

BS Lương Duyên Nam, Hoa-kỳ; Ông bà Trần Hồng, Anh quốc.

BẢO BỊ TRẢ VỀ

(yêu-cầu liên-lạc toà-soạn để xác-nhận địa-chỉ):

Lê Văn Hùng, Winnipeg; Nguyễn Minh Khánh, Toronto; Hoàng Hiền Thục, Hamilton; Vương Thu Nga #02103, Hoa kỳ.

Phan Các Chiêu Hằng, San Jose: Đã nhận được bài thơ tí tẹo. Kể ra nắng Cali cũng hại thật, hong khô cả mọi thứ, cái gì cũng teo tóp lại hết Thân.

Anh Trần Tiến (Trần Văn Tiến, trại 3 Whitehead, Hong-kong): Đã gửi anh giấy tờ cần thiết. Mong sẽ giúp được anh. Chúc may mắn.

Đặng Thị Quế Phương, Bỉ: Bu "tre xinh", của bạn thuộc giống lan ngà, thân vàng có sọc xanh, thuộc loại qui đầy. Còn hoa ti-gôn, miền Nam nước Pháp hơi hiếm, miền Nam Tây Ban Nha chắc chán mọc nhiều hơn.

Tội hỉ! Thi sĩ đánh vật với mấy câu nhu trình diện toán, xem ra vất vả đủ đôi!

Mới có một nàng Elisa mà đã than. Mai kia nàng dẫn nguyên tiền, đôi lục tục kéo ra trình diện thì làm sao? Thân.

Ngô Minh Hằng, New Jersey: Đã nhận được bài thơ tình 20 đoạn (dường như mỗi đoạn cho một nàng) và 4 bài thơ mới. Cảm ơn bạn.

Đỗ Thịnh Phi, Zaventem: Cảm ơn về phần phân tích và góp ý của anh. Truyện dài đăng báo tháng rồi khó viết. Nhiều chuyện rất hay nhưng không đăng báo được. NH tìm tòi, lục lọi dữ lắm, nhưng đành chịu! Sẽ thêm phần điểm sách Việt. Không mong tránh khỏi buồn phiền, vì Làng Văn phân biệt rất rõ giữa phê bình và thỉ tặc. Chi phiếu của anh bên này không lãnh được, xin gửi ngân phiếu (Money order). Kính.

Bà Bùi Xuân Mai, Brossard: Hạn "sale" đã qua, bà được bớt 15% thôi. Giá tổng cộng sau khi bớt của 6 cuốn ấy là 118,50 gia kim. Kính.

Nguyễn Văn Vĩnh, Pháp: Quý độc-giả ở ngoài Gia Nã Đại và Hoa Kỳ, mua báo gửi bằng đường thủy, khi nhận được phiếu tái hạn, xin vui lòng tái hạn ngay, đừng chờ tới số chót, sẽ tránh được sự gián đoạn (có khi hai hay ba tháng). Kính.

Bà Hồ Bá Tâm, Pháp: Quý độc giả ở Pháp muốn mua dài hạn báo *Làng Văn*, có thể ký chi phiếu bằng tiền quan Pháp, đề "Làng Văn" và gửi thẳng về địa-chỉ tòa soạn ở Gia Nã Đại.

Ông Bạch Thái Hà mấy năm sau này sức khỏe không sung mãn như trước, các cháu đều đã lớn, ở riêng, không thể trực tiếp giúp bố, nên chỉ đại diện tòa soạn về mặt giao tế, tinh thần. Việc hành chánh và bài vở tòa soạn trực tiếp giao dịch với độc giả và các đại lý.

Các bạn ở Sikiew, Thái Lan: Lời Cha khuyên "trở về B, C", rất gần với thực tế. A, B hay C gì cũng chịu cùng một chính sách. Cần giữ sức khỏe và mối liên lạc với bên ngoài thường xuyên và luôn luôn thay đổi cách đấu tranh. Chúc các bạn may mắn.

Anh Cao Xuân Lý, Úc: Xin gửi một gói nhỏ sang. Mong giúp được anh phần nào trong việc phát hành, dù bây giờ rất khó. Thân.

Ông Nguyễn Bá Phúc, Sydney: Đã nhận được các truyện ngắn của ông. Xin vui lòng theo dõi cột "bài nhận được." Kính.

Bà Nguyễn Thị Nga, Ý: Bài có tên trong cột "nhận được", nhưng không có trong cột "sẽ đăng", tác giả có thể gửi cho các báo khác ngay. Bài có tên trong cột "sẽ đăng", tác giả chờ lâu quá sốt ruột, muốn gửi báo khác, xin vui lòng viết báo cho tòa soạn biết để tránh đăng trùng.

Cảm ơn bà về sự khích lệ "trang Khoa-học" và bạn văn Hoàng Nga.

Nguyễn Thi, Oslo: "Mèn ơi", ba năm sau mới thấy bài của mình lên báo thì lâu thật đấy! Bài gửi sau đăng trước là thường sự. NH không làm mất bài nào đâu, bạn đừng lo.

Vì kết một chuyện khác bên này, chương trình sinh hoạt bên châu Âu có thể lui lại tới cuối năm 1996. Thế nào cũng có dịp đến thăm và thưởng thức tài nấu bếp kiểu Na Uy của bạn, và sẽ nhờ giúp vài việc bên đó. Thân.

Thanh Vân, Cali: Đã nhận được tám ảnh của cô bạn (tươi mát như mây xanh), chờ đọc bài tường trình vì công đạo của bạn. NH có biết chuyện cuốn sách của cặp đó nhưng không để ý. Ra sách, ra báo mà không có người đọc cũng giống như ngồi rùa xả lăm nhảm trong bóng tối, vô hại! Bằng chứng là NH và ông mập vẫn ...lên cân đều đều trong mười năm nay, dù có bị pháo kích dài dài.

Bên miền Tây coi bộ còn lộn xộn thêm vài tháng nữa, bạn ta không lo cạn đề tài. Thân.

Diễm Hồng, Knoxville: Thư đề ngày 8.11 mới tới, không hiểu sao lại chậm thế? Bây giờ thì đã gặp ở Cali rồi mà chưa kịp hỏi gì hết. Cháu viết thư khác vậy. Cho cô thăm bố mẹ và cả nhà. Thân.

Anh Nguyễn Như Sơn, Sydney: Đã nhận được phần đầu bài "Thiên linh cái" như anh đã "dọa". Phần sau đâu? Chưa hết mà, phải không? Thân.

Jullian Huỳnh, Saskatoon: Báo *Đường sống* đã đình bản, xin chia buồn cùng cháu và các gia đình bị nạn. Thân.

Thi sĩ Đắc Trung, PA: Thật là đen đủi! Anh nên tìm tới cơ quan nhân quyền hay Legal Aid, vì đó là trường hợp kỳ thị chủng tộc.

Đã mua trước một số sách và gửi sang anh một món nhỏ. Mong giúp được trong muôn một. Thân.

Thi sĩ Sáo Bạc, Floria: Cảm ơn anh, cũng như công tử Boston, đã kiến nghị đúng vì. Mọi chuyện sẽ phải êm đẹp, không ai che nổi ánh sáng mặt trời.

Đã nhận được cái thư thứ hai, đọc cười chết bỏ. Cảm ơn về tờ TG. Sẽ gửi bài và tin cho người ta. Thân.

Ông Lưu Bình Định, London (Gia Nã Đại): Người ta lãnh chi phiếu của ông ngày 6.10, đến 13.11 ông vẫn chưa nhận được sách và băng thì có hơi chậm một chút (gói sách và băng đi đường bộ từ Texas sang London (Gia Nã Đại) mất khoảng 3 đến 4 tuần. Đôi khi vì lý do nào đó, người ta không kịp gói hàng và gửi đi ngay. Nếu cho đến nay ông vẫn chưa nhận được, xin cho biết.

Anh Đông Giang Nguyễn văn Ngọc, Hương Cảng: Đã chuyển thư anh cho LAVAS (sau nên gửi thẳng, nhanh hơn. Địa chỉ LAVAS ngay dưới phần tin tị-nạn mỗi kỳ.

Anh Phan Tuấn Sơn, Úc: Đã nhận được 2 bài thơ, không thấy đề chữ "riêng". Vẫn nhớ anh có thói quen phát bài cho nhiều báo, nên phải để qua một bên.

K. Phương, Thụy Sĩ: Đâu cần hia bảy dặm, chỉ cần có ông tài xế vừa lì vừa giỏi (cố ông Mập), trong hai ngày thôi đã có thể đi ngang qua 8 nước rồi. Còn nhớ năm nọ cả đoàn 8 mạng, ăn sáng ở Pháp rồi lên đường, ngang qua Lục Xâm Bảo, Bỉ, ăn trưa ở Hòa Lan, ăn chiều ở Đức xong ngồi phà sang Đan-mạch ngủ đêm. Hôm sau ăn sáng ở Đan Mạch, ăn trưa ở Thụy Điển, ăn tối ở Na Uy. Sợ chưa? Cái châu Âu của bạn nhỏ tí tẹo! Bên này mình lái xe toát mồ hôi từ 6 giờ sáng đến 6 giờ chiều trên xa-lộ, chưa đi qua hết bề ngang của một tỉnh Ontario!

NH không thích đi lối chạy giặc như vậy. Lần tới qua Thụy Sĩ sẽ ở lại lâu để bạn hiền nuôi báo cô cả tuần cho sợ chơi! Thân.

Yến Hà, Dallas: Việt chương VNI và VNLab không khác nhau bao nhiêu, biết một thứ rồi, có thể dùng thứ kia dễ dàng. WinWord là tên tắt của *Microsoft Word for Windows*, giống như *Word Perfect* (dùng trong DOS), nhưng dễ hơn nhiều, vì dùng trong *Windows*.

Tập nhạc bạn hỏi, LV không có trong thư mục. Hôm nào đi Houston, có thể mua ở tiệm Thiên Nga.

Bài đăng báo lần đầu có báo tặng, từ bài thứ nhì sẽ có nhuận bút, ít thôi, khi in thành sách, được trả nhuận bút lần nữa và sách tặng.

Tòa soạn rất thích đăng những bài không phải sửa. Nếu phải nhuận sắc (hay biên tập), phần lớn đối với những bài chọn đăng, tòa soạn sửa lỗi chính-tả hay lỗi vô ý, đôi khi dụng ngữ hay văn phạm. Nặng nhất là kỹ thuật (rất ít khi): đảo-lộn thứ tự các đoạn, sắp-xếp lại cho sáng, cắt bớt các đoạn thừa có thể làm lạc hướng độc-giả. Nếu không phải vì một ý rất hay, bỏ thì tiếc cả bài, NH tránh không dụng tới loại này, đau đầu và

mất rất nhiều giờ!

Bài phải nhuận sắc trước khi đăng vẫn được hưởng qui chế nhuận bút giống như các bài khác. Phần NH, đã được công ty phát lương cho để ngồi làm công việc biên-tập (đọc, chọn, nhuận sắc bài vở) gần 12 năm nay rồi, chẳng có phúc lợi nào thêm cả!

Về truyện phóng tác, quý vị tác giả thường không đề xuất xứ. Lý do là rất nhiều khi tác giả chỉ dựa một phần rất nhỏ vào truyện gốc và dựng hẳn một cốt truyện, hay thay đổi gần như toàn bộ các tình tiết, tuy nhiên vẫn nên cho toà soạn biết tựa và tác giả chính truyện.

Từ khi gửi chi phiếu đặt báo đến khi nhận được số báo đầu tiên lâu nhất là khoảng 4 tuần.

Anh Huỳnh Bá Tươi, Úc: Thơ dài quá khó hay nên ít khi được đăng. Nếu thích viết dài và vẫn thấy hay, anh cứ thử. Đã có vài lần LV đăng thơ dài. Vài lần thôi, trong 11 năm. Thân.

Phan Đức Vinh, trại tù Hương

Cảng: Cô rất mừng biết tin các cháu bắt đầu nhận được báo. Lợi dụng thời gian bị câu thúc ở đó mà học lấy một nghề, mai kia dù sống ở đâu cũng đỡ khổ. Chú NHN có lần tới thăm một vài trại tù ở Hương Cảng và xem chương trình huấn nghệ ở đó rất khả. Chúc các cháu năm mới nhiều may mắn.

Nguyễn Hương, Dallas: Mừng ông đã chạy thoát về đến "quê người" an toàn, sau mấy ngày bị Tây đình công ngăn đường đón ngõ. Chờ xem bài viết với đề tài độc nhất vô nhị củ ông. Kính.

Anh Trần Hồng Văn, Houston: Đã nhận được bài, cảm ơn anh, xin dành cho số tân niên. Hẹn gặp lại anh cuối tháng 2. Thân.

B. Ngư: Cảm ơn ông về bài viết. Ông đổi từ VPS sang VNK rồi VNU, tòa soạn đọc được. Kính.

Bà Bành Ngọc Diêu, Downsview: Năm ngoái đã gửi niên giám Tự Do

Tin sách:

TRUYỆN CỔ DÂN-GIAN NA-UY

BẠCH LIÊN
kể

Gồm 14 truyện cổ-tích

. *Truyện cổ dân-gian Na-uy là loại truyện ở hiền gặp lành, tránh gieo gió để khỏi gặt bão, và hạnh-phúc trên đời này chỉ dành cho những người có tâm-hồn thánh-thiện.*

. *Cổ-tích cũng là loại truyện vừa giúp vui, vừa giúp xoa-dịu nỗi đau-thương trong cuộc sống.*

Giá 12 mỹ-kim (18 gia-kim), liên-lạc:

LÀNG VĂN

P.O. Box 218, Station "U", Toronto, Ontario M8Z 5P1 Canada

CHÚC MỪNG

Nhận được hồng thiệp báo tin vui, ông bà Nguyễn Phước An - Huỳnh Thu Liễu, sẽ làm lễ thành hôn cho thứ nam

Nguyễn Phước Lộc

đẹp duyên cùng cô

Nguyễn Thùý Phương

trưởng nữ của ông bà Nguyễn Hữu Phước, North Carolina (Hoa-kỳ), hôn-lễ cử-hành tại tư-gia, 3914 Plum Run Ct., Fairfax, VA 22033, ngày 23 tháng 12 năm 1995.

Kính chúc mừng hai họ Nguyễn & Nguyễn, thân chúc các cháu Phước Lộc & Thùý Phương vui hưởng hạnh phúc trọn đời.

Ô.B. Nguyễn Khắc Thuận

cho chị, NH gửi. Sách này ra mỗi năm một lần thôi. Còn dư 10 đồng, kỳ tái hạn này NH sẽ ghi cho chị 14 kỳ báo thay vì 12. Kính.

Nhà văn Phạm Thăng, Calgary: Xin ông gửi cho một gói nhỏ thôi, bán hết lấy nữa. Kho chật hết rồi! Kính.

Anh Hoàng Chí Kiên, Thái Lan: Sẽ làm theo lời anh. Vẫn gửi cho hai người, nhưng các số sách, báo khác nhau. Chúc quý anh may mắn hơn.

Doãn Thanh Hùng, Thái-Lan: Mừng em đã được chuyển sang trại tù chính trị. Ở đó chắc dễ thở hơn, và có dịp đọc, viết, học hỏi.

LMD, pháp sư chữa bệnh bằng "nhân điện" và "năng lượng vũ trụ" thực ra chỉ là một tay đại bịp. Cuốn phim em hỏi đó là *Xích lô*. Thân.

Nguyễn Minh Nữ, D.C.: Thư cho các anh PNT, NMT, anh có thể gửi về tòa soạn, nhờ chuyển. Thư cho anh chị Chiến & Thắng, xin gửi thẳng sang Hòa Lan, địa chỉ đăng trong trang "Lệ Làng". Chúc anh may mắn trên đất mới.

Anh Phạm Huy Ngọc, Montréal: Đã nhận tin hộ anh, chúc may mắn. Trước đây LV đã hai lần tổ chức giải VHNT. Sẽ làm tiếp tục, 5 năm một lần.

Thảo Nguyên, KS: Cảm ơn bạn đã lên tiếng về truyện *Trò đạo đức*. Quả là tai nạn nghề nghiệp, cả cho bạn lẫn cho *Làng Văn*. Thôi, cho qua. Không nên lo buồn nhiều quá.

Về sau, xin chỉ viết và gửi những chuyện bạn nghĩ ra thôi, tránh viết lại những chuyện "nghe kể", nguy hiểm lắm!

Ông Đoàn Đức Triệu, DC: Thú thực, LV không chuyên về loại sách của ông. Đề nghị giao cho nhà Đại Nam ở California. Khi Đại Nam in, chúng tôi sẽ phát hành, và như vậy, cách nào thì mặt sách của ông cũng sẽ có trong Thư mục của LV. Kính.

Ngô Công Tử, Dortmund: Mừng công tử đã qua cơn "bế tắc". Đọc *Cầu ô thước tháng giêng*, thấy hình như sắp bước vào một cơn bế tắc khác! Không phải thì thôi, cảm giận hờn, Cún nó cười. Sẽ gửi sách. Thân.

Anh Lê Văn Thịnh, trại tị nạn: Đã nhận được bài, xin anh yên tâm.

Hoàng Nga, Đức: Không đọc được đĩa bài, lại không có bản in sẵn nên chịu, chả biết cô em gửi cho cái gì! Bài viết bằng VNI nguyên dạng, hoặc nếu viết bằng Word, phải "save" dưới dạng ANSI, mới chuyển qua VNLab được. Bài không đậu "thanh lọc" kia để dành in sách vậy. NH vẫn thích lối viết và kỹ thuật cũ của bạn hơn.

Ông Mập đồng ý đặt tên cho con đầu lòng của bạn, cứ an tâm mà... đi. Thân.

Nhà văn Việt Thao, San Jose: Đã nhận được các bài mới, xin ông tiếp tục với "các khoa và các trường thi Hương triều Nguyễn." Đề tài tuy hơi khô nhưng quý. Những đề tài văn học cần kim để có đọc giả hơn. Kính.

Lương Tất Đạt, Đức: Mừng Bưu điện Đức đã làm việc tử tế trở lại. Hóa ra họ nhận báo rồi để đó không phát, đợi Bưu điện Gia Nã Đại gửi thư than phiền mới lục ra, phát lại rai!

Báo *Văn*, ông chủ nhiệm ốm, nghỉ vài tháng. Nghe nói sắp ra lại.

Câu danh ngôn kia của Phạm Quỳnh. Thân.

B.T., Fountain Valley: Cảm ơn BT về công thức bí truyền làm bánh hạnh nhân. Sẽ để dành làm của gia bảo. NH bạn làm báo nên rất ít khi làm bánh. Ông Mập thỉnh thoảng làm kem đậu xanh và kem sầu riêng.

NH đồng ý với nhận xét của bạn về các cuốn băng hình. Không thích cuốn nào thì đừng xem lại, khỏi phiền! Thân.

Nguyễn Hương, NJ: Hạn báo cũ của bà đến 132. Bà và chị mỗi người

gửi một chi phiếu tái hạn, nên hạn báo tăng lên đến 157 mới hết.

Đã chuyển chi-phiếu của bà cho LAVAS. Kính.

Ông Nguyễn Trung Tuấn, Montréal: Đã nhận được bản dịch các bài cổ thi về mùa xuân. Cảm ơn ông và xin chia sẻ thú vui tao nhã này. Kính.

Ông Nguyễn Ngọc Toàn, TX: Đã gửi trái phiếu cho ông, cuốn DBP... đã hết.

Bây giờ NH mới biết *Thuyền tình đổ bến* và *Bên bờ quanh hiu* của Quỳnh Dao thực ra chỉ là một. Không hiểu lỗi của nhà xuất bản nào trong việc đối tựa khi tái bản. Thật là tầm bậy! LV không xuất bản sách Quỳnh Dao, chỉ phát hành mà thôi. Kính.

Bà Lê Thị Hồng Sương, Đức: Đã gửi bù số 130 cho bà và đã đổi tên trên hồ sơ gửi báo. Mong từ đây về sau không bị nạn nhận báo trễ nữa!

Tổng số sách và 2 năm báo là 196 mỹ kim. Kính.

Nguyễn Hương và Việt Phương, Hoa Kỳ: Cảm ơn đã cho biết *Thủy thần sông Song* đã có báo khác đăng, giúp bảo vệ lệ làng về việc không đăng trùng bài. Thân.

Ông Võ Thanh, WA: Đã chuyển thư giúp ông. Chắc vì đường xa chậm chạp thôi. NH biết vị tác giả này không ngại viết thư như phần lớn các nhà văn khác. Kính.

Thi sĩ Việt Phong, BC: Đã gửi địa chỉ Vũ Tiến Dũng cho anh trong phong-bì báo kỳ này. Cảm ơn về bài thơ. Ngoài ra có thư chung. Thân kính.

Anh Thanh An, Hương Cảng: Đã gửi mẫu đơn sang, anh điền và gửi ngay sang Nhật. Chuyện tốt lành.

Bác Thái Văn Kiếm, Pháp: Làm xong bản chính *Việt nam gồm hoa*, NH sẽ gửi sang cho bác xem trước. Kính.

Ông Phạm Thanh Linh, Boston: Cảm ơn ông cho tin về bài thơ *Long khánh...* Đã nhận được các bài mới.

Bạn Tăng Sở Dương, Hương Cảng: Cảm giấy thông báo của Cao ủy Tị nạn gửi cho bạn, hỏi "muốn ngoan ngoãn về" hay sẽ bị "áp giải về", NH băng khuâng như chính mình đang bị giày xéo. Chưa biết tiếp cứu cách nào, ngoài xấp thư từ khiếu nại, thỉnh cầu, giải thích gửi đi tứ tung các nơi. Chúc bạn may mắn hơn.

HVP, Galang: Đã nhận được thư ngày 11.11.1995. Đang tìm một nhạc sĩ ở Galang, ký tên Nguyễn Thiên Thu, anh có biết là ai không? Thân.

Ông Du Quốc Thắng, Đức: Cảm ơn ông đã báo tin "nhận được báo." Có thể chú! Mong rằng tệ nạn "nhận rồi không phát" chấm dứt từ nay!

Ông Nguyễn Tấn Tài, Na Uy: *Văn xã* là phó sản của *Làng Văn*, đã đình bản. Văn có nhu cầu ra lại, nhưng thiếu nhân sự nên chưa làm được. Kính.

"G", Hoa Kỳ: Thơ chào mừng nhiều quá, biết đăng ai bỏ ai, đành... bỏ hết! Kính.

Anh Vy Hùng, Montréal: Hoan hô lòng tốt của anh. Ở bất cứ trại nào,

Làng Văn cũng có đầu cầu, thường là người trong Cộng đoàn Công giáo hay tổ chức Phật giáo để biết chắc các nhu cầu thực sự ở đó mà giúp cho đúng người, tránh nhiều trường hợp lợi dụng văn liên tục xảy ra suốt 10 năm nay. Thân.

Nguyễn Đà, Hương Cảng: Đã nhận được bài thơ, xin tiếp tục. Chúc anh và các bạn ở đó năm mới may mắn.

BÀI NHẬN ĐƯỢC

Văn: B. Ngự, Phùng Nhân, Thanh An, Bùi Văn Nhảm (6), Thái Văn Kiêm, Nguyễn Như Sơn, Xuân Tước, Nguyễn Hy Nghiêu, Văn Tấn Phước (2), Hứa Hoành (2), Thảo Nguyên, Trần Hồng Văn, Đào Đức Chương, Phạm Thăng.

Thơ: Ông Thế Hùng, EP (4), Phan Long Yên (2), Đông Giang (2), Nghiêu Minh (2), Nguyễn Văn Cường (5), Đỗ Đăng Bắc (3), Việt Phong, Trần Văn Tiến (5), Việt Liễu (5), Đoàn Đông Phương Khánh, Nguyễn Minh Hữu, Trần Minh Hiền (3), Phan Tuấn Sơn, Lê Nguyên Phương (20), Lê Phong Vũ (2), Ngô Minh Hằng (3), Song Châu (3), Nguyễn Văn Cường (9), Nguyễn Như Sơn (2), Trần Ngân Tiêu (2), Vạn Giả, Lê Văn Thịnh, Nguyễn Tân Phương, Nguyễn Thị Vẹn, Nguyễn Trọng Lượng, Vạn

Lam, Phan Các Chiêu Hằng (3), Hồ Minh Dũng, Phạm Thành Tính (5), Nguyễn Hải Hà, Đào Văn Bình, Kiêm Thêm, Cao My Nhân (2), Huỳnh Liễu Ngạn, La Cẩm Tú (2), Cao Hoàng Nhân (2), Nam Chi Thượng Nhân, Thảo Nguyên (2), Văn Ngọc Nguyễn, Việt Thao, Vĩnh Hoà Hiệp (26), Đà Diệu (7).

Tranh: Vi vi

BÀI SẼ ĐĂNG

Văn: Trả của (PN), Bún ốc Cẩm Phả (TA), Ông Huyện Sĩ, Đỗ Hữu Phương (HH), Thiên thai chốn nào (THV), Võ học Bình Định (ĐĐC)

Thơ: Tâm xuân ơi (OTH), Sinh nhật, Thu Paris, Nửa đời quàng hươu (EP), Tin xuân, Thu Hận (PLY), U tích, Cho Los (NM), Chung một niềm đau, Xuân sang (ĐĐB), Đông (TVT), Trăng, Tỉnh say (VL), Gõ (NMH), Hồn tôi xanh mãi xuân xưa, Mang cả đất trời vào xuân, Cũng một nụ cười (NVC), Văn bút Âu Lạc, Bao giờ có mùa xuân (TNT), Xuân lưu vong (VG), Tưởng như một kiếp nào, Nhớ Tiếng hát... (PCCH), Nợ (HMD), Buồn thương rau đắng (PTT), Huế và em (HLN), Hư thực, Cõi riêng (CHN), Đêm lửa cháy ở bản thảo (CMN).

Tranh: Vi Vi.

nhắn tin tị-nạn

Thế-thức và giá biểu: tối-đa 50 chữ; 15 mỹ kim (20 gia-kim) một kỳ; miễn-phí cho đồng bào tại các trại tị-nạn.

Tìm bạn thân Hoàng Bích Nguyệt, trước ở trại Tuen-Mun, Hương Cảng, nay định cư tại Úc, xin liên-lạc với: Uyên, 252 Queen St. East Unit #9, Brampton, Ontario L6V 1C1, điện thoại: (905) 456-8408 hoặc (905) 457-0894.

Tìm anh Phạm Hồng Thái, trước ở Alberta, số điện thoại 403-273-5715, nay ở đâu, xin liên lạc Phạm Huy Ngọc, 4655 Henri Bourassa, Apt. 605, Montréal, PQ H4L 5H6 Canada.

Tìm bạn, cựu đại-tá Nguyễn Hiền Diễm, tùy-viên quân-sự Việt-nam tại Washington, sang Mỹ năm 1971, nay ở đâu xin vui lòng liên lạc về: Đỗ Văn Bon, tài-xế. Địa-chỉ: 59/6 ấp 6, xã Tân-thạch, huyện Châu-thành tỉnh Bến Tre. Rất cần sự giúp-đỡ của Diễm. Quý vị có tin-tức của Diễm, xin mách giúp, cảm ơn.

CHIA BUỒN

Được hưng-tin:

Quả phụ NGUYỄN VINH TỘ
khê danh NGUYỄN THỊ THẢO
pháp danh DIỆU HẠNH

là cô mẫu của nhà văn NGUYỄN NGHĨA, đã thất lạc ngày 30 tháng 11 năm 1995 tại Mississauga, Ontario, hưởng thọ 75 tuổi.

Xin thành thật chia buồn cùng anh chị Nguyễn Nghĩa. Cầu chúc hương hồn cụ về nơi an lạc.

Gia đình Trịnh Quốc Toản
Nguyễn Việt Tiến
Nguyễn Bá Đình & Thủy Trang
Nguyễn Hương & Nguyễn Hữu Nghĩa

CÁO PHÓ

Chúng tôi đau-dớn báo tin cùng thân bằng quyến-thuộc:

Mẹ, em, bà nội, bà ngoại của chúng tôi là:

Quả-phụ NGUYỄN VINH TỘ **khuê-danh NGUYỄN THỊ THẢO pháp-danh DIỆU HẠNH**

đã thất-lộc vào lúc 12 giờ 20 khuya ngày 30 tháng 11 năm 1995 (nhằm ngày 9 tháng 10 năm Ất Hợi) tại Mississauga, Ontario, Canada; hưởng thọ 75 tuổi.

Lễ hoả-táng đã được cử-hành vào lúc 10 giờ sáng thứ bảy 2 tháng 12 năm 1995 tại Mississauga.

Tang-gia đồng khắp báo:

Trưởng-nữ NGUYỄN THỊ TÂM, chồng NGUYỄN VĂN AN và các con (Fridley, Minnesota)

Trưởng-nam NGUYỄN VINH MẠNH, vợ HỒ THỊ NGÀ và các con (Mississauga, Ontario)

Thứ-nữ NGUYỄN THỊ NGUYỄN, chồng PHAN VĂN TIẾN và con (Toronto, Ontario)

Thứ-nam NGUYỄN VINH PHÁT, vợ PHẠM THỊ KIM HOA và các con (Mississauga)

Thứ-nữ NGUYỄN THỊ NGỌC NHUNG, chồng NGUYỄN THIÊN DŨNG và các con (Mississauga)

Thứ-nữ NGUYỄN THỊ NGỌC QUÝ, chồng TRẦN TOÀN và các con (Roseville, Minnesota)

Anh NGUYỄN VĂN ĐIỂN và các con (Sài-gòn, Việt-nam)

Cáo phó này thay-thế thiệp tang.

PHÂN ƯU

Vô-cùng xúc-động khi được tin:

Chị NGUYỄN VINH TỘ **khuê-danh NGUYỄN THỊ THẢO pháp-danh DIỆU HẠNH**

là bà-omối của anh Nguyễn Văn Điển và là thân-mẫu của các cháu Nguyễn Thị Tâm, Nguyễn Vinh Mạnh, Nguyễn Thị Nguyễn, Nguyễn Vinh Phát, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Nguyễn Thị Ngọc Quý

đã tạ-thế lúc 12 giờ 20 khuya ngày 30 tháng 11 năm 1995 (nhằm ngày 9 tháng 10 năm Ất Hợi) tại Mississauga, Ontario, Canada; hưởng thọ 75 tuổi.

Lễ hoả-táng đã được cử-hành vào lúc 10 giờ sáng thứ bảy 2 tháng 12 năm 1995 tại Mississauga.

Thành-thật phân-ưu cùng anh Nguyễn Văn Điển, các cháu Nguyễn Thị Tâm, Nguyễn Vinh Mạnh, Nguyễn Thị Nguyễn, Nguyễn Vinh Phát, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Nguyễn Thị Ngọc Quý và toàn-thể tang quyến.

Thành-tâm cầu-nguyện cho hương-hồn người quá cố sớm siêu-thoát.

Em Nguyễn Thị Phụng và các con:

- Nguyễn Thị Ngọc Nga & Nguyễn Trường Sơn và cháu.
- Nguyễn Vinh Hùng & Trịnh Diệu Nga và cháu.
- Nguyễn Thị Ngọc Loan & Nguyễn Quốc Viễn và cháu.
- Nguyễn Thị Ngọc Dung & Nguyễn Xuân Giáo Đức và cháu.

- Nguyễn Thị Ngọc Thủy & Lưu Văn Giàu và các cháu.
- Nguyễn Quốc Hoàng & Lise Gaudet và các cháu.
- Nguyễn Quốc Toàn.
- Nguyễn Thị Ngọc Oanh & Lê Hữu Lộc và các cháu.

CẢM-TẠ

Chúng tôi xin chân-thành cảm-tạ:

- Đại-đức Thích Tâm Hoà, ni-sư Chơn Thành và quí Phật-tử chùa Việt-Nam, Mississauga
- Đại-đức Thích Chân Toàn và quí Phật-tử chùa Phổ Hiền, Etobicoke
- Đại-đức Thích Trí Dũng và quí Phật-tử chùa Linh Sơn, Toronto
- Quí ni-sư và quí Phật-tử chùa A Di Đà, Toronto
- Mục-sư Hồ Bình Minh và bà, Scarborough
- Trung-Tâm Cộng-Đồng Việt-Nam Mississauga
- Văn Bút Việt-Nam Ontario
- Hội Cao Niên Việt-Nam Toronto
- Hội Cao Niên Việt-Nam Mississauga
- ÔB Nguyễn Hữu Nghĩa & Nguyễn Hương (tạp-chí Làng Văn)
- Toà-soạn tuần-san Thời Sự

đã tụng-niệm, thăm hỏi, phân-ưu, đến viếng và tiễn-đưa linh-cữu đến nơi an nghỉ cuối-cùng, trong tang-lễ mẹ, em, bà nội, bà ngoại của chúng tôi là:

Quả-phụ NGUYỄN VINH TỘ

khê-danh NGUYỄN THỊ THẢO

pháp-danh DIỆU HẠNH

thất-lộc ngày 30 tháng 11 năm 1995 (nhằm ngày 9 tháng 10 năm Ất Hợi) tại Mississauga, Ont., Canada; hưởng thọ 75 tuổi.

Trong lúc tang-gia bối rối, có điều chi sơ-xuất, kính mong quí vị niệm tình tha-thứ.

Thay mặt tang-gia, đồng cảm-tạ

Trưởng-nam: Nguyễn Vinh Mạnh, vợ: Hồ Thị Nga và các con (Mississauga, Ontario)

CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi xin chân thành cảm tạ:

- Quí Thượng Tọa, Đại Đức, Tăng Ni và Phật Tử chùa Tam Bảo,
- Quí thân bằng quyến thuộc hai họ Nguyễn, Huỳnh,
- Quí thân hữu Montreal, Ottawa, Quebec, Toronto và Hoa kỳ

đã hộ tang, phúng điếu, chia buồn và tiễn đưa con, chồng, cha, anh và em chúng tôi là:

NGUYỄN GIA HIỂN

từ trần ngày 23 tháng 11 năm 1995 (nhằm ngày mùng 2 tháng 10 năm Ất Hợi) tại Fort Coulonge, hưởng dương 35 tuổi.

Trong lúc tang gia bối rối, có điều gì sơ xuất xin quí vị niệm tình thứ lỗi.

Thân mẫu: Bà quả phụ Nguyễn Văn Thắng

Nhạc mẫu: Bà quả phụ Huỳnh Phụng

Hiền thê: Bà quả phụ Nguyễn Gia Hiển, khê- danh Huỳnh Thị Quỳnh Trân

Hiếu tử: Nguyễn Gia Huân

cùng tất cả gia quyến đồng bái tạ

NHÀ SÁCH VIỆT-NAM

415 Spadina Ave. (góc College)
Toronto, Ont. M5T 2G6 - ĐT: (416) 595-5199

Bán: đủ loại tự-diễn Anh Pháp Việt, Y-khoa, Kỹ-thuật,... Sách và băng học Anh-văn, Quảng-đông, Quan-thoại, Việt-ngữ,... Sách Toán, Lý-Hóa, Khoa-học Kỹ-thuật,... Sách Học Làm Người, Nấu Ăn, Tử-vi, Bói-toán, Địa-lý,... Sách Khoa-học, Thời-sự, Chính-trị,... Tiểu-thuyết, truyện ngắn,... Băng nhạc thiếu-nhi, băng Video, Cải-lương, CD, Băng trắng chưa thu (video, cassette), Bản-đồ Việt-nam, Sài-gòn, Chợ-lớn,... Tranh ảnh, Thiệp Giáng-sinh, Thiệp Tết, Sản-phẩm của các trung-tâm lớn: Thúy Nga Paris, Asia, Mây, Khánh Hà, Ý Lan, Hải Âu, Hoàng Oanh, Cải-lương Việt-Nam.

CHO THUÊ: Tiểu-thuyết, Chương, phim Hongkong, Đài-loan, Cải-lương, nhạc Việt. Hàng tuần có phim mới.

NHẬN: Chuyển hệ băng video (Á-, Úc, Âu, Bắc Mỹ). Đại-lý các loại lịch tử-vi, tự-diễn, sách thi bằng lái xe, Sách và băng thi quốc-tịch Canada.

MỞ CỬA 7 NGÀY: 10G SÁNG - 9G TỐI



Home Life / Experience
Realty Inc.
Realtor-Member
Steven KIEN T. DAO
Sales Representative
(Đào Trọng Kiên)



PHỤC-VU TÂN-TÂM,
UY-TÍN, ĐÚNG-ĐẮN

MUA BÁN, SANG NHƯỢNG NHÀ ĐẤT
CƠ-SỞ THƯƠNG-MẠI, CỬA HÀNG

- ☐ Theo dõi thị-trường, định giá chính-xác
- ☐ Giúp-đỡ treo giá, trả giá, hoàn-tất thủ-tục
- ☐ Giới-thiệu, tìm vay mortgage dễ-dàng
- ☐ Giới-thiệu luật-sư tận-tâm, uy-tín



2579 Hurontario Street
Mississauga, Ont. L5A 2G4
ĐT: (905) 279-8300
Fax: (905) 279-5344
Pager: 24/24 qua văn-phòng

Nhà in của người Việt-Nam

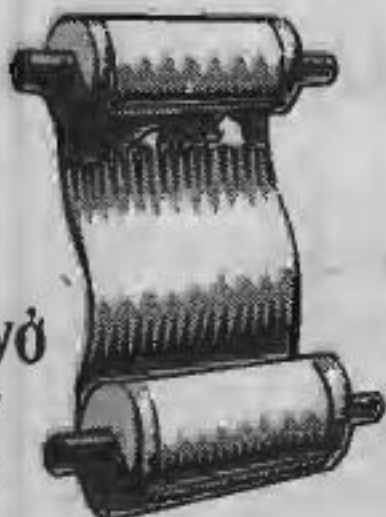
SILVER PRINTING INC.

1545 Dupont Street
Toronto, Ontario M6P 3S5, Canada
ĐT: (416) 539-8113 / Fax: (416) 539-0442

- Các loại sách, báo, bìa offset màu
- Đóng sách (perfect binding), đóng kim, đóng chỉ bìa cứng
- Thiệp cưới hỏi, cáo-phó, thiệp mời
- Ấn-chỉ văn-phòng, hóa-đơn, toa thuốc
- Thực-đơn, niên-giám
- Bích-chương, bướm-bướm quảng-cáo

NHẬN ĐÁNH MÁY, TRÌNH-BÀY SÁCH-VỎ
BÁO-CHÍ BẰNG COMPUTER CHỮ VIỆT

Xin gọi cô Trang: (416) 539-0442
(Chủ-nhật: (905) 625-9194)



NHANH - ĐẸP - RẺ - ĐÚNG HEN
TÍN-NHIỆM NHẤT

Báo Trào Phúng Tin Tức

Thông tin

Song ngữ Việt Pháp

Tin báo chí: Văn bút (Pen Club) Pháp thừa nhận Đoàn Viết Hoạt (hiện bị 20 năm tù). CSVN cực lực phản đối Văn bút Pháp!

Ông viết cho "Deux voyez" / Il n'est pas en mesure de tenir un style (pen) /
Nó có chữ viết
Được đầu nó cho
Nó vào văn bút!



Le Canard enchaîné, tuần báo trào phúng nổi tiếng nhất thế giới, tờ báo lớn Le Monde và nhiều báo chí Việt và Pháp đã từng trích Scoop của Tin Tức: nguyệt san song ngữ Việt-Pháp nhiều độc giả nhất Âu châu.
Mua dài hạn 30 US dollars/một năm. Money Order:

Tin Tức, 2 rue des Anglais 75005 Paris France
Phone: 33 1 69 81 75 81 Fax: 33 1 69 53 03 41

GIỚI-THIỆU MỘT VỊ LUƠNG-Y CAO NIÊN CỦA THỜI-ĐẠI

ÔNG LANG Bướm VÀNG

ĐÔNG Y-SĨ, TỬ-VI GIA

đã hành nghề từ 1950 tại Hải-phòng và Sài-gòn

1902 Majestic Way, San Jose, CA 95132, USA

Điện-thoại: (408) 926-5770 - Hình chụp năm 81 tuổi



1995, 84 tuổi, 45 năm kinh-nghệ, hơn 300 người Pháp, Mỹ, Hoa, Việt từ khắp năm châu gửi thư cảm ơn đoán tử-vi đúng và trị khỏi các bệnh:

- Sạn thận, sa tử-cung, huyết-bạch, kinh-nguyệt không đều, chậm có con, đau tim, mất ngủ, táo bón, da mặt nám, phong ngứa thoát giang, trĩ nội, động thai, ốm nghén, ù tai, nhức đầu, đau màng óc.

- Mồ hôi chân tay, mộng di tinh, thận suy, liệt dương, xuất tinh sớm, đau răng, phong thấp tê-bại, đau lưng mỏi gối, sưng khớp xương, đau gan, ruột, bao tử, bệnh phong-tình, allergy, ho lâu đàm suyễn, phổi có nước.

- Con nít khóc đêm, ói mửa, chảy rãi, không chịu ăn, chậm lớn, tiết tả kiết lỵ, mồ hôi trộm, chảy máu cam, ban sởi, thủy đậu kinh phong, ho gà, v.v.

XEM SẠN THẬN, THƯ CẢM ƠN TẠI NHÀ THUỐC.

CHỈ CẦN kêu điện-thoại hay gửi thư kể bệnh.

Thuốc sắc chế theo bệnh gửi đi khắp nơi.

BẠN ĐÃ ĐỌC CHƯA?

Dọn Đường Về Nước

Bình-luận thời-sự chính-trị
của Nguyễn Hữu Nghĩa

(giá 18 mỹ-kim - 27 gia-kim)

Gửi chi-phiếu về: **LÀNG VĂN**

Xin đặt mua ngay quyển sách đã làm hàng triệu người Mỹ

rung cảm: **20 POEMS**

AND 1000 THOUGHTS

20 bài thơ và 1000 Danh Ngôn Tư Tưởng

của Huy Lực Bùi Tiên Khôi

Sách in tuyệt đẹp, bìa cứng màu xanh, chữ mạ vàng, do nhà xuất bản Hoa Kỳ PROFESSIONAL PRESS ấn hành. Nhà xuất bản đã giới thiệu Huy Lực Bùi Tiên Khôi là một nhà thơ lớn, một triết gia, một học giả lỗi lạc, thơ ca và danh ngôn của ông đã làm xúc động sâu xa đủ mọi hạng người.

Giá 25 đô la, luôn cả cước phí và thuế bút của tác giả.

Dr. KHOI TIEN BUI

P.O. BOX 720236 Houston, TX 77272

GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO, HIẾU HỈ ,..

Trang bìa (ấn-bản quốc-tế):

bìa 2 (bìa trước mặt trong): 1 kỳ: US\$500

bìa 3 (bìa sau mặt trong): 1 kỳ: US\$500

bìa 4 (bìa sau mặt ngoài): 1 kỳ: US\$800

Trang trong (121 đến 128):

1/8 trang: 1 kỳ: US\$40 3 kỳ: US\$30/kỳ

1/4 trang: 1 kỳ: US\$70 3 kỳ: US\$50/kỳ

1/2 trang: 1 kỳ: US\$120 3 kỳ: US\$85/kỳ

1 trang: 1 kỳ: US\$200 3 kỳ: US\$150/kỳ

2 trang: 1 kỳ: US\$300 3 kỳ: US\$210/kỳ

dài hạn: US \$300/kỳ

dài hạn: US\$300/kỳ

dài hạn: US\$500/kỳ

dài hạn: US\$25/kỳ

dài hạn: US\$40/kỳ

dài hạn: US\$75/kỳ

dài hạn: US\$120/kỳ

dài hạn: US\$180/kỳ

Bớt 15% cho độc-giả dài hạn khi đăng cáo-phố, chúc mừng, chia buồn.

THỂ-LỆ ĐĂNG QUẢNG-CÁO:

- Xin gửi mẫu quảng-cáo về tòa-soạn bằng thư, kèm theo chi-phiếu trả trước cho kỳ đầu.

- Tòa-soạn sẽ giúp nhuận-sắc và trình-bày quảng-cáo để đạt hiệu-năng tối-đa.

- Không nhận quảng-cáo qua điện-thoại (có thể fax mẫu tới).

Thư từ, chi-phiếu xin đề và gửi cho:

LÀNG VĂN

P.O. Box 218, Station "U"

Toronto, ON M8Z 5P1 Canada

(Điện-thoại: 905-607-8010)

Lang Van is Published Monthly, Second Class Postage Paid at Lewiston, NY 14092 - P.S.P.S. # 008728

144 làng văn

Garage VINA Inc.

et

Les carrosseries garniers
6567-6575 Garnier, Montréal H2G 3A2
Tél: (514) 273-6589 & 495-3102
Mécanique générale - Électricité -
Remorquage
Débosselage - Peinture - Voitures de
courtoisie...
ĐÀO TRỌNG QUYỀN kính mời

Garage L.B.T. Inc.



6895 Marconi
Montréal, Qc. H2S 3K2
Tél: (514) 278-6822
Fax: (514) 278-3713

Sơn, sửa, làm đồng, làm máy và bảo-trì
các loại xe Mỹ, Nhật, Đại-Hàn, Âu-châu
Voiture de courtoisie sans frais
KÉO XE 24/24

TORONTO

BS NGUYỄN DUY SẴN

(chuyên-khoa tâm bệnh)

2238 Dundas St. W. #306, Toronto
ĐT: (416) 588-3700

BS QUẢN ĐỨC MINH

(toàn-khoa)

28 Dundas St. E., lầu 2, Mississauga
ĐT: (905) 270-0095

Nữ Bác-sĩ gia-đình (toàn-khoa)

TRẦN BÍCH CHÂU, M.D., C.C.F.P.
2100 Finch Ave., West, Suite 105
North York, ON M3N 2Z9 - Tel: 650-6003

Nha-sĩ NGUYỄN QUỐC HƯNG

2784 Keele St. #2 North York / ĐT: (416) 638-6303
2100 Finch W. #109 North York / ĐT: (416) 665-7264
288 King St. W., Hamilton / ĐT: (905) 521-0540

Nha-sĩ TỪ CHẤN PHONG

3085 Hurontario St., #209
Mississauga
ĐT: (905) 897-8527

Nha-sĩ NGUYỄN THỊ KIM HOÀN

741 Broadview Ave., #201 Toronto, Ont. M4K 2P6
Subway Broadview Phố Tàu, Đông
CHUYÊN RĂNG GIẢ THẨM-MỸ
ĐT: (416) 461-5437

Nhà hàng GIÒNG SÔNG SÀI GÒN

910 Boul. Décarie, Ville St-Laurent, H4L 2E1
ĐT: (514) 744-9400

Đặc-biệt: Bánh cuốn trắng tại chỗ; Mì vịt tiềm; Bún măng

Nhà hàng Hạ Long

Đặc-biệt có bán bún bò Huế mỗi ngày
929 St-Zotique East, Montréal
ĐT: (514) 274-7010 (gần Plaza St-Hubert)

Restaurant Thủy Dương

418 Bélanger (coin St-Denis), Mtl.
ĐT: (514) 495-4872
Đặc-biệt: cháo lòng, bánh bèo hàng ngày

Quán HƯƠNG QUÊ

7102 Boul St-Laurent, Montréal H2S 3E8
ĐT: (514) 272-2092



Đầy-đủ các món ăn
thuần-túy Việt-nam

Mở cửa 7 ngày
từ 11 giờ sáng
đến 10 giờ tối

Luật-sư TRỊNH QUỐC TOẢN

1577 Bloor St. W., Toronto

ĐT: (416) 533-8987 (Việt-ngữ)
(416) 536-1159 (Anh-ngữ)

Nha-sĩ NGUYỄN THUY DUNG, D.D.S.

888 Dundas St. E., #B6-3 Mississauga
(phố Tàu Mississauga, cạnh Hongkong Bank)
Điện-thoại lấy hẹn: (905) 275-5510

Nha-sĩ NGUYỄN THANH NHÀN

1280 Finch Ave. W., Suite 707
Downsview, Ont. M3J 3K6
(trong Nor-Am Tower)
ĐT: (416) 663-3200

NHÀ THUỐC TÂY SAIGON PHARMACY

301 Spadina Ave., Unit 5, Toronto
ĐT: (416) 979-7510



STAR INSURANCE BROKER INC.

1280 Finch Ave. W., #305, Downsview
Bảo-hiểm cửa tiệm - Nhà - Xe

TONY VŨ: (416) 650-1702

GLOBAL

1 Hour Photo Lab

2325 Hurontario St., Mississauga
Tel: (905) 272-9098

Đảm-nhận mọi công việc về phim, ảnh

TỪ ĐIỂN DANH TỪ ĐIỆN TOÁN

English - Vietnamese



hardware
software
comm.
network
desktop pub.



Phát hành vào mùa xuân 1995

- Quyển Từ điển đầu tiên đầy đủ và cập nhật hoá nhất, bao gồm hơn 30,000 từ ngữ trong các lãnh vực: dụng liệu, nhu liệu, truyền thông, mạng, biên soạn văn bản, trình bày
- Được giải thích bằng Anh ngữ - Việt ngữ, hơn 500 hình ảnh, bảng phân loại và ví dụ cụ thể.
- Dày trên 700 trang, khổ 6 1/2 x 8 1/2 bìa cứng, gáy đóng chỉ, bền.

Mọi chi tiết xin liên lạc:

Lê duy Tâm, Nhà Sách TỰ DO
6767 Côte des Neiges, suite B5
Montréal, (Qc) H3S 2T6 Canada
Tel. (514) 342-9120 / Fax. (514) 342-4927

WINDSOR

Bác-sĩ nhãn-khoa

NGUYỄN BÁ THU TRANG, O.D. & B. Sc.

- C-1101 Erie E., Windsor - ĐT: (519) 973-1101
- 5805 Malden Rd., La Salle - ĐT: (519) 969-6677
- 54 Main E., Kingsville - ĐT: (519) 733-2282

OTTAWA

NHA-SĨ

NGUYỄN PHÚ HÒA

267 O'Connor Street, #421
Ottawa, Ontario K2P 1V3
(613) 232-6735

Nha-khoa thẩm-mỹ, tiểu giải-phẫu,
chỉnh răng, rút tủy, răng giả...

GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO

trên các trang bìa Làng Văn:

- Bìa 2 (bìa trước mặt trong) hoặc bìa 3 (bìa sau mặt trong) - 1 màu:
 - 1 ô: \$120 một năm (12 kỳ).
 - 2 ô: \$200 một năm (12 kỳ)
- Bìa 4 (bìa lưng) - nhiều màu:
 - 1 ô: \$60 một kỳ
 - 2 ô: \$110 một kỳ
 - 4 ô: \$200 một kỳ

Liên-lạc:

- Tòa-soạn: (905) 607-8010
- Nguyễn Nghĩa: (905) 848-6049
- Bá Đình: (514) 482-9153
- Bá Thiên: (514) 256-5233

GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO: 1 ô \$120 trọn năm (12 kỳ); 2 ô \$200 trọn năm

Muốn đăng xin gọi: Nguyễn Hương (905)-607-8010 hoặc Nguyễn Nghĩa (905) 848-6049

Quý vị đã đọc và cười thỏa-thích với

**CƯỜI CHO ĐỜI LÊN HƯƠNG
CƯỜI CHO ĐỜI ĐỖ KHỎ
CƯỜI TOE**

Không thể không tiếp-tục cười với

**CƯỜI TUM
CƯỜI ĐỎ**
của CẢ CƯỜI

vẫn giá mỗi cuốn: 7 mỹ-kim (10,50 gia-kim)

Liên-lạc:

LÀNG VĂN

P.O. Box 218 Station "U"

Toronto, Ontario M8Z 5P1 Canada



**NHA-SĨ
MICHAEL LÊ ĐÌNH HÒA**

10 Gateway Blvd., # 111
Don Mills, Ont. M3C 3A1
Tel: 429-0150

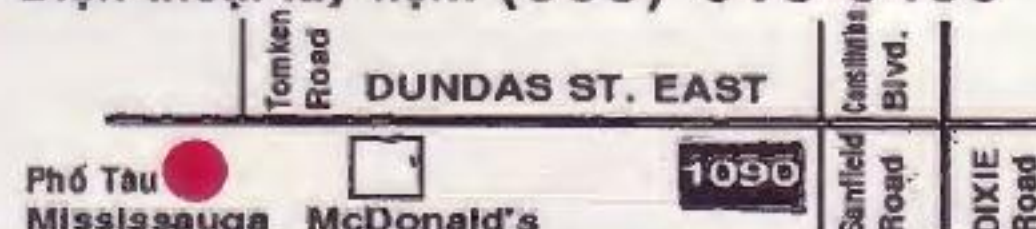
336 Dundas St. W. #201
Toronto, Ont. M5T 1G5
Tel: 971-6956

*Có chỗ đậu xe phía sau
Làm việc từ Thứ Hai đến Thứ Bảy*

**Phòng Mạch Nha-Khoa
Nha-sĩ LÊ THỊ DIỆU HIỀN, L.D.S., D.D.S.**



1090 Dundas St. East, Suite 101
Mississauga, Ont. L4Y 2B8
Điện-thoại lấy hẹn: (905) 615-9439



**VĂN-PHÒNG KẾ-TOÁN &
KHAI THUẾ LỢI-TỨC**

TRẦN ÁNH TUYẾT

806 College Street (góc Ossington)
(416) 588-4256

*Nhận chuyển hồ-sơ trực-tiếp
lên sổ thuế qua đường dây điện-tử*

**NHA-SĨ
LÊ THU GIANG**

302 Spadina Ave., #303
(ngay góc Dundas)
Toronto, Ont. M5T 2E7
Tel: (416) 598-5513

**GIẢI-PHẪU THẨM-MỸ
BÁC-SĨ
NGUYỄN THỂ LẠC**

FRCS (C), CSPQ

TỐT-NGHIỆP TẠI CANADA

Nguyên bác-sĩ giải-phẫu tạo-hình Tổng Y-viện Cộng-hòa và bệnh-viện Bình Dân
Bác-sĩ giải-phẫu thẩm-mỹ tại Sài-gòn

984 Colborne St. E., Brantford, Ontario, Canada N3S 3T4

Điện-thoại: (519) 753-6477

Làm việc theo hẹn

Thứ hai tới Thứ bảy: 9g sáng - 6g chiều
Chủ-nhật: theo hẹn